BẢO ĐẠI

CỐI RỒNG VIỆT NAM

BẢO ĐẠI

CON RỒNG VIỆT NAM

Hồi ký chánh trị 1913 — 1987

1990

NGUYỄN PHƯỚC TỘC XUẤT BẢN

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT

Nước Việt Nam Ngày Trước Và Gần Đây 1913—1932

- Ngày thơ ấu ở Huế
- Thời thanh niên ở Pháp

PHẦN THỨ HAI

- Hoàng Đế Việt Nam tập sự cầm quyền
- Xã hội Việt Nam
- Dự định cải cách
- Bảo tồn lễ nghi
- Trường học rừng xanh
- Đông và Tây
- Hội hè và Tế lễ ở Việt Nam
- Cuộc chiến xa xôi
- Nhựt tấn công
- Cách mạng Việt Nam

PHẦN THỨ BA

- Hồ Chí Minh và phe nhóm
- Sự xâm nhập của quân đội Trung Hoa
- Đại biểu Quốc hội
- Tạm nghỉ ở Trung Hoa
- Tạm trú ở Hồng Kông
- Kêu gọi và giáo đầu 1947
- Xảo quyệt ngoại giao 1947-1948
- Hy vọng và thất vọng 1948
- Bản tuyên bố chung ở Vịnh Hạ Long
- Tiến tới một giải pháp

PHẦN THỨ TƯ

Làm Quốc Trưởng 1949—1955

- Nước Việt Nam cuối cùng thì thống nhứt
- Thị sát các kinh đô
- Quân đội Quốc gia Việt Nam
- Hội nghị Paw
- De Lattre tới
- Vị Tổng tư lệnh quân đội của tôi
- Trống rỗng hoàn toàn
- Tình hình suy thoái
- Hội nghị Genève
- Ngô Đình Diệm cầm quyền
- Giải pháp Mỹ
- Cảm nghĩ

BẢN DỊCH VÀ HIỆP ƯỚC VÀ PHỤ ĐÍNH TIẾNG VIỆT

Phụ đính I:
- Hiệp ước Bảo hộ 6-6-1884

Phụ đính II:
- Hiệp ước Sơ bộ Pháp/Việt Nam ký ngày 6-3-1943
- Phụ ước về hiệp định sơ bộ giữa chính phủ
- Cộng hòa Pháp quốc và chính phủ Việt Nam

Phụ đính III:
- Tuyên bố chung minh 5-6-1948 tại Vịnh Hạ Long

Phụ đính IV:
- Các hiệp ước và phụ đính bằng tiếng Pháp

Annexes
- Cảm nghĩ của người ngoại quốc và
- Lưỡng viện tiểu bang California

LỜI MỞ ĐẦU

Đây là cuốn sách do Hoàng Đế Bảo Đại viết. Ngài muốn phổ biến rộng rãi cho đồng bào Việt Nam, nhất là cho con cháu dòng Nguyễn Phước của Ngài, biết rõ cuộc sống của mình ra sao, từ khi sanh ra, đi học, làm Vua, chiến đấu cho đến cuộc đời lưu vong hiện nay, trong đó không biết bao tình tiết, về thế cuộc mà chúng ta đều cần phải biết. Vì đó chính là những bí mật lịch sử của Việt Nam trong suốt sáu mươi năm qua (1913—1975).

Do thế cuốn sách này được phổ biến ra là cần. Mà đây là thứ tiếng quan thoại, văn hoa, trang trọng, vào thời gian ấy, dùng văn phong, văn khí của nguyên tác, khác xa với loại từ ngữ nôm na, biến chất ngày nay.

Nguyễn Phước Tộc.

Danh tắc chính
Ngôn tắc thuận
Khổng Tử

PHẦN THỨ NHỨT

NƯỚC VIỆT NAM NGÀY TRƯỚC VÀ GẦN ĐÂY
1913—1932

Sadec, Oct 27, 2014

NGÀY THƠ ẤU Ở HUẾ

— Thưa Điện hạ, Điện hạ còn trẻ, nhưng đã mang trong mình một hoài bão của một triều đại huy hoàng và tương lai của một dân tộc. Điện hạ rất đáng mến, mà trong giới cổ kính của nước Pháp, chỉ nhìn thấy Điện hạ, người ta đã sẵn sàng gọi Điện hạ là vị Đông cung Hoàng thái tử đáng yêu.

Viên Khâm sứ *Pierre Pasquier* sửa lại cặp kính mũi, và tiếp theo:

— Điện hạ đã được thụ bẩm những đức tính vương quyền của Tổ tiên, do Phụ hoàng, ngày càng phát triển thêm bởi sự chăm sóc trọng hậu của hai vị Quốc thái. Ngày du học của Điện hạ tại Pháp lại càng mở mang thêm nữa. Nước Pháp sẽ giáo huấn Điện hạ thành một vì Vương sáng suốt, tiến bộ, nhân ái và vị tha, có nhãn quan rộng lớn, một vì Vương thông thái, thành thực trung chính và thẳng thắn. Thẳng thắn là tinh thần cao thượng của Pháp. Và bởi Pháp, Điện hạ sẽ là một anh quân, không một vết nhơ trong lịch sử.

Rất chăm chú và với khá nhiều khó khăn, tôi nghe lời phiên dịch của viên thông ngôn nói với cha tôi là Hoàng đế *Khải Định*, ngồi ở bên trái tôi.

Với bộ râu cằm xén vuông vắn, bộ ria cứng màu đen tỉa nhọn, áo veston trắng khuy cài trịnh trọng, quần đen có nẹp, viên Thượng sứ của Pháp quốc quả đã nghiêm chỉnh, uy nghi, khi đọc bản chúc tụng trong buổi lễ trang nghiêm này. Ông ta nhìn tận mắt tôi một giây lâu, rồi nhấn mạnh từng chữ:

— Xin Điện hạ luôn nhớ tới buổi lễ tấn phong này, đã có hai khuôn mặt vĩ đại cúi xuống nhìn Điện hạ, vừa để mỉm cười chúc mừng Điện hạ, vừa để che chở cho Điện hạ: Đó là khuôn mặt nghiêm chỉnh và đạo đức của nước Việt Nam cổ kính, và khuôn mặt hiền từ và rạng rỡ của nước Đại Pháp sáng lạn và vinh quang.

Viên Khâm sứ nói xong thì tiến tới một phía điện, đứng chung vào chỗ quí khách người Pháp được mời dự khán.

Cha tôi ngồi trên ngai, nghe ông ta nói xong, bấy giờ mới đứng lên đáp từ:

— Thưa quan Khâm sứ, Trẫm xin cảm tạ sự chúc mừng nồng nhiệt của quan Khâm sứ trong dịp đại lễ này. Lời chúc tụng đó làm cho Trẫm vô cùng vui sướng. Lẽ tự nhiên, người cha nào cũng hân hoan khi thấy con mình được tiên khởi thành nhân vật trọng đại mai sau. Đông cung Hoàng thái tử sẽ là bực Trừ quân, để mang một trọng trách cho nước Việt Nam mai sau, và sự bang giao chính thức với quốc gia bạn. Cho đến nay, vì con Trẫm còn nhỏ, nên Trẫm chưa thấy cần thiết lập lên làm Đông cung Thái tử, điều mà bên Tôn nhơn phủ và Cơ mật viện đều mong mỏi. Nhưng bên chính phủ Đại Pháp cũng như các vị quí quan thuộc chính phủ bảo hộ Đông Dương, đều có ý định tương

đồng, khi nhớ tới những đức tính cao cả và sự trung tín của Đức Tiên đế, nên Trẫm rất sung sướng phong cho con Trẫm lên làm Đông cung Thái tử, hầu sẽ kế vị Trẫm mai sau, trong buổi lễ tấn phong vào ngày hôm nay. Trẫm nghĩ rằng như vậy là đã thỏa mãn được nguyện vọng của các quan trong triều đình cũng như trong dân gian nước Việt Nam vậy.

Đấy là vào ngày 28 tháng 4 năm 1922, tức ngày mùng 2 tháng 4 năm thứ 7 đời Khải Định, lúc ấy tôi mới lên chín tuổi.

Từ tảng sáng, khi tiếng thần công nổ vang, báo hiệu giờ khai triều, các quan đủ mọi phẩm trật, vận đại trào đều đến chật sân chầu, trong khi các quan thuộc bộ Lễ âm nhạc dẫn đầu, kéo đến điện Cần Chánh, để mang các bảo vật dành cho tôi, xếp để lên bàn: một sắc phong khắc lên giấy bằng vàng, ấn vàng. Sắc để trong một ống quyển, có giá sơn son, đầu giá có hình đầu chim Phụng, bằng vàng.

Sắc chiếu này có kèm ngọc tỉ của Hoàng triều, và đề ngày 10 tháng 3 năm 1922, chứng tỏ đường lối chính trị khôn khéo của cha tôi:

"Để tập hợp các phương hướng dị biệt trên toàn quốc, đưa non sông về một mối duy nhứt, cần phải có một chính quyền trung ương vững mạnh. Để đặt chính thể vào một vị trí vững chãi, bất khả xâm phạm, cần phải bảo đảm cho Ngai Vàng một căn bản liên tục, đã được dự trù hoàn hảo. Căn cứ vào đường lối ấy, Hoàng triều liệt thánh trước đây bao giờ cũng chọn lựa sẵn ngôi Đông cung Thái tử, để nối ngôi và phụng thờ tôn miếu.

"Con trai cả Trẫm, Vĩnh Thụy, được giáo huấn nơi cung điện, hãy còn nhỏ tuổi. Học vấn mới sơ khai, ngọc còn chưa dũa đến nơi đến chốn. Trẫm vẫn muốn chờ đợi đến một

ngày khác, khi Hoàng tử đã khôn lớn, có đủ Đức, Tài, mới tấn phong cho làm Đông cung Thái tử.

"Tuy nhiên, gần đây, Hội đồng Tôn nhơn phủ và Cơ mật viện Đại thần đều đồng thanh khẩn cầu Trẫm làm lễ tấn phong cho Thái tử lên chức Đông cung kế vị Trẫm sau này. Các vị Đại thần đã bảo nhau rằng: Một vấn đề trọng đại cho triều đình như vậy, cần phải được hoàn tất ngay, hầu ban bố cho toàn thể dân chúng biết là tương lai của họ đã được trao cho ai. Như vậy, sẽ tránh được những dòm ngó của kẻ vô chính thức, khỏi sinh lòng kia khác.

"Sau những suy tư tương tự, Trẫm cũng nhận thấy rằng, việc nối ngôi vốn là một trách nhiệm nặng nề, việc tấn phong sẽ là một sự cần thiết, có tầm quan trọng lớn lao.

"Bởi vậy, Trẫm nghĩ rằng nên tham khảo ý kiến bên quốc gia bảo hộ về vấn đề này.

"Ngày 25 tháng giêng năm nay (ngày 21 tháng 2 năm 1922), quan Toàn quyền Đông Pháp đã tới yết kiến Trẫm tại kinh đô Huế, và cho biết là chính phủ Cộng hòa Pháp quốc cũng như chính phủ Bảo hộ Nam triều, đều hân hoan chấp nhận dự định tấn phong này.

"Quan Khâm sứ Trung kỳ cũng nhận định y như quan Toàn quyền Đông Pháp là nước Pháp bảo hộ thân hữu rất quan tâm đến sự củng cố tình hữu nghị giữa hai nước, và sự thịnh vượng của Việt Nam, nên chính thức loan báo công nhận đề cử con Trẫm lên làm người kế vị Trẫm sau này.

"Dĩ nhiên, nào ai biết chắc được tương lai của mình? Nhưng nếu được chuẩn bị sẵn sàng, thì bao giờ cũng dễ dàng đối phó trước mọi bất trắc bất ngờ.

"Trước sự đồng nhứt thỉnh cầu của các bậc Đại thần, và sự tha thiết của quí quan Đại Pháp, đại diện chính phủ Bảo hộ, hằng quan tâm đến sự bền vững của Ngai Vàng, *Trẫm* đã quyết định xin ý kiến của hai Đức Hoàng thái hậu, và đã được hai Ngài chấp thuận.

"Bởi vậy, Trẫm chiếu phong cho con trai cả Trẫm, *Vĩnh Thụy*, lên chức Đông cung Thái tử, sẽ kế vị Trẫm làm Hoàng đế Việt Nam, và được ngự tại An Định cung phía Đông Hoàng cung.

"Tòa Khâm thiên giám được chỉ định tìm ngày lành tháng tốt, để làm lễ tấn phong cho Thái tử, ngày yết kiến Thái miếu, và đặt chương trình cho ngày lễ long trọng này. Tòa Khâm thiên giám sẽ tấu trình ngay Trẫm, để được chấp thuận và thi hành.

"Khâm thử."

Vào 8 giờ sáng, Hoàng đế được xa giá ra ngự Triều. Xa giá của Ngài là chiếc ghế có lính khênh. Chiếc ghế này có một lịch sử khá dài. Quốc vương Louis XVI của nước Pháp đã gửi tặng tổ tiên tôi là Hoàng đế Gia Long, khi ký Hòa ước Versailles năm 1787, giao kết giữa hai nước, và do Đức Cha Bá Đa Lộc (Monseigneur Pigneau de Behaine) lúc ấy là sứ thần của Chúa Nguyễn, khi đưa Hoàng tử Cảnh sang Pháp cầu viện. Từ đó, chiếc ghế được dùng làm vật di chuyển cho các vị Tiên đế đi lại trong thành nội.

Cha tôi vận đại trào: mũ cửu long tranh châu, áo hoàng bào, đai ngọc, gậy ngọc. Bẩy phát súng thần công nổ vang báo hiệu lúc đăng triều. Chuông khánh reo vang ở hai bên tả hữu cửa Ngọ Môn, là cửa chính đưa vào điện Cần Chánh, nơi thết đại triều.

Ngay lúc ấy, quan Khâm sứ tới. Ông được một viên quan bộ Lễ đến đón, có lính ngự lâm cưỡi ngựa tháp tùng. Khi

đến cửa Ngọ Môn, ông xuống xe và đi bộ, cùng các quan khác người Pháp leo lên đại diện ở đó, tôi đã túc trực sẵn để đưa ông tới triều kiến Hoàng đế.

Chính tại đó, mà quan Khâm sứ đã đọc diễn từ chúc tụng, và cha tôi đã đáp lại như sau:

— Được giáo huấn vào nhiệm vụ lớn lao này, Hoàng thái tử Vĩnh Thụy ngay từ bây giờ, cần phải được trau dồi về học vấn lẫn tâm hồn. Chính vì vậy, Trẫm quyết định cho theo Trẫm sang Pháp trong dịp Tây du của Trẫm nay mai, hầu trao phó sự uốn nắn này cho nước Pháp bảo hộ. Làm như vậy, Trẫm có một niền tin sắt đá về Thái tử, khi hồi triều, sẽ là một vì Vương sáng suốt, sẵn sàng canh tân đất nước, hầu sửa soạn nhiệm vụ cao cả của Thái tử, khi lên nối ngôi, để thắt chặt tình hữu nghị mặn nồng giữa hai nước Việt Nam và Pháp.

Hoàn cảnh hạnh lạc này giúp Trẫm khẳng định được rằng đường lối chính trị thẳng thắn và trung tín mà Trẫm từng theo đuổi, đã đạt nhiều kết quả tốt đẹp, mà triều đại Trẫm có thể tự hào.

Sau khi đọc xong bản diễn từ, Hoàng đế bước lên ngôi nghiêm chỉnh trên ngai để các hoàng tử khác, theo sự hướng dẫn của viên quan bộ Lễ vào lạy mừng, theo định lệ là lạy năm lạy.

Đến lượt tôi. Cũng lạy năm lạy xong, tôi được quì chênh chếch bên tay trái Hoàng đế, vì không ai được nhìn thẳng vào trước mặt Đức Vua. Hai viên Đại thần khác cũng tới quì ở trước Hoàng đế. Một vị đọc sắc chỉ tấn phong tôi, còn vị kia đọc các hàng chữ khắc lên ấn vàng của tôi. Xong xuôi, họ trao các bảo vật ấy cho tôi và tôi lại trao lại cho hai viên quan tôn thất của Hoàng gia. Lạy năm lạy nữa, bấy giờ tôi mới được phép lui vào phòng đợi.

Lúc ấy, một vị Đại thần trong Nội các, được coi là Ngự tiền Văn phòng của Đức Vua đến tấu trình xin được ban bố chiếu chỉ tấn phong này. Hoàng đế chấp thuận, và một vị quan trong bộ Lại (tức bộ Nội vụ) đến lấy tờ sắc chỉ để trong ống quyển, có đầu chim Phụng bằng vàng, cho rước ra phòng sắc chỉ. Tại đây, sắc chỉ được niêm yết trước khi được đem phổ biến cho các cơ quan và các tỉnh.

Trước khi Vua lui chầu, các hoàng tử và các đại thần lại phải lạy năm lạy tạ ơn, để chấm dứt buổi lễ.

Cha tôi dự tiệc trà nhỏ với quan Khâm sứ và các quí khách người Pháp. Khi họ ra về, cha tôi mới hồi cung.

Lúc các hoàng tử và các đại thần tiễn tôi về An Định cung thì mới chín giờ sáng. Đám rước này, ngoài các hoàng tử và các quan, còn có lính kỵ mã của Hoàng đế và lính ngự lâm vận áo nậu đỏ, và vác những cờ ngũ hành nghi biểu. Xe chở tôi do hai con bạch mã kéo, và có lọng đỏ che phủ hai bên. Chiếc hương án đi dẫn lộ mang sắc chỉ và ấn tín cũng đều có lọng che như vậy. Đến An Định cung, các hoàng tử và các quan được ban trà nước.

Hôm sau, tôi đến lăng thờ Đức *Nguyễn Kim*, là vị khai sáng ra dòng chúa Nguyễn, và thủy tổ của các vì Tiên đế, kể từ Vua Gia Long trở đi. Tôi phải làm lễ bái tạ, xong đâu đó, tôi lại đến cung của hai Đức Thái hoàng Thái hậu, và cuối cùng đến cung của Hoàng hậu *Hữu Phi* là thân mẫu của tôi.

Ba ngày sau, lại một lễ nữa tổ chức ở triều đình để các quan đến dâng Vua lời xưng tụng, đựng trong một hộp gỗ sơn son thếp vàng, và phủ một vuông nhiễu điều.

Đến hôm sau nữa, thì các quan đến An Định cung cũng để dâng cho tôi lời chúc tụng viết trên giấy hồng điều, và đựng trong một gỗ tương tự như đã đệ trình Đức Vua. Tôi

tiếp kiến họ, và ngồi trên một ghế làm ở giữa cung, nhưng chỉ có các hàng quan tam phẩm được phép vào chào mừng mà thôi, vì cung này còn quá nhỏ. Các vị khác đứng ngoài hiên mà xá vào.

Thế là ngày tấn phong của tôi là lễ tấn phong lần thứ hai của triều Nguyễn. Lần tấn phong thứ nhứt đã được cử hành ngày 6 tháng 4 năm 1816 đối với Hoàng tử *Hữu*, con trai thứ hai của Vua Gia Long, về sau là Hoàng đế Minh Mạng.

— Thưa Điện hạ, Đức Kim thượng đang chờ Điện hạ. Đã đến lúc khởi hành rồi.

Viên nội giám đến báo tôi, trịnh trọng cúi đầu, khi tôi bước qua mặt ông ta để đến điện Kiến Trung.

Lúc ấy khoảng tám giờ sáng, ngày 15 tháng 5 năm 1922. Ngày đó là ngày mà các chiêm tinh thuộc Tòa Khâm thiên giám sau khi xem thiên văn, và tính toán kỹ lưỡng, đã công nhận là ngày lành tháng tốt, để cha tôi và tôi xuất hành sang Pháp.

Cha tôi mặc chiếc áo dài màu vàng sẫm, là màu chỉ riêng Vua mới được dùng, còn tôi thì mặc áo mầu da cam, dành riêng cho Thái tử kế vị.

Đến điện Kiến Trung tôi khấu đầu trước Vua cha, và không ai nói một lời, hai cha con ra hành lang bên hữu đưa về điện Cận Thành, ở đó có cuộc tiễn đưa nhỏ. Dọc theo các bức tường màu hồng, mười hai bà cung phi của Hoàng đế đã phủ phục đợi chờ, theo thứ bậc của họ. Không ai dám ngẩng đầu nhìn lên. Trong các bà này có mẫu thân tôi là

Thứ phi, đang âm thầm nhỏ lệ. Cha con tôi thản nhiên bước đi như kẻ vô tình. Tôi chỉ chú trọng làm sao cho bước chân mình đi đúng vào vết chân của Vua cha, và giữ khoảng cách nghiêm chỉnh phía sau. Tôi có một sự tôn kính vô cùng đối với cha tôi, và tôi cảm thấy rất hãnh diện được đi cùng với Người, bởi sự đó rất hiếm. Đối với tôi, Người là sợi giây bằng xương bằng thịt nối liền dòng họ lê thê của tổ tiên tôi kế thế mãi sau này, đồng thời do chứa đựng lẽ huyền vi của bậc người khác phàm trên hết mọi người khác.

Tại điện Cận Thành là nơi cung điện cuối cùng của hoàng thành, một đội thị vệ đã túc trực sẵn sàng. Họ dẫn chúng tôi đến điện Cần Chánh vẫn dùng để thết đại triều. Ở bên ngoài đã có một chiếc ngự xa chờ sẵn. Tất cả các quan triều thần vận đại trào đã tập trung, để tiễn đưa cha con tôi đi xa. Các quan Tứ trụ Triều đình mặc áo gấm tía, các quan nhị phẩm mặc gấm xanh, các quan tam phẩm trở đi mặc áo thụng xám. Màu sắc lộng lẫy này đem lại chút ít tươi sáng cho buổi ban mai ẩm ướt trong mùa mưa ở Huế.

Tôi ngồi đối diện với Vua cha trên chiếc xe tứ mã này, có lính thị tập đứng phía trước và phía sau xe.

Qua sân chầu, ra cửa Ngọ Môn là cửa chính chỉ dành riêng để đương kim Hoàng đế đi qua, chiếc xe tứ mã đi chầm chậm trong sự tịch mịch hoàn toàn, chỉ có tiếng sương cô đọng ban đêm trên những tàu lá rơi tí tách, thưa thầm, đều đặn. Ra cửa Nam, qua những hồ sen, xe lên cầu Clémenseau trên sông Hương, đi về phía hữu ngạn, bấy giờ mới phi nhanh. Dọc đường, dân chúng đứng hai bên tung hô vạn tuế.

Đến ga xe lửa, quan Khâm sứ Pierre Pasquier đang chờ đợi. Ông đi cùng với chúng tôi sang Pháp, có gia đình mang theo về, gồm có phu nhơn và ba đứa con. Đoàn tùy tùng khoảng mười hai người: một vị Thượng thư, một viên thông

ngôn (vì hai cha con tôi đều không nói được tiếng Pháp), vài vị quan võ, thêm em họ tôi là Hoàng thân Vĩnh Cẩn cũng cùng đi.

Một toa xe lửa riêng đã dành sẵn để đưa chúng tôi tới Tourane.

Đây là lần đầu tiên, tôi được đi xe lửa, và cũng là lần đầu tiên tôi ra khỏi kinh đô Huế, vì vậy nên tôi rất tò mò.

Đã ba tháng qua kể từ ngày cha tôi tuyên bố quyết định cho tôi sang Pháp du học. Tôi là con trai độc nhất của Người. Biết rằng Pháp là một nước tiền tiến nên Người muốn cho tôi sang thu nhận cái văn minh tiến bộ ấy để dung hòa với nền học vấn cổ của phương Đông.

Sau khi tham khảo ý kiến với quan Toàn quyền Long, phụ hoàng quyết định gửi tôi lưu trú tại nhà cụ Charles, cựu Khâm sứ Trung kỳ rất được quan Toàn quyền Long tín nhiệm và ngợi khen khi biết cụ ngày còn ở Huế.

Năm tôi lên hai tuổi thì cha tôi lên ngôi Hoàng đế. Khi lên năm, thì tôi không còn được ở trong cung của các bà hoàng phi, cùng với bà nội tôi, là Đức Thái hoàng Thái hậu, mà phải đưa sang phía Đông cung, gọi là Thanh cung vì màu xanh là màu của phương Đông, và cũng là màu của mùa Xuân, theo ý nghĩa của ngũ hành trong Dịch Lý.

Cung này có một buồng ngủ, một phòng khách, một phòng ăn, và dẫy nhà phụ thuộc. Vài kẻ hầu cận. Hàng ngày, viên quan phụ đạo đến dậy tôi học chữ nho, học Luận ngữ của Khổng phu tử, để học theo đạo làm người, và đạo làm Vua. Đây là một nhà Nho, một vị quan học vấn uyên bác. Ông cũng cùng đi sang Pháp để kèm tôi về môn cổ học, trong thời gian lưu trú tại Pháp.

Trong bốn năm liền, tôi đã sống hoàn toàn cô lập, ăn một mình, học một mình theo một chương trình đã được ấn định, ngày hôm nay không khác ngày hôm qua.

Mỗi buổi sáng, sau khi điểm tâm qua loa, ông thầy đến giảng một đoạn của sách Luận ngữ, bắt tôi học và đọc lại. Bài học chữ nho này luôn hướng vào những châm ngôn, tục ngữ, hay những ca dao rất thông thường phổ biến trong dân gian, đại để:

"Ăn quả nhớ kẻ trồng cây"
"Hảo hành tắc nan, sú hành tắc dị"
"Kính bất như tuân mệnh."

Những phương châm xử thế này phản ảnh rất trung thực đời sống thực tế của con người, tạo nên quốc giáo Khổng giáo ở nước tôi. Có thể duy linh tất nhiên, vì nó hướng thiện, đưa con người vào mục đích tối cao là sự toàn thiện, toàn mỹ, những phương châm đó không phải đã không đem lại một ý niệm triết học lấy căn bản thực tế, và dứt khoát.

Chính vì vậy, dựa vào Khổng học, mà quyền hạn của nhà Vua có gốc rõ rệt, đồng thời cái quyền năng ấy cũng bị tự chế do giáo lý này đưa lại. Chỉ có thấu đáo nền Khổng học, mới có thể hiểu được hình thái gần như mâu thuẫn trong cơ cấu xã hội nước tôi. Khi học kỹ lưỡng bổn phận của bậc Đế vương, tôi mới làm tròn sứ mệnh của ngôi Hoàng đế, sứ mệnh làm Đại giáo chủ, làm Đại tư ý làm cha mẹ dân, và sứ mệnh làm thiên tử.

Buổi trưa, sau khi ngủ chợp mắt ít nhiều, tôi đi dong chơi trong vườn hoa, ở phía sau cung điện. Vườn hoa đó có tường cao bao bọc, về mùa xuân hoa cỏ xinh tươi: phượng vĩ trổ hoa đỏ rực cả vườn, hoa anh đào, hoa lê, hoa lựu đua

nhau nở... thật như ngày hội. Giữa vườn có chiếc ao sen tôi thường ngồi đó câu cá hằng giờ.

Thỉnh thoảng, cha tôi đến xem tôi đã học được đến đâu. Ngài thường hỏi tôi về những điều đã học, và chỉ yên trí khi tôi đã nhập tâm rồi. Một hai lần trong tháng, tôi được phép ngồi ăn cùng Ngài. Rất hiếm khi Ngài cho tôi đi theo sang dinh quan Khâm sứ. Nhưng nếu có lần nào, khi Ngài bận đàm đạo với vị quan này, thì tôi rất thích thú được vui đùa với các con của ông ta, nói tiếng Việt Nam rất sõi. Một đứa trong bọn cùng tuổi với tôi. Trong thời gian đó, chẳng bao giờ tôi có món đồ chơi nào. Tuy nhiên, ngắm nhìn thiên nhiên như tôi vẫn làm hàng ngày, chính là vui chơi với toàn thể vũ trụ rồi.

Cũng như sự học của tôi, sự giải trí nào của tôi cũng nhuốm màu trung tín, qui củ và trật tự. Nhiều khi trong những dịp lễ lạc, kỷ niệm của hoàng gia, tôi có thể đến các cung cấm của các bà cung phi, hoàng hậu ở về phía bên kia cung điện của Vua cha, có bức tường kín mít che khuất. Mỗi bà phi có một cung riêng. Đức Thái hoàng Thái hậu ngự nơi tốt đẹp nhứt.

Trong những dịp này, tôi đến vấn an bà tôi, và theo một nghi thức rất chặt chẽ là chỉ được quì mà thưa gửi, trong khi bà ngồi sau một bức mành tre, tôi chỉ trông thấy lờ mờ. Cung cấm của các bà phi còn có một vài quan thái giám và rất nhiều cung nữ. Mỗi bà phi được sử dụng một số cung nhân tùy theo phẩm trật của các bà. Các cung nhân này thường làm các món ăn ngon để hàng ngày mang đến cho tôi.

Thế rồi, biết bao nhiêu những cuộc tế lễ long trọng mà tôi phải dự, đưa tôi từ chỗ huy hoàng này đến chỗ huy hoàng khác giữa những gấm nhung thêu rồng vẽ phượng,

trong bầu không khí vừa ngây ngất vừa huyền bí, có nhạc bát âm và quyện màu hương khói.

Tất nhiên, một qui chế nghiêm khắc, thiếu hoạt động, vắng thể dục, thể thao, đâu có tốt gì cho đứa bé con? Sự đó đã chứng minh là nhiều hoàng tử đã chết non chết yểu, như ông nội tôi chết năm mới 25 tuổi. Bào đệ của ngài chết năm 14 tuổi. Còn tôi, tuy đã 9 tuổi mà chỉ cân nặng có hơn 20 kí lô.

Vì không biết các lối sống nào khác, nên cuộc sống của tôi cũng chẳng làm tôi buồn. Tôi chấp nhận các thể thức bắt buộc, mà chỉ biết có nhắm mắt thi hành. Bởi thế, tâm hồn hiếu thuận của tôi đối với phụ hoàng bao giờ cũng là sự tôn kính, bởi tính chất thiêng liêng, bất khả xâm phạm của Ngài. Đó chính là điều nằm trong tam cương của Khổng Mạnh: Quân, Sư, Phụ. Sự giáo huấn dành cho một hoàng tử quả nhiên đã bao gồm toàn diện. Sự rửa tim gạn đục khơi trong, từ bỏ mọi cám dỗ và sa ngã là điểm chính để hun đúc vì Thiên tử tương lai. Hơn thế nữa, vị Thái tử kế vị chẳng những chỉ biết có đè nén tình cảm, mà còn phải gạt bỏ mọi tình cảm để trở thành vô ngã. Chưa từng bị đau về thể xác, tôi học dễ dàng sự bất động, trơ như đá, vững như đồng. Phương ngôn có câu rằng: Mặc ai nói đông nói tây, thì ta cứ vẫn như cây giữa rừng, và tôi đã đạt. Ông thầy học đã kể cho tôi nghe về vấn đề này, một câu chuyện lạ kỳ của một vị Hoàng đế ngày xưa, mà cả triều đình muốn truất phế, dưới hình thức ôn hòa, không đổ máu. Theo thông lệ, đầu năm nhà vua được các quan vào chúc tụng. Ông ta phải ngồi nghiêm chỉnh trên ngai, bất động để các quan triều bái. Vào lạy, mà lạy càng lâu thì đó là sự phục tòng, sự trung thành, không có gì đáng quí bằng. Đối với nhà Vua, thì càng nghiêm chỉnh, bất động bao nhiêu, càng chứng tỏ các thần uy của bậc Thiên tử bấy nhiêu.

Triều thần muốn biến cuộc đại bái này thành hình thức nổi loạn. Lẽ ra, lạy xong rồi thì đến lượt người khác, nhưng họ đã quay lại đứng tiếp phía sau để vào lạy nữa, cứ thế kéo dài vô tận. Trong khi đang hành lễ, nhà Vua không được cử động gì, để xứng đáng là vị chân mạng đế vương. Khi hiểu biết cái âm mưu kia, ông ta vẫn ngồi yên, trơ trơ như tượng. Dần dà mệt mỏi và kiệt sức, người ông tái nhợt xanh lè. Nhưng ông càng cương quyết giữ vững. Mãi sau ba ngày mới ngã xuống mà chết. Bọn khởi nghịch đã thành công.

Quốc phá, gia vong, thân bại, danh liệt tất khởi do phi lễ. Tức là xã tắc đổ, nhà bị suy vong, thân bị diệt, chính đều do mất lễ mà ra. Thánh đã dậy như vậy. Hệ thống giáo dục ấy, đã thiếu tình mẫu tử, không bạn bè, trong một sự cô lập liên tục hoàn toàn, đưa tôi đến chỗ rất nhạy cảm trong tự vệ, và quay về sự suy tư thầm kín của nội tâm mình.

Học vấn đã nhẹ về văn chương, không có tí gì về khoa học, chẳng cho tôi một kiến thức khả quan nào là lẽ tất nhiên. Chỉ có giáo điều luân lý. Thực hành các giáo điều này trở thành một thứ xã tắc thứ hai của tôi. Tính tình tôi được tôi luyện trong bốn năm ấy, làm tôi giữ mãi đến bây giờ sở thích được trầm tư và đi tìm sự cô đơn.

Vì vậy, lần gặp gỡ đầu tiên đối với xã hội bên ngoài ở sân ga, nếu không làm tôi ngạc nhiên gì, thì cũng buộc tôi phải tò mò.

Khi cha tôi bảo cho tôi biết là sẽ sang Pháp, người đã lưu ý tôi rằng; tôi là hoàng tử thứ hai của triều đại đã đi xa như vậy. Bởi vì vào năm 1787, Hoàng tử Cảnh mới lên bảy tuổi và là con của Hoàng đế Gia Long là vị Vua sáng lập ra triều đại, đã tới cung điện *Versailles* cùng với Đức Cha Ba Đa Lộc *(Mgr Pigneau de Behaine)*. Vua Gia Long khi ấy đang bị mất đất, muốn tìm một đồng minh cường mạnh ở phương Tây, để liên kết chứ không phải để phụ thuộc làm chư hầu. Vì thế, Ngài cử Đức Cha này sang Pháp để ký với quốc vương nước ấy một hiệp ước hầu lấy viện trợ. Với sứ mạng đó, Ngài phong cho Đức Cha được toàn quyền , và để chứng minh sự tấn phong này, Ngài đã giao cả quốc tỉ cho ông, để làm bằng. Hơn thế nữa, Ngài muốn cho sứ bộ này tính chất quan trọng tuyệt đối, và sự tín nhiệm vô biên cuả Ngài, nên đã trao cho con ngài là Hoàng tử Cảnh cho Đức Cha mang đi.

Sứ bộ đã đạt kết quả. Ở triều đình *Versailles,* ông hoàng tí hon Nam kỳ đã chinh phục được tất cả mọi cảm tình, kể từ hoàng thái tử, con trai cả của Vua Louis XVI và Hoàng hậu *Marie Antoinette* vốn cùng tuổi với hoàng tử. Trong một xã hội chán ngán của hậu thế kỷ 18, hoàng tử đã mang lại điều bí mật của phương Đông. Quả là một kỳ quan cần phải cho nổ tung ra. Thế là chàng Leonard bất hủ, thợ làm tóc cho hoàng hậu *Antoinette* liền tung ra mốt "khăn quấng đầu kiểu ông hoàng Nam kỳ" cho quí khách nam, và "búi tóc kiểu Trung Hoa" cho quí khách nữ. Người ta say mê đi mua sắm những đồ sứ, đồ sơn của Viễn Đông. Đức Cha Bá Đa Lộc ký được hiệp ước tương trợ cả về công lẫn về thủ, và những lời hứa hẹn viện trợ. Sau bốn năm vắng mặt, Hoàng tử Cảnh về nước năm 1789 và chết vào năm 1801, và chưa từng được lên ngôi ngày nào.

Hoàng thái tử *Louis Joseph Xavier François,* người bạn nhỏ xa xôi, từng đùa rỡn với nhau trong vườn ở *Versailles,* cũng bị chết vì bệnh tim mắc từ 1789.

Cha tôi không quên nhắc nhở tôi rằng: "Nếu con có sang Pháp như Hoàng tử Cảnh, thì không phải cùng trường hợp như nhau. Cha đưa con sang đây để theo đuổi việc học;

dù sao nữa, đây cũng là lần đầu tiên mà một vị Hoàng đế Việt Nam đã đi chơi xa như vậy."

Đoạn đầu đi mất ba giờ. Phong cảnh gợi màu hoài cảm. Cành cây thấp la đà mặt nước, những con trâu đứng dưới ruộng cày, nước đến khuỷu chân, hếch mũi ướt nhìn trời. Cò, le, bay loáng trên những bụi ven sông. Đồng quê man mác ảo huyền thơ mộng.

Tàu qua nhanh vịnh Phú An, trước khi len lỏi giữa các sườn núi dựng như thành của rặng Trường Sơn. Đường xe lửa tách rời quan lộ, chui vào các đường hầm xuyên sơn, như con rồng sắt nhả khói, khạc lửa. Đây đã tới đèo Hải Vân, và đổ xuống Tourane. Chúng tôi xuống chiếc tàu nhỏ duyên dáng 7,000 tấn, tàu *Claude Chappe,* thường xuyên đi lại giữa Hải Phòng và Sài Gòn.

Cả một ngày, tàu chạy ven bờ biển miền Trung, rất gập ghềnh của núi non nhô ra thụt vào về bên phải và người ta nhận được rõ ràng đường xe lửa cũng như đường quan lộ số 1. Cồn cát, mũi, cù lao, bãi biển liên tiếp kéo dài. Qua Qui Nhơn, đến mũi *Varella,* núi nhè nhẹ thấp dần, rồi đến Vũng Tàu, từ đó chúng tôi vào sông Sài Gòn để đến thủ đô của Nam kỳ.

Chúng tôi nghỉ ngơi ở dinh Thống đốc, trong nhà quốc khánh. Nghỉ ở đó hai ngày thì đáp tàu *Porthos* của hãng *Messagerie Maritimes* sang Pháp. Tôi ngủ chung một ca-bin với Hoàng đệ Vĩnh Cẩn. Về sau Hoàng đệ Cẩn bị say sóng và mệt mỏi nhiều lần trong khi đi đường. Còn tôi, không bao giờ bị say sóng cả.

Nghỉ ở nhiều chặng. Đến Singapour, chúng tôi thăm thành phố bằng xe ngựa. Tôi trông thấy người Mã Lai lần đầu tiên. Đến Colombo, người Ấn Độ không làm tôi ngạc nhiên, họ ăn trầu như các phụ nữ Huế. Rồi Djibouti,

Ismaklia. Tôi chẳng biết tí gì về đoạn đường mà tôi phải đi qua, vì không có một bản đồ ở dưới tay. Tuy nhiên, có một sự lạ lùng mà tôi được mục kích: đó là núi lửa Stromboli đang phun. Trước đây, tôi không biết gì về núi lửa cả...

THỜI THANH NIÊN Ở PHÁP

Đến Marseille, Bộ trưởng bộ Thuộc địa *Albert Saraut,* cựu Toàn quyền Đông Dương đón chúng tôi ở bến tàu. Quân cách dàn chào. Phụ hoàng vấn áo chẽn, có ngù đen ở hai vai, quần đen có nẹp, đi ủng và đeo kiếm. Tôi cũng ăn vận tương tự, theo mầu sắc riêng dành cho tôi. Một chiếc ô tô đưa chúng tôi về thị sảnh, và chúng tôi ở đấy hai ngày để tiếp tân và dự tiệc.

Xe lửa chạy đêm, đưa chúng tôi từ Marseille lên Paris, nên tôi không có dịp quan sát dọc đường. Chèo lan thuyền quế, nay đã lên bờ. Đến cửa ngõ Paris, chúng tôi vào bằng cửa *Dauphine* là cửa ô vào kinh đô chỉ dành cho các bậc Vua Chúa phương xa.

Trong thời gian lưu ngụ ở Paris, chính phủ Pháp để chúng tôi cư trú tại bộ Thuộc địa đường Oudinot. Ba ngày đầu liên tiếp chỉ dành cho những hoạt động về nghi lễ. Tôi theo phụ hoàng đến đặt vòng hoa ở đài chiến sĩ vô danh, tức Khải Hoàn Môn ở Paris. Sự đặt vòng hoa tưởng niệm đó, với nghi thức long trọng trước công chúng có vệ binh

Cộng hòa vận đại phục, cờ xí, quân nhạc làm cho tôi nhớ tới những ngày đại lễ ở nước tôi.

Buổi tối, cạnh phụ hoàng, chúng tôi được mời dự buổi dạ hội ca nhạc kịch ở đại hí viện Opera. Có diễn vở *Faust* của *Gounod*. Nghệ sĩ đóng vai *Mephisto* làm tôi say mê, mặc dù tôi không biết tiếng Pháp. Vở kịch làm tôi thích thú và tôi thấy rạp hát rất đẹp. Sau các vụ tiếp tân đầy đủ, phụ hoàng đến lưu trú tại dinh thự của Quận công *De Valencal*, trước khi đi thăm thú các nơi theo chương trình đã định của chính phủ Pháp. Tôi và hoàng đệ Vĩnh Cẩn được đưa đến trao phó cho ông bà Charles, hai người đã coi chúng tôi như con đẻ của các cụ.

Cụ Charles trước đây là Quyền Toàn quyền Đông Dương, khi cha tôi mới lên ngôi cụ đã về hưu từ nhiều năm qua. Đây là một vị công chức khuôn mẫu, và khi nhận săn sóc chúng tôi, cụ đã chịu một trách nhiệm hết sức nặng nề.

Quê ở Auvergne, cụ có bộ ria rất đẹp. Tính tình trầm lặng, mà mãi về sau này tôi mới rõ cụ là tay bảo hoàng cự phách và có chân trong nhóm *Action Française*.

Cụ bà người ở Toulouse rất cởi mở, ngoan đạo và rất hiền, cụ rất thương mến tôi như các con cháu cụ. Thế là tôi gọi ngay cụ là *Mêmê* như tôi đã nghe cụ xưng với các cháu nhỏ của cụ. Còn chúng thì gọi thẳng tôi là Vĩnh Thụy, chẳng có tước hiệu gì cả, và tôi cũng không lấy thế làm phiền.

Tôi bắt đầu tìm thấy cuộc sống gia đình. Chúng tôi ở trong một chiếc nhà lầu nhỏ, số 95 đại lộ La Bourdonnais, như một gia đình trung lưu, không có gì là lộng lẫy huy hoàng. Tuy nhiên, cạnh tôi vẫn có ông thầy dạy chữ nho, và một tên tiểu đồng Việt Nam để sai vặt.

Khi bắt đầu nhận nuôi tôi, cụ bà Charles may âu phục cho tôi mặc. Từ đó, tôi sống như một tên Tây con. Tôi hòa đồng nhanh chóng vào tập quán của Pháp, cũng như về ẩm thực.

Đầu mùa hạ, chúng tôi đến thành phố Vichy, để nghỉ hè ở khách sạn *Albert 1er* vào tháng bảy. Lúc ấy tôi mới biết là cha tôi, nhân dịp tôi sang đây du học chính là chữa bệnh, do sức khỏe của Người có chiều quan ngại. Cha tôi về nước vào hồi này.

Tại Vichy, tôi được biết bà Lefoll mà ông chồng trước đây cũng từng là Khâm sứ Trung kỳ, rồi Thống đốc Nam kỳ. Bà Lefoll trẻ hơn cụ bà Charles rất nhiều. Bà có đứa con nhỏ, tên gọi Jacques Lefoll về sau là bạn thiết của tôi.

Sau thời gian ở Vichy, thì chúng tôi đến Prades, ở đó hai cụ Charles có một dinh cơ ở trong làng. Chúng tôi gặp được bọn cháu trai và gái của cụ. Nhờ thế, có thêm bà giáo già kèm dậy, nên tôi học rất mau tiếng Pháp. Đến độ rằng, về tam cá nguyệt cuối cùng của niên học, khi trở về Paris, cụ Charles đã ghi tên tôi vào học tại học đường *Hattemer*, và mặc dù tôi chưa từng được sửa soạn gì về môn học mới này, tôi đã bắt đầu theo lớp tám.

Lập tức, ở trường các bạn học của tôi liền coi tôi là bạn học, y như chúng mà thôi. Những ngày nghỉ, cụ bà Charles thường đưa tôi đi chơi ở công viên *Champ-de-Mars*. Tôi đánh vòng, cưỡi ngựa gỗ, xem các trò ảo thuật *Guignol*. Tết Giáng sinh, tôi nhận được món đồ chơi đầu tiên, đó là chiếc đầu máy xe hỏa. Trẻ con Tây chơi thả cửa, hết mình, trò chơi về thể dục thể thao không giống như trẻ con Đông phương. Tôi thấy rạng ra trước mắt một thế giới mới.

Được một năm rưỡi ở Pháp, tôi trở về nước năm 1924 để dự tứ tuần đại khánh của cha tôi. Lễ này kéo dài đến

hai tháng. Cha tôi cho xe vào tận Sài Gòn để đón tôi và hai cụ Charles đi đường quan lộ ra thẳng Huế.

Nhờ dịp này tôi được quan sát các tỉnh thành, làng mạc của nước tôi, mà trước ngày sang Pháp, tôi chưa bao giờ ra khỏi kinh đô Huế. Trong ba tháng, tôi ở trong cung của cha tôi và dự nhiều buổi hội hè, khánh tiết. Dịp ấy, tôi vận quốc phục.

Cha tôi rất sung sướng nghe tôi nói tiếng Pháp. Trong lịch sử nước tôi, đây là lần đầu tiên một hoàng tử nói truyện bằng ngoại ngữ, ngoài tiếng nước mình. Phụ hoàng rất quan tâm đến sự học của tôi, sự giải trí, sự giao du với các bạn trẻ người Pháp, và tỏ ra rất hài lòng là đã có quyết định cho tôi sang Pháp trước kia.

Người biết là mình rất suy yếu, nhưng không tỏ ra cho tôi biết. Dù sao nữa, tôi đã được chuẩn bị để kế vị Người.

Tôi cũng được gặp lại mẫu thân tôi, và tất nhiên, mẹ con rất thương yêu nhau như cũ. Bà rất lo lắng khi tôi vắng mặt lâu ngày, và như tất cả các bà mẹ khác, sự tái xuất du của tôi phải làm cho bà lo ngại không ít.

Đức Đoan Huy Hoàng thái hậu, bà nội tôi cũng cho gọi tôi đến. Ngài cũng hỏi tôi cả trăm ngàn câu hỏi về những ngày lưu trú ở Paris. Bà nội tôi có thể so sánh như Hoàng hậu Catherine de Medicis. Khi cha tôi băng hà, và tôi còn ở xa, bà luôn cẩn mật giữ gìn để ngôi Vua phải được truyền lại cho tôi. Để đánh tan mọi âm mưu thoán đoạt chính Ngài đã giữ Ngai vàng cho tôi vậy.

Cuối mùa xuân năm 1924, chúng tôi trở lại Paris. Tôi lại theo học ở học đường *Hattemer*. Năm ấy tôi mười một tuổi, và bắt đầu thích các bộ môn thể thao. Tôi chơi tennis ở hội *Bagatelle*.

Cũng năm ấy, cha tôi cho tôi chiếc ô tô đầu tiên. Đây là chiếc *Panhard*, có tài xế Việt Nam lái. Nhờ xe này, tôi đã đi chơi nhiều nơi quanh nước Pháp. Tôi thăm núi *Mont Saint Michel*, thăm lâu đài bên giòng sông Loire *(Chateaux de la Loire)*. Tôi muốn biết hết, rất khao khát mọi sự mới lạ, để ý đến tất cả mọi điều.

Cuối tháng 11 năm 1925, cụ Charles đợi tôi ngoài cổng trường, và bảo tôi rằng:

— Điện hạ Vĩnh, lão có một tin rất buồn, báo Điện hạ biết. Hoàng đế Khải Định mới băng hà ngày hôm kia (ngày 25 tháng 11 năm 1925). Điện hạ về nước để nối ngôi, kế vị vua cha. Đây là một trách nhiệm hết sức nặng nề, mà Điện hạ phải gánh vác, nhưng lão tin rằng Điện hạ đã sẵn sàng đảm trách.

Năm ấy tôi mới mười hai tuổi.

Tôi liền cùng hai cụ Charles trở về Việt Nam.

Chúng tôi đến Huế vào cuối tháng chạp. Tâm hồn tôi đã cương nghị rồi, nhưng tôi phải chuẩn bị để lên ngôi.

Trước khi mất, cha tôi đã ngỏ ý muốn tôi theo học đến nơi đến chốn ở bên Tây. Các nhà chức trách thuộc chính phủ bảo hộ được triều đình Huế mời đến để hội ý, đều có ý kiến tương đồng. Cơ mật viện liền theo đúng luật của Vua Minh Mạng đề cử một vị Đại thần nhiếp chính, để chờ ngày tôi trở về.

Cụ Tôn Thất Hân là một vị Đại thần trong tứ trụ triều đình, là anh họ tôi, một ông già hiền từ, đạo đức, được cử vào chức ấy, gọi là Phụ chính thân thần.

Sau quyết định đó vài ngày, tòa Khâm Thiên Giám chọn được ngày hoàng đạo để làm lễ đăng quang cho tôi, đó là ngày mùng 8 tháng giêng năm 1926.

Trước hôm đó, tôi đến điện Cần Chánh để nhận các bảo vật truyền ngôi. Người ta vận cho tôi bộ triều phục để lên ngôi. Đó là chiếc áo cẩm bào của Đức Hoàng đế Gia Long khai sáng triều đại. Phẩm phục này được cất giữ như linh vật, gồm có áo bào vàng, có kết trân châu bảo ngọc hia lót lông mịn phía trong, và có đầy châu ngọc đính trên.

Một vị Đại thần trong tứ trụ triều đình đã đệ trình tôi chiếc bài vàng mang chữ *Việt Nam Hoàng Đế* để đeo ở bên vạt áo phải, một vị Đại thần khác thì đệ trình một cuốn kim sách để mở đầu thời đại, mà trên đó có danh hiệu của tôi, là *Bảo Đại*, có nghĩa là Triều đại của *Huy Hoàng, Vĩ Đại.*

Hai chữ này do tôi tự lựa chọn trong danh sách các tên hiệu cao khiết, đẹp đẽ, của tàng Văn chương, mà các quan bộ Học, lấy trong quốc khố đồ thư ra để trình tôi quyết định. Tôi thấy hai chữ Bảo Đại rất hợp với triều đại của tôi trong sứ mạng mà tôi sẽ đảm đương.

Sau đó, theo đúng lễ nghi, tôi phải đến một mình trước nhà Thái Miếu, lễ trước bàn thờ Đức Vua khai sáng Gia Long, mà tất cả các vị Hoàng đế kế tiếp, đều phải vào lạy khi lên ngôi, như một hình thức tuyên thệ.

Lễ đăng quang được cử hành vào sáng hôm sau, và ở điện Thái Hòa. Điện này quay lưng về hướng Bắc, để nhìn xuống hướng Nam, trước mặt có một sân chầu có cắm cờ ngũ hành, viền đuôi nheo, theo đúng nguyên lý về *Dịch*. Nóc điện được cất trên một rừng cây cột lim, trên đó rui, mè được xếp đặt nhịp nhàng vô cùng đồ sộ. Ngai được đặt ở chính giữa điện hơi cao về phía trước nhìn ra phía sân chầu. Nóc ngai có chiếc mui bằng gỗ chạm trổ hình rồng há miệng nhe nanh trông thật kinh khiếp. Thêm nhiều chữ nho kiểu chữ triện nổi bật lên, sơn son thếp vàng.

Tất cả triều thần đều ở đấy, ai cũng vận phẩm phục đại trào, từ hoàng thân quốc thích đến các quan đại thần, công chức thượng thặng. Những đuôi cánh chuồn trên mũ sa của họ lấp lánh trong ánh sáng ban mai một ngày rất đẹp trời. Tất cả đứng theo thứ tự phẩm trật của mình. Các hoàng tử, hoàng thân đứng về một phía, các quan thì đông nghịt ở phía sân chầu.

Khi tôi đã ngồi uy nghiêm đúng như nghi thức trên ngai, quan Toàn quyền Đông Dương Alexandre Varenne vận lễ phục màu đen, trái ngược hẳn với màu sắc xanh đỏ của các vị triều thần, liền đọc một bài diễn văn rất trịnh trọng trong đó, nhân danh nước Pháp bảo hộ, ông kính chúc triều đại tôi là triều đại của thái bình, thịnh trị đầy hạnh phúc cho toàn thể nhân dân.

Sau đó là lễ triều bái của các quan. Đầu tiên, các vị hoàng thân quốc thích đến trước Ngai cách khoảng mười lăm mét. Phần đông các vị đó đã có tuổi. Tất cả năm lần, họ lên gối xuống gối, đầu rập sát đất, râu trắng quét thềm. Lạy xong thì về chỗ cũ đứng. Tiếp theo đến lượt các quan Đại thần, cũng năm lạy trịnh trọng như vậy. Khi các vị ấy lễ xong, thì đến lượt tất cả các quan từ tam phẩm trở xuống, phủ phục tập thể. Họ lễ theo tiếng xướng của người bồi tế. Khi hô *"Bái"* thì tất cả đều sụp xuống sân chầu rất từ tốn thong thả, đầu sát đất. Khi hô *"Hưng"* thì họ lại ngửng lên để lên gối, để chờ nghe câu xướng Bái khác. Cứ thế năm lần, và lễ triều bái này mang tính chất phục tòng, tôn kính tột bực. Mỗi khi họ phủ phục xuống đất, thì những tà áo, lòa xòa, như muốn tung bay rồi tỏa cả xuống đất như xụp xuống thành đống, không bốc cao lên được nữa.

Ở trên cao tôi nhìn xuống, quả là một cảnh tượng đáng chú ý. Nó như chứa đựng một ý niệm thống trị của thể chế quân chủ, đè xuống khắp đại chúng. Năm ấy tôi mới mười

hai tuổi. Tôi là Hoàng đế, và sanh ra để làm Hoàng đế. Chưa từng có lúc nào tôi lạc ra khỏi ý nghĩ đó. Trái lại tôi đã cố gắng nghiêm chỉnh làm tròn nhiệm vụ đã được trao phó cho tôi.

Khi lễ tất, súng ca-nông nổ nhiều phát báo cho toàn nhân dân Việt Nam triều đại mới của vị Tân quân.

Tôi bước xuống ngai để lên một chiếc ngự liễn vẫn chờ sẵn ở cuối điện, để về ở điện Kiến Trung từ nay là chỗ ăn ở của tôi.

Ngày 29 tháng giêng là ngày làm lễ an táng cha tôi.

Linh cữu được rước ra lăng của Ngài, đã được xây từ lúc sinh tiền. Bắt đầu rước từ cung Cận Thành ra cửa phía đông hoàng cung là cửa dành cho các vị Hoàng đế băng hà. Các cửa khác thì để cho đương kim Hoàng đế sử dụng. Tôi không được đưa linh cữu của phụ hoàng, vì theo đúng nghi thức, các vị vua đang tại vị không được dự vào các đám táng của vị tiên đế quá vãng.

Linh sàng rất nặng, và được khiêng bằng tay do cả trăm người phụ lực. Họ phải thay phiên nhau, và để mất hai ngày mới tới lăng. Theo đúng phong tục của Việt Nam, người chết cũng có những nhu cầu y như người sống. Để cho linh hồn được tồn tại dưới suối vàng, nên thể xác không được tiêu hủy, và phải được thờ cúng và chăm sóc bởi những người kế tự. Luật ở nước tôi, xâm phạm đến mồ mả là một trọng tội. Nếu lại là đối với các lăng tẩm của các vì Vua Chúa, thì sẽ bị xử tử. Hoàng gia lại còn phải tìm cách giữ bí mật ngôi mộ của nhà vua, để dấu xác bằng mộ giả để linh hồn nhà Vua được an ổn, mà phù trợ cho dòng họ sau này.

Ở Huế, nói đến *Lăng*, không phải chỉ có nghĩa là một ngôi nhà mồ trong đó có linh cữu người chết, mà cả một khu diện tích rộng lớn bao la.

Khu lăng tẩm ở Huế, nằm ở phía nam thành phố, rộng hàng trăm mẫu tây với những đồi thông, những cây đa cổ thụ, những hàng cây phượng vĩ xum xuê. Nhiều đường đi rộng thênh thang đưa tới những bệ đá, những thang đá, dẫn tới những sân cao có đỉnh vạc khổng lồ hay hồ nước dài. Khung cảnh đó, phần nhiều rất đẹp và gây nên một mối buồn man mác.

Lăng tẩm của tổ tiên tôi có ba phần:

Đầu tiên, lăng chính gồm một khu đất rất rộng, trong đó có chứa bí mật hài cốt của một vị tiên đế, mà vị trí nơi chôn không thể biết được ở chỗ nào. Trên đống đất ấy có nhiều cây và hoa cỏ mọc đầy. Thông thường, thì có một chiếc cổng ra vào, vốn chỉ là cổng tượng trưng, có chăng rào sắt, chứng tỏ nơi đây là cấm địa.

Sau đó, là một ngôi đền thờ có tãi bày tất cả các đồ ngự dụng của Vua lúc còn sinh thời, có bày linh vị, sách vở, ấm chén v.v...

Cuối cùng, phía xa hơn, trên một khoảng đất cao, có dựng một tấm bia đá, khắc những thành tích võ công, văn trị của triều đại Ngài trị vì.

Thỉnh thoảng, thêm vào ba phần chính ấy, ở một thửa đất cao hơn, còn có một ngôi nhà nhỏ nhắn, gọi là *ngự lâu*, có thể ở đấy nhìn bao quát tất cả ngôi mộ được. Ở nơi đó, Vua có thể ngay khi còn sống ngồi suy tưởng khi ngắm nhìn nơi cuối cùng của mình. Nhìn một lăng nào, người ta có thể biết được tâm hồn của vị hoàng đế ấy.

Tháng 3 năm 1925, tôi lại trở lại Pháp với hai cụ Charles, và sinh hoạt theo nhịp Âu hóa của tôi.

Khi tôi học xong năm thứ năm, tôi đổi học đường *Hattemer* vào cuối niên học 1926. Từ đó, tôi không còn phải đến trường nữa, mà đã có những giáo sư riêng đến nhà

giảng bài. Tuy nhiên, để tạo bầu không khí ganh đua, cụ Charles đã tìm cho tôi một số bạn hữu, cùng một trình độ và cùng tuổi, đến học chung với tôi, còn Hoàng thân Vĩnh Cẩn thì học ở lớp dưới.

Như vậy, chúng tôi có năm người, thì hai là con gái, cùng theo học một lớp. Vị phụ đạo Việt Nam vẫn ở cạnh tôi, và đóng vai trò gần như tổng giám thị để coi sóc tất cả.

Triều đình quyết định đặt tôi vào vị trí Vua Chúa nên đã thuê riêng một biệt thự mới xây, ở đại lộ Lamballe số 13.

Đối với các bạn trẻ của tôi, tôi cũng là một thiếu niên như họ, và tôi cố gắng cư xử bình thường như mọi người, nên các bạn đã coi tôi ngang hàng với họ, không khác.

Về thời ấy, tôi bắt đầu chú trọng đến âm nhạc. Người ta liền dạy cho tôi về dương cầm, và tôi trở thành một thính giả chăm chỉ của các nhạc viện. Ngay bây giờ, tôi cũng có thể đưa nhạc phẩm của Chopin vào Tây ban cầm được. Tôi cũng rất say mê văn chương cổ điển Pháp. Tôi có một giáo sư dạy Pháp văn, luôn luôn nhắc nhủ tôi rằng: "Đừng chú trọng vào một tác giả nào, nên giữ và bồi bổ tính chất riêng biệt của mình." Một lần, tôi đưa cho ông bài luận của tôi, nhiều chỗ dựa vào cuốn sách Tập làm văn, ông ta cho tôi điểm cao, nhưng đã phê bình như sau: "Hoàng tử có khiếu xào xáo rất tài..."

Mỗi năm, trong những vụ hè, chúng tôi đi nghỉ mát một tháng ở Vichy và về trang trại của cụ Charles ở Prades hai tháng. Từ năm tôi mười lăm tuổi, tôi đã đi thăm nhiều nước như Ý, Thụy Sĩ và Đức.

Sau khi tôi được hun đúc thành một ông Vua kiểu Á Đông, cụ Charles càng quan tâm bồi bổ tôi vào nền học vấn Tây phương.

Vì vậy, một ngày vào năm 1928, cụ đưa tôi đến trường võ bị, lúc ấy do Đại tá Boursier, chỉ huy trưởng đoàn quân kỵ mã da đen làm giám đốc và đàm luận với ông ta. Cho đến lúc ấy, tôi chỉ nói biết cưỡi những con lừa nhỏ đi chơi trong công viên Vichy hay ở cạnh điện Tuileries ở Paris. Mới trông thấy tôi, viên Đại tá nghĩ rằng tôi có thể là tay cưỡi ngựa cừ khôi được.

Cất giọng sẵng, ông ta bảo:

— Tôi sẽ giao Thái tử cho tay em của tôi, và không muốn gặp Thái tử trước sáu tháng.

Tay em này là chú Guignard. Còn soẳn cục hơn ông thầy, chú giao hẹn trước:

— Hoàng đế hay không mặc kệ, tôi sẽ dạy cho Thái tử biết thế nào là cưỡi ngựa.

Chú ta dạy rất giỏi, làm cho tôi mê cưỡi ngựa ngay. Mới mấy bài đầu chú dạy cho tôi biết cách ngã ngựa, đủ mọi kiểu. Quả nhiên, Đại tá Boursier đã nhìn đúng: tôi có khiếu về cưỡi ngựa. Vì có nhiều thì giờ, do các bài học không nhiều, nên ngày nào tôi cũng sang trường võ bị gần nơi tôi ở. Tôi rất thích nơi tập ngựa. Trong ba năm, tôi đã cưỡi tất cả mọi thứ ngựa ở trong nhà trường. Tôi chọn những con ngựa đã được tuyển lựa để dự các kỳ đua ngựa, và trước hôm trình diễn ở thao trường, tôi tập nhảy rào. Từ đó tôi trở thành một kỵ sĩ say mê ngựa cho đến bây giờ.

Tôi cũng không bỏ đánh quần vợt, là thứ thể thao đầu tay của tôi. Ở lãnh vực này, tôi cũng tiến bộ không kém. Năm 1930, tôi ghi danh tranh giải vô địch liên trường, để bảo vệ cờ của trường tôi là trường *Carnot*. Trong những dịp tranh tài ấy, ở sân vận động Pháp quốc, tôi vào chung kết với trường *Lakanal*, và thắng danh thủ Jacques Delmas, về sau nổi tiếng là nhà chính trị Jacques Chaban Delmas.

Tất cả các hoạt động thể thao đó làm tôi khỏe mạnh và cao lớn, và đến năm mười sáu tuổi, thì tôi đã trở thành một thanh niên dứt khoát rồi. Nhân dịp nghỉ hè về Vichy, tôi thi lấy bằng lái xe ô tô. Thật là thời vàng son, vì ngày ấy chưa có cần đến căn cước. Vị giám khảo, nhìn bộ mã tôi, và tin lời tôi, đã cấp ngay bằng lái cho tôi, thêm lời khen ngợi nữa.

Nhân dịp kỷ niệm đệ nhứt bách chu niên của nước Algérie năm 1930, tôi du lịch sang Bắc Phi và thăm viếng lần lượt hai nước Algérie và Maroc. Ở Rabbat, tôi được vì vua trẻ Mohammed V ben Youssel tiếp đón. Ông ta chỉ hơn tôi ít tuổi mà đã làm vua được ba năm rồi.

Chúng tôi thân thiện với nhau: Ông ta là người Phi Châu, tôi Á Đông, tự cảm thấy gần gũi nhau do cùng được nước Pháp bảo hộ. Khi tôi sang Marraked đang mùa hạn hán, bất chợt trời đổ mưa, thành ra trước mắt nhân dân nước ấy tôi trở thành "người làm cho mưa phải rơi."

Tôi chỉ có một điểm liên lạc với quê hương ở chỗ vài bức thư của bà nội và của mẫu thân tôi.

Đời tôi là đời một sinh viên Pháp ở Paris vào thời đại vàng son. Tôi tiếp các bạn hữu và được họ tiếp đón lại. Tôi thường giao du với Elie de Rothahild với một con nhà Bourbon-Busset và một con nhà triệu phú, chủ Banque Mallet. Với họ, tôi học đánh Poker và trở thành cao thủ về môn này.

Đối với nhà hiền triết Đông phương, cờ bạc chẳng phải để dành cho đại chúng. Vì với đại chúng, đó là sự buông thả dại dột, một sự liều trong vô vọng. Nhưng đối với bậc hiền nhân quân tử, thì đó là bài học trường đời, xét nghiệm tâm lý hữu hiệu.

Bắt đầu từ niên khóa học 1930, tôi theo học trường Khoa học Chính trị. Mặc dù tôi ít được mời dự các buổi tiếp tân chính thức, chính phủ Pháp cũng mời tôi khánh thành Tòa nhà Đông Dương trong dịp Triển lãm Thuộc địa năm 1931. Dịp này, tôi quen biết Thống chế Lyautey là Trưởng ban Tổ chức của cuộc triển lãm. Trước từng đến Đông Dương, Thống chế mời tôi đến chơi nhà, ở phố Bonaparte, giữa trường Mỹ thuật và bến sông Seine. Thống chế cho tôi mượn nhiều sách, tôi bỗng khám phá ra Phi Châu kỳ bí. Chúng tôi đến thăm ngôi chùa được cất ở Vincennes, nằm trong khuôn khổ của cuộc triển lãm. Trong suốt thời gian này, ông như người che chở bao bọc tôi, với tình phụ tử. Đây là một ông cụ có tài kể truyện, và tôi giữ mãi kỷ niệm những nhân vật đáng yêu của kinh thành Paris, mà tôi đã gặp. Thống chế có rất nhiều ảnh hưởng đối với cụ Charles. Cả hai đều là nhân vật đáng kính của nền chính trị cởi mở của Pháp, nên có nhãn quan rộng rãi đối với các quốc gia hải ngoại. Theo hai vị đó, sứ mạng của Pháp là sứ mạng giáo hóa, thông cảm, và giao hiếu.

Cũng trong năm ấy, cùng với Tổng thống Pháp Paul Doumer, tôi tham dự lễ khánh thành *Nhà Đông Dương* trong khu học xá ở Paris. Trong khi Tổng thống Pháp đọc diễn văn, có một sự kiện xảy ra mà tôi không mấy chú ý. Đó là các sinh viên du học Việt Nam đã ném truyền đơn vào khán giả. Lập tức cảnh sát Pháp tịch thu ngay truyền đơn, và lập lại trật tự như không có gì xảy ra. Về sau, tôi mới rõ truyền đơn phản kháng những biện pháp bạo hành đối với các vụ nổi dậy ở nước tôi, do cuộc xử tử mười ba liệt sĩ ở Yên Bái...

Ít ngày sau, Tổng thống Paul Doumer bị ám sát chết, và tôi chính thức dự đưa đám. Tôi đã mười chín tuổi, và được coi như là đủ khả năng để nắm quyền cai trị một mình.

Nên ngày về của tôi đã được ấn định. Mấy hôm trước, Tân Tổng thống Pháp Albert Lebrun vừa được bầu lên, đã gắn Bắc đẩu bội tinh hạng nhứt cho tôi. Lễ gắn cử hành đơn giản và thân mật, chỉ riêng có cựu Toàn quyền Albert Saraut và cụ Charles chứng kiến.

Tôi trở về Việt Nam năm 1932, sau tám năm vắng bóng, kể từ ngày lên nối ngôi Vua. Và đây đã đến lúc mà tôi làm nhiệm vụ của mình đối với Tổ quốc và Dân tộc.

PHẦN THỨ HAI

HOÀNG ĐẾ VIỆT NAM TẬP SỰ CẦM QUYỀN

Thượng thư Thái Văn Toản, cựu thông ngôn của cha tôi đến Paris đón tôi về. Ông ở gần bên tôi cùng với hai cụ Charles trong suốt cuộc hành trình. Đến Sài Gòn, chúng tôi lên chiếc tiểu đĩnh Dumont d'Urville để về Tourane và đã tới vào ngày 8 tháng 9 năm 1932. Tại đây đã có quan Khâm sứ Trung kỳ Chatel đứng đón, cùng với cụ Tôn Thất Hân, phụ chính và cụ Nguyễn Hữu Bài, thượng thư bộ Lại, tương đương chức Thủ tướng.

Cụ Nguyễn Hữu Bài trước kia là một chủng sinh nên có đời sống khuôn mẫu, đạo đức. Cụ có ảnh hưởng rất lớn trong cả hai triều đại cũ. Luôn trong hai mươi lăm năm, cụ là Viện trưởng viện Cơ mật. Tuổi vừa bảy mươi, người nhỏ, cụ nói và viết rất thạo tiếng Latin và tiếng Pháp. Trong suốt thời gian phụ chính, cụ đóng vai trò quyết định. Được Đức Đoan Huy Hoàng thái hậu nhủ tai, chính cụ đã cùng Đức Bà sửa soạn đón tôi về.

Cả hai vị đều mong muốn tôi có các tay phụ tá trẻ tuổi, tân học để gánh vác việc nước.

Tại Huế, nhân dân kinh đô đã tập hợp rất đông để chào mừng tôi ở suốt dọc đường. Từ trước đến nay, tôi chỉ trông thấy nhân dân khum lưng để tỏ lòng tôn kính, vì họ đã nhìn qua tôi, bực chí tôn cai quản thần dân. Đến hoàng cung, nhìn thành quách xây từ đời Vua Gia Long, tôi có cảm tưởng vững chãi trước mọi thử thách. Xe đi bước một để nhập nội, vì ở đây dân chúng còn đông nghẹt hơn nữa. Tôi xuống xe ngựa, lên chiếc xe fay có bốn lọng vàng che, tỏ uy quyền tối thượng. Tới hoàng cung, ngang qua cửa chính đông, là cửa trước đây đã rước linh sàng của Vua cha ra lăng, cửa ấy nay đóng kín mít, để về điện Kiến Trung là nơi tôi ở. Tại đây, tôi sẽ sống một mình. Sân chầu vắng ngắt, cung điện lặng như tờ.

Sáng hôm sau, tôi đi một mình đến nhà Thái Miếu. Nơi đây đã đặt bàn thờ thứ bảy để thờ cha tôi là Hoàng đế Khải Định. Tôi trầm ngâm suy nghĩ rất lâu đến các vị tiên đế đã trở thành liệt thánh che chở và phù hộ cho tôi.

Ở Việt Nam, người chết không phải là đã hết. Người chết vẫn tồn tại, và giữ nguyên vị trí đối với con cháu. Linh hồn người chết có sợi giây thiêng liêng nối liền với người sống, còn mạnh mẽ hơn giữa người sống đối với nhau. Người ta khấn vái gia tiên, cầu khẩn gia tiên phù hộ. Quì trước bàn thờ, tôi lâm râm khấn vái, xin tổ tiên phù hộ cho những thỉnh nguyện của tôi, kể từ khi bắt đầu rời Pháp trở về. Đền thờ lặng lẽ hoàn toàn, chỉ thỉnh thoảng có tiếng tách nổ khô ròn của nén hương đang cháy, và tôi bâng khuâng trong sự mơ màng huyền ảo tuyệt vời.

Đến trưa, tôi vào yết kiến chính thức hai Đức Hoàng thái hậu, là Đức Đoan Huy Thái hoàng Thái hậu, và Đức Thứ phi của Vua Đồng Khánh, bà nội tôi, cả hai vị đều là vợ của Vua Đồng Khánh, và do cha tôi tôn phong khi Ngài lên làm Hoàng đế. Mỗi Đức Bà tiếp tôi riêng biệt, và ngồi

ở trên Ngai uy nghi bất động. Tôi cũng sang kính thăm thân mẫu tôi, là Đức Từ Cung Thái hậu, ngự ở một cung điện sát cạnh hai Đức Quốc thái và các cung của các bà phi khác.

Về đến điện Kiến Trung, lập tức tôi cho vời Thượng thư Nguyễn Hữu Bài. Tôi hỏi:

— Quan Thượng, Trẫm tin tưởng ở kinh nghiệm lâu năm của Ngài, để hỏi cho biết nhiệm vụ của Trẫm ra sao, và xin quan Thượng cho Trẫm biết tình thế nước nhà, đồng thời thử vạch cho Trẫm một chương trình làm việc.

Ông ta cúi đầu tâu trình:

— Kính tâu Hoàng thượng, sự tin cẩn của Hoàng Thượng là một vinh dự lớn lao đối với lão thần. Nhiệm vụ của Hoàng thượng ngày nay không còn giống như xưa nữa. Chính phủ Pháp trong thực tại đã nắm hết công việc của quốc gia trong tay. Còn về tình hình trong nước, thì ngoài sự xáo trộn ít nhiều ở Bắc kỳ đang bị dẹp tắt, được coi như yên tĩnh và thịnh vượng.

— Nhưng còn quyền hạn của Trẫm, công việc của Trẫm? Các quan Thượng làm việc ra sao?

— Kính tâu Hoàng thượng, trước kia thì mỗi bộ tâu trình lên Hoàng đế, và đệ lên dự án để xin quyết định. Nhưng sau khi Đức tiên đế Khải Định băng hà năm 1926, thì đã có một thỏa ước với nước Pháp, theo đó Nội các sẽ họp dưới sự chủ tọa của viên Khâm sứ, mình phải báo cáo và xin quyết định. Tòa Khâm ra chỉ thị, nhứt là về ngân sách. Chính phủ Pháp thu thuế và trao lại cho Nam triều đủ để trả lương cho nhân viên để có thể tồn tại.

— Chưa ai cho Trẫm biết về cái thỏa ước ấy, nếu trước đây Trẫm biết được, thì chắc hẳn Trẫm đã không chấp thuận.

— Kính tâu Hoàng thượng, thỏa ước này là do Hội đồng Phụ chính ký. Thực tế, nó trao hết quyền hạn cho viên Khâm sứ từ chính trị đến tư pháp. Ở Bắc kỳ, hiện nay, viên Thống sứ ở Hà Nội đang nắm quyền Phó vương rồi.

— Vậy thì Trẫm còn gì?

— Hoàng thượng còn giữ được quyền về nghi lễ, quyền ân xá tội nhân, quyền phong sắc cho các thần linh, quyền cấp phát tưởng lục, phẩm hàm cho người sống hay người chết...

Tôi bàng hoàng trước những lời tâu của vị quan già này. Tôi cũng ghi nhận rằng ông ta không xen kẽ một sự phê bình nào, nhưng chỉ bằng sự tấu trình mộc mạc ấy ông ta muốn để cho tôi tự hiểu. Sau một phút suy nghĩ, tôi quyết định phải làm ngay không thể chậm trễ. Và theo cái gọi là thỏa ước năm 1926 dành cho tôi quyền hạn về nghi lễ, tôi soắn ngay vào lãnh vực này. Vừa hôm qua, tôi đã thấy những cái lưng cúi gập trước bước đi của tôi. Tôi liền bảo ông ta:

— Đại nhân hãy bảo cho viên Thượng thư bộ Lễ phải soạn thảo ngay một sắc chỉ: Kể từ hôm nay, hãy bỏ ngay sự quỳ lạy đối với Trẫm. Trong bất cứ buổi lễ nào chỉ cần vái ba vái đối với Hoàng đế mà thôi. Trẫm muốn quyết định này được áp dụng ngay kể từ buổi chầu ngày mai, khi các quan vào triều kiến Trẫm. Xin Đại nhân làm gấp.

Cụ Bài nhìn tôi, ngạc nhiên rõ rệt. Thấy vậy, tôi lại nói:

— Lạy để trán gập xuống đất, là một thái độ ươn hèn làm mất phẩm giá con người. Xin quan Thượng nhớ câu này của Đức Thánh Khổng: Kính bất như tuân lệnh.

Sau nữa, cũng xin Đại nhân thảo ngay một sắc lệnh trả tự do cho tất cả các phi tần của tiên đế. Ai muốn ở lại để phụng thờ tiên đế Khải Định thì vẫn có quyền ở lại nơi cũ, và hàng tháng vẫn được tiền trợ cấp cho đến khi chết.

— Xin tuân lệnh Hoàng thượng. Nhưng kính tâu Hoàng thượng, e rằng có hơi sớm quá chăng? Lão thần có ngu ý là nên chờ một ít lâu nữa, và cần phải kiên nhẫn. Xin Hoàng thượng nên dè dặt hơn một chút. Trước đây, đã nhiều bậc tiên vương đã bị thất bại nguy hiểm trong sự canh tân. Tất nhiên, họ không được Âu hóa và cấp tiến như Hoàng thượng, nhưng họ cũng trẻ và nóng nẩy, và thiếu kiên nhẫn như Hoàng thượng vậy.

Nói xong, ông ta rút lui, để mặc tôi với sự suy tưởng một mình.

Đức Khổng tử nói: Mạng của bậc Đế vương là Thiên mạng. Nhứt cử nhứt động đều có ảnh hưởng đến sơn hà, xã tắc. Vua mà hôn ám thì trời sầu đất thảm, gây nên những thảm họa trong dân gian không nhỏ. Dân chúng sẽ lầm than cơ cực. Vua phải gánh chịu những nỗi đau của thần dân trăm họ hơn của chính bản thân mình. Cái đau của trăm họ tạo nên cái đau của Vua, chứ không phải đau do chính Vua mà có.

Như vậy, làm sao mà tôi gánh nổi trọng trách tối thượng ấy, nếu tôi không có thực quyền. Liệu triều đại của tôi có bị đổ vỡ trong sự bất lực, để tôi phải gánh chịu tất cả nỗi đau của bá tánh, mà tôi không tài nào cải được số mệnh ấy hay sao?

Tư tưởng ấy vẫn theo dõi tôi cho đến sáng hôm sau, khi thiết đại triều để thực sự bắt tay làm Hoàng đế, y như ngày tôi được tấn phong làm Đông cung Hoàng thái tử và ngày lễ đăng quang làm Hoàng đế của tôi năm mười hai tuổi. Trong buổi khai triều này, quan Phụ chính Thân thần Tôn Thất Hân được chính thức giải nhiệm. Vị cựu thần này đã

trải qua chín triều đại của tổ tiên tôi, phải khánh thành quyết định của tôi vừa ban bố hôm qua.

Ông tiến lên, một mình đến trước Ngai, mắt nhìn xuống chân, cách tôi vài mét và vái ba vái. Tôi quan sát ông từng tí một. Vái xong, ông lúng túng như quên mất điều gì, rồi đi giật lùi ra khỏi điện, trong sự yên lặng hoàn toàn. Các đại thần khác tiếp theo sau như vậy, và tôi không hề tìm thấy trên vẻ mặt họ nét phản ứng nào.

Tôi có ý định thay thế tất cả những nhân viên này, để trẻ trung hóa bộ máy triều đình đã quá già nua, cằn cỗi. Nhưng trước hết, tôi cần phải biết rõ điều mà cụ Nguyễn Hữu Bài nói với tôi hôm qua. Nhiều vị tiên quân cũng đã muốn canh tân như tôi, về sau ra sao? Thành ra tôi quá mù mịt về lịch sử của nước mình. Chỉ biết vài chuyện huyền hoặc, có tính cách tượng trưng, tôi gần như chẳng biết gì về quá khứ của tổ tiên tôi và tánh tình của họ.

Vì vậy, tôi ra lệnh cho bộ Học đệ trình cuốn Sử của hoàng triều và bắt đầu đọc trong nhiều ngày liên tiếp.

LỊCH SỬ NHÀ NGUYỄN

Gia đình tôi thuộc triều Nguyễn, có một gốc rễ lâu đời. Sử ký Việt Nam ghi rằng, cụ tổ viễn đại là Nguyễn Bặc, làm quan lớn dưới triều nhà Đinh. Nhưng sau thời gian dài đặc ấy kể từ cụ tổ Nguyễn Kim sanh năm 1468 gia sử của dòng họ tôi đã trở thành Lịch sử quốc gia rồi. Từ Nguyễn Bặc cho đến Nguyễn Kim, đã qua mười ba đời kế tiếp.

Nguyễn Kim là viên võ tướng có tài dụng binh. Cụ được phong làm Tướng cầm quyền chỉ huy quân đội. Cụ là Trấn

thủ tỉnh Thanh Hóa. Sau khi nhà Lê bị nhà Mạc tiếm ngôi, Nguyễn Kim tụ tập được hơn năm ngàn người và ba mươi con voi, để khôi phục nhà Lê. Mùa xuân năm 1533, cụ lập một người dòng dõi vua Lê tên Lê Duy Ninh lên làm vua.

Em út Nguyễn Kim là Tồn Thái có sức khỏe muôn người khôn địch. Khi nhà Mạc tiếm ngôi nhà Lê, thì ông đang ở vùng Thái Nguyên và Cao Bằng. Nhưng khi nghe tin Nguyễn Kim đã lập thái tử Ninh làm Vua, ông liền bỏ về Thanh Hóa để khuông phò. Ông đánh nhau với quân nhà Mạc luôn hai mươi năm. Khi dẹp xong phiến loạn, ông được phong cho đất Thái Nguyên và Cao Bằng.

Nguyễn Kim có ba con trai. Người con thứ hai là Nguyễn Hoàng, sanh năm 1525, rất thông minh và có tài thao lược. Vai hùm, lưng gấu, đầu rồng, mắt phượng, cả thân hình uy nghi như vị thiên thần. Càng lớn lên, càng nổi tiếng rực rỡ. Năm hai mươi mốt tuổi ông đã giết được họ Mạc ở ngay giữa trận tiền.

Nghe tin cụ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm là một nhà tiên tri kỳ tài, ông liền sai sứ đến hỏi về tương lai. Thấy sứ giả, cụ Trạng Trình không nói, chỉ nhìn vào ngọn giả sơn trong hòn non bộ và lẩm bẩm: Hoành sơn nhứt đái, vạn đại dung thân. Sứ giả về thưa lại với Nguyễn Hoàng. Hiểu được ý ấy, Hoàng nói với chị là Ngọc Bảo, vợ của Trịnh Kiểm, lúc ấy cầm quyền nguyên soái cho vua Lê Anh Tôn, để xin cho vào trấn thủ tỉnh Thanh Hóa. Trịnh Kiểm cũng muốn ông đi xa cho khuất mắt, nên trình Vua Lê cho đi. Vua Lê chấp thuận. Ông phải lánh đi xa như vậy, vì sợ Trịnh Kiểm muốn mưu hại, như đã từng giết anh ông là Nguyễn Uông. Vào năm 1558, ông đem quân bản bộ gồm toàn những người thân tín, can đảm đến nơi trọng nhậm mới. Khi đến Thanh Hóa dân chúng đem dâng từng vò nước để quân sĩ giải lao. Viên đầu mục cho là triệu chứng tốt,

bảo ông rằng: Tướng quân đến đây trọng nhậm mà được dân chúng đem nước dâng, đó là Trời muốn cho Tướng quân dựng được Nước vậy.

Kể từ đó trở đi, danh tiếng của Nguyễn Hoàng nổi như cồn, như có hào quang tỏa ra của bậc Vua Chúa.

Năm 1572, quân Mạc đem một đoàn chiến thuyền hơn sáu mươi chiếc vào đánh Thanh Hóa, ông đóng quân ở ven sông để cầm cự. Đến đêm nằm mơ thấy một bà tiên bảo rằng: "Phải dùng mỹ nhân kế để dụ địch đến nơi có tiếng vang *trao, trao* ta sẽ giúp cho." Nguyễn Hoàng theo lời, cho người con gái đẹp tên gọi Ngô Thị đem vàng bạc đến xin cầu hòa với tướng địch, tên này mê thích và ưng thuận. Thế là không phòng bị, nên bị đánh úp và bị giết. Xong việc, ông cho xây một ngôi đền ở nơi ấy để tạ ơn bà tiên.

Nhờ tài cai trị khéo léo, đức độ và công bình, dân chúng được an cư lạc nghiệp, thuyền bè ngoại quốc đến buôn bán yên ổn, đi lại như mắc cửi, nên địa hạt mỗi ngày một phồn thịnh. Một kẻ thân tín một ngày kia lại mơ thấy bà tiên đứng trên đỉnh núi gần Thanh Hóa, chỉ tay xuống phía dưới mà bảo rằng:

— Đây là huyệt đế vương, cần phải xây một ngôi chùa để yểm cho long mạch, thì đất sẽ phát nên đế nghiệp.

Kẻ tả hữu đem lời ấy trình với Nguyễn Hoàng, Hoàng liền tuân theo lời dạy của bà tiên, và xây ở đấy một ngôi đền, đây là đền thờ bà Chúa Liễu Hạnh, thuộc về Sòng Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Sự thái bình thịnh trị lan tới các tỉnh Quảng Bình và Quảng Nam, làm thành một vùng đất đai rộng lớn, phía trên giáp với Bắc Kỳ, phía dưới tới Chân Lạp, tạo thành một vương quốc cứ mỗi ngày một mở rộng thêm lên.

Mùa thu năm 1613, Nguyễn Hoàng cho gọi người con trai thứ sáu đến, trao cho một cẩm nang và bảo rằng:

— Làm trai phải biết giữ lấy cương thường là trung hiếu thuận hòa. Trung là trung với vua với nước, hiếu là hiếu với cha mẹ, còn thuận hòa là đối với anh em. Đấy là giềng mối của đạo làm người. Đất nước ta, mặt bắc có núi Hoành Sơn, và sông Linh Giang, trấn giữ được đất Thanh Hóa và Quảng Nam, mặt nam có hai núi Hải Vân và Bỉ Sơn, tạo thành địa thế hiểm trở thiên nhiên. Rừng núi chứa nhiều mỏ, quặng từ mỏ vàng đến mỏ sắt, bể cả có nhiều hải sản, tôm cá và muối. Kẻ đại trượng phu phải biết tận dụng địa lợi này, mà thu phục nhân tâm, thì có thể tạo nên đế nghiệp, truyền lại cho con cháu đến muôn đời.

Do thế, mới tìm đất có khí thiêng sông núi, để đặt kinh đô. Dựa lưng vào cửa bể, lấy núi Ngự Bình và sông Hương Giang làm tay ngai, lập kinh đô ở nơi núi sông cẩm tú ấy, và đặt cho tên gọi là Thuận Hóa, có nghĩa là nơi đất lành của hòa đồng, mà về sau gọi tắt là Huế.

Sau đó ít lâu, Nguyễn Hoàng chết thọ tám mươi chín tuổi.

Người con thứ sáu lên nối ngôi, vì bốn người anh ở trên đã chết cả, người thứ năm làm quan ở Bắc. Vị hoàng tử thứ sáu này sanh năm 1563 là con bà vương phi họ Nguyễn. Khi sắp sanh ông ra, bà nằm mơ thấy một người đem cho một tờ giấy viết đặt một chữ *Phước*.

Khi tỉnh dậy thì sanh hạ ông ra, nên bà muốn đặt tên cho con bằng chữ *Phước*.

Nhưng rồi bà nghĩ: "Nếu đặt riêng cho con tên là *Phước*, thì chỉ có một người tên *Phước*, chi bằng dùng chữ *Phước* làm chữ đệm, thì có thể có hàng nghìn, hàng vạn

con cháu đều mang chữ *Phước*. Và giòng họ sẽ phồn thịnh đời đời."

Vì thế, nên giòng họ của chúng tôi đều mang tên là *Nguyễn Phước* hết.

Đến năm 1620, Chúa Nguyễn Phước không chịu thần phục họ Trịnh đang cầm quyền miền Bắc. Họ Trịnh dựa vào danh nghĩa phò Lê, tìm cách đánh họ Nguyễn ở phương Nam, nhưng lần nào ra quân cũng đều thất bại, đành phải công nhận họ Nguyễn làm Chúa ở phương Nam, cắt đất từ sông Gianh phía trên Đồng Hới trở vào là thuộc về Chúa Nguyễn, còn từ đó trở ra thì thuộc Chúa Trịnh.

Mặc dù luôn luôn phải lo đề phòng quân Trịnh, các Chúa Nguyễn vẫn tìm cách bành trướng xuống phía Nam, nên năm 1674 đã tiến tới Sài Gòn, và năm 1693 thì cả nước Chiêm Thành bị sát nhập hẳn. Quyền hành của Chúa Nguyễn lan đến hết vùng đồng bằng sông Cửu Long, tiến tới Hà Tiên về thế kỷ mười bảy.

Cuộc Nam tiến bị đứt quãng do sự nổi dậy của anh em Nhạc Huệ nhà Tây Sơn, quê ở An Khê. Anh em Nhạc chiếm thành Qui Nhơn, và trọn đất của Chúa Nguyễn. Năm 1775, thì lấy kinh đô Huế và năm 1778, chiếm hết Nam Kỳ. Chúa Nguyễn và người con trai cả bị giết chết.

Người cháu của ông tên gọi Nguyễn Ánh mới mười bảy tuổi được chọn kế vị. Chỉ có một dúm người, lại thiếu từ vũ khí đến lương thực, thủy quân bị tan nát, ông phải chạy từ đảo này sang đảo khác, trước khi tạm lánh vào bờ biển nước Xiêm, đầy nguy hiểm bất trắc.

Tại đây, ông gặp một vị thừa sai Gia tô giáo người Pháp, tên gọi Pigneau de Behaine, Giám mục Adran (tức Đức Cha Bá Đa Lộc). Trong tám năm, Nguyễn Ánh được Đức Cha giúp đỡ và khuyên nhủ, bàn bạc. Không thiếu gì các nước

phương Tây muốn tận tình giúp đỡ vì Vương đang thất thế này. Anh Cát Lợi, Tây Ban Nha, Y Pha Nho và Hòa Lan, đủ cả. Những đề nghị của họ quá hấp dẫn, làm Nguyễn Ánh nghi ngờ, do ông rất quan tâm đến nền độc lập của quốc gia. Vì thế, nên không nhận. Điều ông mong mỏi, chính là muốn sự trợ giúp của một cường quốc Tây phương, nhưng dưới hình thức đồng minh, chứ không phải chịu làm chư hầu của họ. Ông đã có quyết định vô cùng táo bạo. Trong lúc sống cô đơn ở Poulo Way vào năm 1778, ông cho vời Đức Cha Bá Đa Lộc đến ủy thác làm sứ thần sang cầu viện với Vua Louis thập lục nước Pháp, hầu ký kết một hiệp ước đồng minh, và đem viện trợ về. Ông giao toàn quyền cho Đức Cha, đồng thời trao cả người con trai đầu lòng là Hoàng tử Cảnh sanh trong lúc phiêu bạt lưu vong, để cùng sang Pháp. Ngày 28 tháng 11 năm 1787 hiệp ước được ký kết ở Versailles. Nước Pháp thỏa thuận trao cho Nguyễn Ánh một đoàn quân viễn chinh gồm bốn chiếc tàu chiến, và 1,500 binh sĩ, đủ cả bộ binh và pháo binh với đầy đủ súng đạn.

Để đổi lại, nước Pháp được toàn quyền sử dụng cửa bể Đà Nẵng và cù lao Côn Sơn được độc quyền buôn bán hàng hóa Tây phương ở Nam kỳ, và trường hợp có tranh chấp giữa Pháp với nước Anh, sẽ được sự yểm trợ của binh lính Việt Nam cả bộ lẫn thủy, trong hải phận từ quần đảo Moluques đến eo bể Malacca.

Tuy nhiên, chẳng cần phải đợi đến lúc Đức Cha Bá Đa Lộc trở về, vì anh em Tây Sơn hiềm khích chia rẽ nhau, Nguyễn Ánh từ Bangkok trở về chiếm lại lấy Nam kỳ, và trong vòng hai năm đã làm chủ toàn thể miền Nam. Tháng ba năm 1789, ông ta đã có thể tới Vũng Tàu để đón con là Hoàng tử Cảnh và Đức Cha trở về, sau bốn năm xa vắng.

Cũng đáng buồn mà nói rằng, Đức Cha này đã không đưa được đoàn quân viễn chinh Pháp tới nơi, vì bị kẹt ở Pondichery. Nước Pháp đã không giữ trọn lời giao ước. Chỉ một dúm sĩ quan và vài người tình nguyện, mà Đức Cha đưa sang bằng tiền riêng của mình, theo Cha mà thôi. Những vị này đã dựng nên một nòng cốt quí giá cho đạo quân mới thành lập của Nguyễn Ánh.

Kể từ năm 1790, Nguyễn Ánh lấy lại sơn hà. Sự khôi phục ấy mất cả thẩy mười hai năm. Trận đánh ở Qui Nhơn vào tháng bảy năm 1792 là trận quan trọng nhứt vì thủy quân của Tây Sơn bị tận diệt.

Ngày 12 tháng 6 năm 1801 thì khôi phục được kinh thành Huế. Đạo quân của Chúa Nguyễn Ánh mạnh tới 107,000 người trên bộ, với những đại đội kỵ mã và những tiểu đoàn tượng binh, và 26,000 thủy binh gồm 450 tầu chiến và thuyền, được huấn luyện kỹ càng, và hành quân tuyệt diệu, làm cho Tây Sơn thua lụn bại. Đến năm 1802 thì dứt luôn cả nhà Trịnh ở Bắc kỳ và chiếm thành Hà Nội.

Mất mười năm mới bình định hẳn, tuy có lâu, nhưng vững chắc. Tất cả vùng đất nào thu hồi lại được, lập tức đặt ngay nền cai trị từ hạ tầng cơ sở, và cứ thế như tằm ăn dâu, đặt nền móng cho sự thống nhứt từ Nam Quan tới Cà Mau. Chúa Nguyễn Ánh lên làm Hoàng đế lấy hiệu là Gia Long. Nước Xiêm phải để cho Cao Miên làm chư hầu của Việt Nam từ năm 1813, còn nước Ai Lao phải triều cống.

Là một nhà cai trị đại tài, sau khi thống nhứt sơn hà lên ngôi Hoàng đế, ngài ban bố lệnh ân xá toàn diện, và kêu gọi sự hợp tác của các người có chân tài, thiện chí, và cho hoãn thuế ba năm.

Nền thống nhứt được củng cố bằng quyền hành của chính phủ trung ương do chính Hoàng đế chỉ huy, và thể hiện rất tinh vi, từng chi tiết. Sự đo lường được thống nhứt ở khắp nơi trong nước. Đúc tiền mới, hủy bỏ tiền Tây Sơn, mở nhà máy đúc tiền ở Hà Nội. Luật pháp được sửa đổi lại, và đồng nhứt cho toàn quốc. Quân đội sau khi chiến thắng được tổ chức lại. Những sự canh tân ấy nhằm nhiều nhứt đối với miền Bắc, vốn từ lâu sống ở ngoài hiến pháp của nhà Nguyễn.

Gia Long biết rằng muốn cho triều đại vững chắc, cần phải có nhân tâm. Bởi vậy, Ngài cho phân chia lại ruộng đất và cải cách việc điền địa.

Trong việc hành chánh, dùng tiếng mẹ đẻ làm tiếng quan thoại, và cuối cùng để đỡ gánh nặng cho dân chúng về việc đóng góp tế lễ trong những buổi hội họp ở thôn quê, Ngài tiết chế rất nhiều sự chi tiêu rườm rà và tốn kém.

Ngài lại cho cải tổ các lề lối về phong tục, tập quán chỉ có lợi cho bọn kỳ hào. Các quan lại bị canh chừng chặt chẽ, và ai phạm lỗi sẽ bị trừng trị nặng nề.

Việc bình trị các dư đảng của Tây Sơn còn chưa chịu ra hàng, Ngài kêu gọi họ ra đầu thú và chiêu hồi họ trở về để được an cư lạc nghiệp. Về phòng thủ đất nước, nhứt là ở miền Bắc, các thành trì được củng cố mạnh mẽ, theo kiểu mẫu của Vauban (Đồ Bàn), như thành Hà Nội, Sơn Tây, Hải Dương, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Cao Bằng, Tuyên Quang v.v...

Ngoài ra, các thành thị đều được tu bổ với những đài kỷ niệm, những đình chùa miếu mạo... Thành Hà Nội rực rỡ bắt đầu từ triều đại Gia Long. Cuối cùng, đắp con đường cái quan đi suốt từ cửa ngỏ Trung Hoa tới Cao Miên, dọc theo toàn quốc. Cho đến ngày băng hà, Hoàng đế Gia Long

đã có uy tín rất lớn lao. Tình giao hảo với Pháp Quốc đã đem lại lợi ích cho Việt Nam không nhỏ.

Nhưng sự một số người ngoại quốc theo chân Cha Bá Đa Lộc đến giúp đỡ vua từ ban đầu, được phong cho những tước vị cao ở triều đình, đã tạo một sự ghen ghét ngấm ngầm, và gây khó khăn cho người kế vị không nhỏ.

Số là Hoàng tử Cảnh theo Cha Bá Đa Lộc sang Pháp cầu viện, được cả triều đình Versailles có cảm tình, đã chết ngày 21 tháng 3 năm 1801, vào năm hai mươi mốt tuổi. Thế rồi sau đó, hai con của ông ta và bà vợ bị đầu độc chết một cách khả nghi mờ ám. Hai Hoàng tử này đều ở lứa tuổi hai mươi. Ngai vàng phải truyền lại cho người con thứ hai của vua Gia Long là Hoàng tử Hữu, trở thành Hoàng đế Minh Mạng. Vua Minh Mạng ra mặt ác cảm với những người Pháp này, và các chiến hữu của Cha Bá Đa Lộc, nay bắt buộc phải trở về Pháp. Như một trong những vị đó là Chaigneau được phong tới tước hầu, mang danh là Thắng Dũ hầu, bữa kia thấy sứ giả đem đến cho một chiếc khay đựng một vuông nhiễu và một chiếc tàu nhỏ để bàn. Chaigneau hiểu ngay và đáp chuyến tàu đầu tiên về Pháp.

Cũng vào thời gian này, các vị Hoàng đế người Mãn Châu của triều đình nhà Thanh ở Trung Hoa tự cho là thiên triều, bế quan tỏa cảng, cấm cửa mọi cải cách do ảnh hưởng của Tây phương xâm nhập vào.

Đồng thời ở Việt Nam thì nhờ có Vua Gia Long dễ dàng cho mọi hoạt động của tự do tôn giáo, và có người Pháp làm quan ở đấy, các nhà truyền giáo dựa hơi đó mà kéo đến Việt Nam để cắm dùi, và lập ra được nhiều cơ sở nhà chung quan trọng. Những cộng đồng đó gây cho triều đình nhiều vấn đề quan trọng. Bởi vì, các nhà truyền giáo không cho giáo dân được thờ phượng tổ tiên, coi là mê tín dị đoan. Thế rồi vì muốn củng cố vị trí của họ để được bền vững, họ xúi dân

tranh giành quyền lợi về ruộng nương đất cát, đưa đến chỗ tan rã hệ thống hành chánh hạ tầng cơ sở làng, xã. Tóm lại, người dân chất phác sẽ không còn thể nhận định được đích xác đâu là quyền hạn của Vua quan, đâu là thuộc phạm vi tôn giáo. Bởi vì kẻ truyền giáo đặt giáo dân dưới sự lãnh đạo của một vị vua ngoại quốc, tức Giáo hoàng, từ La Mã xa xôi, đã ra lệnh bằng luật lệ riêng của nhà chung. Như vậy, bất cứ người Việt Nam nào theo đạo Gia tô cũng đều coi như bất trung với vua, với nước. Trước những hiểm họa làm băng hoại nền móng xã hội và chính trị của Việt Nam, cũng như về kinh tế, vua Minh Mạng liền ra một đạo dụ đã được giới quan lại dựa theo mạnh mẽ, gây nên sự đổ máu hàng loạt chẳng những cho giáo sĩ, mà còn kéo theo hơn năm mươi ngàn giáo dân Việt Nam nữa.

Vô tình, các giáo sĩ đã gây nên yếu tố ái quốc cực đoan ở Việt Nam mà họ không ngờ, có lẽ thế?

Mặc dù đã đóng chặt cửa cho sự xâm nhập của Tây phương, triều đại của vua Minh Mạng đã đánh dấu sự cực thịnh của nhà Nguyễn. Chính vào thời đại này, đất nước Việt Nam rất thịnh đạt. Tiếp theo các công nghiệp của vua cha, vua Minh Mạng cho kiến tạo nhiều đê điều, cầu cống, đường xá, đào sông, xẻ ngòi, chỉnh trang thành thị, khuếch trương hải cảng. Mặt khác lại bổ khuyết và hoàn hảo bộ luật Gia Long, cũng như sửa đổi nghi lễ đối với triều đình đặt ra quan chế theo thứ bậc rõ rệt. Trong mọi lãnh vực vua Minh Mạng đều tỏ ra khôn ngoan, sáng suốt.

Trong thời gian này, nước Việt Nam bênh vực các bộ lạc Lào đối phó với quân Xiêm La thường ăn hiếp họ. Sau cùng quân đội đã đóng đến ranh giới sông Cửu Long, và đặt nền đô hộ của Việt Nam ở Cao Miên.

Tôi đã tìm thấy trong thư viện của hoàng gia một bức địa đồ Việt Nam vẽ vào khoảng năm 1835. Đế quốc Việt

Nam rộng từ biển Nam Hải vào sâu đến bờ sông Cửu Long, sát tới Miến Điện, bao gồm toàn thể nước Lào ở mặt tây bắc, nhiều tỉnh Xiêm La ở phía giữa và nước Cao Miên ở phía nam. Đây là Đại Việt Nam được tô cùng màu, từ biên giới Trung Hoa đến mũi Cà Mau, từ sông Đồng Nai sang đến tỉnh Dang-Rek phía tây, và đến đồng bằng sông Cửu Long. Tôi suy nghĩ rất lâu trước tấm bản đồ ấy. Bức địa đồ này đã nói gì, trong một thời gian đã qua của tổ tiên tôi? Phải chăng đây chỉ là một sự mơ ước, hay đó lại là điều cần thiết về chính trị và kinh tế cần phải thực hiện?

Tỉnh giấc mơ, tôi bỗng chợt hiểu:

— Vua Minh Mạng có tới một trăm bảy mươi người con, vừa trai vừa gái. Vì lo ngại về sau con cháu sẽ khó nhận ra nhau trong đám bá tính, Ngài mới đặt sẵn ra một mớ tên gọi theo thứ tự, cho hai mươi đời kế thế về sau có thể kế vị được Ngài. Tên gọi này là thể theo giá trị xa gần của giòng máu chính thống.

Hai mươi chữ này được khắc vào tờ giấy bằng vàng, được coi như giấy hộ tịch của hoàng gia ở Huế. Đó là bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt, mà câu đầu như sau: *"Miêng, Hường, Ưng, Bửu, Vĩnh."*

Có nghĩa là Sáng lạn, Hương thơm, Xứng ý, Giá trị và Huy hoàng.

Chữ cuối cùng *Vĩnh* là dòng của các hoàng thân thuộc dòng máu của ngành tôi. Vua Minh Mạng mất năm 1841. Thiệu Trị là con của Ngài tên húy là Miên Tôn, lên nối ngôi. Ông là người hiền hòa, không cương quyết như vua cha, nhưng vẫn theo phép tắc của vua Minh Mạng mà cai trị. Triều đại của Ngài phải đương đầu trước tiên với phản ứng của Pháp tưởng có phen phải dùng đến vũ lực hay dọa nạt để can thiệp hầu bảo vệ các nhà truyền giáo, mà họ coi như là người của họ. Nhiều tàu chiến Pháp đã đến biểu dương lực lượng ở sát bờ biển nước ta từ 1843 đến 1847. Những sự can thiệp đó rõ rệt là không thể chấp nhận được. Hậu quả của nó càng chứng minh rằng Gia tô giáo chỉ là hình thức để che dấu ý đồ xâm lăng của ngoại nhân, mà cần phải chống lại hầu bảo vệ nền độc lập quốc gia.

Năm 1847, vua Thiệu Trị băng hà, con là Hồng Nhậm lên nối ngôi, lấy hiệu là Tự Đức. Sự đụng chạm găng thêm mãi lên. Quân Pháp đổ bộ xuống Đà Nẵng vào năm 1858 với ý định tiến tới kinh đô Huế. Họ tưởng được sự hỗ trợ mạnh mẽ của các cơ sở giáo hội ở địa phương, nhưng những người này bất động. Vua Tự Đức kéo dài việc thương thuyết, nên năm 1860, quân Pháp trở về tàu. Nhưng cũng trong năm ấy nước Trung Hoa của Tây Thái hậu nhà Mãn Thanh, ký với các nước Tây phương, hòa ước Nam Kinh, để chấm dứt chiến tranh nha phiến. Đoàn quân viễn chinh Pháp ở Trung Hoa được rảnh tay, kéo đến bờ biển Nam kỳ. Sau một trận chiến tranh tàn khốc, và sự kháng chiến mãnh liệt của quân đội Việt Nam trong suốt hai năm, quân Pháp chiếm đóng ba tỉnh miền Đông Nam kỳ, và ký một hòa ước vào ngày mùng 5 tháng 6 năm 1862, lấy các tỉnh Sài Gòn, Biên Hòa và Mỹ Tho và hòn đảo Côn Sơn làm thuộc địa.

Sự cắt đất này làm cho đất nước bị mất đi vựa lúa phì nhiêu, nên số lượng gạo không đủ cung cấp cho dân làm dân chúng đói khổ. Về thương mại, cũng bị suy thoái do nước bị cô lập. Thêm vào đó, loạn lạc ở nhiều nơi, quân thổ phỉ Tàu quấy rối ở miền Bắc, ở biên giới Việt Hoa. Sự thất trận làm co sụm lại quân đội. Các đơn vị không đủ quân số cần thiết. Uy tín của hoàng triều không còn được mạnh mẽ, và quốc gia mất thế thượng phong đối với lân quốc là Vương quốc Cao Miên và các thổ địa Ai Lao. Sự tàn lụi của

Việt Nam thật khó tránh được. Năm 1863, Cao Miên tự đặt dưới sự bảo hộ của Pháp.

Lợi dụng sự khó khăn của chúng tôi, người Pháp càng tiến sâu vào phía nam nhưng những tổ chức du kích kháng chiến của những nhà ái quốc Việt Nam dù tâm huyết đến đâu cũng không cản được bước tiến của họ. Để chấm dứt cái sự chiến đấu vô vọng này, viên Tổng trấn các tỉnh miền Tây Nam kỳ Phan Thanh Giản chấp thuận nhượng cho Pháp ba tỉnh phía tây là Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên. Sau đó, tự coi như bị nhơ nhuốc, Phan Thanh Giản đã uống thuốc độc tự tử trước mắt gia đình và thuộc hạ.

Kể từ lúc đó, toàn thể Nam kỳ bị đặt trong vòng kiểm soát của người Pháp. Ở Bắc kỳ, một người tự xưng là con cháu của nhà Lê, kêu gọi nước Pháp tiếp tay. Dưới hình thức bảo vệ sự thương mại trên dòng sông Hồng Hà, một thương gia Pháp tên Jean Dupuis (Đồ Phủ Nghĩa) vẫn dùng đường này để buôn bán với người Hoa ở tỉnh Vân Nam, quân Pháp ngày 20 tháng 11 năm 1873 đã bất ngờ, tấn công thành Hà Nội, làm cho viên Tổng đốc Nguyễn Tri Phương phải tự tử. Ngày 15 tháng 3 năm 1874, triều đình Huế và Pháp ký một thỏa ước như sau: Pháp phải rút hết quân đội ra khỏi Bắc kỳ, ngược lại triều đình Huế phải công nhận xứ Nam kỳ là thuộc địa của Pháp, đồng thời cho phép Pháp được buôn bán tự do ở ba thành thị lớn là Hà Nội, Hải Phòng và Qui Nhơn.

Sự ngưng chiến này chỉ có một thời gian ngắn. Nước Pháp năm 1882 lấy cớ là triều đình Huế đã từ chối thực hiện một số điều kiện mới của Pháp vốn trái lại với hiệp ước ký năm 1874, Pháp liền tung ra cuộc tấn công mới. Nhờ ở vũ khí và chiến cụ tinh vi hơn, quân Pháp lại ngược sông Hồng Hà và tái chiếm thành phố Hà Nội.

Quan Tổng đốc Hoàng Diệu, treo cổ lên một cành cây ở đồi Tam Sơn trong thành, về sau được gọi là *"Đồi Trung Liệt."*

Chĩu nặng bi thiết, Hoàng đế Tự Đức chết ngày 10 tháng 7 năm 1883.

Ngài chỉ định làm kế vị người cháu mà Ngài nhận làm nghĩa tử lên làm vua, nhưng dưới sự áp lực của Pháp, triều đình truất phế ông vua này mới lên ngôi được ba ngày. Thay vào đó, người ta đem người em út của vua Tự Đức lên làm vua, lấy hiệu là Hiệp Hòa. Nhưng vì vị thiếu quân này không chịu chấp nhận những đòi hỏi mới của Pháp, Ngài cũng bị truất phế sau bốn tháng mười ngày lên làm vua. Ngài bị đánh thuốc độc chết vào ngày 30 tháng chạp năm 1883. Người ta chọn người cháu khác của vua Tự Đức lên làm vua, lấy hiệu là Kiến Phước, mới mười hai tuổi. Khi ấy quyền hành ở trong tay hai người là Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết. Nguyễn Văn Tường làm phụ chính đại thần, dưới áp lực của Pháp, ký với Pháp ngày 6 tháng 6 năm 1884 một hiệp ước mới công nhận nền bảo hộ của Pháp đối với hai xứ Bắc và Trung kỳ. Chiếc ấn bạc của vua Gia Long trước kia nộp cho Trung Hoa, về đời vua Càn Long nhà Thanh, coi như chư hầu, được hủy bỏ công khai trước khi ký hiệp ước này. Chỉ có một sự trao đổi tượng trưng là trả về cho triều đình tỉnh Bình Thuận trước sát nhập vào Nam kỳ làm đất thuộc địa của Pháp, và trả hai tỉnh Thanh Hóa và Hà Tĩnh trước sát nhập vào Bắc kỳ, thì nay trả về cho Trung kỳ. Mực còn chưa ráo thì Hoàng đế Kiến Phước chết ngày 31 tháng 7 cùng năm ấy (1884).

Người anh của Kiến Phước lên kế vị, lấy hiệu là Hàm Nghi, cũng mới mười lăm tuổi. Chính quyền trung ương bị chia xẻ. Ngày 1 tháng 10 năm 1884, chính phủ Pháp đặt

chức Khâm sứ để cai quản cả hai miền Trung Bắc lưỡng kỳ, đặt làm đất bảo hộ của Pháp.

Trung Hoa cũng thua Pháp, phải ký hiệp ước Thiên Tân ngày 6 tháng 6 năm 1885, cam đoan không cho quân vượt biên giới sang Việt Nam, và hứa công nhận các hiệp ước ký kết giữa Việt Nam và Pháp, kể cả các công việc xảy ra sau này giữa hai nước này. Ngày 13 tháng 6, Hoàng đế nhà Thanh chấp nhận dứt khoát hiệp ước ấy.

Nước Pháp vẫn còn lằng nhằng đòi hỏi hơn nữa. Họ đòi triều đình phải cam đoan lại một lần nữa những sự cam kết với Pháp đã được ký kết trong hiệp ước trước. Trước sự tráo trở thiếu chân thành ấy, sự căm phẫn đã đến độ tột cùng của nó. Quan Phụ chính Tôn Thất Thuyết liền đem Hoàng đế trẻ Hàm Nghi cùng một số lớn triều thần bỏ kinh thành đi trốn. Họ vào bưng. Ba năm sau, vua Hàm Nghi bị bắt trong vùng Quảng Trị và đưa đi đày ở Algerie vào năm mười tám tuổi.

Trong thời gian này, Hội đồng Cơ mật vẫn còn ở Huế, đã cùng với bà Hoàng thái hậu dưới sự nài nỉ của viên Khâm sứ Pháp, đã đưa người cháu cuối cùng của vua Tự Đức, lúc ấy mới hai mươi tuổi lên làm vua vào năm 1885 lấy hiệu là Đồng Khánh tức ông nội tôi.

Đó là một người thức thời, có nhiều khả năng, nhưng tiếc rằng đã không gặp thời, lên làm vua trong lúc quá khó khăn này. Thêm vào đấy, các vị quan giá trị trong triều thì ngán ngẩm không thiết gì đến công danh, quyền chức nữa, nên hầu như bỏ buông xuôi. Cũng không còn trông vào đâu về phía bên ngoài có thể trợ giúp được gì, Đồng Khánh muốn trở lại chính sách hợp tác với Pháp như dưới thời Gia Long cũ. Ngài mong như vậy có thể cứu vãn được sự suy sụp của quốc gia, mà canh tân lên được.

Nhưng bị sự thôi thúc hầu như liên miên của chính phủ Pháp, Ngài đành phải nhượng bỏ nhiều điều khoản của họ đưa ra, mà điều quan trọng nhứt là đặt viên Toàn quyền cho toàn cõi Đông Dương.

Viên Toàn quyền này "vì lý do phải giữ trọng trách lãnh đạo các đất đai mới sát nhập, và đặt dưới sự che chở của chính quốc, cho toàn xứ Đông Dương" đã được đặt dưới quyền của bộ Thuộc địa, trong khi các xứ khác thuộc quyền bảo hộ, thì được đặt dưới quyền của bộ Ngoại giao. Như vậy, là có một sự vi phạm trắng trợn vào hiệp ước bảo hộ ký năm 1884. Ban đầu thì nhiệm vụ của viên Toàn quyền chỉ hạn định ở chỗ phối hợp giữa các hoạt động của các viên Khâm sứ, Công sứ, nay biến ra thành nhiệm vụ của một kẻ cai trị trực tiếp và dứt khoát các đất đai thuộc địa của Pháp ở Đông Dương.

Thế là từ năm trước, viên Thống sứ ở Hà Nội, giữ quyền hành của vị Phó vương Bắc kỳ.

Vua Đồng Khánh chết bất ngờ vào năm Ngài hai mươi bốn tuổi, năm 1889, ôm mối hận là dưới triều đại của Ngài, ngoài ý muốn, đã phải đưa toàn thể nước nhà vào ách đô hộ của nước Pháp.

Người kế vị Ngài là Hoàng đế Thành Thái, con của Quốc công Dục Đức, và là cháu gọi vua Đồng Khánh bằng chú ruột. Khi kế vị mới có lên mười tuổi. Triều đại của Ngài bị xáo trộn bởi các cuộc nổi dậy đánh du kích ở các tỉnh Bắc kỳ, kéo dài đến năm 1896. Lấy lý do đó, nước Pháp tăng thêm quyền hạn cho viên Toàn quyền Đông Dương trên khắp cái gọi là Liên minh Đông Dương, gồm ba nước Việt-Miên-Lào... Từ đó, viên chức cao cấp ấy có đầy đủ mọi cơ quan điều hành và có một ngân khoản lớn lao. Ông ta thu thuế, và các khoản về thương chính, bổ nhiệm các hàng

Chánh phó Tỉnh trưởng, Chánh phó Quận trưởng. Viên Khâm sứ Trung kỳ trở thành chủ tọa các phiên họp Hội đồng Nội các của triều đình, và tất cả các quyết định của bộ hay của chính ngay Hoàng đế cũng phải lấy phê chuẩn của công chức Pháp. Thành thử, dù Hoàng đế có là Thiên tử của thần dân, cũng chẳng có tí quyền gì.

Tuy nhiên, dưới thời Pháp, xứ sở cũng được mở mang ít nhiều, và nền kinh tế tương đối tốt đẹp. Nhiều công trình thủy lợi giúp cho nền nông nghiệp mở mang hơn trước rất nhiều, và sản lượng gạo khá thừa thãi, để có thể tài trợ cho các lãnh vực khác.

Thế nhưng, đối với số người Việt Nam, nhứt là giới thượng lưu trí thức, nhà dù có đẹp đến mấy mà do người khác cai quản thì cũng chẳng quí hóa gì. Ai cũng mong độc lập và thống nhứt. Người ta đặt niềm tin vào vua Hàm Nghi đang bị lưu đày ở Algerie, hay nghển trông những người đã chạy sang Tàu, sang Nhựt. Trước đây, vào năm 1905, Nhựt Bản dã thắng hải quân Nga ở eo biển Đối Mã nên Nhựt tung ra khẩu hiệu: *Ngô Á Ngô Hoàng* (Á Châu của người Châu Á).

Không ai dám nghĩ rằng, nên theo gương nước Nhựt, mà canh tân xứ sở trước, dù với sự trợ giúp của Pháp, sau đó hãy nói đến chuyện chiến đấu giành độc lập cho đất nước. Người ta nôn nóng chỉ nghĩ đến những chuyện chiến đấu và đánh du kích bằng gậy tầm vông. Nhiều hội kín được mọc lên. Họ có liên lạc với bọn người từng lưu vong sang Tàu hay sang Nhựt. Hoàng thân Cường Để trước đây đã bỏ sang Nhựt, nên nhiều thanh niên đã kéo nhau sang theo. Hoàng đế Thành Thái không muốn sự thất thoát nguồn nhân lực ấy, phải tỏ sự chống đối với nền đô hộ của Pháp. Mặc dù viên Toàn quyền Paul Doumer nhận định về Ngài đã ghi nhận rằng Ngài rất thông minh, và tự tin ở mình,

nhà vua vẫn bị coi là mắc bệnh điên, để bắt buộc phải nhường ngôi, rồi bị đưa sang an trí ở đảo Reunion vào năm 1907, lúc ấy Ngài mới hai mươi tám tuổi.

Quen cái mùi lấn át ăn người đó, chính phủ Pháp lại dựa vào một thiểu số ở triều đình, để đưa người em út của vua Thành Thái, lên nối ngôi lấy hiệu là Duy Tân mới lên bảy tuổi.

Loạn khắp mọi nơi. Nhiều phong trào nổi lên chống đối, nhứt là ở Hà Nội và Sài Gòn. Pháp liền khủng bố, nhiều lãnh tụ của phong trào bị bắt đem đi đầy ở Côn Đảo. Trường đại học trước được mở ra dưới triều đại Thành Thái, nay bị đóng cửa hẳn. Nhân dân chống lại, và bỏ ra bưng. Tháng 10 năm 1911, nhà Thanh bị lật đổ, chính phủ Dân quốc Trung Hoa do Tôn Dật Tiên cầm đầu, làm cho những nhà cách mạng lưu vong, hay đang âm thầm hoạt động ở trong nước càng thêm phấn khởi và tin tưởng. Cho đến năm 1913, các hội kín này cho nổ ra nhiều vụ nổi dậy, nhiều vụ biểu tình, hay những cuộc ám sát, và khủng bố.

Trước tình trạng ấy, Pháp bổ một vị Toàn quyền mới là Albert Sarraut. Vốn là tay làm báo, dân biểu thuộc miền Trung nước Pháp, ông ta đã khôn ngoan biết cách chinh phục nhân dân. Ông tổ chức lại guồng máy cai trị thuộc địa khả quan hơn trước bằng cách ngăn chận các cuộc lạm quyền, và thay đổi lề lối tham nhũng, cho mở cửa lại trường đại học, và mở mang ngành giáo dục công lập. Những biện pháp đó làm giảm bớt sự bất mãn, và đem lại an ninh trở lại. Đến nỗi rằng, khi Pháp có chiến tranh với Đức (kỳ Đệ nhứt Thế chiến) vào năm 1914, hơn một trăm ngàn binh lính và thợ thuyền Việt Nam đã sang Âu Châu, để trả ơn cái gọi là mẫu quốc bảo hộ.

Tuy nhiên, các phong trào ái quốc, lợi dụng cơ hội này, nước Pháp đang bận ở Âu Châu, để tung ra sự rối loạn trong

Chánh phó Tỉnh trưởng, Chánh phó Quận trưởng. Viên Khâm sứ Trung kỳ trở thành chủ tọa các phiên họp Hội đồng Nội các của triều đình, và tất cả các quyết định của bộ hay của chính ngay Hoàng đế cũng phải lấy phê chuẩn của công chức Pháp. Thành thử, dù Hoàng đế có là Thiên tử của thần dân, cũng chẳng có tí quyền gì.

Tuy nhiên, dưới thời Pháp, xứ sở cũng được mở mang ít nhiều, và nền kinh tế tương đối tốt đẹp. Nhiều công trình thủy lợi giúp cho nền nông nghiệp mở mang hơn trước rất nhiều, và sản lượng gạo khá thừa thãi, để có thể tài trợ cho các lãnh vực khác.

Thế nhưng, đối với số người Việt Nam, nhứt là giới thượng lưu trí thức, nhà dù có đẹp đến mấy mà do người khác cai quản thì cũng chẳng quí hóa gì. Ai cũng mong độc lập và thống nhứt. Người ta đặt niềm tin vào vua Hàm Nghi đang bị lưu đày ở Algerie, hay nghển trông những người đã chạy sang Tàu, sang Nhựt. Trước đây, vào năm 1905, Nhựt Bản dã thắng hải quân Nga ở eo biển Đối Mã nên Nhựt tung ra khẩu hiệu: *Ngô Á Ngô Hoàng* (Á Châu của người Châu Á).

Không ai dám nghĩ rằng, nên theo gương nước Nhựt, mà canh tân xứ sở trước, dù với sự trợ giúp của Pháp, sau đó hãy nói đến chuyện chiến đấu giành độc lập cho đất nước. Người ta nôn nóng chỉ nghĩ đến những chuyện chiến đấu và đánh du kích bằng gậy tầm vông. Nhiều hội kín được mọc lên. Họ có liên lạc với bọn người từng lưu vong sang Tàu hay sang Nhựt. Hoàng thân Cường Để trước đây đã bỏ sang Nhựt, nên nhiều thanh niên đã kéo nhau sang theo. Hoàng đế Thành Thái không muốn sự thất thoát nguồn nhân lực ấy, phải tỏ sự chống đối với nền đô hộ của Pháp. Mặc dù viên Toàn quyền Paul Doumer nhận định về Ngài đã ghi nhận rằng Ngài rất thông minh, và tự tin ở mình,

nhà vua vẫn bị coi là mắc bệnh điên, để bắt buộc phải nhường ngôi, rồi bị đưa sang an trí ở đảo Reunion vào năm 1907, lúc ấy Ngài mới hai mươi tám tuổi.

Quen cái mùi lấn át ăn người đó, chính phủ Pháp lại dựa vào một thiểu số ở triều đình, để đưa người em út của vua Thành Thái, lên nối ngôi lấy hiệu là Duy Tân mới lên bảy tuổi.

Loạn khắp mọi nơi. Nhiều phong trào nổi lên chống đối, nhứt là ở Hà Nội và Sài Gòn. Pháp liền khủng bố, nhiều lãnh tụ của phong trào bị bắt đem đi đầy ở Côn Đảo. Trường đại học trước được mở ra dưới triều đại Thành Thái, nay bị đóng cửa hẳn. Nhân dân chống lại, và bỏ ra bưng. Tháng 10 năm 1911, nhà Thanh bị lật đổ, chính phủ Dân quốc Trung Hoa do Tôn Dật Tiên cầm đầu, làm cho những nhà cách mạng lưu vong, hay đang âm thầm hoạt động ở trong nước càng thêm phấn khởi và tin tưởng. Cho đến năm 1913, các hội kín này cho nổ ra nhiều vụ nổi dậy, nhiều vụ biểu tình, hay những cuộc ám sát, và khủng bố.

Trước tình trạng ấy, Pháp bổ một vị Toàn quyền mới là Albert Sarraut. Vốn là tay làm báo, dân biểu thuộc miền Trung nước Pháp, ông ta đã khôn ngoan biết cách chinh phục nhân dân. Ông tổ chức lại guồng máy cai trị thuộc địa khả quan hơn trước bằng cách ngăn chận các cuộc lạm quyền, và thay đổi lề lối tham nhũng, cho mở cửa lại trường đại học, và mở mang ngành giáo dục công lập. Những biện pháp đó làm giảm bớt sự bất mãn, và đem lại an ninh trở lại. Đến nỗi rằng, khi Pháp có chiến tranh với Đức (kỳ Đệ nhứt Thế chiến) vào năm 1914, hơn một trăm ngàn binh lính và thợ thuyền Việt Nam đã sang Âu Châu, để trả ơn cái gọi là mẫu quốc bảo hộ.

Tuy nhiên, các phong trào ái quốc, lợi dụng cơ hội này, nước Pháp đang bận ở Âu Châu, để tung ra sự rối loạn trong

nhiều tỉnh lớn. Nhà vua vừa được mười sáu tuổi tưởng rằng thời cơ đã đến, liền rời khỏi cung điện, để ra bưng cầm đầu phong trào chống đối. Đáng buồn tay, công cuộc mưu đồ đại sự của Ngài chỉ vỏn vẹn được hai ngày, thì bị một toán lính khố xanh khám phá được chỗ ẩn. Thất bại từ trứng nước, ông bị đày sang đảo Reunion để gặp phụ hoàng Thành Thái ở nơi đó. Đó là lần cuối cùng của một ông vua trong hoàng gia đã thất bại cho mưu đồ phục quốc trong tay Pháp.

Triều đình nhận chân được rằng, trong những trường hợp như thế này, mà chống Pháp quả là vô ích. Vì vậy, mới tìm đến con của vua Đồng Khánh, vốn chủ trương thân Pháp như thời vua Gia Long cũ, để lập làm vua. Đó là cha tôi năm ấy đã ba mươi hai tuổi. Nhưng cha tôi, đã từng trông thấy sự tai tiếng về đầu triều đại của vua cha, khi nhận ngai vàng tự tay Pháp chỉ định, hơn nữa làm vua cũng chẳng có quyền thế gì nên người không mấy tha thiết. Mãi đến khi Đức Hoàng thái hậu, đích mẫu của người, tức vợ cả vua Đồng Khánh, thúc dục để cứu vãn danh dự gia đình, người mới nhận, và lên ngôi Hoàng đế vào năm 1916.

Năm sau, ông Albert Sarraut lại trở lại làm Toàn quyền Đông Dương. Trong hai năm liên tiếp, ông xúc tiến việc hợp tác giữa hai nước, nâng cao giá trị của người dân, nên được giới trí thức hoan nghênh, cộng tác chặt chẽ. Ngày 27 tháng 4 năm 1919, tại Văn Miếu thờ Đức Khổng Phu Tử ở Hà Nội, ông đọc một bài diễn văn trứ danh, trong đó ông đề cập đến sự khuếch trương quyền hạn chính trị cho tất cả các sắc dân ở Đông Dương, đặt những nhà trí thức bản xứ vào những địa vị then chốt trước kia chỉ dành cho người Pháp, hầu đưa đến sự thân hữu của nước Pháp đối với các nước bảo hộ càng thêm thắm thiết.

Sự chống đối vì vậy dịu dần đi, và nước Pháp nhờ thắng trận năm 1918 được thêm uy tín, nên ở Việt Nam đã tương đối ổn định và tiến bộ.

Đọc những đoạn cuối của trang sử này, với biết bao tình trạng bi đát, mà trước kia tôi hoàn toàn mù tịt, tôi vô cùng xúc động. Trong vòng chưa tới năm mươi năm, năm bậc tiên đế đã bị đi đày, hay bị truất ngôi, bốn vị đã chết trong mờ ám. Các vụ sôi động vẫn còn âm ỉ chưa tắt hẳn. Chưa nói đến Hoàng thân Cường Để đang hoạt động ở Nhựt và ở Đài Loan. Đã có hai người anh họ là Bửu Trác trước từng là võ quan tùy viên của cha tôi, tự cho là có quyền kế vị Ngài, nhứt là Bửu Đình luôn tìm cách để hạ tôi. Trong thời gian tôi du học ở Pháp, ông ta đã đăng những bài đả kích nẩy lửa. Bị bắt năm 1927, Hội đồng Tôn nhơn phủ đã kết ông ta về tội khi quân (chống lại Hoàng đế) chín năm khổ sai và giam ở Lao Bảo, đuổi ra khỏi hoàng gia, và chuyển sang giam ở Côn Đảo. Ông vượt ngục và bị bắt lại vào năm 1931.

Khi tôi từ Pháp trở về, việc thứ nhứt là ra lệnh ân xá cho ông. Tiếc thay, lệnh này không thi hành được, vì ông ta lại trốn biệt, và không rõ về sau ra sao.

XÃ HỘI VIỆT NAM

Ngày hôm sau, tôi nói chuyện lâu với cụ Charles, trước đây từng là Quyền Toàn quyền Đông Dương từ năm 1916 đến 1917, trước khi ông Albert Sarraut trở lại Đông Dương. Cụ Charles đã phục vụ ở đây gần hết cuộc đời. Do thế, nếu không đóng vai chủ động thì ít ra cũng là nhân chứng về những biến cố mà tôi vừa kể ở trên.

Cụ liền kể cho tôi nghe rành mạch về cuộc đào tẩu của vua Duy Tân và sự lên ngôi của cha tôi.

— Cậu cần phải biết thực sự cái gì đã xảy ra trước đây. Hoàng đế Duy Tân đầy nhiệt huyết vì tuổi trẻ, lại hăng say với lý tưởng, nên đã bị lôi cuốn. Nguyễn Hữu Bài khi ấy đã có ảnh hưởng quan trọng trong triều đình. Ông ta không lạ gì ý chí muốn cầm đầu phong trào đòi độc lập của nhà vua, và sự rời bỏ hoàng cung để ra bưng. Cũng có thể ông ta cũng không lạ việc nhà vua bị bắt lại ngay sau đó. Không có chuyện xúi dục nào về sự tìm người kế vị. Thái tử cũng nên biết rằng, chính lão đã ủng hộ mạnh mẽ, đề nghị của Đức Đoan Huy Hoàng thái hậu, lập phụ hoàng cậu lên đảm nhiệm chức vụ nặng nề này. Chính Đức vua Khải Định

cũng biết rõ như vậy. Và cũng chính trong trường hợp ấy, đã nẩy nở tình bằng hữu giữa phụ hoàng với lão, nên Ngài tin cẩn lão mà gửi thái tử cho lão trông nom.

Nếu bây giờ, bằng vào cái tình giao hảo ấy, mà lão có thể nói với thái tử một điều hữu ích, thì lão sẽ khuyên thái tử rằng: Hãy nên noi gương vua cha là hơn cả. Tất nhiên, ngày đưa thái tử sang Pháp, lúc trở về Việt Nam, Ngài đã thất vọng như thế nào. Vậy thời thái tử đủ qua học vấn, mà hiểu biết sâu rộng về người Pháp, thái tử thừa sức nhận định được tương lai một cách vững vàng. Thế giới đang tiến mạnh, phụ hoàng biết thế, và chính vì vậy, mà người muốn thái tử được trang bị sẵn sàng để định đoạt lấy số mệnh của mình. Hãy cẩn thận và khôn ngoan. Hiện nay sự yên tĩnh chỉ là bề mặt. Khi thái tử còn ở Pháp, cách đây hai năm, nhiều xáo trộn đã xảy ra ở Bắc kỳ. Tại Yên Bái, lính khố đỏ đã làm loạn ngay trong trại lính, đầu độc và giết các sĩ quan Pháp. Hai sĩ quan và hai hạ sĩ quan đã bị giết. Chỉ nội một tuần sau, toàn vùng đã ở trong tình trạng chiến tranh. Nhiều làng mạc nổi lên như ong. Quan Toàn quyền Pierre Pasquier phải ra lệnh cho máy bay ném bom các làng đó. Thế rồi, vài tuần sau nữa, đã lan tới Vinh. Phải dùng biện pháp mạnh để đối phó...

Những lời cuối cùng của cụ Charles còn vang bên tai tôi. Máu đã chảy, máu của nhân dân nước tôi. Tôi nghĩ lại đến số phận của các đấng tiên vương, từng loạt cố gắng liên miên của các Ngài, quyết chiến đấu đòi lại quyền tự chủ, mà chỉ đi đến thất bại nặng nề. Tôi đã từng tự chọn cho mình danh hiệu Bảo Đại, có nghĩa là huy hoàng, vĩ đại. Thế thì cái vĩ đại, huy hoàng kia cần phải lấy lại cho bằng được. Tôi biết cần phải theo đường lối nào, để tự dấn thân. Nhưng phải dấn thân trong khôn ngoan và thận trọng. Hiện tại, cần phải mở mang xứ sở, canh tân đất nước, làm

cho hùng cường, với sự trợ giúp của Pháp. Rồi đợi và nắm lấy cơ hội, khi thời cơ sẽ đến... Thời gian sẽ đến với chúng tôi. Nhưng cần nhứt là phải tự tồn, tự tồn bằng mọi giá, mới có thể thực hiện được.

Hai tháng sau khi ở Pháp về, chính phủ bảo hộ Pháp tổ chức cho tôi ra thăm Bắc hà. Cần phải xóa đi những kỷ niệm hãi hùng ở Yên Bái. Từ Tourane ra Hải Phòng, tôi đi tàu Dumont d'Urville. Tôi trông thấy vịnh Hạ Long đầy vẻ tráng lệ huy hoàng. Từng vách đá nhô lên từ đáy nước, cây mọc xanh um rải rác giữa biển trời mây sóng. Từng cồn cát mịn lập lờ mặt nước. Quả nhiên, đất nước tôi đẹp tuyệt vời.

Từ Hải Phòng lên Hà Nội, tôi đi bằng tàu hỏa. Khắp nơi, dân chúng nồng nhiệt hoan hô. Từ thời Minh Mạng, chưa có vị Hoàng đế nào ra thăm Bắc kỳ. Vua Gia Long trước kia đã ra đây, đến sát biên giới Trung Hoa, để nhận thụ phong làm chư hầu của vua nhà Thanh.

Còn tôi thì nhờ Pháp đưa ra Bắc, nên mới trông thấy giang sơn của nước mình, thành ra dù muốn dù không, tôi đã trở thành chư hầu của Pháp.

Đến Hà Nội, toàn quyền Pierre Pasquier đã tổ chức nhiều buổi tiếp tân long trọng để chào mừng tôi. Trong hai tuần lễ liên tiếp, họ đã đưa tôi đi thăm nhiều tỉnh giáp ranh Hà Nội. Họ đưa tôi đến thăm trường Mỹ thuật, rồi ra Hongay thăm mỏ than. Đây là loại viếng thăm chính thức, nên đã được tổ chức chu đáo. Tất cả đều tốt đẹp, đâu vào đấy cả. Nguyễn Hữu Bài trong ba tuần lễ ấy, đã theo tôi trong dịp xuất du này.

Rõ ràng rằng cuộc đi chơi thăm thú này đã cho tôi trông thấy kích thước mới của đất nước. Những khả năng công kỹ nghệ của Bắc kỳ có thừa sức đưa đất nước lên hàng các quốc gia tiền tiến, chẳng thua bất cứ nước nào. So sánh với

vùng Huế vốn mơ màng thơ mộng với nền nông nghiệp lạc hậu của con trâu cái cày, miền Bắc Việt Nam đã cho thấy tiềm năng phấn khởi về tương lai của đất nước. Khi hồi triều tôi cảm thấy khá nhiều thất vọng. Bởi vì, chính ngay tại nước mình, mà tôi được tiếp đón như khách, chứ không phải là chủ nhân ông thì vai trò của tôi quá bé nhỏ, làm sao mà dân chúng đợi chờ gì ở tôi được. Tất cả mọi việc từ to đến nhỏ, từ đời sống hàng ngày của dân chúng đến tương lai của đất nước, đâu tôi được quyền dòm đến? Tôi chỉ là một diễn viên sân khấu, thỉnh thoảng xuất hiện cho xôm trò, chứ đâu phải là người đạo diễn?

Vậy thì cái ý niệm làm hoàng đế như tôi đã từng tin tưởng, theo đúng tinh thần cơ bản cổ truyền về nhiệm vụ của vị thiên tử, để cho triều đại được huy hoàng, vĩ đại, thật quả đã xa vời, xa vời quá đỗi...

Hoàng đế còn là vị Đại giáo chủ, đại tư lý, cha mẹ thần dân, đấy là theo căn bản của Khổng Mạnh. Cầm quyền thiên tử là phải trị quốc, an thiên hạ, đem lại thái bình cho phong đăng hòa cốc. Quyền năng tuyệt vời ấy, chẳng cần phải dùng đến giấy tờ nào, hiến pháp nào qui định. Mà nằm ngay trong giáo lý của Khổng Mạnh.

Cầm quyền thượng thặng của nền quân chủ tuyệt đối, vị thiên tử chẳng có một giai cấp phong kiến nào làm trung gian đối với nhân dân. Các người làm quan từ nhân dân do tài đức, hay thi đỗ mà nên, và các con cháu họ, nếu không tự mình thi đỗ lại trở thành dân như cũ. Giai cấp phong kiến cha truyền con nối không bao giờ từng có ở Việt Nam. Chỉ có vua và dân thế thôi. Trong làng xã, dân có quyền của dân, y như một thứ quân bình xã hội giữa vua và dân. Người ta vẫn nói rằng: Phép vua thua lệ làng, là như vậy.

Tất nhiên, nhà vua có quyền tối thượng về đất đai, vua là chủ sơn hà. Thế nhưng quyền ấy mất đi, nếu đất đai ấy

được người dân trong nước khai thác trồng trọt. Đất ấy trước kia gọi là công điền, công thổ. Thì nay, khi được khai thác và đóng thuế, người dân lại là sở hữu chủ, cho đến khi nào, nếu đất bỏ hoang, không ai đóng thuế nữa, thì lại trở thành công điền công thổ như xưa.

Như vậy, nếu có một khu đất nào chưa có sở hữu chủ, mà nay có người đem họ hàng bà con đến để sinh cơ, lập nghiệp, thì người ấy chỉ việc làm đơn xin lên viên quan đầu tỉnh, làm được bao nhiêu cứ việc xin, khu vực ấy với số dân cư này sẽ tạo nên làng xã. Làng là một pháp nhân, có thể mua thêm đất cát, để bành trướng mãi ra, chỉ trừ một số đất gọi là thần từ phật tự, không được đụng chạm đến mà thôi.

Làng xã được tự trị. Làng tạo nên đơn vị thuế khóa, thu thuế của dân để đóng cho nhà vua, cho chính phủ, tự xây những cầu cống, chợ búa, thiết lập những công trình công cộng, tự giữ lấy an ninh trật tự. Có ngân sách riêng, lập ra hương ước. Đây là một pháp nhân rõ rệt, y như một cá nhân đầy tự do, một loại xã hội cộng hòa bỏ túi, mà nội bộ trị an, ra ngoài quyền hạn của nhà vua. Đó là luật hương đẳng, tự bảo lấy nhau, nên gọi là quan viên hương đẳng vậy.

Gia đình nào cũng có gia tiên để thờ, thì làng có sự thờ cúng vị thành hoàng. Các ông thành hoàng này, phần nhiều chẳng ai khác hơn là vị đã sáng lập ra ngôi làng ấy ban đầu. Lúc mới thành lập làng, các chủ gia đình lập nên cái gọi là Hội đồng Kỳ mục, người cao tuổi nhứt được bầu lên làm tiên chỉ. Sau này, vị nào có đức hạnh, có tài năng, hay thành tích gì nổi bật đối với làng, vị đó cũng được tôn vinh, sau khi chết. Không có gì vinh hạnh cho làng bằng có người tài ba, nổi tiếng, hay thi đỗ ra làm quan to ở triều đình. Thế rồi, lâu dần, từ những vị sáng lập ra làng, những vị tài cao đức trọng, những nhà khoa bảng hay có quan tước lớn,

đều có ở nguyên quán một ngôi đền, một tấm bia ghi lại thành tích của họ, người ta biết được giá trị tinh thần và đạo hạnh của những vị ấy.

Họ được tôn thờ, đó đã là gương sáng cho dân noi theo. Từ chỗ đó, họ biến thành thần, mà trở thành Thành hoàng làng là như thế. Tài ba, đức hạnh của họ, tạo nên khuôn vàng thước ngọc linh thiêng, nên dân chúng đặt họ ngang với các bậc tiên thánh, và lẫn lộn với các bậc thần linh khác.

Từ đó nên nhà có thần, với đạo gia tiên, xã tắc có hồn với khí thiêng sông núi, làng mạc được che chở bởi những bậc thần linh, với các đình trung miếu mạo, đời sống dân gian được bình an dưới mái ấm, có những nỗi buồn vui quấn quít, tạo nên đạo hiếu trung bền vững cùng với núi sông.

Các Thành hoàng được thờ ở đình. Dân làng càng tô điểm đình của làng mình cho nguy nga tráng lệ, và các kinh phí bảo trì hay phụng sự được lấy ở sở đất thần từ phật tự mà ra.

Nhưng các vị thần làng này vẫn thuộc dưới quyền cai quản của Hoàng đế. Đây chính là một thứ quyền về nghi lễ mà người Pháp dành cho tôi đó. Các Thành hoàng này chỉ được thờ cúng, khi được Hoàng đế cấp cho sắc phong, thì mới nên thần mà thôi.

Tôi cũng có thể phong tước hay cấp phát phẩm hàm cho người đã chết. Bộ Lễ viết sắc phong, có ấn dấu quốc bảo, chuyển qua viên quan đầu tỉnh, viên này khi trao sắc là đứng vào chức vụ khâm mạng của nhà vua, để trao cho ông cụ già nhứt trong làng. Dân làng rước sắc ấy về, sắc được đựng trong một hộp gỗ sơn son thếp vàng, gọi là hòm sắc.

Bất cứ ai, thuở sinh thời làm được điều gì hiển hách đều có thể được phong làm Thành hoàng cả và có đình thờ, có bia đá ghi công.

Làng thường có nhiều thôn, xóm, trại, ấp tập hợp lại làm một, và bao gồm cả những ngôi nhà ở rải rác bên ngoài gần chỗ đó, tạo nên đơn vị cuối cùng của nền hành chánh hạ từng cơ sở. Làng thiết lập bài chỉ về thuế đinh, thuế điền, và thổ trạch. Đó là căn bản của ngành địa chính.

Sự khuếch trương làng xã, do chính dân làng tự lực, qua hai hình thức, hoặc là dân tự nguyện tham gia, hoặc là do cưỡng bách công sai để kiến tạo, tu bổ đường sá, sông ngòi, hào lạch, cầu cống đê điều, rào làng, phòng hỏa cũng như phòng thủy, chăm sóc các đình chùa, miếu mạo. Ngoài ra còn phải trông nom đồng ruộng hoa màu, chống gian phi đạo tặc. Nhứt là phải phòng đê trong mùa nước. Trong thời gian này, toàn thể dân chúng phải quan tâm lo ngại đến mức nước lên của các triền sông, các vụ nước lũ, dùng trống cái thúc dục hay báo động những chỗ đê điều bị thẩm lậu, hầu tránh bị lụt hại đến hoa màu, nhà cửa. Các viên chức cai trị làng xã, tạo nên lớp kỳ hào phần lớn xuất thân ở giới phú nông, hay trung nông, gọi chung là địa chủ. Họ tự bầu ra để giữ những nhiệm vụ điều khiển, gọi là bọn kỳ hào, hay hào mục, hay hương lý, những bậc đàn anh trong làng. Họ có thể được tăng cường thêm bởi các vị khoa bảng, các quan lại về hưu, có ảnh hưởng xã hội, để giúp đỡ hay cho ý kiến cần thiết. Viên tiên chỉ phần nhiều là một cụ già có uy tín nhứt. Ở Việt Nam tuổi tác là một yếu tố đáng kính. *Kính lão đắc thọ* là một câu châm ngôn. Bởi thế, dù người già mà nghèo đến đâu chăng nữa, cũng được gọi bằng cụ hay bằng ông, hai danh từ này chỉ dùng để tôn kính các bậc trưởng lão, không phân biệt, ai cũng như ai.

Viên tiên chỉ chủ tọa hội đồng kỳ mục, đảm trách về lễ nghi, hội hè đình đám, giữ vai trò quan tòa hòa giải, và trông coi về ngân sách, về thuế má, cùng thiết lập ra quỹ hàng xã của làng. Việc quản trị làng xã được chia ra làm hai hạng kỳ mục. Các vị sáu mươi tuổi, gọi là lão hạng, điều khiển toàn công việc của xã, còn các người trẻ gọi là hương lý thì phụ trách điều hành. Hội đồng Kỳ mục này chẳng những chỉ lo toan về mặt điều khiển và trị an, mà còn phải chăm nom về tác phong đạo hạnh của các thanh niên trong làng, chú trọng đến các cô nhi quả phụ, và các người già và nghèo đói. Mỗi làng đều phải lo cho an sinh xã hội giúp đỡ tất cả con dân trong làng.

Việc liên lạc với chính quyền sở tại trung ương, được trao cho một người trong Ban kỳ mục, gọi là Lý trưởng. Viên này phải đốc thúc cả việc tuần phòng. Nếu xảy ra việc gì do con dân trong làng phạm phải đối với chính quyền trung ương thì viên này phải chịu trách nhiệm nặng nề, mà trở thành một thứ dê tế thần, phải gánh đủ.

Một tổ chức như vậy, vừa nhiêu khê, vừa dân chủ, mà không có một viên kỳ mục nào có thể đơn phương hành động được, đã có ở nước tôi cả ngàn năm cũ. Thật rõ ràng minh bạc, chẳng ai có đặc quyền gì, đời sống tự do, làng xã Việt Nam chỉ đặt dưới quyền tòng phục tinh thần Hoàng đế, để được che chở và giúp đỡ trong các công tác hữu ích, có vậy mà thôi.

Căn bản của cơ cấu xã hội là họ (mỗi họ có nhiều gia đình). Phải chăng vì thế mà người ta đã gọi nước Việt Nam xưa là Bách Việt (Trăm họ)?

Tục thờ cúng tổ tiên, tin tưởng ở linh hồn người chết, ở Việt Nam cũng giống như ở phương Tây, bắt nguồn từ tôn giáo gia đình mà ra. Mỗi một gia đình có những thần

linh riêng biệt (ông bà ông vải), và người tế tự chẳng ai khác hơn là viên trưởng tộc. Người sống không thể sao nhãng đến người chết, và người chết cũng không thể bất cần đến người sống được. Giữa người sống và người chết, đã có sự tương quan mật thiết vĩnh viễn để làm lợi cho nhau.

Người gia trưởng là kẻ thừa kế ông cha, truyền lại sự phụng thờ tiên tổ cho hậu duệ chính thống của mình, đời đời tiếp tục, trở thành vai chủ tế trong gia đình, phải có bổn phận lo giữ lấy giòng giống. Bởi thế, ai không có con trai nối dõi bị coi là bất hiếu (Bất hiếu hữu tam, vô tự vi đại).

Đối với cha, người con trai phải biết tuân lời, tôn kính và tòng phục. Ngay từ tấm bé, nó phải học lấy chữ hiếu đối với cha, mà nó là kẻ nối dõi tông đường. Tổ tiên dù đã khuất, nhưng vẫn ngự trị trên cao, để che chở, phù hộ, để cùng mang chung một nỗi buồn vui, thái bĩ của con cháu trên dương gian.

Cũng ngay từ tấm bé, đứa trẻ được tôi luyện trong trật tự, có hệ thống mạch lạc. Nó gọi cha là Thầy cũng như gọi thầy học bằng thầy. Cha nó dạy nó về lễ giáo và lòng hiếu thảo, thì ở nhà trường thầy học cũng trau dồi cho nó nền học vấn giáo khoa y hệt. Nó theo luân lý Khổng Mạnh, nên biết bổn phận làm con đối với cha mẹ, bổn phận làm em đối với bậc huynh trưởng, bổn phận làm dân đối với vua, với nước.

Như vậy các trẻ nhỏ Việt Nam được dậy dỗ và uốn nắn theo một đường lối quyết liệt đáng yêu, một dị đoan hiền dịu của hoài nghi thơ mộng, là sự thờ cúng tổ tiên, tô chuốt tâm hồn trung trinh hiếu thuận, có nhiễm tinh thần từ bi của đạo Phật.

Bộ Luật Việt Nam buộc người con trai phải phụng dưỡng cha mẹ. Sự hiếu thuận không bao giờ được sao nhãng. Quyền của người cha là quyền tuyệt đối. Cha muốn cưới vợ, gả chồng cho con với ai thì con phải vâng lời. Cha chia gia tài cho con nào ra sao, là quyền của người cha, miễn là phải viết minh bạch ra giấy. Người con gái, một khi đã xuất giá thì phải theo chồng. Con gái là con người ta, con dâu mới thật là mẹ cha mua về. Do thế, con gái phải có nhiệm vụ thờ cúng gia tiên bên chồng, và nhẹ về bên mình. Người ta cho rằng đàn ông Việt Nam đa thê. Nhưng thật sự, họ chỉ có một người vợ cả, gọi là vợ tao khang, được cưới hỏi đàng hoàng còn các vợ khác đều là thứ cả.

Muốn tránh những sự ghen tuông, mâu thuẫn, nhứt là đối với sự thừa kế trong hoàng tộc, tôi đã cương quyết bãi bỏ tục đa thê.

Bất động sản của người vợ đem về nhà chồng là thuộc về chồng, nhưng người này không được quyền bán, nếu không có sự thỏa thuận của người vợ. Cưới hỏi phải nằm trong nguyên tắc môn đăng hộ đối.

Tín ngưỡng nhân gian coi linh hồn là bất diệt. Vì thế, sự thờ cúng tổ tiên gồm hai hình thức lễ nghi: một là đối với vong linh người quá vãng, và hai là đối với xác người chết.

Vong hồn vẫn tiếp tục sống trong cõi vô hình. Bởi thế phải làm cỗ cúng, và con cháu phải quỳ lạy khấn vái trong các giỗ chạp. Muốn cho linh hồn được thanh bình an lạc dưới suối vàng, cần phải tìm nơi đất tốt mà xây mộ. Bởi thế, ở nước tôi, không có tục hỏa thiêu xác chết, trừ trường hợp ở nơi đất khách xa xôi. Tang lễ cũng định đoạt về tục để chờ có thời gian nghiêm ngặt. Phải tuân theo cho khắp đồng dân đúng như in. Cũng như tất cả mọi quyền hạn và

qui chế, như phụ quyền, quyền nuôi con nuôi, hôn nhân, ly dị...

Lấy căn bản của sự nối dõi tông đường, dòng giống được thuần nhứt và tinh khiết đạo hiếu hầu như không cho phép những sự xen kẽ ngoại lai, kể cả về pháp lệnh của công quyền. Vì gia đình đã có vị chủ giáo về lễ nghi, vị trưởng quyền tư lý để hóa giải bảo ban nhau, có gia phong, nếp nhà, tạo nên một đơn vị chặt chẽ về gia tộc trước xã hội.

Những phong tục tập quán ấy đã áp dụng cho cả hoàng gia như cho tất cả mọi người. Nếu hoàng đế có giữ cái uy quyền tối thượng, thì chính nhà vua cũng bị đặt trong một qui chế nghiêm khắc áp dụng chung cho cả thần dân.

Nhà vua cai trị với sự phụ lực của hai cơ cấu điều hành, có những bộ trưởng phụ trách.

Cơ cấu thứ nhứt gọi là *Viện Cơ Mật*. Viện này phải chịu trách nhiệm cho tất cả các vấn đề quan trọng trong nước. Có bốn vị đại thần, gồm hai vị là Chánh nhất phẩm và hai vị Tòng nhứt phẩm, cả bốn được gọi là Tứ trụ triều đình, ở dưới có đủ các hàng quan lại để điều hành, và phụ chính khi vua vì lý do gì mà khiếm khuyết.

Cơ cấu thứ hai là *Nội Các,* coi như chính phủ trung ương, đứng trung gian giữa vua và các bộ trưởng. Chia ra làm sáu bộ (Lục bộ) do sáu vị Thượng thư cầm đầu là *bộ Lại* (tức bộ Nội vụ), *bộ Hộ* (tức Tài chánh), *bộ Lễ* (hay bộ Học), *bộ Hình* (tức Tư pháp), *bộ Binh* (tức Quốc phòng), và *bộ Công* (tức Công chính). Nội các điều hành toàn thể công việc trong nước. Mỗi bộ có một viên thượng thư đứng đầu, hai vị phó, hai vị cố vấn gọi là phụ thẩm hay trợ lý. Ngoài ra còn nhiều các viên chức và đại diện. Một Đô sát viện được cử đi công cán trên toàn quốc để bổ túc vào nền hành chính trung ương ấy.

DỰ ĐỊNH CẢI CÁCH

Khi tôi về nước, thì Nguyễn Hữu Bài làm Thượng thư bộ Lại. Như tôi đã nói ở trên, ông ta đã giữ vai trò quan trọng dưới ba triều vua liên tiếp. Rất trung thành với Đức Đoan Huy Hoàng thái hậu, ông ta được Đức Bà tín nhiệm.

Mỗi khi có Toàn quyền hay Khâm sứ nào qua Huế, đến viếng thăm bà là góa phụ của vua Đồng Khánh, bà không bao giờ quên đề cập đến các vấn đề mà viên thượng thư này đã căn dặn từ trước, đến độ thuộc lòng.

Tôi là cháu đích tôn của vua Đồng Khánh, được bà mến yêu, và muốn cho tôi kế vị làm Vua. Đến nay, coi như giờ của tôi đã điểm. Bà biết rằng tôi là Hoàng đế và đã từng du học mười năm ở Pháp. Bà chỉ muốn tôi giữ lấy nền nếp cổ để phụng thờ tôn miếu, và nghĩ đến công lao của tiền triều liệt thánh, còn thì bà tin cậy nơi tôi và để tôi được toàn quyền hành động. Bà đã sửa soạn cho tôi trở về, và nhờ sự can thiệp của bà, bà đã giúp đỡ tôi rất nhẹ nhàng việc tuyển lựa lớp trẻ để đưa vào Nội các.

Trong bọn trẻ tuổi này, có một thanh niên người Bắc, từng làm việc với viên Khâm sứ Robin, tên là Nguyễn Đệ,

người Hà Nội, mà mẫu thân ông ta là nữ quan của Từ Cung Thái hậu. Ông ta viết báo Pháp. Cũng theo đạo Công giáo như Nguyễn Hữu Bài mà ông ta giao du, đây là một chuyên viên về kinh tế. Có căn bản văn hóa Pháp, ông ta thuộc lớp trẻ, mà người ta muốn phụ tá cho tôi. Tôi lấy ông ta làm bí thư riêng.

Cụ Charles đã ở bên tôi hơn một năm. Cụ muốn cho tôi theo đường hướng ấy. Có thể, cụ đã nhận được chỉ thị của chính phủ Pháp để hướng dẫn tôi, nhưng ông cụ đã dùng cả đời mình để phục vụ cho xứ sở Đông Dương, cụ cũng như Thống đốc Lyautey, đã có nhiều tư tưởng, nhiều thiện chí và thông cảm cởi mở đối với đất nước này.

Nguyễn Hữu Bài năm ấy đã bảy mươi tuổi. Để trẻ trung hóa guồng máy quan lại, lấy những người mới, chính cụ Charles đã gợi ý tôi, nên thay cụ Bài bằng Phạm Quỳnh.

Tôi cho vời ông này tới, và cho ông ta biết ý định muốn canh tân đất nước bằng lớp người trẻ. Phạm Quỳnh là người Bắc, tự học, viết văn, làm báo mới có ba mươi lăm tuổi.

Rất thành thực, ông ta trình bày lập trường của ông ta rất phù hợp với tôi. Tôi liền bổ ông ta vào chức Tổng lý Ngự tiền Văn phòng, hàm Thượng thư. Đó là lần đầu tiên mà một người chưa từng có quan chức gì được ở vào làm Thượng thư ở triều đình Huế. Phạm Quỳnh được biết đến, sau vụ Yên Bái năm 1930 nhờ bốn bài xã luận đăng trên báo *France-Indochine* ở Hà Nội, mà bài đầu tiên nhan đề: *Tiến tới một Hiến pháp*. Ông ta chỉ muốn trở lại cơ cấu tốt đẹp cũ. Nằm trong tinh thần hiệp ước bảo hộ, là nên trả lại cho chính phủ hoàng gia sự cai trị nội bộ với Hội đồng Dân biểu. Tuy nhiên, các Thượng thư chỉ chịu trách nhiệm trong Đức Vua mà thôi. Muốn thực hiện sự cải cách ấy, cần phải có sự tham gia của phái trẻ và tân học.

Ngày 10 tháng 12 năm 1932, tôi cho công bố một đạo dụ, loan báo ý định cầm quyền của tôi dưới hình thức quân chủ lập hiến, và cải tổ lại bộ máy cần phải chiếu cố trước tiên là ngành quan lại, ngành quốc gia giáo dục, và ngành tư pháp.

Lời tuyên bố ấy đã được dân chúng nhiệt liệt hoan nghênh, nhứt là đối với giới trẻ, đang muốn canh tân.

Sau lời tuyên bố ấy, ngày 2 tháng 5 năm 1933, lại một đạo dụ khác nhằm đặt cơ cấu của sự cải cách. Tôi xác nhận rằng, việc đầu tiên là chính tôi đảm nhiệm trực tiếp quyền lãnh đạo chính phủ. Sau đó, đến mọi cải cách quan trọng về tổ chức lại chính quyền. Không có chức Thủ tướng, cũng không có chức Thượng thư bộ Lại vì không thực tế, do tất cả các binh sĩ, khố xanh, cũng như khố đỏ, hay cảnh sát đều nằm trong tay chính phủ Pháp.

Tôi cho vời một viên quan tỉnh trẻ tuổi nhứt là Ngô Đình Diệm, lúc ấy làm Tuần vũ tỉnh Phan Thiết, để đảm trách bộ Lại. Vốn dòng quan lại, anh ruột ông ta làm Tổng đốc tỉnh Faifo. Diệm năm ấy mới 31 tuổi, nổi tiếng là thông minh, liêm khiết. Đây là một người quốc gia bảo thủ. Ngoài chức vụ Thượng thư, Ngô Đình Diệm lại còn là Tổng thư ký cho Hội đồng Hỗn hợp về canh tân đã được ban bố năm trước, bao gồm các thượng thư Việt Nam và hàng công chức cao cấp Pháp. Ngô Đình Diệm được Nguyễn Hữu Bài trước khi về hưu, tiến cử.

Tôi lại giao bộ Hình (Tư pháp) cho một người Bắc là Bùi Bằng Đoàn, vốn là quan lại, có bằng luật khoa, đã 51 tuổi.

Tương lai có nhiều hứa hẹn tốt đẹp. Tôi nghĩ rằng không nên mạnh tay quá, nếu không muốn bị chung số phận của mấy vị tiên đế hẩm hiu trước. Tôi đặt hết niềm

tin vào đôi xe Phạm Quỳnh / Ngô Đình Diệm này. Ngô Đình Diệm tỏ ý chỉ nhận chức Thượng thư với điều kiện được cải tổ xã hội Việt Nam. Tiếng tăm của ông ta làm tôi tin rằng ông ta có thể tiến nhanh được. Vị trí của Phạm Quỳnh kín đáo vốn được sự yểm trợ của chính phủ Pháp, sẽ giúp cho công cuộc cải cách được dễ dàng.

Thật là không thể hiểu nổi chính phủ Pháp, nhứt là cái gọi là cơ quan hành chánh của họ. Dựa vào các phần tử bảo thủ, lạc hậu, họ chống đối ngấm ngầm mọi cố gắng về cải cách. Mà những cải cách này là cần thiết. Nên biết rằng thời ấy, nếu có người Việt Nam nào được bổ vào ngạch Tây, cùng chức, cùng trật như đồng nghiệp người Pháp, họ cũng không được hưởng cùng qui chế lương bổng như người Pháp. Chính vì vậy, một vị Tổng đốc đầu tỉnh, như anh của Ngô Đình Diệm, lương tháng còn kém xa lương một viên cảnh sát Tây ở Hà Nội. Trong những trường hợp ấy, muốn được phong thể đàng hoàng, sự ăn hối lộ không thể tránh được. Đó là nguyên nhân của hối lộ và tham nhũng. Mặt khác, sự đối xử chênh lệch ấy, lại còn có những hậu quả tai hại khác. Đó là nó đã làm nản lòng những phần tử tốt, không chịu đi vào ngạch hành chánh hay chuyên môn để phục vụ đất nước thì lại đi vào những lãnh vực tư để sinh nhai.

Đã có sự giành giật từng tí một để lấy lại được chút gì mà người Pháp đã không đếm xỉa đến một mảy may nào của hiệp ước bảo hộ. Chính phủ Pháp khỏe hơn giữ đàng chuôi, nên nỗ lực của mình hoàn toàn tê liệt.

Sau bốn tháng, vào đầu tháng 9 năm 1933, Ngô Đình Diệm không tìm thấy ở Phạm Quỳnh một sự giúp đỡ gì, liền xin gặp tôi:

— Tâu Hoàng thượng, hạ thần đến để xin Hoàng thượng cho từ chức, và cũng xin Hoàng thượng cho giải

nhiệm luôn tất cả những chức vụ mà Hoàng thượng đã trao phó từ trước.

— Quan Thượng, viên thư ký Nguyễn Đệ đã tâu trình Trẫm tất cả nỗi khó khăn của ông, nhưng Trẫm nghĩ rằng ông nên tiếp tục ở lại.

— Tâu Hoàng thượng, xin Hoàng thượng tha tội cho kẻ hạ thần nhưng quả không thể nào ở được. Ở lại chức vụ này, quả nhiên là một trò hề đau khổ của hạ thần mà hạ thần không thể nào kham nổi. Người Pháp đã nắm lấy hết quyền hành, họ đã cai trị trực tiếp, luôn nhân danh hòa ước bảo hộ, nhưng họ không lúc nào không vi phạm từng ngày, từng giờ.

— Quan Thượng, Trẫm hiểu tinh thần trách nhiệm của quan Thượng. Sự liêm khiết ấy đã tôn vinh ông lên rất nhiều, nhưng cần phải chờ thời. Đất nước ta chưa sẵn sàng. Sau nữa, những năm sắp tới đây còn dành cho chúng ta nhiều biến chuyển. Trẫm biết ông và quan Thượng Nguyễn Hữu Bài vẫn có liên lạc chặt chẽ. Như thế, hẳn cụ Bài không quên nhắn nhủ ông những điều lo ngại của cụ. Chiến tranh khó có thể tránh được ở Âu Châu, và như thế, sẽ có nhiều hậu quả đối với Á Châu mà Nhựt Bản có thể là vai trò chủ chốt. Vì những lý do đó, Trẫm nhắc lời cho quan Thượng sự yêu cầu của Trẫm lần nữa.

— Kính tâu Hoàng thượng, thật quả là điều mà hạ thần không thể kham nổi. Kẻ hạ thần không được quyền ở lại. Kính xin Hoàng thượng cho phép kẻ hạ thần được rút lui.

Ông ta khăng khăng một mực xin từ chức.

— Được, Trẫm chấp thuận cho quan thượng từ chức. Quan Thượng đã muốn vậy, thì Trẫm cũng chẳng thế nào làm gì được hơn. Mong rằng sự ra đi của quan Thượng sẽ mở mắt cho người Pháp, để cho họ có một tầm nhãn quan

rộng lớn hơn. Dù sao nữa, mong quan Thượng hãy sẵn sàng, có thể có ngày nào Trẫm lại cần đến quan Thượng và Trẫm sẽ cho vời.

— Kính tâu Hoàng thượng, xin Hoàng thượng hãy tin tưởng lòng trung thành tuyệt đối của kẻ hạ thần.

Ngô Đình Diệm đi rồi, tôi hoàn toàn thất vọng. Tất nhiên, người này đã khó tính, và sự khó tính ấy nó như mang tính chất của giáo phái. Hơn nữa, khi biết ông ta chịu ảnh hưởng của Nguyễn Hữu Bài, vốn thù ghét Phạm Quỳnh ra thế ông ta.

Sau khi biết tin Ngô Đình Diệm đã được từ chức, Nguyễn Đệ, trung thành với tình bạn đối với họ Ngô, cũng đến xin được từ chức. Ông ta trình bày một cách thành thực:

— Kính tâu Hoàng thượng, mặc dù tiểu thần rất kính yêu Hoàng thượng, tiểu thần cũng không thể nào muốn được lưu lại ở chức vụ này, chỉ làm tiểu thần mất thì giờ vô ích. Trong sáu tháng được ở trong ngành, kinh nghiệm đã cho thấy rõ. Ở Việt Nam này, ai cũng mong được làm quan, nhưng đó không phải trường hợp của tiểu thần. Làm chánh văn phòng cho Hoàng thượng, tiểu thần chỉ được có một trăm hai mươi đồng một tháng. Trong khi đó, tại nhà băng Đông Pháp, họ đã tuyển người quản lý lương tháng được ba trăm đồng. Ngành của tiểu thần là tính toán lời lãi. Tiểu thần phục vụ Hoàng thượng chỉ cốt để phục vụ đất nước ra thoát hiện tình này...

— Trường hợp ấy, Trẫm cho phép khanh nghỉ dài hạn, nhưng Trẫm không muốn khanh từ chức...

— Tâu Hoàng thượng, xin tuân lệnh, nhưng xin Hoàng thượng biết cho rằng, nếu tiểu thần phải rời chức vụ này, không phải là sự đào tẩu. Tiểu thần chỉ muốn hoạt động

sang lãnh vực khác, cốt để tìm nền độc lập kinh tế cho nước ta mà thôi. Bởi vì, khi mà người Pháp còn nắm quyền cai trị, thì nền thương mại ở tay bọn người Hoa hết. Biết bao nhiêu các bạn trẻ Việt Nam đã chọn nghề tự do. Vậy thì chúng ta cũng cần phải có những nhà kinh doanh. Thực sự, chẳng phải thần ham chức đại lý nhà băng Đông Dương, mà chỉ muốn thay thế viên mại bản người Hoa. Tất cả đồng bào ta, khi muốn mở mang cơ sở gì mà cần đến vốn của nhà băng, đều bắt buộc phải qua tay viên mại bản người Hoa này. Đó cũng là một hình thức lệ thuộc đè nặng lên xứ sở của mình. Tiểu thần chỉ muốn đập tên mại bản người Hoa...

— Khanh có chắc không?

— Tâu Hoàng thượng, không chắc lắm. Nhưng tiểu thần, mới ba mươi hai tuổi. Tiểu thần xin hứa với Hoàng thượng rằng chẳng bao lâu, sẽ chứng minh được rằng người Việt mình cũng thừa khả năng kinh doanh như người Trung Hoa...

Thế là tôi cô đơn, chỉ có một mình.

Lối đó là ở người Pháp, đường lối canh tân của tôi bị ngăn chận hoàn toàn. Dùng hình thức chống đối bạo động, chẳng đi đến đâu. Còn hiện tại: Thời gian chưa tới. Chính phủ Pháp vừa cho tôi một quả thất bại. Có thể bọn chủ động đang vui sướng. Mỗi một sự tan vỡ nào của tôi cũng làm cho chúng thích thú. Đối với dân tộc tôi, tôi không được quyền nhầm lẫn như thế nữa. Đành lại đợi. Không thiếu gì cơ hội sau này.

Dù sao nữa, sự có mặt của tôi trên ngôi vẫn làm cho giới trẻ giữ được niềm tin cậy và hy vọng. Những người như Ngô Đình Diệm và Nguyễn Đệ lúc ấy sẽ lại ra giúp tôi theo chiều hướng này. Nguyễn Đệ là cây bút cứng. Anh ta vẫn viết đều trên tập san *Bulletin des Anciens Élèves du*

Lycée Albert Sarraut (Kỷ yếu của các cựu học sinh trường trung học Albert Sarraut ở Hà Nội). Tôi tin chắc anh biết lợi dụng diễn đàn này.

Từ đó, tôi để mặc cho Phạm Quỳnh lèo lái, múa may trên sân khấu.

Tôi cho ông ta làm Thượng thư bộ Lại thay cho Ngô Đình Diệm, và đổi Thái Văn Toản từ Viện Cơ mật sang Nội các. Ông này vẫn ở bên Cơ mật dưới thời Nguyễn Hữu Bài làm Viện trưởng.

Chắc hẳn người Pháp cho rằng tôi đã ngoan ngoãn biết nghe theo lời của họ. Dù họ có tin rằng họ đã thắng một cách dễ dàng, tôi cũng chẳng nên có lý do gì ngờ vực tôi. Tôi tin rằng nhân dân sẽ hiểu cái hình thái buông thả bên ngoài của tôi, bởi chính cái hình thái đó cho thấy sự thờ ơ, lơ là với nhiệm vụ của tôi. Họ sẽ hiểu rằng tôi chẳng bao giờ muốn một ly nào, dính líu vào những quyết định lạm quyền, trái với tinh thần hiệp ước giữa hai nước.

Trước tòa án của Lịch sử, nhà vua chẳng phải là kẻ tội nhân...

BẢO TỒN LỄ NGHI

Được trao cho nhiệm vụ bảo tồn lễ nghi, tôi đã hoàn tất với một sự chân thành khuôn mẫu. Hàng ngày, tôi mang phẩm vật đến kính dâng trước bàn thờ tổ tiên tôi, và không để lỡ dịp ngồi trầm tư trong lăng tẩm giữa vùng quê yên tĩnh đầy thơ mộng của đất thần kinh.

Cũng theo tinh thần ấy, sau khi hỏi ý kiến triều đình, tôi ra một sắc dụ, tôi phong mẫu thân tôi lên chức Hoàng thái hậu.

Một biến cố khác lại xảy ra, làm cho cuộc đời tôi có sự thay đổi quan trọng.

Số là khi tôi vừa từ Pháp trở về, đã có tiếng xì xầm trong hoàng cung để tuyển hoàng hậu cho tôi. Đức Thái hậu, cũng như các vị thượng quan trong triều ai nấy đều có sẵn người của mình để tiến dẫn. Nhiều lần, tôi đã nhận thấy có sự sóng gió xa xôi, nhưng tôi không để ý mấy. Biết rằng về vấn đề này, việc lựa chọn của Vua chỉ có thể dựa vào đề nghị của triều đình, tôi đợi người ta cho những đề nghị rõ ràng.

Ngược lại, như tôi đã từng nói, tôi đã quyết định là phá tan chế độ đa thê đang thịnh hành ở Việt Nam. Khi đề cử tôi lên làm Đông cung Thái tử, không có gì là khó khăn, vì tôi là con trai độc nhất của cha tôi, nhưng tôi từng biết, có nhiều tấn bi kịch đẫm máu xảy ra vì chuyện tranh chấp kế vị, nhiều khi có tính cách hèn hạ xấu xa, giữa anh em ruột, hay anh em khác mẹ, mà tôi muốn tránh vết xe đổ ấy.

Hai cụ Charles cũng rất quan tâm đến sự tìm cho tôi một người vợ. Họ mong rằng vị Hoàng hậu này cũng phải có một nền học vấn như tôi.

Vì vậy, nhân dịp cuối năm, tôi đi nghỉ mát ở Đà Lạt vài ngày, con gái của quan Toàn quyền Pierre Pasquier cũng nghỉ mát ở đó. Tại khách sạn Lang Bian đại sảnh đường, Quan Toàn quyền có giới thiệu tôi với một thiếu nữ Việt Nam đi cùng với cụ bà Charles, cô Marie Therese Nguyễn Hữu Hào, con gái nhà điền chủ Nguyễn Hào. Theo đạo Công giáo, cô này mới mười tám tuổi, vừa mãn khóa ở Couvent des Oiseaux ở Pháp.

Sau lần gặp gỡ đầu tiên ấy, thường thường chúng tôi gặp lại nhau một cách bất ngờ. Marie Therese rất thích thú ngày du học tại Pháp. Cũng như tôi, cô rất yêu âm nhạc và các môn thể thao. Cô có vẻ đẹp yểu điệu của người miền Nam.

Trong triều đại của chúng tôi, vì tìm kiếm người vợ cho Vua, hướng nhiều vào con gái miền Nam. Bởi vì đối với người Trung hay Bắc kỳ, Nam kỳ vẫn được ít nhiều coi như "đất hứa." Sau vài lần trò chuyện, một tình cảm êm dịu đã nẩy nở ra giữa chúng tôi, và chúng tôi hứa hẹn sẽ gặp lại nhau.

Khi trở về Huế, tôi có kể lại cho mẫu thân tôi chuyện này, và ý định của tôi. Bà không mấy hoan nghênh, khi

biết cô theo đạo Công giáo và cũng Tây học như tôi. Bà muốn rằng tôi nên lấy được người vợ biến tôn cổ, biết đạo tam tòng tứ đức. Mặt khác, bà cũng rất quan tâm về vấn đề giáo dục con cái theo đạo Thiên chúa. Thế nhưng, đây không phải chỉ là vấn đề hoàn toàn tôn giáo, mà là một vấn đề quốc gia. Bởi vì, nếu trẻ con sanh ra do cuộc hôn nhân này, lại theo đạo Công giáo, thì nay mai đây, người kế vị lên làm vua, làm sao mà có thể biết phụng thờ tôn miếu, và làm lễ tế Nam giao? Triều đình cũng rất bỡ ngỡ. Các vị Tứ trụ triều đình bàn cãi sôi nổi. Lần gặp gỡ về sau, với cô Marie Therese, tôi ngỏ ý muốn lấy cô, tôi quyết định bất chấp cái thủ tục cổ lỗ kia, và sẽ báo cho triều đình ý định này.

Ngày cưới là ngày 20 tháng 3 năm 1934. Đám cưới được cử hành trước triều đình và các đại diện của Pháp. Đó là một vấn đề mới mẻ, vì từ xưa đến nay chưa bao giờ như vậy. Tôi cũng có quyết định tấn phong ngay cho vợ tôi, tước hiệu là Hoàng hậu, sau khi cưới, điều mà từ xưa, mẫu thân tôi chỉ được phong, sau khi phụ hoàng đã chết.

Tôi tấn phong cho vợ tôi là Nam Phương Hoàng hậu, có nghĩa là hương thơm của miền Nam, đồng thời cũng theo một sắc dụ, tôi cho phép Hoàng hậu được mặc áo màu vàng da cam, vốn chỉ dành riêng cho Hoàng đế.

Lễ tấn phong được cử hành ở ngay điện *Cần Chánh*, là nơi vẫn dùng để thiết đại triều. Trước sân châu có trải thảm đỏ và vàng, vẫn dùng để Hoàng đế bước lên. Các quan triều thần đều tập họp đủ mặt. Hoàng hậu vận trào phục màu vàng, đầu đội mũ kết trân châu bảo ngọc, đi hia mũi nhọn, tay cầm hốt ngà, từ từ tiến vào, qua hai hàng quan triều thần chào đón, để tiến tới trước ngai, tôi đang ngồi đợi. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử nước tôi, một thiếu nữ đã một mình tiến cung vua như vậy.

Khi đến trước mặt tôi, Hoàng hậu khấn đầu làm lễ vái ba vái, rồi ngồi sang bên phải tôi, trên chiếc ngai vàng thấp hơn. Lễ tấn phong hoàn tất rất nhanh chóng. Tôi đưa hoàng hậu về điện Kiến Trung và ở đấy với tôi.

Đến chiều, Hoàng hậu tới triều kiến Đức Hoàng thái hậu. Đức bà rất hoan hỉ và tiếp đón niềm nở. Một kim sách được lập cho Hoàng hậu, và sắc chỉ tấn phong được đem ra niêm yết ở tòa sắc chỉ.

Trước khi lấy vợ, tôi đã cho sửa chữa lại điện Kiến Trung cổ kính thành cung điện tối tân, đầy đủ tiện nghi. Đây là ngôi nhà được trang bị kiểu Âu Châu, có nhiều phòng ngủ, một buồng ăn và phòng làm việc. Theo sự yêu cầu của tôi, Hoàng hậu sẽ phụ trách các vấn đề xã hội. Sau khi xem xét các phòng ốc, Hoàng hậu tỏ ra rất thích thú về sự xếp đặt này của tôi.

Chiều ngày cưới, tôi mời hai cụ Charles đến dự tiệc.

Sau đó, biết rằng mình đã hoàn tất nhiệm vụ, hai cụ trở về Pháp.

Thường xuyên, chúng tôi ở đấy, vì chưa có biệt điện riêng. Triều đình chỉ có tại đây một vị đại diện miền núi, vị này cũng chẳng được mang danh hiệu quan tước gì. Chúng tôi liền cho xây một cung điện ở Đà Lạt.

Ít lâu sau khi cưới, tôi có gửi cho Đức Giáo hoàng Pie XI một bức thư và do chính phủ Pháp chuyển đi. Bức thư nói rằng, người Việt Nam chưa có ai làm sứ thần cạnh điện Vatican.

Khi có ý nghĩ đó, tôi đã ngỏ ý với cụ Charles và với quan Toàn quyền Pasquier thì hai vị này rất hoan nghênh ý định đó. Bức thư này không những đề cập đến vấn đề hôn nhân của tôi, và việc giáo dục các con tôi sau này, lại còn chứng tỏ một sự hóa giải một tiềm thức hận thù xảy ra cả trăm

năm trước, đồng thời tạo sự gặp gỡ của Tây phương với Đông phương, qua nước Việt Nam coi như đất của tương phùng, và qua cá nhơn tôi vừa là lần đầu tiên cũng là lần cuối cùng, được trau dồi bởi hai nền văn hóa Đông và Tây.

Theo tinh thần của dân tộc tôi, vốn chuộng hòa bình, đầy đức tính khoan hòa, ngôi biệt thự này quả nhiên là đất hiền hòa, an ổn, yên lặng tuyệt vời. Nếu trong nhiều hoạt động căn cứ vào đạo Khổng, đừng nên quên rằng Khổng Tử không phải là nhà sáng lập ra tôn giáo, mà chỉ là nhà hiền triết. Đạo Khổng không từ bỏ tôn giáo nào, trừ các loại dậy người ta hận thù và sự gây rối, làm loạn xã hội.

Cha tôi, Hoàng đế Khải Định theo đạo Phật, nhưng trong cung điện, Ngài không được tỏ ra là theo Phật giáo. Để có thể thờ Phật, Ngài phải cho xây riêng một ngôi chùa, ở ngoài hoàng cung, nơi có cung điện mùa hè của người. Các nhà sư không bao giờ được vào cung, và riêng tôi, tôi chưa bao giờ có liên lạc gì với họ. Trong thời gian tôi được đăng quang lên làm Vua, Đức Khâm mạng Tòa Thánh La Mã Drapier có đến dự các buổi lễ chính thức, đó chỉ là Ngài đứng trong danh sách quan khách người Pháp chứ không phải nhân danh chức vụ tôn giáo của Ngài.

Trong cung điện nhà Vua, chỉ có một vị Thánh: Đó là Thiên tử, tức con của Ngọc hoàng Thượng đế.

Trong lịch sử nước tôi, thường có sự lẫn lộn giữa quyền năng chính trị với quyền năng tôn giáo. Những sự lẫn lộn đó được tập trung cả vào bản thân của Hoàng đế vừa là con trời vừa là đại giáo chủ, vì tính cách thiêng liêng Hoàng đế giữ tất cả mọi quyền năng tối thượng của thế gian.

Không thể chối cãi được rằng sự đó tạo nên một vấn đề tế nhị đối với người có đạo Thiên chúa, vốn trên nguyên tắc, chịu ảnh hưởng quyền năng của Giáo hoàng.

Vì tính chất khoan dung, nên các quan có đạo Thiên chúa được miễn dự tế Nam Giao, do Hoàng đế giữ nhiệm vụ đại giáo chủ hành lễ. Đối với dân chúng Việt Nam cũng như đối với vua, *Trời* là bậc chí tôn, độc nhứt vô nhị, không hình hài. Người ta khấn vái, nguyện cầu, vì tất cả đều nằm trong tay Ngài, Ngài là đấng Tạo hóa, bất diệt và thuần nhứt.

Tôi sẽ trở lại vấn đề này, khi tôi tả về tế Nam Giao, lúc đó Vua trở thành bậc chí tôn để toát ra tính chất thần thánh của mình.

Trong thời gian theo học ở Pháp, tôi đã đi thăm nhiều nhà thờ, đã thăm nhiều thánh địa, như Lourdes hay Lisieux, do ý muốn của mình. Rồi trong thời gian học tập, nhứt là khi học ở đại học đường Khoa học Chính trị PO, tôi rất chăm chú về khoa kinh tế chính trị học, và lịch sử của dân tộc. Mặc dù đọc rất nhiều sách về triết học, và biết khá nhiều các phương pháp cai trị cổ kim, tôi chẳng bao giờ quan tâm đến các tài liệu này, hay học vấn này. Đến nỗi rằng cho tới bây giờ, tôi chỉ mê say với nền học vấn tôi được thụ giáo trong thời thơ ấu mà thôi.

Người ta thường bàn luận với nhau muốn biết người Việt Nam có là dân tộc sùng đạo hay không. Đại chúng ở nước tôi rất thực tế, chăm chỉ, và biết chịu kham chịu khổ, và phần nhiều ít học. Sự thích ứng dễ dàng với đời sống trong cõi bụi trần này, và thiếu chất liệu muốn bay cao, đã đưa họ vào sự can cam phận, chẳng thiết mơ màng đến chuyện tôn giáo mịt mù, cũng như đạo trung dung của Khổng Tử dạy họ sự khôn ngoan hiền hòa, chẳng để cho họ nghĩ gì đến điều bí hiểm cao vời nào khác. Nhiều người lại nghĩ rằng, họ hiền hòa và bình thản trước sự chỉ tin tưởng vào sự thờ cúng tổ tiên, biết thích ứng với thiên địa trời đất, nhiều khi trở thành dị đoan, tin vào bói toán, tử

vi, đấy chính là biểu hiệu của sự khao khát tâm linh, của cõi hư huyền. Tôi không chấm dứt sự bàn luận, nhưng tôi muốn nói rằng ngày nay, đối với một nước nếu không có một căn bản học vấn có thể biết phân biệt những gian nguy hay những mâu thuẫn này nọ, thì không thể vươn lên được, nhứt là trên lãnh vực kinh tế. Tinh thần của nước tôi là tinh thần bất di bất dịch từ ngàn xưa cũ, lấy đạo hiếu trung làm căn bản, và nằm trong cái gọi là đạo trung dung của Khổng Phu Tử. Được gọt dũa trong nền triết học ấy, chúng tôi thấy dính liền vào với tổ tiên. Thờ cúng tổ tiên là tập quán thiêng liêng, ăn sâu bắt rễ ngay trong tâm khảm mình, và được biểu lộ ra trong những ngày giỗ tết hay đình đám hội hè.

Như đối với ngày giỗ ông nội tôi, là thân sinh ra cha tôi, Hoàng đế Khải Định đã ra ở lăng của Ngài mấy ngày. Khi tôi còn ở Huế, tôi thường đến lăng của các tổ tiên tôi. Lăng của Vua Gia Long thì trơ trụi, không có đền đài, y như hình thái người chiến sĩ gối đất nằm sương. Lăng của Vua Minh Mạng và Tự Đức thì tráng lệ nguy nga, đúng là lăng tẩm của bậc vua chúa mà triều đại đã đạt tới mức thịnh vượng tột cùng. Lăng của Hoàng đế Khải Định, cha tôi, thì giản dị, nằm trên một ngọn đồi khá xa, đó là mộ của người hiền lành và tốt.

Hiện nay, sự tế lễ công khai đã được bãi bỏ.

Chỉ còn tại Phú Cam, theo gương trinh nữ trong đền liệt thánh, mẫu thân tôi, qua bao cuộc biển dâu của những trang sử bi thương, vẫn lủi thủi làm bổn phận mình đèn nhang cúng vái. Ôi ngọn đèn leo lét, tượng trưng cho linh hồn của hoàng cung còn rơi rớt lại.

Trung dung, xả kỷ vị tha, khoan hòa đại độ... Làm cách nào mà sự xâm nhập của Gia tô giáo vào Việt Nam có thể rạng danh được trước trang sử bi thương đầy máu lệ, với

bao tử vì đạo để đem lại cho cộng đồng Thiên chúa giáo ở nước tôi danh hiệu: Trưởng nữ của đạo Thiên chúa ở Viễn Đông?

Những nhà truyền giáo đầu tiên đến bờ biển tôi, đã áp dụng một cách thức khéo léo là làm quân sư cho các bậc vua chúa. Cách thức ấy rất thành công ở Trung Hoa, cho đến ngày mà các Hoàng đế Trung Hoa tỏ ra chán ngấy với trò khoe khoang khoa học của họ. Ở Việt Nam thì Cha Bá Đa Lộc mà chúng ta đã biết rõ vai trò của ông ta đối với Vua Gia Long, là một vị đại diện cuối cùng tốt đẹp của họ.

Tuy nhiên, Cha Bá Đa Lộc khi nhân danh Vua Gia Long, ký hiệp ước Versailles vẫn không quên chú trọng về hình thái cụ thể của sự truyền giáo dài hạn. Thế thì, nếu có nhà giáo sĩ đi trước, phần đông họ đã theo chân bọn thám hiểm hay bọn người đi cướp đất đai để làm thuộc địa. Giữa bọn khuếch trương thuộc địa với sự bành trướng của giáo hội hải ngoại, đã có sự liên lạc chặt chẽ. Các tàu chiến giương oai ở ngoài khơi để làm phách cho đẹp mặt người da trắng, làm áp lực để buộc ký những hiệp ước chẳng phải chỉ liên can đến sự truyền giáo, mà còn mang theo nhiều ý đồ mờ ám, xấu xa, chính là những nguyên nhân cho phản ứng bài ngoại, mà nạn nhân là các nhà truyền giáo nhiều hơn. Sự thù ghét, khinh bỉ, do thái độ của họ, đã thúc đẩy bọn người đi kiếm đất, bọn thực dân, đã gây nên bao thảm trạng đẫm máu về thế kỷ mười chín.

Ngoài những khó khăn nổi ấy, còn phải kể đến những khó khăn chìm, khó nhận ra được. Như tục thờ phụng tổ tiên, tôn thờ Khổng Tử, có nhiều nghi thức như nghi thức tôn giáo đã làm người ta hiểu lầm chính là tôn giáo chính cống. Thực sự, đấy chỉ là một hình thái trịnh trọng nằm trong nghi thức và tinh thần, bọn giáo sĩ và các tông đồ của họ lại cho là mê tín, dị đoan. Sự tách biệt xa vời đó đưa

đến phong trào bài đạo rất tai hại trong thế kỷ mười bảy và mười tám. Phong trào này thúc người ta đến chỗ cảnh giác những cái gì có thể coi là sự xâm nhập của Thiên chúa giáo, giả trá dưới phong tục thờ cúng của Việt Nam. Phải lương thiện mà nói rằng, giả trá bắt chước để né tránh này cũng chẳng giải quyết được gì. Nhiều giáo sĩ, như trường hợp Cha Bá Đa Lộc nghĩ rằng, nên giảm bớt sự cứng rắn bài giáo, giết hại các nhà truyền giáo, ở thế kỷ mười tám. Nhưng chẳng ai nghe cả. Vấn đề này mỗi ngày gây nguy hại mãi lên, làm tình thế thêm căng, và đào một hố chia rẽ sâu đậm giữa Đông và Tây phương.

Ngày nay, vấn đề đã được giải quyết. Việc thờ cúng Khổng Tử, cũng như sự thờ phượng gia tiên, có thể đi song phương với Thiên chúa giáo. Đến độ rằng, có một giáo sĩ Thiên chúa giáo gốc Đông phương đã có thể tuyên bố: "Tôi là người theo đạo Thiên chúa vì tôi theo đạo Khổng."

Sự tôn kính linh hồn của người Việt Nam khi sửa soạn về bên kia thế giới được thể hiện qua các tang lễ, vốn được sửa soạn kỹ lưỡng từng li từng tí một. Nhà thờ Công giáo cũng bắt chước nghi lễ trịnh trọng này để cho phù hợp với nguyện vọng của dân chúng. Cũng như người ta không lấy làm lạ là nhiều gia đình Việt Nam đã lập bàn thờ tiên tổ, phía trên có treo tượng Thiên chúa hay thánh giá. Sự tôn thờ tổ tiên và Khổng Tử chỉ làm gia tăng tinh thần gia tộc, và nhờ đó làm nở nang nền xử thế của công dân giáo dục. Bởi vì khi hiểu thấu đáo tinh thần đạo hiếu, cũng như tam cương ngũ thường của Khổng Mạnh, thì có một tiềm năng mạnh mẽ, để tin tưởng, mà biết tiến tới, dấn thân.

Tổ tiên là những bậc tiền bối, nối liền đời trước đến đời sau, và trở thành bậc trưởng thượng để con cháu tiếp theo. Như thế, đàn con mỗi ngày một trưởng thành cứ theo vết chân cũ của người xưa mà đời lại nối dòng.

Tôi rất sung sướng là bức thư tôi gởi cho Đức Giáo hoàng Pie XI đã có thể tạo sự hiểu biết giữa Đông phương và Tây phương, dù chỉ trong muôn một. Tôi tin rằng, chính sự thông cảm này đã có trong tôi một mầm quí báu.

Vì vậy, sau đó rất lâu, khi tôi trở thành Vua cầm quyền thực sự vào năm 1949, viên Đại sứ đầu tiên được cử ra ngoại quốc, chính là viên thần Việt Nam cạnh điện Vatican.

TRƯỜNG HỌC RỪNG XANH

Hai cụ Charles đã trở về Pháp. Đó là một giai đoạn thời niên thiếu của tôi đã chấm dứt. Tôi không biết nói sao, khi tìm thấy ở hai cụ một mối tình thân và sự trợ giúp đầy tin cậy. Trước khi hai cụ đi, tôi có nói chuyện lần cuối cùng với cụ Charles.

— Bác có nói là cha tôi đã rất thất vọng khi sang Pháp năm 1922. Bây giờ, sau 18 tháng ở ngôi vua, tôi cũng cảm thấy y như vậy. Qua các câu chuyện ở Paris cha tôi có ao ước được trở về điểm chính thức của hiệp ước bảo hộ. Phần tôi, tôi tưởng rằng đã đạt được phần nào những cải cách đưa đến mục đích ấy. Tất cả đều là hão huyền, vô ích. Tôi nghĩ rằng các nhà ái quốc Việt Nam họ đã có lý. Không phải chỉ riêng mình tôi nghĩ vậy, mà ngày còn ở Pháp, nhiều người cũng đã nghĩ vậy. Tôi đã đọc gần đây câu này của Andre Malraux: "Thật khó mà có thể chấp nhận một người Việt Nam là can đảm, nếu người ấy không phải là nhà cách mạng..."

— Đừng nên nghĩ theo chiều hướng đó. Chính lão vẫn thường bảo rằng, vấn đề chỉ là sự mở mang xứ sở. Đó cũng là ý kiến của phụ hoàng thái tử. Hãy lấy gương nước Nhựt...

— Nhưng Nhựt là nước độc lập. Nhờ ở độc lập, mà Nhựt mới có thể đưa nước họ lên đà tiến bộ được. Và ngày nay, họ đã có thể cạnh tranh với tất cả mọi cường quốc kỹ nghệ khác.

— Vấn đề chính không phải là như thế. Hãy nhìn xung quanh thái tử. Tất cả cho thấy sự cố gắng của Pháp. Trước hết, Pháp đã đem đến đây sự an ninh cho người và đồng bào của thái tử, từng sống trước đây trong loạn lạc, bất ổn, hẳn đánh giá đúng cái hạnh lạc của thái bình này. Thái tử lại thấy sự mở mang về y tế, các tình trạng tốt đẹp về vệ sinh, cái mức độ về nạn hữu sinh vô dưỡng, nơi đây thấp nhứt toàn Viễn Đông. Rồi về học vấn, mở mang trường học, nếu mới đặt cho một phần rất nhỏ dân chúng, thì cũng đã mở ra một khung trời mới cho lớp thanh niên trí thức đang lên...

— Tất nhiên là đúng nhưng cũng không phải là sai, chính cái lớp thanh niên trí thức mà nước Pháp đào tạo nên này, đã không chịu noi theo lề lối cũ, và như người ta đã nói với tôi, là họ vẫn tăng cường theo bọn cách mạng, để hoạt động ở khắp mọi nơi rất quyết liệt. Tôi nghĩ rằng, cái kinh nghiệm mà tôi vừa thực hiện với Ngô Đình Diệm có thể dùng để kết luận được.

— Đó chỉ là một hình thức khủng hoảng của tuổi trẻ. Đường đi của Việt Nam còn phải đứng theo Pháp. Khi mà bọn trẻ hăng say đó hiểu được sự vô ích của đường lối không tưởng của họ, thì họ sẽ quay lại để hợp tác với thái tử, hầu tạo nên lớp người mới mà chúng ta cần đến để xây dựng đất nước. Họ sẽ không đổ xô vào Đại học Luật khoa mà

chuyển sang các ngành chuyên môn khác. Đất nước không cần nhiều luật sư bằng các thầy thuốc và các kỹ sư. Và chúng ta còn mong trông thấy những thanh niên Việt Nam hoạt động trong lãnh vực kỹ nghệ và kinh tế. Bởi vì nhờ ở lãnh vực này, mới thấy sự khai thác các nguồn nguyên liệu thiên nhiên đầy rẫy. Kết quả sẽ vô cùng sáng lạn: gạo, cao su, trà, các mỏ than Hongay, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy xi-măng Hải Phòng... Đó mới là sự thật.

— Vâng, chính phủ Pháp đã cho tôi trông thấy những cái đó, trong dịp ra thăm Bắc kỳ năm ngoái. Nhưng tôi cũng trông thấy trong dịp đi thăm thú một mình, là cuộc sống của đại chúng rất thấp hèn, khổ ải. Người nông dân, mà nông dân là quảng đại quần chúng của đất nước, chỉ vừa đủ sống cho qua ngày đoạn tháng và chỉ tạm cầm hơi cho ngày hôm nay, với những nhu cầu tối thiểu mà thôi. Nếu mùa màng mà mất, nếu người ấy đau yếu, hay gặp tai nạn gì, nếu phải đương đầu với một sự chi tiêu bất chợt, thì đó là một tai vạ, và thường thường là sự đau khổ, không lối thoát...

— Paris không phải lập nên trong một ngày. Hãy kiên nhẫn, và đừng nản lòng. Thái tử có nhiều bạn ở Pháp, họ sẽ không bỏ Thái tử... Nhứt là đừng chạy theo sự nôn nóng, nông nổi. Nước Việt Nam đang đi đúng đường của nó, nhưng cần nhứt phải tránh cho nó những xáo trộn nặng nề. Tất cả những gì mà nước Pháp đã làm cho Việt Nam hãy còn mảnh dẻ. Thời gian sẽ đến với chúng ta. Những người có trách nhiệm ở đây, nhân danh nước Pháp, như ông Varme, ông Pasquier đều nghĩ như lão. Hãy tin cậy nơi họ...

Cụ Charles đi rồi, tôi thường nhớ lại lời đối thoại này.

Cụ trợ giáo này đã rất thành thực. Những cố gắng của cụ để bào chữa cho nước Pháp quả đã lâm li cảm động.

Nhưng không phải là nước Pháp là nguyên nhân, nước Pháp mà tôi biết khi còn ở Paris, nước Pháp mà tôi từng sống mười năm ở đấy, như một đứa con. Không, cái nguyên nhân này chính là cái xã hội thuộc địa, cái gọi là cơ sở hành chánh cầm quyền cai trị ở đây, mà chính các cấp chỉ huy thượng thặng của Pháp cử đến cũng phải gầm ghè, tức đến sùi bọt mép. Như một tên nào trong cái xã hội thuộc địa này chẳng đã vỗ ngực xưng là chỉ cần hất cái tay, là bay ngay viên toàn quyền này, hay viên toàn quyền khác? Chính bọn đó họ chẳng muốn chấp nhận một phương pháp nào, nếu đụng đến quyền lợi của họ. Mặt khác, phía chính phủ cũng rất sợ sự tiến bộ, nên hoan hỉ trong sự tà tà, mà không muốn có sự thay đổi tiến bộ nào. Đối với bọn này cứ giữ nguyên tình trạng cổ lỗ là hơn cả. Vì vậy nó làm trì hoãn mọi ý đồ giải tỏa, để giữ mãi trong gọng kìm kẹp của họ.

Nếu tôi ngoan ngoãn để mặc, thì tôi rất có ích cho chúng, và cần thiết nữa. Tôi đóng vai trò bình phong, làm phỗng đá, để cho các cơ quan cai trị của họ tha hồ làm mưa làm gió. Họ cũng cần đặt ở các địa vị then chốt, những bọn tay sai dễ bảo, bọn trung thành tuyệt đối. Tôi biết rõ, khi tôi đặt vào vị trí quan trọng, người như Ngô Đình Diệm, họ cũng mặc. Nhưng họ lại đặt cạnh tôi Phạm Quỳnh, như vậy là họ đã được bảo đảm rồi.

Dù sao nữa, có một sự nhất định: các tự do chính trị trên thực tế hoàn toàn không có. Chẳng cho phép bất cứ cái gì, không có tự do trò chuyện, không có tự do ngôn luận, không có tự do hội họp, và cũng không cả tự do đi lại. Đố ai nói được với tôi rằng điều đó tương đồng với tinh thần dân chủ của nước Pháp. Và cũng chẳng có cái gì tin tưởng được, qua những lời tuyên bố chính thức là sẽ có thay đổi, do một hoàn cảnh tạm thời nào. Chẳng có chương trình gì,

không cả thời hạn, hay thời gian nào được nêu lên rõ ràng. Người ta bịt mắt chúng tôi, không có biết đến số phận của chúng tôi, hay tương lai của chúng tôi. Hội đồng cải cách, sau khi Ngô Đình Diệm đi rồi, đã hoãn lại chưa biết tới bao giờ tắt ngấm?

Còn về những kết quả đạt được về kinh tế mà người ta thường khoe khoang, sự thật thì ra sao? Phần lớn cái kết quả của sự mở mang ấy, có đến được tay đại chúng hay không?

Đó, bằng vào tất cả những thứ đó, đó là những điều tốt đẹp của chính sách thuộc địa là như vậy.

Thực sự, đúng như Phạm Quỳnh viết vào năm 1922: Người Việt Nam ở nước mình mà sống y như người ngoại quốc.

Phải thế chăng, đúng như cảm nghĩ của tôi khi ra thăm Bắc hà trước đây. Tôi là vị vua ngoại quốc đang sang thăm chính thức một nước thân hữu nào xa lạ, không phải nước mình.

Vậy thì, họ đã đặt tôi vào địa vị trớ trêu này, tôi hãy đành tâm sống như một vì vua ngoại quốc vậy. Hoàng đế bị đi đày, — y như các tiên đế của tôi trước đây, — nhưng là đi đày ngay trong nước mình, giữa thần dân của mình. Tôi sẽ không dự bất cứ một cuộc biểu dương nào do chính phủ Pháp tổ chức. Tôi đành tạm chỉ đóng cái vai mà người ta không thể tước bỏ được, và bất cứ ai cũng không thể thay thế tôi được, đó là vai đại chủ tế, đối với dân tộc tôi mà tôi cần chiếu cố đến họ hoàn toàn.

Chính vì dân tộc tôi, mà tôi không được phép từ chối, và không được phép bỏ họ để đi xa. Một ngày kia, có lẽ nước Pháp, nước Pháp chính thức, sẽ hiểu thái độ của tôi. Một ngày kia, có lẽ, khi thời gian đến, sẽ có cơ hội đến theo.

Lúc ấy, tôi đã sẵn sàng, đứng đầu dân tộc tôi, để đem lại độc lập, thống nhứt và sự huy hoàng.

Tất nhiên là nhiệm vụ làm chủ lễ nghi không phải choán hết thời giờ của tôi. Ngoài mấy việc phong thần cho các làng muốn thờ cúng một vị thành hoàng, tôi còn nhiều giờ rảnh để hoạt động về thể thao.

Đầu tiên là chơi quần vợt. Chẳng những tôi chỉ có chơi cho cá nhơn tôi, mà còn khuyến khích thành phong trào ở Việt Nam. Vì vậy, tôi đặt ra một "cúp" mang tên tôi. Cúp này theo thể lệ như cúp Davis, và được thực hiện chẳng phải chỉ có ở Trung kỳ, mà còn ở Bắc kỳ và Nam kỳ, và thêm cả Lào và Miên nữa.

Từng cưỡi ngựa thường xuyên khi còn học ở trường võ bị ở Paris, tôi cho đem về Huế vài con ngựa nòi, tạo nên một chuồng ngựa khá đặc biệt.

Tùy từng mùa, tôi cũng chơi khúc côn cầu (golf). Cạnh kinh thành Huế, giữa những đồi cỏ êm đềm, tôi cho lập một sân golf, không khác gì các sân golf trứ danh ở Âu châu, để thường xuyên tập dượt.

Trong những mùa nắng, tôi chơi thuyền buồm, hay xuồng máy. Ở Nha Trang nhứt là ở Qui Nhơn, tôi có một biệt thự, tôi và hoàng hậu thường ra nghỉ hè ở đây, tôi thường lái thuyền trên sông Hương, khi tôi ở Huế. Rất thường, tôi vẫn đi xa như thế, và chỉ đến đêm khuya mới trở về.

Trong các cuộc đi dạo ấy, chính sự cô đơn là điều thích hợp với tâm hồn hiu quạnh của tôi. Chắc hẳn có người cho rằng, đó chỉ là sự phù phiếm không ích lợi gì cho nước, cho dân? Tất nhiên là không cần thiết, và cũng không có ích gì cho chính hoàng đế, phải tỏ sự có mặt để cai trị. Tôi cũng không rõ vị tiên đế sau khi làm việc cho dân kín đáo ở cung

điện, đã chết bí mật trong một cuộc tuần du nào đó. Sau đó được rước xác về, như là vẫn còn sống, và mãi về sau này ta mới công bố cho dân biết.

Như vậy thì cần gì vua phải có mặt để người dân biết rằng vẫn được đặt dưới triều đại của người. Chỉ cần, thỉnh thoảng, trong một cuộc tiếp tân hay thiết triều nào, nhà vua xuất hiện một lần là đủ. Tất cả những ai cầm quyền cai trị ở Đông phương chúng tôi, đều làm như vậy cả. Nhà vua, nếu kiêm chức đại tư tế, tức người đứng trung gian giữa đấng Ngọc hoàng Thượng đế với dân gian, chính là người có mang tính chất nhiệm mầu của đời sống của họ, trước tương lai. Như vậy, vua cần phải tự tạo cho mình cái bản chất thái bình an lạc, nếu muốn đem đến thái bình an lạc cho dân. Chỉ trong sự thanh bình, trầm mặc và cô đơn, nhà vua mới đạt tới mức độ tuyệt vời này, trong đạo trị quốc an thiên hạ của vì chân mạng đế vương.

Chính vì thế mà tôi yêu rừng núi. Rừng đem lại sự tịch mịch cần thiết. Rừng gột rửa cho tôi mọi ưu tư của cõi bụi trần này. Vào rừng, tôi như người được tắm gội suối nước trong mát, làm cho vô cùng sảng khoái. Gặp gỡ giữa rừng sâu, những con người cổ lỗ xa xưa, cũng như các sơn lâm ác thú, chẳng những là sự giải tỏa mọi điều tù hãm, mà còn là hoạt động trong nhiệm vụ của tôi. Ở rừng sâu, tôi vẫn là thiên tử y như đang ở trên đàn tế Nam Giao, đảm trách nghi lễ thiêng liêng của mình. Khu săn của tôi ở Quảng Trị chỉ cách kinh đô Huế có hai giờ xe chạy. Đó là chỗ tôi thích đến để nghỉ ngơi.

Ở đấy, tôi có năm ngàn mẫu tây đồi núi, có rừng cây nằm ở phía nam Cam Lồ. Trong những khu rừng lớn, có vài con suối nước mát quanh co, có đủ thú rừng của nước tôi, voi, cọp, trâu rừng, hươu, nai và lợn lòi. Trên nền đất đó một thửa đồi, đã có một ngôi nhà sàn lợp nứa, có bao

lơn như tất cả các ngôi nhà sàn của người Thượng. Cạnh đó có hai chiếc khác nhỏ hơn, dùng cho bọn tùy tùng.

Đứng trên bao lơn, nhìn ra phía lũng ở giữa hai ngọn đồi, tôi có thể quan sát được cả một sự di chuyển của bầy trâu rừng, một loài dã thú vừa đẹp tuyệt vời, vừa rất nguy hiểm, có nhiều con cao tới hai mét. Tôi từng bắn hạ cả trăm con, và có một bộ collection các loại sừng dài tới trên một mét. Tôi thường săn bắn một mình, chỉ có một người dẫn đường. Tôi học được khá nhiều kinh nghiệm về rừng, tôi biết từng quả rừng và rễ cây ăn được, và tôi có thể sống tự túc được ở trong rừng, nơi mà người văn minh khó có thể tồn tại. Một linh tính tìm phương hướng rất bén nhậy giúp tôi có thể đi sâu vào rừng mà không sợ lạc. Trong vài năm về sau, tôi ít bắn thú trừ phi gặp con thú nào đặc biệt. Cũng có lần tôi phải bắn là để lấy thịt cho dân trong làng.

Điều làm cho tôi tìm đến gần các loài thú dữ, chính là để quan sát đời sống của chúng, và sự đương đầu của chúng đối với thiên nhiên. Nghiên cứu sự sinh hoạt này làm nẩy nở trong tôi ý nghĩa của luật tự tồn, làm tăng trưởng mọi ý niệm về quan sát. Con thú nào cũng luôn luôn cảnh giác bị tấn công nên sẵn sàng chuẩn bị đối phó để giữ lấy mạng chúng luôn bị đe dọa. Vừa bị đe dọa bởi thiên nhiên, vừa bị đe dọa bởi các loài khác chung sống cạnh chúng. Nhờ thế mà tôi hiểu thấu được kẻ địch, đến độ rằng có thể định được vị trí của tôi đối với chúng ra sao, cũng như cảm thấy trước phản ứng của chúng ngay lúc chúng đang hành động. Có một lần, tôi đã theo dõi luôn trong hai năm, một con trâu rừng đơn độc, mà không bao giờ tới gần nó được.

Nhân có vụ mưa lũ, tôi tính rằng khắp vùng tôi săn nó đều bị ngập lụt. Nghĩ như vậy, tôi tự đặt tôi vào địa vị nó. Tất nhiên nó phải tìm đến một nơi cao ráo mà nước lụt không thể tới. Chỗ đó, tôi nhớ có một quả đồi cao. Tôi liền

trèo lên một thớt voi, và chỉ vài giờ sau, tôi định được vị trí nơi cao ấy. Quả nhiên con trâu rừng này đang ở đấy. Tôi liền bắn hạ ngay.

Kinh nghiệm ấy đối với trò chơi săn bắn, cũng y như đối với một cuộc chiến đấu ngoài đời. Chỉ quan sát địch thủ, người ta biết ngay dụng ý và phản ứng của nó.

Đối với loài voi, tôi có một tình cảm đặc biệt. Chưa có con vật nào đam mê bằng loài voi đang sống tự do. Phần nhiều, chúng đi thành đoàn, và thật khác lạ như người ta kể, bao giờ con cái cũng dẫn đầu.

Voi không bao giờ sống quá 70 tuổi. Khi nó cảm thấy mình quá già, và trở thành gánh nặng cho đồng loại, nó liền tách rời ra khỏi đàn. Những con voi bỏ đàn trở thành cáu kỉnh và hung dữ. Ở loài voi, sự già nua bắt đầu làm tê liệt chiếc vòi một cách nhanh chóng. Đó là một bộ phận vô cùng quan trọng, vì vòi rất cần thiết để lấy thức ăn. Một con voi đang độ tráng niên, ngốn hết năm tạ cỏ và lá cây trong một ngày. Cuối cùng, con vật già nua đó tìm đến nơi có nước để ngâm mình trong bùn cho đỡ đau, nhưng rồi không đủ sức mà đứng dậy được. Khi không có gì để ăn, nó sẽ chết sau ba ngày. Xác nó bị các loài chó sói, đủ loại ăn thịt xâu xé. Còn trơ lại bộ xương, vì ít chất vôi nên rữa ra mau lắm. Lúc ấy, chúa tể rừng xanh chỉ còn lại đôi ngà. Cứ thế, nhiều voi già nua khác đều tìm đến nơi có nước mà ngâm mình, cho đến ngày dòng suối đổi chiều, bùn đất khô lại tạo nên huyền thoại về "nghĩa địa của loài voi."

Cũng có trường hợp, xác voi chết cạnh các sườn đồi, do một tai nạn gì. Dầu sao nữa, trường hợp này tôi chưa được trông thấy. Ngược lại, tôi có biết một viên kiểm lâm nói là đã trông thấy loài voi khiêu vũ, như Kipling đã tả, và tôi cũng được nghe nhiều truyện dị kỳ về cái gọi là cái chết của loài voi.

Mặc dù người ta không dám đoan quyết rằng loài voi có trí nhớ và sự thông minh rất sắc bén, tôi công nhận rằng chúng có một linh tính rất nhạy cảm về cái chết của chúng. Linh tính đó rất chính xác, mà ngay các loài vật cao đẳng như loài người cũng thường có được.

Ở Việt Nam có đền thờ Voi. Ngày xưa, voi từng dự trận và bị chết cũng nhiều. Người ta đã lập đền thờ nó, và phong cho nó các tước hiệu cao quí, có con được phong tới tước Quận công. Sau khi chết, người ta dựng bia để ghi thành tích và tôn thờ nó.

Về sau này, tôi từng đến vùng cao nguyên miền Nam, nơi ở của những sắc dân thường chuyên săn bắn loài voi. Tôi đã dự những buổi lễ lạc của họ, và được biết nhiều hơn về con vật này, mà ở đây người ta cho rằng ngà của nó đã chứa đựng linh hồn của nó.

Khi được nuôi, voi thường rất hiền hòa, và dễ sai bảo tuy nhiên, có thể nổi cơn điên bất ngờ, rất nguy hiểm. Có một lần, tôi bị một con voi cái đầu đàn theo đuổi, khi đi dạo một mình trong rừng. Nó lao đến tôi, băng qua các cành lá rào rào, vòi cuốn lại và ngà cụp xuống. Không ngó đầu trông lại, tôi quăng về phía nó chiếc mũ. Nó ngừng ngay lại, chà đạp nát chiếc mũ, nhờ thế mà tôi chạy được xa thêm và thoát nạn. Từ đó, tôi luôn đội chiếc mũ thuộc địa mỗi khi đi săn voi, coi như bùa hộ mệnh.

Tôi có một khu vườn rộng để nuôi voi, và tôi cố gắng tìm cách xếp đặt bành cho được thuận lợi, tốt đẹp nhứt. Bởi vì khi di chuyển, ngồi trên lưng voi rất mệt nhọc và quá sóc. Tôi cũng đã nghĩ đến việc đóng bành voi như kiểu đóng yên cho ngựa, làm cái bành rộng ra để nằm sấp được trên lưng voi, để có thể đến gần con thú bị săn mà thú không biết mà chạy trốn. Để tránh cho voi khỏi bị xây xát,

gặp tai nạn, tôi không bao giờ săn trên lưng voi, nhưng bao giờ cũng ngồi trên một chiếc chòi. Tôi rất thích được đợi lâu hàng giờ trên chòi, để có thể trầm tư mặc tưởng tha hồ.

Đến nay, tôi vẫn còn thấy thích thú những buổi chiều hôm ở trại săn Quảng Trị. Hoàng hậu có khi cũng theo đi. Thỉnh thoảng, tôi có mời một số bạn cùng dự. Chúng tôi đã qua những buổi chiều hết sức cởi mở trong một bầu không khí thân hữu gia đình. Nhưng phần nhiều, sau một ngày đi dạo trong rừng sâu, tôi trở về chòi, cảm thấy khoan khoái trước sự yên lặng của rừng, sau khi mặt trời vừa lặn. Trước khi bóng đêm phủ xuống, mặt trời đi ngủ, thì đó là một tràng than van tê tái của loài côn trùng, như loài dun dế đã đồng thanh ca ngợi một ngày đã qua. Sau đó là tĩnh mịch hoàn toàn. Sự hiện diện của đất đai, như chỉ còn có mùi thơm ẩm ướt của cây rừng và của rong rêu trước mịt mùng vô tận...

ĐÔNG VÀ TÂY

Lúc ấy, người lính gác chòi, thắp ngọn đèn *manchon* trước khi về chòi của đồng bạn, ở bên cạnh. Nơi đây, họ đã cắt nhau gác đêm, để cầm canh, tôi đã thường mang theo sách để đọc. Thời gian này, tôi đọc rất nhiều, đủ loại sách tiểu thuyết, luận đàm triết học, du ký... toàn là sách tiếng Pháp.

Trong thời gian theo học ở Pháp, không phải tôi chỉ chú ý đến tư tưởng Tây phương, mà tôi vẫn thắc mắc về điểm dị biệt giữa nền học vấn Tây phương với nền học vấn Đông phương tôi từng thụ giáo trong thời thơ ấu. Sự dị biệt đó phải chăng là nguyên nhân của dư luận Âu châu đối với dân tộc Việt Nam? Phải chăng đó chính là nguyên nhân của mặc cảm tự tôn của họ đối với chúng tôi?

Trước khi chết ít lâu vào năm 1925, Bác sĩ Tôn Dật Tiên, cầm vận mạng nước Tân Trung Hoa, đã viết từ năm 1911 như sau:

"Nền văn minh Âu Mỹ hoàn toàn là vật chất. Không có gì thô bạo, tàn nhẫn và tồi bằng. Chúng ta, người Trung Hoa, chúng ta gọi nó là dã man. Sự thua kém của chúng ta

về hùng cường, chính là do chúng ta đã khinh thường và lơ là về loại văn minh đó. Đường lối của người Trung Hoa chúng ta nhằm vào nhân văn, cương thường, đạo lý. Các sách cổ của chúng ta gọi đó là vương đạo."

Tôi đã từng nói là tâm hồn của người Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu đậm của Khổng Mạnh. Tuy nhiên, vị quốc phu của Trung Hoa đã sai lầm khi kết án người Tây phương là dã man, cũng như đã sai lầm nữa, khi ông cho rằng người Tây phương coi thường chúng ta vì đạt mức tiến bộ như họ.

Tư tưởng Việt Nam chúng tôi lấy đạo trung dung làm gốc, để nhận định về điều này.

Đã không biết bao lần, tôi được nghe lời phê bình sau đây, và ở cửa miệng của người được coi là có thiện chí: "Người Đông phương không có lập luận hữu hiệu như chúng ta..."

Nhưng đó là tại họ là người Tây phương, vì họ đã có thể nghĩ rằng: Không thể có hai luận lý (hữu lý) được: một luận lý Đông phương, và một luận lý Tây phương, mà chỉ có độc nhứt một luận lý mà thôi. Chúng ta, người Tây phương, chúng ta đã thấm nhuần luận lý đó, còn người Đông phương thì chưa. Vậy thì phải chăng là lạ lùng, khi so sánh sự tương đồng của hai tư tưởng này:

● *Đức Phu tử đứng trước một con sông, đã nói: Tất cả mọi vật đều trôi đi, như dòng nước chảy, ngày đêm không ngừng.*

và tư tưởng thứ hai:

● *Tất cả đều qua đi, qua đi. Không ai tắm hai lần cùng trên một dòng nước bao giờ.*

Tư tưởng trên là của Khổng phu tử. Còn tư tưởng dưới là của Heraclite d'Ephès (Hy Lạp). Cả hai đều sống ở thế

kỷ thứ năm trước công nguyên. Họ chưa hề gặp nhau, chưa từng biết nhau tất nhiên, và họ đã chết cách xa nhau tới một vạn hai ngàn kim. Một người ở phía đông và một người ở phía tây, chỉ cách nhau vài tháng.

Cả hai vị này đều đã nghĩ rằng vạn vật sinh ra đều từ mâu thuẫn trái ngược nhau. Mâu thuẫn chính là Cha đẻ của mọi sự việc, và chỉ có sự tương đồng của tạo hóa mới điều hòa được mâu thuẫn mà thôi. Chúng tôi trung thành với tư tưởng ấy, nhưng tư tưởng Tây phương không chịu đứng im. Tư tưởng Tây phương đã được Aristote và Descartes lôi cuốn kéo đi.

Tất nhiên đã có một tư tưởng của Á Đông, không giống như điều mà Aristote và Descartes đã nghĩ. Ngày nay, nhờ ảnh hưởng của các học giả người Đức về đầu thế kỷ mười chín, Tây phương đã tìm thấy sự luận lý tương đồng giữa hai bên, đã có cách đây hai mươi lăm thế kỷ, và do thế Tây phương đã bị rung động bởi tất cả căn nguyên lập lý của họ đều bị xáo trộn đến tận gốc rễ.

Tây phương tuyên bố rằng, một vật không thể vừa là nó, lại vừa là cái nghịch lại của nó được. Và như vậy, giữa hai chiều đối nghịch ấy, hẳn phải có một cái đúng còn cái kia thì phải là sai, không thể có cái thứ ba xen vào. Chúng tôi nói rằng mâu thuẫn vốn nằm ngay trong mọi sự vật sống động, và chính vì nó có mâu thuẫn nên nó mới sống động được. Rằng giữa cái chiều đối nghịch của tả với hữu, nẩy ra yếu tố thứ ba chẳng phải tả, chẳng phải hữu, cũng chẳng phải sự hợp nhất, của tả và hữu. Như đứa trẻ sơ sinh, vừa có máu của mẹ, vừa có máu của cha, nhưng nó chẳng tập trung được tất cả mọi đặc điểm của hai dòng máu kia.

Còn về nguyên tắc lập lý của Tây phương, bất cứ việc gì cũng phải có nguyên nhân, và nguyên nhân như nhau thì hậu quả cũng như nhau. Chúng tôi chỉ cần biết thế. Bởi

vì không bao giờ có sự liên hệ trừu tượng nào cho một kết quả cụ thể bao giờ, mà chỉ có sự kết hợp cụ thể đưa đến những đối nghịch hữu lý. Không bao giờ có sự liên hệ của dữ kiện, mà dữ kiện này là nguyên nhân độc nhứt và chính thức của dữ kiện kia, mà chỉ có sự xen kẽ hình thái do mâu thuẫn tạo nên mà thôi. Như trong cuộc chiến chẳng hạn, sự tấn công hay phòng thủ, sự tiến hay thoái, sự thắng hay bại đều là những hình thái đối nghịch. Nếu không có thua thì không có thắng, và ngược lại, và sự chiến đấu ấy là một liên hệ hỗ tương tạo nên chiến tranh.

Từ đó, có những sự xoay chiều đổi hướng luôn luôn trong một tác động của con người: Sự tan vỡ do kết hợp mà nên, thành công do thất bại mà tới... Đối với chúng tôi, người Đông phương, không có chữ *Có* và chữ *Không,* chữ *Đúng* và chữ *Sai,* chữ *Chấp* hay chữ *Bất chấp,* như kiểu luận lý Tây phương. Trong sự biến chuyển của thời gian, tất cả những danh từ ấy không phải chỉ có một nghĩa nhứt định, bất di dịch, chữ *Có* có thể trở thành *Không* và *Không* trở thành *Có*.

Sự đồng lõa nhứt định không có hạn, nhưng nhiều khi cái xấu, lại trở thành tốt đẹp. Vì vậy, không phải diệt những kẻ xấu đi, mà chỉ thay thế nó mà thôi. Tất cả nguyên lý Khổng Mạnh nằm trong luật âm dương. Áp dụng cho tất cả mọi lãnh vực. Đạo là *Âm* và *Dương*. Âm / Dương là hai thể đối nghịch, nằm trong Đạo, và Đạo hòa đồng hai thể ấy để tạo nên sự nhịp nhàng trên thế gian. Đạo len lỏi ở khắp nơi, uốn éo như những dòng sông ở Viễn Đông. Tất cả thực chất hành động của chúng tôi là ở đấy, như thế đó. Như đi đường thẳng mà lại ra đường vòng. Có thể người ta đã nhìn vào khía cạnh ấy, để có một sự nhận xét sai lầm đối với chúng tôi: Người Việt Nam lờ đờ, ngờ nghệch và gian dối...

Đạo Khổng đã cho một đáp số chung, từ to đến nhỏ. Đó là một đạo học tổng quát. Rất dễ theo, bởi đã nằm trong một hệ thống tư tưởng lâu đời, tạo nên một chất keo sơn vững chãi, đủ để giữ nước, và bảo đảm nền độc lập cho non sông xã tắc. Đó là đạo cương thường.

Đối với một người, nó cho sự tự tin, vì đã biết tu thân, giữ đủ đạo hạnh để tề gia, rồi từ đó mới có thể vươn lên mà cầm quyền thiên hạ được. Như thế, đạo Khổng đã hướng lên một chiều lý tưởng thanh khiết, và có những giáo điều hết sức thiết thực, áp dụng cho khắp mọi lãnh vực.

Khổng tử đã đặt ra chín điều cần thiết để nói về đức độ của một người. Đó là *tứ đức* và *ngũ thường*.

Ngũ thường là Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí và Tín, còn *tứ đức* là Công Liêm Minh Chính.

Nhân là đem tình đồng loại mà đối phó với nhau, theo tinh thần dĩ đức báo đức, dĩ trực báo oán.

Lễ là luôn lịch sự đối với mọi người, không chê bai, ngắt lời, xỏ xiên, dè bỉu hầu kính trọng nhân vị mọi người.

Nghĩa là giữ tròn bổn phận của mình, dù cho đối tượng có đi theo điều trái nghịch, mình vẫn phải ở trong cái ngũ thường này.

Trí là sự thông minh, biết tiến biết thoái, mà không ngu xuẩn thấp hèn. Và *Tín* là không bao giờ sai lời, quyết chẳng đơn sai theo châm ngôn *Nhất ngôn tứ xuất, tứ mã nan truy.*

Còn *tứ đức* kia là Công, Liêm, Minh, Chính, phần nhiều để dành cho các vị công chức, quan lại.

Công là công bình, không bỏ trắng ra đen, không vơ vào cái lợi, mà đẩy cái xấu cho người: *Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*, Điều mình chẳng thích thì không nên làm cho người khác.

Liêm là liêm khiết, thanh liêm. Giữ đúng cái mức chân chính, không lạm dụng, ngay từ vật nhỏ mà không người kiểm soát: *Y phục sứng kỳ đức,* Điều mình không được, hay chưa tới, thì không bao giờ vơ vào.

Minh là sáng suốt, để đủ khả năng đảm nhiệm trách vụ, khỏi đưa đến sự hỏng việc làm hại đại cuộc, hay làm oan khuất người khác, do sự u tối và ngoan cố của mình.

Chính là đường lối vương đạo, đường lối dứt khoát của Đạo rồi.

Đó chính là *trung dung* vậy. Đức Phu tử nói: "Đức độ là sự bền vững, không bao giờ thay đổi. Khi đã đạt đức thì *phú quí bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất*. Đó là sự tuyệt vời, mà xưa nay ít người đạt được. Trung dung hóa giải mọi sự bất đồng trong nguyên tắc đối nghịch nhau, để có sự co dãn uyển chuyển khi áp dụng."

Vì vậy, Khổng tử vạch ra một học thuyết, có những giáo điều, cho cá nhân cũng như cho tập thể, lấy tam cương, ngũ thường, để đạt tới mức tu, tề, trị, bình, gìn giữ cho con người được đạo hạnh, gia đạo được an vui, mới có thể trị an thiên hạ được.

Do thế, lý tưởng tuyệt vời của chúng tôi đẩy chúng tôi vào sự xả kỷ, từ bỏ mọi tư lợi cá nhân để được vui sống trong đại đồng, tìm hạnh phúc trong hạnh phúc chung với đồng loại.

Khi Khổng tử đã vang danh khắp nơi, vua nước Lỗ yêu cầu ông đến gặp Lão tử, vốn là người lập ra đạo Lão. Lão tử tu thiền tại một chiếc hang ở trong rừng. Hai vị hiền triết gặp nhau, nhưng đạo của các ngài không phù hợp nhau nên không thể dung hòa được.

Khổng tử dạy dân tứ đức, làm điều lành, tránh điều dữ. Vì biết tu thân, sửa đức, nên biết hòa đồng xã hội. Như vậy,

theo Khổng tử, muốn đảm trách công việc trị quốc, cần phải có hai điều chỉnh là sự nhân ái và lẽ công bình. Có nhân ái và công bình, mới biết tôn trọng lẽ sống và nhân phẩm của nhau hầu đưa đến thái bình, thạnh trị.

Lão tử ngược lại, lại khuyên dân nên từ bỏ hình hài, không chú trọng đến ngoại lai, do bất động, một hình thái của thờ ơ, lãnh đạm, một thứ gần như chống đối tiêu cực, vô tình mặc đời, không cần biết đến. Như vậy chỉ chuyên về mặt tu dưỡng nội tâm, hướng vào cõi hư vô huyền bí. Đạo của Lão tử trở thành một thứ cá nhân chủ nghĩa, đi tìm sự tĩnh, để đạt thái lạc cho riêng mình mà thôi. Căn nguyên đạo Lão không đưa đến sự tiến bộ của học vấn, không chú trọng về mọi hoạt động thực tiễn, mà chỉ cố gắng đào sâu nội tâm để tìm chân lý.

Tuy nhiên cả hai bậc hiền triết ấy, mặc dù học thuyết khác nhau, đều có ảnh hưởng sâu đậm đến tâm hồn dân tộc tôi, để biết an vui trong sự nghèo túng, hay biết tự chế trong hạnh lạc.

Riêng tôi, tôi thấy Khổng giáo đã đưa đến một sự súc tích thâm sâu của những đường lối thích ứng, để tùy thời, hầu đối phó với những khó khăn bên ngoài. Vì vậy, Ngài đã viết rằng: *Thọ tỉ Nam sơn, phúc như Đông hải.*

Người đạt đạo, thì vững như núi, người khôn thì biết uyển chuyển như nước. Uyển chuyển như nước, nên luôn được hưởng phúc, rộng lớn vô cùng. Còn người đạt thì trơ như đá vững như đồng, không màng bất cứ cám dỗ nào, nên được bình an, vững bền như núi.

Về Phật giáo do Thích Ca Mâu Ni sáng lập nên. Ngài sanh cùng thời với Khổng tử và Lão tử, nhưng Phật giáo xâm nhập vào nước tôi, sau đạo Khổng và đạo Lão rất lâu (đầu kỷ nguyên Công giáo).

Phật không phải là một vị Thần, cũng không phải là một sứ giả của Trời. Ngài chỉ là một người, một bực Thầy đã giác ngộ, đã thông suốt các vấn đề, đi sát tâm lý. Ngài dẫn dắt các đệ tử vào con đường chính.

Tôi đã từng nói, tôi không phải là người theo đạo Phật. Nhưng cha tôi, thì có theo. Căn bản của Phật giáo nằm trong thuyết luân hồi. Thể xác con người vốn là không, còn linh hồn thì bất diệt. Linh hồn luân lưu qua nhiều kiếp liên tiếp để đầu thai, mà tùy theo sự ăn ở của mình, để được hưởng phúc, hay phải làm kiếp súc sanh. Phải gột bỏ tham sân si mới khỏi bị sa đọa vào hỏa ngục. Như vậy Phật giáo đặt ra một đường tu, nằm trong nguyên nhân của hai chiều nhân và quả. Nhờ vậy, dân tộc tôi cố gắng ăn ở tốt lành, để gọi là *"vê tròn quả phúc"* và *"ông cha để lại phúc cho con cháu mai sau."* Như vậy, đó là căn bản của nền văn hóa Việt Nam. Nhưng chúng tôi thiên nhiều nhất về đạo Khổng, lấy chữ hiếu làm đầu, nên thường được gọi là đạo hiếu. Tư tưởng sáng tạo ở nước tôi nằm trong luật mâu thuẫn. Một xã hội sống động, tiến bộ, đi từ mâu thuẫn này đến mâu thuẫn khác. Đó chính là biến động. Vạn vật đều biến động, mà trở thành nguyên ủy cho sự mới được sanh ra. Như vậy, đạo Khổng đã đi sát thực tế đối với con người. Cho nên không lấy làm lạ là người Tây phương, ngay từ khi mới sanh ra, chịu ảnh hưởng của tư tưởng La Hy không thể nào hiểu nổi được sự trái ngược trong luận lý của chúng tôi.

Bất cứ một nền triết học nào, ngoài Khổng giáo chỉ đưa đến sự phá sản một xã hội như xã hội của chúng tôi. Bởi thế, ai dự thi làm quan ở nước tôi không thể trình bày quan điểm trái ngược với Khổng Mạnh. Họ sẽ phải thi hành các nguyên tắc mà họ trình bày thì phải tỏ ra đã thấu đạo đến tận gốc rễ.

HỘI HÈ VÀ TẾ LỄ Ở VIỆT NAM

Có hai ngày tế lễ đáng kể nhứt ở Việt Nam. Đó là ngày *Tết Nguyên đán* mà gia đình nào cũng cúng bái và ăn tết hàng năm, và ngày *tế Nam Giao* là ngày tế quan trọng nhứt do Hoàng đế đứng chủ tế, thay mặt cho toàn thể nhân dân, tổ chức cứ ba năm một lần.

Tết Nguyên Đán là tết của gia đình, tết của đầu năm thiên thủ, của hy vọng, của hiếu trung với tổ tiên, vừa mang mầu sắc tín ngưỡng thiêng liêng, lại vừa có nhiều tính chất tôn giáo, chứa đựng phong tục tập quán cổ truyền, có thể coi như một đặc thù riêng biệt của nền văn hóa của chúng tôi.

Tết bắt nguồn từ Trung Hoa, do Khổng phu tử dựa vào Kinh Dịch, đã đặt ra theo định kỳ về thời tiết, do sự vần xoay nhất định của Nhựt Nguyệt mà ra. Nếu vị Hoàng đế nào mà lơ là, không tổ chức lễ Tết cho chu đáo, thì xã tắc sẽ gặp phải những thiên tai không nhỏ. Hội ngày Tết tương đương với ngày đầu năm âm lịch.

Đừng nên sai lầm cho rằng ngày Tết có thể tương đương với ngày mùng một đầu năm dương lịch. Ngày đầu năm

dương lịch bắt đầu vào giữa mùa đông, trong khi trái đất đang đắm chìm vào thời gian đen tối nhứt, đầy băng giá. Nhưng ở Việt Nam, ngược lại ngày xuân phân là ngày đánh dấu cho năm cũ đã qua, năm mới tới. Những mùa xuân hạ thu đông nối nhau liên tiếp có tầm quan trọng vô cùng lớn lao ở nước tôi, vì đời sống của cá nhơn hay xã hội, đều được căn cứ vào đó để làm ngũ mà hoạt động.

Theo tín ngưỡng cổ xưa, sự đổi mới của thiên nhiên phải phù hợp với sự đổi mới của con người. Như cây khô cằn cỗi, mỗi xuân về thì đâm chồi nẩy lộc, con người cũng gột được những ưu phiền để làm tươi lại trái tim khô héo, mà hướng lên chiều hy vọng. Con người đã hưởng ứng với thiên nhiên. Cây dù to lớn, có vươn ngọn tới trời xanh, cũng chẳng biết cỗi rễ nó từ hạt mầm nhỏ bé mà ra, nên không thể biết có ngày cây sẽ phải chết. Người biết được do cái *Thức* mang trong mình. Cái thức này làm cho con người hơn muôn vật, để biết suy tư, nên đã kính trọng tôn thờ người đã khuất, và đã sang thế giới khác.

Vì vậy, trong ngày Tết đã có sợi dây thiêng liêng giữa người sống và người chết, mang tính chất tín ngưỡng, tôn thờ vô cùng kính cẩn và nghiêm túc.

Trong ba ngày Tết, người chết đã trở về dương gian để sống với đàn con cháu hậu duệ của mình. Trước hôm bắt đầu cúng Tết, người ta làm bữa cỗ xơ xài, để mời vong linh gia tiên trở về ăn Tết. Rồi từ đó, cứ ngày hai lượt, làm cỗ cúng, tương đương vào hai bữa cơm sáng và chiều. Gia đình phải lau rửa bàn thờ, trang hoàng với đầy đủ hương đăng hoa quả và các phẩm vật do con cháu đem lại. Đến ngày hóa vàng, tức ngày mùng ba Tết, thì làm cỗ cúng tiễn đưa ông bà ông vải trở về cõi âm. Trước khi dời bỏ dương gian, tổ tiên đã để lại sự phù hộ độ trì cho con cháu được cả năm gặp nhiều may mắn và tốt đẹp.

Đầu năm, ai là người xông đất đầu tiên? Chính vía của người này đem lại sự may mắn quanh năm cho tất cả gia đình. Nếu vị đó là người sung sướng, có phúc. Thì cái may sẽ đem lại cho cả một năm dài. Nhưng nếu người đó là người nặng vía, hay keo kiệt, thì ôi thôi, gia đình sẽ gặp phải nhiều điều bất hạnh, ăn chẳng nên làm chẳng ra, suốt cả mười hai tháng. Người ta đã có nhiều hình thức để chiêu tài hay chế ngự sự xui xẻo này. Đó là trồng một cây nêu bằng một cây tre khá dài chừng 12 mét, đã tuốt hết lá, chỉ còn để một dúm ở trên ngọn, rồi chôn cây nêu này ở ngay cổng ra vào, vào ngày cuối năm cũ. Trên ngọn cây nêu, có treo một cái *lẵng* bằng tre đan, có dán giấy hồng điều viết tám chữ nho, để rước tài thần, phúc thần, hỉ thần giáng lâm, và trong lẵng đựng trầu cau. Phía dưới lẵng còn treo thêm mấy chiếc khánh hay con cá bằng sành nung, để khi có gió thì va chạm vào nhau mà reo vang như điệu nhạc vui tươi êm ái. Phía cuối cùng lại treo một mảnh tre đan hình vuông, để cản trở không cho ma quỷ hay tà thần được xâm nhập vào nhà. Nếu mảnh tre vuông này cản trở tà ma không cho vào, thì trầu cau ở lẵng phía trên lại là phẩm vật dâng mời các phúc thần, hỉ thần, tài thần để rước vào mà ban ân cho gia chủ.

Lễ Tết bắt đầu từ nửa đêm ngày 29 bắt làm mùng một nếu tháng chạp ta thiếu, hay chính đêm 30 Tết, nếu tháng đủ.

Việc sửa soạn ngày Tết được chuẩn bị từ nhiều hôm trước, phần nhiều từ 23 tháng chạp, và nhứt là ngày 30 Tết để ai cũng phải khẩn trương, nếu vì lý do gì mà chưa kịp hoàn tất cho thật đầy đủ. Phải trang hoàng nhà cửa, dọn dẹp bàn thờ, mua sắm quần áo mới (hay sắp sẵn quần áo sạch và đẹp nhứt), mua phẩm vật hoa quả mứt bánh, và các đồ để làm cỗ, kể cả mua sẵn pháo để đốt.

Vào khoảng mấy ngày trước Tết, chợ họp bỗng nhộn nhịp khác thường. Tiếng ồn ào nổi lên xung quanh các sạp mới mọc ngay sát chợ chính, hay bên lề đường, nơi đông người qua lại. Những sạp này chỉ tạm bợ nhứt thời, nên dựng bằng gỗ nhẹ và lợp xơ xài bằng giấy bồi, bằng phên, hay vải bạt. Sạp được trang hoàng rất hấp dẫn, có màu sắc lòe loẹt, và giăng đèn kết hoa rực rỡ. Ban đêm đèn sáng như sao sa. Toàn thể nhân dân Việt Nam tự tay sửa soạn đón Tết tỏ niềm hân hoan, sung sướng đón một mùa xuân hy vọng.

Thế rồi bỗng dưng im bặt. Bao nhiêu đèn sáng ấy bỗng tắt phụt. Nhứt là ở thành thị thì càng rõ rệt. Ai cũng ở trong nhà, trước bàn thờ ông bà ông vải.

Ngày Tết bắt đầu từ lúc giao thừa nửa đêm ngày 30 cuối năm sang đầu mùng một. Họ cùng giao thừa, để tạ ơn thần linh và để thỉnh nguyện những lời cầu xin cho cả năm, và tiễn ông Công ông Táo cũ, đón ông Công ông Táo mới.

Dân chúng thường láu lỉnh và hơi nhờn với vị gia thần này. Đó là vị thần ba ngôi hai nam một nữ, nên họ đùa cợt với những câu ví von vui vẻ, nhẹ nhàng. Tuy nhiên họ cũng sợ thần giận, khi lên chầu Trời, nên phải dùng mọi cách để chiều đãi thần để thần làm báo cáo tốt, khỏi bị quở trách trong cõi hư vô huyền bí.

Sáng mùng một Tết, cả gia đình ai cũng dậy sớm. Phải làm cỗ để cúng dâng lên bàn thờ tiên tổ. Cỗ phải làm ngày hai bữa, sáng và chiều như hai bữa cơm thường nhựt cho người sống ở dương gian và phải cúng liên tiếp trong ba ngày Tết. Và giống như mọi dân tộc khác, họ chúc tụng nhau, và đi đường gặp ai, dù quen biết hay không, cả bạn lẫn thù, họ đều vui vẻ chúc nhau được một năm tốt đẹp.

Sau khi cúng xong, họ bắt đầu đoán điềm may rủi. Tùy theo từng miền, có những hình thức khác nhau. Nơi này thì dùng thầy bói đoán thẻ, để nói về tượng trời đất hôm mùng một Tết. Nơi khác thì xem chân gà. Phần nhiều, họ tra lịch để xem ngày tốt xấu, xem giờ xuất hành, mà lịch sách nào cũng đều ghi rõ, là nên làm gì, và tránh làm gì, và tùy theo từng công việc một. Đồng thời cũng chú trọng đến màu sắc thích hợp nữa.

Muốn cho Tết thật linh đình, long trọng, người ta đốt pháo, Tết càng nhiều pháo càng tốt.

Đến ngày mùng bốn, theo nguyên tắc, đó là ngày hết Tết. Ngày đó họ đi tảo mộ vì ông bà ông vải coi như đã trở về cõi âm. Đi tảo mộ là một hình thức đưa tiễn tổ tiên về bên kia thế giới. Các nghĩa trang bỗng nhiên tấp nập và vui tươi như một ngày hội. Các cửa hàng đều mở cửa lại, đường phố trở về mức bình thường cũ. Đến ngày mùng bảy tháng giêng, thì các thần linh bắt tay vào việc, y như người sống trên dương gian. Thượng đế ban ơn hay trừng phạt hàng năm là căn bản của đạo Khổng, đưa con người vào trật tự, vì biết kính trời, sợ đất. Quyền năng tối thượng của Thượng đế chỉ được trao cho một vị chân mạng đế vương để cầm quyền thiên hạ. Vì Hoàng đế là Đại diện của Thượng đế trên thế gian, nên được tất cả mọi người kính trọng và tuân lời. Như vậy, Hoàng đế là vai chủ tể nắm trọn Càn Khôn trong cơ cấu toàn xã hội.

Khi đức tiên đế tôi là Hoàng đế Gia Long khôi phục được sơn hà, Ngài liền giữ đúng mỹ tục cổ hàng ngàn năm của Trung Hoa, đã quyết định đặt ra một buổi tế, để tạ ơn Trời Đất, đã ban ơn cho khắp thần dân, cứ mỗi năm phải tế một lần, gọi là tế Nam Giao. Nhưng kể từ đầu thế kỷ hai mươi, tế Nam Giao được rút xuống còn ba năm một lần.

Tế này chỉ dành riêng cho Hoàng đế, vốn kiêm nhiệm luôn chức vụ Đại giáo chủ để đứng trung gian giữa Thượng đế với con người, và Hoàng đế đại diện cho khắp cả thần dân.

Việc tế lễ này không liên quan gì đến Phật giáo hay việc thờ cúng gia tiên, cũng không dính líu gì đến những nghi thức về tôn giáo nào từng có ở Việt Nam. Thật sự, theo đúng tinh thần của cuộc tế, đây là việc cúng tế nằm trong triều chính, do nhà vua đặt ra, để tỏ sự tôn sùng đối với Đức Ngọc hoàng Thượng đế, cai quản chư thần đồng thời mang một hình thái cầu xin xá tội của bậc Hoàng đế đối với Thiên Nhan, xin Đức Ngọc hoàng đại xá cho những lỗi lầm đã trót mắc phải. Vì vậy, cuộc tế lễ phải tỏ ra đồ sộ và vô cùng trọng thể.

Ngày tế được công bố trước ba tháng. Hoàng đế ra chỉ dụ và do Tòa Khâm thiên giám đã chọn được ngày trước.

Lời cáo tri được một viên quan đại thần tuyên đọc không phải cho thần dân, mà để báo cho các vị Thần linh.

Bảo cáo tri ấy đại để như sau:

"Đại Nam quốc, tuế thứ...

"Tiểu thần Nguyễn Văn B... phụng ngự chiếu của Đức Việt Nam Hoàng đế, kế thế các Tiền triều liệt thánh, cẩn tấu Đức Ngọc hoàng Thượng đế, đến ngày... tháng... toàn dân nước Việt Nam sẽ dâng lễ tế Nam Giao. Tiểu thần kính cẩn cáo tri trước thiên nhan và chư thần. Cẩn tấu."

Hai tuần lễ trước ngày tế, thì là cáo tri đối với các đấng Tiên đế để cung nghinh các Ngài về dự lễ.

Thế rồi, một sắc chỉ của Hoàng đế được ban bố vào ba ngày trước hôm tế, để nhắc nhở các người dự tế, phải trai giới và dọn mình cho thật là thanh khiết.

Việc trai giới đó rất quan trọng. Để nhắc nhở nhà vua một cách cụ thể, trước đó bốn ngày, người ta mang một tượng người bằng đồng, gọi là đồng nhân rước đến cung điện của vua, để ngày đêm vua trông thấy vị thần tượng trưng cho trong sạch và chay tịnh này, hầu giữ mình cũng y như vậy.

Đúng hôm tế, mới tám giờ sáng, khi tiếng súng thần công báo hiệu mở đầu, một đám rước đang tụ tập sẵn ở điện Cần Chánh, được khởi hành rất nghiêm chỉnh ra đàn tế ở phía nam thành phố.

Đám rước chia ra làm ba đoạn, mỗi đoạn tương đương với một quân đoàn gọi là tiền quân, trung quân và hậu quân. Thoạt đầu, là một hàng voi choàng đầy phẩm phục rất lộng lẫy, có một người quản tượng và một vị quan ngồi, có lọng che. Theo sau là đủ hạng nhạc công, phần việc mang các trống chiêng, và các đồ nghi trượng, như loa đồng, cờ xí, hương án, tàn lọng và nhạc cụ.

Trung quân là nơi quan trọng nhứt. Ngoài các phần việc, còn có lính thị vệ mang hèo và trượng là các loại võ khí chỉ huy và hộ vệ, mang kiếm của Đức Vua và các tinh kỳ riêng biệt. Sau đó là bọn vác cờ, thuộc các cờ biểu tượng của Thiên đình như cờ Đại hùng tinh, cờ Nhựt/Nguyệt, và cờ ngũ hành thuộc về Dịch lý. Đức Vua ngồi trong chiếc ngự liễn sơn son thếp vàng đi ở giữa, xung quanh có các kiệu của các hoàng thân dòng huyết mạch, có các kỵ sĩ và các phường tuồng xênh xang bao quanh. Ngự liễn của Đức Vua được sáu người khiêng, có che hai chiếc tán lớn, và có một vị đại thần đi phò giá, và hai hàng võ quan đi sát hai bên. Lính ngự lâm và cung thủ mang những phủ việt đi hộ vệ. Sau đó đến các xe tay kéo các vị Thượng thư và các quan dự tế.

Hậu quân thì không mấy long trọng. Đó là hàng quân những người mang các nhạc khí như nhạc bát âm, một chiếc chuông lớn, mười hai chiếc lục lạc nhỏ, một trống cái bằng gỗ, một trống cái lớn, gọi là đại cổ, để trên một giá trống thật lớn, mười hai chiếc khánh đá, mỗi chiếc có một tiếng vang cao thấp khác nhau, một chiếc đàn thập lục mang hình đầu hổ, một chiếc sáo lớn để trưng bày, một chiếc cổ cầm thật lớn. Nhiều phường chèo nhảy nhót làm trò khép hậu. Chúng mang rìu và mộc như chiến sĩ đi hộ vệ. Hai con voi khoác vải vóc lộng lẫy đi sau cùng đám rước.

Đám rước đi thật thong thả, và gồm khoảng trên hai ngàn người, mất nhiều giờ để đi trong thành phố, trước khi đến đàn tế Nam Giao, do Đức Tiên đế Gia Long đặt ra. Đàn tế ở giữa nhiều đồi núi, trên có những cây thông, và nằm hướng chiều Bắc Nam có bốn vòng đai lồng vào nhau. Toàn thể được bao bọc bằng một bức tường gạch, chiều dài 390 mét từ Bắc chí Nam và chiều ngang 265 mét tự Đông sang Tây.

Hàng rào thứ hai hình vuông, mỗi chiều 165 mét, và hàng rào thứ ba cũng hình vuông mỗi chiều 85 mét. Đây được gọi là bàn thờ Đất, cuối cùng trèo lên quãng mươi mười hai nấc thì đến một khu hình tròn đường kính 42 mét, gọi là bàn thờ Trời. Ở giữa có lợp một chiếc lều vải rộng, bằng vóc màu xanh để tượng trưng cho Trời.

Mỗi hàng rào đều có bốn cửa ngoảnh theo phương hướng gọi là tứ phương Đông Nam Tây Bắc. Phương Nam có ba cổng ra vào, xây bằng gạch. Cửa chính giữa dành cho các bậc thần linh, cửa bên hữu dành cho Hoàng đế. Mỗi cửa đều có chiếc bình phong cốt để ngăn chận tà thần.

Khi đám rước đến đàn tế, thì đã sang giờ Ngọ. Hoàng đế được đưa đến phía Tây Nam của đàn tế, vào một cung

gọi là Trai cung, túc cung của trai giới và chay tịnh. Hoàng đế nghỉ ở đó một đêm, để suy tưởng hầu như đơn độc chỉ có một mình. Đối với vua Gia Long, khi xây cất đàn tế này là có ý minh định trước quốc dân Ngài là bậc Chí tôn của toàn thể sơn hà Việt Nam, và Ngài phải có bổn phận tôn thờ Đức Ngọc hoàng Thượng đế đã trao cho Ngài sứ mạng lãnh đạo triều đại mới cùng lãnh đạo thần dân và xã tắc này.

Đến đúng hôm cúng tế, mới hai giờ sáng, đại kỳ được kéo lên. Thật lạ lùng, dù cho đêm trước hay ngày hôm trước có mưa, thời hôm nay trời quang mây tạnh trong suốt buổi lễ. Tôi dời khỏi Trai cung, lên kiệu và vào cửa Tây, ở đó tôi đi bộ leo lên đàn về phía phải, và do cửa Nam tiến vào, và dừng lại một nơi gọi là Mục dục để làm lễ rửa tay.

Nhiều bó đuốc thắp sáng ở bốn góc của đàn tế. Về góc Đông Nam có một đám lửa thiêu lớn, đây là nơi làm lễ tam sinh, gọi là thần trù (tức nhà bếp của chư thần), trên đó có thiêu cả một con nghé bị hy sinh, do bọn phần việc phải nhóm lửa luôn tay cho cháy thật to.

Trên tất cả các bàn thờ, những cây nến khổng lồ, cao cả thước tây, cháy sáng rực khắp nơi, ngọn nến to bằng nắm tay. Bóng tối đã lui vào các bụi hốc sâu thẳm bao quanh bàn tế. Trong ánh lửa bập bùng, nhạc bát âm hòa nhịp theo điệu của từng cử động làm con người bị say sưa quyến rũ vào một cõi u minh bát ngát tôn thờ.

Kể từ lúc ấy, tất cả mọi cử động của tôi đều phải đưa vào đúng nhịp, sao cho hòa đồng với các viên bồi tế. Chân tôi khi tiến, khi thoái, phải theo một hình vẽ vô hình, cho đúng nghi thức, theo tiếng xướng của viên lễ sinh.

Vẫn bằng cửa Nam, tôi tiến vào bàn thờ *Đất*. Ở giữa khu này, có dựng một chiếc lều bằng vóc vàng, gọi là "nhà

vàng" có đặt một hương án xếp đầy lễ vật. Hai bên có tám án hương thờ các vị thần linh là:

Dương quang tinh tú thần (Thần Mặt trời và các vì sao)
Phong vũ vân lôi thần (tức Thần Gió, Mưa, Mây, Sấm)
Binh tướng nguyệt đức thần (Thần Mặt trăng& Quân đội)
Sơn hải hà hồ thần (tức Thần Núi, Bể, Sông, Hồ)
Bình nguyên phì địa thần (tức Thần của các Đồng bằng và màu mỡ)
Dạ quang thần (Thần ban đêm)
Du thần (Các Thần có ảnh hưởng đối với trái đất và con người)

Khi tôi vào trước bàn thờ Đất, thì các phần việc đốt to ngọn lửa thiêu con nghé, còn lông nghé và huyết nó thì được chôn xuống đất, để cúng dâng cho Đất. Tôi châm hương. Các viên bồi tế liền khấn vái và cất cao giọng tụng bài Thái hòa để ca tụng sự thái bình, an lạc.

Sau khi vái tạ các thần, tôi bước lên ngôi đền thờ *Trời*, ở mô đất tròn chính giữa. Đây có hương án thờ Đức Ngọc hoàng Thượng đế. Xung quanh cho nhiều hương án thờ các vị tiên đế của triều đại tôi. Tôi dâng ngọc ngà, vóc lụa. Sau đó rót rượu cúng để lên bàn thờ cùng với các lễ vật khác. Trong khi đó, kẻ hầu cận mang đến một chiếc khay đựng *thịt tam sinh* (thịt nghé, thịt heo và thịt dê), cũng được đặt lên bàn thờ. Đây là lúc quan trọng nhứt.

Các lễ sinh xướng phủ phục, tôi và các bồi tế đều phải quỳ cả xuống. Một viên quan Đại thần đến trước hương án, lấy một bài văn tế do tôi đứng chủ tế. Ông ta quì xuống và tiến quì vào trước mặt tôi, và đây là giờ hành lễ tế. Tất cả đều im bặt. Bài văn tế do Cơ quan trong Nội các viết, nhưng có một khoảng trống ở phía trên, để dành riêng cho tôi, vì chỉ có một mình tôi biết. Chỗ này, tôi sẽ viết dưới hình thức

những danh hiệu riêng của từng vị tiên đế, có thêm những đức tính và những thành tích của các Ngài khi còn sinh tiền.

Im lặng hoàn toàn, chỉ có tiếng nến cháy xèo xèo. Viên quan đọc văn tế cất tiếng ê a đọc (giọng văn tế):

"Tấu lạy Đức Ngọc hoàng Thượng đế,

"Hạ thần truyền nhân của liệt vị Hoàng đế nước Đại Nam quốc, nhân dịp đầu xuân, kính dân Đức Ngọc hoàng Thượng đế và Đức Chúa tể cõi Trần, lòng tôn thờ bất diệt.

"Nhân dịp xuân về, giang sơn tô thắm, cây cỏ tốt tươi, người vật tràn trề nhựa sống, hạ thần thay mặt toàn thể thần dân, cùng các triều thần, hạ thần xin kính dâng lên Đức Chúa tể muôn loài của cõi Trời và cõi Đất, lễ vật tam sinh, ngọc ngà, tơ lụa, gạo rượu, hương hoa phẩm vật.

"Theo lệ ba năm một lần, Lễ Nam Giao năm nay, hạ thần kính cẩn cầu xin Đức Ngọc hoàng Thượng đế cũng như chư Thánh tiền triều Hoàng đế.

"Đức Vua khai sáng vĩ đại, đã đặt ra nền móng của triều đại. Sáng suốt và thấu đáo, công bình và đầy kinh nghiệm. Nhờ đức tính của Ngài, đã giúp cho đàn hậu duệ nhiều sự phù trợ và che chở.

"Đệ nhị tiên hoàng đế, đã củng cố quyền uy do Đức Ngọc hoàng Thượng đế ủy nhiệm. Đã mở rộng sơn hà. Luật pháp và văn hóa phát triển. Trung chính, đầy nhân ái và hiếu thuận.

"Đệ tam tiên Hoàng đế, nhiều nhân ái, và hiếu thuận. Đã tiếp tục công nghiệp của tiên đế phụ hoàng. Trong sạch. Văn chương siêu quần. Thần cơ diệu toán. Đệ tứ tiên Hoàng đế, khuôn mẫu, hoàn toàn. Hiếu thuận trung trinh. Tinh vi, đại đức.

"Đệ ngũ tiên Hoàng đế, sáng suốt vô địch. Củng cố ngai vàng. Kiên nhẫn, sáng suốt vô tận về chính trị. Văn chương trác tuyệt.

"Cung thỉnh Hoàng triều liệt thánh về âm hưởng phẩm vật, do kẻ truyền nhân hiếu tử kính dệ lên bàn thờ để kính dâng."

Sau khi khấn vái xong, tôi phải rót rượu hai lần để cúng. Mỗi lần, tôi bưng một cốc rượu bằng hai tay, nâng cao ngang trán, và vái ba vái.

Sau đó, các viên bồi tế được chia nhau uống rượu này, và ăn phần tế ngay lúc ấy, gọi là được ban lộc Trời. Còn họ đã đặt vào một chiếc khay một phần tế, để mang về cung dành cho tôi.

Những phẩm vật nào không được phân chia, thì cùng với bài văn tế được đốt ở trong một cái chuông đồng. Không để sót vật gì còn lại.

Khói lửa đã mang hương vị này để dâng cúng lên các thần linh ở cõi âm.

Tôi quay lại nhìn vào chiếc chuông đang đốt các đồ cúng lễ còn đang cháy. Lúc đó các Thần linh đã trở gót về bên kia thế giới. Viên quan bồi tế xướng lễ tất. Tôi liền bước xuống ra khỏi bàn thờ *Trời,* rồi ra khỏi đàn tế. Ở đây đã có chiếc kiệu khiêng tôi về Trai cung. Ở ngoài sân, các quan và các hoàng thân cùng huyết thống cũng như các vị thượng thư, và các viên quan võ, đầu phủ phục và chúc tôi đã hoàn tất cuộc tế tốt đẹp.

Thế rồi, đám rước lại bắt đầu như lúc ra đi, để trở về hoàng cung. Suốt dọc đường, dân chúng đứng xem đông nghịt. Chín phát súng thần công nổ vang báo hiệu sự hồi cung của tôi.

Nhiều người đã muốn so sánh cuộc cúng tam sinh ở Tế Nam Giao này với lễ dâng mình thánh của Thiên Chúa giáo. Tất nhiên hai cuộc lễ này cũng có nhiều chỗ gần như nhau, như chỗ trai giới, chỗ dâng vật cúng, chỗ khấn nguyện, và chỗ chia phần và hưởng thực lộc cúng tế. Để có một hình ảnh y hệt ngày Chúa Ki Tô bị đóng đinh râu rút, đòi hỏi vị chủ tế phải tự dâng mình hy sinh cho đúng lễ nghi, bên Trung Hoa ngày xưa đã có vị Hoàng đế tự sát làm vật hy sinh trong buổi lễ. Gương của ông không ai dám theo. Thật sự những điểm tương đồng này chỉ chứng tỏ niềm khát vọng, thì ở đâu cũng thế thôi. Khát vọng về lẽ huyền vi, khát vọng được che chở, khát vọng được bình an ở cõi đời này cũng như ở kiếp sau. Cũng do một nguyện vọng tín ngưỡng, nguyện vọng được Trời chiếu cố và cứu rỗi, nên dù ở Tây phương hay Đông phương, mong mỏi những kết quả y như nhau, nên đã được thể hiện bằng những lễ nghi có nhiều điểm tương đồng giống nhau y hệt mà thôi.

Đối với tôi, bao giờ tôi cũng hoàn tất lễ tế Nam Giao như một hình thức công khai của vị Hoàng đế đã phục tòng vương đạo để giữ niềm tin kính Trời sợ Đất, vốn đem đến trật tự và hòa bình cho con người trong cuộc sống hàng ngày. Đó là một hành động mang tính chất của nền vương chính, để đưa con người vào vị trí đúng với đạo nghĩa, mà trong nền vương chính này, nhà vua phải có một thái độ khuôn mẫu gấp đôi, vừa là đại diện cho khắp thần dân, lại vừa chứng tỏ chính nhà vua cũng phải tôn trọng trật tự chung như khắp mọi người.

Có người đã hỏi Khổng tử là tại sao con người lại phải kính Trời, Khổng tử đáp: "Chính ta cũng chẳng rõ. Nhưng ai hiểu rõ, thì trị dân dễ như trở bàn tay vậy." Vừa nói ông vừa dơ ngửa bàn tay ra.

CUỘC CHIẾN XA XÔI

Trong một cuộc đá banh ở Ban Mê Thuột năm 1938, tôi sa chân vào một hố kiến, nên bị ngã. Chân trái bị gẫy khớp xương trên mắt cá. Lập tức tôi được đưa ngay vào bệnh viện Grall ở Saigon để chữa. Bác sĩ Đại tá Roques đã mổ chỗ đau cho tôi, sau đó tôi được đưa vào dinh Thống đốc Nam kỳ Robin, ở điện Norodon để dưỡng bệnh. Tôi nằm ở đây mất bốn mươi lăm ngày, bột bó được tháo ra, nhưng khớp xương gẫy chưa hàn hẳn lại được, nên phải đắp bột mới.

Tôi trở về Huế bằng máy bay, và vẫn phải nằm. Tuần nào cũng phải soi điện. Mất nhiều tháng như vậy. Và các bác sĩ đều công nhận là xương bị mất nhiều chất vôi. Các danh y được mời đến để điều trị, nhưng họ đồng thanh cho rằng cần phải đưa tôi sang Pháp, mới mau lành mạnh được.

Lập tức tôi ủy quyền cho người em họ là Hoàng thân Bửu Lợi thay tôi để tế Nam Giao và tôi đi Paris để chữa bệnh bằng đường hàng không, do mới thành lập từ năm 1932.

Những chiếc máy bay *Dewoitine* phải để mất năm ngày mới có thể bay từ Saigon đến Paris được. Nhiều chặng nghỉ là: Bangkok, Rangoon, Calcutta, Karachi, Bassorah, Beyrouth, Tripoli, Tunis, Marseille và cuối cùng đến phi trường Le Bourget. Đó là một cuộc du hành vất vả.

Thế là tôi lại trở lại ngôi biệt thự cũ đường Lamballe vào tháng tư năm 1939. Đầu tháng năm, Hoàng hậu Nam Phương đi bằng tàu thủy sang với tôi, cùng với ba con là Hoàng tử Bảo Long và hai Công chúa Phương Mai, Phương Liên. Khí hậu mùa xuân ở Paris rất tốt cho tôi, nên chỉ có mấy tuần lễ, các thầy thuốc đều công nhận là sức khỏe của tôi đang được phục hồi, chân đã đi được.

Cuộc đi ra ngoài đầu tiên của tôi là đến đường Oudinot thăm xã giao viên Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Georges Mandel. Ông này tiếp tôi một cách rất lịch sự, và đã cho mang một chiếc ghế đẩu để tôi có thể ruỗi chân lên được. Chúng tôi dùng điểm tâm cùng với nhau.

Mặc dù cuộc viếng thăm này không có tính chất chính thức, tôi cũng không thể nén mà không nói xa xôi cho ông ta biết vị trí chán nản mà nền chính trị Pháp đã dành cho tôi.

Viên Bộ trưởng thay thế ông Albert Sarraut này vốn được tiếng là đắc lực, nhưng lại e ngại sự thật. Trong câu chuyện, ông ta tỏ ra cởi mở đối với các vấn đề ở nước tôi. Tuy nhiên, các câu trả lời vẫn mập mờ. Ông ta trỏ vào chiếc ghế ngồi sau bàn giấy như có vẻ dễ chịu hơn. Lúc trước, khi đứng lên tiếp đón tôi, một điểm làm tôi chú ý, đó là ông ta lùn... Phải thế chăng, nên đầy mặc cảm. Ông ta tỏ ra bận rộn về hoàn cảnh ở Âu châu và lo ngại các hậu quả do hiệp ước Munich đã báo hiệu. Vắn tắt, ông ta trở lại vấn đề Đông Dương và cho tôi hiểu ngầm rằng, các cơ quan cai

trị ở đây rất mạnh và nhiều nhân vật kinh doanh quốc tế, nhờ giao dịch rộng với các chánh khách ở Paris, đủ khả năng tạo ảnh hưởng lớn lao, thì không dễ gì mà họ dám coi thường. Tôi cáo từ ra về, không khỏi có khá nhiều thất vọng.

Ít lâu sau, cùng với Hoàng hậu và các con, chúng tôi trở về Cannes, vào ngôi biệt thự của chúng tôi là lâu đài Thorenc. Khoảng ba tuần sau, Hoàng hậu về Paris chữa bệnh đau đầu, tôi cũng đi Vichy để xem lại chân lần nữa.

Ở Paris, tôi gặp lại Michel Detroyat mà trước kia tôi đã chơi bóng ngựa với ông ta ở hội *Bagatellé* (Bóng ngựa là dùng gậy đánh bóng, ngồi ở trên lưng ngựa). Lúc này ông ta ba mươi lăm tuổi, làm thanh tra về vật dụng hàng không trong bộ Hàng không của Guy La Chambré.

Michel Detroyat đề nghị dạy tôi học lái máy bay trong thời gian nghỉ ngơi bắt buộc này. Tôi vui vẻ nhận lời. Ngày nào cũng vậy, trong hai mươi phút, tôi tập lái máy bay ở Villacoublay, trên chiếc máy bay một thân Morane 315, và sau vài lần đi chung với huấn luyện viên, anh ta đã để tôi lái một mình. Tôi cảm thấy thoải mái vô cùng, một hình thái của tự do hoàn toàn. Từ đó, tôi khám phá ra có một năng khiếu khá cao về các máy bay. Michel Detroyat công nhận tôi là một học viên xuất sắc, tóm lại là học viên mà anh ta đã thả ra nhanh nhất. Thế là tại Vichy, trên chiếc Stamp của sân bay địa phương, tôi thi lấy bằng lái máy bay.

Một tối, vì vô công rỗi nghề, tôi theo một số người quen biết vào sòng bài. Họ mời tôi chơi. Chỉ có ít tiền mang đi, nên tôi đánh nhỏ, và tôi đã thắng... Nhưng thắng bao nhiêu? Thật sự thật cũng không nhớ rõ, chỉ biết rằng, hôm sau với số tiền này, tôi đã mua được chiếc Citroen sáu mã lực. Đó là lần độc nhứt mà tôi vào một sòng bài, trước khi trở về Việt Nam, và cũng là lúc mang chức vụ làm vua. Và

cũng là lần đầu tiên tôi đã dùng tiền riêng để mua sắm riêng cho mình...

Ở Việt Nam, Hoàng đế không có lãnh lương bổng gì. Triều đình phải lo liệu tất cả các điều mà nhà vua cần đến, giúp nhà vua dễ dàng làm tròn sứ mạng, hầu tỏa ra uy quyền tối thượng của mình. Hoàng đế chẳng có gì là của riêng. Ông ta không giống các vua chúa phương Tây, có tài sản riêng biệt. Khi còn tại vị, ở trên ngai, ông ta có hết, cần gì có nấy, nhưng nếu xuống ngôi, thì chẳng có một mảy may gì. Tôi có thể được coi như người giàu nhứt nước, mà thực sự lại chẳng có một mảnh đất tẻo teo nào. Tất nhiên, các phẩm vật, hay hoa quả ngon nhứt được đem cúng tiến cho tôi, vì tôi là Thiên tử... Nếu tôi tỏ ý kiến, muốn có hạnh phúc gia đình ở bờ bể, lập tức người ta cất ngay một biệt thự ở Qui Nhơn, ngay bên bãi biển.

Ở Cam Ranh tôi cũng có một ngôi nhà lầu. Tất cả sự tậu sắm ấy, tất cả các công trình kiến thiết ấy đều do Triều đình đài thọ, tôi không cần biết đến, thế nhưng các tài sản này thuộc về triều đình chứ không phải của riêng tôi. Tôi sống trên vàng ngọc, giữa kho tàng, mà mình chẳng có tí quyền gì. Ở Việt Nam tôi không bao giờ có tiền trong người và tôi cũng không biết bằng cách nào, mà người ta có thể có tiền được. Vì vậy tôi sống dửng dưng trước tiền bạc, và của cải này nọ.

Hơn nữa, cả Hoàng hậu và tôi, chúng tôi sống cuộc đời rất mộc mạc. Buổi sáng, sau một cuộc cưỡi ngựa, tôi đến bàn giấy và làm việc với Thượng thư Phạm Quỳnh. Đến chiều, tôi lái ô tô chạy một hơi, hay lái thuyền trên sông Hương, chẳng có vệ sĩ hay tùy viên.

Hoàng hậu thì bận lo giáo dục cho con cái. Một cô sẩm người Hoa trông nom bọn trẻ nhỏ nhứt. Về sau, có thêm một nữ khán hộ người Thụy Sĩ, một ông thày học Việt Nam

và một bà giáo người Pháp kèm về chữ Pháp cho trẻ nữa. Khi chúng tôi về Đà Lạt, thì Hoàng thái tử Bảo Long theo học ở trường nhà dòng Taberd.

Những bữa tập bay ở Vichy rất lợi cho tôi. Chân tôi nay đã hoàn toàn cứng rắn, và tôi đi đứng không còn khó khăn nữa. Theo lời khuyên của các bác sĩ, tôi nên đến nghỉ ngơi ít lâu ở Aix lex Bains.

Tuy nhiên, mây đen u ám ở khắp trời Âu. Những dấu hiệu chiến tranh mỗi ngày một rõ rệt. Ở Huế, Triều đình thôi thúc mời tôi trở về, và không nên mạo hiểm ở lâu bên Pháp có thể bị kẹt. Tôi quyết định dùng máy bay riêng. Còn Hoàng hậu và các con thì đi đường thủy.

Chiếc máy bay chở tôi là chiếc *Dewoitine* một cánh quạt. Phi hành đoàn chỉ có một viên hoa tiêu, một bác sĩ và một hiệu thính viên. Cuộc du hành này rất sôi động, và khó khăn, bởi chúng tôi đang ở giữa mùa gió bão. Sau khi ấy lên không phận Ấn Độ, chúng tôi bắt buộc phải hạ cánh ở Akyab, một thị trấn nhỏ ở trước vịnh Bengale, thuộc biên giới Miến Điện. Vừa đáp xuống xong thì bãi đáp bị nước tràn ngập hoàn toàn. Chúng tôi phải đợi cho nước rút, mới có thể cất cánh được.

Kể từ lúc ấy, để tránh nguy hiểm, bắt buộc chúng tôi phải bay là là cho tới Rangoon. Chuyến bay này thật nguy hiểm, như trò nhào lộn vậy.

Cuối cùng chúng tôi đến Huế, không ai việc gì. Phạm Quỳnh ra đón tôi ở sân bay. Trong khi đi đường, tôi có nói cảm nghĩ của tôi, khi đi nghỉ ở Pháp. Tôi không dấu sự bi quan của tôi đối với số phận của quốc gia bảo hộ. Từ sự di chuyển trên khắp nước Pháp, cũng như mọi giao dịch của tôi ở Paris, tôi có một cảm tưởng nặng nề. Tôi đã nhận thấy rằng toàn thể nước Pháp như không có chuẩn bị gì, do một

sự ăn chơi buông thả quá độ. Phản ứng và tâm thuật của dân chúng không mấy tốt đẹp. Thái độ của người Pháp trước những nguy cơ chiến tranh đã quá thờ ơ làm thất vọng... Viên thượng thư này nghe mà không nói một câu nào.

Ngày 3 tháng 9, chiến tranh đã xảy ra.

Ngày 15 tháng 9, tôi gửi cho dân chúng, lời tuyên bố đại cương như sau:

"Nếu có một cuộc chiến tranh cao thượng để bảo vệ chính nghĩa, thì đây là cuộc chiến đó đã bắt đầu, và nước Pháp bảo hộ đã bị lôi cuốn.

"Nước ta và dân tộc ta đã đứng trong hàng ngũ của nước Đại Pháp. Bổn phận của chúng ta đã được vạch rõ: Chúng ta phải đứng bên nước Pháp, để chung lưng góp sức với tất cả nhiệt tâm trong cuộc chiến đấu vĩ đại này."

Nước Pháp liền bổ một viên Toàn quyền mới là Đại tướng Catroux. Tôi đã biết ông ta, khi sang thăm nước Maroc, lúc ấy ông là thị trưởng thị trấn Marrakech, sau đó nhiều lần tôi lại gặp ông ta ở Pháp.

Mỗi khi có một viên Toàn quyền mới nào được bổ đến, tôi vẫn tiếp kiến ở điện Thái Hòa, trước toàn thể nhân viên Viện Cơ mật, và các viên chức, văn, võ cao cấp người Pháp. Viên Toàn quyền mới đọc một bài diễn văn, và tôi đã đáp lại vắn tắt vài lời, liên hệ đến những điều chúc tụng. Cuộc tiếp tân được kết thúc bằng một bữa yến tiệc, đặt ở phòng tiếp tân cạnh điện Thái Hòa. Đối với Đại tướng Catroux cũng vậy, nhưng vì đã có nhiều liên lạc cũ, nên sự đón tiếp có màu sắc thân mật, cởi mở hơn các vị trước nhiều. Catroux phu nhân biết là mình rất khả ái, và đã được gọi là bà Hoàng Margot.

Bà rất hợp ý tâm đầu với Hoàng hậu Nam Phương. Đến nỗi rằng, chúng tôi thường thường gặp nhau luôn, nhứt là ở Đà Lạt, ở nhà ông bà nhạc gia tôi, và sau cùng ở biệt thự riêng của tôi đã cất xong.

Đại tướng Catroux lúc đó quãng sáu mươi tuổi. Ông không nói với tôi nhiều về các vấn đề chính phủ. Công việc trị an trong nước vẫn đều đặn, không có gì, nước Việt Nam vẫn bình an.

Ông ta cũng không về Pháp. Đến tháng sáu năm 1940, thì đó là sự sụp đổ...

Nhựt đang đánh nhau với Trung Hoa từ năm 1937, liền lợi dụng cơ hội này. Theo các khoản của sự thỏa thuận cũ, binh nhu, nhiên liệu, xe vận tải, do các nước châu Âu viện trợ cho Trung Hoa đi qua đường xe lửa Hải Phòng/ Vân Nam hay đường bộ Hà Nội/ Lạng Sơn để đưa vào nội địa Trung Hoa.

Ngày 19 tháng 6 không còn đếm xỉa đến chính phủ Pháp, vốn lúc ấy đã quá bận rộn với nhiều vấn đề quan trọng, chính phủ của Nhựt Hoàng đã gửi cho Tòa Đại sứ Pháp ở Tokyo một tối hậu thư để gửi cho viên Toàn quyền Pháp ở Đông Dương. Ngày hôm sau 20 tháng 6, biên giới Việt Nam/ Trung Hoa liền bị đóng chặt, và binh lính Nhựt kiểm soát sự ra vào.

Biết trước về hiểm họa nếu ông ta từ chối trong hoàn cảnh bi thiết của nước Pháp lúc ấy, Toàn quyền Catroux chấp nhận yêu sách này của Nhựt, và cho rằng chỉ có đường lối duy nhất ấy, mới cứu vãn nổi Đông Dương thuộc Pháp. Bị đứt liên lạc với chính quốc trong thực tại, ông ta không có cách nào để báo tin cho chính phủ Pháp cũng như để nhận chỉ thị cần thiết theo như hạn định. Chỉ mấy ngày

sau đó, khi có hiệp định đình chiến ở Pháp, ông ta mới có thể báo cáo với Bộ Thuộc địa ở Paris.

Ngày 25 tháng 6, Hội đồng Bộ trưởng Pháp cất chức Toàn quyền của Đại tướng Catroux và bổ nhiệm thay vào đó, Phó Đề đốc Jean Decoux lúc ấy đang chỉ huy hạm đội Pháp ở Viễn Đông. Nhưng Đại tướng Catroux cho rằng quyết định bãi nhiệm này đã không chú ý đến hoàn cảnh thực tế, và các nhân viên thân cận ông đã dùng nhiều hình thức để can thiệp cạnh chính phủ của Thống chế Pétain. Quốc vương nước Cao Miên cũng như Quốc vương nước Ai Lao đều gửi điện văn lên Thống chế Pétain. Khâm sứ Graffeuil, dùng điện văn yêu cầu tôi gửi một bản kiến nghị cho Tổng thống Albert Lebrun. Quyết định kia vẫn giữ y nguyên.

Tuy nhiên, Đại tướng Catroux chỉ bàn giao công việc vào ngày 20 tháng 7. Trước khi ra đi, Đại tướng đã đến Huế để chào từ biệt tôi. Tôi cho rằng việc chính phủ Pháp đối với ông là việc riêng của ông, không quan hệ gì đến tôi, nên vẫn tiếp ông ở điện Thái Hòa, với đầy đủ nghi thức dành cho vị trí của ông.

Tôi cũng đối xử như thế đối với Đô đốc Decoux khi đến chào tôi. Nhưng sự giao thiệp giữa tôi và Đô đốc không có thể bằng như cách tôi đối xử với Đại tướng Catroux. Đô đốc Decoux là người ái quốc nhiệt tâm, thẳng thắn tột bực, nhưng tính tình khó khăn. Chúng tôi không mấy gặp nhau, và trong một vài trường hợp, ông ta tỏ vẻ cởi mở với nguyện vọng ái quốc của nhân dân Việt Nam. Đối với tôi, ông cũng không có vẻ gì là khắt khe hơn các vị tiền nhiệm của ông ta, trước các vấn đề của nước tôi.

Những tin tức mà tôi nhận được, là do hai đài phát thanh *Tiếng nói Phù Tang* và *Radio Saigon*, là hai đài nghe được ở Huế.

Trái lại với điều người ta dự tưởng, sự thất trận của Pháp năm 1940 không làm sứt mẻ mối giây liên lạc giữa hai nước. Thực sự, dân tộc Việt Nam bao giờ cũng tỏ sự thương xót đối với những điều bất hạnh đang đánh vào quốc gia bảo hộ, và có thể nói rằng dân chúng chưa bao giờ lại gần gũi với Cộng đồng Pháp quốc như lúc ấy. Vì vậy, khi có sự kêu gọi dân chúng giúp đỡ về vấn đề cứu trợ cho Pháp thì toàn dân đã hưởng ứng nhiệt liệt, với tất cả độ lượng và lòng ưu ái đáng quí. Có lẽ thế chăng, nên sau này Pháp đã đền đáp lại bằng cách trả ơn, là để Việt Nam độc lập.

Lòng ưu ái ấy cũng không bị sứt mẻ trong vụ xung đột ở Lạng Sơn cuối năm 1940, cũng như vụ tấn công của Thái Lan vào đầu năm 1941, đối với các tỉnh biên giới Cao Miên và Ai Lao.

Nước Việt Nam sống trong thái bình và kiến thiết.

Trong môi trường ấy, tôi đón tiếp vị thiếu vương nước Cao Miên Norodom Sihanouk vừa lên ngôi vua Monivong. Vị thiếu vương này đã ra yết kiến Toàn quyền Pháp ở Hà Nội, và khi trở về đã ngừng lại ở kinh đô Huế. Khi lên nối ngôi, Sihanouk mới mười chín tuổi, và có thể nuôi mộng tương tự như tôi khi ở Pháp trở về. Khi gặp tôi, ông ta mời tôi đến thăm Phnom-Penh.

Tuy có thỏa ước giữa Pháp và Nhựt ký ngày 21 tháng 7 năm 1941 mở cửa toàn thể Đông Dương cho quân đội Nhựt, các sự di chuyển vẫn hoàn toàn tự do. Vì vậy, cuối năm, theo lời mời của Toàn quyền Decoux, tôi ra Hà Nội khánh thành Hội chợ như đã từng dự định ở Huế vào năm 1939. Đây là lần thứ hai tôi ra thăm Bắc hà.

Nhưng khi tàu hỏa đến Thanh Hóa, tôi được viên đồn trưởng binh lính Pháp báo cho biết là nhiều tin tức quan

trọng ông ta mới nhận được: Nước Nhựt đã tấn công Hoa Kỳ. Đó là ngày 8 tháng chạp năm 1941. Tôi quyết định quay lại, và khi đến Huế, tôi mới rõ chi tiết về trận tấn công bất ngờ của quân đội Nhựt vào Trân Châu Cảng, lôi cuốn cả Hoa Kỳ vào vòng chiến.

Kể từ ngày ấy, các liên lạc đường biển với nước Pháp qua Hão Vọng Giác, đã bị cắt đứt. Chúng tôi hoàn toàn bị cô lập cho đến hết tháng tám năm 1945.

Đầu năm 1942, Đô đốc Decoux chuyển cho tôi lời mời chính thức của Quốc vương Sihanouk. Tôi liền đáp tàu hỏa xuyên Đông Dương, đi cùng với Hoàng hậu Nam Phương đến Sài Gòn. Chúng tôi nghỉ ngơi ở nhà một người cậu của Hoàng hậu, có một biệt thự lớn ở Sài Gòn. Thống đốc Nam kỳ mời chúng tôi dự tiệc. Nhân dịp, tôi ngỏ ý muốn đến Bến Tre là sinh quán của Đức bà Từ Dũ, mẫu thân của Hoàng đế Tự Đức. Thống đốc chấp nhận, nhưng chính phủ Pháp ở Nam kỳ lại ra chỉ thị cho dân chúng là cấm dân chúng dọc đường không được tụ tập để hoan hô tôi, nếu trái lệnh sẽ bị phạt vạ. Tôi dùng đường bộ đi bằng ô tô và có một viên chức Pháp đi theo.

Nhân viên mẫn cán này quả đã bực dọc vô cùng. Dọc đường rất nhiều hương án với hương hoa được bày ra để bái vọng tôi. Dân chúng vui lòng nộp phạt, để được thanh thản tâm hồn, tôn kính vị Hoàng đế của họ.

Tại Bến Tre, tôi nghiêng mình trước bàn thờ Đức bà, mà mộ phần thì ở Huế. Tại nơi đây sinh quán của Đức bà, đã có xây một ngôi đền để thờ cúng Đức bà.

Chúng tôi dùng đường bộ bằng ô tô đi thẳng tới Phnom Penh. Trong suốt dọc đường, mặc dù đã có chỉ thị cấm đoán của chính phủ Nam kỳ, nhưng sự tung hô tôi càng nhiều. Đến kinh đô xứ Chùa Tháp, tôi được tiếp đón rất long trọng.

Nằm ở ngã ba sông Cửu Long với phía đuôi hồ Tonle Sap, Phnom Penh là một thành phố đầy cây cao bóng mát, hơi giống Huế, nhưng có tính chất thương mại nhiều hơn do kỹ nghệ tơ lụa, và ngành trồng bông vải và cao su mới được phát triển mấy năm gần đây. Cung điện nhà vua được trùng tu lại, nhưng vẫn giữ hình thức cũ. Chúng tôi ở đấy hai ngày, trong thời gian đang có hội té nước.

Sau đó chúng tôi vẫn dùng đường ô tô để thăm Đế Thiên Đế Thích. Trước bao đống đá đổ vỡ của cổng ra vào, cung tẩm, hành lang, tháp chuông, cột trụ đồ sộ, điêu khắc mỹ xảo, những cầu lơn, thềm cao bệ đá, người du khách dễ bị lạc. Cả khung cảnh hoang tàn đồ sộ ấy, loại thành thiêng cấm địa xây dựng bởi cả một dân tộc sư sãi, tạo nên một bí ẩn khó giải. Công sức tạo tác của con người nhỏ bé đối với công trình vĩ đại này thật không thể nào tính toán nổi. Cũng không có gì có thể so sánh được với công cuộc trùng tu của Trường Viễn đông Bác cổ để cứu vãn lại kỳ quan này đối với sự xâm nhập của rừng.

Ban đêm, dưới màu trắng sữa của trăng, cảnh tượng của Angkor Tom nhuốm một vẻ đẹp thần tiên. Chúng tôi ở đó một tuần lễ, và đi thăm Angkok Vat, Angkok Tom, đền thờ Thần Rắn Bayon, đền thờ Prah Khan... Cái làm nổi bật Angkor thành độc nhứt vô nhị ở thế giới chính là vẻ đẹp dịu dàng, yểu điệu thoát ra từ những đống đá khổng lồ vĩ đại, đó chính là vẻ kỳ quan của Đế Thiên Đế Thích vậy.

Dùng đường bộ qua Kratie, chúng tôi về Ban Mê Thuột không cần qua Sài Gòn.

Nơi nào, đất nước cũng được phồn vinh. Bị phong tỏa bởi hạm đội của Hoàng gia Anh quốc, Liên bang Đông Dương tìm cách tự túc và cố gắng kỹ nghệ hóa xứ sở. Nhiều công trình lớn được thiết lập: đường xá, cầu cống được kiến

tạo, hải cảng và phi trường được tu bổ, cùng với các công trình thủy lợi.

Một nỗ lực lớn lao dành cho thanh niên, trong lãnh vực thể dục, thể thao. Tháng 7 năm 1942, đã tung ra cuộc đua xe đạp vòng quanh Đông Dương, hơn 100 tay đua dự, kèm theo 200 xe ô tô và xe gắn máy đi theo. Trên đường đua hơn hai nghìn cây số, đi khắp lục tỉnh ở Nam kỳ, vòng lên phía Bắc Cao Miên, đến Hạ Lào và Trung Lào rồi tiến ra phía Bắc Trung kỳ để tới Bắc kỳ, sau đó dùng đường ven biển mà trở lại Sài Gòn, cứ nghỉ ở mỗi chặng lại có phát thưởng và tổ chức kịch hát rất vui nhộn. Tôi chủ tọa cuộc phát thưởng ở chặng Huế. Những hoạt động ấy rất làm nức lòng dân chúng.

Song song với phong trào thể thao này, đầu năm 1943 viên Toàn quyền đã tự phong cho mình nhiều ưu quyền đặc biệt nhằm để củng cố hệ thống liên bang. Chính sách này nhằm hai mục tiêu là đào tạo cấp tốc số thượng lưu trí thức bản xứ, và đoàn ngũ hóa họ quanh Đô đốc để liên kết chặt chẽ, tôi cũng không quan tâm đến. Viên Khâm sứ Trung kỳ vẫn chủ tọa Hội đồng Nội các và giữ y nguyên quyền điều khiển chính phủ Hoàng gia Huế. Câu nói này chẳng phải của tôi, nhưng quả nhiên đã thật đúng, đó là: Đông Dương, thì vua có ngai, nhưng Đô đốc thì cai trị.

Tôi cố tránh tham dự vào các quyết định quan trọng, để giữ y nguyên thái độ mà tôi đã tự vạch ra, kể từ lúc bắt đầu.

Sau khi chữa bệnh ở Pháp về ít lâu, thì chiếc máy bay đặt mua đã được gởi đến cho tôi. Gần phía Bắc hoàng cung, tôi cho làm một bãi đáp. Thường ngày tôi vẫn bay hàng giờ với chiếc Morane 343, dần dà tôi đã nhào lộn trên không, làm cho hoàng gia rất lo ngại.

Cứ cuối tuần, tôi hay đi săn ở Quảng Trị hay đi nghỉ mát ở Đà Lạt. Tại Đà Lạt, tôi có một biệt điện có vườn cây cao ở gần Liên Khang. Tôi cũng thường đến Ban Mê Thuột, ở đấy có một nhà lầu sát hồ nước nằm trên núi cao, vốn là miệng núi lửa xưa kia.

Trong thời gian này, trên thực tế, tôi không từng có liên lạc gì với nhà cầm quyền. Nhưng sự có mặt của họ rất kín đáo, không gây phiền phức gì cho đất nước. Tuy nhiên, không phải là tôi không biết những hoạt động ngấm ngầm của họ đối với đất nước tôi. Họ chú trọng nhiều nhứt vào giới chính trị quốc gia, và muốn lợi dụng những người này. Về phía Trung Hoa thì xưa nay vẫn là nơi bao dung cho những nhà cách mạng ẩn núp, bọn cán bộ Cộng sản, và bọn xách động đủ loại...

Nếu trường hợp hiện tại kéo dài, thì sự khiêu khích ấy có thể trở thành nguy hiểm. Nhưng sau những cuộc thất bại của phe Trục ở Bắc Phi và ở Âu châu, tôi tin rằng quân đội Nhựt sẽ thua. Lẽ ra Nhựt nên tự chế sau các chiến thắng ở Đông Nam Á, mà chẳng nên nhảy lên lưng anh khổng lồ Mỹ mới phải. Tôi biết rằng đây cũng là một ý kiến của Bộ Tham mưu Hành quân Nhựt Đại Đô đốc Yamamoto đã không mấy hoan nghênh việc tấn công Trân Châu Cảng.

Hơn nữa, bọn mật vụ Nhựt đã đặt trọng tâm vào miền Nam Nam kỳ, bởi ở đây có các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên và rất nhiều hoạt động chống đối khác, kể từ khi có Phong trào Bình dân ở Pháp từ 1936, tăng cường thêm bởi sáng kiến của Đô đốc Decoux. Về phía trên, giáp ranh biên giới Hoa Việt, các giới trẻ, trí thức được hun đúc hăng say vào các hoạt động phá hoại tích cực.

Ngược lại, ở Trung kỳ, còn bảo thủ hơn nhiều, nên trung thành với nền nếp cũ, và đứng ra ngoài mọi sôi động

đó. Đối với người dân quê, hay dân vùng cao nguyên của nước tôi, không có gì đặc biệt đã xảy ra. Tất cả mọi cơ sở, mọi cơ cấu điều hành vẫn hoạt động đều như cũ, trong một bầu an ninh, tự tại và không bị phiền hà gì trước sự có mặt của quân đội Nhựt, và quân số trên toàn cõi Đông Dương không quá 25,000 người.

Sự đi lại không bị trói buộc. Xe lửa xuyên Đông Dương vẫn chạy điều hòa, từ Bắc vào Nam. Khi tôi di chuyển với Hoàng hậu, không bao giờ cần đến vệ sĩ. Đường xá rất an ninh. Ngày cũng như đêm. Chính vì chạy ban đêm từ Sài Gòn về Đà Lạt, mà phu nhân Đô đốc Decoux bị tử nạn xe hơi giữa đường. Cái tang đau đớn này làm Đô đốc rất xúc động trước lời phân ưu của Hoàng hậu và của tôi, khi ông đang đứng nghiêng mình trước thi hài của vợ. Bà Decoux đã rất thân thiện với Hoàng hậu, khi hai người cùng hoạt động trên lãnh vực xã hội.

Tôi cũng không phải là không biết những khó khăn mà Toàn quyền Decoux gặp phải với chính phủ Pháp của Tướng De Gaulle, kể từ ngày mà Tướng De Gaulle đã về ngự trị ở Paris. Các liên lạc giữa hai bên rất chậm trễ và gặp nhiều trở ngại nhiêu khê, qua ngả Calcutta. Nhưng Đô đốc Decoux không ngỏ cho tôi biết, còn tôi thì cho rằng là việc riêng của Pháp thì không liên can gì đến tôi cả.

Ngoài những cuộc oanh tạc bằng máy bay mỗi này mỗi nhiều ở ven biển Nam kỳ và Bắc kỳ, tình hình vẫn y nguyên cho đến đầu năm 1945.

NHỰT TẤN CÔNG

Chiều ngày 10 tháng 3 năm 1945, sau hai hôm nghỉ ở trại săn của tôi ở Quảng Trị, tôi và Hoàng hậu Nam Phương trở về Huế. Khi xe của chúng tôi qua đèo An Vân và sắp tới vòng đai Bắc của hoàng cung, tôi lấy làm ngạc nhiên khi nhận thấy các cửa hoàng thành đều bỏ ngỏ. Thông thường, thì cửa đều đóng vào khoảng 19 giờ, sau khi có phát thần công báo hiệu. Bây giờ đã 23 giờ rồi. Tôi liền bảo tài xế đi chậm lại. Tôi vừa dứt lời, thì anh này kêu lên:

— Quân Nhựt!

Quả nhiên, trước ánh đèn pha, tôi nhận thấy những bóng đen đang động đậy phía trước. Một ánh đèn bấm chiếu vào xe làm tôi quáng mắt. Xe ngừng lại. Viên cận vệ, ngồi cạnh tài xế, liền hạ kính xuống và hỏi:

— Cái gì vậy?

Hai binh sĩ tiến lại gần, một là sĩ quan, còn người kia rõ ràng là người Việt. Anh ta làm thông ngôn và thưa với tôi ngay:

— Xin Hoàng thượng đại xá. Hoàng thượng không thể đi xa hơn, vì sẽ gặp nguy hiểm phía kia.

Không nói một lời, viên sĩ quan Nhựt đi một vòng quanh xe, mở cửa xe chỗ tài xế ngồi và đuổi anh ta xuống, rồi lên xe ngồi thay vào đó. Anh ta lái xe ra phía lề đường, men nhẹ vào phía tường, rồi xuống xe, cầm lấy đèn pin, và chụm chân lại chào tôi, rồi đi ra xa.

Trước khi bỏ đi theo viên sĩ quan này, người thông ngôn đến thưa với tôi:

— Xin Hoàng thượng an tâm, đây chỉ là một cuộc hành quân kiểm soát trong khu vực Pháp. Xin xe của Đức Vua tạm ngừng ở nơi đây, để tránh những viên đạn lạc. Thật vậy, vì thỉnh thoảng có tiếng súng nổ từ phía hoàng thành đưa lại. Thời giờ chờ đợi khá lâu. Hoàng hậu rất lo ngại cho các con, hiện đang ở trong cung, dưới sự coi sóc của người nữ khán hộ Thụy Sĩ.

Chiều hôm chúng tôi ra Quảng Trị, khỏi Mỹ Chàm, chúng tôi có gặp một đoàn quân xa Nhựt đi ngược về phía hoàng thành. Nhưng sự đó không làm tôi ngạc nhiên, bởi quân đội Nhựt thường có những sự di động như vậy khá nhiều, và tôi như thấy không có một dấu hiệu nào đáng quan ngại sắp xảy ra.

Chúng tôi đợi ở đây gần hai giờ đồng hồ. Yên tĩnh đã trở lại. Từ trong bóng tối viên Đại tá Nhựt tiến tới chỗ tôi, và nói qua lời người thông ngôn Việt Nam:

— Xin Hoàng thượng hồi cung. Tất cả đã xong xuôi, không còn nguy hiểm gì nữa. Để cho được thật bảo đảm, chúng tôi xin hộ tống Hoàng thượng.

Hai chiếc xe bọc thép đậu ở bên đường liền nổ máy, một cái dẫn đầu và một cái đi đoạn hậu. Thật giống như một sự bao vây, hơn là sự hộ tống. Trong đoàn xe đó, chúng tôi trở

về thành nội. Đến cửa hoàng cung, đoàn xe hộ tống ngừng lại. Trước khi rút lui, viên Đại tá Nhựt nói mấy câu, mà người thông ngôn Việt Nam dịch ra như sau:

— Tâu Hoàng thượng, ngày mai có một nhân vật quan trọng đến xin được yết kiến Hoàng thượng.

Xung quanh ở bên các tường bao bọc cấm thành, lính Nhựt đã thay thế lính khố vàng phụ trách gác Hoàng cung. Tuy nhiên, ở bên trong, không có sự hỗn loạn nào. Các con cái của chúng tôi vẫn ngủ yên.

Tôi tự hỏi: "Cái gì đã xảy ra đây?"

Ngày hôm sau, vào lúc mười một giờ, người khách chờ đợi đã tới. Đó là Ngài Yokoyama tự giới thiệu là Đại sứ của Nhựt hoàng đối với tôi. Đây là một nhà ngoại giao chuyên nghiệp, tới Việt Nam cùng với đoàn quân viễn chinh Nhựt. Trạc năm mươi tuổi, dáng dấp đường bệ, ông có bà vợ Pháp, nên chúng tôi đàm thoại bằng Pháp ngữ, không cần phải nhờ thông ngôn.

— Tâu Hoàng thượng, nước Nhựt bắt buộc phải nắm vững vấn đề Đông Dương, do những bọn phản động phá hoại của Mặt trận Kháng chiến Pháp. Mặt trận này nhận vũ khí và có ý định cản trở mọi hoạt động của quân đội chúng tôi. Buộc lòng chúng tôi phải dùng biện pháp tối hậu, để mổ xẻ cái nhọt bọc này, mặc dù chúng tôi đã hứa là vẫn tôn trọng chủ quyền Pháp ở nơi đây. Nhưng chúng tôi chỉ đi tìm sự hữu nghị của các quốc gia và các dân tộc ở Đông Dương.

— Xin Ngài Đại sứ vui lòng cho biết những lời Ngài vừa tuyên bố có thể là điều xác nhận đối với chủ quyền chính thống của Hoàng triều?

— Tâu Hoàng thượng, chắc chắn là như vậy. Đó cũng chính là ý kiến của Thiên hoàng chúng tôi, nên đã đề cử tôi làm Đại sứ cạnh Hoàng thượng.

— Thưa Ngài Đại sứ, tuy nhiên chúng tôi nghĩ rằng quí quốc đã do một vị Thân vương để tiếp giữ Ngai vàng Việt Nam, do Hoàng thân Cường Để ở bên quí quốc...

— Không có vấn đề ấy, tâu Hoàng thượng. Chính nước Nhựt chúng tôi đặt niềm tin vào nơi Hoàng thượng vậy.

— Xin Ngài Đại sứ cho phép tôi được tỏ ý kinh ngạc một chút. Từ nhiều năm qua, chính phủ của quí quốc vẫn coi Hoàng thân Cường Để như một lãnh tụ chiến đấu chống Pháp cho nền độc lập của nước tôi, do thế nên đã che chở và yểm trợ, để Hoàng thân có thể ban phát văn bằng, tưởng lục, phong chức tước, hầu thúc đẩy mọi kẻ tay chân hoạt động hăng say, nhứt là đối với các giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo. Tóm lại, chính phủ của quí quốc đã coi Hoàng thân Cường Để như người đại diện chính thống của hoàng triều Việt Nam chúng tôi. Phải chăng chỉ còn có trao ấn tín cho Hoàng thân, để những hoạt động của Hoàng thân được coi là chính thức? Vậy mà ngày hôm nay, Ngài Đại sứ đã đến với chúng tôi với sứ mạng riêng của Ngài do Thiên hoàng đã trao phó, để làm Đại sứ bên quốc vương chính thức của nước này. Hẳn Ngài Đại sứ hiểu được sự ngạc nhiên của chúng tôi trước tính chất lạ kỳ của thái độ của Ngài.

Còn tôi, tôi quan tâm đến dân tộc tôi hơn là quan tâm đến ngai vàng...

— Tâu Hoàng thượng, xin Hoàng thượng an tâm hoàn toàn. Trong những mục tiêu mà nước Nhựt chúng tôi theo đuổi, có một mục tiêu phải đạt, dù cho hậu quả của cuộc chiến đấu có ngã ngũ ra sao. Bởi vì mục tiêu này vừa đáp ứng các nguyện vọng tha thiết của tất cả dân tộc Á châu, vừa đáp ứng đối với một hạn kỳ định mệnh của Lịch sử. Chúng tôi muốn đem "Á châu trả về cho người châu Á." Đây là một công cuộc dài lâu. Người gieo hạt chưa chắc đã là người gặt hái... Hoàng thân Cường Để đã là một dụng cụ cho mục đích quân sự chống Pháp của chúng tôi, nhưng ngày hôm nay, chỉ có một mình Hoàng thượng là thích hợp để đạt kết luận.

— Thưa Ngài Đại sứ, như vậy thì tôi phải hiểu ra sao?

— Tâu Hoàng thượng, đêm qua, chúng tôi đã chấm dứt chủ quyền của Pháp ở đất nước này. Tôi được trao nhiệm vụ dâng nền Độc lập của Việt Nam lên Hoàng thượng.

— Của toàn lãnh thổ Việt Nam, thưa Ngài Đại sứ?

Sau một giây ngập ngừng, vì đàm luận với tôi như phớt qua câu hỏi của tôi, mà tiếp:

— Tâu Hoàng thượng, vì Hoàng thượng tượng trưng cho nếp sống duy linh trong thời đại này lại là nguồn hy vọng của giới thanh niên Việt Nam, chỉ riêng Hoàng thượng mới có thể đảm trách được biến cố lịch sử này... Chính phủ của nước tôi rất mong muốn Hoàng thượng ban bố một sắc chỉ để cụ thể hóa nền Độc lập này.

Sau câu nói đó, Đại sứ Yokoyama trình tôi một tờ giấy, cúi đầu chào và lui gót.

Trước cuộc viếng thăm ấy, tôi thật băn khoăn. Chắc chắn những sự việc này đã được sửa soạn trước, nếu không thì nhân vật này đã không dám đưa ra cho tôi một đề nghị như vậy. Tất nhiên, tôi cũng không lạ gì về một nhóm kháng chiến đã được xây dựng ở trong nước dưới sự yểm trợ của phe Đồng minh. Tôi cũng biết họ nhận vũ khí bằng thả dù. Nhưng chưa từng có lúc nào, người cầm đầu kháng chiến đã thổ lộ cho tôi biết. Hơn nữa, chính phủ Pháp cũng không bao giờ báo cho tôi những tin tức thâu lượm được

về những mưu toan đảo chính của Nhựt. Tất cả đều để mặc tôi trong sự mù mịt hoàn toàn.

Hoàn cảnh vừa rồi thật vô cùng mới mẻ đặt cho tôi nhiều câu hỏi điên đầu. Liệu cái nền độc lập mà người Nhựt đem đến này, trong hoàn cảnh thực tại được bao nhiêu giá trị? Chắc hẳn, họ cũng tặng cho các quốc gia vùng Đông Nam Á nền độc lập tương tự, và như vậy, quả là trái bom nổ chậm rồi.

Tình hình nước Nhựt cũng chẳng sáng sủa gì. Quân đội của họ, nhứt là về hải quân dù được xếp hạng nhì trên thế giới, vừa trải qua những trái quật ngược nặng nề. Mặc dù đài phát thanh khoa trương, ngụy tạo cách nào, tôi cũng biết rõ người Mỹ đang tiến mạnh ở Thái Bình Dương, và kể từ ngày họ tái chiếm Manille, họ đã đe dọa cắt đứt đoạn hậu của quân viễn chinh Nhựt đang tham chiến tại Đông Nam Á. Hơn nữa, kể từ cuối năm 1943 và sự thất bại của phe Trục, tôi càng tin chắc Nhựt Bản sẽ thất trận nay mai. Như vậy, thì thái độ của Đồng minh lúc ấy đối với chúng tôi sẽ ra sao?

Như đa số người Việt Nam, tôi không lấy làm buồn nhiều về sự thua trận của Nhựt. Chưa tới nửa thế kỷ, người Nhựt đã chuyển từ thời đại Trung cổ sang thời đại tân tiến hiện đại. Sự biến chuyển quá mạnh đó làm cho họ mất trí.

Đối với chúng tôi, nhờ sự góp phần của nền văn hóa Pháp, sự biến chuyển vẫn thăng tiến từ từ, và nhờ vậy chúng tôi vẫn giữ được thế quân bình và sự bao dung, hòa hợp.

"Á châu của người Á châu," có thể là một khẩu hiệu tuyên truyền tốt đẹp đối với đại chúng. Nhưng đối với một nước nhỏ như nước tôi, nguy cơ thực sự không phải từ một nước phương Tây xa xôi, nhưng chính từ các nước lớn,

mạnh ở sát kề như nước Trung Hoa, Ấn Độ và Nhựt Bản. Vốn theo dõi một cách tò mò và lo âu, những cuộc hành quân của Nhựt những năm trước vụ Trân Châu Cảng, tôi vẫn ngấm ngầm có một hoài nghi đối với người Nhựt rồi.

Trong lời nói của viên Đại sứ Yokoyama, có hai chi tiết làm tôi chú ý: Đó là sự nhấn mạnh của ông ta về việc gạt bỏ Hoàng thân Cường Để và sự lặng im đối với vấn đề Nam kỳ.

Tất nhiên, tôi không chú trọng đến ngai vàng, và tôi sẵn sàng hy sinh, nếu sự đó là cần thiết cho quyền lợi của nhân dân Việt Nam. Nhưng trong hoàn cảnh hiện tại, tôi có cảm thông rằng sự tồn tại của quốc gia dính liền vào triều đại do tôi lãnh đạo.

Tôi không lạ gì thái độ giả trá tôn phù của người Nhựt. Nếu họ hy sinh Hoàng thân Cường Để mà giữ tôi ở lại, chính là vì họ biết tôi có những giao hảo tốt đẹp với người Pháp; như vậy, trường hợp họ thất bại, họ có thể dùng ngoại giao do đã biết lựa chọn người kể tự ban đầu. Còn đối với Nam kỳ, nếu họ ngại không dám nói, đó là họ muốn giữ lấy phần cho chính họ hầu có thể dùng làm con bài trao đổi, khi cần đến. Liệu tôi có thể bỏ qua không chấp nhận cái đề nghị độc lập khi được người đưa tặng. Nền độc lập, vốn là mộng ước của tất cả mọi người Việt Nam...

Ý thức được như vậy, tôi đã quyết định: Phải nắm trọn thời cơ, đồng thời cố gắng làm giảm thiểu những đòi hỏi và sự thâu lạm của Nhựt.

Đến chiều, tôi cho triệu tập Hội đồng Cơ mật, tức Hội đồng Tứ trụ triều đình, các Hoàng thân và các Thượng thư. Khi đã đông đủ, tôi bảo cho họ biết lời đề nghị của Đại sứ Yokoyama, và cũng không dấu họ những cảm nghĩ của riêng tôi. Về phần tôi, thì sẵn sàng chịu hết trách nhiệm,

nhưng tôi yêu cầu tất cả nhân viên Viện Cơ mật cùng dấn thân với tôi.

Đây là lần đầu tiên, một tuyên ngôn được toàn thể nhân viên Viện Cơ mật đồng ký kết, Phạm Quỳnh, Thượng thư bộ Lại, Hồ Đắc Khải, Thượng thư bộ Hộ, Ưng Hy, Thượng thư bộ Lễ, Bùi Bằng Đoàn, Thượng thư bộ Hình, Trần Thanh Đạt, Thượng thư bộ Học và Trương Như Đính. Ngày hôm sau, 12 tháng 3 năm 1945, tôi cho mời viên Đại sứ Yokoyama và trao cho ông ta bản tuyên ngôn độc lập này:

"Chiếu tình hình thế giới nói chung, và tình hình Á châu nói riêng, chính phủ Việt Nam long trọng công khai tuyên bố, kể từ ngày hôm nay, hiệp ước bảo hộ ký với nước Pháp được bãi bỏ, và đất nước thu hồi chủ quyền độc lập quốc gia.

"Nước Việt Nam cố gắng tự lực, tự cường, để xứng đáng là một quốc gia độc lập, và sẽ theo đường hướng của bản Tuyên ngôn chung của khối Đại Đông Á, hầu giúp đỡ nhau tài nguyên cho nền thịnh vượng chung.

"Vì vậy, chính phủ nước Việt Nam đã đặt tin tưởng vào sự thành tín của nước Nhựt, và đã có quyết định cộng tác với nước này, hầu đạt mục đích nói trên.

"Khâm thử.

"Huế, ngày 27 tháng giêng năm thứ 20 triều Bảo Đại."

Sau khi chính thức biết bản tuyên ngôn ngày, viên Đại sứ Nhựt đến trình tôi:

— Tâu Hoàng thượng, nước Việt Nam nhờ Hoàng thượng mà thâu hồi được nền độc lập quốc gia. Nước Nhựt chúng tôi xin kính mừng. Nước chúng tôi luôn luôn tôn trọng chủ quyền chính thống, và Đức Đại Nam Hoàng đế là đại diện chính thức của chủ quyền này.

— Thưa Ngài Đại sứ, tôi chỉ hành động cho quyền lợi của nhân dân tôi, cho tất cả mọi thần dân, và vì nhân dân, tôi ước mong được biết với điều kiện nào, nền độc lập kia được thực hiện. Tôi cũng không dấu gì Ngài Đại sứ, là hy vọng của chúng tôi là được trông thấy xứ Nam kỳ cũng được thừa hưởng nền độc lập ấy y như Bắc và Trung kỳ vậy.

— Chúng tôi buộc lòng tâu trình Hoàng thượng rằng, xin Hoàng thượng vui lòng kiên nhẫn. Tình hình quân sự bắt buộc nước chúng tôi phải coi Nam kỳ như một điểm chiến lược, để có thể thực hiện mọi quyền hành cần thiết. Nhưng khi chúng tôi đã đạt thắng lợi nằm trong chiến lược Á châu của người châu Á, thì tất nhiên xứ Nam kỳ phải được trả về cho nước Việt Nam độc lập sau này.

Quả nhiên, tôi đã không lầm. Chúng tôi đang ở trong tay quân Nhựt. Tôi không nài nỉ gì thêm, nhưng tôi trở về nhiệm vụ, vì nền thống nhứt của đất nước vẫn buộc tôi nhớ làm lòng ngang với nền độc lập của quốc gia.

Trước khi cáo lui, Đại sứ Yokoyama nói thêm như gợi ý bằng một giọng gần như dò hỏi:

— Tâu Hoàng thượng, giữa lúc mà Việt Nam đi vào con đường mới, Hoàng thượng không có ý định lập một chính phủ gồm những người mới, hầu đáp ứng cho một nước muốn canh tân?

Trước sự gợi ý của viên Đại sứ, tôi đáp lại bằng một nụ cười nhẹ nhàng... Trao sự điều khiển quốc gia cho những người mới... Đó chính là một trong những mục đích mà tôi đã có ngay từ khi mới lên ngôi...

Phạm Quỳnh lại mách tôi những phản ứng đã xảy ra ở Hội đồng. Trong số các người thân cận, nhiều người đã lo lắng. Họ sợ rằng Nhựt có thể thay đổi thái độ, hay cũng có

thể có những hậu quả bất lợi, nếu người Pháp lại trở lại nắm quyền như cũ. Người khác thì đặt giả thuyết có thể có sự trở về của Hoàng thân Vĩnh San — tức Cựu hoàng Duy Tân — lúc ấy đã tạo được ít nhiều uy tín ở Pháp, hay sự trở về của Hoàng thân Cường Để. Trong bầu không khí ngột ngạt ấy, mọi người đều có vẻ lo âu.

Tôi lạnh lùng bảo Phạm Quỳnh:

— Ông liệu mà bảo họ im cái mồm và những sự ngớ ngẩn ấy đi. Hoàng đế, chính là Trẫm. Bảo họ đừng quên điều đó. Nếu ngày nào mà Ta phải bỏ đi, thì nước Việt Nam này không còn có triều đại nào nữa.

Mấy hôm sau, có nhiều tin chính xác về tình thế hiện tại.

Ở Huế, mặc dù bị tấn công bất thình lình, một đồn quân nhỏ bé Pháp, chỉ bị tiêu diệt sau hai mươi bốn giờ chiến đấu. Viên Đại tá chỉ huy bị giết tại trận. Vài người đóng ở bên kia sông Hương đã chạy thoát xuyên qua phòng tuyến Nhựt. Khâm sứ Trung kỳ Grandjean, bị bắt và được đưa sang Ai Lao. Những binh sĩ thoát chết bị bắt làm tù binh, nhốt ở trong thành và thường dân Pháp bị tập trung, quản thúc trong một khu vực ở thành phố!

Chính phủ Pháp không còn nữa. Lính Nhựt chiếm đóng hết các công sở. Không có phương tiện giao thông liên lạc gì hết, tôi trở thành cô lập hoàn toàn với bên ngoài.

Thế là tôi bị đặt trong tình trạng trống rỗng ghê gớm.

Những tin tức mà tôi thu lượm được về các nơi trong nước, lại còn mơ hồ hơn nữa. Chính viên Đại sứ Yokoyama báo cho tôi biết sự bắt giam Đô đốc Decoux và toàn bộ tham mưu của Đô đốc ở Sài Gòn.

Một số đồng bào tôi, tự nhiều tháng hay nhiều năm trước, vẫn nhằm vào lá bài Nhựt Bản, bỗng sống trong

những giờ phút huy hoàng. Không đếm xỉa gì đến tình hình quốc tế, vốn dạy ta điều thận trọng hơn, họ lao đầu thục mạng vào sự thâu đoạt được quốc gia, hoan hô sự giải phóng này do Nhựt đem cho.

Vậy thì cần nhứt là phải nắm ngay lấy số người này mà lèo lái họ, như điều mà Đại sứ Yokoyama đã nói bóng gió trước đây. Trong óc tôi, người tiêu biểu nhứt trong số này là Ngô Đình Diệm. Ông ta đang ở Sài Gòn. Tôi biết ông ta đang có liên lạc với người Nhựt, và sự có mặt của ông ta sẽ giúp tôi mọi sự dễ dàng với nhà cầm quyền Nhựt. Tôi liền cho vời Đại sứ Nhựt tới, và nói cho biết ý định của tôi, và yêu cầu Đại sứ làm mọi cách để Ngô Đình Diệm có thể tới kinh đô Huế gặp tôi ngay. Đại sứ Yokoyama nhận lời, và đoán với tôi là sẽ cố gắng tìm gặp ông ta. Ngày 19 tháng 3, tôi báo cho Phạm Quỳnh biết tôi sẽ tự tay đảm trách quyền lãnh đạo quốc gia. Ý thức được tình thế, Phạm Quỳnh liền đệ đơn xin từ chức tập thể của cả Nội các.

Ba tuần lễ trôi qua, mà chẳng thấy tăm hơi Ngô Đình Diệm ở đâu. Trước thúc dục ngày càng khẩn thiết của tôi, Đại sứ Yokoyama trả lời là chưa thể tìm thấy vị Thủ tướng dự trù này. Sự chậm trễ ấy làm tôi suy nghĩ. Người Nhựt rất thành thạo những sự kiện xảy ra ở Việt Nam. Cơ quan tình báo của họ rất đắc lực, và họ biết chỗ và biết cách tìm thấy nhân vật này. Về sau, tôi biết, qua ngay lời nói của Đại sứ Yokoyama là Ngô Đình Diệm không được cảm tình của chính phủ Nhựt.

Tôi hiểu ngay sự ngăn cách ấy. Giới thân cận tôi đề nghị nên gọi Trần Trọng Kim, tuổi đã sáu mươi, vị sử gia này tỏ ra là người liêm khiết, một nhà hiền giả chưa từng quan tâm đến chính trị. Ái quốc chân thành, ông ta nhờ người Nhựt đưa đi lánh nạn ở Singapour do bị chính phủ Pháp đe dọa.

Chính tại Singapour, theo lời yêu cầu của tôi, cơ quan tình báo Nhựt đã tìm ra ông, rồi cũng không cho ông biết là đưa đi đâu, đã đem ông tới Huế qua ngả Rangoon và Bangkok.

Khi ông tới, tôi liền công khai trao cho nhiệm vụ thành lập chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam độc lập. Tôi cũng không dấu ông ta rằng, nhiệm vụ mà tôi trao này, chỉ là nhiệm vụ chuyển tiếp, và chính phủ của ông sẽ bị hy sinh ngay sau thời gian tạm chiếm của Nhựt. Trong thời gian chờ đợi này, cần phải giữ lấy nền độc lập quốc gia và thực hiện nền thống nhứt đất nước.

Rất thẳng thắn, Trần Trọng Kim liền trình bày với tôi về thái độ quá khứ của ông ta. Mặc dù theo ngoài mặt, ông ta không tin rằng Nhựt sẽ thắng trận. Ngược lại, ông thấy cần phải tránh mọi cách có thể khiến kẻ xâm lăng tìm cớ nắm lấy chính quyền. Theo nhãn quan ấy, ông ta bằng lòng lập tân chính phủ.

Lập tức, ông đã hội được một số người giá trị, đều xuất thân từ nền văn hóa Pháp và ngày 17 tháng 4, ông trình với tôi chính phủ do ông thành lập. Đây là lần đầu tiên mà nước Việt Nam có được một tổ chức như vậy.

Ngoài Trần Trọng Kim giữ chức Thủ tướng, Nội các gồm có:

- Bác sĩ Trần Đình Nam, bộ trưởng bộ Nội vụ
- Luật sư Trần Văn Chương, bộ trưởng bộ Ngoại giao
- Giáo sư Hoàng Xuân Hãn, bộ trưởng bộ Quốc gia Giáo dục
- Luật sư Trịnh Đình Thảo, bộ trưởng bộ Tư pháp
- Luật sư Vũ Văn Hiền, bộ trưởng bộ Tài chánh
- Bác sĩ Nguyễn Hữu Thi, bộ trưởng bộ Tiếp tế

- Bác sĩ Vũ Ngọc Anh, bộ trưởng bộ Xã hội
- Luật sư Phan Anh, bộ trưởng bộ Thanh niên
- Bác sĩ Hồ Tá Khanh, bộ trưởng bộ Y tế
- ông Lưu Văn Lang, bộ trưởng bộ Công chánh.

Tất cả những vị này đều là những vị ái quốc chân thành. Họ không có hận thù gì với nước Pháp. Trẻ tuổi, can đảm, ý thức được nhiệm vụ ngắn ngủi của mình, họ muốn rằng chủ quyền quốc gia được đánh dấu khởi đầu từ họ. Sự thất trận của phe Trục đã kết thúc, sự thất trận của Nhựt đang hiện lên rõ rệt. Người Mỹ đã tái chiếm Okinawa ngày 1 tháng 4 và từ ngày ấy, phi cơ Mỹ ném bom hằng ngày lên các thành phố lớn của Nhựt. Tiềm lực kinh tế Nhựt bị tan nát.

Ngày 12 tháng 4, cái tang của Tổng thống Roosevelt không thay đổi quyết định của Hoa Kỳ, và sự lên ngôi của Tổng thống Truman ngược lại càng đánh dấu ý chí quyết thắng từng chi tiết.

Không cần biết đến thái độ mà phe Đồng Minh sẽ đối xử với Việt Nam ra sao, chính phủ Trần Trọng Kim muốn lợi dụng cơ hội để một mặt hạn chế bớt những tham lam của Nhựt, mặt khác muốn tạo một sự bất khả kháng trường hợp người Pháp có thể quay về. Để chứng tỏ uy quyền của tôi trên toàn quốc, tôi liền bổ Phan Kế Toại làm Khâm sai Đại thần ở Bắc kỳ.

Ngày 8 tháng 5, tôi ban bố thiết lập một nền Hiến pháp căn cứ vào sự thống nhứt đất nước, vào cần lao, vào quyền tự do chính trị, tự do tôn giáo và tự do thành lập nghiệp đoàn. Để dễ dàng áp dụng các quyền năng này, các cơ cấu mọi từng lớp được tổ chức từ thành thị đến huyện xã trên khắp lãnh thổ toàn quốc với khẩu hiệu của Việt Nam mới là *"Dân vi quí"* tức *"Dân trên hết."*

Tập hợp chặt chẽ giới trẻ ở Việt Nam là điểm quan trọng thứ nhất là Nội các Trần Trọng Kim phải cố gắng. Lợi dụng các tổ chức từng được Đô đốc Decoux cấu tạo nên trước đây, do lệnh của Vichy (Chính phủ của Thống chế Pétain, dưới thời tạm chiếm của Đức Quốc Xã) viên luật sư trẻ tuổi Phan Anh — năm ấy ba mươi ba tuổi từng đỗ Cử nhân Luật khoa ở Montpellier — liền đưa họ vào đường hướng mới, để phục vụ nền độc lập quốc gia. Sự điều động giới trẻ ấy trở thành một sự ương mầm và huấn luyện cán bộ. Ở Huế, viên thứ trưởng Thanh niên Tạ Quang Bưu, là một chuyên viên về điện, mà tôi có biết. Tại Nam Kỳ, Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đặt tên cho phong trào này là "Thanh niên Tiền phong." Phong trào này được Nhựt nâng đỡ mạnh mẽ, nên đã đạt kết quả mỹ mãn.

Nhưng hoạt động chính của chính phủ không phải chỉ có hạn chế trong giới thanh niên. Theo một luật lệ về thuế má đặt ra ngày 23 tháng 5, những người phải chịu thuế quá nghèo, từ nay được miễn đóng thuế thân.

Đầu tháng 6, tất cả các nhân viên người Pháp đều bị thải hồi, và thay thế bằng những viên chức Việt Nam. Các cơ sở của Pháp trước kia, nay hợp nhứt với cơ sở của Hoàng gia, và chúng tôi được người Nhựt hứa, là khi thủ tiêu toàn bộ chính phủ Liên bang Đông Dương sắp tới, các quyền lợi và trách vụ sẽ được phân phối trả về cho ba nước Việt, Miên, Lào.

Trong suốt thời gian ấy, không ngày nào mà Đại sứ Yokoyama không đến thăm tôi. Nếu ông còn giữ mọi lễ nghi theo đúng cung cách, ông đã rất cởi mở trong tất cả mọi cuộc đàm thoại. Dần dà, sợi giây tình cảm đã nở ra rất thành thực, và có thể nói là thân ái giữa tôi với ông. Ông liền cho tôi biết nhiều sự thực về hoàn cảnh ở nước ông.

Khi đến Việt Nam, người Nhựt muốn áp dụng đúng như in nền cai trị của người Pháp. Đứng đầu mỗi kỳ sẽ có một viên Khâm sứ: Ở Sài Gòn thì Minoda với một nhà ngoại giao. Ở Hà Nội thì Tsukamoto, còn ở Huế thì chính là Đại sứ Yokoyama. Nhưng Đại sứ than phiền rằng phía quân sự chẳng để mấy chỗ cho giới ngoại giao hành động. Thường thường, họ không để cho các nhà ngoại giao tham dự vào các cuộc họp bàn quan trọng. Giới quân sự vẫn còn tin vào sự chiến thắng của Nhựt, trong khi giới dân sự biết rõ hơn về tình hình quốc tế, không còn nuôi một tí hy vọng nào nữa.

Một hôm Đại sứ Yokoyama bảo tôi:

— Tâu Hoàng thượng, thật đúng là bên văn bên võ Nhựt đang chiếu điện vào mặt nhau.

Dưới đây là một thí dụ về điều mâu thuẫn này xảy ra vào cuối tháng năm mà tôi thấy rõ ràng. Tướng Tsushihasni, Tư lệnh quân đội Nhựt ở Đông Dương khi qua Huế, ngỏ ý muốn đến yết kiến tôi.

Tôi tiếp ông cùng toàn thể bộ Tham mưu tại điện Thái Hòa, nhưng không thấy Đại sứ Yokoyama đi cùng. Viên Tướng nói:

— Tâu Hoàng thượng, nước Nhựt đang đi đến một chỗ ngoặt về chiến tranh. Đây đã đến lúc mà nước Việt Nam chứng tỏ sự quan tâm đến nền thịnh vượng chung của khối Đại Đông Á, bằng cách đem toàn dân hợp tác với Thiên hoàng của chúng tôi. Nước Việt Nam cần phải đứng sát chúng tôi, để chiến đấu do Nhựt điều khiển. Xin Đức Hoàng đế ra lệnh tổng động viên toàn quốc.

Thực sự, nước Nhựt đang bị xuống dốc đậm, và tôi chẳng khứng một tí nào về đề nghị của viên Tư lệnh này. Vì thế, tôi chỉ có thể dùng một hình thức ngoại giao:

— Nền độc lập của Việt Nam còn phôi thai, thưa Đại tướng, và chính phủ chưa nắm vững toàn thể dân chúng để có thể động viên họ được. Tất nhiên là chúng tôi đã độc lập, nhưng cuộc chiến này chẳng phải là cuộc chiến của chúng tôi. Như tôi đã từng báo cho Đại sứ của quí quốc, tôi vẫn hoàn toàn tự do để quyết định về quyền lợi của nước tôi, và của dân tộc tôi.

Hơn nữa, nước Nhựt hiện đang sử dụng tất cả các căn cứ quân sự ở Việt Nam, thì sự tham gia của chúng tôi cũng chẳng đưa đến một sự giúp đỡ lớn lao gì. Nước Việt Nam không có quân đội, giờ phải tổ chức toàn diện, từ trang bị, đến đội ngũ hóa, huấn luyện, tất cả đều đòi hỏi rất nhiều chi tiết tỉ mỉ, như vậy thì sự dự chiến cũng là vô ích do quá chậm.

Vài hôm sau đó, tôi cho Đại sứ Yokoyama biết chuyện ấy và hỏi ông ta sao không đi cùng Tướng Tsushihasni. Ông đáp:

— Tâu Hoàng thượng, Hoàng thượng đã thấy chúng tôi bị bỏ ra lề đối với phía quân sự như thế nào. Kể từ ngày Đại tướng Tojo cầm quyền Tổng tư lệnh, thì phía quân sự như thế đó. Riêng tôi, tôi vẫn không quên đề phòng sự lạc quan của họ. Tôi tin chắc rằng tất cả sự đó, đã đem lại điều không may cho nước tôi, và tôi hiểu được sự nhận xét của Hoàng thượng.

— Thưa Ngài Đại sứ, tôi quên không hỏi Ngài câu này là thái độ của quí quốc đối với nước Đức. Tại sao giữa lúc nước Đức và nước Nga đang ghìm nhau ở trước Stalingrad, quí quốc có thừa khả năng ném vào trận địa hàng nghìn người để giải nguy cho Đức, mà quí quốc lại không làm?

— Tâu Hoàng thượng, cơ quan tình báo của chúng tôi cho chúng tôi nhiều tin tức chính xác hơn của nước Đức

nhiều. Chúng tôi biết điều gì đã xảy ra ở nước Nga và chúng tôi cũng rõ là người Đức không thể nào rút chân ra khỏi cái hố bùn này.

— Tôi cũng nhận thấy rằng, vào thời kỳ ấy, báo chí Nhựt có loan tin quân đội Đức đang thua đậm ở Stalingrad, với một giọng điệu như thể hài lòng. Tôi đã nghĩ rằng, thái độ này có thể do điều quan ngại trái nghịch đối với hiệp ước bất tương xâm giữa Nga Sô Viết và quí quốc.

— Thật sự, tâu Hoàng thượng, nước Nhựt bao giờ cũng lo ngại sự hùng cường của Đức Quốc. Nước này đang háo hức bởi một sự tự kiêu xuẩn động. Như vừa qua đã có một phái đoàn dự trù về đình chiến của Đức đến Sài Gòn. Vậy mà, tâu Hoàng thượng, có mấy viên đại úy quèn trong phái đoàn đó đã tự cho mình sánh ngang với cấp tướng tá của quân đội Nhựt... thì hẳn Hoàng thượng nhận thấy sự xấc láo đó đã gây ra những sôi động như thế nào trong quân đội các của chúng tôi.

Cuối tháng sáu, Thống chế Hoàng thân Terauchi, Tổng tư lệnh quân đoàn "Nam" trong một cuộc thanh tra, có đi qua Huế, và xin gặp tôi. Đây chỉ là một sự thăm hỏi xã giao, nên tôi tiếp ông trong bàn giấy của tôi. Tuy nhiên, viên Hiệp sĩ chính cống này khi vào tới phòng đã cúi đầu xá ba xá theo như nghi lễ và đứng nghiêm chỉnh chào tôi, trước khi tôi mời ông ngồi. Người Nhựt, vẫn có phong cách, tôn quân di truyền đối với thể chế quân chủ.

Thống chế đã dùng lời nói bóng bẩy về bầu thịnh vượng chung của Đại Đông Á, để gợi ý xa xôi về sự cộng tác của Việt Nam, rồi rút lui.

Tôi không bao giờ tin vào cái gọi là "bầu thịnh vượng chung của khối Đại Đông Á." Người Nhựt cũng đã đề nghị như vậy đối với các nước Cao Miên, Lào và Thái Lan.

Đối với tôi, tôi nhận nền độc lập mà không mấy tin tưởng, và trong trường hợp như thế này, sợ rằng sẽ rất phù du. Tuy nhiên, cũng chẳng nên phủ nhận, mà theo chúng tôi, điều đáng khen của người Nhựt. Nếu các dân tộc Á châu có hăng say lao đầu vào đấu tranh cho nền độc lập của nước mình, chính là nhờ ơn người Nhựt vậy. Hai chữ *"độc lập"* trước khi có sự can thiệp của họ, là hai chữ thiêng liêng. Người Anh, người Pháp không dám đả động đến, chỉ cần nghe thấy đọc lên mà thôi. Người Nhựt đã cụ thể hóa nguyện vọng của chúng tôi. Trong dân chúng, chắc chắn tự ái da vàng do Nhựt khởi lên đã ảnh hưởng lớn mạnh, nhứt là đối với giới trí thức. Ở Việt Nam, người da trắng vẫn được ăn trên ngồi trước. Tất nhiên là chúng tôi chờ đợi một sự biến đổi, chúng tôi hy vọng biến đổi. Nước Nhựt đã đánh hồi chuông thức tỉnh. Những sự thành công ban đầu của họ như đã cho chúng tôi phát thuốc hồi sinh. "Điều mà Nhựt làm được, tại sao chúng tôi làm không làm?"

Bây giờ thì Nhựt hụt hơi rồi. Nhựt đã thua trận. Riêng cái tiềm lực thúc dục nền độc lập kia vẫn còn tồn tại.

Chúng tôi không còn phải suy nghĩ gì về hai chữ độc lập ấy nữa. Sự đoạn tuyệt với nước Pháp quả là tàn nhẫn, nhưng thực tế, cũng may, sự đoạn tuyệt ấy đã không có hận thù. Tôi chỉ còn hiểu dụ cho dân tôi và cho người Pháp, như thế là tốt đẹp. Chao ôi, nào ai muốn mua thù chuốc hận làm chi?

Ở đây, có một tình tiết mà tinh thần Âu Tây không mấy quan tâm.

Đấy là ngày quốc lễ, kỷ niệm ngày đăng quang của Đức Vua khai sáng Gia Long. Tất cả triều đình đều bận phẩm phục đại trào để chờ hành lễ. Cũng là lần đầu quốc lễ này, vốn là lễ trọng đại hàng năm, đã không có đại diện của

Pháp hay ngoại quốc tham dự. Cờ Long tinh của hoàng gia tung bay trước cửa Ngọ Môn. Là Đại giáo chủ, tôi đợi ở điện Thái Hòa trước khi một mình ra lăng để thay mặt toàn dân, làm lễ phụng thờ tiên đế. Đúng lúc tôi vừa bước lên kiệu, thì chiếc sà ngang to lớn rơi đúng chỗ tôi ngồi trước.

Mẫu thân tôi bảo: "Đây là điềm báo trước. Thần linh đã mách bảo đây là chỗ ngoặt của đời con, con nên đề phòng..."

Nên hiểu rằng, từ thượng cổ, số mệnh của Hoàng đế gắn liền vào số mệnh của cung điện. Cùng thể chất, nên có sự cấu tạo tương đồng. Các nhà chiêm tinh và học giả đã giảng như vậy (Âm cơ, dương trạch theo khoa Địa lý). Người, súc vật, cây cối, đất đá ở cùng một nơi, đều chịu chung ảnh hưởng của vũ trụ và phong thủy, chẳng rõ từ đâu đưa tới. Bởi vậy, nên đã có sự tương ứng giữa người và vật. Như trong hoàng cung, nếu có một hiện tượng xảy ra đối với một kiến trúc quan trọng nào, đều liên hệ đến bản thân Hoàng đế.

Chiến tranh dần dà tiến đến gần chúng tôi. Các cuộc oanh tạc của không quân Hoa Kỳ trải rộng ra khắp nước. Nhiều cầu cống bị hủy diệt, các phương tiện giao thông bị thiệt hại nặng nề. Sự di chuyển của quân đội Nhựt bị tê liệt, và công binh của họ không đủ hữu hiệu nữa.

Bộ Tư lệnh quân đội Nhựt liền gởi văn thư cho chính phủ Việt Nam để tỏ bày những khó khăn ấy, và xin được giúp đỡ. Những kỹ thuật gia Pháp đang bị nhốt, được yêu cầu tiếp tay, nhưng họ đã từ chối dứt khoát. Trần Trọng Kim trình tôi xin triệu tập Nội các để bàn về vấn đề này.

Tôi thấy đây là cơ hội chứng tỏ người Việt Nam chúng tôi cũng thừa khả năng hội nhập hoàn toàn vào thời đại văn minh. Đối với Nhựt, chứng tỏ chúng tôi chẳng có gì

cần phải học hỏi họ, và chúng tôi còn thừa khả năng hơn người Trung Hoa mà họ chẳng có thể trông chờ; đối với phe Đồng minh, tôi muốn minh chứng về khả năng tạo tác, và tiềm năng hoạt động của người Việt Nam, sau rốt, đối với dân chúng, thúc đẩy họ vào một sự kiến tạo công trình do đoàn kết và thống nhứt mà đạt, để tái tạo sự giao thông, mang lại sự cứu đỗi cấp kỳ cho dân chúng miền Bắc đang bị nạn đói đe dọa.

Tôi động viên tất cả các kỹ sư Việt Nam từng du học ở Pháp phải tham gia vào công tác này. Họ đã thành công và tự hào: Công tác đã hoàn tất trước thời hạn. Kết quả đó sở dĩ đạt được dễ dàng là vì đã không có sự lạm dụng, hay bất công, mặc dù đất nước đang bị thắt lưng buộc bụng vì sự có mặt của quân Nhựt và dân chúng cũng không ưa họ mấy.

Đối với những viên Công sứ Pháp thì lại khác. Bọn An bộ đội *(Kampetai)* tức quân cảnh Nhựt đa số là người Triều Tiên và Đài Loan đã hành hạ cho khốn khổ. Một hình thức tuyên truyền khéo léo đã gắn liền chính phủ tôi vào quân phiệt Nhựt để dùng hành động dã man này tạo chia rẽ giữa người Pháp và chúng tôi. Đã nhiều lần, tôi lưu ý Đại sứ về vấn đề này, và yêu cầu ông ta can thiệp. Nhưng cũng chẳng ích gì, khi ông nhắn nhủ đồng bào của ông, qua lời kêu gọi đọc ngày 25 tháng 4, đã chứa một nội dung đạo lý rất cao:

"Chúng ta đừng nên lầm lẫn đường lối chính trị với tính chất trách nhiệm tương quan của người Pháp. Trong bọn họ, cũng có nhiều người đã phụng sự cho những thành quả tốt đẹp của nhân loại. Đối với những người đó, chúng ta phải đối xử theo nguyên tắc chung của Đại Đông Á. Khi con chim phải tên, đang quằn quại trong tay kẻ đi săn, không ai đang tâm mà giết nó đi. Theo tinh thần Võ sĩ đạo, không có gì đáng khinh bỉ bằng hành hạ kẻ yếu, không có khí giới tự vệ..."

Tháng sáu, chính phủ Trần Trọng Kim lại đạt được hai điều tốt đẹp nữa: Đó là lời hứa hẹn vào tháng tám, sẽ được trao trả tất cả các cơ quan thuộc phủ Toàn quyền, và sự trả lại các nhượng địa Pháp ở Hà Nội, Hải Phòng, và Tourane. Thêm vào đó, lệnh ân xá toàn thể các chính trị phạm, và cho phép mọi đoàn thể chính trị được hoạt động công khai được ban bố. Mặc dù đạt nhiều thành quả như vậy, cũng như những hình thức dân chủ này, chính phủ vẫn gặp khó khăn ngày càng nhiều. Và vấn đề Nam kỳ vẫn còn lơ lửng chưa dứt khoát. Tuy nhiên, tôi không bỏ hy vọng sát nhập Nam kỳ vào Tổ quốc, và cũng không bao giờ quên sự quan tâm ấy của tôi.

Trong một dịp yết kiến tôi của Đại sứ Yokoyama, Đại sứ có đệ trình tôi một văn thư của Quốc vương Shihanouk đòi xét lại vấn đề biên giới giữa Việt Nam và Cao Miên. Đại sứ yêu cầu tôi mở một cuộc thương thuyết với vị thiếu vương nước Cao Miên này. Tôi đáp:

— Thưa Ngài Đại sứ, làm sao mà tôi giải quyết được vấn đề này. Nó vốn nằm trong phần đất chưa thuộc thẩm quyền của tôi. Xin nước Nhựt hãy trả lại cho tôi xứ Nam kỳ, sau đó tôi mới có thể xét lại vấn đề này được.

Viên Đại sứ không nài nỉ nữa. Tình thế mỗi ngày một suy thoái. Những cuộc oanh tạc càng gia tăng, cô lập thực tế miền Bắc, nên dân chúng đã sống những giờ phút vô cùng nặng nề. Những sự thiệt hại trong những vùng kỹ nghệ ở Bắc kỳ nhiều không kể siết. Ở Sài Gòn, các bến tàu không thể sử dụng được nữa. Một bộ trưởng trong chính phủ của chúng tôi đã bị máy bay oanh tạc chết trong khi di chuyển. Tất cả những tin tức đó đến tai tôi từng đoạn một, làm tôi lo ngại vô cùng.

Hơn nữa, tôi thấy như có sự quá trớn trong đầu óc mọi người. Phần đông, cho rằng độc lập dính liền vào sự thủ tiêu mọi quyền năng, định lệ. Thuế má không thu được. Sự chống đối khắp nơi. Tại vì chính phủ không có sức mạnh giữ an ninh, trật tự. Các cơ quan cảnh sát và bảo an không có cấp chỉ huy, nên bất lực. Chỉ riêng người Nhựt là có khả năng thực hiện trật tự, nhưng tôi đã từ chối nhờ họ can thiệp.

Giữa những sự rối bời đó, nhiều tin tức đã đến với tôi. Tin tức này do Thứ trưởng Bộ Thanh niên Tạ Quang Bửu đem lại. Đây là một chuyên viên nhà máy điện trung ương mà tôi có dịp thường gặp. Nhiều lần, ông ta bảo cho tôi biết, có một nhóm kháng chiến đã thành lập ở vùng Thượng du Bắc kỳ, xung quanh tỉnh Cao Bằng. Bọn này mang danh là *"Mặt trận Việt Minh,"* do một người có tên là Võ Nguyên Giáp điều khiển, mà Tạ Quang Bửu nói đến một cách say sưa. Trong nhiều cuộc đánh du kích với quân Nhựt, mặt trận Việt Minh này đã có liên lạc với Đồng Minh Trung Hoa và Mỹ cũng như với người Pháp và cả với viên Khâm sai của tôi ở Hà Nội là Phan Kế Toại nữa. Nhưng tôi không rõ sự xác nhận gì của ông ta, do đã dứt liên lạc. Ngại rằng làm phiền đến người mang tin, tôi không hỏi thêm về nguyên nhân những tin này cũng như hình thức nào đã đến với ông ta.

Trong bầu không khí ấy, ngày mùng 6 tháng 8 nổ ra tiếng sấm Hiroshima. Ba ngày sau, trái bom nguyên tử thứ hai nổ ở Nagasaki. Kể từ lúc ấy, tôi được viên Đại sứ Yokoyama báo cho biết tin tức hàng ngày. Ông ta cho biết ngày 11, Nga Sô Viết đã tuyên chiến với Nhựt. Thủ tướng Trần Trọng Kim đệ trình tôi đơn từ chức, tôi yêu cầu ông giải quyết các vấn đề thường trực cho đến lệnh mới.

Mãi đến ngày 16 tháng 8, Đại sứ báo cho tôi biết Nhựt hoàng đã gởi thông điệp ra lệnh ngưng chiến. Viên Đại sứ lão thành này, mắt đẫm lệ, mang tin này đến cho tôi:

— Bọn quân phiệt đã làm cho chúng tôi thua trận... Tâu Hoàng thượng, đối với nước Việt Nam đây là ngày đại vinh quang. Theo thỏa ước của chúng tôi, đất Nam kỳ kể từ nay được đặt dưới quyền uy của Hoàng thượng. Còn đối với khối Đại Đông Á... (ông ta không nói hết câu).

Chính tôi cũng vô cùng cảm động. Nguyện vọng mà tổ tiên tôi theo đuổi không đạt thì nay tôi đã đi tới đích. Nước Việt Nam đã thống nhứt và độc lập. Những nỗi đau thương mà dân tộc tôi phải chịu, không còn là vô ích nữa.

— Thưa Ngài Đại sứ, một chiều hướng mới bắt đầu cho nước Việt Nam, là nhờ ở Nhựt. Tôi trân trọng xin Đại sứ vui lòng báo cho ban chính trị đầu não hãy ngưng lại mọi sự can thiệp vào nội bộ nước tôi. Mong rằng các vị Tổng trấn hãy tự giải nhiệm. Tôi đã có viên Khâm sai ở Hà Nội. Viên Khâm sai ở Nam kỳ mà tôi đã bổ nhiệm, sẽ rời Huế vào Sài Gòn ngày mai.

Vào giờ phút lịch sử ấy, Thủ tướng Trần Trọng Kim vốn quan tâm đến sự tập hợp mọi lực lượng quốc gia, đã lập ra một Ủy ban Cứu quốc, và ngày 18 tháng 8, ra một tuyên ngôn kêu gọi các đảng phái chính trị đồng thanh hưởng ứng phong trào cổ võ nền thống nhứt và độc lập quốc gia. Cũng ngày hôm ấy, để tỏ tính chất nhứt định về nền độc lập kia, đối với mọi cường quốc trên thế giới, tôi đánh điện cho Tổng thống Truman, cho Quốc vương George VI, cho Thống chế Tưởng Giới Thạch và cho Đại tướng De Gaulle. Mặc dù những quyết định của thỏa ước Potsdam, do Đại sứ Yokoyama chuyển báo, tôi không điện cho Staline. Tôi đã chọn thế đứng của mình.

Trong thông điệp gởi cho Tướng De Gaulle, tôi cố gắng giữ gìn khiêm tốn và ưu ái:

"Tôi muốn tỏ bày cùng dân tộc Pháp, tỏ bày với xứ sở của thời niên thiếu của tôi. Tôi cũng muốn tỏ bày cùng vị quốc trưởng, và anh hùng cứu quốc, tôi muốn tỏ bày bằng tình bằng hữu hơn là giữa vị trí quốc trưởng với nhau.

"Quí bạn đã trải qua bốn năm đau khổ mà không thể biết rằng dân tộc Việt Nam, từng có hai mươi thế kỷ lịch sử, từng có một quá khứ luôn rất vinh quang, không muốn nữa, không thể chịu đựng được nữa, bất cứ sự đô hộ nào, cũng như bất cứ một nền thống trị ngoại lai nào.

"Quí bạn sẽ hiểu rõ hơn nếu quí bạn trông thấy những gì đã xảy ra ở nơi đây, nếu quí bạn cảm thấy ý chí cương quyết đòi độc lập, đã nung nấu tự đáy mọi con tim mà không một sức mạnh nhân tạo nào có thể dập tắt được. Giá quí bạn có đạt sự tái lập nền cai trị Pháp, thì nền cai trị đó cũng chẳng ai tuân theo mà: mỗi một làng sẽ là một tổ kháng chiến, mỗi một cựu công sự viên sẽ là một kẻ thù, và các viên chức các di dân của quí quốc, chính họ cũng chỉ còn mong ra thoát bầu không khí ngột ngạt này.

"Tôi xin quí bạn hãy hiểu cho rằng, phương tiện duy nhất để quí bạn bảo tồn được quyền lợi của Pháp, và bảo tồn nền văn hóa Pháp ở Đông Dương, chính là sự chấp nhận thành thực nền độc lập của Việt Nam và sự từ chối mọi tư tưởng tái đặt chủ quyền và nền cai trị Pháp bất cứ dưới hình thức nào.

"Chúng ta có thể hiểu được nhau dễ dàng, và trở thành bạn tốt, nếu quí bạn đừng có dụng ý muốn trở lại làm chủ nhân ông của chúng tôi.

"Kêu gọi lòng công bằng, bác ái của lý tưởng tự do của dân tộc Pháp đã rạng danh sáng láng khắp nơi, kêu gọi sự khôn khéo cao thượng của vị Tổng thống lãnh đạo nước Pháp, chúng tôi ước ao rằng hòa bình và hạnh phúc vui tươi đang đến với khắp các dân tộc trên thế giới, cũng được lan tràn cho tất cả dân chúng từ địa phương đến ngoại kiều sống trên bản đảo Đông Dương."

Tại Huế, dân chúng cuồng nhiệt, như đắm chìm trong sự hân hoan. Đó là một không khí của hội hè, tất cả đều vui mừng náo nức trong ý nghĩa của độc lập, nhưng cũng có nhiều điều lo ngại, vì thiếu các phương tiện để thực hiện cụ thể được.

CÁCH MẠNG VIỆT MINH

Giữa sự xáo trộn lung tung đó, nhiều tin tức xấu đã đến với tôi. Nguyễn Văn Sâm, Khâm sai ở Sài Gòn đã không thể nào nhận được nhiệm vụ của mình. Ông ta có thể đã bị ám sát ngay sau khi rời Huế. Ai giết?... Ở Hà Nội, nhiều biến cố quan trọng đã xảy ra. Ngay sau khi quân Nhựt đầu hàng, quân cảm tử của Võ Nguyên Giáp đã xuất hiện trong thành phố. Dưới mắt quân Nhựt bất động, họ đã mở các nhà tù, tạo nên một lớp quân ô hợp, nhưng bất lương, tàn bạo. Ngày 17 tháng 8, theo sự khích động của họ, đã có một cuộc biểu tình tập họp với hai vạn người trước Nhà Hát lớn. Họ hoan hô nền độc lập, thay đổi cờ mới, màu đỏ có ngôi sao vàng, mà người ta nói là được quân cảnh Nhựt tạo ra. Cờ vàng quẻ ly bị xóa bỏ...

Ngày hôm sau, Khâm sai Phan Kế Toại phải bỏ nhiệm sở, và bị thay thế bằng một Uỷ ban Lâm thời, và vô danh. Ngày 19, đoàn quân cảm tử Việt Minh được tăng cường thêm một số người cuồng nhiệt reo hò ầm ĩ, và tiến chiếm các công thự: dinh Khâm sai, tòa án, trụ sở bộ Tài chính, trường đại học, trường trung học... Chẳng những người

Nhựt chịu trách nhiệm về an ninh, đã bất động, mà còn trao từng kho khí giới của đoàn Bảo an cho họ.

Những tin đó đến tai tôi với ít nhiều lệch lạc. Từ Nam kỳ, tin tức còn mơ hồ hơn nữa. Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch lãnh tụ Thanh niên Tiền phong, ngày 13 tháng 8, có lẽ đã cầm đầu mặt trận quốc gia trước khi thành lập một Ủy ban Lâm thời xứ bộ Nam kỳ đặt ở dinh Toàn quyền cũ, dưới sự chủ tọa của một nhân vật tên Trần Văn Giàu, mà Tạ Quang Bửu bảo cho tôi biết thuộc phong trào Việt Minh. Ở Sài Gòn cũng vậy, quân Nhựt không có phản ứng gì.

Nặng nề hơn nữa, khắp nơi đã có những vụ ám sát và mất tích, thường là đối với các nhân vật quốc gia.

Tại Huế cũng có những vụ rải truyền đơn, và đã có nhiều nhóm theo lệnh bí mật, đã tập họp và kéo vào trong thành, sát ngay hoàng cung.

Ngày 22 tháng 8, tôi tiếp viên Thiếu tá Nhựt chỉ huy quân cảnh bị trong thành phố. Ông ta cho biết, theo chỉ thị của bộ Tư lệnh Đồng minh, ông ta đã có những biện pháp để giữ an ninh cho hoàng thành và cho hoàng tộc. Đã đặt các chướng ngại vật ở trước cầu Clemenceau và các cổng ra vào hoàng cung. Tôi chống lại ngay quyết định này:

— Tôi từ chối nhứt định sự bảo vệ của ông. Tôi yêu cầu ông hãy hủy bỏ ngay hệ thống phòng thủ này của ông. Tôi không muốn một đội quân ngoại quốc nào làm đổ máu dân tộc tôi.

Để chắc chắn lệnh tôi được tuân hành, tôi cho gửi cho viên Đại tá một văn thư có đóng dấu quốc tỉ của tôi, yêu cầu ông ta phải bãi bỏ lệnh giữ an ninh ở ngoài thành nội.

Đối với viên võ quan giữ hoàng cung, cũng lo ngại những sự tập họp này nọ, tôi ra lệnh phải bỏ ngỏ các cửa thành, như thường nhựt.

Một buổi chiều, một thanh niên được tôi tuyển chọn làm phụ giáo cho Thái tử Bảo Long, đến gặp tôi. Với tất cả sự nài nỉ, gần như khẩu cầu, anh ta năn nỉ xin tôi dời bỏ hoàng cung để tạm lánh ra Lăng. Sự lo ngại của anh ta là thành thật, hay đó chỉ là một lời khích động? Tôi chẳng bao giờ hiểu được.

Trái lại, tôi đã thuộc lòng lịch sử nước Pháp, để có thể quên được bài học Varennes † hay lời tuyên bố kiêu ngạo của Danton ‡ *"Không ai mang tổ quốc lên đế giầy của mình."* Không, tôi không đi đâu, tôi biết rằng có thể tin vào sự khôn ngoan và trung thành của dân tộc của mình.

Ít lâu sau, chính viên chủ sự bưu điện ở Huế xin yết kiến tôi. Ông ta có một bức điện tín đặc biệt để đưa cho tôi. Chiều hôm ấy vốn có đông quan khách tiếp nối nhau gặp tôi, dù quá trễ, tôi cũng tiếp ông ta. Ông ta đệ trình một bức điện văn, đánh đi từ Hà Nội bằng vô tuyến điện. Thật lạ lùng là ngành vô tuyến điện còn hoạt động được.

"Trước ý chí đồng nhứt của toàn thể dân chúng Việt Nam, sẵn sàng hy sinh tất cả để cứu vãn nền độc lập quốc gia, chúng tôi thành kính xin đức Hoàng đế hãy làm một cử chỉ lịch sử để từ bỏ ngai vàng."

Bức điện này được ký dưới là "Ủy ban Nhân dân Cứu quốc" đại diện cho tất cả mọi đảng phái, và tầng lớp dân chúng.

Chẳng cần biết rõ ai là người thủ xướng, bản điện văn này đã phản ảnh một ý chí vô cùng thành thực. Người thảo

† Bài học Varennes, nghĩa là vua Louis XVI, bỏ chạy, thì bị bắt ở thị xã Varennes, khi muốn trốn ra ngoại quốc, và bị giết.

‡ Danton là nhà cách mạng Pháp bị Robespierre đưa lên đoạn đầu đài. Cả hai đều là nạn nhân của thời cách mạng Pháp, thế kỷ 18.

ra bức điện văn là những nhà ái quốc y như tôi, đều mong mỏi độc lập và thống nhứt cho tổ quốc Việt Nam.

Sáng ngày hôm sau 23, chung quanh tôi hoàn toàn trống rỗng. Chẳng thấy Trần Trọng Kim, cũng chẳng thấy bất cứ một Bộ trưởng nào vào điện. Chỉ còn vài người lính phụ trách mở và đóng cửa điện, đi lại ở sân chầu vắng lạnh. Trong dịp quốc lễ gần đây, chưa tới hai tháng, sân chầu đã đầy ních các quan và kẻ thân hoàng cung. Bữa nay, chỉ còn riêng hoàng tùng đệ Vĩnh Cẩn, còn trung thành đứng cạnh tôi mà thôi.

Tôi bỗng nhớ lại chiếc sà rơi và nhớ đến lời tiên tri của mẫu thân tôi: "một chỗ ngoặt của đời con..."

Những lời bí mật của Tạ Quang Bửu cũng nổi lên trong óc. Mặt Trận Việt Nam Độc Lập Đồng Minh là gì, mà có thể động viên được dân chúng, cụ thể được nguyện vọng của mọi người, và đọc cho tôi đường hướng phải theo?

Tôi không biết một lãnh tụ nào của họ. Thế mà... Họ đã liên lạc được với Đồng minh Trung Hoa, Mỹ, Pháp, trong khi lời kêu gọi của tôi gởi cho Tổng thống Truman, cho Thống chế Tưởng Giới Thạch, cho Quốc vương Anh, cho Tướng De Gaulle lại im lìm, không có hồi âm. Họ có súng đạn, phương tiện, còn tôi thì không có cả khả năng để tập hợp những bậc trung thần và những người thân cận xưa nay, bỗng câm như thóc, hay có âm mưu chống lại tôi... Họ đã chiếm được quyền hành không mất một mảy lông, và tôi bị bơ vơ trong một kinh thành chết.

Tất cả như tập hợp lại cho họ, đầy bí hiểm. Sự thành công không thể chối cãi này, phải chăng là một dấu hiệu chứng tỏ họ đã nhận được thiên mệnh của Trời?

Dân chúng vốn có một năng khiếu rất chắc chắn, để trong những giờ phút lịch sử linh thiêng, đổ xô cả đến người

có sứ mệnh lãnh đạo. Thời gian đã đến cho tôi, để sự lựa chọn mà hòa hợp với chính số mệnh của mình với số mệnh của toàn thể nhân dân.

Tháng ba (tức thời Nhật) sự tồn vong lịch sử của đất nước, đã đòi hỏi tôi phải ở ngôi. Thì ngày nay, tôi phải theo nhân dân, cũng trong tinh thần ấy. Tôi phải thoái vị, như nhân dân đã đòi hỏi. Là Hoàng đế, tôi đã dấn thân cho nền độc lập và thống nhứt của Tổ quốc Việt Nam. Tôi không thể, ngày nay gây nên cảm tưởng đã đi ngược lại con đường đã mở ra cho đất nước. Vậy thì là một công dân thường, tôi trở về với nhân dân tôi, và cùng với họ, cùng với các lãnh tụ để dẫn dắt toàn dân hướng vào số mệnh, tạo dựng và củng cố nền thống nhứt kia, nền độc lập kia.

Họ muốn một cuộc cách mạng ư? Thì tôi xin hiến dâng cuộc cách mạng ấy, nhưng không đổ máu, bằng một nền chính trị tiến bộ. Nếu họ muốn theo gương các nước, thì chỉ có một giải pháp: sự lưu vong của tôi. Nhưng biết ai mà tôi ngỏ ý kiến này?

Tôi liền cử người em họ là Hoàng thân Vĩnh Cẩn, và viên Chánh văn phòng Phan Khắc Hòe đi dò hỏi trong thành phố. Họ đã trở về, chẳng biết ai mà hỏi bây giờ.

Tôi liền gởi một điện tín vu vơ, y như người ném cái chai xuống biển... Bằng vô tuyến điện, tôi gởi cho "Uỷ ban Nhân dân Cứu quốc" ở Hà Nội:

"Đáp ứng lời kêu gọi của Ủy ban, tôi sẵn sàng thoái vị. Trước giờ quyết định này của lịch sử quốc gia, đoàn kết là sống, chia rẽ là chết. Tôi sẵn sàng hy sinh tất cả mọi quyền lợi, để cho sự đoàn kết được thành tựu, và yêu cầu đại diện của Ủy ban sớm tới Huế, để nhận bàn giao."

Trong đêm ấy, vẫn chỉ có Vĩnh Cẩn bên cạnh, tôi soạn bản tuyên ngôn thoái vị.

Sáng ngày 23 tháng 8, hai phái viên của Việt Minh đến cung điện. Đó là những người đại diện cho Việt Nam Độc lập Đồng minh, do Hà Nội cử vào. Trần Huy Liệu trưởng phái đoàn là phó chủ tịch của Ủy ban. Đó là một người gầy còm, có hình thái tiều tụy, đeo đôi kính đen để che cặp mắt lé, mà người ta lấy làm khó chịu khi phải nhìn lâu. Kẻ đồng hành là Cù Huy Cận trông thật vô nghĩa. Tôi không khỏi thất vọng.

Trần Huy Liệu trình tôi một tờ giấy ủy quyền, tên ký lằng nhằng khó đọc, và tuyên bố với một giọng khá trịnh trọng:

— Nhân danh dân tộc Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh của Mặt trận Giải phóng đất nước cho chúng tôi vinh dự đến gần Hoàng thượng, để nhận ấn kiếm.

Đó là lần đầu tiên mà tôi nghe thấy tên Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tôi liền đưa bản tuyên ngôn thoái vị. Trần Huy Liệu bàn với người đồng hành, nói nhỏ vài câu, rồi ngoảnh sang tôi và nói:

— Thưa Hoàng thượng, nhân danh dân tộc Việt Nam, chúng tôi nhận bản văn này rất nhẹ nhàng, không câu nệ. Nhưng, chúng tôi kính xin Hoàng thượng cho tổ chức một buổi lễ vắn tắt, trong đó xin Hoàng thượng công khai tuyên bố cho mọi người biết.

Đến chiều, trước hàng nghìn người tụ hội vội vàng trước cửa Ngọ Môn, tôi bận trào phục và đọc bản tuyên ngôn thoái vị, đề ngày 25 tháng 8 năm 1945 dưới đây:

"Vì hạnh phúc của dân tộc Việt Nam,

"Vì nền độc lập của Việt Nam,

"Để đạt hai mục đích ấy, Trẫm tuyên bố sẵn sàng hy sinh tất cả, và ước mong rằng sự hy sinh của Trẫm đem lại lợi ích cho Tổ quốc.

"Nhận định rằng sự đoàn kết của toàn thể đồng bào chúng ta vào giờ phút này là một sự cần thiết cho Tổ quốc chúng ta, ngày 23 tháng 8, Trẫm đã nhắc lại cho toàn thể nhân dân là: Ở giờ phút quyết định này của Lịch sử, đoàn kết có nghĩa là sống, mà chia rẽ là chết.

"Chiếu đà tiến dân chủ đang đẩy mạnh ở miền Bắc nước ta, Trẫm e ngại rằng một sự tranh chấp giữa miền Bắc với miền Nam khó tránh được, nếu Trẫm đợi sau cuộc trưng cầu dân ý, để quyết định thoái vị. Trẫm hiểu rằng, nếu có cuộc tranh chấp đó, đưa cả nước vào sau hỗn loạn đau thương, thì chỉ có lợi cho kẻ xâm lăng.

"Trẫm không thể không ngậm ngùi khi nghĩ đến các tiên đế đã chiến đấu trên bốn trăm năm để mở mang bờ cõi từ Thuận Hóa đến Hà Tiên. Trẫm không khỏi tiếc hận là trong hai mươi năm ở ngôi, Trẫm không thể làm gì đem lại lợi ích đáng kể cho đất nước.

"Mặc dù vậy, và vững mạnh trong sự tin tưởng của mình, Trẫm đã quyết định thoái vị, và Trẫm trao quyền cho Chính phủ Dân chủ Cộng hòa.

"Trước khi từ giã ngai vàng, Trẫm chỉ có ba điều muốn nói:

— Thứ nhứt: Trẫm yêu cầu tân chính phủ phải giữ gìn lăng tẩm và miếu mạo của hoàng gia.

— Thứ hai: Trẫm yêu cầu tân chính phủ lấy tình huynh đệ đối xử với các đảng phái, các phe nhóm, các đoàn thể đã chiến đấu cho nền độc lập của đất nước, mặc dù không

theo cùng đường hướng dân chủ của mặt trận, như vậy có thể giúp cho họ được tham gia vào sự kiến thiết đất nước, và chứng tỏ rằng tân chế độ đã được xây dựng trên tình đoàn kết dứt khoát của toàn thể nhân dân.

— Thứ ba: Trẫm yêu cầu tất cả các đảng phái, các phe nhóm, tất cả các tầng lớp xã hội cũng như toàn thể hoàng gia phải đoàn kết chặt chẽ để hậu thuẫn vô điều kiện cho Chính phủ Dân chủ Cộng hòa, hầu củng cố nền độc lập quốc gia.

"Riêng về phần Trẫm, trong hai mươi năm ở ngôi, Trẫm đã trải qua bao điều cay đắng. Trẫm muốn được làm Dân một nước tự do, hơn làm Vua một nước bị trị. Từ nay Trẫm lấy làm sung sướng được là dân tự do, trong một nước độc lập. Trẫm không để cho bất cứ ai được lợi dụng danh nghĩa Trẫm, hay danh nghĩa hoàng gia để gieo rắc sự chia rẽ trong đồng bào của chúng ta.

"Việt Nam độc lập muôn năm.

"Việt Nam Dân chủ Cộng hòa muôn năm.

"Huế, điện Kiến Trung ngày 25 tháng 8 năm 1945."

Bản tuyên ngôn được đọc trong sự yên lặng hoàn toàn. Tôi quan sát các khán giả đứng hàng đầu. Tất cả các vẻ mặt đều tỏ vẻ ngạc nhiên cùng cực. Nam và nữ đều ngẩn ngơ. Bản tuyên ngôn thoái vị của tôi như tiếng sét đánh xuống ngang đầu họ. Họ lặng người đi.

Trong một bầu không khí bực dọc, tôi trao nhanh ấn tín, quốc bảo của hoàng triều cho Trần Huy Liệu, mà chính ông ta cũng có cảm tưởng như tự trên mây mà lại. Trong khi tôi hồi cung, đám đông tan rã, không một tiếng kêu.

Trần Huy Liệu và Cù Huy Cận tiễn tôi phía sau. Trước khi chia tay với tôi, đại diện của Ủy ban Giải phóng nói:

— Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng tôi, muốn mời Ngài ra Hà Nội để dự lễ đặt cơ cấu chính quyền dân chủ cộng hòa.

— Thưa ông Đại diện, tôi xin gửi lời ông cám ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có nhã ý mời tôi, và tôi không bỏ lỡ dịp để tới dự.

Trong sự cô tịch của cung điện trở về, tôi viết một thông điệp gửi cho tất cả hoàng gia:

"Đã chấp nhận khẩu hiệu "Dân vi quý," và đã tuyên bố là Trẫm muốn được làm dân một nước độc lập hơn làm vua một nước bị trị, Trẫm đã tuyên bố thoái vị và trao lại quyền hành cho một chính phủ có khả năng hướng tất cả mọi tiềm năng quốc gia vào sự củng cố nền độc lập này, hầu đem lại hạnh phúc cho đồng bào.

"Quốc gia độc lập, Nhân dân hạnh phúc. Cho tám chữ đó, trong tám mươi năm qua, biết bao anh chị em chúng ta đã hy sinh tính mạng trong rừng sâu, trong tù ngục, và so sánh với hàng nghìn hàng vạn anh hùng liệt sĩ, anh thư, sự thoái vị của Trẫm chỉ là một việc cỏn con.

"Vì vậy, Trẫm tin chắc rằng, sau khi nghe xong thông điệp của Trẫm về sự thoái ngôi tất cả hoàng tộc chúng ta đã để bổn phận làm dân đối với tổ quốc trên tình yêu của đàn con đối với tổ tiên, và sẵn sàng hợp nhứt đối với tất cả đồng bào để khuông phù chính phủ dân chủ cộng hòa, hầu củng cố nền độc lập cho đất nước. Chỉ có như vậy, hoàng gia mới tỏ sự trung thành với Trẫm, và sự tôn kính đối với tổ tiên."

Hôm sau, mẫu thân tôi dời cung điện cùng với các con tôi để đến ở ngôi biệt thự nghỉ mát ở bờ sông Phú Cam ở phía Nam thành phố. Hoàng hậu Nam Phương theo bà sau

đó hai mươi bốn giờ. Còn riêng tôi, vẫn ở trong cung điện. Tôi tìm thấy một sự thanh thản, bình tĩnh vô cùng. Tôi không thấy một sự hối hận nào. Tôi gần có thể kêu lên: "Thật hoàn toàn tự do."

Sự bình thản đó không liên can gì đến tinh thần trách nhiệm của tôi, đối với một nhiệm vụ lịch sử. Trái lại, tôi ý thức được bổn phận của tôi, và tôi đã làm đúng. Khi thoái vị, hy sinh ngai vàng, tôi đã góp phần cùng với nhân dân trong bao nỗi đau thương của họ góp phần đó, chính bởi lòng yêu thương dân tộc mà ra. Tất nhiên, sự hy sinh ấy không phải dễ, nhưng nó đã cho phép cứu nguy dân tộc, và chứng tỏ sự đoàn kết quốc gia. Bây giờ, nhân dân cần phải nắm tay kết thành một khối chặt chẽ chung quanh một đoàn thể, mạnh mẽ hơn tôi nhiều, để có thể thể hiện được nền độc lập ấy.

Rất ít tin tức lọt đến tai tôi. Không có báo chí, không có đài. Chỉ riêng Việt Minh có những phương tiện truyền tin.

Nhờ một người cán bộ từ Hà Nội cho biết, ngày 29 tháng 8, một chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh cầm đầu đã được thành lập. Đến ngày 2 tháng 9, tuyên ngôn long trọng về nền độc lập của Việt Nam và mở đầu triều đại của nền Dân chủ Cộng hòa. Bản tuyên ngôn này có lời kết án chống chủ nghĩa thực dân Pháp, và lời lẽ vũ bão làm tôi sửng sốt:

"... Tất cả dân tộc Việt Nam, cùng chung một ý chí, đều quyết định chiến đấu đến cùng để chống lại tất cả ý đồ xâm lược của thực dân Pháp..."

Lời kết luận thích hợp với ý định của chính tôi hơn:

"... Nước Việt Nam có quyền được tự do và độc lập, và trong thực trạng, đã tự do và độc lập. Tất cả nhân dân Việt Nam đã quyết định động viên tất cả tiềm năng, tinh thần và vật chất, hy sinh mạng sống và tài sản, để giữ chủ quyền tự do và độc lập của mình."

Cứ như thế, ở chỗ nào Việt Minh cũng rêu rao tỏ quyền uy về lãnh đạo của mình. Nhờ sự rỗng tuếch vô chính phủ do sự thoái vị của tôi, và nhờ sự bất can thiệp đầy hảo ý của quân đội Nhựt, trước tình trạng mập mờ, và lợi dụng sự tuyên truyền phóng đại và đe dọa, người của Việt Minh như đoạt được quyền hành trên toàn quốc, trong mười lăm ngày sau khi quân Nhựt đầu hàng.

"Công dân" Vĩnh Thụy — tên gọi của tôi, sau khi thoái vị — chẳng có việc gì làm ở Huế. Tôi quyết định nhận lời mời của Hồ Chí Minh để ra Hà Nội.

Tin ra Hà Nội của tôi gây sự ngạc nhiên mới trong hoàng cung. Những ai đã từng dự những biến cố trong những ngày vừa qua, thật sự cũng chẳng hiểu vì sao, không bao giờ ngờ tới trò đùa dai này lại đi quá xa như vậy. Một bà cụ già bảo tôi:

— Ngài đi xa như vậy, có thể là một tai họa, chúng ta đã mất hết cả rồi. Thật là trời đổ.

Tuy nhiên, Đức Khổng Phu tử đã chẳng nói rằng: "Người phải được coi như bậc thánh nhân. Người đã nhất định nhường ngôi, và cũng chẳng để cho dân biết, hầu tôn thờ niềm cao thượng vì dân vì nước của mình."

PHẦN THỨ BA

HỒ CHÍ MINH VÀ PHE NHÓM

Tôi rời Huế bằng đường bộ ngày 4 tháng 9. Tôi ra đi, rất thản nhiên, không quan ngại nỗi gì. Có thể là do tính tò mò thúc đẩy, vì tôi muốn gặp những người đã tôi đã trao quyền, nhất là lãnh tụ của họ, nhân vật Hồ Chí Minh bí mật kia.

Trong suốt dọc đường, tin tôi đi qua lan rộng rất nhanh. Khi tôi qua các đám đông, đàn ông đàn bà đến gần xe, trố mắt nhìn. Đây là lần đầu tiên, họ có thể được tự do nhìn kỹ vị Hoàng đế của họ. Đến ngày ấy, trước kia, nghi lễ đã ấn định rằng khi quỳ trước nhà vua mà ngửng đầu lên nhìn là phạm tội nặng. Bây giờ, các đồng bào chất phác đó quả đã không ngờ. Hoàng đế vận âu phục đang ở giữa họ, cũng y như mọi người thường dân khác... Chắc chắn đã có một sự gì thay đổi.

Khi qua Quảng Trị, dân chúng đông nghẹt y như đang có biểu tình, ai cũng có thiện cảm. Theo như hình thức, quả nhiên chưa bao giờ tôi lại được thân dân như vậy. Nhưng tại Đông Hà, phải nghỉ lại ban chiều, tôi mới thấy rõ một sự xáo trộn do sự thoái vị của tôi, đồng thời uy tín

của Hoàng đế vẫn còn dâng cao. Tại đây, dân chúng muốn được nhìn tôi càng đông đặc. Các nhân viên trong Ủy ban Nhân dân muốn tỏ ra có quyền hành khi đón tiếp *công dân* Vĩnh Thụy, một cách rất dân chủ. Thế nhưng, bị truyền nhiễm bởi đại chúng, họ trở về với thói quen và nghi thức cổ xưa. Họ ý thức được, và cố gắng để sửa chữa lại cho đúng phong cách của họ hiện tại, nhưng cuối cùng không biết phải làm thế nào, nên rất lúng túng. Tự thâm tâm, tôi thú vị nhìn thái độ của họ, và tìm cách giúp đỡ họ khỏi bỡ ngỡ, nên đã tới gần họ rất niềm nở, nhưng càng niềm nở bao nhiêu, họ càng kính cẩn bấy nhiêu. Quả nhiên, cách mạng cũng không phải là điều dễ đạt...

Suốt ngày hôm sau, cũng y như vậy. Tôi đến Thanh Hóa vào buổi chiều, ở đó đã có những cuộc tập họp đông đảo để hoan hô nồng nhiệt.

Đến lúc gần vào bàn ăn, thì được tin Hoàng thân Lào Souphanouvong, anh em họ của nhà vua ở Luang Prabang vừa tới, vì ông cũng là thượng khách của Uỷ ban Nhân dân tỉnh. Cho tới nay, chúng tôi chưa từng gặp nhau, nay mới được quen nhau.

Cùng tuổi với tôi, ông đã ở lâu bên Pháp từng là học sinh xuất sắc của trường trung học Saint Louis ở Paris, và sau là sinh viên trường quốc gia Kỹ thuật Cầu cống.

Về nước năm 1937, ông không được dự vào triều chính, do lý lịch giòng dõi của mẫu thân ông. Chính phủ Pháp bổ nhiệm ông làm kỹ sư công chính bản xứ, và bổ vào Tourane, tại đây ông lấy một bà vợ Việt Nam, gốc Bắc kỳ. Là người hoạt động, ông ta rất bất mãn với địa vị tầm thường đó, nên nuôi hờn với người Pháp, mà ông muốn tống ra khỏi nước Lào. Trong thời tạm chiếm của Nhựt, ông đã tổ chức được ở tỉnh Khamouane, một phong trào kháng chiến, với một quân đội du kích y như của Giáp, để dần dà tạo cho

ông một thế chính trị cho công cụ giải phóng. Vì vậy, khi người anh cùng cha khác mẹ là Hoàng thân Phatsarath lập chính phủ lâm thời đấu tranh cho độc lập và thống nhứt của nước Lào, ông được trao cho làm Tổng tư lệnh Lực lượng Vũ trang Lào Issara (Lào Tự do).

Với vị trí ấy, ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời ra Hà Nội.

Lời mời này chứng tỏ phía Việt Minh, muốn nắm quyền chỉ huy tối thượng đối với tất cả phong trào giải phóng Đông Dương, và tôi không lấy gì làm ngạc nhiên nữa.

Chúng tôi liền quyết định cùng đi với nhau, và ngày 6 tháng 9, chúng tôi đến Hà Nội vào lúc ban trưa.

Tôi được đưa đến ngụ ở phố Gambetta, tại nhà viên cựu Đốc lý Hà Nội. Sau khi tắm rửa xong, tôi đến trụ sở của Ủy ban Nhân dân đóng ở dinh Thống sứ Bắc kỳ để dự tiệc tiếp tân chào mừng tôi.

Võ Nguyên Giáp, bộ trưởng bộ Nội vụ tiếp đón tôi, và lúc vào bàn tiệc, đã giới thiệu tôi với Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa tới. Ông này niềm nở bắt tay tôi, ngỏ ý cám ơn là đã thoái vị, và nói tiếp:

— Chúng ta sẽ làm việc chung với nhau, cho nền độc lập quốc gia.

Bữa ăn rất giản dị. Thoạt tiên, Võ Nguyên Giáp nói mấy câu chúc tụng, rồi câu chuyện chỉ loanh quanh trong vấn đề xã giao. Tiệc khá ngắn ngủi, và ai nấy rút lui.

Hôm sau, lúc 11 giờ, tôi gặp Hồ Chí Minh, diện đối diện tay đôi. Thái độ của ông khác hẳn lần trước. Ông tỏ ra hết sức lễ độ, dùng tiếng Ngài để gọi tôi. Tiếng này coi như tương đương với tiếng xưng hô Hoàng thượng. Chỉ còn có nước là xin lỗi bất đắc dĩ lắm, mới phải cầm quyền.

— Thưa Ngài, tôi không liên quan gì đến bức điện mà Ngài nhận được ở Huế, yêu cầu thoái vị. Riêng cá nhơn tôi, như đã từng nói hôm 22 tháng 8, tôi vẫn nghĩ vẫn để Ngài lãnh đạo quốc gia, và đặt tôi vào địa vị Thủ tướng, lãnh đạo chính phủ mà thôi. Tôi không đồng ý với những người đã ép Ngài đến chỗ thoái ngôi.

Tôi cũng trả lời bằng một giọng trang trọng, và gọi ông ta bằng *Cụ*, và trấn an ông rằng tôi chỉ muốn được là một công dân thường, để xây dựng nước Việt Nam mới, thống nhứt và độc lập.

Ông ta thoải mái ra mặt, và vẽ ra một hình ảnh rất lạc quan về tình thế hiện tại, hầu như quên mất thái độ dè dặt vừa qua:

— Tất cả mộng ước của chúng ta sẽ đạt được hết. Chẳng những thống nhứt và độc lập mà tất cả các nước Đồng minh sẽ công khai chấp nhận, mà nhờ sự chấm dứt chiến tranh lẫn sự thất trận của Nhựt, hoàn cảnh sẽ giúp ta mở đầu một thể chế đồng nhứt, ai cũng như ai để có một tương lai rực rỡ. Toàn dân sẽ hăng say hưởng ứng, đồng lao cộng tác giữ nền độc lập này. Độc lập là hai tiếng thiêng liêng ở đầu óc toàn dân, sẽ là nguồn thiêng tác động. Nay thì cái gì cũng có thể đạt được.

Mặc chiếc *vareuse* hở cổ, đi dép Bình Trị Thiên, râu cằm lơ thơ, Hồ Chí Minh giống như một ông đồ nho hay một triết nhân, thích ngâm thơ vịnh phú hơn là làm chính trị. Người gầy gò mảnh dẻ, mắt sáng quắc đầy nhiệt tâm, ông có một nhãn lực lôi cuốn vừa đạo mạo, vừa độc đáo. Lời nói cũng chan hòa nhân ái, như bác bỏ mọi bạo động, hận thù. Ông như đã nắm vững được thực tại và nhu cầu của Việt Nam lúc ấy. Ông cũng có một nhận xét sắc bén về tiến

trình lịch sử, do sự tự học khá rộng rãi về các thế giới Tây phương, về Nga và Trung Hoa.

Trong câu chuyện dài hơn một giờ ấy, ông kết luận:

— Thưa Ngài, xin Ngài đừng quên rằng Ngài là bậc quốc phu, vì vậy tôi xin Ngài vui lòng tham dự buổi hội họp của Hội đồng Bộ trưởng, và nhận chức Tối cao Cố vấn cho chính phủ.

Lời mời ấy thật bất ngờ đối với tôi. Thật sự, tôi không nghĩ đến hình thức này mà tôi sẽ tham dự để kiến tạo nước Việt Nam mới, nhưng quả thật, ông cụ này đã thành thực hăng say với nền độc lập và thống nhứt của đất nước. Tôi nhận lời.

Hội đồng Bộ trưởng họp mỗi tuần một lần. Kể từ ngày 8 tháng 9, tôi dự là lần đầu tiên.

Chúng tôi cùng ngồi xung quanh một chiếc bàn, từng là bàn ăn thết tôi hôm trước. Giáp giới thiệu với tôi từng người. Ông ta là người độc nhứt mà tôi biết cùng với Trần Huy Liệu là người tôi đã trao cho ấn tín ở Huế, nay là bộ trưởng bộ Thông tin. Còn những người khác, tôi chưa quen biết: Chu Văn Tấn, bộ trưởng bộ Quốc phòng; Phạm Văn Đồng, bộ trưởng bộ Tài chánh; Nguyễn Mạnh Hà, bộ trưởng bộ Kinh tế; Vũ Trọng Khánh, bộ trưởng bộ Tư pháp; Dương Đức Hiền, bộ trưởng bộ Thanh niên; Đào Trọng Kim, bộ trưởng bộ Công chính; Nguyễn Văn Tố, bộ trưởng bộ Xã hội; Phạm Ngọc Thạch, bộ trưởng bộ Y tế; Lê Văn Hiền, bộ trưởng bộ Lao động; Vũ Đình Hòe, bộ trưởng bộ Giáo dục; Cù Huy Cận, và Nguyễn Văn Xuân, bộ trưởng không bộ nào.

Ngoại trừ Phạm Văn Đồng tuổi hơi cao ít nhiều, tất cả đều ở cùng một thế hệ. Giữa họ với nhau, tỏa ra một bầu

thân ái, trẻ trung y như một nhóm bạn hữu đã từng quen thân với nhau.

Thực tế, Hội đồng này gồm ba loại.

Loại "tiền phong," bạn chiến đấu kỳ cựu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, như Trần Huy Liệu. Họ đã sống lâu năm ở Nga và Trung Hoa, thường là lén lút và không lạ các nhà tù. Rất ác cảm với Pháp.

Loại thứ hai gồm những người trước gọi là Giáo sư trường Thăng Long, một trường trung học tư thục, mà ban giáo sư tạo thành lớp trí thức cấp tiến về chính trị. Trong số này có Võ Nguyên Giáp. Bọn này có cả đảng viên đảng Cộng sản, được hoạt động công khai dưới thời Chính phủ Bình dân ở Pháp, như Phạm Văn Đồng. Đa số đều xuất thân từ nền văn hóa Pháp, nên không mấy xuất ngoại. Kém hăng say hơn bọn trên, họ đều là người thông minh, có tinh thần cởi mở. Rất chống đối chế độ thực dân, họ hăng say với nền độc lập, nhưng không muốn đoạn tuyệt với Pháp.

Cuối cùng, coi như bọn "liên kết," như Dương Đức Hiền, cựu Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Hà Nội, hay Nguyễn Mạnh Hà, từng chỉ huy Đoàn Thanh niên Thiện chí Công giáo. Đa số đều là những kỹ thuật gia, tốt nghiệp từ các đại học đường của Pháp. Họ thường bất mãn vì không có nhiệm sở xứng đáng với văn bằng và khả năng của họ.

Hồ Chí Minh chủ tọa, ngồi ở đầu một phía bàn, và mời tôi ngồi đối diện với ông ta ở đầu phía kia.

Buổi họp ban đầu có tôi dự ấy, dành để bàn về thiết lập một Quốc hội Lập hiến. Quốc hội này sẽ được phổ thông đầu phiếu do tất cả công dân Việt Nam, nam cũng như nữ, tuổi từ 18 trở lên. Sẽ có đại biểu của các sắc dân ít người, để bình đẳng với người Kinh.

Trong buổi họp này cũng đề cập đến vấn đề chống nạn mù chữ; mở một phong trào Bình dân Học vụ, dạy về ban tối, để bắt buộc mọi người chưa biết đọc biết viết, phải đi học chữ quốc ngữ.

Về mặt xã hội, đặt ra định lệ, làm ngày tám giờ, định lương tối thiểu, và đặt trách nhiệm đối với giới chủ nhân và tư bản.

Cuối cùng, Hội đồng biểu quyết bãi bỏ thuế thân, gọi là "thuế nô lệ" vì trong lãnh vực kinh tế, có liên can đến một quyết định quan trọng đã được biểu quyết về đầu tháng, tuyên bố cho phép tự do vận chuyển lúa gạo.

Từ đó, trong thời gian tôi ở Hà Nội, từ 9 đến 1 giờ, tôi vẫn dự các Hội đồng Bộ trưởng hàng tuần.

Rất nhanh chóng, tôi nhận xét được như sau:

Dù họ là cựu tù nhân, giáo sư hay kỹ thuật gia, các người cầm đầu chính phủ này chẳng phải là nhân vật chính trị. Đã đành rằng, họ không đến nỗi chân chẳng đến đất, cật chẳng đến trời, để bị mê lú với quyền bính, họ cũng chẳng biết làm cách nào để đặt một kế hoạch cho tương lai đất nước. Họ đành gặp đâu hay đấy. Các cuộc hội họp của chính phủ, giống y như các cuộc hội họp của các sự bàn cãi của tòa thị chính nhiều hơn là sự nghiên cứu đường hướng dự trù về quốc gia đại sự, hay đối phó với những biến chuyển quốc tế. Những người đó cũng biết rằng ảnh hưởng của họ chưa thể vượt khỏi vòng đai các đô thị lớn như Hà Nội, Huế, v.v... Tại chỗ, họ tìm cách để giữ thể diện, để giữ trị an, hầu tỏ quyền năng của họ cho phái đoàn quốc tế đang bắt đầu sang Hà Nội. Than ôi, ở vùng thôn dã, đây quả là một cuộc cách mạng đổ máu và tàn bạo, một sự nhiễu loạn, rối bời.

Những biện pháp đầu tiên đã đưa đến những kết quả tai hại. Mở cửa cấp tốc các nhà tù, các trại giam, hầu nhặt vài cán bộ chính trị, đã thả ra khắp phố phường và hầu như khắp nước, cả một đống cặn bã sẵn sàng làm bậy. Việc thủ tiêu toàn bộ Hội đồng Kỳ mục để thay vào bằng Ủy ban Nhân dân, đã đưa đến sự tan rã nền cai trị tự nhiên sẵn có của xã hội. Việc bãi bỏ ngành quan lại, văn và võ, cũng để thay vào bằng một hệ thống cán bộ tương tự, làm tan nát các cơ cấu quốc gia.

Trong hoàn cảnh bất lực thực hiện một nền cách mạng xã hội chân chính, mà toàn dân đều mong muốn, chính phủ đã bở hơi tai để đi tìm một sự đáp ứng tạm thời. Họ chỉ tìm thấy một sự mị dân rẻ tiền và sự động viên cuồng tín, hầu cứu vãn nền độc lập. Vội vàng, họ cố gắng đặt cơ cấu mới. Thế là đưa ra bao nhiêu hội, như hội Phụ lão Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc, Công nhân Cứu quốc hay đặt ra các đội Tự vệ thành, Dân quân Tự vệ xã, Thanh niên Quyết tử...

Hơn nữa, tôi lại nhận thấy các Bộ trưởng thân cận với Hồ Chí Minh, bọn người thuộc lớp đồng chí lâu năm của ông ta, giữ độc quyền về tất cả guồng máy điều khiển nhân dân. Thí dụ như Trần Huy Liệu, đã nắm trong tay toàn bộ phương tiện tuyên truyền, còn cấu tạo ra một lợi khí nặng nề để củng cố tân chính quyền. Đầu tháng chín, Việt Minh chiếm đài phát thanh Bạch Mai, và trưng thu tất cả các phương tiện về báo chí, ấn loát; từng kho giấy, các nhà in. Nhờ cuộc tảo thanh này, Việt Minh đã có phương tiện để tung ra ở Hà Nội, hai tờ nhựt báo, là tờ *Cứu Quốc* và tờ *Độc Lập,* và ở Huế, tờ *Quyết Chiến.*

Dần dà tôi khám phá ra được bộ mặt thật của Hồ Chí Minh.

Một hôm, trong một cuộc họp của Hội đồng Chính phủ, do sự sôi nổi tranh luận giữa vị Chủ tịch và một bộ trưởng. Vũ Trọng Khánh, bộ trưởng bộ Tư pháp, ngồi ở bên phải tôi, đã chìa ra cho tôi xem một cuốn sách nhỏ, và nói:

— Thưa Ngài, hẳn Ngài đang ngạc nhiên về những phản ứng của Chủ tịch của chúng ta. Xin Ngài đọc đây thì hiểu.

Tôi liền đọc đầu đề cuốn sách *Đời của Nguyễn Ái Quốc,* do tác giả là A. Marty, chánh mật thám của phủ Toàn quyền Pháp cũ.

— Trong ấy nói gì, tôi hỏi.

Khánh nhìn tôi, và ra dấu bằng đầu để chỉ cho biết Chủ tịch Hồ Chí Minh đang đi ra, và sát chỗ chúng tôi ngồi. Hồ Chí Minh nhìn cuốn sách tôi đang cầm, hơi nhún vai, và mỉm cười một cách tinh quái, không nói một lời.

Về đến nơi ở, tôi liền đọc tiểu sử của Nguyễn Ái Quốc. Nguyễn Ái Quốc (người yêu nước) là một trong hàng chục tên, mà ông ta mang trong suốt cuộc đời sôi nổi, trước khi trở thành Hồ Chí Minh (Hồ lãnh tụ sáng suốt). Sanh năm 1890 ở làng Kim Liên, trong vùng thuộc phía Bắc Trung kỳ, gọi là Thanh Nghệ Tĩnh, vốn là ổ của cách mạng, sự học của ông ta khá sơ sài: bốn năm học Quốc Học Huế, ông ta đã thâu nhận được một nền học vấn hỗn hợp Pháp và Nho học. Sau đó học thêm ba năm trường Kỹ nghệ Thực hành ở Sài Gòn. Với hành trang yếu ớt ấy, năm 1911 ông ta lăn mình vào cuộc chinh phục thế giới. Làm phụ bếp cho một chiếc tàu biển của hãng Chargeurs Réunis, tàu này thường đỗ ở các bến thuộc Á châu, Phi châu, Âu châu và Mỹ châu. Sau thế chiến thứ nhứt, ông sống ở Luân Đôn, rồi sang Paris. Tại đây, người ta bắt đầu nhắc đến tên ông. Năm 1919, ông đệ trình một luận án theo tinh thần 14

điểm, trong hội nghị ở Versailles, được Tổng thống Wilson chấp nhận, đòi hỏi cho nước Việt Nam được mọi quyền tự do cần thiết.

Thế rồi, trong thời gian ấy, xuất hiện trong tờ báo *Le Paria* (kẻ cùng khổ) những bài tố cáo tội ác của chính sách thực dân, ở Phi châu cũng như ở Á châu. Ông ta là tác giả tờ truyền đơn nẩy lửa, nhan đề *"Bản án chính sách thuộc địa Pháp."*

Năm 1920, ông gia nhập đảng Cộng sản, đảng này có đề cập đến vấn đề dân tộc thuộc địa. Thế là ông được cử sang Moscou. Sau một thời gian huấn luyện ngắn, ông trở thành cán bộ của đảng Cộng sản Quốc tế *(Komintern)*, cơ quan được Lénine trao phó gieo rắc chủ nghĩa cộng sản, và tạo nhân cách mạng ở mọi nơi trên khắp thế giới do Moscou điều khiển. Được cử sang Viễn Đông, và vùng Đông Nam Á châu, từ năm 1924, ông hoạt động ở Quảng Châu (Canton), làm phụ tá cho Borodine, như là cố vấn trong tòa Đại sứ Sô viết cạnh Quốc dân đảng Trung Hoa, và là lãnh tụ, sáng lập viên trường Võ bị Hoàng Phố (Whampoa).

Năm 1930, ông lập ra đảng Cộng sản Đông Dương, sau đó được gọi là đảng Lao động, của giới thợ thuyền. Cuốn sách của A. Marty đến đây là hết. Về sau Giáp lại kể cho tôi biết tiếp những hoạt động của Hồ Chí Minh. Về nước vào năm 1941, ông ta ẩn náu ở tỉnh Cao Bằng. Tại đây, ngày 19 tháng 5, ông lập ra Mặt trận Việt Minh, tức là Mặt trận Cách mạng Đồng minh, chiến đấu cho nền độc lập của Việt Nam, và tạo nên căn cứ du kích sau này. Sau đó, ông lại sang Trung Hoa, và bị bắt giam, vừa do người Trung Hoa, vừa do người Anh. Vì ốm nặng nên được tha, đúng vào lúc mà quân đội Nhựt đang bị thua, và nhờ cơ quan đặc biệt của Mỹ, để trở về Việt Nam và nhận được quyền hành.

Trong thời gian ở Moscou, Hồ Chí Minh đã ăn ở với một phụ nữ người Nga, và có một đứa con gái, nhưng không bao giờ ông ta nhắc đến thời gian này của đời ông. Rất hiếm khi các đồng chí của ông nhắc đến quá khứ của họ.

Bởi vậy, tôi chưa bao giờ nghe thấy ông Giáp nói đến người vợ ông bị giết, trong một cuộc biểu tình của các sinh viên. Sở dĩ tôi biết được, là do Tạ Quang Bửu, một cộng sự viên cũ của tôi nói. Ông này cũng tiết lộ rằng, Giáp rất đau đớn về cái tang này, và để tâm thù hận người Pháp sâu đậm. Tuy nhiên, để tỏ ra có tâm hồn cao thượng, Giáp làm ra bộ không nuôi một tí hận thù nào đối với Pháp cả.

Sự giao dịch của tôi đối với các "đồng nghiệp" rất là tốt đẹp. Họ cho tôi thuộc cánh của họ. Nếu tôi có gọi họ là "anh," họ vẫn kêu tôi bằng "Ngài." Đó là do Hồ Chí Minh đã đòi hỏi họ như vậy. Tôi thường có thân tình giao hảo với Vũ Trọng Khánh, vốn không thuộc đảng Cộng sản, và như vậy hơi lẻ loi riêng biệt. Chúng tôi thường gặp nhau vào ban chiều, và thường nói chuyện với nhau khá lâu. Là người có nhiều thiện chí, ông ta chỉ quan tâm đến hạnh phúc của nhân dân. Những tin từ các tỉnh gửi về làm cho ông buồn rầu không ít. Có thể là tình thế rất đáng lo ngại. Các tỉnh ở miền Bắc Việt Nam bị cô lập gần như hoàn toàn, làm cho mọi sự tiếp tế khó khăn, nên nạn đói hoành hành mạnh mẽ. Bởi vậy, không có gì phải ngạc nhiên, nếu dân chúng có phản ứng ghê gớm. Nhiều cuộc bắt bớ, nhiều chuyện mất tích, và ám sát gần như ở khắp nơi.

Tôi được tin Phạm Quỳnh, cựu thủ tướng của tôi đã bị bắt, rồi đến Ngô Đình Khôi, anh của Ngô Đình Diệm cùng bị bắt với người con trai cả là Ngô Đình Huấn vốn là bí thư của Đại sứ Yokoyama. Tôi đến gặp Hồ Chí Minh để xin can thiệp. Tôi bảo ông ta:

— Tất cả mọi người tìm cách để phụ giúp Cụ, trong đó có tôi là người đầu tiên. Xin Cụ hãy chứng tỏ sự khoan dung đại độ. Khi mới bắt đầu lên nắm chính quyền, Cụ đã thả hết các tù phạm, tất cả các người bị giam cầm. Xin Cụ hãy ra lệnh tha hết các tù nhân bị bắt kể từ ngày ấy đến nay.

— Thưa Ngài, thật khó có thể làm được, vì dân chúng sẽ không thể hiểu nổi.

— Nếu vậy, ít nhứt xin Cụ cho thả các cựu cộng sự viên của tôi. Họ không có trách nhiệm gì.

— Vâng, tôi sẽ cố gắng lo việc ấy...

Thật sự, hai người đầu tiên (Phạm Quỳnh và Ngô Đình Khôi) đều đã bị giết, mà ông Hồ vẫn không biết một tí gì.

Ít lâu sau, Phan Anh, cựu thượng thư của tôi đến gặp tôi. Ông ta đã tiếp xúc với Léon Pignon. Ông này yêu cầu tôi can thiệp để thả Pierre Messmer. Vị thứ hai này được cử làm thượng sứ Pháp ở Bắc kỳ, nhảy dù xuống bị rơi vào một chiến khu Việt Minh, nên bị bắt cùng với hai đồng hành của ông ta.

Ngay chiều hôm ấy, tôi có nói với Hồ Chí Minh, nhưng không đạt kết quả nào. Sau tôi mới rõ Messmer may mắn đã vượt thoát được, rất khó khăn.

Tuy nhiên, Hồ Chí Minh vẫn cố gắng chinh phục tín nhiệm của tôi. Trong những cuộc gặp gỡ thường xuyên, chỉ có tôi với ông ta, ông vẫn giữ thái độ chỉnh tề, vừa niềm nở vừa lễ độ, gần như nhiễm tình phụ tử. Phải chăng ông ta đã đóng trò, hay là một tác phong quan cách cổ xưa còn tiềm tàng nơi huyết quản? Dù sao nữa, tinh thần hữu nghị của chúng tôi rất hoàn hảo, và trong bất cứ cuộc nói chuyện nào, cũng không bao giờ đả động đến những lý thuyết chính trị này nọ. Ông ta thường mời tôi đi cùng với ông trong

mọi cuộc thương thuyết, hay vận động. Chúng tôi đến thăm Jean Sainteny được cử thay Pierre Messmer, ở địa vị thượng sứ Pháp ở Bắc kỳ. Đây là lần độc nhứt mà tôi gặp ông này. Sainteny đã viết rằng, sau đó ông ta có yêu cầu được gặp tôi nhiều lần, mà không có trả lời. Các sự yêu cầu này chẳng bao giờ đến tay tôi cả.

Chúng tôi cũng từng đi với nhau đến thăm người Mỹ, và chúng tôi đã gặp một đại diện của họ: Nhân vật đặc biệt Lansdale và Thiếu tá Patti, và về sau cả Tướng Gallagher nữa. Trong những dịp này, tôi mới biết là Hồ Chí Minh nói được tiếng Anh một cách khá sõi.

Trong những dịp tiếp xúc này, tôi thường nhường bước ông trước mặt quan khách. Mỗi lần như thế, tôi đều nói: "Thưa Cụ Chủ tịch, tôi xin mời Cụ, tôi xin theo sau Cụ, vì tôi chỉ là một viên cố vấn mà thôi..."

Ngược lại, nếu chúng tôi cùng đến một cuộc hội họp hay trước đám đông nào, nếu có ai đưa chúng tôi đi, thì bao giờ ông cũng để tôi đi về bên tay phải của ông ta. Tôi liền hiểu được ý nghĩa của sự sắp đặt này. Chính phủ dù có hiện hành, nhưng chưa được Đồng minh công nhận. Sự có mặt của tôi, giúp cho ông ta một hình thức chính thức dùng làm chiếc bình phong gánh đỡ mà thôi.

Đầu tiên, cuộc sống có vẻ bình thản ở Hà Nội. Các nhà báo đặt tiệc ca ngợi tôi đã hy sinh ngai vàng vì hạnh phúc của nhân dân. Nhưng tình hình kinh tế bị suy thoái thê thảm. Hàng nghìn người, đàn ông, đàn bà và trẻ con, chết như rạ vì đói, trong khi hàng nghìn tấn gạo mốc thối ra ở Sài Gòn. Vụ lúa tháng mười mất mùa, vì hạn hán, sau vụ lụt ghê gớm.

Bãi bỏ thuế má, xáo trộn hành chánh làm trống rỗng ngân khố quốc gia. Chính phủ dùng biện pháp lắt léo để

cứu vãn tình thế, kêu gọi nhân dân tự động đóng góp, và thi đua ái quốc. Các bộ trưởng và nhân viên cao cấp phải làm gương trước để làm việc không lương. Tôi cũng phải góp phần như họ. Chúng tôi chỉ được ở, còn ăn thì nhờ vào thiện chí của những nhà giàu.

Tuần lễ Vàng được mở ra để mua súng đạn cho binh sĩ của quân đội nhân dân anh hùng. Lần khác, thì là miếng cơm cứu đói, mọi người nhịn ăn một bữa trong tuần lễ để cứu trợ người nghèo. Mặc dù chiến dịch ấy được phổ biến rầm rộ, kết quả cũng không lấy gì làm dồi dào.

Trong một cuộc họp của Hội đồng Bộ trưởng, Phạm Văn Đồng báo cáo, trong ngân quỹ chỉ còn đúng có 3 đồng 25 xu. Trong sự hỗn độn tột cùng, người ta quyết định đánh thuế gián thâu về các hàng ăn. Đó là các hàng hóa cuối cùng còn được đem ra để bán. Thế là mỗi người kể ra, hỗn độn, các sản phẩm có thể đánh thuế:

— Con gà đi...

— Con vịt đi...

— Con trâu đi...

Không thể nhịn được sự kê khai điên rồ, lố bịch đó, tôi nói tiếp:

— Các anh còn quên con chó...

Người cười đầu tiên là Hồ Chí Minh. Sự riễu cợt của tôi xẹp xuống, vì đa số bộ trưởng đều người miền Trung, nên không ai hiểu nổi câu "miếng dồi chó" của miền Bắc.

Vài hôm sau, Hồ Chí Minh nói tất cả sự khó khăn hiện tại với tôi, và phàn nàn là không được bộ trưởng nào giúp đỡ đắc lực trong công cuộc điều khiển quốc gia. Tôi bảo:

— Sao Cụ không kêu gọi những đồng bào đã từng du học ở Pháp? Họ đã có kinh nghiệm điều khiển quốc gia rất quí báu.

— Tôi không thể tin họ được. Ông Hồ đáp. Họ thân Pháp quá độ, và cũng không thành thạo mấy về nội tình ở nước ta, do đã xa cách lâu ngày.

— Cụ nhầm đấy, tôi phản đối. Trong bọn chúng ta đây, chúng ta chống Pháp hơn ai hết. Như Cụ chẳng hạn, Cụ đã sống lâu năm ở ngoại quốc. Vậy mà Cụ rất thấu triệt tâm hồn Việt Nam.

Sự tham gia vào các cuộc bàn cãi quốc gia này, làm tôi nhớ lại các kinh nghiệm cũ của tôi. Tôi lại thấy trở lại cùng một vấn đề, đã từng thảo luận với Ngô Đình Diệm, với Phạm Quỳnh, với Trần Trọng Kim. Thật là những người cao khiết, đầy tinh thần trách nhiệm, rất tài ba, sung mãn, nhiều ý kiến, nhưng chỉ khổ nỗi không có phương tiện để thực hiện quyền hành. Thế mà, các đồng nghiệp của tôi bây giờ, lại chỉ là những nhà lý thuyết suông. Họ ngây thơ đối với tâm lý con người, đến độ không tưởng. Tuy sấp sỉ tuổi của đa số trong bọn họ, kinh nghiệm của tôi về lãnh vực này còn cao lớn gấp bội. Mười lăm năm cầm quyền, đứng đầu chính phủ, tôi đã hiểu thấu bao mưu vọng, ý đồ, bao thủ đoạn khốn nạn đến độ rằng, tôi đi guốc được vào ruột gan của con người, đã hành động vì mục đích gì, chẳng mấy khi sai.

SỰ XÂM NHẬP CỦA QUÂN ĐỘI TRUNG HOA

Tất cả đều suy thoái, khi quân Trung Hoa, theo nghị quyết của hội nghị Potsdam vào tiếp thu quân đội Nhựt và giữ an ninh, ở bắc vĩ tuyến 16.

Toán quân đầu tiên đến Hà Nội ngày 9 tháng 9 năm 1945. Rất nhanh chóng, đây là một sự tràn ngập rõ rệt. Tổng số có ba quân đoàn, khoảng 80,000 người, không kể bọn tùy viên phụ thuộc, và gia đình họ, đổ xô cả đến Bắc kỳ, như từng đoàn châu chấu. Họ đến để che chở nền độc lập của Việt Nam, nên với tư cách là kẻ chiến thắng. Đối với đoàn quân gồm hầu hết là người Quảng Đông và Vân Nam, Bắc kỳ là một xứ thần tiên. Họ cảm thấy như trở lại thời chinh phạt cổ xưa đến từ phương Bắc, nên có những tác phong khốn kiếp của bọn quí khách loại ấy.

Mới đến ngày 18 tháng 9, Tướng Lư Hán, Tổng tư lệnh, chiếm nay ngôi dinh thự đường Puginier, và đuổi phái đoàn Sainteny không một hai gì hết. Họ yêu cầu tôi tiếp họ. Hình thức ấy có nghĩa rằng, họ không cần biết đến Hồ Chí Minh là ai. Tôi trả lời rằng, để tôi xin sang gặp họ để chào mừng, còn sự thăm hỏi chính thức thì thuộc phần của Cụ Chủ

tịch chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh, mà tôi báo cho biết ngay. Thế là đặt ra một thỏa thuận này: Hồ Chí Minh tiếp Lư Hán trước mặt tôi, trong một tòa biệt thự mới trưng dụng. Như vậy, sự thăm hỏi không còn mang tính chất chính thức nữa. Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng lòng vì ông ta muốn xoa vuốt người Trung Hoa. Báo chí loan đi một thông báo như sau:

"Quân đội Trung Hoa sang đây chỉ để giải giới quân đội Nhựt, không có ý đồ xâm phạm đến chủ quyền của Việt Nam. Chúng ta nên tiếp đón họ nồng hậu để tỏ cảm tình giữa hai dân tộc Việt và Hoa."

Chẳng ai lạ gì nhau cả. Một mặt, người Trung Hoa thừa biết thành tích chính trị cũ của ông Hồ, nên không muốn ở phía sau lưng họ có một chính thể cộng sản. Họ vừa phải đương đầu sinh tử ở phía Bắc đối với Mao Trạch Đông. Mặt khác, việc tước khí giới quân đội Nhựt chỉ là mối quan tâm phụ, họ chú trọng đầu tiên vào vấn đề kinh tế. Và nếu ai đã biết cái tài vơ vét của các tướng Tàu, thì mới hiểu dễ dàng những tai hại ở Việt Nam trong sự tạm bợ chiếm đóng này. Có dụng ý muốn bám chặt, các ông bạn quí Trung Hoa muốn dùng hình thức gây rối loạn ở Hà Nội và trên khắp đất nước. Đầu tiên, họ không đếm xỉa đến những nhân vật dân sự. Vì vậy, ta thường thấy những tù binh quân sự Nhựt, giả làm thường dân, đi khơi khơi ngoài đường phố. Nhiều chuyên gia Nhựt, lấy ra từ các trại giam, để sung vào các đội ngũ Tàu, vì thiếu kỹ thuật gia.

Quan trọng hơn nữa, họ can thiệp vào nội tình chính trị Việt Nam. Kéo theo quân đội Tàu, từng đoàn đảng viên quốc gia, bị cách mạng ruồng bỏ, chạy theo quân Quốc dân đảng Tàu. Đây là các lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đồng minh hội muốn lợi dụng thời cơ để chiếm thế thượng phong. Được bọn tướng lãnh và cơ quan tình báo Tàu do

Tiêu Văn lãnh đạo nâng đỡ các nhà cách mạng quốc gia vội vàng tước khí giới và thay thế các Ủy ban Nhân dân thôn xã, do Hồ Chí Minh đặt ra. Tại các thành phố, hai phe Việt Minh và Việt Nam Quốc Dân Đảng thường đụng độ nhau. Được Tiêu Văn nâng đỡ, một nhóm biểu tình đã đến nơi ở của tôi để yêu cầu tôi ra chấp chính. Nhiều đám tàn quân Nhựt, không chịu khuất phục là đã bị thua trận, tự nguyện đặt dưới quyền tôi, để lập đường hướng khác đấu tranh cho nền độc lập quốc gia.

Trước tất cả những đề nghị đó, tôi giữ thản nhiên, để từ chối.

Nhưng hoàn cảnh mỗi ngày một khó khăn cho Hồ Chí Minh. Tự cảm thấy bất an, ông ta thay đổi chỗ ở hàng đêm, để ngủ ở những ngôi nhà trưng dụng rải rác khắp trong thành phố. Ông ta vẫn đặt tín nhiệm hoàn toàn nơi tôi, và chỉ riêng một mình tôi biết được chỗ ngủ của ông ta. Ông tỏ ra lo ngại rất nhiều vào sự an ninh của tôi, hơn chính cả tôi nữa.

Một buổi tối, trong khi chúng tôi đang trò chuyện đến một giờ khuya, có sự lộn xộn ở cạnh ngôi nhà này. Đặc biệt, tôi cho người tài xế và chiếc xe của tôi đi trước, rồi tôi bảo ông Hồ:

— Khuya rồi, xin lỗi Cụ, tôi xin về nhà. Tôi sẽ tìm một chiếc xe tay để đi.

— Ấy chớ, rất nguy hiểm cho Ngài. Để tôi báo cho quân đội Tàu đem xe đến đây đón Ngài, thêm xe hộ tống nữa cho chắc.

Đối với sức khỏe cũng như sự giao du của tôi cũng vậy. Một lần tôi bị cảm không đến được, chính ông đã đến thăm và xem cách thức chữa trị cho tôi ra sao. Biết rằng tôi thường hay đến ăn cơm tối ở nhà một số bạn hữu, ông

khuyên tôi một cách rất ưu ái, nên cẩn thận về vấn đề nam nữ, mà tôi có thể bị vướng mắc.

Thấy dân chúng kính yêu tôi, ông cảm thấy rằng săn sóc chiều đãi tôi có lợi cho ông nhiều lắm. Ông cho rằng ở Việt Nam, sự cầm quyền bao giờ cũng cần phải được tấn phong. Cách mạng Việt Minh cũng không dám phá bỏ khái niệm này, vì nó đã ăn sâu sát rễ vào đầu óc dân chúng từ lâu. Sự có mặt của tôi bên cạnh Chủ tịch là một hình thức tấn phong vĩnh viễn trước mắt nhân dân Việt Nam. Người Tàu, người Mỹ cũng không dám coi thường mối tương quan này được.

Tôi cũng không lạ gì thái độ của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với tôi. Hơn nữa, tôi cũng nhận thấy rằng, khi người ta càng săn sóc mình, càng thân cận với mình bao nhiêu, người ta càng ngờ vực bấy nhiêu. Nhưng tôi cũng không thấy ló ra sự cứng rắn, tàn bạo nào của ông, rồi sẽ được thực hiện sau này. Bởi vậy, tôi vẫn yên chí đóng vai trò của mình.

Đây, người ông đây. Người ấy rất lo lắng cho nền độc lập của quốc gia. Những quan điểm của ông ta giống của tôi như hệt. Vậy thì cần gì biết đến quá khứ, đến phương tiện, bởi thế tôi rất thành thực phù trợ ông ta.

Hơn nữa, tôi cũng nhận xét tất cả. Tôi thích thái độ của ông hơn thái độ của các lãnh tụ quốc gia, thật sự là, bù nhìn trong tay bọn Tàu. Giữa sự xáo trộn ấy, Hồ Chí Minh vẫn giữ được bình tĩnh.

Một buổi chiều, ông ta bảo tôi:

— Thưa Ngài, tôi rất thất vọng về thái độ của Đồng Minh. Tôi nghĩ rằng mình được ưu đãi hơn, nếu gặp người Nga. Thế nhưng, họ lại chẳng làm gì được cho mình. Họ cũng chẳng phái đến đây một quan sát viên nào cả. Họ dửng

dưng hoàn toàn trước vấn đề Đông Dương. Còn đối với người Anh, thái độ thật đáng ngờ. Họ thiên về Pháp rõ rệt, và đang giúp bọn này loại trừ tất cả các chiến hữu đang chiến đấu giành độc lập cho chúng ta. Người Mỹ thì Ngài đã nhận thấy như tôi rồi. Khi tôi từ Tàu trở về, đại diện của họ đã hứa hẹn, dặn tôi bao điều đảm bảo. Để chiều lòng họ, tôi đã đặt vào câu đầu của bản tuyên ngôn độc lập, nguyên văn lời tuyên ngôn độc lập của họ, do Jefferson viết năm 1776. Nhưng chúng ta đã gặt hái được gì? Chẳng được tí gì. Điều quan tâm duy nhứt của họ là được thay thế người Pháp, vì thế họ đâm găng nhau với người Tàu. Gallagher chấp nhận làm trung gian giữa ta với bộ Ngoại giao của họ, và sẵn sàng đưa giúp chúng ta những điều yêu sách. Nhưng ông ta lại cần kinh tế ta phải lệ thuộc vào kinh tế Mỹ. Đó là bọn tư bản, tư bản từ trong máu mà ra. Đối với họ, chỉ có đầu tư, đô-la là đáng kể... Một bữa, chúng tôi nhận thấy có một phái đoàn điều tra tội ác chiến tranh của họ, sang đây để thăm tù binh Nhựt, lại chú trọng vào các trang bị cửa bể Hải Phòng nhiều hơn là tội ác của bọn An bộ đội. Còn bọn Tàu thì... Nước Tàu là cái bụng kinh niên. Bọn Quốc Dân Đảng là bọn lưu manh, bọn ăn cắp. Các ông tướng Tàu phù là lũ cú vọ, kền kền... Chẳng bao giờ thỏa mãn lòng tham không đáy. Chẳng có gì làm cho chúng ta tin tưởng được. Chỉ có một tên trong bọn chúng là có thể dùng được. Đó là Tiêu Văn, nó làm tiền mình khiếp quá. Nhưng tôi tin rằng nó cũng hiểu mình đang khao khát cái gì, và sự toa rập của nó có thể giúp ích cho mình được. Thế nhưng tôi vẫn chưa tin hẳn, bởi biết đâu nó không trở mặt lúc nào. Khi mới sang đây, nó đóng vai ủng hộ Việt Nam Quốc Dân Đảng hết mình, bây giờ thì nó lại mỉm cười cầu tài với mình. Vậy ngày mai, thì nó đi với ai đây?

Vậy thì suy đi tính lại, chỉ còn Pháp...

Tôi không khỏi ngạc nhiên về luận lý này, nhưng quả đã hợp lý. Trong lập trường thực tế, Hồ Chí Minh còn tỏ ra có khả năng biết dung hòa.

Ở Việt Nam, người Công giáo dù ở vị trí thiểu số, vẫn tạo nên một lực lượng đáng kể. Hai triệu tín đồ đã quây quần chắc nịch bên các linh mục của họ. Họ tạo nên một yếu tố quan trọng, có trật tự và đoàn kết vững chãi. Tuy ông Hồ có lập trường vô thần nhiều khi đến độ bài giáo, ông ta cũng không dám lơ là với khối này, để hãm bớt sự hăng say quá đà của cách mạng. Đầu tiên, Hồ Chí Minh tìm sự hỗ trợ nơi họ. Không phải là không có dụng ý mà ông ta ấn định ngày lễ Độc lập vào ngày 2 tháng 9 là ngày kỷ niệm các Thánh tử vì đạo của bên Công giáo Việt Nam. Cũng do sự quan tâm ấy, ông ta đã bổ nhiệm một người có ảnh hưởng lớn lao của phe này là Nguyễn Mạnh Hà làm bộ trưởng. Ông này từng du học ở Pháp về, hoạt động về mặt xã hội ở Pháp, và lấy con gái của Georges Maranne, một nghị sĩ Cộng sản ở hạt Seine. Nguyễn Mạnh Hà về nước, vẫn hoạt động trong khối Công giáo và trở thành một lãnh tụ của đoàn thanh niên Công giáo. Ông ta kính trọng và khâm phục Hồ Chí Minh thật sự. Ông ta tin rằng Hồ Chí Minh là người duy nhứt có thể dẫn dắt thanh niên Việt Nam. Rất trung kiên, ông ta đi theo phò ông Hồ, và kéo theo sau cả đoàn thanh niên đầy nhiệt huyết.

Ngày 23 tháng 9, ông ta đã tổ chức một cuộc biểu tình lớn, tập trung hàng ngàn thanh niên Công giáo để biểu dương tinh thần ái quốc, và lòng tin tưởng đối với ông Hồ.

Trong buổi lễ, Hồ Chí Minh tuyên bố:

— Người Công giáo Việt Nam phải chứng tỏ lòng ái quốc nhiệt thành của họ. Chẳng những đó là quyền yêu nước của họ, mà còn là bổn phận, họ phải đứng hàng đầu trong cuộc chiến, giữ trung thành với Đức Thiên Chúa và Tổ quốc của mình.

Sau cuộc biểu tình này, Giám mục Nguyễn Bá Tòng đã gửi một kiến nghị lên Giáo hoàng Pie XII, để xin Ngài làm phép thánh của Công giáo và sự ấn tứ của Tòa Thánh cho nền độc lập của Việt Nam.

Vài hôm sau, chính phủ ra nghị quyết trừng phạt nặng nề tất cả kẻ nào xâm phạm đến các nơi thờ phượng, nhà thờ và chùa chiền.

Chính trong bầu không khí ấy, Giáo hội sửa soạn lễ tấn phong cử Đức Cha Lê Hữu Từ, vừa được làm Giám mục địa phận Phát Diệm. Ông Hồ Chí Minh đã yêu cầu tôi thay mặt ông ta đến dự lễ này. Đúng vậy, vì ngày 28 tháng 9, ông ta bận tiếp Tướng Lư Hán, để chính thức nhận lễ đầu hàng của quân đội Nhựt.

Nhưng tối hôm trước tôi đi Phát Diệm, Hồ Chí Minh căn dặn:

— Thưa Ngài, người Pháp đang tiêu hao lực lượng kháng chiến ở Nam bộ. Họ sẽ không chậm trễ dời bỏ nơi đây. Cần nhất phải cố tránh chớ nên để họ nắm được. Ngài là người độc nhứt tượng trưng cho nước Việt Nam độc lập. Xin Ngài lợi dụng cơ hội này thay đổi ở Phát Diệm để đi xa khỏi Hà Nội. Xin Ngài nên đứng ngoài bất cứ hoạt động công khai nào ở đây. Ngài nên tạm ngụ ở nơi nào biệt lập một thời gian, mà sự an ninh cho Ngài được bảo đảm dễ dàng. Khi nào mà sự trở về của Ngài có thể được vững chắc và không còn bị đe dọa nữa, tôi sẽ báo sau. Trong khi chờ đợi, tôi xin báo tin thường xuyên để Ngài biết.

— Thế nhưng còn Cụ?

— Ồ, đối với tôi ư, đường lối đã được vạch rồi, ông ta chỉ nói có vậy.

Ngày hôm sau, tôi đi Phát Diệm, cùng với Giáp, bộ trưởng bộ Nội vụ. Giám mục Lê Hữu Từ, thuộc dòng tu khổ hạnh, là một nhân vật lạ lùng. Người nhỏ bé, rất khẳng khiu, bận chiếc áo nhà tu mầu trắng, ông có đôi mắt rất sắc, trên đôi gò má cao. Trong tu viện, ông được tiếng là một nhà trị an có tài, và đầy thủ đoạn trong mọi sự hòa giải hay điều đình. Buổi lễ do Đức Cha Nguyễn Bá Tòng, Giám mục Hà Nội, chủ tọa, có Giám mục Bùi Chu, đã được tổ chức trước công chúng, họ tỏ ra rất tôn kính đối với tôi. Giáp đi với tôi, tỏ vẻ ngạc nhiên hết sức. Nhưng chúng tôi quả đã sống những giờ phút lạ lùng... Ông ta chả được Chủ tịch Hồ Chí Minh giao cho nhiệm vụ, yêu cầu vị tân Giám mục này, làm cố vấn tôn giáo của chính phủ đấy ư? Nhiệm vụ mà Cha Lê Hữu Từ sốt sắng nhận lời...

Khi buổi lễ chấm dứt, Giáp trở về Hà Nội, còn tôi thì ra Sầm Sơn, là nơi nghỉ mát của tỉnh Thanh Hóa. Đường đi ra bể, tôi đến một làng tôi đã từng đến, trong cuộc du lịch lần trước tiếc thay chiếc cầu bị gẫy, tôi không thể đi tiếp được. Tôi cho vời viên chủ tịch xã. Ông ta tới, và cúi gập mình xuống để chào mừng tôi, không dám ngửng đầu lên. Đó là sự tôn kính tuyệt vời. Đối với ông ta, tôi vẫn là *Thiên Tử*. "Ông hãy bảo tu sửa lại chiếc cầu này ngay, để tôi có thể đi qua." Tôi bảo ông ta thế. Chỉ một giờ sau, cái vũng nước này được lấp ngay. Tất cả làng đã ở đấy, tụ tập để xem công tác lấp đất này. Đến lúc tôi chuẩn bị bước lên xe, viên chủ tịch đến gần tôi, cúi xuống thưa:

— Thưa Ngài, xin Ngài cho biết chúng tôi có được phép hoan hô "Hồ Chí Minh muôn năm" không ạ?

Hơi ngạc nhiên, tôi mỉm cười đồng ý cho phép. Thế là cả làng, tụ tập quanh viên xã ủy đã chào từ biệt tôi bằng tiếng hô vang dậy: "Hồ Chí Minh muôn năm."

Đến chiều, tôi đến Sầm Sơn. Tôi được Ủy ban Nhân dân đã nhận được chỉ thị tiếp đón.

Một bãi bể rất đẹp, có cát mịn, nằm bên một rừng phi lao, với những nhà lầu, biệt thự, ở một làng đánh cá, tạo nên một nơi nghỉ mát thật hữu tình, trước kia rất đông du khách về mùa hè, nay thì vắng tanh vắng ngắt.

Khi tôi đến, viên chủ tịch địa phương hỏi tôi thích ngụ ở nhà nào. Tôi đã nghe nói đến chiếc biệt thự của ông Beau, chủ cửa hàng trang sức nổi tiếng ở Hà Nội. Tôi đến đấy cư ngụ. Căn biệt thự gần như bỏ hoang. Chỉ có vài người đánh cá ở trong đó, họ trở thành bạn thiết với tôi.

Người tài xế cũng ở chung nhà, và Ủy ban sở tại đã đặt nửa tiểu đội dân quân luân phiên bảo vệ. Ủy ban phụ trách cung cấp gạo, còn đồ ăn, thì tôi phải lo liệu lấy. Công việc hàng đầu của tôi là đi câu cá hàng ngày.

Ngược với điều hứa của Hồ Chí Minh, chẳng có tin nào từ Hà Nội đến với tôi cả. Tôi có cảm tưởng ngay rằng, không phải mình bị giam tù, bởi còn được tự do đi lại, và sử dụng thời gian muốn gì tùy ý, nhưng là kẻ bị đi đầy. Trừ mấy người đánh cá mà tôi quen biết, bọn dân quân gác tôi thì chẳng biết gì, và viên bí thư của Ủy ban Nhân dân thường đến thăm tôi, tôi chẳng còn biết đến ai nữa.

Đến cuối tháng 11, tôi bị sốt rét, mất nhiều ngày. Đây là lần bị bệnh nặng nhứt mà tôi mắc phải. Tôi chưa khỏi hẳn, thì viên Chủ tịch Ủy ban đến báo cho tôi biết chỉ thị mới mà ông ta nhận được về tôi:

— Thưa Ngài, chính phủ vừa báo cho biết là sợ rằng quân Pháp sắp đổ bộ, nên xin Ngài tạm lánh vào phía trong, sâu hơn nữa.

Ngay ngày hôm ấy, tôi vào huyện Thọ Xuân ở sâu vào phía trong, trên con đường từ Thanh Hóa đi Hòa Bình. Tôi

được đưa đến ở trong ngôi công đường đổ nát của huyện cũ. Viên chủ tịch địa phương săn sóc tôi từng ly từng tí. Và ở đây, tôi cũng nhận thấy, mặc dù ảnh hưởng của cách mạng, dĩ vãng của hoàng triều vẫn còn sâu đậm. Ủy ban sở tại này do Ủy ban tỉnh Thanh Hóa chỉ định. Những con người mộc mạc này đã cố gắng chứng tỏ cho vị cố vấn tối cao của chính phủ, sự triệt để tuân theo lệnh của tân chính quyền; vì vậy, họ thi đua đi họp, dự mít tinh, hay biểu dương lực lượng mỗi khi có dịp, để tha hồ mà kêu gào đả đảo bọn "thực dân, phong kiến." Đồng thời, họ cũng không nén đi lòng tôn quân của họ đối với Cựu hoàng, và lấy làm hãnh diện được tiếp rước tôi, và được tôi cư ngụ trong địa hạt của họ... Chắc chắn họ đã được lệnh của Hà Nội, để vừa giữ được niềm tin vào cách mạng, vừa giữ được phong tục cố hữu ngàn xưa.

Bởi thế, sáng nào họ cũng mang thức ăn sáng đến cho tôi với một niềm trịnh trọng vô biên. Đám rước mang thức ăn được một người vác hương dẫn đầu, y như trong một buổi tế ở triều đình. Thật cũng khá khôi hài.

Tôi được biết cách Thọ Xuân vài quãng, có ngôi đền thờ nhà Lê. Tôi ngỏ ý muốn đến thăm. Viên chủ tịch xin tự đi trước dẫn đường, và khi tôi đến gần ngôi đền, ông ta đứng ngoài xa, để tôi vào một mình, theo đúng như lễ nghi của triều đình vậy.

Sau đó ba tuần lễ, có lẽ sự đe dọa đổ bộ của quân Pháp đã hết, nên người ta lại đưa tôi về Sầm Sơn.

Trong thời gian tôi vắng mặt ít lâu này, một đội dân quân tự vệ khác được thành lập trong huyện. Theo truyền thống quí hóa, họ đã vơ vét sạch cả. Tôi thấy căn nhà của ông Beau bị lục soát hoàn toàn trống rỗng. Thấy tin tôi về, họ vội bỏ chạy thật nhanh. Bọn tự vệ là bọn thiếu niên, tưởng rằng vào tự vệ là được tự do thỏa mãn mọi thú tính

của chúng. Chúng thường tránh thoát mọi sự kiểm soát của chính phủ, trong thực tế. Việc tuyển mộ chúng quá sơ sài, vì vậy, chúng thường chơi những trò tinh nghịch ngu xuẩn, ngông cuồng của tuổi trẻ khi chúng không được ai coi sóc.

Một sự làm tôi ngạc nhiên không ít. Giữ an ninh cho tôi bây giờ là bốn chị dân quân nữ du kích do Ủy ban cử đến. Hôm đầu tiên, họ vận đồng phục, nhưng kể từ hôm sau, họ vận quần áo phụ nữ bó sát vào người. Trong suốt thời gian tôi ở Sầm Sơn, họ thay nhau làm việc nội trợ và nấu bếp. Nhưng tôi vẫn phải lo phần đồ ăn, nên phải đi câu cá hàng ngày.

Tôi không có tin tức gì từ Hà Nội, nên cảm thấy thời gian quá lâu. Tôi phàn nàn với viên trưởng ty Công an tỉnh Thanh Hóa, khi đến thăm. Nhân dịp này, tôi cũng báo cho ông ta biết những sự thiệt hại do bọn tự vệ gây nên. Ông ta liền trao cho tôi một khẩu tiểu liên để tự vệ nếu cần.

Vài hôm sau, vào giữa tháng chạp tây, tôi được một viên đại biểu của Ủy ban tỉnh Thanh Hóa tới thăm. Nhân danh chính phủ, ông ta hỏi tôi có chấp nhận ứng cử dân biểu tỉnh Thanh Hóa. Tôi đồng ý về nguyên tắc, nhưng nhắc lại sự mong muốn của tôi là được trở về Hà Nội. Ông ta mới đặt câu hỏi cho tôi như sau:

— Thưa Ngài, nếu Ngài ứng cử thì Ngài sẽ đứng dưới đoàn thể nào ạ?

— Đảng Cộng sản, tôi đáp có nhiễm chút khôi hài trước câu nói ấy.

— Thưa Ngài, không thể được ạ, ông ta trả lời tôi một cách rất trang nghiêm. Đảng Cộng sản đã tự giải tán do quyết định của Uỷ ban Trung ương ngày 11 tháng 11 rồi ạ.

Tôi chẳng biết gì, cũng như mù mịt tất cả mọi vấn đề ở Hà Nội từ ngày tôi lánh đi.

— Nếu thế, thì hãy đề tên tôi là ứng cử viên cộng hòa hạng nặng.

Trong ba tuần lễ liên tiếp, tôi không nghe thấy ai nói gì cả. Đùng một cái, ngày 7 tháng giêng, một phái đoàn đến báo cho tôi biết, cuộc bầu cử vào Quốc hội đã hoàn tất hôm trước, và tôi trúng cử đại biểu tỉnh Thanh Hóa với 92% số thăm. Họ mừng tôi đã đắc cử. Nên nhớ rằng, tôi cũng chẳng biết ngày giờ bầu, và tôi cũng chẳng đi bầu...

Nhưng nay thì tôi đã đắc cử rồi. Tôi yêu cầu họ báo cho Ủy ban tỉnh Thanh Hóa là tôi muốn chóng được về Hà Nội, và dặn họ đổ xăng đầy đủ cho chiếc xe của tôi.

Tám hôm sau, tất cả đều được thuận buồm xuôi gió, và tôi rời bỏ Sầm Sơn, với sự thơ thới hân hoan.

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

Chiều hôm ấy, tôi trở về căn nhà cũ, ở đường Gambetta (nay là đường Trần Hưng Đạo) ở Hà Nội.

Từ ngày tôi ra đi, đã ba tháng qua, tình thế đã sáng sủa hơn trước nhiều. Dưới áp lực của hoàn cảnh — trong tháng 11, có nhiều sự kiện rắc rối, làm chết nhiều người — và dưới sự thỏa thuận của hai bên, do Tiêu Văn giật giây, ngày 19 tháng 11 Hồ Chí Minh bắt buộc phải nhượng bộ. Trước hết, là sự giải tán đảng Cộng sản, để chứng tỏ rằng các đảng viên đảng Cộng sản, vẫn tự coi là đảng tiền phong của dân tộc, đã sẵn sàng hy sinh tất cả cho nền độc lập quốc gia.

Mỗi ngày một lo ngại trước những hành động chính trị của người Tàu, Hồ Chí Minh chỉ còn muốn làm sao rũ được sự có mặt của họ ở miền Bắc Việt Nam. Như vậy, ông ta như sẵn sàng gần người Pháp, như đã từng bóng gió nói cho tôi biết trước kia. Ông ta được biết, có bọn đặc vụ Pháp đã đến Trùng Khánh vào đầu tháng giêng, để điều đình thẳng với Tưởng Giới Thạch, sự thay thế quân Tàu bằng quân Pháp. Bởi vậy, đúng vào ngày bầu cử Quốc hội hôm

6 tháng giêng, ông ta đã ra một bản tuyên ngôn do báo chí Pháp nhắc lại đại để như sau:

"Chúng tôi không có hận thù gì nước Pháp và nhân dân Pháp. Chúng tôi rất khâm phục họ, và chúng tôi không muốn cắt đứt sợi giây từng nối chặt hai dân tộc chúng ta..."

Cũng phải nói thêm rằng, thành phố đầy nhóc người Tàu. Không thể đếm xuể số Tướng Tàu, vì nhiều quá. Chiều nào cũng tổ chức tiệc tùng để thết đãi chúng. Nhân viên chính phủ đều đi dự. Và nhiều lần tôi nhận thấy, Chủ tịch đáng kính Hồ Chí Minh không phải rất thanh đạm như người ta thường nói. Ông ta sẵn sàng dự các trò gọi là *kempe* (thú uống rượu?) và đốt thuốc lá Hồng Kông hết điếu này sang điếu khác.

Mặc dù sự cùng khổ của dân chúng, và có lẽ một phần vì sự khốn khổ ấy, nên thành phố đầy những chợ đen và buôn lậu. Một trong số này là việc đổi tiền *Rồng xanh, Rồng vàng* ‡.

Một nghị định của viên Cao ủy Pháp ở Sài Gòn, ký vào tháng 11, ấn định sự thâu hồi tất cả giấy bạc 500 đồng, phát hành vào thời kỳ chiếm đóng của quân đội Nhựt. Những người Tàu vớ được cả đống giấy này trong thời gian sang miền Bắc, được ưu đãi là nghị định của Sài Gòn không áp dụng cho miền Bắc kể từ vĩ tuyến 16 trở đi. Giấy vứt đi ở miền Nam, đem ra Bắc vẫn đổi y nguyên cùng giá, không thay đổi. Khi ở Sầm Sơn trở về, tôi hoàn toàn hết sạch. Đồng ý là tôi được nuôi ăn và ở, nhưng tôi chẳng có một đồng lương nào. Tôi liền viết thư cho mẫu thân tôi, và khi hồi âm tôi nhận được hai tờ giấy 500 đồng kỳ diệu ấy.

‡ Rồng vàng: Giấy 500$ giữ y nguyên giá trị, Rồng xanh: Giấy 500$ bị hủy bỏ.

Thế là tôi lúng túng với số 1000 đồng này, chẳng biết dùng để làm gì. Tôi liền đưa cả cho Phạm Văn Đồng, bộ trưởng bộ Tài chánh, và bảo ông ta đổi cho. Hôm sau, người ta mang đến cho tôi một phong bì do Đồng trao lại. Phong bì này đựng 2000 đồng bằng giấy nhỏ. Tôi nghĩ rằng có thể đã có sự nhầm lẫn. Tôi liền đến bộ Tài chánh để báo, và trả lại chỗ thừa cho Phạm Văn Đồng.

Ông ta đáp:

— Không có lầm đâu, thưa Ngài.

— Sao thế. Tôi đưa cho ông 1000 đồng mà ông lại đổi cho tôi thành 2000. Nếu như vậy mà ông điều khiển tài chính quốc gia, thì nước Việt Nam làm sao mà giữ quân bình kinh tế được?

— Thưa Ngài, tôi biết rõ tình hình tài chính của Ngài. Ông ta vẫn khăng khăng đáp lại, nhưng đây là một ngoại lệ mà tôi muốn biếu Ngài.

Tôi không rõ cái ngoại lệ này có xảy ra luôn luôn hay không?

Ít lâu sau ngày tôi từ Thanh Hóa trở về, vào dịp Tết, ở Nhà Hát lớn có cuộc hội họp quan trọng, gần như là một đại nghị. Hồ Chí Minh mời tôi tham dự bên cạnh ông ta. Tôi mới hiểu rằng, trong thời gian tôi vắng mặt, khá lâu, dân chúng đã thắc mắc lo ngại về số mạng của tôi, mà chính phủ thì không thể nói rõ ra được. Vậy tôi nên tham dự buổi biểu dương này. Chung quanh Nhà Hát lớn, dân chúng đã chen chúc nhau đông đặc. Sau vài bài diễn văn, nhân viên chính phủ giải tán. Tôi bảo người em họ Tường, đi theo tôi:

— Hãy để dân chúng tản bớt đi đã, rồi hãy tìm xe đón.

Nhưng khi tất cả nhân viên chính phủ đã đi hết, dân chúng vẫn đợi, không chịu giải tán. Thì ra họ đợi tôi, họ muốn được nhìn thấy tôi. Khi tôi bước ra, thì đó là cả một

sự vỡ bờ. Họ xô nhau tràn đến chỗ tôi, chìa con bé ra để tôi sờ mó, xoa đầu chúng. Mặc dầu đã thoái ngôi, mặc dầu xa vắng, mặc dầu cách mạng, bao giờ cũng vẫn là sự tôn kính của thần dân đối với bản thân của vị Thiên tử của họ.

Trong những ngày kế tiếp, tôi được biết rằng, sự biểu dương kia không được chính phủ hoan nghênh, và họ tự hỏi, sao lại để tôi ở Sầm Sơn lâu như vậy.

Một buổi chiều Hồ Chí Minh bảo tôi:

— Thưa Ngài, trong thời gian Ngài vắng mặt, chúng tôi đã nhân danh Ngài để gửi một thông điệp cho nước Pháp. Đây thưa Ngài bản thông điệp ấy.

Ông ta chìa ra một tờ giấy trên đó, tôi đọc:

"Thông điệp của Hoàng thân Vĩnh Thụy, cựu Hoàng đế nước Việt Nam, gởi cho nước Pháp,

"Đầu tiên, tôi xin tỏ bày cùng chính phủ Cộng hòa Pháp Quốc, và tôi trân trọng thông báo rằng, tại Việt Nam, đã thiết lập một nước dân chủ cộng hòa. Năm 1940, chính phủ thuộc địa Đông Dương đã trao hết nước tôi cho phát xít Nhựt. Nhưng sau năm năm chiến đấu dũng cảm với người Nhựt, chúng tôi đã giành lại được nền độc lập của chúng tôi, kể từ ngày 20 tháng 8 năm 1945.

"Để quyền lợi của tổ quốc lên trên ngai vàng của tổ tiên tôi, và muốn được làm công dân một nước độc lập hơn là làm vua một nước nô lệ, tôi tự nguyện bằng quyền lực của mình, thoái vị ngày 25 tháng 8 vừa qua. Chính phủ Dân chủ Cộng hòa Việt Nam đã tuyên bố sự hình thành và chấp chính vào ngày 26 tháng 8.

"Trước thực tế đó, nước Pháp lẽ ra cử đến nước cộng hòa trẻ tuổi của chúng tôi, những nhà ngoại giao bạn, lại sai những sĩ quan tình báo, có dụng ý rõ rệt là tái đặt trong nước tôi, nền bảo hộ áp bức cũ. Nhiều binh sĩ nhảy dù được thả xuống nhiều nơi trên đất nước tôi, và được lệnh tái chiếm lấy các cơ sở hành chính và các căn cứ quân sự.

"Chính phủ chúng tôi cực lực phản đối sự khiêu khích đó. Ở vị trí cố vấn của chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tôi kêu gọi chính phủ Pháp nên ý thức trách nhiệm về sự có thể xảy ra chiến tranh giữa hai nước chúng ta.

"Tôi xin các nhà di dân cứ muốn bám lấy chủ nghĩa đế quốc lỗi thời, với tất cả thành thật, tôi muốn nói hết sự thật liên hệ đến dân tộc chúng tôi. Nền độc lập này và nền tự do này mà dân tộc này đã thu hồi lại được, nền độc lập mà họ đã phải trả với giá xương máu của họ, nền tự do mà họ đã đoạt lại được sau hai mươi năm tranh đấu không ngừng, dưới nền đô hộ của Pháp. Dân tộc tôi cương quyết bảo vệ nền độc lập và tự do ấy, bảo tồn nó, dù cho phải hy sinh đến đứa con cuối cùng của họ.

"Nhưng tin tưởng trở lại với tôi, khi tôi nghĩ đến dân chúng nước Pháp. Tôi biết dân tộc ấy, dân tộc vốn yêu chuộng tự do, luôn mong mỏi một nền hòa bình cho tất cả thế giới. Tôi đã sống trong suốt thời niên thiếu ở giữa lòng dân tộc cần cù, yêu chuộng độc lập và lẽ công bình ấy. Tôi tin rằng, lời kêu gọi của tôi đối với các người bạn của công bằng, hầu tiết kiệm cho hai nước chúng ta, những điều không may, không phải là vô ích, và lời kêu gọi ấy chẳng phải rơi vào chỗ vắng trong sa mạc.

"Tôi biết rằng, trong suốt tám mươi năm đặt nền đô hộ lên khắp nước tôi, rất nhiều nhà trí thức Pháp, theo tinh thần cao cả của nước Pháp, đã lên tiếng phản đối sự đàn áp vô nhân đạo mà chúng tôi là kẻ nạn nhân.

"Hỡi dân tộc Pháp, con dân của xứ sở tự do, giòng giõi của các bậc anh hùng liệt sĩ, của nền Cách mạng 1789, chúng tôi tin cậy nơi các bạn. Liệu các bạn có tha thứ cho

bọn phát xít tà gian bôi đen lên trang sử oai hùng của nước bạn? Hãy đứng cả dậy, và hãy ngăn cản mộng tranh bá đồ vương của họ. Nếu bạn có bè bạn, anh em, chồng ở trong hàng ngũ thực dân Pháp ở Viễn Đông, chỉ biết mơ tưởng đến chinh phục và đô hộ, hãy kêu gọi họ trở về.

"Hỡi dân chúng Pháp, quí bạn đã hiểu được ý nghĩa của mục đích mà Đồng minh theo đuổi. Quí bạn đã, trong một phần nào, góp phần thực hiện mục đích ấy. Xin quí bạn hãy làm sao để có một ngày nhớ lại trận chiến này, quí bạn có thể coi như là trận chiến để giải phóng cho khắp nhân loại.

"Dù xa cách nhau hàng nghìn cây số, tôi xin mời các bạn cùng tôi, chúng ta tay nắm tay, nhảy hòa bình với nhau để mừng cho nền hòa bình và tình hữu nghị giữa hai dân tộc chúng ta.

"Vĩnh Thụy.

"Ký tên: Hoàng thân Vĩnh Thụy, cựu Hoàng đế Bảo Đại, cố vấn tối cao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa."

Tôi không hiểu được ai là người nhận bức thông điệp này, và bằng cách nào để thông điệp được gửi đi. Tôi mong rằng người nhận được bức thông điệp ấy đã hiểu được không khó khăn, đây chỉ là một văn thư ngụy tạo với tên tôi mà thôi. Dù sao nữa, họ sẽ không nhận được cách hành văn của tôi. Tất nhiên là loại thông điệp này thường thường vẫn được gởi tới các tổ chức "dân chủ" của các nước khác... Và tôi tin chắc rằng, tôi không phải là người thứ nhứt và độc nhứt bị đem ra để lợi dụng.

Vậy thì chính phủ Pháp quyết định cử ông Giáp đi thanh tra các tỉnh, với tư cách là bộ trưởng bộ Nội vụ. Ông ta phải đi đến tận biên giới miền Nam. Tôi đề nghị cùng đi với ông ta, nhưng có lẽ họ lo ngại sự hoan hô tôi ở mọi nơi,

nên đề nghị trên không được chấp thuận. Giáp liền thưa với tôi rằng:

— Thưa Ngài, khi tôi về, tôi sẽ báo cáo với Ngài sau cũng được.

Một tuần sau, trong khi tôi đang ăn sáng, thì có người gọi cửa. Đó là Giáp, ông ta bảo tôi rằng: Tôi vừa mới đi các tỉnh về...

— Hãy ngồi xuống, ăn đi đã...

Ông ta có vẻ bực bội, cúi xuống ăn và không nhìn tôi. Tất nhiên, xưa nay ông Giáp vốn là người kín đáo, nhưng ngày hôm nay, mặt lại càng xịu xuống. Tôi để yên cho ông ta ăn, và không hỏi gì thêm. Khi ông ăn xong, tôi hỏi:

— Thế nào?

— Cần phải thực tế, thưa Ngài. Ông ta trả lời nhưng đầu vẫn cúi xuống.

— Anh định nói gì?

— Tôi muốn nói là, cần phải chịu thằng Pháp vậy.

— Dù sao, thì cũng không đến nỗi lại trở lại thời đô hộ cũ, chắc thế?

— Có khi vẫn phải trở lại, nếu cần.

Trước câu trả lời lạ lùng đó, tôi kêu lên:

— Thật tôi không thể hiểu nổi các anh. Tôi nhận độc lập từ tay Nhựt. Tôi thoái vị. Tôi rời khỏi quyền hành cho các anh, thế mà bây giờ, các anh lại đi thụt lùi...

— Làm cách nào bây giờ thưa Ngài? Ở miền Nam, bọn Tây đã phá guồng máy mà bọn tôi mất bao công quả để đặt ra. Nay chúng lại nắm lấy lại được hết. Chẳng bao lâu, chúng sẽ đổ bộ ra Bắc. Chúng ta làm cách nào để chống lại đây? Chúng ta có quân đội, nhưng không có đạn.

Được nhẹ nhõm vì lời thú thật đó, Giáp mới kể cho tôi nghe cuộc thanh tra của ông. Khi đến Vinh, có một sự kiện làm ông ta chú ý. Khi ông ta tới đây, nhân viên ủy ban có hỏi thăm về tôi. Sau khi trấn an họ là tôi vẫn khỏe, và nói thêm rằng, ông ta là đại diện chẳng những của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà còn là đại diện cả cho tối cao cố vấn chính phủ nữa. Thế là hôm sau, trong một cuộc lễ lạc, ông ta không khỏi ngạc nhiên thấy một người vác một chiếc lọng chạy theo sau để che đầu cho ông ta. Lọng che đầu vốn là một nghi trượng của quyền hành.

Tôi bảo:

— Chẳng có gì là lạ lùng cả. Vì anh nói anh là đại diện cả cho tôi, thì họ phải dùng nghi biểu của Thiên tử để đối với anh, thế thôi.

Mấy ngày sau, tôi thấy sự bối rối của Hồ Chí Minh và phe nhóm của họ. Tôi biết rằng, ông ta cùng với Giáp thường xuyên đến gặp Sainteny, để bàn về việc trở lại của quân Pháp, và đang điều đình để chia xẻ quyền hành giữa hai bên Pháp và Việt. Thật khác xa lúc ban đầu. Thế thì hai chữ *"độc lập"* sẽ đi đến đâu? Đối với một số người, hành động mới này có thể bị coi là phản quốc, và mặc dù còn chút quyền hành Hồ Chí Minh sẽ gặp phải sự chống đối nặng nề. Sự chống đối này được người Tàu nâng đỡ, và do các đảng đối lập mà ra, là Đại Việt, Việt Nam Quốc Dân Đảng, Cách Mạng Đồng Minh Hội. Tất cả đều đồng thanh đòi "tống cổ bọn Việt gian, đã bán rẻ nền độc lập" này. Tôi biết rằng tên tôi thường được nhắc đến nhiều lần trong các cuộc điều đình. Một cuộc biểu tình đã được dự trù để mời tôi ra chấp chính, cầm đầu quốc gia.

Ngày 27 tháng 2, mới 7 giờ sáng, tiếng chuông điện thoại reo vang. Đó là Hồ Chí Minh gọi tôi:

— Thưa Ngài, tôi có thể đến gặp Ngài ngay bây giờ?

Thấy tôi bảo được, ông ta đến ngay. Trông ông ta tuyệt vọng ra mặt, và người tiều tụy bé nhỏ hẳn lại hơn thường nhựt. Mới vào, ông ta bảo tôi:

— Thưa Ngài, tôi không biết làm thế nào bây giờ? Tình thế rất khó khăn. Tôi biết chắc rằng bọn Pháp không muốn điều đình với tôi. Tôi không được Đồng minh tín nhiệm. Ai cũng thấy tôi quá *"đỏ."* Vậy tôi xin Ngài, làm cuộc hy sinh thứ hai là Ngài nhận lại quyền hành như trước.

— Tôi đã nhận thoái vị, và tôi không bao giờ muốn trở lại nữa. Hẳn Cụ biết, tôi không có tham vọng chính trị nào, và tự đặt một cách thành tín dưới quyền điều khiển của chính phủ dân chủ cộng hòa...

Ông ta nài nỉ:

— Ngài thay chỗ cho tôi, và tôi lại trở thành cố vấn thay Ngài...

— Thế nhưng ai trao quyền cho tôi bây giờ?

— Ngài sẽ được Quốc hội tấn phong, y như kiểu tất cả bên chính phủ dân chủ thường làm.

— Thế nhưng tôi có quyền tự do lập chính phủ theo tôi, hay là phải lấy các nhân viên của Cụ?

— Ngài được tự do hoàn toàn để lấy ai, tùy Ngài. Ông ta trấn an tôi như vậy.

— Nếu Cụ cho rằng, quyền lợi và nền độc lập của quốc gia đòi hỏi, thì tôi nhận. Nhưng tôi xin Cụ để cho tôi một chút suy nghĩ và thăm dò các bạn hữu của tôi đã.

Từ biệt ông ta, tôi dùng điện thoại gọi ông Nguyễn Xuân Hà và Trần Trọng Kim và bảo họ rằng:

— Tôi có một đề nghị quan trọng muốn bàn với các ông. Hãy tập họp ngay với các bạn bè, tôi sẽ đến sau.

Đến tám giờ rưỡi, tôi đến nhà họ. Tôi cho họ biết sự nói chuyện giữa Hồ Chí Minh với tôi, đề nghị của họ Hồ. Tôi bảo họ:

— Các ông có cho rằng, đây là một cái bẫy sập?

Không ai nghĩ là thế, và Trần Trọng Kim bảo tôi:

— Ai cũng biết rằng Việt Minh đang thường xuyên gặp gỡ Sainteny, và sự chuẩn bị ký kết với Pháp đang được bàn cãi. Đề nghị của Hồ Chí Minh là thành thực, nếu ông ta không ký được các khoản ấy. Theo ý tôi, thì thưa Ngài, Ngài nên nhận lời.

Đến 10 giờ sáng, Hồ Chí Minh lại gọi tôi, và thúc dục tôi nhận lời.

— Ngài đã gặp các bạn chưa? Xin Ngài đừng để mất thời gian, và xin cho biết danh sách để trình trước Quốc hội.

Đến trưa, tôi gọi cho ông ta và bảo là tôi đồng ý. Trong thời gian chờ đợi này, tôi hiểu là một trong bọn người của họ vừa thảo luận với tôi, đã liên lạc được với Thiếu tá Buckley, của cơ quan OSS. Viên này không tỏ ý ngạc nhiên gì về thái độ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, và đã hứa là người Mỹ sẽ trung lập về vấn đề này, vì đó là thuộc hoàn toàn nội bộ của Việt Nam.

Đến 13 giờ, thì chuông điện thoại lại reo. Hồ Chí Minh mời tôi đến gặp ông ta.

Khi tôi đến, tôi nhận thấy thái độ khác hẳn của ông ta. Ông có vẻ như bị bất mãn, mà nay đã lấy lại được thăng bằng.

— Thưa Ngài, xin Ngài hãy quên những điều tôi nói ban sáng. Tôi không có quyền từ bỏ trách nhiệm, vì hoàn cảnh khó khăn. Trao trả lại quyền cho Ngài lúc này, có thể coi như sự phản bội của tôi. Tôi xin Ngài tha lỗi cho một

phút yếu lòng, và đã nghĩ trong trường hợp này, trả lại trách nhiệm cho Ngài, tôi đã nghĩ đến từ nhiệm, nhứt là do sự đối lập của các đảng phái quốc gia, đối với các điều khoản mà tôi sẽ ký với Pháp.

Như vậy thì cái gì đã xảy ra lúc 10 giờ đến 13 giờ?

Tôi nghĩ rằng, sự thay đổi thái độ của họ Hồ, là do được sự bảo đảm của Moscou, qua phái đoàn Ba Lan, thay mặt họ, hiện đóng ở Hà Nội.

Có lý hơn, chắc do Tướng Tiêu Văn đã gây nên trò Lục Sở này. Hẳn là Tiêu Văn được thuyết phục bởi cái chất liệu loảng xoảng mà bọn Việt Minh đã đấm mõm, nên anh ta đã dùng Lư Hán làm áp lực với phe quốc gia — nhứt là với Việt Nam Quốc Dân Đảng — để buộc họ phải tham gia vào chính phủ. Như vậy, họ sẽ phải chịu chung trách nhiệm về chữ ký trong bản hiệp định giữa người Pháp và Việt Minh, làm cho Việt Minh khỏi mang một mình trách nhiệm trước công luận.

Kể từ phút ấy, Hồ Chí Minh yêu cầu tôi cùng làm việc với ông ta trong các dự thảo các bản hiệp định quí hóa này. Chiều nào trong một tuần lễ liền, chúng tôi cũng gặp nhau. Ý thức được sự yếu ớt của mình và của Việt Minh, Hồ Chí Minh rất băn khoăn muốn tiến tới một kết quả. Đối với ông ta, nhờ hiệp ước ký với Pháp, ông ta sẽ rũ được bọn Tàu. Đó là mục đích chính và duy nhứt mà ông ta theo đuổi: Đuổi Tàu ra, rước Pháp vào. Nhưng trong cùng thời gian, ông lại muốn Tàu hãy cầm chân Pháp, hãy ra chầm chậm, để được bảo đảm nhiều hơn nữa.

Trong những ngày ấy, tình hình khá sôi nổi ở Hà Nội, và đã có nhiều đụng chạm xảy ra. Những sự gặp gỡ giữa Hồ Chí Minh, với người Tàu, người Pháp tăng mãi lên. Trái

với tất cả những điều đã xảy ra tự khi tôi đến Hà Nội, tôi hoàn toàn mù tịt, không tiếp xúc với ai, kể cả Tàu và Pháp.

Hồ Chí Minh vừa được sự đồng tình của các đảng phái, không muốn để mặc sự việc tự ý xảy ra, liền quyết định cử một phái đoàn đến gặp Thống chế Tưởng Giới Thạch ở Trùng Khánh. Ông ta mời tôi tới, và yêu cầu tôi nhân danh cố vấn tối cao chính phủ, để cầm đầu phái đoàn, vốn đại diện cho mọi xu hướng chính trị khác nhau. Ông ta sợ bị các tướng quân phiệt Tàu phản bội, và mong rằng sự có mặt của tôi và thành phần của phái đoàn sẽ làm cho Thống chế có thiện cảm với chính phủ lâm thời. Thế mà Trùng Khánh vừa thỏa hiệp cho phép quân đội Pháp được đổ bộ ra Hà Nội. Sainteny đã báo cho Hồ Chí Minh biết. Hơn nữa, Trùng Khánh không bao giờ công nhận chính phủ của chúng tôi. Trong trường hợp ấy, tôi không thể nào nhận được công tác và giải thích với chủ tịch:

— Cụ không nên mạo hiểm thế được. Với hiệp ước vừa mới ký giữa Trùng Khánh và Pháp, Tưởng Giới Thạch sẽ không tiếp tôi. Như vậy, thì cả Cụ lẫn tôi, đều mất mặt.

Hồ Chí Minh cho là đúng, và chúng tôi đến chỗ ấy, nhưng ông ta vẫn cử một phái đoàn không có tôi trong đó.

Ngày hôm sau, khi tôi vừa ra cửa, tôi gặp một viên tướng Tàu, vốn là hàng xóm của tôi ở đường Gambetta. Hình như ông ta đã biết đề nghị của ông Hồ về việc này, ông ta nói, nhanh nhẩu:

— Thế nào, sao Hoàng thượng lại không muốn sang Trung Hoa? Thật đáng tiếc. Hoàng thượng nên lợi dụng cơ hội này, dù chỉ là một chuyến đi chơi.

Thế rồi ông ta nói nửa đùa nửa thật:

— Với tất cả bọn điên này, người ta không hiểu rồi sẽ đi đến đâu?

Điều nhận xét cuối cùng này làm tôi suy nghĩ. Biết đâu cuộc gặp gỡ này, chẳng phải tại lòng trời. Sự can thiệp của ông ta có thể là một lời mời trá hình, của Thống chế Tưởng Giới Thạch.

Cũng ngày hôm ấy, quân đội Pháp đổ bộ Hải Phòng và đã có chạm súng nặng nề, có nhiều người chết. Tôi cần phải giữ mình cho tương lai. Người Pháp đã quyết định điều đình với Hồ Chí Minh, sự có mặt của tôi không nên làm cản trở tình thế. Vì nước Pháp đã tỏ ra tin cẩn bọn cựu tù nhân, rồi người ta sẽ hiểu, còn tôi thì chẳng nên dính líu vào việc này. Tôi liền tự liệu. Ngày hôm sau, tôi đến trụ sở của chính phủ, để gặp Hồ Chí Minh và bảo ông ta:

— Cụ chẳng cần đến tôi ở đây. Giáp và Đồng sẽ giúp đỡ cụ. Tôi đi chơi một chuyến sang Tàu.

— Thưa Hoàng thượng, được lắm. Ông ta trả lời tôi với sự hài lòng. Ngài có thể đi chơi, rất bình thản. Đừng ngại gì, vì chúng ta đang làm việc cho hạnh phúc của nhân dân Việt Nam.

Các chuyến bay với nước Tàu, lúc ấy không nhiều. Cuối cùng, tôi đi cùng với phái đoàn chính phủ. Phái đoàn này gồm sáu người: bốn đại diện cho Việt Minh và hai là người của Việt Nam Quốc Dân Đảng.

TẠM NGHỈ Ở TRUNG HOA

Ngày 16 tháng 3 năm 1946, tôi rời Hà Nội. Chiếc DC-3 chở chúng tôi, đầy nhóc hòm xiểng, có lẽ chứa toàn đồ đã thổ phỉ được, do khoảng mười hai sĩ quan Tàu áp tải kèm. Bọn này chiếm những chỗ tốt trong máy bay, còn phái đoàn của chúng tôi thì bị nhét xuống dưới, gần nơi chứa đồ ở cuối tàu. Sáu người trong phái đoàn này, đều lạ hoắc đối với tôi, trừ có một người, hình như đã gặp được ở đâu rồi. Đây là lần đầu tiên trong đời họ đi máy bay, nên không che dấu được sự e ngại, lo âu.

Máy bay lượn trên những đồng ruộng vuông như bàn cờ, cắt ngang bởi giải sông Hồng, rồi men theo châu thổ sông Lô của vùng thượng du Bắc kỳ. Sau đó, qua dãy núi trọc nhấp nhô, thì đến vùng đồng bằng của tỉnh Vân Nam. Mất ba giờ bay, kể từ lúc ra đi, chúng tôi đáp xuống phi trường Côn Minh, ở trên độ cao 2000 thước.

Trời mát mẻ và khô ráo, khác hẳn khí hậu ẩm ướt của Bắc kỳ.

Chiếc DC-3 này chỉ đi tới đây mà thôi. Chúng tôi phải sang máy bay khác, để đi Trùng Khánh, nhưng phải chờ cả tuần mới có máy bay khác.

Cuối cùng, ngày 23, chúng tôi tới Trùng Khánh nơi có chính phủ trung ương. Cuộc đáp xuống khá vất vả. Phi trường được cất trên một giải đất hẹp giữa sông Dương Tử Giang, và một nhánh của nó là sông Gia Linh (Kialing) để gặp đổ vào nhau ở đầu kia.

Để tránh cho khỏi bị ngập lụt, trong những vụ nước lớn, phi đạo được lát bằng những phiến đá lớn, nên rất sóc khi bánh máy bay chạm đất.

Từ sân phi trường một bệ cao tới 300 bực đưa đến thành phố. Khi vừa đặt chân lên hết bệ đá, thật là một ổ kiến người đông nghẹt chen chúc nhau. Thành phố đông tới ba triệu dân. Qua nhiều phố hẹp, có những cổng xây ngang, chúng tôi được đưa đến khách sạn *Tứ Thời* là khách sạn sang trọng nhứt của thủ đô. Tôi ở một phòng khá rộng, còn sáu vị đồng hành thì chia nhau ba buồng khác vẻ tiều tụy. Danh từ *Tứ Thời* thường gặp rất nhiều ở Trùng Khánh vì thời tiết của lục địa để hiển hiện rõ ràng: Mùa xuân về ban sáng, mùa hạ về ban trưa, mùa thu về ban chiều, và mùa đông về ban tối.

Đến ngày hôm sau nữa, viên bí thư Quốc dân đảng đã cho lời mời của Thống chế Tưởng Giới Thạch, đến mời tôi dự tiệc ban chiều. Giấy mời được đề là gửi cho Hoàng đế Bảo Đại, và không có nhắc gì đến phái đoàn cả.

Thống chế ngụ ở trong Cấm thành, có nhiều tường bao quanh, làm tôi nhớ đến hoàng cung ở Huế. Một chiếc xe ô tô, có tài xế, đến đón tôi ở khách sạn. Bí thư Quốc Dân Đảng là ông Chan tiếp đón tôi. Ông này là cựu sinh viên

trường thày dòng ở Đại học đường Bình Minh (Aurore) ở Thượng Hải nói tiếng Pháp rất thạo.

— Kính tâu Hoàng thượng, sự chiếu cố của Hoàng thượng đến ngôi nhà này thật là một điều vinh hạnh lớn, chủ nhân nói nếu được Hoàng thượng ngụ luôn ở đây. Thật là một điều vô cùng quí báu mà tôi nhận được bức điện tín của Tướng Tiêu Văn, và nếu được Hoàng thượng cho phép tôi là kẻ dẫn đường, tôi xin kính đưa Hoàng thượng đến tận nơi dự tiệc.

Trong phòng đại khánh tiết, đã túc trực sẵn một số tướng lãnh và nhân vật cao cấp của chính phủ, ai nấy đều vận lễ phục. Y như một vở kịch được tập dượt rất khéo, đúng lúc tôi vừa đến cửa, thì Thống chế Tưởng Giới Thạch cũng từ phía cửa kia bước ra. Thống chế tiến tới phía tôi, tỏ vẻ vô cùng kính trọng, và rất lịch sự quí phái, trong chiếc áo thêu dài tới gót chân. Người rất là trịnh trọng và lễ độ tuyệt vời. Trong suốt bữa tiệc, ông đã tỏ ra rất thành thạo về tình hình ở Việt Nam. Ông Chan làm thông ngôn.

Trong suốt thời gian ấy, phái đoàn cứ dậm chân tại chỗ, và không ai buồn chú ý tới. Người trưởng phái đoàn đến yêu cầu tôi can thiệp để được tiếp kiến, vì đợi đã lâu ngày. Tôi đã cố gắng thuyết phục viên bí thư của Quốc dân đảng Tàu xin giúp cho phái đoàn, và tôi giải thích cho ông ta:

— Sự đoàn kết quốc gia hiện nay đã được hình thành ở Việt Nam, và phái đoàn đi chung với tôi, gồm đại diện của tất cả hai đảng lớn đang cầm quyền ở Việt Nam. Ai cũng là những người bạn trung thành của chính phủ Trung Hoa cả.

Ông Chan đáp:

— Thưa Hoàng thượng, phái đoàn này có nhiều người cộng sản, và người cộng sản thì không thể nào bạn với nước Trung Hoa Dân Quốc được...

Cuối cùng, sau nhiều ngày chờ đợi, phái đoàn chỉ được tiếp trong một ngôi chùa ở giữa thành phố.

Nhân viên phái đoàn đã trở về, vô cùng thất vọng, Thống chế Tưởng Giới Thạch chỉ đến đủ để nghe đọc bức thông điệp của Hồ Chí Minh, rồi sau mấy câu cám ơn khô khan, thống chế chỉ nói vắn tắt rằng nước Trung Hoa đã tham chiến cạnh Đồng Minh và đang đứng trong hàng ngũ "Tứ cường" chỉ muốn trông thấy ở giáp biên thùy mình những nước láng giềng thân hữu mà thôi...

Vài hôm sau, Tướng Marshall vừa thay thế Tướng Hurlet được hai tháng, tỏ ý muốn gặp tôi. Tôi liền đến thăm ông ở văn phòng.

Ông rất quan tâm đến vấn đề Việt Nam, và muốn tự tôi nói ra, đầu đuôi cuộc cách mạng đã đưa Việt Minh lên nắm chính quyền. Tôi kể cho ông nghe các tình tiết từ tháng tám và tháng chín vừa qua, và nhấn mạnh rằng cuộc trao quyền không gặp vướng vấp khó khăn nào ở Hà Nội. Tôi cũng nhắc lại cho ông rõ rằng, tôi tự ý lẩn đi mà thoái vị, cho Việt Minh hưởng lợi, chính là để tránh mọi đổ máu mà thôi. Tôi cũng có ý tỏ cho ông biết, tính chất quốc gia, toàn dân tự đặt dưới quyền điều khiển của Hồ Chí Minh, vì tất cả người Việt Nam nào cũng đều mong muốn cho nước nhà được độc lập và thống nhứt, đúng như nguyện vọng của họ.

Viên tướng này từng đóng vai trò hòa giải giữa hai lãnh tụ Trung Hoa là cộng sản Mao Trạch Đông với quốc gia Tưởng Giới Thạch, để đem lại hòa bình cho Trung Hoa, mới đặt câu hỏi cho tôi rằng:

— Thưa Hoàng thượng, Hoàng thượng có thể cho tôi biết ý kiến về Quốc dân đảng Tàu?

— Thưa Đại tướng, tôi biết rất ít, và cũng không thành thạo lắm, để có thể đưa ra một ý kiến giá trị được. Nhưng tôi đã trông thấy những hành động của các ông tướng Tàu và binh sĩ của họ khi sang Bắc kỳ, thì tôi thấy cũng không mấy sáng sủa. Tôi e rằng nếu toàn quốc cũng đều như vậy.

Chúng tôi từ giã nhau, sau câu nói đó.

Tôi cảm thấy trước rằng, nước Việt Nam với tân chế độ này, không được cảm tình của cả Tàu và Mỹ. Riêng đối với Trung Hoa, giữa lúc mà Tưởng Giới Thạch phải đương đầu với cuộc nội chiến vừa mở ra đối với phe cộng sản của Mao Trạch Đông, thì lẽ dĩ nhiên ông ta không bao giờ lại mong muốn ở biên giới phía Nam của mình, có một nước cũng theo cùng chủ nghĩa với kẻ thù nội địa của ông. Trước thất bại ấy, phái đoàn chuẩn bị trở về Hà Nội. Tôi cũng quyết định đi cùng một chuyến máy bay ấy. Đã một tháng qua, kể từ khi chúng tôi rời Hà Nội. Ngày 15 tháng 4, chúng tôi lại trở lại Côn Minh. May mắn hơn kỳ đến, lần này đã có một chiếc máy bay sẵn sàng cất cánh đi Hà Nội ngay.

Trong khi chúng tôi sửa soạn để lên máy bay, thì một mảnh điện tín được mang đến cho tôi. Đây là bức điện của Hồ Chí Minh:

"Thưa Ngài, công việc ở đây đang tốt đẹp. Ngài có thể đi chơi nữa. Hơn nữa, Ngài sẽ rất có ích cho chúng tôi, nếu vẫn ở lại bên Tàu. Đừng lo ngại gì cả. Khi nào sự trở về của Ngài là cần thiết, tôi sẽ báo sau. Xin Ngài cứ tịnh dưỡng để sẵn sàng cho công tác mới.

Ôm hôn thắm thiết.

Ký tên: Hồ Chí Minh."

Ông chủ tịch không muốn tôi trở về. Tôi chào từ biệt phái đoàn, họ vội lên máy bay ngay.

Máy bay đã chỉ còn là một cái chấm ở chân trời. Trên căn cứ quân sự cũ của Mỹ này, tôi thật cô đơn. Tôi liền ngồi xuống bực lên xuống của phi trường, để định vị trí. Chẳng những tôi cô đơn, thui thủi một mình, mà còn hoàn toàn trơ trụi. Không một xu dính túi. Trong thời gian tôi nghỉ tại đây, chính phủ Trung Hoa lo liệu mọi mặt cho tôi. Nay chiếc va ly đựng hành lý cũng bay theo phái đoàn đi mất. Tôi không còn quần áo để thay nữa. Kể cả giấy tờ tùy thân. Trước hoàn cảnh ấy, tôi bỗng bật cười. Tôi mở tờ điện tín của Hồ Chí Minh ra đọc: *"... Ôm hôn thắm thiết."*

Quả nhiên, đây là tay đại hề, đóng kịch rất tài. Khi thì đạo mạo như cha già, khi thì thân thiết, rồi lại ẻo lả, yếu mềm, hay nghiêm trang, trịnh trọng, nhiều khi trào lộng, mỉa mai. Tất cả những ai đã ở gần ông ta, đều tự lừa, hay đã bị lầm. Người Mỹ, rồi Sainteny, thêm tôi nữa, ngay lúc ban đầu cái bản kia nữa. Khi tôi biết được quá khứ của ông ta, sự giao dịch đã rất trơn tru. Tôi biết ở trước mặt tôi, là ai rồi, sau cái mặt nạ này. Một chiến binh mác-xít, một kẻ đã chai đá sau hơn ba mươi năm chiến đấu, bị đảng chi phối, trói buộc chặt chẽ rồi, một chiến sĩ đầy thủ đoạn. Thừa khả năng chịu đựng, dám tất cả mọi sự lừa lọc, biết người, biết nhược điểm của họ, để khinh bỉ họ, kiên nhẫn cùng cực, và quyết theo đuổi kỳ cùng mục tiêu của mình. Sẵn sàng giả trá mọi mặt, nhưng cuối cùng thì quyết liệt, rắn như sắt. Đầy tế nhị, và thông minh, và bất nhân đến độ bạo tàn. Lúc nào cũng như sẵn sàng ôm ấp, yêu đương mình để bóp chặt kín đáo không ai có thể ngờ.

Theo đảng cộng sản Mác-xít do hoàn cảnh thực tế giai đoạn, bởi chủ nghĩa này trong chiến lược toàn cầu, nhận thấy sự nổi dậy của tất cả các sắc dân bị trị, nên ông ta

nhắm mắt tuân theo, không biết đến lý luận hay bàn cãi gì nữa. Khi đã vào đảng rồi, ông ta đã nhìn với nhãn quan của chủ thuyết này qua lăng kính một chiều của nó.

Bây giờ, ông ta cho rằng, sự trở về Hà Nội của tôi sẽ đem đến cho tôi nhiều bất trắc nguy hiểm. Người Pháp trở lại — chính ông ta đã ký kết với bọn này — đưa đến cho tôi những bất trắc ấy. Thật sự, sự có mặt của tôi chỉ làm cho ông ta khó chịu. Những cuộc hoan hô tôi, sự kính trọng của nhân dân vẫn tôn phò tôi như vị thiên tử, chính là trở ngại làm cho ông ta muốn rũ tôi đi cho rảnh mắt. Chính là lý do duy nhứt mà ông ta muốn tôi ra Sầm Sơn trước kia, mà nay thì ở nơi đây. Có người đã nghĩ rằng, ông ta muốn thủ tiêu tôi nữa. Có thể thật dễ để tôi sống, tôi còn có thể phục vụ cho quyền lợi và ý đồ của ông ta. Như vậy, thì còn có sự tôn phò nào quí giá hơn...

Tôi đang nghĩ tới đó, thì thấy một người đến đứng phía sau lưng. Ngoảnh đầu trông lại thì đây là một người Trung Hoa, vận âu phục, hơi có vẻ lớn hơn tôi ít tuổi. Ông ta cười và hỏi:

— Ông nói tiếng Pháp ạ?

— Dạ vâng. Tôi đáp, vì sung sướng được nói chuyện với bất cứ ai lúc ấy.

Ông này tự giới thiệu:

— Tôi là Yu, trước luật sư ở Paris.

— Tôi cũng đã theo học ở Pháp. Tên tôi là Vĩnh, sanh ở Việt Nam. Tôi đi du lịch và vừa lỡ chuyến bay...

— Thế ông ở đâu?...

Thấy tôi ngập ngừng, ông hiểu ngay hoàn cảnh của tôi, và nói nhanh:

— Xin mời ông đến nhà tôi ạ. Tôi là con của vị Thị trưởng ở đây. Ông cụ tôi mất được ít lâu nay, chính vì thế

mà tôi trở về nước. Rồi ông sẽ thấy nhà tôi khá rộng, và ông sẽ được hài lòng.

Tôi đã đến và được cả gia đình quí trọng. Nhà rộng, xây kiểu xưa, có bà Yu, và cụ nội ông ta, các anh chị em và nhiều gia nhân. Từ khi ông cụ chết đi thì gia chủ ngôi nhà là ông bạn này. Tất cả mọi người đã tỏ ra kín đáo và không ai dám thắc mắc gì.

Trong thời gian tôi đi với phái đoàn ở Côn Minh, tôi không có dịp đi thăm thành phố. Nay thì tôi có thể đi thăm, và Yu tỏ ra là người dẫn đường thành thuộc.

Côn Minh trước kia gọi là Vân Nam phủ, là một tiểu thủ đô về thời trung cổ. Thành phố rất đẹp, đường phố hẹp, nhà cửa mái ngói đỏ tươi, thời kháng chiến chống Nhựt đã đóng vai trò quan trọng. Thật vậy, vì nằm ở cuối con đường xe lửa Vân Nam do người Pháp thiết lập, để thông xuyên đến vịnh Bắc kỳ qua cửa bể Hải Phòng, đồng thời cũng là cửa ngõ quan trọng để thông với Miến Điện, mà người Anh lập nên, tốn kém không biết bao nhiêu tiền của. Người Mỹ đã thiết lập ở đây một căn cứ không quân, để tiếp viện cho Trung Hoa Dân quốc rất nhiều dụng cụ viện trợ. Cũng từ căn cứ này, xuất phát các tuyến bay cho mọi phi vụ cho khắp cả vùng Đông Nam Á châu.

Vì vậy, khi các binh sĩ Mỹ vừa bỏ đi, dân chúng cả triệu người vẫn còn sống trong sự phồn vinh, mặc dù giả tạo. Đường xá của tân thành phố còn đầy những xe nhà binh đủ loại: xe GMC, xe Jeeps, cả các xe dân sự nữa. Các cửa hàng cũng tràn ngập hàng hóa.

Nhờ sự hảo tâm của chủ nhân, tôi có thể mua sắm được mấy bộ quần áo để thay đổi. Trong một cửa hàng bán quần áo cũ, tôi đã mua đầy đủ một bộ cánh nhà binh: áo lót, áo sơ mi, quần, áo choàng, và thêm vào đó... sao lại không,

chiếc mũ ca-lô đầy huy hiệu sặc sỡ. Thay bộ đồ ngay tại chỗ, tôi lấy làm ngạc nhiên khi ra đường gặp các binh sĩ Trung Hoa nghiêm chào. Khi kể chuyện với ông Yu lúc về nhà, ông này cho biết, tôi đã vô tình vận bộ binh phục của viên Đại tá Không quân Mỹ. Thế là cả nhà reo mừng đùa là tôi mới được thăng chức nhanh chóng.

Ở nhà ông Yu, chúng tôi như sống lại cuộc đời du học sinh khi xưa ở Paris: đi chơi, đi câu và ban tối, xoa mạt chược liên miên. Nhưng sự nghỉ ngơi đó rồi cũng hết. Một hôm, chúng tôi vào một quán giải khát. Trong khi đang tìm chỗ, một thanh niên chạy đến bên tôi, chắp hai tay vái lạy, rồi lắp bắp:

— Tâu Hoàng thượng, Ngài vẫn còn được bình an...

Trước sự hoảng hồn của ông Yu, tôi vội vàng đỡ người này dậy. Đây là một thanh niên xứ Huế, trước kia thuộc phong trào thanh niên của Phan Anh, mà tôi đã có lần gặp gỡ.

Tôi phải giải thích cho ông Yu lý do sự ẩn danh của tôi. Chẳng những ông ta không đổi thái độ, mà còn mời luôn cả Bùi Minh cùng về theo. Người thanh niên này trước đây là đảng viên đảng Đại Việt, đã phải bỏ chạy khỏi Hà Nội, sang Côn Minh, sống đời lưu vong nghèo khổ, nay là bạn đồng hành của chúng tôi. Khi về nhà, Yu đã kể lại cho cả nhà nghe về tông tích của tôi. Ai cũng sung sướng, và lấy làm vinh hạnh được tiếp đón và chiêu đãi tôi, trong khi tôi đang bị thất thế ba đào.

Yu liền mua một chiếc Jeep, và từ đó chúng tôi đi chơi xa hơn, để khám phá ra những vẻ đẹp của vùng ven đô Côn Minh. Rất nhiều hồ rộng, đường đèo, và nhiều kiến trúc cổ xưa. Như vậy, chúng tôi đã thăm nhiều ngôi chùa cổ rất đẹp. Trong một ngôi chùa mà chúng tôi thường đến thăm,

tôi làm quen với một vị đại lão hòa thượng, chủ ngôi chùa. Đây là một vị sư già rất đạo mạo, đoán được vị lai. Tôi liền tự giới thiệu là một kẻ giang hồ lãng tử, lưu vong bốn bể không nhà. Phải đâu tôi nói dối? Dù thế nào sư cụ cũng tỏ vẻ hiền từ đối với tôi, và một hôm, sự cụ bảo tôi vào phía trong phương trượng, để đoán số cho tôi. Sư cụ là nhà xem tướng trứ danh, và bảo tôi rằng, tướng của tôi có rất nhiều nét cô đơn rất thích hợp cho cuộc sống tu hành. Rất boăn khoăn trước lời đoán đó, tôi tự hỏi. Trước kia mẫu thân tôi chẳng từng bảo, tôi là một vị Phật giáng sanh xuống trần đó sao? Tất cả những biến cố vừa qua há chẳng là những lý do đưa tôi đến chỗ phải thế phát qui y ở ngôi chùa hẻo lánh trong thâm sơn cùng cốc này, đó sao? Trong nhiều ngày, tôi đã suy nghĩ đến lời mời của nhà sư, và sắp đến chỗ nhận lời. Khiếu ưa tĩnh, thích suy tư, rất thích hợp cho tôi cuộc sống này. Nhưng, mới ba mươi ba tuổi, tôi e rằng chưa thể khắc phục nổi sự ép xác của nếp sống tu hành, vì tôi nhớ lại thời thơ ấu, đã từng sống trong cô đơn như vậy. Từ thâm tâm, hiện nay tôi rất thoải mái trong tự do, bởi đã thoát được bao điều hệ lụy. Phải chăng, chính là nhờ sự vô danh, tôi không còn phải đeo những nhãn hiệu nặng nề của lễ nghi và những điều phiền toái đầy trách nhiệm của một vị Quốc trưởng lãnh đạo quốc gia, trong hoàn cảnh đầy chua chát.

Có hai người con trai của Đại tướng Long Vân, tỉnh trưởng Vân Nam cũng thường đến chơi. Hai ông này đều là cựu sinh viên trường Võ bị Saint-Cyr ở Pháp, tôi cũng nói thật cả. Họ đã hứa là giữ bí mật việc này, và chúng tôi thường đi chơi với nhau, họp thành một nhóm thân hữu đáng quí.

Tuy tôi có báo tin cho ông Hồ Chí Minh về chỗ ở hiện tại của tôi, cũng vẫn không có tin tức gì từ Hà Nội gởi đến

cho tôi. Bấy giờ, tôi mới chắc chắn rằng, ông ta không mong gì sự trở về của tôi cả.

Cuộc nghỉ ngơi kỳ thú này kéo dài được hơn một tháng, thì tôi nhận được giấy mời của ông Chan, bí thư Quốc dân đảng, mời tôi lên Trùng Khánh. Thật lạ lùng, ông Yu cũng nhận được giấy mời tương tự. Ông ta không tỏ vẻ gì là ngạc nhiên, và giải thích rằng, cũng như Chan, ông là sinh viên của Đại học đường Bình Minh ở Thượng Hải, nên thường được mời lên thủ đô như vậy.

Yu đề nghị đi cùng với tôi, tôi rất thích, nên hôm sau cùng lên máy bay. Như đã từng hứa hẹn trước kia, ở lần gặp gỡ đầu tiên, ông Chan mời tôi đến ở nhà ông ta ở giữa thành phố. Tôi cám ơn, nhưng xin được ra ở riêng ở khách sạn *Tứ Thời* mà tôi đã từng cư ngụ. Lợi dụng sự bình thản, tôi đọc các sách nói về nước Tàu, và đánh quần vợt, mà tôi đã tạm bỏ chơi, kể từ ngày xa Huế.

Chan dành cho tôi một chiếc ô tô, và tôi không bỏ lỡ dịp đi tắm ở các suối nóng, rải rác xung quanh Trùng Khánh. Những cuộc du ngoạn ấy thường đưa tôi qua vùng đất Tử Châu (Seu-Tchouen), rất đẹp với những đồi thông mát mẻ, làm tôi xa lánh được sự ồn ào của thành phố, tạm lập làm thủ đô kháng chiến, với đầy đủ cơ sở chính phủ trung ương và người tản cư lánh nạn trong thời chiến tranh, nên không khí thật vô cùng tấp nập. Ngày tạm cư ở Trùng Khánh của tôi, chỉ có ba lần về Côn Minh ngắn ngủi, để thăm ông Yu và hai con Đại tướng Long Vân, trong ngôi nhà nghỉ mát ở vùng quê của họ.

Đầu tháng tám, Quốc dân đảng báo cho tôi biết có người đồng hương tới thăm. Lấy làm ngạc nhiên, tôi ra tận phi trường đón xem ai. Đây là một người khá lạ lùng, tuổi trạc ba mươi nhưng chắc chắn không phải là dân Việt Nam chính cống.

Vừa ngồi vào xe ông ta tiết lộ:

— Thưa Hoàng thượng, tôi là đại tá trong cơ quan tình báo hoàng gia của Thiên hoàng, và tôi có nhiệm vụ tìm hiểu mọi hoạt động của Quốc dân đảng Trung Hoa. Tôi sanh đẻ ở Nhựt, cha là người Nhựt, mẹ là Việt Nam. Tôi được cử đến đây để làm bí thư cho Hoàng thượng.

Câu chuyện có vẻ hài hước, và tôi không nhịn được để bảo ông ta:

— Tôi tưởng rằng các sĩ quan cao cấp Nhựt thường mổ bụng tự sát, theo truyền thống của hiệp sĩ đạo. Tại sao lại không phải là ông?

— Thưa Hoàng thượng, các sĩ quan ngành tình báo thì không, vì bị nghiêm cấm, họ phải sống để làm việc cho tương lai của đế quốc Nhựt Bản. Khi sứ mạng của tôi đã xong, tôi sẽ trở về Sài Gòn, qua ngả Manille, lúc ấy sẽ đầu hàng quân đội Anh.

Kể từ ngày ấy, ông ta không rời khỏi tôi nửa gót. Đóng vai bí thư cho tôi, ông ta không để lỡ một dịp nào mà không thu thập tài liệu và tin tức cần thiết. Chan mà tôi thường gặp, báo cho tôi biết Thống chế Tưởng Giới Thạch sắp trở về Nam Kinh và cả chính phủ cũng dời đô luôn. Ông cũng cho biết là Thống chế rất lấy làm hân hạnh, nếu tôi sẵn lòng đi theo về Nam Kinh, ở đó tôi sẽ là thượng khách của Ngài.

Quả nhiên, đến cuối tháng tám, Thống chế rời Trùng Khánh.

Vị "bí thư" trung thành của tôi, cũng từ giã tôi luôn, vì "nhiệm vụ" đã xong. Yu báo cho tôi biết rằng ông ta cũng sẽ theo chính phủ về Nam Kinh, và nài nỉ tôi cùng đi. Tôi còn ngập ngừng, chưa dám nhận lời. Tôi không có một thích thú nào để đi Nam Kinh cả.

Thật sự, tôi đã chán ngấy cái chất mỡ Tàu rồi, và cả sự cô đơn kẹt cứng này nữa. Tôi muốn tìm một chỗ ẩn thân, tạm lánh, nhưng ở một nơi hoạt động, có gió tứ phương đưa tới. Tại sao không là Hongkong? Tôi tin chắc rằng, tôi sẽ tìm thấy một môi trường thuận lợi hơn, và chắc chắn có màu sắc của Tây phương hơn nhiều. Yu đề nghị theo tôi ít ngày.

Tám ngày sau, này 15 tháng 9, chúng tôi bay đi Hongkong.

TẠM TRÚ Ở HONGKONG

Không ai đợi chúng tôi ở phi trường Kai-tac. Cả Yu và tôi đều không ai biết gì về thành phố ấy. Chúng tôi lên xe bus để lên chiếc tàu thủy chở khách từ Kow Loon sang đảo Victoria. Tại đây, chúng tôi thuê hai buồng, trong một khách sạn hạng xoàng ở khu phố Tàu Happy Valley. Hôm sau, chúng tôi đi thăm thành phố. Quả là một sự huy hoàng.

Bên kia sông, nhà băng Trung Hoa đồ sộ, và các nhà chọc trời của Kow Loon làm thành một khối đen sậm, đứng lù lù như hư như thực. Thuyền bè rộn rịp: thuyền mủng, sà lan, thuyền máy đưa khách, thuyền buồm với những cánh buồm tre đan, đi lại trong cảng Victoria Harbour vô cùng rộn rịp.

Sau hai tuần lễ du ngoạn ở Hongkong, Yu từ biệt tôi để đi Nam Kinh. Ông ta rất thất vọng đã không kéo được tôi đi theo, nhưng trước khi từ biệt, ông đoan với tôi rằng tôi sẽ là thượng khách bên cạnh Tưởng thống chế, nếu tôi quyết định tìm đến thống chế.

Nay tôi hoàn toàn đơn độc, chỉ còn trong túi một vài đô la Hongkong, mà Yu đã để lại. Nhưng với tiền ít ỏi đó,

sẽ hết mau ngay nếu tôi không tìm cách nào để tự giải quyết. Trong khi chờ đợi, tôi thường đi chơi vơ vẩn, khi thì đi bộ, khi đi bằng xe bus. Tôi thấy hoàn toàn tự do. Đây là lần đầu tiên mà tôi cảm thấy như vậy. Tình cờ tôi đến một ngôi nhà lớn, mà bảng hiệu làm tôi chú ý: "Nhà Băng Đông Dương."

Ngập ngừng một phút, tôi cũng chẳng hiểu vì sao, tôi bước vào. Quả nhiên, đúng là ngày may mắn của tôi. Vừa bước vào trong, tôi trông thấy ông Ganay, chủ nhà băng của vùng Đông Nam Á. Bốn mắt gặp nhau, ông ta nhận ra tôi ngay và tiến tới gần, với nét ngạc nhiên tột bực. Ông bảo cho tôi biết là đang đi thanh tra ở Hongkong, và hỏi hiện tình của tôi nay thế nào?

Nói vắn tắt mấy lời, tôi cho ông biết sự đến Hongkong, và hoàn cảnh rỗng tuếch của tôi hiện tại. Tôi cũng hỏi ông xem có thể ứng trước cho tôi mượn ít tiền. Lập tức, ông đưa cho tôi khoảng 2000 đô la Hongkong. Vài hôm sau nữa, cũng bất ngờ, tôi lại gặp Cơ quan Truyền giáo Pháp ở ngoại quốc, họ sẵn sàng cho tôi mượn tiền, lấy bảo đảm ở tài sản của hoàng gia. Thế là tôi thoát những lo âu về tiền bạc, được một thời gian kha khá. Tôi liền đến ngụ ở khách sạn *Gloucester Hotel* ở đường Queen's Road. Cạnh đó, có một chiếc building, mà từng cuối cùng là nhà hàng *Le Paramount* là nhà hàng có máy lạnh duy nhứt ở Hongkong. Trong bầu không khí ngột ngạt của thành phố, đây là chỗ nghỉ ngơi đặc biệt dành cho du khách, và phải nói thực rằng, gồm đủ loại người, bọn anh chị giang hồ, buôn lậu, gián điệp, thường thấy ở những thành phố quốc tế trên thế giới. Có cái lợi, là không ai biết tôi là ai. Cũng không phải là điều thích thú gì khi tự cảm thấy lúc nào cũng như bị theo dõi, bị kiểm soát, ở ngoài đường, trong khách sạn, ở

trên sân golf hay sân tennis. Từ nhỏ, tôi không quen bị như thế bao giờ.

Ít lâu sau đó, tôi gặp ở khách sạn *Hongkong* một người Pháp muốn gặp tôi. Đó là ông Yole, thám tử riêng của tòa Lãnh sự chịu trách nhiệm kiểm soát các người Việt qua lại Hongkong. Sau khi giới thiệu, ông ta tự nguyện đặt dưới sự điều khiển của tôi, và cho biết tháng nào ông cũng qua Sài Gòn, nên có thể làm liên lạc dễ dàng được. Chúng tôi thường gặp nhau, và lần nào, ông ta cũng cho tôi biết các tin tức thật quí báu cho tôi.

Nhờ vậy, trong tháng mười, ông ta đưa cho tôi toàn văn bức thư ngỏ gửi Hồ Chí Minh, trong khi ông này đang sửa soạn sang Paris. Dù là thực hay giả, bức thư này cũng được các báo ở Pháp phổ biến trong thời gian ấy. Nó chứng tỏ những khó khăn của ông Hồ, ngay từ nội bộ đảng của ông ta, thêm những khó khăn ông phải đương đầu, với tư cách lãnh đạo quốc gia:

"Được biết cụ và một phái đoàn sắp sang Paris, để ký kết một hiệp ước nhứt định về nền độc lập của Việt Nam trong Liên hiệp Pháp, chúng tôi gửi cụ bức thư ngỏ này:

"Chúng tôi là những kẻ sống sót của một nhóm nhỏ những người do cụ lập nên năm 1925, tức là kể từ ngày mà cụ rời bỏ nước Pháp để đi ra ngoại quốc, chúng tôi đã chiến đấu theo chủ trương của cụ là chiến đấu cho nền độc lập hoàn toàn của Việt Nam, để giải phóng những người vô sản, khỏi sự bóc lột và đè nén của bọn tư bản thực dân, bọn quan liêu phong kiến, bọn ác bá cường hào, chiến đấu để dẫn dắt người vô sản Việt Nam vào con đường cách mạng dân tộc xóa bỏ giai cấp. Trung thành với chủ thuyết đó, chúng tôi đã lập ra phong trào hun đúc Việt Nam Hồn mà chính cụ tạo nên động lực chính, trước khi rời bỏ nước Pháp, phong trào được tất cả các chiến hữu bạn ở nước

thuộc địa Phi châu ủng hộ, do tờ báo Le Paria (Kẻ cùng khổ) ở Paris, đăng tải, mà cụ đã trao lại cho chúng tôi. Chúng tôi cũng cho phổ biến cuốn sách "Bản án đối với chính sách thuộc địa Pháp" (Procès de la colonisation française) mà cụ đã soạn thảo chung với cụ Nguyễn Thế Truyền. Chúng tôi cũng tổ chức và tìm đồng chí, để gửi họ vào trường cao đẳng chính trị đào tạo cán bộ cộng sản ở Moscou.

"Trong số một dúm đảng viên ấy, nhiều đồng chí đã trở về nước để chiến đấu. Rất nhiều người đã hy sinh mạng sống, người bị tù đày ra Côn Đảo, người bị đưa sang Guyane. Còn những anh em khác vẫn còn đang chiến đấu.

"Tình hình sự việc buộc chúng tôi phải nhắc lại những chi tiết nhỏ nhoi này, chỉ với mục đích tường trình với cụ, là tư tưởng của cụ đã được chúng tôi thâm nhập dứt khoát, đã nuôi dưỡng trong đầu óc chúng tôi sự tin tưởng không gì lay chuyển nổi. Sự tin tưởng được cụ gieo rắc càng cao bao nhiêu, chúng tôi càng tin tưởng vào cụ bấy nhiêu, vì chúng tôi đã coi cụ là hiện thân của tư tưởng đó của toàn thể giới thanh niên lao động cần cù của nước Việt Nam.

"Thêm vào đấy, một số đồng chí trong đảng ta đã từng gặp cụ ở Moscou hay ở Hội nghị chống thực dân ở Bruxelles. Trong khi bàn cãi về vấn đề Việt Nam, họ đã thấy tư tưởng cách mạng quá khích của cụ: quốc gia độc lập hoàn toàn; giải phóng dân thợ và dân cầy.

"Năm ngoái, khi toàn thể nhân dân đứng lên để chống lại đế quốc Pháp, chúng tôi được biết là chính cụ đã lãnh đạo phong trào ấy, chúng tôi vô cùng sung sướng và tin tưởng rằng phong trào phải đưa đến sự giải phóng vô sản ở Việt Nam. Khi đọc lời tuyên ngôn của cụ cũng như đọc các báo chí ngoại quốc, hồi tháng hai vừa qua, tin tưởng của chúng tôi càng gia tăng: tin tưởng vào chính phủ lâm

thời đã quyết chiến đấu đến cùng, dù có phải hy sinh đến hai triệu người, toàn thể nhân dân Việt Nam cũng rất sẵn sàng, cốt thu hồi được nền độc lập của mình.

"Trong hơn hai mươi năm, cụ đã nuôi dưỡng tinh thần cách mạng, cụ truyền bá chủ thuyết cách mạng, cụ tổ chức và đào tạo cán bộ cách mạng, và ngày nay, khi bắt tay vào thực tế, cụ lại thoái lui, cụ phản bội lại chính tư tưởng của cụ. Khi phản bội lại tư tưởng của cụ, cụ phản bội luôn số phận lớn lao của toàn thể nhân dân Việt Nam...

"Tóm lại, chúng tôi tạm khuất tin rằng nhân dân Việt Nam chỉ tạm thời mất niềm tin nơi cụ, có thể, họ sẽ tạm thời thua một keo đầu. Nhưng, mục đích mà họ theo đuổi, vẫn chưa đạt, thì nhanh hay chậm họ vẫn phải tiếp tục con đường mà cụ chưa đưa tới đích cuối cùng mà họ đợi chờ. Họ sẽ theo đuổi cho đến ngày được độc lập hoàn toàn, được giải phóng hoàn toàn. Paris, ngày 4 tháng 4 năm 1946.

Ký tên:

Hoàng Quang Giụ, Vũ Văn Tân, Nguyễn Văn Tư.

Thời gian cứ qua đi, ngày nào cũng giống ngày nào. Vài cuộc gặp gỡ ở khách sạn Gloucester. Chính tại đây, vào trung tuần tháng 11, tôi thấy Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đến tìm. Ông này trước là giám đốc Phong trào Thanh niên Nam bộ, dưới thời Trần Trọng Kim, rồi làm bộ trưởng không bộ của chính phủ lâm thời năm 1945, nay là chánh văn phòng của Hồ Chí Minh.

— Hoàng thượng, tôi đến từ Quảng Châu (Canton) và tôi được Hồ chủ tịch trao cho sứ mạng tìm gặp Ngài. Chủ tịch gửi lời kính thăm Ngài, và yêu cầu tôi đệ trình Ngài cái này.

Nói xong ông ta lấy từ trong cặp ra, một gói giấy mà ông đưa cho tôi. Đây là mấy lạng vàng lá. Với số này, tôi có thể sống được vài tháng.

— Xin ông gửi lời tôi đa tạ chủ tịch về những lời thăm hỏi và cho quà. Nay xin ông cho tôi biết tình hình sang Pháp của chủ tịch ra sao.

— Chủ tịch đã về nước hôm 21 tháng 10. Cụ đi tàu Dumont d'Urville...

Tên chiếc tàu này, gợi cho tôi kỷ niệm đã đi tàu đó từ Sài Gòn ra Tourane cách đây mười lăm năm, khi tôi từ Pháp trở về.

— Tại Hải Phòng và Hà Nội, Phạm Ngọc Thạch nói tiếp, dân chúng hoan hô nhiệt liệt, và Quốc hội đã tặng cụ danh hiệu là *"Đệ nhứt Công dân Việt Nam"*. Sau đó, cụ lập tân chính phủ, theo "đường lối quốc gia," trong đó cụ vừa làm chủ tịch vừa giữ bộ Ngoại giao. Giáp là bộ trưởng Quốc phòng, Phạm Văn Đồng vẫn giữ bộ Tài chánh. Và chủ tịch vẫn muốn giữ Hoàng thượng là cố vấn tối cao chính phủ.

— Xin ông nói với Cụ chủ tịch là tôi rất lấy làm vinh hạnh về sự tín nhiệm của cụ. Nay ông hãy cho tôi biết tình hình, kể từ ngày tôi sang Tàu.

— Thưa Hoàng thượng, hẳn Ngài đã biết, theo thỏa thuận của hiệp định mùng 6 tháng 3 ‡, người Pháp đã trở lại. Đã tổ chức nhiều lễ tiếp đón, đối với Tướng Leclerc khi tới Hà Nội. Chủ tịch đã rất hợp ý với Tướng Leclerc, là để

‡ Xin xem bản phụ đính II. Mặc dù sự vô tín nhiệm của người Pháp, chủ tịch vẫn đi Pháp vào ngày 31 tháng 5. Chủ tịch rất kỳ vọng ở cuộc gặp gỡ với chính phủ Pháp, thế nhưng khi cụ đến nơi, thì Pháp lại không có chính phủ. Điều quan trọng nhứt, là ngày hôm sau ngày cụ sang Pháp, tức ngày 1 tháng 6, người Pháp đặt ra một chính phủ lâm thời của xứ Nam kỳ tự trị, do Bác sĩ Thinh cầm đầu. Đây là chứng cớ của sự gian ngoan của Pháp.

phái đoàn ta sang Pháp để cụ thể về nền độc lập và thống nhứt của nước ta. Đã mở ra ở Hà Nội, một hội nghị kể từ ngày 17 tháng 4 để chuẩn bị cho cuộc viếng Pháp này. Chính Nguyễn Tường Tam cầm đầu phái đoàn, có Giáp, Vũ Trọng Khánh, Hoàng Xuân Hãn, Cù Huy Cận... Cũng có thêm cả đại diện Nam bộ nữa. Ngay lúc đầu, đại diện của mình đã biết Pháp không thành thật. Bởi vì, cái gì đúng ở Hà Nội, lại không đúng ở Sài Gòn, và nguyên tắc về sự sát nhập của Nam kỳ được để ra xét lại. Cuộc bàn cãi kéo dài đến ngày 11 tháng 5.

Chỉ đến ngày mùng 6 tháng 7 hội nghị mới bắt đầu họp, mà lại ở Fontainebleau, chứ không phải ở Paris, như họ đã từng hứa hẹn. Phạm Văn Đồng phụ tá cho chủ tịch của chúng ta. Nhưng đến cuối tháng 7, thì ai cũng biết rằng không thể đạt được kết quả gì ở hội nghị này. Người Pháp đã từ chối tất cả mọi sự bàn cãi về vấn đề Nam bộ, trước khi tổ chức trưng cầu dân ý, theo như thỏa ước mùng 6 tháng 3. Nhưng sự trưng cầu dân ý không thể thực hiện được trước sự xáo trộn chưa yên hẳn ở miền Nam và người Pháp lại không chấp nhận bất cứ tổ chức ngưng bắn nào để thể hiện lệnh đình chiến. Thật là cái vòng luẩn quẩn đốn mạt. Vì thế, chúng ta giữ vững lập trường: Nước Pháp phải công nhận thống nhứt ba kỳ lên trên hết. Ngày mùng 2 tháng 8, không báo trước, người Pháp đề nghị mở một hội nghị thứ hai ở Đà Lạt, chúng ta không được mời dự. Thật không còn hy vọng gì nữa. Sau một tháng rưỡi chờ đợi, Hồ chủ tịch quyết định trở về.

Tuy nhiên, để tỏ sự thành thực và thiện chí của dân tộc Việt Nam, cụ đã chấp nhận ký với viên bộ trưởng Pháp Marius Moutet, một bản thông cáo chung, cam kết giữa Việt Nam và Pháp cái gọi là *Medus Vivendi* "Bản tạm dung sống còn".

Tôi đã đọc trên các báo Hongkong những bài nói về sự thất bại của hội nghị Fontainebleau, và tôi có thể đến tòa lãnh sự Pháp để lấy bản sao của *Medus Vivendi* kia. Thật sự, nếu Hồ Chí Minh nhận bản tạm dung này vào phút chót, chính là bởi ông ta không muốn trở về Việt Nam với hai bàn tay trắng, vì sợ mất mặt. Tôi cám ơn Bác sĩ Thạch và bảo ông ta:

— Tôi nghĩ rằng sự thỏa thuận này, sẽ dự trù vào khoảng tháng giêng 1947, sự tiếp tục hội nghị Fontainebleau, vì vậy, xin ông nói với Chủ tịch Hồ Chí Minh là tôi muốn đợi đến ngày ấy sẽ trở về Hà Nội.

— Thưa Hoàng thượng, tôi nghĩ rằng Hồ chủ tịch vẫn mong muốn Hoàng thượng cứ lưu trú tại Hongkong trong thời gian ấy, vì Hongkong là nơi quan sát tốt. Tuy nhiên, chủ tịch cũng muốn Hoàng thượng nên cảnh giác người Pháp, và đề phòng tất cả bọn Việt gian làm tay sai cho Pháp.

Đối với tôi, sự việc đã rõ rệt. Hồ Chí Minh chẳng ưa gì tôi. Trước đây, ông ta muốn đẩy tôi đi khi người Pháp quay trở lại, và giữ tôi ở thật xa khi có hội nghị Đà Lạt và Fontainebleau, thì bây giờ ông cũng không mong tôi trở về khi các cuộc bàn cãi với Pháp đang thực hiện.

Vài hôm sau nữa, thật là cả một phái đoàn mà tôi tiếp nhận ở khách sạn *Gloucester*. Những người từ Quảng Châu lại có ba lãnh tụ quốc gia là: Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam của Việt Nam Quốc Dân Đảng, và Nguyễn Hải Thần thuộc Đồng Minh Hội. Họ đã bỏ chạy từ Hà Nội kể từ tháng bảy, do bọn đặc công của Giáp tung ra đối với cánh quốc gia, trong thời gian Hồ Chí Minh đi vắng. Họ kể cho tôi nghe sự tàn sát của Việt Minh đối với phe quốc gia.

Lấy cớ là phe quốc gia đã dựa vào quân đội Tàu để khủng bố Việt Minh và Pháp, nay Võ Nguyên Giáp, khi quân Tàu vừa rút đi, liền tung ra một mẻ lưới, với sự phối hợp của công an, nhân dân tự vệ thành, và dân quân để tiêu diệt hết phe quốc gia. Khám nhà, bắt người, bắt cóc, tịch thu báo chí, làm không khí thật khó thở, rất sôi động ở Hà Nội. Tại các tỉnh, còn ghê gớm hơn. Hai bên đã dàn quân đánh nhau thành trận chiến hẳn hoi.

Trong thời gian đó, cơ quan tuyên truyền của Việt Minh tìm cách bôi nhọ họ trước mắt nhân dân. Đó chính là Giáp và thủ hạ của hắn đã hại nước. Họ tái đặt các thứ thuế khóa, và đem bán tất cả nguồn nguyên liệu của Việt Nam: quặng mỏ, thuốc phiện, kể cả gạo, trong khi dân chúng đang chết đói. Do mất mùa, ít nhứt một triệu rưỡi nhân dân đã chết vì đói. Và trong thời gian đó, Việt Minh tịch thu hết cái gì có thể sử dụng được. Công tác độc nhứt của họ chỉ là tìm tiền, để mua võ khí, thế thôi.

Vũ Hồng Khanh trình tôi:

— Thưa Hoàng thượng, Giáp đang sửa soạn chiến tranh. Phạm Ngọc Thạch gần đây đến Quảng Châu, chính là do mục đích đó.

Cả ba người đều thề trung thành với tôi:

— Dân tộc Việt Nam đa số đang chờ đợi Hoàng thượng ra lệnh. Kể từ hôm nay, Hoàng thượng có thể tin cậy ở nơi chúng tôi.

Vài hôm sau nữa, thì đến Trần Trọng Kim cũng đến tìm tôi, có thêm nhiều lãnh tụ quốc gia tiếp theo sau nữa. Ông ta cũng đến từ Quảng Châu, và họ đã gặp nhau ở đấy. Ông ta nhấn mạnh cho tôi biết, chẳng có cái gì hơn trước, với người Pháp, mặc dù có *Medus Vivendi*. Nhiều cuộc đụng độ nặng nề trong các thành phố, và ở vùng thượng du Bắc

kỳ, quân Pháp từ Tàu trở về, sau một thời gian lánh mặt, sau vụ mùng 9 tháng 3 năm 1945. Họ theo đường mòn mà trở lại. Ở Hà Nội, người Pháp đã tái chiếm phủ Toàn quyền cũ, mà chính phủ Việt Nam đã tuyên bố là cộng sản quốc gia.

Chính Giáp đã cầm đầu chiến dịch này. Ông ta ra lệnh cho tất cả mọi công dân Việt Nam, bất kể tuổi tác, phải tập thể dục hàng ngày vào buổi sáng ở ngay trên các đường phố. Thế mà, dân chúng bắt đầu chán nản về những cuộc tụ họp, biểu dương, bất cứ dưới lý do nào. Người ta có cảm tưởng rằng, viên bộ trưởng Quốc phòng này đang tìm cách khiêu chiến Pháp, đến độ cho đào các hố ở trên đường, và dựng các chướng ngại vật ngay trên đường lộ, giữa thành phố Hà Nội, và ngay trước mũi của các đồn binh Pháp. Trong những trường hợp ấy, chẳng ai lấy làm lạ là các sự đụng chạm gia tăng mãi lên. Nhiều vụ nổ ra rất lớn. Như ở Bắc Ninh, vào tháng tám, làm chết 15 binh sĩ Pháp, và bị thương đến trên 30 người khác.

Trần Trọng Kim hỏi tôi:

— Tâu Hoàng thượng, Ngài định sao bây giờ?

— Tôi đợi ông Hồ mời tôi về Hà Nội.

— Dạ không nên. Hoàng thượng mà trở về bây giờ, thì nguy hiểm lắm. Tại sao Ngài không đi Nam Kinh, cạnh Quốc dân đảng Trung Hoa, họ vẫn mời Ngài?

— Không, tôi không bao giờ đi Nam Kinh cả. Quốc dân đảng Tàu mất hết tín nhiệm rồi. Tưởng Giới Thạch đã không chống đỡ nổi áp lực của cộng sản, và chỉ trong một thời gian ngắn hay dài, họ Mao sẽ thắng. Trong thời gian tôi ở Trùng Khánh, tôi đã nhận thấy sự xuống dốc của phe quốc gia Trung Hoa, nhứt là trong quân đội. Không còn có

kỷ cương nào nữa. Tìm vào với họ, hay nhờ họ giúp đỡ, giữa lúc họ đang tan rã này, quả là một nhầm lẫn lớn...

Ngày 30 tháng chạp, các báo ở Hongkong loan tin súng đã nổ ở Hà Nội, và trên toàn lãnh thổ Đông Dương. Bắt chước cuộc hành quân chớp nhoáng của Nhựt ngày mùng 9 tháng 3 năm 1945, Hồ Chí Minh đã chọn giải pháp chiến tranh. Sau sự bất ngờ ban đầu, quân Pháp đã trấn tĩnh lại được. Đây là chiến tranh rồi. Cuộc chiến mà tôi vẫn muốn tránh cho dân tộc tôi... Vậy thì cái gì sẽ xảy ra đây?

Đành rằng, Việt Minh sau sự thất vọng ở Fontainebleau, chỉ còn giữ được uy tín bằng cách đưa cả nước vào trong biển máu. Như vậy, Hồ Chí Minh đã trung thành với nguyên tắc của cách mạng. Không ai làm cách mạng mà không đổ máu bao giờ. Các nhà cách mạng rất cần sự đổ máu khai lộ này, để làm lệch hẳn cán cân trật tự trong những xã hội, mà họ muốn thay quyền, nên cần phải tạo ra điều kiện cần thiết bạo tàn này.

Vụ nổ súng ngày 19 tháng chạp gây một mối xúc động lớn lao trong phe quốc gia, vì họ đang tìm cách tranh giành ảnh hưởng đối với Việt Minh, nên họ đã không thể theo sau cộng sản để đi vào con đường bạo động này. Vì vậy, rất nhiều người Việt Nam đã đổ xô cả đến Hongkong mỗi ngày một nhiều.

Thế là, qua Yole báo, tôi được biết có Phan Văn Giáo tới. Ông ta xin gặp tôi. Tôi tiếp ở khách sạn nơi tôi trú ngụ. Người này tôi biết từ Huế, đó là một dược sĩ, vốn là tay quần vợt có hạng ở Huế, ông ta thuộc về nhóm của Ngô Đình Diệm, khi ông này giữ chức thượng thư bộ Lại trước năm 1933.

Tôi tiếp ông ta một cách lạnh nhạt:

— Anh sang đây làm gì? Anh muốn gì? Anh muốn giữ chức gì? Có phải định làm mật thám cho người Pháp không?

— Thưa Hoàng thượng, không. — Ông ta đáp — Tôi đến đây để phục vụ Ngài. Tôi xin hoàn toàn tự đặt dưới sự sai khiến của Ngài, làm kẻ hầu hạ cũng được, nếu Ngài bằng lòng.

— Được, tôi đáp. Anh có thể ở luôn đây ngay tự bây giờ.

Ông ta kể cho tôi nghe, những điều mà ông ta biết về ngày 19 tháng chạp, và những ngày kế tiếp. Tất cả các tỉnh miền Bắc đều bị những tổ chức tự vệ lao vào các người Pháp, thật kinh khủng. Nhưng không phải chỉ có người Pháp là nạn nhân, mà còn cả đống người Việt cũng bị tàn sát, vì họ đã tỏ ra không mấy hoan nghênh Việt Minh. Vụ khủng bố này đã xảy ra cả tháng trước, ở Hải Phòng. Do một sự bất đồng ý kiến về kiểm soát thương chính, súng đã nổ. Cuộc đụng chạm đã lan tràn mau chóng, gây chết chóc cho cả ngàn tự vệ quân và binh sĩ Pháp. Để trả thù, bọn Pháp dùng trọng pháo, và nhờ ưu thế về võ khí, quân Pháp chiếm hết thành phố, làm dân chúng bỏ đi hết.

Chính phủ Việt Nam phản đối. Người Pháp càng cứng rắn và ra những điều kiện không thể chấp nhận được. Cuối cùng, ngày 19 tháng chạp đã nổ tung. Các trại quân Pháp rõ ràng đã được báo trước, phản ứng rất mau lẹ, và kiểm soát dần dần toàn thể thủ đô. Nhưng đối với các tỉnh lớn khác ở Bắc kỳ, nửa tháng sau, vẫn còn đánh chiếm từng khu phố!

Tôi thật khó mà tin được sự nổ súng lại mãnh liệt đến độ ấy, thế nhưng nghe lời kêu gọi của Hồ Chí Minh vẫn tung ra hằng ngày, thì quả không còn phải ngờ gì cả.

Sự chuẩn bị trước đã rõ rệt. Nguyễn Đệ, cố vấn kinh tế của chính phủ, đến Hongkong sau Giáo vài ngày cũng kể cho tôi nghe là ông ta được chủ tịch gọi đến vào trước ngày 19 tháng chạp, và cấp cho một chiếu khán, hầu có thể nhờ dân quân và tự vệ che chở hay giúp đỡ. Như vậy thì trách nhiệm của chủ tịch không còn phải ngờ. Trước đây, tôi đã tưởng Giáp phải chịu trách nhiệm ấy, nhưng tất cả các yếu tố đều phù hợp, chính Hồ Chí Minh đã chọn chiến tranh. Vì biết trước tôi cương quyết chống bạo động với bất cứ giá nào, ông ta đã tìm cách đẩy tôi ra xa.

Giáo đã sống ở Sài Gòn trong nhiều tháng trước đây, cho biết các tiến trình hoạt động ở Nam kỳ. Tại đây, sự tuyệt vọng còn lớn lao hơn nữa. Qui chế dành cho xứ này, thật sự cũng chẳng đem đến độc lập gì. Ý thức được rằng mình đã bị lừa, viên bác sĩ đau khổ Thinh, chẳng có một tí quyền gì, cũng chẳng một mảy may uy tín nào, đã tự tử ngày 10 tháng chạp.

Sau vài ngày sống ở Hongkong, Giáo bảo cho tôi biết phải trở về Sài Gòn, để thu xếp việc nhà, và sẽ nhân dịp này để tìm kiếm tin tức về gia đình tôi nữa.

Trong khi ông ta đi vắng, tôi được cơ quan công an Hongkong mời tới trụ sở. Được viên chánh mật vụ tiếp, tôi hỏi ông ta lý do về sự mời này. Ông ta đáp:

— Kể từ ngày mà Ngài tới Hongkong về tháng mười vừa qua, Ngài đã trú ngụ ở nhiều khách sạn. Chúng tôi đã biết rõ tông tích của Ngài ngay tự hôm đầu rồi...

Hơi ngạc nhiên, tôi hỏi ông ta định đưa đến đâu. Ông ta lễ độ giải thích:

— Chúng tôi nhận được lệnh phải giữ an ninh cho Ngài. Ngài không có thể thay đổi nay khách sạn này, mai khách sạn khác. Vì vậy, chúng tôi sẽ dành cho Ngài một ngôi biệt

thự, sự đó giúp chúng tôi những biện pháp bảo vệ dễ dàng, và chúng tôi xin Ngài nên báo cho chúng tôi biết, những khi di chuyển. Hai thám tử vận thường phục được đặt dưới quyền sai khiến của Ngài.

Đó là sự nhã nhặn của người Anh. Tôi nhận lời, và ngụ tại một ngôi biệt thự xinh xắn ở mũi Republic Bay, trong đảo Victoria.

Từ khi tôi đến ngụ ở Republic Bay, căn biệt thự này trở thành cục nam châm thu hút mọi người. Khách khứa dập dìu, thật đông như hội. Tôi không để bị che mắt bởi cái ảo ảnh của thanh thế bất ngờ này. Như trước đây, Thierry D'Argenlieu đã nói là giải pháp Hồ Chí Minh đã thất bại. Nay gió đã đổi chiều. Trong số khách thăm viếng này, người thì đến để theo phò, người thì đến để thăm dò đường lối cho Pháp hay cho nước khác. Bác sĩ Phan Huy Đán, Luật sư Đinh Xuân Quảng, cả hai đều thuộc phe xã hội, thêm Việt Nam Quốc Dân Đảng Trần Văn Tuyên, đều từ Quảng Châu sang. Người em họ trung thành với tôi, Vĩnh Cẩn cùng người em khác trẻ hơn, là tay đá banh nổi tiếng Vĩnh Tường, và Phan Văn Giáo tạo thành cái nhân vĩnh viễn thân cận. Rồi đến quí vị khác khá danh tiếng như Bác sĩ Lê Văn Hoạch, thuộc nhóm Cao Đài, cựu phó phủ tướng Nam bộ, Phạm Văn Bính, Ngô Đình Diệm trước tôi tưởng là tai mắt của Mỹ, Phạm Công Tắc, giáo chủ Tây Ninh, Lê Văn Soái, tướng Hòa Hảo, v.v... Tất cả các nhân vật đó đều đưa ra ý kiến và đồng nhứt về chính trị, nhấn mạnh là tôi phải trở về, để đem lại hòa bình cho đất nước.

Phan Văn Giáo nói:

— Nếu Hoàng thượng trở về là đáp ứng đúng với nguyện vọng của toàn dân, vì ai cũng mong có hòa bình. Dân chúng cũng lại biết rằng, chính Hoàng thượng cũng muốn có hòa bình. Còn người Pháp, thì họ sẽ rất sung sướng đã gặp được người có thể tiếp tục cuộc đàm phán.

— Đồng ý là dân chúng muốn hòa bình rồi, nhưng dân chúng còn muốn hơn hết, là phải có độc lập nữa. Dân chúng có thừa khả năng để hy sinh vô độ cho nền độc lập ấy. Người Pháp phải ý thức cái nguyện vọng ấy, mà nay chưa có, và thái độ của họ trong thời gian gần đây, làm cho ta ngờ thiện chí của họ...

Bây giờ, số lãnh tụ quốc gia lưu vong ở Quảng Châu ngày càng nhiều. Hoàn cảnh vật chất của họ trở thành khó khăn, họ chạy đến tôi. Tôi báo với Yole, ông này đưa tôi gặp lãnh tụ Pháp là ông Joubert. Joubert bảo để xét vấn đề. Thật vậy, ít lâu sau, Yole từ Sài Gòn sang vì vẫn đem tin tức hằng tháng đến cho tôi, đã đưa cho tôi 5000 đô la Hongkong. Tôi không hỏi nguyên do tiền ở đâu, nhưng tôi biết chắc do quỹ này của Đô đốc phát ra. Tôi liền cho phân phát cho các anh em quốc gia này, họ cũng chẳng biết là ai đã viện trợ cho họ nữa. Tôi thấy khá lý thú là chính phủ Pháp lại cứu trợ cho các nhà ái quốc Việt Nam. Từ đó, thường thường Yole bổ sung ngân khoản cho tôi. Tất nhiên, các vị hưởng thụ đều cho rằng tôi là ân nhân của họ. Thỉnh thoảng, Yole chậm đem tiền đến, và trước sự kiệt quệ của tôi, các huynh đệ quốc gia này liền đá hậu tôi một phát, bằng cách đăng vài bài báo trên mấy tờ báo địa phương. Tới khi tôi đã thỏa mãn được họ rồi, thì mọi sự lại trở lại trật tự tốt đẹp. Nhờ có tiền ngoại tệ ấy, thêm một vài sự rỉ tai khéo léo, tôi có được khả năng biết giá cả đồng bạc lên xuống ở Hongkong.

Thêm vào đấy là sự ra đi của Đô đốc Thierry D'Argenlieu †. Là một nhân vật chống cộng triệt để, thế mà ông ta phải làm đại diện cho một chính phủ thiên tả, do chính phủ này có nhiều đảng viên cộng sản tham dự và

nâng đỡ. Chắc chắn, vì thế ông mất đường hướng chính trị, kể từ ngày mà Đại tướng De Gaulle rời bỏ chính quyền.

Tất nhiên, đường hướng mà nước Pháp theo đuổi, hay đúng hơn, những hành động do các cơ quan phát ra hàng ngày, phần lớn đều do ảnh hưởng của nội bộ chính trị nước Pháp nhiều hơn là do thực tế của vấn đề Việt Nam. Khổ một nỗi, hoàn cảnh này lại kéo dài rất lâu, quá lâu...

Trung tuần tháng giêng năm 1947, một nhân viên thuộc cơ quan cai trị Đông Dương tên gọi Cousseau được bổ đến tòa Tổng lãnh sự Pháp ở Hongkong. Ông này thuộc nhóm của Sainteny và nói tiếng Việt Nam rất sõi. Ông ta rất thông thạo văn hóa Việt Nam, đến độ có thể thấu triệt được tinh thần của các nhà nho ở nước tôi. Không lâu lắm, tôi hiểu ngay, ông ta đổi đến Hongkong chẳng phải là do một sự thuyên chuyển nhân sự tầm thường nào...

Cuộc nổ súng ngày 19 tháng chạp đã đẩy Việt Minh vào cuộc chiến du kích. Đây là một lỗi lầm rất lớn lao. Nhưng trách nhiệm về ai đây?

Giáp chắc chắn đã dự vào sự chuẩn bị, nhưng có lẽ đến phút cuối cùng, ông ta đã hủy bỏ lệnh tấn công, vì quân đội chính qui không tham dự. Phải chăng chính là Hồ Chí Minh để thỏa mãn tự ái bị thương sau hội nghị Fontainebleau, nên đã đẩy cả nước vào con đường đẫm máu này? Thế nhưng tại sao lại có những sự lạm dụng như đã xảy ra ở Huế, là tàn phá tất cả các cầu cống, và các công trình kiến thiết của hoàng cung? Và sau rốt, tại sao các cơ quan dân sự ở Sài Gòn lại không phải san sẻ trách nhiệm này, khi tự đặt lên thành một chính phủ lâm thời Nam bộ, nó vốn là một hình thức khiêu khích?

† Đô đốc Thierry D'Argenlieu được bổ làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương ngày 17 tháng 8 năm 1945. Ông rời bỏ nhiệm sở ngày 24 tháng 2 năm 1947. Như vậy, Hoàng đế Bảo Đại không có dịp gặp ông.

Dù sao nữa, khiêu khích hay không, sự cố ý gây chiến tranh đã không thể chối cãi.

Giờ đây, sự thất bại đã đem lại một hậu quả nặng nề cho Việt Minh, và uy tín của họ đã bị sứt mẻ, và đường lối sai lầm của họ, đã được chính nhân dân nhận thức lấy. Tại sao, họ lại gây ra hành động tai hại này, làm đổ máu bao cố gắng chính trị lèo lái khó khăn, để đưa cả nước vào một cuộc chiến dài, rất dài này?

Hỏi cái gì sẽ xảy ra cho Việt Nam nếu không có vụ nổ súng ngày 19 tháng chạp năm 1946?

KÊU GỌI VÀ GIÁO ĐẦU 1947

Kể từ đầu năm 1947, nhiều nhân vật liên tiếp kéo đến Đông Dương. Những nhận xét của họ nhiều khi trái ngược hẳn nhau. Như Tướng Leclerc được cử đến quan sát, đã tuyên bố khi đi qua Sài Gòn: "Vấn đề chống cộng là một chiếc đòn bẩy rất mạnh, nhưng chưa có chỗ tựa, còn kéo dài chờ đợi đến khi nào có thực lực quốc gia." Ngược lại, Marius Moutet, bộ trưởng bộ Thuộc địa, vốn thuộc đảng Xã hội, cũng được cử đến quan sát, khi trở về đã xác nhận rằng, chỉ có điều đình trở lại với Việt Minh được mà thôi.

Nhờ một số tả hữu bên cạnh, nay tôi đã biết tất cả mọi diễn biến xảy ra ở Việt Nam cũng như ở Paris, thêm một số nơi khác, mà họ đem đến cho tôi hàng ngày, từ phía này hay phía kia, các lời tuyên bố lúc nào cũng nẩy lửa và mâu thuẫn.

Tôi cũng biết rằng Đô đốc Thierry D'Argenlieu, sau nhiều lần tiếp xúc với các nhân vật quốc gia như Ngô Đình Diệm, Nguyễn Mạnh Hà và Hoàng Xuân Hãn, đã viết một tờ trình gửi lên chính phủ Pháp ngày 14 tháng giêng, trong đó ông ta không ngần ngừ gì mà đưa ra giải pháp "trở lại

nền quân chủ cố hữu..." Nhận định ấy được hai nhân vật phụ tá ông ta là ông Pignon và Torel nhiệt liệt tán thành.

Tại Pháp, lúc ấy chính phủ Ramadier vừa thay thế chính phủ của Léon Blum, và ra lời tuyên bố được đọc trước Quốc hội ngày 21 tháng giêng, có câu như sau: "Nước Pháp sẵn sàng thực hiện sự thống nhứt ba kỳ ở Việt Nam, nếu đó là ý kiến chung của tất cả nhân dân Việt Nam, và công nhận nền độc lập của Việt Nam nằm trong Liên hiệp Pháp và trong Liên bang Đông Dương."

Tôi đã sưu tầm được bản Hiến pháp mới của nước Pháp, được Quốc hội bỏ phiếu ngày 27 tháng 10 năm 1946, đặt nền tảng về Liên hiệp Pháp mà sau đó người ta bàn tán rất nhiều. Theo bản này, đã có sự thu hẹp đối với điều mong muốn của tôi. Bản tuyên bố của tân chính phủ có một câu chứng tỏ sự bất nhứt, mập mờ và mâu thuẫn ngay với câu đầu: "Chúng tôi sẵn sàng điều đình với nhà đại diện chính thức và có tư cách của quốc gia." Không có gì rõ ràng hơn.

Có lẽ để tỏ thiện chí, viên Cao ủy Pháp đã công bố ngày 1 tháng 2, một sắc lệnh trao trả quyền hành cho chính phủ Nam kỳ, do Bác sĩ Lê Văn Hoạch, thay thế Bác sĩ Thinh, cầm đầu. Nhưng những biện pháp ấy, chỉ có trên nguyên tắc.

Đầu tháng hai, Giáo trở lại Hongkong. Ông ta báo cho tôi biết về tin tức gia đình tôi, đang trú ẩn tại tu viện của các Cha người Canada ở Huế. Kinh đô Huế cũng trải qua những ngày ghê gớm. Trong một tháng rưỡi, trại binh Pháp bị bọn tự vệ vây chặt kể từ chiều ngày 19 tháng chạp. Hoàng hậu và các con chúng tôi phải rời biệt thự để tránh khỏi bị bắt cóc.

Còn về hoàng cung, thì bị cướp sạch. Nhiều cung điện bị tàn phá. Hai cầu trên sông Hương, và chiếc cầu trên

đường quan lộ, và đường xe lửa bị phá hủy. Tôi không hiểu lý do sự tàn phá này, ngờ rằng đây là do những người làm cách mạng muốn trở về thời cổ lỗ tiêu sơ cũ.

Ở Sài Gòn, Giáo đến gặp Thierry D'Argenlieu, khi ông này biết là đang ở với tôi, nên cho vời. Đô đốc hỏi về hoàn cảnh của tôi cũng như về ý định. Trong dịp nói chuyện, viên Cao ủy Pháp đã tỏ ra thất vọng về giải pháp của Hồ Chí Minh. Giáo cũng đoan với tôi rằng, cuộc nói chuyện chỉ có vậy.

Tuy nhiên, nhiều lần, ông ta luôn nhắc tôi:

— Trong bản tuyên ngôn ngày 21 tháng giêng, chính phủ Pháp đã lưu ý là sẵn sàng thực hiện thống nhứt ba kỳ, và không phản đối nền độc lập của Việt Nam trong khuôn khổ Liên hiệp Pháp và trong Liên bang Đông Dương...

Qua câu nói đó, tôi cảm thấy người Pháp đã rỉ tai Giáo, khi ông này ở Sài Gòn. Ông nay chỉ học thuộc lòng câu ấy mà thôi. Vì vậy tôi đáp:

— Đừng tin như vậy, Giáo. Chính phủ ba thành phần của Pháp hiện nay còn lâu mới thực hiện được mọi chuyện dễ dàng. Phe thì trung thành ủng hộ Hồ Chí Minh, phe thì chống lại do vụ 19 tháng chạp. Còn phe cuối cùng, thì sẵn sàng điều đình với cả mọi người không bỏ ai, trong ván bài chính trị ở nước ta. Như thế là giải pháp không thể thực hiện được.

Đô đốc D'Argenlieu được gọi về Paris. Ngày 5 tháng 3, ông Emile Bollaert được cử làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương. Một cuộc bàn cãi sôi nổi đã xảy ra ở Quốc hội ngày 11, ngày 14, ngày 18 và ngày 20 tháng 3. Ông Ramadier nhắc lại những điều khoản của bản tuyên ngôn ngày 21 tháng giêng:

— Độc lập trong Liên hiệp Pháp có nghĩa là có quyền tự cai trị lấy, có quyền điều khiển nội bộ một cách dân chủ, có quyền thành lập và lựa chọn chính phủ, có quyền đặt thể chế mà nhân dân Việt Nam mong muốn như ý nguyện ấy. Tôi cũng nói rằng thống nhứt ba kỳ, nếu tất cả các dân tộc Việt Nam đều mong muốn, và tôi cần nhắc lại là: Theo hình thức mà họ mong muốn...

Và thủ tướng nhấn mạnh đến những khoản được ghi nhận trong bản hiến pháp được tu chính lại ngày tháng 10 năm 1946:

— Ngoại giao và quốc phòng chung cho tất cả các quốc gia trong khối Liên hiệp Pháp, và Cộng hòa Pháp quốc, vì quyền lợi chung, chịu trách nhiệm điều khiển...

Ông ta giải thích thêm nữa rằng:

— Ngày nay không còn phải bận tâm đến thỏa ước ngày mùng 6 tháng 3. Sự đó chỉ nằm trong khuôn khổ của bản Hiến pháp nội bộ của chúng tôi, và chỉ dùng để có thể tạo dựng được một cơ cấu hữu hiệu... Với ai đây? Chúng tôi xin miễn nêu danh, ông bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại cũng như tôi, chúng tôi không đọc đến tên ai, và chúng tôi cũng không thể đọc được tên ai, vì đang có một tấm màn che khuất các diễn biến ở Việt Nam... Chắc chắn đã có những kẻ tội phạm. Họ là ai? Đó là câu hỏi đầu tiên vậy. Dù sao nữa, chúng tôi không thể bảo rằng dân chúng Việt Nam là kẻ tội phạm. Chúng tôi giơ tay ra đón họ, và sẵn sàng hiến cho họ nền tự do. Vậy thì chỉ có dân tộc Việt Nam chứ không phải chúng tôi, chỉ có dân chúng Việt Nam tự tìm lấy lãnh tụ của mình, họ được tự do tìm kiếm, không bị chúng tôi hay bất cứ ai dùng khủng bố mà bắt buộc họ được. Chúng tôi sẽ nghiêng mình trước sự lựa chọn của họ, vì chúng tôi tin rằng như vậy chúng tôi sẽ được bảo đảm

hơn trong sự điều đình, hơn là điều đình kiểu táp nham, để không thể thỏa mãn được nguyện vọng đích thực của dân chúng.

Câu cuối cùng này, phải chăng là câu chống đối với định kiến của Đô đốc D'Argenlieu đối với tôi? Tôi có quyền nghĩ như vậy. Và cũng chẳng phải chỉ có mình tôi nghĩ như vậy... Ngày 21 tháng 3, Hồ Chí Minh tự chiến khu bí mật, cũng lên tiếng phản đối:

— Một lần nữa, chúng tôi tuyên bố long trọng rằng dân tộc Việt Nam chỉ có một điều... mong ước là nền thống nhứt và độc lập nằm trong Liên hiệp Pháp và chúng tôi cam kết tôn trọng quyền lợi kinh tế và văn hóa Pháp ở Việt Nam. Nước Pháp chỉ cần tuyên bố một chữ là lập tức sẽ ngưng ngay các hận thù, hầu cứu vãn rất nhiều sinh mạng và nối lại tình hữu nghị và lòng tín nhiệm. Nếu bỏ mặc sự thành thực và tha thiết mong muốn hòa bình của chúng tôi, người Pháp vẫn cứ muốn tiếp tục chiến tranh, thì họ sẽ mất hết, không được tí gì, bởi chiến tranh sẽ chỉ đưa đến sự căm hờn, thù hận giữa hai dân tộc...

Một thông tín viên hãng United Press hỏi tôi về lời tuyên bố này:

— Thưa Ngài, với địa vị là cố vấn tối cao chính phủ Hồ Chí Minh, Ngài có nhận lãnh đạo phái đoàn điều đình hay không?

— Không, tôi không nhận điều đình với tư cách cố vấn tối cao...

Câu trả lời ấy có vẻ mập mờ, nên đã được người ta bàn tán xôn xao. Trước mắt quần chúng, quả nhiên tôi vẫn là cố vấn tối cao. Đó là một lá bài mà tôi chưa muốn từ bỏ, nhưng tôi đã quyết định dứt khoát cắt đứt với bọn người đã làm đổ máu, và muốn thắng ở chỗ mà họ đã thất bại.

Nhứt là có nhiều xu hướng đang thành lập. Như đại hội *Mặt Trận Quốc Gia Liên Hiệp* họp ở Quảng Châu, dưới sự bảo trợ của các tướng quân phiệt Trung Hoa, miền Nam, những nhà ái quốc quốc gia Việt Nam lưu vong sang Tàu: Cao Đài, Hòa Hảo, dân chủ xã hội, thanh niên quốc gia, đã họp và đi đến quyết định thành lập "Mặt trận Quốc gia Dân tộc chống Cộng sản" và các lãnh tụ của mặt trận này tuyên bố sẽ đặt dưới quyền điều khiển của tôi.

Ngày 1 tháng 4, vị tân Cao ủy Bollaert tới Sài Gòn. Đối với ai không từng biết vấn đề Á Đông, thì đó là sự đã chọn lầm nghề.

Mới đến nơi, ông này như muốn thanh toán hết những tàn tích của vị cao ủy tiền nhiệm. Léon Pignon, cố vấn chính trị của Đô đốc D'Argenlieu được bổ làm đại diện ở Cộng hòa Cam Bốt và Albert Torel được cho nghỉ về Pháp. Bộ tham mưu của Bollaert gồm toàn người thông thạo các vấn đề Việt Nam: Pierre Messmer trở thành Chánh văn phòng của Cao ủy, và Paul Mus là Cố vấn chính trị. Sự thiên tả của họ ai cũng biết. Vì vậy, Hồ Chí Minh cho Hoàng Minh Giám, bộ trưởng bộ Ngoại giao, tung một thông điệp ngày 19 tháng 4 gửi chính phủ Pháp:

"... Chính phủ Pháp do sự bổ nhiệm vị tân Cao ủy Pháp ở Đông Dương, như có thiện chí đưa nền chính trị đối với Việt Nam vào đường hướng mới, xứng đáng với nước Pháp mới... Để chứng tỏ sự tha thiết của Việt Nam đối với hòa bình, và tình cảm nồng nhiệt đối với dân tộc Pháp, chính phủ Việt Nam đề nghị chính phủ Pháp nên chấm dứt ngay mọi hận thù, để mở những cuộc đàm phán hầu giải quyết mâu thuẫn trong hòa bình."

Tôi đã hiểu Hồ Chí Minh tạm đủ, để biết được rằng, khi đẩy chính phủ của ông Ramadier đến chân tường, ông ta

đã dự trù tất cả mọi điều có thể xảy ra. Trong tất cả mọi trường hợp, dù là người Pháp tin vào lực lượng quân sự của mình, để đặt ra những điều kiện không thể chấp nhận, hay dù cho họ giả trá điều đình, để rồi lật lọng cầm võ khí trở lại, hoặc họ chấp nhận nền tự trị và độc lập bằng cách đưa ra một chính phủ bù nhìn, mà rồi sự dàn xếp chẳng đi đến đâu, Hồ Chí Minh vẫn có cái lợi là đã đi bước trước. Nhưng Hồ Chí Minh đã phạm một lỗi lầm: ông ta không muốn chú trọng đến nhận định của tôi đã báo động vào tháng giêng năm 1946 là nước Pháp không có một tí nào muốn vào đường hướng cộng sản cả.

Quả nhiên, một biến cố bất ngờ đã làm đảo lộn những dự tưởng của ông. Ngày 5 tháng 5, sau cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm ông Ramadier của các dân biểu cộng sản, ông này liền ra một sắc lệnh chấm dứt nhiệm kỳ của tất cả bộ trưởng cộng sản. Hồ Chí Minh mất tất cả các sự hỗ trợ trung thành của mình ở ngay giữa chính phủ Pháp.

Ngày 15 tháng 5, Bollaert đến Hà Nội. Tại đây, ông ta đọc một bài diễn văn chứng tỏ một sự thay đổi quật ngược:

— Nước Pháp vẫn ở lại Đông Dương, và Đông Dương nằm trong Liên hiệp Pháp. Đó là nguyên lý bất di bất dịch đầu tiên của nền chính trị của chúng tôi, và thật là sai lầm khi cho rằng, vì quyền lợi của hòa bình, mà để sự hoài nghi còn lớn vởn trong óc về vấn đề này. Sự có mặt của nước Pháp vẫn tồn tại ở nước này, từ trước đến nay vẫn là một thực tế, mà những nhà lãnh đạo đã nhầm lẫn lớn, nếu không đếm xỉa đến trong sự tính toán của họ...

Sau khi trình bày bằng những lời lẽ mập mờ, những lợi ích cho các quốc gia nằm trong Liên hiệp Pháp, ông ta nhắc lại lời kêu gọi cho tất cả các đảng phái:

— Tôi nói, tất cả các đảng phái, vì chúng tôi không công nhận bất cứ nhóm nào, được độc quyền đại diện cho dân chúng Việt Nam... Thiện chí của tôi không muốn bị lợi dụng. Không ai có thể dùng hình thức khôn khéo, để qua mặt thiện chí đó.

Để chào mừng viên Cao ủy tới Hà Nội, một tờ báo quốc gia, tờ Thời Sự, đăng một lời kêu gọi, đứng tên ba nhân vật, từng là cựu dân biểu đối lập trong Quốc hội Hà Nội như sau:

— Theo ý của chúng tôi, nước Pháp chỉ có thể, và chỉ nên điều đình với cựu Hoàng đế Bảo Đại. Ngài có thể trở về dưới danh nghĩa Hoàng đế, như trước kia, hay dưới danh hiệu Quốc trưởng, nhưng điều quan trọng nhứt là nước Pháp điều đình với Ngài và ủy nhiệm Ngài lập một chính phủ quốc gia, đúng với danh hiệu ấy, gồm các nhân vật có khả năng và đầy đủ uy tín trước mắt nhân dân. Một khi mà nền độc lập của Việt Nam được công nhận và chính phủ quốc gia được thành lập, thì chúng tôi tin rằng tất cả dân chúng sẽ đứng bên cạnh chính phủ và nếu Việt Minh còn ngoan cố không chịu tuân theo, nếu họ cứ tiếp tục phá rối trị an, lúc ấy chính phủ sẽ đảm trách nhiệm vụ dẹp họ như dẹp bọn phản loạn...

Ngày 20 tháng 5, Nguyễn Văn Sâm, đại diện miền Nam cho Mặt trận Liên hiệp Quốc gia tuyên bố:

— Chính phủ Hồ Chí Minh chỉ là một chính phủ cộng sản, theo đuổi chính sách đảng trị và độc tài...

Lời tuyên bố kết thúc bằng sự tán dương "công dân Vĩnh Thụy, một nhà ái quốc, và là người đứng trên hết mọi đảng phái."

Khi trở vào Sài Gòn, ông Bollaert ngày 24 tháng 5, đã ngưng lại ở Huế. Hội đồng An dân Lâm thời và Phong trào

Tập hợp Quốc gia Việt Nam đã nhân dịp tổ chức một buổi biểu dương tinh thần quốc gia và quân chủ của nhân dân thành phố.

Tôi quan sát tất cả những hoạt động đó và chờ đợi.

Tôi không phải đợi lâu. Chỉ vài ngày sau, Cousseau nhân viên cai trị cũ, đang làm việc tại Lãnh sự quán ở Hongkong đến thăm tôi. Tôi tiếp ông ta ở Hongkong khách sạn. Đối với nhân vật đáng mến, biết rõ nước tôi này, sự đàm thoại theo kiểu Á Đông.

Ông ta bắt đầu vào đề:

— Thưa Hoàng thượng, tôi đến đây với tính cách cá nhân thôi...

— Tôi biết lắm. Tôi đáp, và không nuôi một ngờ vực nào về nhiệm vụ mà ông ta đảm trách.

Sau một hồi lôi thôi kể lể những thảm cảnh ở Việt Nam do khủng bố và chiến tranh du kích làm hại kinh tế, ông ta nhấn mạnh đến sự cần phải tái lập hòa bình cho đất nước.

— Thưa Hoàng thượng, Ngài đang muốn có hòa bình. Nước Pháp cũng muốn như vậy. Và Ngài có thể đem đến sự hợp tác quí báu...

Tôi bắt đầu hiểu lý do sự kể lể:

— Tôi có thể đem đến được gì bây giờ? Đồng ý, tôi mong muốn hòa bình, và càng nhanh chừng nào càng tốt, nhưng chẳng có gì trao đổi, khi mà nước Pháp đã không cho lại chúng tôi nền độc lập và thống nhứt đã đạt được từ 1945.

— Thưa Hoàng thượng, Việt Minh đòi ít hơn Ngài.

— Trường hợp ấy, thì nước Pháp cứ điều đình với Việt Minh. Người Pháp vốn hay quên. Ông vừa chẳng bảo tôi rằng trong tất cả các sự liên lạc chính thức, người Pháp

không muốn điều đình với Hồ Chí Minh. Hay là ông coi tôi là một người điên.

Ông ta thú thật với tôi:

— Trước khi đọc diễn văn ở Hà Nội, ông Bollaert đã cử vào đầu tháng năm, viên Cố vấn Chính trị Paul Mus lên Việt Bắc để bí mật gặp Hoàng Minh Giám rồi sau đó Hồ Chí Minh. Ông này đã đưa ra những điều kiện của chính phủ Pháp, để ngưng mọi hận thù: Ngưng ngay tức khắc các hoạt động chiến tranh, khủng bố, và tuyên truyền trao trả lại hầu hết các quân cụ, binh sĩ Pháp đi lại tự do trên toàn lãnh thổ, trao trả tất cả các con tin, các tù binh, hay binh sĩ đào ngũ. Những điều khoản ấy đều do bộ Tham mưu Pháp đòi hỏi. Tất nhiên, Hồ Chí Minh đã coi là không thể chấp nhận được, nếu không muốn nói là ô nhục. Việc mới tới đây. Sau khi các nhân viên cộng sản bị giải nhiệm ở chính phủ, tất cả đang thay đổi. Nay Hoàng thượng là nhân vật đáng giá. Sau lưng Ngài, toàn thể nhân dân Việt Nam đều tập trung thành một khối duy nhứt. Chỉ có riêng Ngài mới tạo được sự tín nhiệm của Pháp.

— Vậy thì nước Pháp hãy thỏa mãn nguyện vọng của dân chúng Việt Nam, nước Pháp hãy trả lại nền thống nhứt và độc lập cho họ.

— Thưa Hoàng thượng, Ngài đang giữ một vai trò vô cùng quan trọng. Tất cả dân chúng đều kêu gọi Ngài, chắc Ngài thừa biết.

— Thế còn các tay tự trị Nam bộ, họ nghĩ sao?

— Đành rằng tính tình họ có khác, nhưng họ vẫn là người Việt Nam, họ sẽ tìm đến Ngài. Hơn nữa, đại diện của họ rồi đây sẽ xác nhận với Ngài.

— Xin nước Pháp hãy bỏ hết lý do đưa đến chiến tranh, nước Pháp hãy trả lại thống nhứt và độc lập cho chúng tôi, không còn cách nào khác.

Có lẽ thất vọng về những đòi hỏi của tôi, ông ta rút lui. Thái độ ấy, vì lý do không muốn đoạn tuyệt với Pháp, buộc tôi phải ẩn nhẫn, để vớt lại tương lai, và để chuẩn bị những đường hướng khác. Vấn đề chính là không nên hấp tấp, có thể cháy tiêu quá sớm.

Viên Cao ủy đi Paris và tới vào ngày 14 tháng 6, để tường trình về sứ mạng của ông ta. Phải chăng ông ta đã đợi câu trả lời của tôi, để ra đi?

Ở Hongkong, các chính khách vẫn tới lui tấp nập. Các tả hữu của tôi rất lo ngại sự chấp nhứt của tôi. Họ nài nỉ tôi lên lãnh đạo phe quốc gia, vì ngại rằng trong trường hợp đối nghịch, tôi đã bỏ lỡ thời cơ, và bị kẻ khác vượt qua. Nhưng tôi biết, khi đạt kết quả hơn Hồ Chí Minh, mà không cần gây hấn với Pháp, tôi mới lãnh đạo được dân chúng của tôi.

Ngày 19 tháng 6, trong một thông điệp bằng vô tuyến, Hồ Chí Minh lại tái xác nhận sự mong muốn hợp tác của dân tộc Việt Nam với dân chúng Pháp, trong khuôn khổ Liên hiệp Pháp, và ấn định những mối bang giao mà ông ta kỳ vọng đạt kết quả với Pháp.

Để cụ thể hóa sự trả lời của tôi đối với Cousseau, và đánh dấu thời gian này, ngày 5 tháng 7 năm 1947, tôi cho phép tờ báo Union Francaise (Liên hiệp Pháp) ở Sài Gòn được đăng lời tuyên bố của tôi sau đây:

"Nếu tất cả dân chúng Việt Nam đều đặt tín nhiệm nơi tôi, nếu mặt khác, sự hiện diện của tôi có thể góp phần đem lại sự giao hảo của dân tộc tôi với người Pháp, tôi sẽ sung sướng để trở về nước. Tôi không ủng hộ Việt Minh và cũng

không chống Việt Minh. Tôi không theo đảng phái nào. Hòa bình sẽ tới nhanh chóng, nếu người Pháp hiểu rằng tinh thần dân tộc tôi bây giờ không giống như trước cách đây mười năm. Tôi không muốn nói dài hơn nữa, vì chính phủ Pháp đã hiểu lập trường của tôi rồi. Đề nghị của tôi là muốn đóng vai trò hòa giải giữa nước Pháp với các phe phái ở Việt Nam."

Không để mất thì giờ — và sự hấp tấp của ông ta chứng tỏ ông ta không đồng quan điểm này — Hồ Chí Minh vội vã trả đũa ngay. Ngày 19 tháng 7, ông ta cải tổ lại chính phủ. Những bộ trưởng quá lộ liễu do hình thức, đều bị hy sinh. Như vậy, Giáp không còn ở trong chính phủ nữa, nhưng lại giữ chức Tổng tư lệnh quân đội. Sau cuộc cải tổ, thành phần chính phủ gồm ba cộng sản, bốn dân chủ, bốn xã hội, hai quốc gia, ba Công giáo, một Phật giáo, tám trung lập, hai quan lại. Tuy nhiên, cộng sản, xã hội, và dân chủ giữ những chức vụ then chốt. Ván cờ đã bắt đầu gay cấn.

Ngày 22 tháng 7, Bollaert từ Pháp về, mở một cuộc họp báo:

— Chúng tôi chờ đợi ở sự xung đột này, không có kẻ thắng, người thua. Chúng tôi chỉ loại trừ ra khỏi cuộc đàm phán này, những kẻ địch không thể điều đình được bởi mất trí, và những kẻ làm chính trị điên khùng. Như vậy, với tất cả các đảng phái, đoàn thể, phe nhóm, trong một tinh thần yêu nước, chúng tôi muốn mở cuộc đàm phán cho một nền hòa bình vĩnh cửu...

Vài ngày sau, Hồ Chí Minh phản pháo bằng cách tiết lộ công khai sự mặc cả của Paul Mus vào tháng năm, và tuyên bố:

— Ông ta đã bảo rằng chính phủ Pháp sẽ gửi cho chúng tôi một trả lời chính thức. Cho đến nay, chẳng có trả lời

nào gửi cho chúng tôi... Ông Cao ủy lại tiếp tục nói rằng muốn đặt nền tảng cho một nền hòa bình vĩnh cửu với tất cả mọi đảng phái. Thế nhưng chính phủ Việt Nam chẳng những biết các đại diện của các đảng phái, mà còn biết cả những nhà ái quốc không thuộc đảng phái nào. Nếu ông Cao ủy thành thực muốn gặp các đảng phái chính trị xứng đáng với danh gọi, ông Cao ủy chẳng cần phải tìm đâu xa...

Và rất khôn ngoan, dưới hình thức một câu trả lời cho một nhà báo phỏng vấn, ông này tiếp tục:

— Nhiều nhân viên chính phủ và cả tôi nữa, đều là bạn thân của Cố vấn Vĩnh Thụy, ai cũng khao khát được gặp mặt lại Cố vấn, và mong muốn người trở về, để cùng chúng tôi chăm lo việc nước. Nhưng hiện nay Cố vấn Vĩnh Thụy, chưa thể dời bỏ Hongkong về được. Chúng tôi dù cách mặt, nhưng chẳng xa lòng. Chính phủ và dân chúng Việt Nam hoàn toàn tin tưởng vào lòng trung thành của Cố vấn Vĩnh Thụy, dù ở ngoại quốc, vẫn tiếp tục làm việc cho chính phủ quốc gia mà Cố vấn vẫn còn là một thành viên.

Lời phản pháo quả thực là đầy thủ đoạn, và cũng làm hoang mang nhiều người, bởi họ tin rằng cặp bài Bảo Đại — Hồ Chí Minh vẫn còn ăn ý bên nhau. Chính phủ Pháp cảm thấy nguy hiểm, vội vã phản ứng ngay, bằng cách cử Thiếu tá Raynaud từ Paris sang gặp tôi. Ông này từng là sĩ quan tùy viên của tôi vào năm 1935-36, và thường là tay bồi tiếp các cuộc tập dượt về thể thao của tôi ở Huế. Đây là một thanh niên đáng mến, tôi tiếp ông ta rất nồng hậu. Sự đó làm ông ta hy vọng đạt được kết quả mong muốn, nhưng khi ông ta nhắc lại những luận điệu y như của Cousseau, thì ông ta cũng nhận được những trả lời y như vậy: Thống nhứt và độc lập trước đã. Ông ta cố gắng làm cho tôi nghe thấy tiếng nói của chính phủ Pháp để phải mềm lòng. Vô ích. Buồn tay cho Raynaud, khi trở về tiu

nghĩu. Ông ta không nhận được ra tôi, ngày nay, lại cứng rắn đến thế. Đấy là tại mười năm đã trôi qua, sau những ngày từng đánh tennis, và đánh golf, và bởi tôi đã học được nhiều.

Ngày 7 tháng 8, Bollaert lên Hà Nội, và chuẩn bị mở một cuộc tấn công mới lớn lao. Quả vậy, ngày 15 tháng 8, Ấn Độ và Pakistan, sau Phi Luật Tân, Nam Dương và Miến Điện, đều được độc lập hết. Vị Cao ủy muốn lợi dụng sự trùng hợp ấy, để nhắc lại lời tuyên bố ngày 22 tháng 7, là đặt nền móng cho tổ chức độc lập "trong khối Liên hiệp Pháp" và đề nghị ngưng bắn tức khắc.

Nhưng ngày 15 tháng 8 qua đi, không có gì xảy ra. Sau tôi mới biết là ông Bollaert bất ngờ đi Paris ngày 12, nên hủy bỏ dự định kia. Cousseau đến giải thích cho tôi lý do sự thay đổi đột ngột chương trình này. Thật sự, ông Bollaert là người cẩn thận, nên trước khi định tiến hành, đã e ngại rằng không rõ chính phủ có đồng ý với dự định của ông ta không. Một bài báo của Léon Blum vừa viết trên tờ *Le Populaire* (Bình Dân) là nguyên nhân cho sự ngập ngừng này. Nhà lãnh tụ thuộc đảng Xã hội này đã viết:

"Vâng, Hồ Chí Minh... mà tôi vừa nhận được vài hôm nay một giác thư riêng, qua đường lối hết sức chính thức†, vẫn là người đại diện chính thức và đủ tư cách của dân tộc Việt Nam..."

Ông Cao ủy bỗng nhiên thấy rằng chính phủ đã không cho ông biết tất cả, và đã "chơi" ông ta. Ván cờ mỗi lúc càng thêm gay cấn. Hồ Chí Minh bắt buộc phải hoạt động. Bị thúc đẩy bởi các nhân vật quốc gia, ông ta buộc lòng

† Đây là Bác sĩ Descoeudres, đại diện hội Hồng thập tự quốc tế, được cử đến Việt Minh với một sứ mệnh hoàn toàn nhân đạo, khi trở về, đã đem lại bức giác thư, cho viên Tư lệnh Pháp để gửi cho người nhận (Léon Blum).

phải đi với họ, và không còn được tự do làm theo định kiến của mình. Còn Cao ủy Pháp Bollaert cũng không tin vào phía hậu thuẫn, và luôn sự bị Paris phủ nhận. Thành ra tôi trở thành chủ động, để cầm cân nẩy mực cho ván bài này. Tiếc thay, tôi lại không có một ưu thế gì. Tôi quyết định cử Trần Văn Tuyên đi dò tại chỗ dư luận quần chúng. Ông ta thuộc Việt Nam Quốc dân đảng, nhưng nhận lãnh sứ mạng mà tôi ủy nhiệm. Sau khi về Hà Nội và Huế, ông ta đến Sài Gòn vào cuối tháng tám. Sau đó, tôi được biết, ông ta đã đi quá nhiệm vụ mà tôi trao phó, và đã tuyên bố nhiều lời sóng gió, coi như lời của tôi. Ông ta thường nhắc rằng:

— Hoàng đế Bảo Đại không còn tự coi là Cố vấn tối cao của chính phủ Hồ Chí Minh nữa. Ngài không phản đối sự liên kết với cụ Hồ, để điều đình với chính phủ Pháp, với điều kiện là sự hợp tác phải bình đẳng, và Việt Minh không được tự coi hơn các đảng phái khác...

Cũng không sao, các đề nghị tới tấp được gửi đến tôi, do nhiều nguồn gốc, để yêu cầu can thiệp.

Trong số quan khách tiếp tục đổ đến Hongkong, tôi thường gặp nhiều lần Thiếu tá Buckley của cơ quan chiến lược Hoa Kỳ (OSS) mà tôi đã từng gặp ở Hà Nội. Không đi sâu lắm, ông ta để cho tôi hiểu là Hoa Kỳ không thích Hồ Chí Minh và sẵn sàng yểm trợ cho bất cứ ai, có thể đưa lại độc lập cho Việt Nam, với điều kiện là không phải cộng sản là được...

Ngày 4 tháng 9, khi ông Bollaert trở lại Sài Gòn, tôi liền tung lời kêu gọi là "mời tất cả các lãnh tụ, bất cứ thuộc quan điểm chính trị nào, hãy đến Hongkong ngày 9 tháng 9 để báo cho tôi biết hiện tình, hầu giúp tôi có thể đạt được kế hoạch thực hiện nền hòa bình trong danh dự và vĩnh cửu."

Ngày 9 tháng 9, có tất cả 24 vị đã đến Hongkong. Trong số này, có các vị người miền Nam là Nguyễn Văn Tâm, thuộc Mặt trận Nam bộ; Nguyễn Văn Sâm, thuộc Mặt trận Quốc gia Thống nhứt: Trần Quang Vinh, lãnh tụ lực lượng Cao Đài. Miền Trung có Chủ tịch Hội đồng An dân thành phố Huế Trần Văn Lý, Cao Văn Chiêu, đại diện trí thức... Tại chỗ, có các lãnh tụ quốc gia lưu vong ở Tàu, và khi vừa đến, họ đã in bản tuyên ngôn chung, là "toàn thể yêu cầu Cựu hoàng Bảo Đại, người đại diện độc nhứt, đủ tư cách của dân tộc Việt Nam ra chấp chính và mở cuộc đàm phán với nước Pháp, hầu tái lập hòa bình ở Việt Nam và thực hiện hòa bình và độc lập."

Một sự thuần nhứt như thế cho cảm tưởng có bàn tay của công quyền xếp đặt, nhưng các cơ quan này rất ngạc nhiên, thấy sự hăng say đã đáp ứng lời kêu gọi của tôi.

Vì vậy, ngày hôm sau 10 tháng 9, Cao ủy Bollaert đọc một bài diễn văn tại Hà Đông, Hà Nội trước mặt các đại diện ngoại giao đoàn cũng như trước số đông dân chúng, định rõ vị trí của nước Pháp. Thật sự thì bài diễn văn này cũng chẳng có dữ kiện mới mẻ gì. Hai chữ "Độc lập" vẫn được tránh né rất kỹ: Thống nhứt nước Việt Nam, nếu người Việt Nam muốn, tự trị nội bộ trong Liên bang Đông Dương và trong Liên hiệp Pháp. Nước Pháp vẫn chịu trách nhiệm về ngoại giao và quốc phòng của nước tôi... Viên Cao ủy nhắc lại lời kêu gọi cho tất cả các gia đình trí thức và mọi giai tầng xã hội ở Việt Nam, yêu cầu họ tự lựa chọn — không nói dưới hình thức nào — "để đại diện cho mình, trong trường hợp này, những người có khả năng đạt đích." Nhưng ông ta không quên nói rõ rằng, quả nhiên chẳng có gì đáng ngờ hơn là "sự thất sủng, mà một số lãnh tụ đã gây ra cuộc chiến tranh du kích phải chịu hy sinh, cũng chẳng có thể thay đổi được lợi lộc gì cho dân chúng Việt Nam

trong việc tìm kết quả của các hiệp định riêng biệt, mà người ta có thể dùng hình thức điều đình được. Như vậy, hòa bình không thể thực hiện được, nếu nó là tác phẩm của một phe phái..."

Chúng tôi quả đã thụt lùi, so với bài diễn văn dự định đọc ngày 15 tháng 8. Ai cũng thất vọng, và các vị do tôi triệu tập ở Hongkong ngày 9 tháng 9 đã xác nhận sự tín nhiệm tôi và nói rằng, những đề nghị của Pháp không thỏa mãn được nguyện vọng chính đáng của dân chúng Việt Nam và cũng không phải là loại có thể đem lại sự hòa dịu hầu kiến tạo hòa bình lâu dài.

Cousseau đến gặp tôi:

— Thưa Hoàng thượng, Ngài cần phải trả lời bài diễn văn của ông Bollaert. Tôi cam đoan với Ngài rằng, ông Cao ủy sẽ hoan nghênh bài trả lời của Ngài.

— Thế ông ấy có đọc đến hai chữ *"Độc lập"* hay không?

— Dạ có, nhưng ông ta đọc bằng tiếng Việt Nam.

— Tôi thấy quả là lạ lùng, và có thể nói là chướng nữa.

— Thưa Hoàng thượng, xin Hoàng thượng thông cảm về hoàn cảnh của nước Pháp. Nếu hôm nay đọc ở đây hai chữ "Độc lập" thì đó là châm ngòi lửa cho cả Phi châu.

— Không, tất cả sự đó là vô nghĩa và không thể chấp nhận được.

— Thưa Hoàng thượng, xin Hoàng thượng hãy đề phòng Hồ Chí Minh, ông ta có thể vượt Hoàng thượng lắm.

— Không, tôi không muốn trả lời... Tôi đi câu đây.

Kiên trì với chiến thuật ấy, tôi đợi phản ứng. Phản ứng của Việt Minh do bộ trưởng Ngoại giao Hoàng Minh Giám tung ra ngày 15, tuyên bố rằng: "Tự trị không quân đội, và không ngoại giao thì chẳng có nghĩa lý gì," nhưng ông ta

tiếp: "Nước Pháp hãy công nhận một cách rõ ràng và minh bạch nền thống nhứt và độc lập của Việt Nam, thì máu của người Pháp và người Việt sẽ ngưng chảy lập tức."

Thật sự, tôi bắt đầu làm việc với Giáo và với Bác sĩ Quế.

Ở Pháp, sau khi giải nhiệm số bộ trưởng cộng sản trong chính phủ, thì phe hữu tăng cường vị trí của họ. Mỗi ngày càng rõ ràng, họ sẽ không bao giờ điều đình với Hồ Chí Minh. Đảng Việt Minh không còn đất để chạy nữa. Như vậy, thời gian đã điểm để tôi điều đình. Có hai dữ kiện thuận lợi cho tôi về vấn đề này.

Một mặt dù tôi không còn tin tưởng và số phận sau cùng của Quốc dân đảng Trung Hoa, họ vừa đạt được một lợi điểm trong cuộc chiến đấu chống Mao Trạch Đông, khi tái chiếm lại Diên An. Mặt khác, tình hình căng thẳng giữa Nga Sô và Mỹ, và Hoa Kỳ không bỏ dịp nâng đỡ nền độc lập của Việt Nam, nếu nền độc lập này được thực hiện, không có cộng sản trong chính phủ. Cuối cùng, các hành động ủng hộ tôi đã liên tiếp nổi lên ở Huế, ở Hà Nội và Sài Gòn, trong suốt thời gian tháng chín.

Đúng vậy, thời gian đã đến rồi. Nay đến lượt tôi, lần đầu tiên, kể từ khi thoái vị, ngày 18 tháng 9, tôi gửi lời kêu gọi dân chúng:

"Đồng bào Việt Nam thân mến,

"Để khỏi làm đổ máu đồng bào, tôi đã từ bỏ ngai vua của tổ tiên tôi,

"Đồng bào đã muốn trao vào tay những nhà lãnh đạo mới, trách nhiệm hướng dẫn số phận của mình, tôi đã sẵn sàng rút lui. Tôi đã thoái vị và chọn con đường lưu vong để khỏi là một trở ngại cho cuộc thí nghiệm này, mà đồng bào đã nghĩ rằng có thể đem hạnh phúc đến cho mình.

"Từ nơi đất lạ mà hiện nay tôi trú ngụ, tôi vẫn theo dõi khi với hy vọng, khi với niềm chua xót, sự phát triển của những trang đời khốc liệt mới, đầy bi thảm của Lịch sử nước ta. Tôi không lạ gì niềm hy vọng, cũng như nỗi lo âu, sự băn khoăn về điều bất hạnh của đồng bào.

"Mặc dù nền độc tài vẫn tìm cách bịt miệng đồng bào, ngày nay tôi đã nghe thấy tiếng gọi và tiếng kêu thương tuyệt vọng của đồng bào, đồng bào đã vẽ nên một bức tranh thống khổ, và kê khai bao điều bất hạnh mà dân tộc Việt Nam ta phải gánh chịu, sau hai năm kinh nghiệm, mà các chủ nhân của đồng bào đã nắm quyền cai trị tuyệt đối gây nên.

"Như vậy, dần dà niềm hy vọng và hạnh phúc của đồng bào cũng bị mất đi, dù đã được sự tuyên truyền khôn khéo, và một lý tưởng ngoại lai cám dỗ ban đầu. Trong niềm tuyệt vọng, đồng bào đã chạy đến tôi. Đồng bào kêu gọi đến uy tín và quyền hành của tôi để đem về cho đất nước bị chiến tranh tàn phá, một cuộc chiến huynh đệ tương tàn, một nền hòa bình như ở các nước tự do và bình đẳng, một nền hòa bình căn bản của an ninh và trật tự.

"Đồng bào mong mỏi rằng tôi sẽ là người đứng điều đình với nước Pháp, do tiếng nói của vị đại diện ở Việt Nam, Ngài Cao ủy Bollaert, đã rõ rệt kêu gọi đồng bào, trong bài diễn văn đọc ở Hà Đông, yêu cầu đồng bào chọn các người mà đồng bào tín nhiệm.

"Đáp ứng lời kêu gọi của đồng bào, tôi nhận sứ mạng mà đồng bào trao phó, và sẵn sàng để bắt liên lạc với nhà cầm quyền Pháp. Với họ, tôi sẽ nghiên cứu tất cả mọi khía cạnh của những lời đề nghị đối với chúng ta.

"Trước hết, tôi muốn đạt được độc lập và thống nhứt, đúng như nguyện vọng của đồng bào, đạt tới những thỏa

hiệp do sự bảo đảm hỗ tương, và có thể xác nhận với đồng bào là lý tưởng mà chúng ta từng dũng cảm chiến đấu trong cuộc kháng chiến gian lao, sẽ đạt được toàn diện.

"Như vậy, nhờ vào quyền lực và uy tín của tôi, để có thể đóng vai trọng tài cho mọi tranh chấp nội bộ giữa anh em trong nhà với nhau, bởi vì mục đích đã đạt thì không còn gì phải chống lại nhau nữa, khi hòa bình đã được lập lại. Nền hòa bình căn bản của phồn thịnh, và an ninh mà tôi sẽ đem lại cho đồng bào, tôi muốn giữ mãi. Thời gian sẽ xoa dịu mọi tham vọng, ganh đua. Trong hợp tác, tất cả người Việt Nam chúng ta sẽ xây dựng một nước Việt Nam tốt đẹp, huy hoàng, theo căn bản mới, tạo nguồn sinh khí trẻ trung, dồi dào trong nền văn hóa cổ truyền uy nghi và mãnh liệt của tổ tiên xưa."

Thật đã khá rõ ràng. Như Việt Minh, tôi từ chối đề nghị của ông Bollaert, và xác nhận lập trường của tôi: Độc lập và Thống nhứt, nhưng trái với Hồ Chí Minh, tôi đi bước trước. Ngày hôm sau có lời tuyên bố ấy, Mặt trận Quốc gia Thống nhứt chấp nhận nội dung, tái xác nhận sự tín nhiệm của họ đối với tôi, đồng thời kêu gọi dân chúng Việt Nam siết chặt hàng ngũ bên tôi.

Quyết định của tôi có ảnh hưởng gần như tức khắc. Tôi gửi một bức điện cho Bác sĩ Lê Văn Hoạch; đường lối thống nhứt bắt buộc phải đưa đến sự giải tán chính phủ của Cộng hòa Tự trị Nam kỳ. Theo sự gợi ý của tôi, vì không thể giải quyết theo kiểu ấy, Lê Văn Hoạch vốn cầm đầu chính phủ gần một năm, liền từ chức ngày 29 tháng 9. Vị thầy thuốc Cao Đài này, nguyên quán người Bến Tre, là một người lương thiện. Từ nguyên thủy, theo qui chế của phe nhóm, ông hoàn toàn thuộc nhóm ly khai địa phương, sau trở thành Nam kỳ Tự trị, trước khi chấp nhận một thái độ có

hảo ý với vấn đề thống nhứt. Sự tiến triển này của ông ta làm cho ông bị chống đối bởi xã hội thuộc địa, và những người đại diện của nhóm ấy được đưa vào trong hội đồng của ông. Tướng Xuân vừa từ Pháp về, vốn có nhiều liên lạc ở Pháp, nhứt là các người thuộc phe tả ôn hòa, liền được bầu làm Thủ tướng chính phủ Nam kỳ Tự trị ngày 1 tháng 10, và bắt đầu lập chính phủ.

Là cựu sinh viên trường Võ bị Bách khoa, thiếu tướng trong quân đội Pháp, tướng Xuân sống ở Pháp nhiều hơn ở Việt Nam. Tôi biết rõ ông ta. Ông ta vào một đoàn thể có xu hướng dung hòa đang sáng giá tại Pháp. Giữa một giải pháp Mác-xít và giải pháp quân chủ, sao lại không thể có một giải pháp thứ ba, một "đường hướng trung dung" na ná như tư tưởng của Khổng Phu tử? Trong óc Xuân, giai đoạn một, chấp nhận một thứ liên hiệp của ba kỳ. Miền Bắc với Hồ Chí Minh, miền Trung với Bảo Đại, miền Nam với Xuân. Đến giai đoạn hai, sẽ loại Hồ Chí Minh cộng sản ra ngoài, và Bảo Đại sẽ là sự phục hưng của nền quân chủ, để tạo ra một thứ cộng hòa dân chủ, xã hội và tiến bộ. Ý tưởng ấy phù hợp gần hoàn toàn với chủ trương dung hòa, mà các đảng phái chính trị ở Pháp đang muốn cân bằng giữa các đảng ấy.

Theo tôi, giải pháp ấy thật đáng nghi ngờ, bởi vì ngay giai đoạn đầu, nó có thể trở lại nền tự trị Nam kỳ quốc, làm hại cho sự kiến tạo nền thống nhứt. Để vắn tắt, ngày 5 tháng 10, tôi gửi một điện văn cho viên Cao ủy yêu cầu bãi bỏ ngay chính phủ Nam kỳ, và thay vào đấy bằng một Hội đồng An dân như đã có ở Huế, và ở Hà Nội.

Nhiều sự kiện gián tiếp có lợi cho giải pháp của tôi. Một mặt, Tướng Xuân gặp rất nhiều khó khăn để lập chính phủ. Mặt khác, ngày 7 tháng 10, quân đội Pháp mở cuộc hành quân rộng lớn, đánh lên Việt Bắc ở cả hai miền thượng du

và trung du nơi có căn cứ quân sự và chính phủ trung ương của Hồ Chí Minh. Cuộc hành quân kéo dài tới cuối tháng 10, đánh một trận quyết liệt đối với kháng chiến Việt Minh, làm cho bộ Tư lệnh và Tổng tham mưu bị tan rã hoàn toàn.

Sự kiện cuối cùng là tình hình chính trị ở Pháp cũng tiến triển mau lẹ, theo chiều hướng mà tôi cảm thấy trước, và ngày 21 tháng 11, sau vụ khủng hoảng về nhân sự, lãnh tụ đảng Xã hội Ramadier phải nhường chỗ cho Schuman thuộc đảng (MRP) Cộng hòa thân hữu của Tướng De Gaulle. Ở bộ Pháp quốc Hải ngoại, cũng vẫn là MRP, Paul Coste Floret thay thế viên bộ trưởng Xã hội Marius Moutet. Vị tân bộ trưởng này không dấu sự ác cảm dối với Việt Minh ra mặt.

Tuy nhiên, tôi không nhận được bản trả lời chính thức của vị Cao ủy đối với bức điện văn của tôi, nhưng Tướng Xuân, sau khi tham khảo với nhân viên chính phủ của ông, đã có sáng kiến là thay thế tên gọi của "Chính phủ Cộng hoà Tự trị Nam kỳ" bằng danh xưng "Chính phủ Lâm thời miền Nam Việt Nam."

Cuối cùng, trong những ngày cuối tháng 11, tôi lại nhận được sự thăm viếng của Cousseau.

— Thưa Hoàng thượng, nay nhân vật Hồ Chí Minh đã bị gạt ra ngoài rồi, tôi được ủy nhiệm đến thưa với Ngài rằng, Cao ủy Bollaert ước mong sớm được gặp Ngài.

— Hẳn ông biết lập trường của tôi rồi chứ, ông Cousseau. Thế mà bài diễn văn ở Hà Đông không đáp ứng được bất cứ điều kiện nào.

— Thưa Hoàng thượng, tôi được phép thưa với Ngài rằng, viên tân bộ trưởng Pháp quốc Hải ngoại đã bảo đảm cho ông cao ủy rồi. Ông bộ trưởng đã hiểu thấu nguyện vọng của nhân dân Việt Nam về độc lập và thống nhứt.

Nếu nguyện vọng này đã được thể hiện bởi một chính phủ thật sự quốc gia, quan tâm đến những giao ước này, thì không còn vấn đề nữa. Thời gian đã đến để bắt tay vào việc đàm phán trực tiếp. Dù sao nữa, những đề nghị đọc ở Hà Đông, không phải nằm trong một chương trình vĩnh cửu.

XẢO QUYỆT NGOẠI GIAO 1947 — 1948

Tôi đã quyết định. Những dữ kiện đã đủ, để tiến thêm một bước. Tôi báo cho các nhân viên thân tín của tôi, và đề cử hoàng tùng đệ Vĩnh Cẩn sửa soạn để theo tôi đi gặp Cao ủy Pháp. Ngày 6 tháng 12, chúng tôi đi chiếc thủy phi cơ Catalina thuê của hãng hàng không dân dụng Úc, và mấy giờ sau, chúng tôi hạ cánh ở vịnh Hạ Long cạnh chiếc thủy đỉnh Duguay Trouin, dùng làm soái hạm cho ông Bollaert.

Ông này tiếp đón tôi ở đầu mũi tàu, có rất đông tùy viên bao quanh. Tướng Valluy, Đô đốc Battet và nhiều nhân viên cao cấp trong đó có Pierre Messmer đều có mặt. Thời tiết cuối thu thật êm ả, dịu dàng. Chúng tôi vào bàn tiệc trong một bầu không khí thoải mái và tín nhiệm. Ai cũng có vẻ thân ái với tôi.

Sau bữa ăn sáng, trong buồng chỉ huy, ông Bollaert và tôi đối diện nhau, tay đôi. Cuộc nói chuyện bắt đầu. Ông cao ủy như đầy nhã nhặn. Ông dùng giọng thành thực nói về Thủ tướng Henriot, là "quan thầy" của ông ta trước kia, mà tôi từng gặp ở Pháp, rồi nói về hoàn cảnh hiện tại, ông

rất có cảm tình với dân chúng Việt Nam, và vô cùng cảm động về nguyện vọng của họ đối với nền độc lập và thống nhứt đất nước...

Tôi giữ thái độ yên lặng và dè dặt.

Bất thình lình, ông Bollaert đứng lên, lấy một chiếc sơ-mi bằng da để ở trên bàn, rồi lôi ra hai tờ tài liệu mà ông đưa cho tôi. Tài liệu đầu, được trình bày như bản tuyên ngôn chung, mà tôi nhặt được một cách hài lòng hai chữ "độc lập" đã được nói đến. Và tài liệu thứ hai là một tờ lịch trình ghi chú có hình thức đặt căn bản cho những vấn đề sẽ bàn đến. Nó liên quan đến hình thức ngoại giao, quân sự, văn hóa, tài chánh, chuyên môn... Sau khi xem qua, tôi trả lại cho ông ta.

Ông Bollaert liền để lên bàn. Sau cặp kính trắng, mắt ông bỗng sáng hẳn lên. Với một giọng niềm nở, ông đưa cho tôi chiếc bút máy và nói:

— Thưa Hoàng thượng, tôi đề nghị cụ thể hóa cuộc gặp gỡ ngày hôm nay của chúng ta, là mời Ngài ký vào hai văn kiện này...

— Thưa ông Cao ủy, Ngài bảo muốn gặp tôi. Vậy đây là cuộc tiếp xúc mà tôi tới với Ngài. Mặc dù những lời kêu gọi mà tôi nhận được, tôi chỉ đại diện cho một mình tôi thôi, và tôi chỉ đến để nghe lập trường của Ngài. Như vậy, không có vấn đề ký kết bất cứ cái gì, bởi tôi không được ai ủy nhiệm làm như vậy cả.

— Thưa Hoàng thượng, tuy nhiên, hai bản này phù hợp với nguyện vọng của nhân dân Việt Nam. Chẳng cần nó bảo đảm gì cho tương lai, chữ ký của chúng ta chỉ có nghĩa là chứng nhận sự gặp gỡ này mà thôi.

— Nhưng, thưa Ngài Cao ủy, nếu chỉ cốt để chứng minh sự gặp gỡ này, cần gì phải ký, chỉ một tấm ảnh cũng đủ.

Tôi nhìn mặt ông ta. Ông ta tái đi. Tôi làm ra bộ muốn rút lui, ông ta nhìn tôi chầm chập, cất bút và đột nhiên đỏ mặt. Tôi cảm thấy ông ta sẵn sàng nổi nóng, liền đứng dậy không nói một lời, và bước ra theo Vĩnh Cẩn đang đứng ở trên boong.

Các tùy viên của Cao ủy đã đi hết. Buổi chiều, chúng tôi ăn cơm với viên hạm trưởng và các sĩ quan trên tàu. Sau bữa ăn, chúng tôi lui vào các buồng tàu dành cho chúng tôi.

Bản dự thảo về lời tuyên bố chung có thể coi như tạm được, nhưng về bản thể chế thực hiện đã mang tính chất hạn chế không thể chấp nhận được đối với chủ quyền của Việt Nam. Thật vậy, những hạn chế này chỉ là sản phẩm lệ thuộc vào cái gọi là Liên hiệp Pháp và một Liên bang Đông Dương, và không có gì để bàn cãi nữa. Mảnh giấy kia chỉ là sự trình bày vị trí của nước Pháp liên can đến nhiệm vụ của nước Pháp trong vấn đề phòng thủ, về ngoại giao, về trọng tài, về các cơ sở chung giữa ba nước Liên hiệp ở Đông Dương. Nhưng nó cũng lại có nhiều khoản nói về qui chế cho các sắc dân thiểu số ở Việt Nam, qui chế cho ngoại kiều, vốn nằm trong chủ quyền riêng rẽ của Việt Nam. Tôi không thể chấp nhận các điều khoản ấy dưới bất cứ hình thức nào, và quyết định giữ vững lập trường của mình.

Sáng ngày hôm sau, tôi không thấy viên Cao ủy tới. Trời rất đẹp. Vịnh Hạ Long êm ả vô cùng. Cạnh chiến hạm, chiếc thủy phi cơ nhẹ nhàng rập rềnh theo sóng lững lờ. Tôi phải trở về vào buổi chiều, vì máy bay chỉ thuê có hai ngày. Bữa ăn sáng rất sớm. Ông Bollaert như đã lấy lại được bình tĩnh. Câu chuyện kéo dài, nhưng tôi cảm thấy ít nhiều gay cấn. Khi ăn xong, Cao ủy kéo tôi sang buồng hạm trưởng.

Khi chỉ còn hai người, ông ta trở lại cuộc tấn công:

— Thưa Hoàng thượng, chúng ta không thể chia tay như thế này được.

Ông ta mở hai bản văn kiện ra bàn, và trước mặt tôi, ông ta ký trước. Tôi nhìn ông ta. Tôi chẳng mất mát gì lớn cả. Khi ký bản tuyên ngôn chung, tôi chỉ đưa đến sự công nhận của điều mong muốn của chính phủ Pháp, coi tôi là người duy nhứt để đàm phán thế thôi. Không một câu, tôi đặt bút ký hai chữ Vĩnh Thụy bên cạnh chữ ký của ông ta.

Ông Cao ủy không dấu được nụ cười đắc thắng. Ông ta lại định tiếp tục tiến tới, và để vào trước mặt tôi, bản văn kiện thứ hai nói về thể chế. Tôi bỏ bút xuống và đứng lên.

— Thưa Hoàng thượng, tôi xin Ngài ký luôn vào bản nói về thể chế này.

— Dạ không, thưa Ngài Cao ủy. Ngài muốn có một chữ ký, thì tôi đã ký rồi. Sự đó chứng tỏ thiện chí của tôi rồi.

Cuộc thảo luận lại trở lại. Viên Cao ủy nài nỉ. Tôi nhắc lại cho ông ta rằng, với văn kiện này, với lý do hạn chế mà nó bổ túc cho bản tuyên ngôn, thì không thể chấp nhận cho dân chúng Việt Nam được. Mặt ông Bollaert lại đỏ lên. Tôi thấy rõ rằng, với ông ta, hai bản này chỉ là một, và khi tôi chỉ ký một bản đầu, thì tôi đã vô hiệu hóa tác phẩm của ông ta.

Trước sự từ chối cương quyết của tôi, ông ta thay đổi thái độ, và trở thành cầu khẩn. Ông ta kêu lên:

— Nhưng tôi sẽ nói với chính phủ ra sao bây giờ?

Tôi giữ lặng im. Bên ngoài đã nghe tiếng gầm rú của thủy phi cơ, mà viên phi công đang hâm cho máy đứng yên.

— Thưa Hoàng thượng, đây chỉ là một tài liệu được giữ kín. Chữ ký của Hoàng thượng chỉ có nghĩa là Ngài đã biết nội dung, và một bản sao đã được đệ trình Ngài.

Nghe lý lẽ tầm thường ấy, tôi không khỏi cảm thấy thương hại cho người này, đang bị tàn tạ, hoảng hồn trước ý nghĩ thất bại của mình. Thời giờ thôi thúc. Giờ lên tàu của tôi đã qua rồi. Vì vậy, để cắt ngắn tôi bảo ông ta:

— Nếu cái này có thể giúp cho cá nhân ông, tôi sẵn sàng duyệt được.

Và cũng chẳng cần ngồi, tôi viết tắt ở phía dưới hai chữ: V.T. rồi đi ra.

Vĩnh Cẩn đợi tôi ở đầu tầu, hơi sốt ruột. Viên Cao ủy chạy theo tôi, và đưa cho người em họ tôi mấy tờ giấy và ông này nhét vội vào cặp.

Ít lâu sau, trước lúc mặt trời lặn, chúng tôi đã về đến vùng Hongkong. Sau lần gặp gỡ ấy, tôi thấy một cảm giác nặng nề, có tư tưởng rằng, người Pháp không thành thực. "Cho tay này, giữ tay kia" hình như là một kế hoạch hơn là một thói quen của họ. Có lẽ họ cần phải nhớ câu nguyên tắc về tư hữu cổ xưa này: Cho rồi giữ lại, chỉ đáng...

Hôm sau, tôi thông báo cho các người thân cận, bản văn kiện do Vĩnh Cẩn mang về. Sự hiện hữu của hai tiếng tủ Độc lập trong bản tuyên ngôn chẳng xóa đi sự tức giận về điều hạn chế trong bản nói về thể chế phụ đính.

Ngay sau buổi gặp gỡ kia, ông Bollaert liền đi Paris ngay. Có thể, ông ta lấy làm hãnh diện được trưng bày chữ ký của tôi, cũng có thể ông ta đã phân giải với tình tiết nào, ông ta đã lấy được chữ ký này. Điều đáng chú ý, là chờ xem phản ứng của chính phủ Pháp và tầm quan trọng mà họ dành cho hai bản văn kiện kia. Một mặt, thật khó đoán được phần riêng rẽ mà viên Cao ủy dành cho vụ này, và

mặt khác, vị trí thực sự của chính phủ Pháp không phải chỉ bao gồm vào điều ghi trong hai văn kiện ấy. Chính trị của nước Pháp đang bị chi phối bởi tam đầu chế thật quá bấp bênh. Tốt hơn hết là cần phải thăm dò tại chỗ. Nhưng tôi không đi Paris, để gặp nhiều bất trắc, khi diện đối diện với ông Bollaert. Hoạt cảnh gần đây trên tàu Duguay Trouin, nhắc tôi về quá khứ, mỗi ngày càng thấy khả ố, đáng tởm. Vậy thì tôi đi Genève chơi vài ngày. Đây là nơi quan sát lý tưởng và có nhiều tin đổ đến dồi dào.

Trước khi đi, tôi muốn thông tin cho các nhà đương quyền ở Việt Nam và muốn biết phản ứng của họ.

Tôi liền mời đến Hongkong, vị Thủ tướng Chính phủ Lâm thời miền Nam Việt Nam Nguyễn Văn Xuân, và Trần Văn Lý, chủ tịch Hội Đồng An Dân ở Huế. Tôi yêu cầu Ngô Đình Diệm đến cùng với họ. Họ đến vào ngày 19 tháng chạp, và chúng tôi hội với nhau trong ba ngày. Tất cả ba đều nhận bản tuyên bố chung thì được, nhưng khi đọc bản văn kiện nói về thể chế đều tỏ vẻ tức giận. Diệm là người nổi sùng nhứt. Đối với ông ta, sự nhượng bộ của Pháp ít ỏi rõ rệt còn về sự hạn chế chủ quyền, khi vào Liên hiệp Pháp, thì lại càng vô lý. Lý cũng đồng quan điểm với ông ta. Tất cả hai, đều bị ảnh hưởng của sự giải phóng thuộc địa đang tiếp diễn ở Ấn Độ và ở Miến Điện, đều trình tôi một dự án tạo cho Việt Nam một thể chế tự trị, chỉ còn liên hệ với chính quốc bằng sợi giây văn hóa. Trước mắt họ, đây là một giải pháp duy nhứt mà người quốc gia Việt Nam có thể chấp nhận được. Xuân thì kém cương quyết hơn, quan điểm của ông ta gần với quan điểm của Giáo. Tất cả, chúng tôi đặt ra một hình thức, có thể co dãn, trường hợp mà chính phủ Pháp muốn lợi dụng chữ ký của tôi: như điều mà tôi đã báo ông Bollaert lúc mới bắt đầu nói chuyện: tôi đến vịnh Hạ Long để tìm hiểu với tính cách riêng tư, và không được ai

ủy nhiệm để đàm phán với Pháp. Thật vậy, những đề nghị của ông Bollaert ở vịnh Hạ Long, chẳng có gì đáng kể hơn những đề nghị đã từng được ông ta đọc ở Hà Đông.

Ngày 24 tháng chạp, sau khi từ chối Cousseau muốn dành cho tôi một chiếc máy bay Pháp, tôi đi chiếc Sunderland của hãng BOC, thuộc hàng không Anh quốc để sang Âu châu. Cùng đi với Vĩnh Cẩn, chúng tôi bất ngờ được dự Noel trên máy bay, xung quanh cây thông đồ sộ dựng trong máy bay. Qua các chặng nghỉ Bangkok, Calcutta, Karachi, Le Caire, các đại sứ hay lãnh sự Pháp đều nhân danh nước Pháp đến chào mừng tôi. Tôi đã không lầm. Hồ Chí Minh trong thời gian sang Pháp năm 1946, để dự hội nghị Fontainebleau, cũng đã được cái vinh dự ấy.

Sau chặng nghỉ cuối cùng Chypre, ngày 29 tháng chạp, chúng tôi đến phi trường Liverpool, ở đó, đại sứ Pháp, ông Massigli đã cho một chiếc ô tô để đưa tôi đến Luân Đôn, mà đã có một số người chờ đợi tôi ở Claridge. Tôi nghỉ ở đây hai ngày, cùng với Vĩnh Cẩn, và lợi dụng cuộc đi nghỉ ngơi ngắn ngủi này, để dự xem một màn xiếc. Mộng cũ ngày xanh, chúng tôi vui thích xem những trò hề. Ngày 1 tháng giêng năm 1948, lại một chiếc máy bay Anh đưa tôi đi Genève, ở đó có màn "xiếc" khác đang đợi. Chúng tôi nghỉ ở khách sạn Richemond.

Tại đó, tôi được biết các tin tức cuối cùng. Ông Cao ủy biết ý nghĩ của tôi, khi sang du lịch Âu châu, và sự phiền hà của tôi không muốn gặp ông ta. Kể từ ngày 23 tháng chạp, ông ta đã được chính phủ cấp cho một lời chấp nhận, chỉ cho phép một mình ông ta độc nhứt được tiếp xúc với tôi mà thôi: "Chính phủ đã quyết định trao trọn quyền cho Cao ủy Pháp ở Đông Dương để tiếp tục cuộc đàm phán, ngoại trừ với chính phủ của Hồ Chí Minh, đem lại hòa bình và tự do trên khắp lãnh thổ Việt Nam." Và trong một cuộc

họp báo, khi ông ta trở về Sài Gòn, ông ta không quên nhấn mạnh rằng:

— Chính phủ Pháp đã nhận lời từ chối dứt khoát của Việt Minh đối với những điều khoản dành cho dân tộc Việt Nam, và cương quyết gạt ra ngoài vĩnh viễn mọi sự đàm phán tương lai đối với cái gọi là chính phủ Việt Minh ấy, và với cái đảng đã yểm trợ họ, và tiếp tục đàm phán với nhân vật duy nhứt, đã hiểu thấu vị trí của mình, đối với những đề nghị của Pháp.

Và như vậy là nói hơi nhanh một chút. Tại Paris, tuy nhiên, sự việc không tiến triển mau lẹ như vậy. Dù sao nữa, ngay trong lòng chính phủ, việc thống nhứt quan điểm về giải pháp kia vẫn chưa thực hiện được. Các đảng viên xã hội đã tức giận sự gạt bỏ chính phủ Hồ Chí Minh ra ngoài và không dấu ác cảm của họ đối với tôi. Nhưng phe hữu ở Pháp cũng không phải là không cay cú. Còn lãnh tụ phe De Gaulle Gaston Palervski, trong một cuộc meeting đã cực lực đả kích chính phủ:

— Người ta đang chuẩn bị loại bỏ một phần đất đai của lãnh thổ Pháp. Một chính phủ của thiểu số không đủ tư cách cho việc này. Chọn từng chữ một, tôi bảo quí ông rằng, chúng ta cần phải xét lại trường hợp này, cũng như những trường hợp tương tự, là chữ ký của chính phủ thiểu số không thể là tiếng nói của nước Pháp được.

Đó chính là triệu chứng xấu, đối với sự sát nhập Nam kỳ vào sự thống nhứt của cả ba kỳ. Và thêm vào đấy, đây là lời viên Bộ trưởng Ngoại giao Georges Bidault, chống lại lập trường của Bollaert, mà ông ta coi như là những nhượng bộ quá trớn và nguy hiểm.

Ông ta mãnh liệt chống lại việc sử dụng danh từ "độc lập," e ngại rằng sẽ đưa đến hậu quả tai hại ở Bắc Phi. Hơn

nữa, ông ta cũng không chấp nhận mở rộng cửa cho nền ngoại giao của Việt Nam được tách rời ra khỏi nền ngoại giao của Pháp. Tất nhiên, sự chênh lệch đã quá xa, y như người ta nói ở Việt Nam, mà nghĩ ở Paris. Tôi tự thấy khôn khéo đã đến Thụy Sĩ, vì vừa có chỗ quan sát tốt vừa đủ ra thoát nanh vuốt của viên Cao ủy, để khỏi bị tù túng nhào nặn. Nhưng ông ta vẫn chưa chịu bỏ cuộc.

Im lặng như tờ, ông ta lấy máy bay đi Paris, nghỉ 48 giờ ở kinh thành hoa lệ và ngày 7 tháng 1 năm 1948, sang Genève và xin gặp tôi.

Chúng tôi hội ở khách sạn Hôtel des Bergues.

Ông ta không cần phải bóng gió gì và cũng không ngừng ngập gì, bảo tôi ngay:

— Thưa Hoàng thượng, tôi đến để mời Ngài trở về Việt Nam để áp dụng những điều khoản đã tuyên bố trong bản thông cáo chung và trong bản thể chế ngày 7 tháng chạp.

— Thưa Ngài Cao ủy, chắc hẳn Ngài cho phép tôi được ngạc nhiên về sự thôi thúc của Ngài. Tôi xin nhắc lại rằng, tôi đến vịnh Hạ Long thể theo lời mời của Ngài, với tư cách tư, và tôi không nhân danh chức vụ gì, ủy nhiệm gì, để hoàn tất bất cứ công tác nào. Sau nữa, Ngài đã có tại chỗ, Tướng Xuân, hiện đang là thủ tướng Chính phủ Lâm thời miền Nam Việt Nam, rất có khả năng điều đình với Pháp.

— Nhưng thưa Hoàng thượng, chính là Hoàng thượng mà chúng tôi muốn, mà nước Pháp muốn điều đình.

— Như vậy thì thưa Ngài Cao ủy, nước Pháp hãy phục lại cho tôi danh hiệu Hoàng đế. Vua nước Việt Nam độc lập, bao gồm cả ba kỳ thống nhứt, bao gồm thêm đầy đủ các dân tộc thiểu số miền Bắc, miền Trung và miền Nam, có như vậy, vấn đề mới có thể giải quyết và mọi việc mới thực hiện được.

Hơi ngạc nhiên và bối rối trước sự đòi hỏi của tôi, ông ta rút lui và nói rằng sẽ xin chỉ thị của chính phủ. Rời Genève về Paris ngay, hôm sau lại trở lại Genève.

Trong khi ông về Paris, tôi liền xác nhận lại lập trường của tôi, qua lời tuyên bố đối với phóng thanh đài AFP: Tôi không thể điều đình bất cứ dưới hình thức nào về Việt Nam, và hơn nữa, những đề nghị mà tôi được biết dưới hình thức tư, trong dịp gặp ông Bollaert ở vịnh Hạ Long trong những ngày 6 và 7 tháng chạp, không cho phép kết hợp nổi mọi xu hướng quần chúng Việt Nam, và như vậy, sẽ không tạo được ảnh hưởng gì trong việc tái lập hòa bình.

Đến lần gặp gỡ thứ hai — có tất cả năm lần, — tôi tiếp ông Bollaert có ba cố vấn cạnh ông ta là Phan Huy Đán, Đinh Xuân Quảng và Nghiêm Văn Trí. Tất cả ba đều là nhà luật pháp, xuất thân từ nền học vấn Pháp. Viên Cao ủy lần này đến với tư cách mạnh. Mới vào đề, tôi hỏi ông ta ngay:

— Thưa Ngài Cao ủy, tôi còn là Hoàng đế nữa không?

— Không thể được nữa rồi, thưa Ngài. Ông ta đáp và không dấu nỗi thất vọng, vì thấy cuộc đối thoại bắt đầu bằng lời lẽ ấy.

Dự đoán của tôi đúng. Thái tử Sihanouk đã được trả về ngôi do chính phủ Pháp khi ông ta có thái độ như tôi vào năm 1945... Người Pháp muốn "xỏ mũi tôi." Tôi quả đã không bảo được.

— Như vậy, thưa Ngài Cao ủy, thật vô ích khi tiếp tục cuộc đối thoại này.

Thế là ông Bollaert để lộ ngay cái mặt thật của ông ta:

— Nhưng mà thưa Hoàng thượng, ngày 7 tháng 9, Ngài đã ký bản thông cáo chung rồi. Đây là một thực tế đã xong rồi. Không còn ai có thể thay đổi được gì nữa, kể cả đến nét phẩy vào các bản văn kiện, mà Ngài đã chấp nhận rồi.

Tôi thật đã thất vọng, đau buồn hơn là tức giận trước sự bất tín như vậy. Thành ra, vị đại diện của nước Pháp bất chấp cả đến chuyện lọc lừa, ăn nói sai ngoa ngày hôm nay, với một sự trơ tráo lạ lùng đối với những lời hứa hẹn dỗ dành, mà ông ta đã không ngớt nhắc nhở tôi, hầu xin cho bằng được chữ ký của tôi. Tự dưng, ông Cao ủy của nước Pháp bỗng trở thành nhỏ bé, trước mắt tôi.

Thế nhưng, vẫn chưa hết. Ngày hôm sau, vẫn với luận điệu phi liêm trơ tráo ấy, ông Cao ủy lại còn hạ thấp hơn nữa để mà cả thực sự:

— Thưa Hoàng thượng, cần phải xúc tiến mau hơn nữa nền hòa bình, dân tộc Việt Nam đã đau khổ quá độ rồi. Để giúp Ngài có thể về nước sớm, chúng tôi sẽ mở cuộc đại nghị gồm các nhân sĩ của cả ba *kỳ*. Các đại diện này sẽ trao cho Hoàng thượng sứ mạng để điều đình với nước Pháp, và thành lập một *Chính phủ Quốc gia* hầu thực hiện các bản văn kiện mà Ngài đã ký kết. Tôi được ủy quyền để thưa với Ngài rằng về phần liên can đến bản thực hiện thể chế, chính phủ Pháp đã quyết định sẽ áp dụng một cách thật là dân chủ và tự do...

Chính vì hạnh phúc của nhân dân tôi, đã giữ tôi lại, mà không muốn làm cho tan vỡ hẳn. Tôi không còn nghi ngờ gì về giá trị của những điều hứa hẹn của nước Pháp. Tôi nhìn ba đồng bào của tôi (cố vấn của Bollaert). Như tôi, họ cũng giữ yên lặng.

Khi từ giã tôi, như một tên lái trâu đã hả hê bán xong con vật thổ tả, viên Cao ủy nói như giao hẹn:

— Thưa Hoàng thượng, trong một tháng, chúng ta gặp lại nhau ở vịnh Hạ Long, vào ngày rằm tháng hai.

Tôi không đến Hạ Long, chẳng những tháng sau, mà cả về sau nữa. Tôi không trở về nước, khi mà nước Pháp

không thỏa mãn các nguyện vọng chính đáng của dân tộc Việt Nam. Tôi không muốn bị làm trò cười lần thứ hai nữa.

Tám ngày sau, tôi đi Cannes, ở đó Hoàng hậu Nam Phương và các con tôi đã về ở trong tòa nhà của chúng tôi ở Thorene rồi.

Càng ngày tôi càng tin tưởng là mình đã đi đúng đường lối.

Nhiều người Pháp đến van nài, cầu khẩn. Thời gian làm việc cho chúng tôi. Một chứng cớ phụ đã báo cho tôi biết, vào đầu tháng hai, tôi nhận được giấy mời lên Paris của chính phủ Pháp.

Vài hôm trước, đại diện của Việt Minh ở Pháp là Trần Ngọc Danh đã bị bắt ở Paris. Và ông Bollaert khi trở về Sài Gòn ngày 30 tháng giêng đã tuyên bố là chính phủ không bao giờ điều đình với Hồ Chí Minh nữa. Trong hoàn cảnh ấy, tôi đến Paris. Tôi nhận thấy dân Pháp lẫn các nhà chính trị đã bị chia rẽ đối với vấn đề Việt Nam không ít. Sự phản đối tôi bắt đầu từ đảng Cộng sản, sự đó rất hợp lý, đến đảng Cộng hòa RPF qua đảng Xã hội, và nhiều đoàn thể Cộng hòa tả phái và Cộng hòa thân hữu của De Gaulle MRP. Theo một số tin tức được phổ biến rộng rãi, hiện đang có một sự khủng hoảng Nội các, và đảng Cộng hòa của De Gaulle RRP chắc chắn sẽ thắng.

Thủ tướng Robert Schuman mời tôi dự tiệc ở điện Matignon. Tại đây, tôi thấy có hơn một chục bộ trưởng, trong đó có George Bidault và Paul Coste Floret là hai người đang không mấy thiện cảm với tôi, nhứt là ông Coste Floret đã tuyên bố rằng "hiện nay, chỉ có những hiệp ước ký kết từ ngày xưa với triều đình An Nam là có giá trị mà thôi...," lời tuyên bố ấy tự miệng viên bộ trưởng Pháp quốc

hải ngoại tung ra, nên đã đưa dư luận vào một trận hỏa mù hoàn toàn dày đặc.

Bữa ăn diễn ra bầu không khí cởi mở, câu chuyện đưa nhanh chóng đến vấn đề các "điều khoản thỏa hiệp" ở vịnh Hạ Long. Thủ tướng Schuman tỏ sự ngạc nhiên về thái độ của tôi đối với những lần gặp gỡ ở Genève với ông Bollaert.

Tôi trả lời ngay:

— Thưa Ngài Thủ tướng, tôi không ký thỏa hiệp nào ở vịnh Hạ Long cả. Theo lời mời của ông Cao ủy, tôi đến Hạ Long để nghe nói về lập trường của chính phủ Pháp. Các Ngài đã quyết định là không điều đình gì với Hồ Chí Minh nữa, nhưng các Ngài cũng không đưa ra một sự đề cử nào mới. Các Ngài có lập trường của các Ngài. Tôi cũng có lập trường của tôi. Tôi đã thưa với Ngài rằng chỉ sự thừa nhận nền độc lập và sự thống nhứt của Việt Nam, mới có thể vãn hồi lại được hòa bình. Tôi không muốn đoạn tuyệt với nước Pháp, nhưng tôi vẫn giữ y nguyên lập trường của tôi.

Tất cả mọi người dự tiệc, ai cũng ngạc nhiên về thái độ cương quyết của tôi. Tôi có cảm tưởng rằng điều đó không đúng với tinh thần mà họ tô son điểm phấn vào tôi và vì vậy, họ mới quyết định chọn tôi là người duy nhứt để đàm phán. Một người duy nhứt ấy nay lại chứng tỏ còn bất trị và nặng ký hơn Hồ Chí Minh nhiều.

Rất nhiều lần, trong bữa ăn, đã có nhắc đến *Lời tuyên bố ngày 25 tháng 3 năm 1945*. Trước đây, từ ngày tôi sang Paris, tôi đã nghe thấy nói đến, trong nhiều cuộc gặp gỡ. Tôi liền sai Vĩnh Cẩn đi sưu tầm cho tôi bản văn kiện nói về lời tuyên bố này. Trong thời gian có lời tuyên bố ấy, thì nước chúng tôi bị cắt đứt mọi liên lạc với Pháp, và tôi cũng chưa từng nghe thấy nói đến bao giờ. Vì vậy, tôi ngạc nhiên biết bao, khi tôi thấy bản văn có lời tuyên bố này do chính

phủ của Thủ tướng De Gaulle tung ra, và vào lúc mà Việt Nam đã độc lập trước đó mười lăm ngày rồi.

Vậy thì bản tuyên bố này nói gì? Thành lập một Liên bang Đông Dương gồm năm xứ rõ rệt: Nam kỳ, Trung kỳ, Bắc kỳ, Ai Lao và Cam Bốt, do viên Toàn quyền Pháp đại diện cho nước Pháp đứng đầu, gồm các bộ trưởng người Pháp và người bản xứ, chịu trách nhiệm dưới quyền điều khiển của Toàn quyền. Chính phủ sẽ có một Quốc hội mà dân chúng tất cả các xứ Đông Dương chiếm 50% số phiếu. Quyền hạn của Quốc hội này được hạn chế trong việc thông qua ngân sách và bàn cãi các đạo luật do Hội đồng Quốc gia soạn thảo.

Như vậy, sau hai tuần lễ mà tôi đã tuyên bố độc lập, lời tuyên bố này tưởng là rộng rãi lắm, thật sự lại còn kém xa những quyền hạn mà chúng tôi đạt được dưới thời của Đô đốc Decoux, vì Decoux còn dành một chỗ nhỏ cho các chính phủ bản xứ. Như vậy không phải là 15 ngày chậm chạp của bản tuyên ngôn, mà là 15 năm. Tuy nhiên, nay tôi mới hiểu vì sao đã có sự im lặng của Tướng De Gaulle, khi tôi gửi thông điệp cho ông ta vào tháng 8 năm 1945. Điều làm tôi buồn hơn nữa, là tôi có cảm tưởng là nhiều kẻ nay vẫn còn tin vào lời tuyên bố đó, dù có đã ba năm về trước. Quả nhiên, người Pháp rất mù tịt về các biến chuyển mới đã xảy ra trong mười năm gần đây ở Á châu, và nhứt là ở vùng Viễn Đông.

Đến đây, tôi nhận thấy báo chí ở Paris đã phát động một chiến dịch đầy ác cảm đối với tôi. Họ kết tội tôi là kẻ phản bội hiệp ước bảo hộ, phản bội nước Pháp, đã tiếp tay với phát xít Nhựt. Nguyên nhân của sự xúi dục đó tôi thừa đoán ra được. Sự đòi hỏi của tôi trở thành khó chịu, và chẳng ai thực tâm mong muốn tôi đáp lời kêu gọi của viên Cao ủy cả. Nhưng như tôi đã nói, tôi nhứt định không để

ai có thể muốn làm gì thì làm. Tôi liền tổ chức một buổi họp báo ở khách sạn Ritz, và trước các nhà báo Paris, tôi tuyên bố:

— Ngày 6 tháng 6 năm 1884, khi ông bác Kiến Phước tôi còn là ấu quân, quan phụ chính Vương quốc An Nam đã ký với nước Pháp, một hiệp ước bảo hộ. Theo điều 16 của hiệp ước này, để đổi lại những ưu quyền dành cho nước Pháp, nước Pháp long trọng cam kết che chở cho Vương quốc An Nam, bảo đảm an ninh cho Quân vương, Hoàng đế An Nam chống lại bất cứ nội loạn hay ngoại xâm nào. Thế mà năm 1945, trước sự xâm lăng của Nhựt Bản, và trước cuộc nổi dậy của cách mạng Việt Minh, thì đâu là những lời cam kết của Pháp?... Vậy thì ai là người đầu tiên đã không làm tròn bổn phận đối với lời cam kết? Ai làm cho nó trở thành lỗi thời, mất hết hiệu lực? Ai đã vi phạm hiệp ước?

Làm sao mà tôi có thể phản bội nước Pháp, khi Pháp đã ruồng bỏ tôi rồi? Tôi có thể từ ngôi, bỏ chạy ra ngoại quốc, bỏ mặc dân chúng để chạy theo đuôi Đồng minh... Nhưng như vậy, nên nhớ rằng quân Nhựt có thể dùng bọn tay sai bất lương, khuấy động loạn lạc để chống người Pháp và tàn sát họ.

Giờ đây, tại sao tôi còn sang Paris? Vì tôi mong muốn hòa bình lập lại ở nước tôi, làm ngưng đổ máu, vừa máu của nhân dân tôi lẫn máu của binh sĩ Pháp. Thế nhưng, điều kiện để tái lập hòa bình phải là sự công nhận nền độc lập và thống nhứt của Việt Nam. Đó chính là lý do mà tôi đến để xin nước Pháp thực hiện, và cũng để nói với nước Pháp rằng nước tôi, dân tộc tôi, một khi hòa bình được lập lại, vẫn cần đến mọi sự giúp đỡ để kiến thiết đất nước.

Sự giúp đỡ đó, sự tựa nương đó, chính vẫn là ở nước Pháp mà chúng tôi muốn yêu cầu, trong tinh thần bình

đẳng giữa hai nước như trước kia tổ tiên tôi là Hoàng đế Gia Long, khai sáng triều đại, anh hùng thực hiện nền độc lập và thống nhứt nước Việt Nam, là người sáng lập ra tình hữu nghị giữa hai nước Việt Nam và Pháp.

Không chờ đợi phản ứng, tôi trở về Cannes ngay. Tôi bỏ qua đi ngày 15 tháng 2 mà ông Bollaert đã hẹn để gặp tôi ở vịnh Hạ Long. Rồi cùng Hoàng hậu và năm con của chúng tôi, sau gần 30 tháng xa cách, chúng tôi làm một cuộc du hành trên khắp đất Pháp thời niên thiếu cũ. Chúng tôi giữ ẩn danh, đi bằng xe lửa, và tôi rất sung sướng chỉ cho con trai cả tôi, Hoàng thái tử Bảo Long, lúc đó gần mười hai tuổi, những phong cảnh mà tôi đã đi qua khi còn thơ ấu. Tất nhiên, chúng tôi đến Paris, để thăm bà Mémé Charles, lúc nào cũng hiền từ và tiếp đón chúng tôi rất ân cần, và chúng tôi đã đến mặc niệm trước mộ cụ Charles, cựu Toàn quyền Đông Pháp, đã mất trong thời gian chiến tranh. Chúng tôi cũng đến Lourdes mà Hoàng hậu muốn, để cầu nguyện cho hòa bình ở Việt Nam, và khấn vái Đức Mẹ Đồng trinh Massabielle che chở cho dân chúng Việt Nam.

HY VỌNG VÀ THẤT VỌNG 1948

Ông Bollaert hiểu rõ rằng tôi không muốn dây dưa gì với ông ta nữa. Thế là ông ta vội vàng nài nỉ với chính phủ, để được tiếp tục, bằng cách nhắc lại, cách đây hai tháng, ông ta đã được ủy cho toàn quyền điều khiển công việc. Nội các Robert Schuman cuối cùng phải thỏa mãn điều khẩn cầu của ông, và ngày 21 tháng 2, trong một bản tuyên cáo, đã tái xác nhận tín nhiệm đối với viên Cao ủy này.

Trong trường hợp đó, cần phải quay trở lại vấn đề tại chỗ. Để gia đình ở lại Cannes, tôi đi Hongkong vào ngày 5 tháng 3 và chỉ đến vào ngày 18... Tôi không muốn chứng tỏ sự hấp tấp, bởi có thể coi như một dấu hiệu lo lắng về thái độ của tôi. Tôi đi từng chặng nhỏ một, lợi dụng cuộc xuất du này, để nghỉ ngơi một tuần ở Le Caire.

Khi trở về, tôi đã có một cuộc hội kiến khá lâu với Ngô Đình Diệm. Ông này cương quyết giữ lập trường xa lánh với viên Cao ủy, khi mà vấn đề thể chế chưa được giải quyết. Ông ta cho rằng thời gian ở Pháp của tôi, không đem lại được dữ kiện nào mới lạ. Tuy nhiên, tôi đã thuyết phục ông ta là, để khỏi bị coi là thủ phạm muốn kéo dài chiến tranh,

cần phải dẹp bỏ tự ái cá nhân đối với Cao ủy Bollaert, để tiếp tục trở lại với ông ta. Tôi liền bảo Diệm trở về Sài Gòn, để thăm dò các tay thân cận của Bollaert, nhứt là để biết xem có thể thiết lập được một chính phủ trung ương. Ông ta nhận lời và ngày 22 tháng ba, được chính Cao ủy Bollaert tiếp kiến.

Ngày 24, Diệm trở lại Hongkong, thất vọng ra mặt. Viên Cao ủy Pháp có lẽ tưởng tôi sẵn sàng nhượng bộ, theo lập trường của ông ta, nên tỏ ra cứng rắn hơn trước: Thỏa ước thể chế phải được áp dụng, không cần phải điều đình gì với chính phủ Việt Nam, dù là ai cũng mặc, bởi chỉ có một mình tôi là được coi như người có tư cách điều đình, và chỉ còn tôi là người duy nhứt mà ông ta điều đình, còn ý kiến thành lập một qui chế tự trị thì không thể chấp nhận được. Theo Diệm, chúng tôi chỉ còn một cách: Đợi chờ, và để khẳng định thái độ cương quyết của mình, ông ta đề nghị lập một ủy ban nghiên cứu, mà người ta đoán được dễ dàng là chẳng đi đến đâu.

Đa số các nhà ái quốc ở Hongkong lại không đồng quan điểm với Diệm. Nhiều vị khác lại cho rằng, trái lại, cần phải để cho các cơ quan Pháp có dịp hành động. Vì thế, ngày 25 tháng 3, Bác sĩ Lê Văn Hoạch tuyên bố:

— Sự thoái vị của Hoàng đế Bảo Đại là do áp lực của Việt Minh, và Việt Minh đã không tôn trọng các điều khoản liên hệ đến sự thoái ngôi này. Sự thoái vị đã không phải là một hành động tự ý, thì tất nhiên, nó bị coi như bất khả kháng, và phải được hủy bỏ. Trên công pháp, Bảo Đại vẫn là Hoàng đế. Nền quân chủ được phục hồi lập tức, không cần phải có Hội nghị Quốc gia Việt Nam nào cả.

Thật ra, sự giải thích hiện tình ấy không được đúng lắm. Nếu Việt Minh không thực hiện được những mục tiêu vì đâu mà tôi thoái vị, thì Việt Minh cũng không lợi dụng

sự thoái ngôi này. Phần khác, tôi không quan tâm đến vấn đề phục hưng ngôi Vua, và sự trở về cầm quyền của tôi, theo hình thức này lại đặt tôi vào tư thế hạ phong đối với người Pháp, mà họ lại được lợi thế như thời trước. Sau nữa hình thức này không xứng đáng, và hại cho uy tín của tôi, điều làm giảm giá trị tinh thần của tôi, để mất mọi khả năng chỉ huy nhân dân Việt Nam trong những quyết định cần thiết.

Để cắt ngắn những lập trường mâu thuẫn ấy, tôi đề nghị tập họp một Hội nghị † vào ngày 26 tháng 3 ở Hongkong khách sạn, để ra một thông cáo, thành lập một chính phủ trung ương lâm thời, không phải để điều đình về tương lai đất nước, mà để dùng làm *"Tạm ước sống còn"* với nước Pháp, có tầm trách nhiệm hạn chế, nhưng thực hiện được tức khắc, hầu giúp cho hai bên cơ hội hiểu biết nhau và thỏa hiệp bằng những sự việc cụ thể. Nó có thể thống nhứt được các lực lượng quân sự võ trang hiện đang tản mát, và tổ chức được các cơ quan công quyền từ hành chánh đến chuyên môn trên bình diện quốc gia. Nó cũng có thể đặt ra được các ủy ban chuyên môn để sửa soạn đường lối thương thảo cuối cùng, và giúp tôi tìm được một thỏa hiệp nhứt định với nước Pháp... Cuộc kháng chiến của Việt Nam nhằm vào mục tiêu áp lực cho cuộc thương thảo, do chính phủ kháng chiến hiện tại lãnh đạo, không có thể đưa đến thỏa hiệp nhứt định, vì hoàn cảnh quốc tế không có lợi cho họ. Lập một chính phủ trung ương lâm

† Trong cuộc hội nghị bỏ túi này, có những đại diện của các đảng phái quốc gia Việt Nam Quốc dân đảng, v.v... các giáo phái... như quí vị: Đặng Hữu Chí, Trần Quang Vinh, Lê Văn Hoạch, Phạm Công Tắc, Nguyễn Khoa Toàn, Hà Xuân Tố, Phạm Văn Hai, Đỗ Quang Giai, Lương Danh Môn, Nguyễn Văn Túc, Nguyễn Văn Ty, Ngô Quốc Côn, Nguyễn Thúc Loan, Phạm Đình Tuyên, Nguyễn Thức, Ngô Khánh Thực, Trương Vĩnh Tống, Nghiêm Xuân Thiện, Đặng Văn Dần...

thời, phù hợp với hoàn cảnh quốc tế là điều vừa hữu lý, vừa cần thiết.

Các vị có mặt, đều chấp nhận bản tuyên ngôn này, và cử Tướng Nguyễn Văn Xuân làm Thủ tướng tương lai cho chính phủ lâm thời đó.

Bản tuyên ngôn làm sôi nổi dư luận, và có giá trị ở chỗ là tôi vẫn muốn giữ mọi liên lạc với Pháp.

Tôi được biết, ít ngày sau đó, là bản này đã làm cho Cao ủy tức giận. Đứng trước một ngõ cụt mới, ông ta phải dùng đến thủ đoạn vốn là bản chất của ông ta. Ngày 27 tháng 3, ông ta cử sang Hongkong người đại diện của đảng Xã hội ở Đông Dương là Louis Caput, mà cảm tình với Việt Minh đã rõ rệt, với sứ mạng tìm hiểu hiện tình của chính phủ Hồ Chí Minh, bên cạnh các tay mật vụ từ Tàu trở về, nhưng thực ra là để gieo rắc cạnh các chính khách quốc gia rằng tôi còn khó khăn, và tham lam hơn Việt Minh nhiều... Thủ đoạn gây hoang mang này kéo dài, từ Hongkong đến Paris, nhưng cũng chẳng được ai hoan nghênh.

Để củng cố lợi điểm vừa đạt được trước hội nghị, tôi giao cho Bác sĩ Phan Huy Đán, ngày 12 tháng 4, đem đến cho Cao ủy một bức thư nhấn mạnh rằng, đề nghị về thể chế áp dụng chưa đủ để thỏa mãn nguyện vọng của dân chúng Việt Nam, mà cần phải tãi rộng căn bản bàn cãi, và tôi chưa thể điều đình được do không được ai trao phó cho sứ mạng ấy và chỉ có một đường lối duy nhất là qua sự thành lập một chính phủ trung ương lâm thời.

Ngày hôm sau, tôi cho Trần Văn Tuyên giải thích rõ ràng hơn, với các đại diện chính trị và tôn giáo là nếu chính phủ trung ương lâm thời được ủy nhiệm đàm phán về bản thông cáo, về thể chế thực hiện, thì tôi chịu trách nhiệm đàm phán về thỏa ước nhứt định, nhưng nhiệm vụ của tôi

chỉ đóng vai trò trung gian, hay điều giải viên hạn chế có vậy mà thôi, chỉ có nhân dân mới có quyền quyết định tự do với đầy đủ ý thức để thiết lập thể chế mà họ bằng lòng chấp nhận, sau khi trật tự và hòa bình được văn hồi.

Ngày 24 tháng 4, tôi vời đến Hongkong Thủ tướng Xuân, Phó thủ tướng Trần Văn Hữu, Bộ trưởng bộ Tư pháp Nguyễn Khắc Vệ, và Bác sĩ Hoạch. Dụng ý của tôi là giải tán vấn đề ly khai. Tôi muốn sát nhập hẳn các đồng bào người Nam bộ, tôi dành cho họ tự chọn lấy vị trí trong chính phủ tương lai. Họ đồng ý và chúng tôi quyết định đặt ra thể thức để thực hiện. Hai vị chủ tịch Hội đồng An dân ở Hà Nội và Huế, và vị Thủ tướng chính phủ lâm thời miền Nam Việt Nam đều từ chức nhất loạt, và lập tức sẽ thành lập chính phủ trung ương, do tôi tấn phong. Ngày 29 tháng 4, các nhà hữu trách ở Hongkong đều đồng ý thể thức này.

Được báo về dự định trên, ông Bollaert sung sướng được trở lại cuộc đàm phán, cũng chấp nhận dự định thành lập chính phủ trung ương, tuy nhiên với điều kiện là tôi phải công khai tấn phong chính phủ này, đồng thời chấp nhận cùng ký với ông ta vào bản thể chế, mà không có sự thay đổi nhỏ nhoi nào. Dưới điều kiện ấy, ông ta cho tôi biết vào ngày 3 tháng 5 năm 1948, là ông cam đoan sẽ được chính phủ Pháp chấp thuận.

Nay chỉ còn đi đến việc thực hiện. Nhưng ai sẽ là thủ tướng chính phủ trung ương đây? Diệm được mời, lại từ chối không chịu ký vào bản thể chế, nên không nhận. Hoạch thì bị nhiều lãnh tụ quốc gia khác bàn tán, cũng từ chối nốt. Chỉ còn hai người có thể đảm trách được là Xuân và Hữu. Hữu nhường cho thượng cấp của mình. Vậy thì Xuân là thủ tướng đầu tiên của chính phủ này.

Tôi cũng không bất mãn gì về sự lựa chọn này. Tôi biết tham vọng của Xuân, và dụng ý của ông ta là muốn thỏa mộng riêng tư qua *lực lượng thứ ba*. Thế nhưng, nếu thành công thì quyền năng hạn chế của ông, lại đặt ông ra ngoài việc theo đuổi đàm phán, còn nếu thất bại, thì "lực lượng thứ ba" cũng mất hết ảnh hưởng.

Thật vậy, ngay lúc khởi đầu đã thấy khó khăn rồi. Sự ứng cử của ông không liên kết được toàn thể mọi xu hướng. Việc vận động thành lập chính phủ kéo dài khá lâu. Để giúp ông ta dễ dàng hoạt động, ngày 15 tháng 5, tôi gởi cho ông ta một bức thư, ngỏ ý hoan nghênh đường hướng của ông và chúc đạt được nhiều thắng lợi. Sau khi có bức thư này, mọi sự việc tiến hành nhanh chóng.

Ngày 20 tháng 5, nhân dịp các vị chủ tịch Hội đồng An dân Huế và Hà Nội vào Sài Gòn, Xuân vội vã triệu tập một số đảng viên quốc gia và giáo phái, thêm vào đấy một ít người của Hội đồng Nam bộ, cộng khoảng 40 vị.

Cuộc hội nghị bỏ túi này, chẳng mang tính chất bầu cử, cũng không được ai ủy nhiệm, thảo một bản kiến nghị đặt tín nhiệm vào Thủ tướng Xuân để thành lập chính phủ trung ương lâm thời Việt Nam. Và ngày 27 tháng 5, vị tân thủ tướng trình diện tôi tất cả nhân viên nội các. Số nhân viên này gồm đủ đại diện của ba kỳ, nhưng miền Nam nhiều người hơn và giữ những nhiệm vụ then chốt. Ngoài Tướng Nguyễn Văn Xuân thủ tướng, có:

- Trần Văn Hữu, phó thủ tướng
- Nghiêm Xuân Thiện, thủ hiến Bắc Việt
- Phan Văn Giáo, thủ hiến Trung Việt
- Lê Văn Hoạch, thủ hiến Nam Việt
- Nguyễn Khắc Vệ, bộ trưởng Tư pháp
- Nguyễn Khoa Toàn, bộ trưởng Nghi lễ và Q. G. Giáo dục

- Nguyễn Trung Vinh, bộ trưởng Tài chánh và Kinh tế
- Phan Huy Đán, bộ trưởng Thông tin
- Trần Thiện Vàng, bộ trưởng Canh nông
- Đặng Hữu Chí, bộ trưởng Y tế
- Nguyễn Văn Ty, bộ trưởng Công chánh
- Trần Quang Vinh và Đinh Xuân Quảng, bộ trưởng Phủ Thủ tướng, đặc trách Quốc phòng và bí thư Văn phòng Nội các.

Trong dịp này, Xuân đọc một bản tuyên thệ đầy mỹ ý đối với tôi. Ông ta tuyên bố:

— Nhân danh cá nhân tôi, và nhân danh toàn thể nhân viên nội các trong chính phủ, tôi long trọng cam kết theo đúng đường hướng, và áp dụng trung thành các chỉ thị của Hoàng thượng, hầu phục vụ quốc gia và xứ sở, để kiến tạo, cứu nguy và rạng danh quang vinh của nước Việt Nam.

Như vậy, giống như các vị đang có mặt ở Hongkong, ông ta vẫn coi tôi là Hoàng đế. Trái với nhiều người vẫn tưởng, ngay như đã vào quốc tịch Pháp, nhân dân miền Nam vẫn giữ niềm tôn quân sâu đậm đối với thể chế quân chủ. Theo truyền thống của hoàng triều, tôi xin nhắc lại, là các vị Hoàng đế nhà Nguyễn vẫn chọn vợ người miền Nam.

Tại Paris, kể từ ngày 27 tháng 5, chính phủ đã công nhận sự thành lập chính phủ Xuân. Câu nói ngắn và gọn này trong bản tường trình của Hội đồng Bộ trưởng vốn đã nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình Đông Dương, chứng tỏ một sự hài lòng của các giới ở Paris, đối với hoạt động này của tôi. Vì vậy, tôi thấy cần phải giải thích lần nữa, vị trí của tôi. Ngày 31 tháng 5, Trần Văn Tuyên, nhân danh tôi tuyên bố:

— Vua Bảo Đại coi chính phủ hiện nay là một bước tiến cho vấn đề đàm phán Việt — Pháp, nhưng vị trí của nó chỉ

được coi là chính thức, khi nước Pháp công nhận chính phủ trung ương Việt Nam, sau khi được nước Pháp cam kết bảo đảm nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam: thật sự thống nhứt và độc lập trong khối Liên hiệp Pháp, Việt Nam được coi là một nước hoàn toàn tự do liên kết trong khối Liên hiệp Pháp, mà dân tộc được đặt ngang hàng, về quyền lợi cũng như về bổn phận. Mặc dù tân chính phủ trung ương không đả động đến hai chữ Hoàng đế, nhưng sự liên lạc vẫn chặt chẽ, và sự đoàn kết nhứt trí vẫn hiện hữu giữa chính phủ và vua Bảo Đại.

Ngày 2 tháng 6, chính phủ Xuân công bố bản quốc ca và quốc kỳ Việt Nam: ba vạch đỏ song song tượng trưng cho ba kỳ, trên màu vàng, là màu của hoàng gia.

Cuộc họp để ký thỏa ước được Cao ủy định vào ngày 5 tháng 6 ở vịnh Hạ Long. Có lẽ ông ta muốn nhắc nhở đến lần gặp gỡ thứ nhứt, giữa tôi và ông cách đây sáu tháng. Nhưng tôi chẳng khứng tới tí nào. Nay là lúc mà chính phủ trung ương hành động.

Thế là, ông Bollaert tin chắc rằng tôi vẫn không muốn gặp ông ta, nhứt là sau bản tuyên ngôn ngày 13 tháng 5 từng làm các giới chức ở Paris lo ngại, nên ông ta cũng rất là nôn nóng. Ông liền phái đến tôi một người để năn nỉ, xin tôi đến để dự khán cuộc ký kết, và chứng nhận vào hai bản văn kiện. Xuân vốn cần đến sự có mặt của tôi, nên ủng hộ mạnh mẽ vận động này. Thật sự thì tôi đã đạt được cụ thể điều tôi mong muốn, nên tôi nhận lời đến vịnh Hạ Long.

Tôi lại thuê lần nữa, chiếc Catalina của hãng hàng không dân dụng Úc, và ngày tháng chạp năm 1947, cùng với người em họ trung thành Vĩnh Cẩn, và vị tân Chánh văn phòng Đinh Xuân Quảng, tôi đến Hạ Long ngày 5 vào ban sáng, và đỗ ở cạnh chiếc thiết giáp hạm Duguay Trouin,

ở đó ông Bollaert, Tướng Xuân và các tùy viên đang túc trực sẵn. Thấy tôi đến, các bộ mặt rạng rỡ hẳn lên.

Đến trưa, sau một cuộc nói chuyện ngắn ngủi, bắt đầu làm lễ ký các văn kiện. Một chiếc bàn đã được kê ở trên boong tàu, dưới tấm vải bạt lớn để che nắng. Không khí nặng nề và ẩm ướt. Một tiểu đội lính thủy quân lục chiến dàn chào.

Ông Bollaert và Tướng Xuân ký bản tuyên ngôn chung† rồi đến bản thể chế, trở thành lý do cần thiết cho cái gọi là "Tạm ước sống còn" có tầm hoạt động hạn chế. Đến lượt tôi, tôi ký vào bản tuyên bố chung, như một chứng nhân, và từ này được phép công khai phổ biến, còn đối với bản thể chế, tôi chỉ duyệt bằng hai chữ tắt đầu tên của tôi, như tôi đã làm ngày 7 tháng chạp trước. Lập trường của tôi vẫn không thay đổi.

BẢN TUYÊN BỐ CHUNG
KÝ NGÀY 5 THÁNG 6 NĂM 1948 Ở VỊNH HẠ LONG

giữa ông Emile Bollaert, Cao ủy Pháp ở Đông Dương, và ông Thiếu tướng Nguyễn Văn Xuân, Thủ tướng Chính phủ Trung ương Lâm thời Việt Nam, trước mặt Hoàng đế Bảo Đại.

Trước mặt Hoàng đế Bảo Đại,

Ông Emile Bollaert, Cố vấn Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc, Cao ủy Pháp ở Đông Dương nhân danh Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc, một bên,

và:

Ông Nguyễn Văn Xuân, Thủ tướng Chính phủ Trung ương Lâm thời Việt Nam, có sự dự kiến của quí ông Nghiêm Xuân Thiện và Đặng Hữu Chí, Phan Văn Giáo, Nguyễn

† Xem bản tuyên bố chung bên cạnh và bản phụ đính III.

Khoa Toàn và Đinh Xuân Quảng, Trần Văn Hữu và Lê Văn Hoạch, đại diện lần lượt cho miền Bắc Việt Nam, miền Trung Việt Nam và miền Nam Việt Nam, một bên.

đã lập bản tuyên bố chung như sau:

1.— Nước Pháp long trọng công nhận nền độc lập của Việt Nam, được tự do thực hiện nền thống nhứt của mình. Về phía Việt Nam, nước Việt Nam tuyên bố sự sát nhập vào Liên hiệp Pháp dưới danh nghĩa một quốc gia liên kết với nước Pháp. Nền độc lập của Việt Nam không có một giới hạn nào khác, ngoài giới hạn, mà Liên hiệp Pháp dành cho mình.

2.— Nước Việt Nam cam kết tôn trọng mọi quyền hạn và quyền lợi của các tư nhân Pháp, cam kết bảo đảm các căn bản dân chủ, và dành ưu tiên sử dụng các nhà chuyên môn, cố vấn Pháp trong mọi nhu cầu tổ chức nội bộ và khuếch trương kinh tế của mình.

3.— Sau khi thành lập chính phủ lâm thời, các đại diện của Việt Nam sẽ thỏa thuận với các đại diện của Cộng hòa Pháp quốc, những sự thỏa thuận hợp lý về các vấn đề ngoại giao, kinh tế, tài chánh và chuyên môn.

Làm thành hai bản chính ở vịnh Hạ Long, ngày Năm tháng Sáu năm Một nghìn chín trăm bốn mươi tám.

BOLLAERT
BẢO ĐẠI NGUYỄN VĂN XUÂN
Nghiêm Xuân Thiện - Đặng Hữu Chí
Phan Văn Giáo - Nguyễn Khoa Toàn - Đinh Xuân Quảng
Trần Văn Hữu - Lê Văn Hoạch

Nay là lúc đọc diễn văn. Đối với bài diễn văn của ông Bollaert và của Tướng Xuân tôi nói rất vắn tắt:

"Thưa ông Cao ủy, vào ngày tốt lành này, và ở giữa một khung cảnh huy hoàng của vịnh Hạ Long, từ nay đã đi vào lịch sử của nước tôi, Ngài vừa được chứng kiến, nhân danh nước Pháp, sự tự do thực hiện nền thống nhứt của Việt Nam và nền độc lập quốc gia trong Liên hiệp Pháp. Để cụ thể hóa đường hướng chính trị mới này làm tôn vinh nước Pháp và các vị đại diện cao cấp của quí quốc, Ngài vừa công nhận chính phủ trung ương đầu tiên của Việt Nam, do Tướng Nguyễn Văn Xuân cầm đầu. Thay mặt toàn thể đồng bào tôi, tôi xin chân thành cảm ơn."

Người ta chụp hình. Bên cạnh ông Bollaert, có Tướng Blaisot, Đô đốc Battet, các Tướng Le Bris và Boyer de Latour, các ông Messmer, Chevanee-Bertin...

Chúng tôi dự tiệc chung với nhau. Đến chiều, Xuân, Hữu và các bộ trưởng của ông ta từ biệt chúng tôi để trở về Sài Gòn. Còn tôi ở trên tàu và buổi chiều, ăn cơm với ông Bollaert.

Viên Cao ủy có vẻ mặt rạng rỡ, làm cho tôi cũng vui lây. Tôi bảo ông ta:

— Thưa ông Cao ủy, tôi mong rằng nước Pháp sẽ hiểu, và có mỹ ý hủy bỏ bản Thể chế đi, vì chúng tôi không muốn có bản ấy. Ngài biết chắc rằng, nền hòa bình phải trả bằng giá ấy...

Ông ta nhìn tôi, băn khoăn ra mặt, vì thế tôi nói tiếp:

— Tôi sẽ từ giã hẳn Hongkong. Đó là một thời đã qua rồi. Tôi không có gì phải lưu lại đây nữa. Tôi sang Pháp và chỉ về nước khi mà tất cả các vấn đề đang ứ đọng được giải quyết, khi mà nền hòa bình được thực sự vãn hồi.

Sau lời đó, tôi để mặc ông ta với sự ngỡ ngàng, mà trở về buồng riêng trên tàu dành cho tôi.

Tôi khá hài lòng. Tất nhiên, không phải là hài lòng hoàn toàn, và thực tế chẳng có cái gì là vĩnh viễn. Nhưng tôi đã đạt được cái mà Việt Minh bị từ chối. Những chữ độc lập và thống nhứt đã được chính thức ghi nhận. Hơn nữa, chính phủ Nguyễn Văn Xuân đang đặt nền móng thực hiện. Tôi đã loại bỏ được một gánh nặng phải kiện toàn, và giữ được sự tự do hành động, để dành cho tương lai.

Ngày hôm sau, Chủ nhựt, vào lúc ăn sáng, tôi lại đối diện với ông Bollaert. Ông ta như chưa muốn cho tôi đi, và làm bộ thân thiện, ông ta muốn biết định kiến thực sự của tôi, đồng thời muốn giữ tôi ở cạnh ông ta. Ông hứa hẹn đủ điều. Nhưng đã biết người, tôi cương quyết giữ vững lập trường.

— Không, thưa ông Cao ủy, hẳn Ngài đã hiểu quá rõ ràng những điều tôi nói hôm qua. Tôi đi ngay và về thẳng Pháp, để trở về với gia đình. Tôi có bổn phận đối với gia đình...

Nói xong, tôi lên chiếc Catalina và ngồi cạnh viên phi công. Tôi chỉ thị cho phi công: "Mũi về Nam."

Đến 10 giờ, chúng tôi bay đến Huế. Tôi bảo phi công hạ thấp đến sát mái nhà. Chúng tôi lượn thành vòng rộng. Đây là hoàng cung, bị phá hủy một phần; đây là sông Hương với hai cây cầu đổ: cầu *Clemençeau* và cầu xe lửa. Đây là cung An Cựu của Đức bà Từ Cung, mẫu thân tôi. Sau khi lượn trên lăng chúng tôi lại bay vòng lại lần thứ hai. Cánh quạt nổ ròn như lời chào biệt, chúng tôi lên cao để vượt rặng Trường Sơn, rồi chiếu về Bangkok.

Tôi tin chắc mẫu thân tôi, nghe tiếng động cơ, đứng trên thềm điện, đã trông thấy máy bay, và Đức bà hiểu đấy là dấu hiệu của tôi...

Đến Bangkok, tôi đi chuyến máy bay thường lệ, và lại là chuỗi đỗ ở từng chặng: Rangoon, Calcutta, New Delhi, Le Caire, Tripoli, Tunis và tới phi trường Bourget.

Tất nhiên thành quả đạt được ở vịnh Hạ Long chỉ trở thành cụ thể trong trường hợp là một mặt chính phủ Nguyễn Văn Xuân phải tỏ ra hữu hiệu và mặt khác, chính phủ Pháp phải thành thực để hoàn tất nhanh chóng sự bàn giao cho Việt Nam.

Thế mà, điều tôi biết khi trở về đến Paris, thật còn xa mới tới được hai điểm mong ước này, và tôi chỉ còn vui mừng được chút ít là tôi đã đứng được ra ngoài.

Tại Sài Gòn, sự trở về của Tướng Xuân được một chiến dịch do một nhóm lạc hậu của xã hội thực dân dàn chào. Bọn này từ chối tất cả các sự nhượng bộ. Họ chống cả lại Bollaert, kết ông ta vào tội chống lại chính lệnh, vì đã bỏ xứ Nam kỳ là một phần của đất đai nước Pháp.

Tại Paris, bài tuyên bố của Bộ trưởng Pháp quốc Hải ngoại Paul Coste Floret đọc trước Quốc hội ngày 8 tháng 6, gây sóng gió hơn cả. Nhắc lại bản thỏa ước ký ngày 5 tháng 6, ông ta nhấn mạnh:

— Để chắc chắn tránh mọi mâu thuẫn, đã nhiều lần, tôi lưu ý ông Cao ủy là lập trường của chính phủ Cộng hòa Pháp quốc muốn giữ thuần nhứt nền ngoại giao và vấn đề quốc phòng cho toàn thể Liên hiệp Pháp. Tôi cũng đã bảo cho ông ta biết là lực lượng võ trang của Việt Nam chỉ được đặt trọng tâm vào lực lượng cảnh bị, để giữ an ninh nội bộ.

Sau hết, về qui chế cho Nam kỳ, đã được nói rõ ràng từ đây của cả, những văn kiện sẽ ký ở vịnh Hạ Long không được dính líu gì vào sự thống nhứt ba kỳ, mà được nước Pháp công nhận, nhưng nước Pháp còn đợi chính phủ Xuân hành động, trước khi đặt lập trường chính phủ. Pháp

không chấp nhận giờ đây, sự thống nhứt ba kỳ. Chính phủ không chống lại sự thống nhứt của Việt Nam, nếu đó là điều mong ước của dân chúng được thể hiện một cách dân chủ. Chính phủ Pháp xác nhận rằng, không thể có sự thay đổi gì về qui chế của Nam kỳ được thực hiện, nếu không có quyết định của Quốc hội của mẫu quốc.

Qui chế ba kỳ nói chung một thứ tiếng Việt Nam, như đã được ấn định bởi các hiệp ước ký với triều đình Huế như vậy không được thay đổi.

Khi lời tuyên bố ấy bay đến Sài Gòn, đó là một tai họa. Chúng tôi không còn vị trí năm 1945, mà trở về hiệp ước năm 1884... Thật vô lý, không ai hiểu nổi nữa. Việt Minh được lợi: "Thấy chưa, chúng ta không thể tin vào Pháp được." Bọn thực dân ăn mừng. Nhiều bộ trưởng, trong đó có Trần Văn Hữu vừa được bổ làm Thủ hiến Nam bộ, liền co vòi lại: "Ông Cao ủy không được toàn quyền của chính phủ ở vịnh Hạ Long, người ta đã chơi sỏ chúng tôi."

Tội nghiệp cho Tướng Xuân, ngày 14 tháng 6 vừa ra một quyết định đầu tiên bổ nhiệm ba vị thủ hiến cho ba kỳ Bắc, Trung, Nam và chỉ thị cho họ phải áp dụng cho từng kỳ, quyết định của chính phủ trung ương, nay rơi từ trời xuống đất. Các bộ trưởng miền Nam, dưới áp lực của Hội đồng Nam bộ, bỏ rơi ông ta. Việt Minh kết ông ta tội phản quốc, và lên án tử hình vắng mặt.

Tất cả sự đó chứng minh cho tôi rằng các nhà lãnh đạo Pháp đã hoàn toàn mù tịt về vấn đề Việt Nam, và các khía cạnh tâm lý của nó. Thật ra, điều quan tâm này của họ chỉ là phụ đối với chính nội bộ chính trị nước Pháp, và sự cần thiết, tùy theo trường hợp, để thỏa mãn phần dư luận này hay nọ mà họ cần đến, hầu có thể giữ được quyền hành. Đó là hậu quả bi thảm của một nền dân chủ đã bị suy thoái đến chỗ mất hết ý niệm về quyền bính và lợi ích chung

trong việc phục vụ. Dù sao thì tôi càng vững chắc tự tin ở mình, là chỉ có hành động mới đáng kể, và tôi chỉ có thể tự hào là đã không chịu nhân nhượng cụ thể nào đối với Pháp.

Điều làm tôi thất vọng trong vấn đề này, đó là cảm tưởng bi thảm của dân chúng Việt Nam. Thỏa hiệp mùng 5 tháng 6 không đem lại cho họ sự hăng say hứng khởi nào. Họ khôn ngoan gạt bỏ ảo tưởng, để đợi chờ. Đối với họ, độc lập chỉ là một thực thể, ngày mà họ không nhìn thấy lính Pháp trên đất nước. Từ nay đến lúc ấy, chắc chắn còn nhiều nỗi thống khổ cần phải chịu đựng. Thế nhưng, họ lại không vô tình đối với những lời tuyên truyền của Trần Huy Liệu, bộ trưởng bộ Thông tin của chính phủ Hồ Chí Minh. Đài địch, và những lời rỉ tai luôn nhắc lại, và rêu rao là chính phủ Xuân chỉ là một chính phủ "bù nhìn" do Pháp giật giây. Tất nhiên, ai tham gia vào chính phủ ấy, hay đã ủng hộ chính phủ ấy mặc dù không hô đích danh ai đều bị liệt vào tội đồng lõa hoặc có thể bị coi là đã bị Pháp mua chuộc và ru ngủ.

Ông Bollaert cũng thất vọng không kém. Ông ta muốn tiếp xúc với tôi để đánh một ván bài sả láng, là muốn mời tôi trở về Việt Nam, nên cuối tháng sáu đã vội vã đến Paris ngay.

Tôi biết là vị trí của viên Cao ủy này rất bấp bênh. Hơn ai hết, ông ta cũng ý thức được sự bấp bênh này, kể cả sự bấp bênh của chính phủ Pháp nữa. Chung qui, tôi nghĩ rằng, điều làm ông ta phải sang Pháp này, chính là do thủ đoạn mà trước đây đã tưởng nắm được tôi, nên nay phải cố gắng thu xếp, khổ cho ông ấy là như vậy.

Từ thâm tâm, tôi cảm thấy khoan khoái vô cùng.

Về thời ấy, và cả về sau nữa, người ta thường cho rằng tôi rất yếu, chẳng có tí gì để "làm vốn," và sự đại diện của tôi thật đáng ngờ. Nhận định ấy, có lẽ hợp lý đối với bộ óc Tây phương: chính trị gia, nhà báo, sử gia... Nhưng họ đã quên mất một yếu tố quan trọng: đó là vị trí chính thống của ngôi Thiên tử của tôi †. Vị trí chính thống này, có lẽ chỉ mình tôi cảm thấy. Nó không thể được ghi vào là một yếu tố cụ thể trong một cuộc đàm phán ngoại giao, và nhất là đối với tôi hơn là đối với bất cứ ai, tôi không thể xuất trình ra được. Tuy nhiên, nó *có* và với một sự thể hiện vô cùng mạnh mẽ, mạnh hơn cả các dữ kiện chống tôi nữa. Có lẽ không bao giờ tôi có thể thuyết phục được sự hiện hữu ấy, với những ai chỉ công nhận qua nhãn giới bề ngoài, những ai không phải là dân tộc của nước tôi. Hơn thế nữa, kể cả trai hay gái thuộc dân tộc tôi, cũng khó có khả năng giải thích được, sao cho vỡ nghĩa, giá dụ như vấn đề được đưa ra trước một cuộc thảo luận công khai như kiểu trưng cầu dân ý. Đối với những phản ứng của tôi, với hành động của tôi, dân chúng đã giải thích tùy theo trình độ hiểu biết của họ, quan niệm của họ... Vì vậy, đã có cả chuỗi dài huyền thoại nói về con người của tôi, nhiều khi ngây ngô, thú vị làm tôi không nhịn được cười. Tôi không rõ vì bí mật gì thúc đẩy, hay là vì ông ta sanh ra trên đất Á Đông này, mà một nhà báo kia, đã viết và dựng nên một huyền thoại, với sự hiểu biết khá sâu sắc. Thế nhưng, thay vì làm cho độc giả hiểu một cách hữu lý, thì ông ta đã đưa đến một kết quả méo mó, bởi không đạt trong sự diễn tả. Ngược lại, Hồ Chí Minh, thì ý thức rõ rệt được sự chính thống ấy.

Dù bằng lời nói hay cử chỉ, lúc nào ông ta cũng cố gắng muốn khoác cho mình, nhưng chẳng bao giờ đạt được...

† Chân mạng đế vương

Vậy thì, viên Cao ủy giờ đây về Paris là muốn được sự duyệt y của Thỏa hiệp ở vịnh Hạ Long. Để rồi với cái mẩu thành công tí teo này, ông ta cố gắng làm cho tung ra thành một chiến thắng lẫy lừng. Nhưng ông ta lại vấp phải sự phân hóa của nền chính trị Pháp quốc. Không một đảng nào, một phe nhóm nào, sẵn sàng yểm trợ cho ông ta, điều mà ông ta vẫn đợi chờ. Tôi được biết như vậy ngay sau khi đến Paris, khi tiếp xúc với một số chính khách.

Ngay cả đến những người được coi là có thiện chí nhất với giải pháp phù hợp với đường lối hiện tại của Pháp lúc ấy, như phe De Gaulle của Cộng hòa Dân chủ Pháp RPF, cũng không mấy sốt sắng ngay. Họ muốn dành sự ủng hộ này, đúng vào lúc sát kề, mà họ đạt được đa số để cầm quyền. Tướng Benouville đã bảo thẳng với tôi như vậy.

Còn về các nhóm khác, dù là đa số hay bọn đối lập, họ còn lâu mới tới giải pháp trong đó dành độc lập và thống nhứt cho Việt Nam, cả với sự bảo đảm của tôi cũng bị bọn Cộng sản từ chối thẳng thừng khi không đàm phán với Hồ Chí Minh. Nhiều đảng viên Xã hội về phe cộng sản, và tất cả đều ở thế dè dặt. Bọn Cộng hòa tả phái như thường lệ, vẫn từ chối không chịu điều đình. Bọn Cộng hòa dân chủ thì coi việc thực hiện thỏa ước mùng 5 tháng 6 như một sự sa hố, e ngại rằng có thể kéo nước Pháp đến chỗ nhượng bộ bất khả chấp thuận. Còn đối với phe đối lập và cực hữu, họ cho là đã đi quá xa và chỉ chấp nhận dùng binh lực để trở về qui chế cũ.

Tôi để cho các thân cận của tôi giải quyết: Nguyễn Mạnh Đôn, Bửu Lộc, Nguyễn Đắc Khê, Nguyễn Quốc Định tiếp xúc với họ, và ngày 11 tháng 7, tôi gởi cho ông Bollaert một giác thư nhấn mạnh là ngày 5 tháng 6, tôi chỉ đóng vai nhân chứng, và các điều khoản ghi trong bản thể chế,

không phải là thứ "có thể đưa đến hòa bình và đặt nền tảng thân hữu lâu dài giữa hai dân tộc của chúng ta được."

Ngày 19 tháng 7, chính phủ Schuman đổ, chứng tỏ sự thận trọng của tôi là đúng. Một tuần sau, ông Andre Maris lập tân nội các. Ông Paul Coste Floret vẫn giữ bộ Pháp quốc Hải ngoại và ông Robert Schuman thay ông Georges Bidault giữ bộ Ngoại giao.

Trong phiên họp ngày 15 tháng 8, ở Sài Gòn, Hội đồng Nam bộ ngỏ ý mong muốn Quốc hội Pháp chuẩn y bản thỏa ước ở vịnh Hạ Long.

Trước Nghị viện, tân nội các Pháp ngày 19 tháng 8 trình bày đường lối chính trị về Đông Dương, và đạt kết quả tối đa về tín nhiệm. Sau khi khâm phục hành động của viên Cao ủy Pháp, và ngợi khen ông ta về những điều khoản ghi trên thỏa ước mùng 5 tháng 6:

— Chính phủ chấp nhận toàn thể và long trọng các điều khoản ghi trên thỏa hiệp. Mặt khác, trung thành với nhiệm vụ cố hữu của nước Pháp, vốn đã ghi rõ trên bản Hiến pháp, là dẫn dắt các dân tộc mà nước Pháp có trách nhiệm, đưa đến tự do, để tự cai trị lấy mình, và quản trị lấy công việc của nước họ một cách dân chủ, chính phủ Pháp hiểu rằng tham gia vào Liên hiệp Pháp, trong tinh thần hoàn toàn bình đẳng, và độc lập, các quốc gia Đông Dương từ nay có trách nhiệm chung để phát triển nền thịnh vượng trong hòa đồng và hòa hợp tốt đẹp. Mặt khác nữa, chính phủ Pháp coi thể chế hiện hữu của xứ Nam kỳ không phù hợp với tình trạng hiện tại, và chỉ có dân chúng xứ ấy mới có quyền quyết định tự do về thể chế nhứt định của mình, trong khối Liên hiệp Pháp. Chính phủ cũng nhắc lại lời kêu gọi của viên Cao ủy, gửi cho tất cả mọi gia đình trí thức và chính trị gia ở Việt Nam để mời họ tham gia vào sự hợp tác này trên căn bản xây dựng độc lập và hòa bình. Chính phủ mong muốn rằng, khi mà hoàn cảnh thuận tiện, để tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý và tạo lập một chính phủ nhứt định, miễn là những cơ cấu dân chủ phải được thực hiện và có kết quả ở khắp lãnh thổ, của một quốc gia tự do.

Tôi cũng ghi nhận rằng lời tuyên bố này không đả động gì đến tôi, hay đến chính phủ của Tướng Xuân, và như vậy, nó chỉ là lời nhắc lại của các điều khoản ghi trên bản thỏa hiệp ở vịnh Hạ Long. Nó không đả động gì đến những vấn đề thiết yếu đang để lửng lơ ở trong bản thỏa hiệp. Cuối cùng, nó không phải là bản chuẩn y do Quốc hội chấp nhận, nhưng chỉ là sự đồng ý mà thôi.

Thế rồi, viên Cao ủy lợi dụng chỗ được tuyên dương, và sự kêu gọi các nhà trí thức và chính trị gia hợp tác, liền xin gặp tôi.

Cuộc tiếp xúc diễn ra ngày 25 tháng 8 năm 1948, ở lầu Henri IV, tại *Saint-Germain-en Laye*. Lúc nào cũng ra vẻ tự tin và vững vàng, ông ta làm ra bộ đã quên mọi sự không ưa lẫn nhau của tôi, ông ta nói:

— Thưa Ngài, bản thỏa hiệp ở vịnh Hạ Long này đã được xác nhận rồi. Chính phủ Pháp chỉ có thể và chỉ muốn đàm phán với Ngài mà thôi. Nay là lúc mà Ngài nên trở về Việt Nam để điều khiển thực sự công tác. Nếu Hồ Chí Minh chịu hưởng ứng lời kêu gọi của chính phủ Pháp, thì với Ngài mà ông ta phải thảo luận...

— Thưa ông Cao ủy, tôi chưa bao giờ nghe thấy tất cả sự đó. Tôi chưa bao giờ nghe đến cái gì liên can đến tôi, và tôi vẫn chờ nghe những đề nghị của chính phủ quí quốc. Nhưng điều thiện chí chưa đủ để nói hết.

Thế là với sự bực mình rõ rệt, ông ta tiếp:

— Thời gian sẽ đến với Ngài. Có lẽ cũng còn lâu lắm thưa Ngài, nhưng mà chính Ngài phải hành động trước. Ngài sẽ nhận thấy...

— Thưa ông Cao ủy, Ngài vừa nói đến thời gian. Nhưng mỗi một chút thời gian qua đi, là máu của nhân dân tôi vẫn chảy, và chính tôi phải chịu trách nhiệm trước họ. Vì thế, tôi không thể trở về Việt Nam với hai bàn tay trắng. Tôi mong rằng nước Pháp bỏ hẳn các điều khoản vô lý ghi trên tờ *thể chế*, nước Pháp tuyên bố chân thật và dứt khoát rằng ba kỳ chỉ hợp lại thành một và cùng trong một nước. Như vậy, thì Ngài có thể tin ở nơi tôi được.

Nhận thấy rằng lần nữa, thủ đoạn của ông ta bị thất bại, ông Bollaert rút lui, và không quên nói một câu để giữ thể diện:

— Thưa Ngài, tôi hy vọng chúng ta sẽ gặp nhau ngày gần đây.

Để chứng tỏ rằng tôi đang phải đương đầu với ai, tôi quyết định không chùn bước. Tôi trở về Cannes với gia đình tôi.

Giữa lúc ấy, chính phủ André Marie bị bắt buộc phải từ chức. Chính phủ này chỉ đứng được hơn một tháng. Làm sao mà tôi có thể điều đình nghiêm chỉnh trước một sự bấp bênh như vậy được? Bây giờ là ông Henri Queuille, ngày 11 tháng 9 lập tân chính phủ. Và ông Coste Floret, chắc chắn là ngồi dai đến chết, vẫn giữ bộ Pháp quốc Hải ngoại.

Sau đó ít lâu, tôi bị bệnh đau gan, nên phải về Paris chữa bệnh. Giữ kín danh tánh tôi kín đáo cư ngụ tại khách sạn California, phố Berry, rất gần phòng mạch của bác sĩ điều trị.

Tôi còn đang đau, thì ngày 17 tháng 10, vào buổi trưa, có người kêu điện thoại gọi tôi:

— Thưa Hoàng đế, có người muốn xin được gặp Hoàng đế.

— Xin trả lời là tôi đang đau, và không thể tiếp ai được. Tôi đáp, và tắt máy.

Lại chuông reo lần nữa.

— Thưa Hoàng thượng, vị quí khách năn nỉ xin gặp là ông Haussaire. †

— Không, tôi không muốn gặp ai...

Chưa hết câu, thì có tiếng gõ cửa. Bực tức đến tột độ, tôi sẵn sàng nổi sùng với kẻ vô ý thức đó.

— Vào.

Thì đó chính là ông Bollaert đã lao vào như gió. Mặt ông ta biến sắc. Ông ta tháo mục kính ra rồi lại đeo vào mắt, chỉ đủ thời gian để thở. Tôi hơi buồn cười về sự xâm nhập của ông ta. Thế là ông Cao ủy bảo tôi:

— Thưa Hoàng thượng, xin Ngài tha lỗi cho tôi đã bắt buộc phải đột nhập phòng Ngài trái phép, nhưng tôi cần phải gặp ngài ngay.

Tôi im lặng. Ông ta tiếp, gần như cầu khẩn:

— Thưa Hoàng thượng, tại sao Ngài lại không trở về Việt Nam?

— Thưa Ngài Cao ủy, tôi tưởng đã nói với Ngài Cao ủy rồi, là tôi không thể trở về nước tôi với hai bàn tay trắng được. Chẳng hay lần này, Ngài Cao ủy có đem cho tôi tin tức mới lạ nào không?

— Thưa Hoàng thượng, tôi tin rằng Ngài từ chối không chịu vào đấu trường.

— Vâng, có lẽ lắm. Vậy thì tôi muốn biết ai là con bò mộng, và ai là tên đấu bò đây?

---

† Haut Commissaire: Chữ tắt chỉ Cao ủy .

— Thưa Hoàng thượng, hẳn Ngài biết rằng hòa bình sẽ trở lại, với điều kiện là Ngài phải trở về Việt Nam.

— Thưa Ngài Cao ủy, xin đừng ép tôi. Ngài đã có Tướng Xuân, xin hãy đàm phán với ông ta!

Lập tức, mặt ông ta tái nhợt, ông ta nói với tất cả sự tuyệt vọng vô cùng:

— Tôi tin rằng, tôi chỉ còn có cuốn gói là hết.

— Đó chính là điều tốt nhứt cho Ngài vậy.

Tôi nhìn ông ta đi ra. Đây là người tuyệt vọng đã đi ra.

TIẾN TỚI MỘT GIẢI PHÁP 1949

Hai ngày sau, tôi được biết qua tin các báo là ông Bollaert không xin tái nhiệm nữa. Và ngày 21 tháng 10 năm 1948, chính phủ Pháp cử ông Léon Pignon làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương. Tôi từng biết danh tiếng của ông ta, từng là cố vấn chính trị của Jean Sainteny, rồi của Đô đốc Thierry D'Argenlieu, trước khi làm Thượng sứ Pháp ở Cam Bốt. Vốn là người thuộc ngành cai trị thuộc địa, ông ta được tiếng là rất thành thạo các vấn đề và hoàn cảnh ở Việt Nam.

Hoàn toàn bình phục, tôi trở về Cannes. Tại đây, vị tân Cao ủy Đông Dương đến xin gặp tôi.

Khác xa với người tiền nhiệm của ông ta, sự nhã nhặn và lịch sự của ông giúp chúng tôi dễ dàng trong cuộc tiếp xúc đầu tiên. Phải chăng đây là bước đầu cho sự thông cảm lớn hơn xưa? Ông Pignon trình bày một cách giản dị và khiêm tốn nhận định của ông về Việt Nam, tình huống mà ông ta phải đảm đương công tác, còn trách nhiệm lớn lao nằm trong tay viên Bộ trưởng bộ Pháp quốc Hải ngoại là ông Coste Floret.

— Thưa Hoàng thượng, tôi mong rằng sự tín nhiệm được vãn hồi giữa Hoàng thượng và chính phủ Pháp, đó là một điều kiện cần thiết, nếu chúng ta muốn tiến mãi lên nữa.

— Hơn ai hết, thưa Ngài Cao ủy, tôi là người mong muốn nhiều nhứt về sự tín nhiệm hỗ tương đó, nhưng cho đến nay, tôi chưa được đền đáp xứng đáng, điều mà tôi đã dành cho nước Pháp.

— Thưa Hoàng thượng, điều kiện thứ hai cũng vô cùng quan trọng, đó là sự trở về Việt Nam của Hoàng thượng. Đây là chiếc chìa khóa mà chỉ có nó mới mở được của Ngài cho sự tái lập hòa bình mà thôi.

Tự dưng tôi đã cảm thấy không có gì thay đổi. Thừa hành nghiêm chỉnh chính sách của chính phủ, ông Pignon cũng dùng chung một luận điệu của vị tiền nhiệm của ông ta. Ông ta cũng nôn nóng như người cũ vậy. Thế là tôi không nén được một phút bực mình:

— Thưa Ngài Cao ủy, tôi đã nhiều lần xác nhận vị trí của tôi với ông Bollaert rồi. Đó là với chính phủ của Tướng Xuân, mà quí vị có thể theo đuổi cuộc đàm phán...

Thật vậy, vì nước Pháp chẳng chịu thí cho một chút nhượng bộ nào, viên Thủ tướng sẽ không có thực quyền. Thiếu phương tiện tài chánh, không quân đội, không cảnh sát, ông ta sẽ bị lệ thuộc vào nền cai trị của Pháp, lúc ấy vẫn tiếp tục quản trị các công việc của Việt Nam.

Vậy thì chẳng ai còn phải ngạc nhiên, nếu vị trí của Việt Minh có củng cố lại được, dù có bị chúng tôi làm cho lung lay đến tận gốc rễ. Bộ máy tuyên truyền của Việt Minh tha hồ mà rêu rao Xuân là bù nhìn của Pháp. Người ta cũng chẳng còn ngạc nhiên hơn nữa, nếu vì chán nản và tuyệt vọng, mà nhiều đầu óc đã bắt đầu hoài nghi của những ai

từng tin vào nước Pháp, dù đã được tôi bảo đảm đến mấy cũng mặc. Sau khi giải thích tất cả những chi tiết ấy cho viên tân Cao ủy, tôi nhấn mạnh:

— Thưa Ngài Cao ủy, hẳn Ngài thừa biết, trước những lý do đó, tôi không thể trở về Việt Nam được. Về cũng chẳng ích gì. Xin hãy ngưng ngay sự bảo hộ trá hình kia, và trả lại cho chúng tôi nền độc lập thực sự. Hãy trả lại cho chúng tôi đất Nam kỳ để cụ thể hóa nền thống nhứt của đất nước Việt Nam chúng tôi. Nước Pháp đã lầm lẫn là giữ tay này lại, mà tưởng là đã cho bằng tay kia. Nước Pháp đã lầm, và chính là nhân dân nước Việt Nam phải chịu hậu quả của sự lầm lẫn ấy, hay hơn nữa, của sự phạm lỗi ấy.

Ông Pignon không nói gì. Tôi giữ ông ta lại dùng cơm sáng. Sau bữa ăn, tôi cố gắng đặt ông ta vào chỗ chia xẻ nỗi bi thảm của dân tộc tôi và những nguyện vọng của họ. Ông ta chỉ nói về những biến cố mà ông ta đã trải qua từ 1945 đến 1946 ở Hà Nội. Lợi dụng kẽ hở này, tôi bảo ông ta:

— Thưa Ngài Cao ủy, hẳn Ngài chưa quên là tôi vẫn được Việt Minh giả trá, mập mờ, đặt tôi vào vị trí cố vấn tối cao của họ...

Tôi nhắc lại cho ông ta là về thời ấy, tôi đã trao quyền cho Uỷ ban Cách mạng, và đứng vào hàng ngũ của họ, chính là để góp phần kiến tạo nền thống nhứt và độc lập của Việt Nam, và để tránh cho dân tộc tôi nội chiến tương tàn. Việt Minh vì lý do làm tay sai cho cộng sản, — mà lúc ấy chúng tôi chưa tường — đã phản bội hy vọng của chúng tôi. Nhưng, khi mà tôi từ bỏ chúng, thì nước Pháp lại đi điều đình với chúng. Vậy thì chính nước Pháp đã củng cố vị trí cho Hồ Chí Minh, cho đến ngày mà quí quốc hiểu thấu được những yêu sách của họ. Hơn nữa, nếu chính phủ Pháp có đoạn giao với "bác Hồ," chính là bởi lý do sự đòi hỏi về độc

lập và thống nhứt của họ nhiều hơn là vì lý do họ là cộng sản quốc tế. Không còn giải pháp nào khác, nước Pháp đành phải quay sang tôi, hy vọng rằng tôi sẽ dễ dàng thỏa hiệp hơn họ, nhưng nước Pháp lại vấp phải sự đòi hỏi của tôi y như của họ vậy.

Quả nhiên, người Pháp đã không hiểu biết tí gì về những sự kiện đã xảy ra ở Viễn Đông trong hai năm gần đây. Tất nhiên là chiến tranh rất tai hại và quá tốn kém cho một nước vừa ốm lại sức, nhứt là cũng sợ ảnh hưởng của một viễn ảnh thắng trận rất có thể thành tựu của phe cộng sản ở Tàu, một cuộc thắng có thể gần như chắc chắn. Bởi vậy, tôi hiểu nước Pháp rất nôn nóng đạt kết quả, và ý đồ hòa bình của họ. Nhưng chính là ở người Pháp phải thủ tiêu quyền sở hữu của Việt Minh, và như vậy chỉ có một cách: trao cho tôi cái mà họ không muốn trao cho Việt Minh. Vì thế, tôi kết luận:

— Quí ông hãy nhấc cái mặt nạ cộng sản Việt Nam, giả trá là người quốc gia, mà họ đã thành công trong khi lừa bịp dân chúng và để chứng minh công khai trước dư luận quốc tế. Như vậy, thiếu căn bản ấy, Việt Minh sẽ không còn lý do tiếp tục chiến đấu, họ sẽ chỉ là một đảng phái như mọi đảng phái khác. Vì xin Ngài tin rằng thưa Ngài Cao ủy, chính tôi cũng rất mong muốn hòa bình.

Vài ngày sau, ông Pignon đi Sài Gòn. Tôi đi Paris, và gặp ông Coste Floret và Bác sĩ Henri Queuille, tân Thủ tướng Nội các. Ông này tiếp tôi rất niềm nở, và ông ta gần như hoàn toàn không biết gì về Đông Dương. Đó là hình ảnh gần như toàn diện của người Pháp trung lưu, hơi lè phè bệ vệ ít nhiều, có hàng ria mép tiêu muối. Ông nghe tôi nói với đầy thiện cảm. Trước mặt ông, tôi lại nhắc lại những dữ kiện mà tôi đã đàm thoại với ông Cao ủy.

Khi tôi nói đến sự cần phải loại trừ chủ quyền của Việt Minh, ông có vẻ đồng tình, và bảo tôi:

— Hoàng thượng rất có lý, nhưng cần phải chú trọng đến hiện tình chính trị ở Pháp, và chính chỗ đó mới là điều rắc rối. Chúng tôi sắp mở một hội nghị bàn cãi về Đông Dương ở trước Hội đồng. Tôi không dám chắc là đạt được đa số, vì tôi vừa bị phe cộng sản chống đối, khi không chịu nghe gì nếu không nói đến Hồ Chí Minh, lại vừa bị phe De Gaulle kịch liệt bỏ ngoài tai khi đem sát nhập xứ Nam kỳ vào Việt Nam, bởi họ đã coi như bỏ rơi một phần đất đai của Pháp.

Một ý nghĩ bỗng nảy ra trong óc tôi, tôi liền cắt lời ông ta:

— Thưa Ngài Thủ tướng, nếu tôi lấy được phiếu của đảng Cộng hòa Dân chủ cho Ngài thì Ngài có đền đáp lại cho tôi sự trở về của Nam kỳ cho nước tôi?

Bác sĩ Henri Queuille hơi thoáng một nét cười láu lỉnh:

— Hoàng thượng vẫn có thể thử xem... Tôi không dám hứa hẹn gì với Ngài, vì sự đó không giải quyết riêng được vấn đề của Hiến pháp... Chúng ta sẽ liệu xem sao...

Tôi lại đến gặp Tướng Guillain de Benouville, nghị sĩ thuộc đảng De Gaulle mà tôi đã từng có dịp gặp gỡ, và trình bày ý kiến với ông ta. Ông ta khuyên tôi nên nói với một nghị sĩ khác, cũng ở đảng De Gaulle, là ông Terrenoire, được coi là tai mắt của De Gaulle.

Lập tức tôi đi Cannes và mời ông Terrenoire. Ông ta liền tới ngay. Hình thức thì ông ta cũng chẳng biết gì về Đông Dương y như vị Thủ tướng này vậy. Ông ta không chối điều đó, nhưng khi tôi nhắc lại những lý lẽ mà tôi vừa nói trên lần nữa thì ông ta nghe, ông ta nhìn tôi, với đôi mắt sáng quắc sau chiếc mục kính dầy cộm và đáp rằng:

— Thưa Hoàng thượng, Ngài nói rất hợp lý, và tôi chịu là đúng, nhưng tôi còn phải gặp Đại tướng, chỉ Đại tướng mới có quyền quyết định.

Và ông đã đi Paris ngay.

Hai hôm sau, tôi cũng lên Paris. Ông Terrenoire về đến Colombey (nơi ở của Tướng De Gaulle). Nhìn vẻ mặt ông ta, tôi biết là sự vận động của ông đã thất bại. Ông ta xác nhận với tôi:

— Đại tướng không chịu. Không thể bỏ một phần đất của lãnh thổ quốc gia Pháp. Xứ Nam kỳ là đất thuộc địa từ 1884, đây là đất Pháp. Đấy chính là điểm quan trọng nhứt mà Đại tướng tỏ ra rất cứng rắn, không gì lay chuyển được.

Thật sự, tôi rất băn khoăn mà không muốn tỏ cho người đối thoại biết, nên giả trá làm như câu trả lời này không phải là nhứt định, tôi bắt đầu tấn công. Một lần nữa tôi lên án bản Dự thảo về Thể chế, phụ đính vào bản Tuyên bố chung, nhấn mạnh đến chỗ mâu thuẫn giữa hai bản này. Rất bình tĩnh, tôi đặt trách nhiệm vào nước Pháp, trình bày giải pháp của tôi, kêu gọi tái lập hòa bình, và tôi kết luận một cách mạnh mẽ thẳng thừng:

— Bất cứ một nền chính trị nào của Pháp cũng đều là sự điên cuồng, mất hướng. Quí ông tự nhận trước mắt thế giới là một nước Pháp mới, nước Pháp quảng đại của chiến thắng giải phóng. Quí ông không thể nào phạm vào điều điên rồ như thế này được. Quí ông sẽ hối hận đau khổ, vì rồi đây điều mà quí ông không muốn tặng một cách vui vẻ và thân thiện thì quí ông sẽ bị giật mất trong máu và nước mắt.

Trong một bữa tiệc ở đại lộ Saint Germain, tôi lại gặp lại Tướng Benouville và rất đông đồng chí đảng De Gaulle

của ông ta, trong đó có Gaston Palewki, Provost de Lauray...

Nhắc lại cảm tưởng mà tôi từng cảm thấy khi gặp Terrenoire ở Colombey về, họ bảo tôi rằng:

— Xin Hoàng thượng đừng hấp tấp. Hãy kiên nhẫn một chút. Đại tướng De Gaulle lại sắp trở lại chính quyền nay mai. Trong sự hỗn độn hiện nay, đây là cứu tinh độc nhứt của nước Pháp. Khi De Gaulle lên, thì tất cả đều thay đổi hết, chúng ta sẽ biết...

Một tuần lễ sau, ông Terrenoire đến gặp tôi. Với giọng nói lạnh lùng, bất cẩn, ông ta bảo tôi:

— Thưa Hoàng thượng, đảng Cộng hòa Nhân dân RPF (của De Gaulle) sẵn sàng bỏ phiếu cho Thủ tướng Queuille. Hoàng thượng có thể xác nhận sự đồng ý của chúng tôi, nhưng chúng tôi ước mong Thủ tướng sẽ tìm được giải pháp tốt đẹp cho Việt Nam...

Tôi kín đáo báo cho ông Queuille biết, rồi không đợi trả lời, tôi đi Cannes ngay. Quốc hội Pháp họp. Nhờ số phiếu của đảng RPF, chính phủ Queuille đạt đa số. Sự kiên trì về chính trị chỉ là một vấn đề thức thời.

Tôi không đợi được lâu hậu quả của các diễn tiến về sau. Và đây một quí khách đến Thorenc tìm tôi. Đó là Bửu Lộc đến đưa cho tôi giấy mời của điện Elysée mời, dự bữa tiệc ở dâu đài Rambouillet. Ông ta đã lợi dụng cơ hội để nghe dự luận ở kinh thành Paris. Đại sứ Mỹ ở Paris, ông Jefferson Caffery, đã báo cho chính phủ Pháp biết là Hoa Thịnh Đốn rất có thiện cảm với chính phủ Pháp, đã tỏ ra cởi mở về chính sách đối với Việt Nam. Tôi chắp nối việc này với điều tôi từng nói chuyện với ông William Bullitt ở khách sạn Richmond ở Genève, hồi tháng chín, lúc ấy tôi đang nghỉ mấy ngày ở Gstaad cùng với Hoàng hậu và các

con của chúng tôi. Viên cựu Đại sứ Mỹ này, tôi từng biết ở Hongkong, đã khuyên tôi nên điều đình với những điều khoản hợp lý, và cam đoan với tôi là Hoa Kỳ sẵn sàng yểm trợ, một khi lên nắm chính quyền. Từng biết ông William Bullitt vốn thuộc đảng Cộng hòa, mà tôi đang ở thế đối nghịch, tôi không mấy chú ý đến sự gợi ý này của ông ta.

Sau khi cùng Hoàng hậu đến thăm xã giao Tổng thống Pháp ở điện Elysée tôi đến điện Rambouillet. Sau bữa ăn, chúng tôi sang phòng khách để gặp Tổng thống Auriol, có Thủ tướng Queuille các Thủ tướng Andre Marie và Ramadier, ông Coste Floret và chính tôi nữa.

Câu chuyện kéo dài, bỗng bất thần, Tổng thống Auriol quay sang nhìn tôi, và với giọng khô khan, ông nói:

— Thưa Hoàng thượng, Ngài rất cởi mở. Nhiều người vì tham vọng cá nhân, chỉ làm cho rắc rối mà thôi...

— Thưa Ngài Tổng thống, Ngài định nói ai vậy?...

— Thưa Hoàng thượng, chức vụ của Tổng thống không cho tôi mấy sáng kiến độc lập lớn lao, ngược lại, nó đem đến cho tôi rất nhiều tin tức chính xác. Vì vậy, trong một bữa tiệc gần đây, Ngài đã tỏ bày cảm tưởng của Ngài với một số thực khách vốn không mấy cảm tình với các thân hữu chính trị của chúng tôi, và do thế, họ đã viết một bài báo không mấy có lợi cho chính phủ...

Quả thật, trước khi tôi gặp các nghị sĩ thuộc đảng De Gaulle, ông Gaston Palewki đã viết một bài đả kích mạnh mẽ chính sách của Pháp về Việt Nam, và ông ta kết luận rằng, sự đó chỉ có thể đưa tới sự tan vỡ hoàn toàn giữa Pháp và Việt Nam.

Tôi nhìn vị Tổng thống và cân nhắc từng chữ:

— Thưa Ngài Tổng thống, tôi không bao giờ cần phải tỏ bày tâm sự với bất cứ ai. Lập trường của tôi, ai cũng biết cả rồi. Tôi đã từng nhắc lại nhiều lần cho các vị đại diện cao cấp của Pháp ở Đông Dương. Hẳn Tổng thống đã biết. Nó vốn gồm có hai chữ: Độc lập và Thống nhứt của Việt Nam.

— Xin Hoàng thượng đừng để bọn đảng viên De Gaulle gây ảnh hưởng. Trái với điều họ tưởng, chính phủ bao giờ cũng đủ quyền lực để giữ lời hứa cho nước Pháp. Và trên cả chính phủ, chính tôi là người giữ điều hứa hẹn đó...

— Thưa Tổng thống, xin Tổng thống yên trí. Nước Việt Nam một khi hòa bình được vãn hồi, cùng với độc lập và thống nhứt, chỉ còn có một quan tâm, đó là sự hợp tác và liên kết với nước Pháp.

Từ nãy vẫn giữ yên lặng, Thủ tướng Ramadier, giữa hai khói thuốc, liền mở ra một câu chua chát:

— Và như vậy, thì chỉ còn chờ Hoàng thượng trở về Việt Nam để thi hành nhiệm vụ của mình.

Để chấm dứt không khí lạnh nhạt sau câu nói gần như vô duyên đó, tôi đứng lên và lấy một nụ cười rất tươi, tôi thốt mấy lời cáo biệt:

— Hẳn quí Ngài đã thấy không có sự gì thay đổi, vì Ngài Thủ tướng Ramadier mời tôi trở về nhậm chức như ông đã bảo cho một nhân viên không mấy sốt sắng. Vẫn cười tươi hơn, tôi nói tiếp: Tôi sẽ trở về Việt Nam khi nào mà tôi cho là đúng lúc nhất, dù sao nữa không bao giờ trước khi nước Pháp đã trả lại nền thống nhứt cho nước tôi.

Sự đối phó gay cấn này chứng tỏ cho tôi biết chính phủ Pháp đang đi vào ngõ cụt. Vị trí của tôi đã khá vững vàng nữa, nhưng tôi cần phải cảnh giác mọi biến chuyển tại chỗ. Nếu thời gian có lợi cho tôi đối phó được với những tranh luận chính trị ở Pháp, thì lại không phải vậy tại Việt Nam. Vì chính phủ Xuân không thể hoạt động gì được, thì tình

thế lợi cho Việt Minh càng lớn. Họ cảm thấy thời gian đang tới để có thể dựa vào Tàu, lúc ấy đã rơi trọn vào tay bọn cộng sản rồi, để có thể đương đầu mạnh mẽ.

Mình cần phải vượt trước họ.

Sau vài tuần lễ, khi nhậm chức ở Đông Dương, ông Pignon đến thăm tôi vào một ngày tháng chạp năm 1948. Ông ta biết là tôi không muốn nghe gì, khi vấn đề cụ thể đối với độc lập và thống nhứt chưa được giải quyết, nên bảo tôi ngay:

— Thưa Hoàng thượng, tôi xin Ngài hãy coi như tất cả mọi điều xảy ra ở vịnh Hạ Long đều bị vượt qua. Nay cần phải đặt lại căn bản mới để đi thẳng đến sự kiến tạo nước Tân Việt Nam.

— Tôi rất đồng ý với Ngài Cao ủy, để trang bị cho nước Việt Nam một qui chế giúp cho nó có thể tự bảo vệ lấy nền độc lập và thống nhứt của mình.

Trong thâm tâm, hẳn ông Pignon cũng ý thức được rõ ràng, cần phải xúc tiến nhanh chóng, nên muốn mong dựa được vào tôi để đẩy mạnh lên. Vì ông cảm thấy rõ rằng sự thay đổi này sẽ được hỗ trợ bằng một yếu tố mới. Ông ta yêu cầu tôi tiếp xúc lại với Thủ tướng Queuille.

Vì vậy, sau khi ăn tết với gia đình ở Thorenc, tôi đến Paris và gặp Thủ tướng chính phủ. Tôi nhã nhặn nhắc lại lời hứa hẹn của ông và sự giúp đỡ mà tôi đã giúp ông trước kia, để cho ông hiểu rằng nước Pháp chỉ cần xác nhận nền độc lập và thống nhứt của Việt Nam, với sự bảo đảm của Tổng thống Pháp là chúng tôi có thể xúc tiến ngay công việc được. Ông Queuille lúc nào cũng nhã nhặn không tỏ gì là phản đối cả. Chắc chắn là ông Pignon đã sửa soạn trước.

Vào trung tuần tháng giêng năm 1949, cuộc đàm phán bắt đầu. Rất nhanh chóng nó thành hai hình rõ rệt. Sự đe dọa của Cộng sản Tàu càng củng cố thêm cho nó, vì quân đội của Mao Trạch Đông đã tiến vào Bắc Kinh ngày 22 tháng giêng. Một hội đồng hỗn hợp được thành lập ngày 12 tháng 2 để nghiên cứu từng điểm một ghi trong bản thể chế ở vịnh Hạ Long.

Phái đoàn Pháp do ông Herzog làm trưởng phái đoàn, gồm có quí ông Marolles, De Pereya, De Raymond, Risterruci, Thiếu tá Ploix, sau đó thêm năm vị chuyên viên nữa là quí ông Gonon, về vấn đề tài chánh, Anziani, về kinh tế, Torre về kế hoạch, Dannaud về văn hóa, và Đại tá Brebisson về quân sự. Phái đoàn Việt Nam do Hoàng thân Bửu Lộc, luật sư ở Paris là nơi ông từng du học, là trưởng phái đoàn, gồm có ông Nguyễn Đắc Khê, luật sư, Bác sĩ Phan Huy Đán, và quí ông Phạm Văn Bính, Trương Công Cừu, Nguyễn Quốc Định và Đinh Xuân Quảng, Bác sĩ Nguyễn Mạnh Đôn. Thủ tướng Trần Văn Hữu đến Paris ngày 13, theo dõi cuộc đàm phán, đại diện cho Thủ tướng Xuân. Các nhà chuyên môn kết thúc các bản tường trình vào ngày 28 tháng 2, và ngày 8 tháng 3, vào buổi trưa, tất cả chúng tôi đều tập trung đủ mặt ở văn phòng Tổng thống Vincent Auriol ở điện Elysée để cùng ký kết. Trước buổi lễ ngắn ngủi này, về phía Pháp có Thủ tướng Queuille, ông Robert Lecourt, chương ấn, ông Georges Bidault, bộ trưởng bộ Ngoại giao, ông Paul Coste Floret, bộ trưởng bộ Pháp quốc Hải ngoại, Cao ủy Léon Pignon và ông Parodi. Bên cạnh tôi có Hoàng thân Vĩnh Cẩn, Hoàng thân Bửu Lộc, Thủ tướng Trần Văn Hữu và Bác sĩ Nguyễn Mạnh Đôn.

Tổng thống Vincent Auriol đọc một bài diễn văn ngắn nhưng rất cảm động để chúc tụng tất cả các nhà trí thức và chính trị Việt Nam đã đứng xung quanh tôi, đoàn kết,

nhứt trí. Tôi cũng đáp từ ngắn để tỏ lòng tri ân đối với nước Pháp đã trao trả nền độc lập và thống nhứt cho Việt Nam.

— Từ nay, thỏa ước này sẽ thay thế tất cả các hiệp ước do tổ tiên tôi đã ký kết, và tôi nhấn mạnh, Tôi sẽ đặt chân lên đất nước tôi, sống chung với nhân dân nước tôi, đã có một lãnh thổ và biên giới lịch sử. Và tôi cam đoan đặc biệt bảo đảm cho quyền lợi vật chất và văn hóa Pháp."

Chúng tôi ký các văn kiện và trao đổi lẫn cho nhau. Thỏa ước thật ra gồm ba bản tất cả.

Bản đầu tiên là bức thư của Tổng thống Cộng hoà Pháp quốc, kiêm Chủ tịch Liên hiệp Pháp gửi Hoàng đế Bảo Đại. Dựa vào thỏa hiệp mùng 5 tháng 6 ngăm 1948, bản tài liệu này ấn định những điều khoản về nền thống nhứt của Việt Nam, vấn đề ngoại giao, các vấn đề quân sự, chủ quyền nội bộ, vấn đề tư pháp, vấn đề văn hóa và giáo dục, vấn đề kinh tế và tài chính. *(Xin xem phụ đính IV.)*

Bản tài liệu thứ hai là bản xác nhận đối với những điều khoản của bản thứ nhứt cho sự thỏa thuận của tôi, để xác nhận đúng y như bản thứ nhứt, mà tôi gửi lại cho Tổng thống Cộng hòa Pháp quốc kiêm Chủ tịch Liên hiệp Pháp.

Bản tài liệu thứ ba, là bức thư của vị này, vẫn gửi cho tôi là Hoàng đế Bảo Đại để bổ túc, theo lời yêu cầu của tôi, tất cả các điểm liên hệ đến nền thống nhứt của Việt Nam, và các vấn đề ngoại giao, nhứt là về việc trao đổi sứ thần. Tất nhiên, bản thỏa hiệp cũng chẳng có gì mới lạ. Do thỏa hiệp này, nước Pháp công nhận nền độc lập của Việt Nam, và sẵn sàng công nhận nền thống nhứt của nó, nếu tất cả dân chúng đều quyết định. Nhưng nó có cái lợi to lớn là, không phải dựa vào bản tuyên bố chung ký ngày 5 tháng 6 năm 1948, để phải căn cứ vào bản thể chế vốn hạn chế tất cả mọi ảnh hưởng này nọ.

Từ đây, chính phủ Việt Nam được toàn quyền hành động của một nước độc lập. Nó tự đảm trách lấy nền ngoại giao trong khuôn khổ khối Liên hiệp Pháp, nhưng được làm tròn sứ mệnh riêng tư của nước mình, có quân đội quốc gia, thẩm quyền tư pháp đối với toàn thể dân chúng, mà chỉ riêng có người Pháp mới được hưởng qui chế tư pháp hỗn hợp. Nó tự đảm trách về tài chánh. Không còn có vấn đề Liên bang Đông Dương nữa, chỉ có sự hòa đồng trên bình diện tiền tệ với hai nước Cam Bốt và Lào.

Chỉ còn một hạn chế duy nhứt đang tồn tại, đó là ảnh hưởng của Liên hiệp Pháp, hay là ảnh hưởng do chiến tranh đang xảy ra trên đất nước.

Sau lễ ký kết đó, phái đoàn chúng tôi trở về khách sạn Plaza, ở đó tôi giữ lại một số tùy viên.

Từ đây trở đi, tôi đã thu hồi được đất Nam kỳ, tôi coi như nhiệm vụ của tôi về điều đình đã chấm dứt. Giai đoạn mới này, là nhiệm vụ của tôi để tái tạo nước Việt Nam. Thỏa hiệp mùng 8 tháng 3, có một cái lợi lớn lao là vẫn giữ được liên hệ với nước Pháp, nhưng các vấn đề chi tiết đối với tôi không cần biết tới. Nếu tôi chấp nhận vào Liên hiệp Pháp, sự đó không có gì là quan hệ nhiều. Đó chỉ là một nguyên lý xa vời... và của Pháp. Tại sao? Bảo rằng ở trong Liên hiệp Pháp, bởi vì các quốc gia này phải ở mức bình đẳng mới xứng đáng? Hơn nữa, giá dụ bét đi, tôi có thể là chư hầu của Quốc vương Pháp, nhưng chắc chắn không phải là chư hầu của Tổng thống Cộng hòa Pháp quốc. Sau nữa, thỏa hiệp này trước mắt tôi, chỉ là một giai đoạn để tiến tới độc lập hoàn toàn. Sự thành đạt về độc lập như thế, đã xảy ra cho các nước lân cận ở Đông Nam Á như Phi Luật Tân, Miến Điện, Ấn Độ... làm tôi càng tin tưởng trong hy vọng. Tôi tin tưởng rằng thỏa ước mùng 8 tháng 3 phải là một yếu tố nhứt định đưa đến vãn hồi hòa bình. Hỏi Việt

Minh còn có thể đòi hỏi gì nữa khi tôi đã thành công, mà họ thì bị thảm bại ở các hội nghị Fontainebleau và Đà Lạt, vào năm 1946.

Vấn đề duy nhứt và tức khắc hiện nay, là cần phải biết bằng cách nào, vấn đề giải quyết sự tái sát nhập của Nam kỳ. Mấy hôm sau, tôi hỏi Thủ tướng Queuille, ông ta đáp:

— Chính chúng tôi cũng chưa rõ. Hiến pháp của Pháp là nhứt định: "Không ai có thể phạm vào sự sứt mẻ của lãnh thổ được..."

— Hiến pháp của nước Pháp không phải là vấn đề của nước tôi. Ngài cần phải tìm ngay một giải pháp. Chắc Ngài hiểu rằng, tôi chỉ trở về Việt Nam khi vấn đề này được vĩnh viễn giải quyết.

Để dễ dàng cho mọi sự thảo luận, tôi bổ nhiệm Hoàng thân Bửu Lộc làm Đổng lý Văn phòng. Ông ta thuộc hoàng tộc, trong chi nhánh của người em vua Minh Mạng. Ông ta chọn nhân viên trong số những người đồng quan điểm với tôi ở các chức vụ đổng lý sự vụ, công cán ủy viên... Trong số này, có Luật sư Nguyễn Đắc Khê, Nguyễn Quốc Định, vốn là thạc sĩ Luật, các Bác sĩ Nguyễn Mạnh Đôn, và Đinh Xuân Quảng. Tất cả đều đã dự vào việc thiết lập ra thỏa ước mùng 8 tháng 3.

Ông Pignon cũng không chịu để mất thì giờ. Ông biết chính ông ta cũng cần phải xúc tiến nhanh chóng. Ông ta được Thủ tướng Queuille và ông Coste Floret cho phép toàn quyền dùng mọi thể thức cấp bách để áp dụng bản tài liệu thứ ba của thỏa ước.

Đầu tiên, Quốc hội Pháp bầu một đạo luật đặt ra một Quốc hội địa phương ở Nam Việt Nam. Quốc hội này có nhiệm vụ cho ý kiến về sự thay đổi qui chế cho Nam kỳ, trên nguyên tắc.

Ngày 10 tháng 4, Quốc hội địa phương này được bầu, nhưng vì hoàn cảnh chưa cho phép tổng bầu cử, nên chỉ có khoảng 2000 hào trưởng được gọi ra để bầu lẫn nhau mà thôi.

Quốc hội bầu ra này gồm có 50 đại biểu Pháp và Việt, để chia nhau quyết định thiên Việt trong việc thống nhứt, hay thiên Pháp để vẫn giữ y nguyên căn bản Nam kỳ tự trị như trước. Vài hôm sau khi được bầu, Quốc hội này họp và bỏ phiếu đầu tiên. Kết quả vẫn mơ hồ: 25 phiếu sát nhập vào Việt Nam còn 25 phiếu giữ nguyên vị trí tự trị. Tôi đã từng nói rõ nhận định của tôi: Sự bỏ phiếu để tái sát nhập vào Việt Nam phải đủ rõ rệt, để không còn có điểm nghi ngờ nào đối với lòng dân Nam bộ.

Vì vậy, sau khi tôi vừa được tin kết quả của sự bỏ phiếu đầu tiên, tôi liền chỉ thị cho chiếc DC-4 nà chính phủ Pháp đã dành riêng cho tôi để trở về Việt Nam, đang đợi tôi ở phi trường Nice, phải trở lại ngay Paris, đồng thời tôi cũng hủy bỏ tất cả các sự sửa soạn hành trang để trở về.

Hoang mang tột độ, chính phủ cử ông Pignon về gấp Sài Gòn. Ngày 23 tháng 4, Quốc hội địa phương họp lại, thì số phiếu đạt được là 45 phiếu thuận và 5 phiếu chống, đối với việc sát nhập. Hy vọng của tôi tràn trề. Nền thống nhứt đất nước đã được phục hồi. Trung thành với lời hứa hẹn của tôi, không cần phải đợi Quốc hội Pháp chuẩn y, vì đang lúc nghỉ hè, ngày 24 tháng 4, tại Cannes, tôi mở một cuộc họp báo. Tôi nhắc lại ba giai đoạn của thủ tục mà chính phủ Pháp đặt ra để thi hành: Lập một Quốc hội địa phương ở miền Nam Việt Nam, bầu cử và hỏi ý kiến Quốc hội ấy, duyệt y ý chí của Quốc hội này, do Quốc hội Pháp quản chế qui chế mới đối với miền Nam Việt Nam, tôi nhấn mạnh đến tính chất hiến định của thủ tục này:

"... Điều thứ nhứt đã hoàn toàn thực hiện. Điều đó rất quan hệ, vì nó mở ra một thể thức, và bởi vì nó hiến cho Quốc hội Pháp cơ hội để hiểu rõ hoàn cảnh về vấn đề của Việt Nam.

"Quyết định do Quốc hội Pháp đặt ra một Quốc hội địa phương ở Nam Việt Nam đã được ghi nhận trong nền chính trị của nước Pháp. Ngay vòng thứ nhất, bộ trưởng bộ Pháp quốc Hải ngoại, và nhiều diễn giả của khối đa số, vẫn nhấn mạnh một cách hữu lý đến chỗ liên tục của nền chính trị Pháp quốc ở Việt Nam, đến chỗ thống nhứt ba kỳ. Sự liên tục về vị trí của các chính phủ Pháp vẫn nhứt định, không thay đổi.

"Thật vậy, trong bản tuyên ngôn ngày 6 tháng 3 năm 1946, đã ghi rõ: Về việc thống nhứt ba kỳ, chính phủ Pháp cam đoan công nhận những quyết định của sự trưng cầu dân ý.

"Bài diễn văn của ông Bollaert ở Hà Đông cũng nhắc lại rằng: Chính phủ Pháp không dính líu gì vào việc thống nhứt ba kỳ, vốn là nội bộ của nước Việt Nam. Chỉ có dân chúng địa phương mới liên hệ đến, và sự giải quyết là phần của họ.

"Và cuối cùng bản tuyên ngôn ở vịnh Hạ Long đã nhấn mạnh rằng: Nước Pháp long trọng công nhận nền độc lập của Việt Nam, và sự thống nhứt là thuộc toàn quyền của Việt Nam. Lời tuyên bố này đã được Quốc hội Pháp long trọng duyệt y.

"Giai đoạn thứ hai vừa hoàn tất, như quí ông đã được biết, theo quyết định của Quốc hội địa phương Nam Việt Nam, để thống nhứt ba kỳ, nghĩa là sự sát nhập ủa Nam Việt Nam vào các phần đất khác của nước Việt Nam. Theo ý kiến tôi, quyết định này, đã theo một thể thức đã được

định trước, là yếu tố quyết định. Phù hợp với nguyện vọng của chính phủ Pháp, và theo các nguyên tắc hoàn toàn dân chủ, để cho dân chúng liên hệ được tự mình đặt trong Liên hiệp Pháp. Dân chúng Nam Việt Nam đã ngỏ ý rồi, sự trở về Việt Nam của tôi đã có thể thực hiện, và tôi thấy không còn cần thiết để nấn ná gì nữa.

"Thật vậy, giai đoạn ba là giai đoạn, theo đúng hiến pháp của nước Pháp, Quốc hội Pháp phải chấp nhận quyết định của Quốc hội địa phương Nam Việt Nam, và không có gì thay đổi về căn bản của vấn đề. Không phải là tôi dám nói thế này để làm giảm giá trị của Quốc hội Pháp, khi ngờ vực rằng đây chỉ là một hình thức chính trị, bởi vì không có người Việt Nam nào, hay một người bạn của Pháp nào, đã dám cho rằng những lời cam kết rõ rệt và long trọng mà tôi vừa nhắc lại đây, của quốc gia cao thượng của quí ông, lại đi ngược lại với truyền thống cũng như với lý tưởng dân chủ, để hủy bỏ lời tuyên bố đã từng cam kết.

"Một quyết định hảo ý của Quốc hội mà tôi tin chắc sẽ đến, y như các thể thức quan trọng đã được thực hiện, nên tôi thấy không cần phải chần chờ, để trở về. Căn bản của tôi đã đạt được ở Pháp rồi, thì từ nay trở về của tôi cũng rất cần thiết. Nhiệm vụ đang đợi tôi rất rộng lớn và phức tạp, và rõ ràng là chỉ ở ngay trong nước tôi, và giữa các đồng bào của tôi, tôi mới có thể hiểu thấu được những nét chính, mà sự thống nhứt đất nước tôi, mới giúp tôi được dễ dàng.

"Lý do chính mà tôi vừa nhận được từ chính phủ trung ương lâm thời Việt Nam do bộ trưởng Tư pháp Nguyễn Khắc Vệ báo cho tôi biết, thì sự trở về của tôi là rất cần thiết.

"Tôi không muốn làm thất vọng, dù trong ít ngày, những nguyện vọng tha thiết của nhân dân tôi, từng đặt

tín nhiệm nơi tôi, đang quằn quại trong đau khổ ở Việt Nam. Tuy nhiên, cũng cần phải nhắc lại rằng sự mau chóng của quyết định sau cùng của Quốc hội Pháp là điều kiện tiên quyết trong nhiệm vụ của tôi vậy. Nó chứng nhận mạnh mẽ sự tín nhiệm hỗ tương đã mở màn ra cuộc đàm phán. Chúng tôi nghĩ rằng, vào khoảng đầu tháng sáu tất cả đều đã được hoàn tất.

"Chính phủ Pháp đã hiểu thấu sự lo âu của tôi phải đem về cho đất nước, sự sung sướng cho nguyện vọng quốc gia đối với nền thống nhứt lãnh thổ. Một thái độ hiểu biết ấy đã là một sự giúp đỡ rồi. Sự giúp đỡ quí báu tương tự nữa là nước Pháp sẽ chứng tỏ bằng cách cho lần lượt thực hiện các điều khoản của thỏa ước mùng 8 tháng 3, vốn rất phong phú để thành tựu. Tôi rất sung sướng được ca tụng nhân giới cao rộng và tinh thần dân chủ rất Pháp và rất nhân ái của Ngài Coste Floret, bộ trưởng bộ Pháp quốc Hải ngoại. Tôi cũng nói lên cảm tình nồng nhiệt đối với Ngài Léon Pignon, Cao ủy Pháp ở Đông Dương, mà dân chúng Việt Nam vô cùng khâm phục những đức tính cao cả. Tôi tin rằng với những nhà đại diện lỗi lạc ấy của nước Pháp, thỏa ước mùng 8 tháng 3 sẽ được thực thi trong một bầu không khí tín nhiệm và thân hữu.

"Đó chính là sự liên tục của một nền chính trị thân hữu, được đặt vào tay những nhà lãnh đạo siêu việt, để đem lại tình hữu nghị giữa hai nước chúng ta, và góp phần vào sự củng cố hòa bình và sự thịnh vượng cho toàn thể Liên hiệp Pháp."

Tôi rời nước Pháp bằng chiếc DC-4 riêng của Tổng thống mà chính phủ Pháp dành cho tôi. Hoàng hậu và các con chúng tôi vẫn ở lại Cannes, để bọn trẻ tiếp tục học hành. Chỉ có Bác sĩ Nguyễn Mạnh Đôn và người em họ Vĩnh Cẩn theo tôi trở về.

PHẦN BỐN

LÀM QUỐC TRƯỞNG 1949—1955

NƯỚC VIỆT NAM CUỐI CÙNG THÌ THỐNG NHỨT

Tôi quyết định, vì lý do nhã nhặn, chưa nên vội vã đến ngay Sài Gòn. Vì vậy, tôi chọn Đà Lạt thuộc Trung phần Việt Nam, để hạ cánh.

Chúng tôi tạm nghỉ ở Chypre, ở đó tôi được viên Thống đốc người Anh tiếp đón, sau tôi qua Beyrouth, Karachi, Bombay, Ceylan, Singapour, và tôi nghỉ ở biệt điện của viên Cao ủy Anh là Ngài Malcolm Mac Donald. Tướng Xuân, thủ tướng chính phủ lâm thời miền Nam đến đây đón tôi. Chúng tôi cùng đi chung trên một chiếc máy bay tư, do tự tôi thuê lấy.

Đây là lần đầu tiên, tôi bay trên lãnh thổ miền Nam và tôi bảo Bác sĩ Đôn:

— Từ gần một thế kỷ nay, Hoàng đế chưa bao giờ được quyền đặt chân đến đất này. Hôm nay, tất cả đất này là của ta... nhưng cẩn thận, có thể còn nhiều bẫy sập!

Khi máy bay hạ cánh xuống Đà Lạt, ông Pignon đã đón tôi ở đây, cùng với các nhân viên Nội các. Phan Văn Giáo đứng đợi tôi ở chân thang máy bay, ông ta trình tôi một

chiếc khay, trên đó có tấm điện tín. Tôi cầm lấy và trao cho Nguyễn Mạnh Đôn và bảo:

— Đây chắc chắn là cái bẫy đầu tiên đó.

Trong buổi nghênh đón nhỏ bé này, tất cả các bộ mặt đều rạng rỡ, nhưng sự linh cảm của tôi quả đã không lầm.

Vừa tới căn biệt điện cũ của tôi trên đỉnh Liên Khang ở Đà Lạt, tôi biết được nội dung của bức điện tín. Đây là một thỉnh nguyện thư xin được yết kiến của các đại biểu Quốc hội địa phương Nam Việt Nam. Tôi ra lệnh cho Đôn phải triệu tập họ ngay.

Đến đúng hôm được vời, họ đến cả. Đôn vừa giữ vai bí thư vừa là trưởng ban nghi lễ, đưa họ vào trong phòng đợi. Sau đó, Đôn đến mời tôi vào. Khi tôi đến, tôi lấy làm ngạc nhiên, không thấy một đại biểu Pháp nào của Quốc hội có mặt. Một chi tiết khác làm tôi lưu ý, đó là mọi người đều mang một chiếc cặp. Tôi mời họ ngồi và bảo:

— Thưa quí vị trước hết nhân danh dân tộc Việt Nam, tôi xin cám ơn quí vị đã tỏ lòng ái quốc mà quí vị đã làm, và đã giúp cho nước nhà trở lại nền thống nhứt, từng bị mất đi sau 85 năm.

Thế là một đại diện liền đứng lên, gãi cổ và thưa:

— Thưa Hoàng thượng, các đại biểu của Quốc hội địa phương chỉ làm nhiệm vụ của mình. Họ lấy làm hãnh diện được tung hô Hoàng đế khi trở về đất tổ, nhưng tâu trình Hoàng thượng, tôi muốn nhân danh các đồng nghiệp tôi, cũng như nhân danh cá nhơn tôi, để xin Hoàng thượng chấp nhận cho một khẩn cầu.

Lúc ấy, ông ta mới lôi trong cặp ra một mớ giấy, và bắt đầu đọc:

— Trong 85 năm, người miền Nam nhờ sống dưới chính thể Pháp nên đã biết được một hình thức của nền dân chủ.

Vì vậy, ngày hôm nay, họ yêu cầu Hoàng đế vui lòng lưu ý tới chỗ đó, để ban cho họ một qui chế riêng...

Tôi như không tin ở tai mình nữa. Chẳng rõ có đúng như vậy không? Nhưng mà tôi đang ở đâu đây? Ở cạnh các sắc dân miền núi?... Trong khi viên đại biểu này ngưng lại để thở, tôi cắt lời:

— Thưa quí vị, tôi sẽ nghiên cứu tất cả các thỉnh nguyện của quí vị. Trong 15 hôm nữa, tôi sẽ tới Sài Gòn, và lúc ấy chúng ta có đủ thì giờ để xem xét và bàn bạc. Nhưng trước hết, tôi muốn hỏi quí vị, chỉ cần trả lời bằng hai chữ *Có* hay *Không* đối với câu hỏi của tôi thôi. Quí vị vừa hỏi tôi rằng, xin dành cho quí vị một qui chế riêng biệt. Như vậy thì tôi phải coi quí vị như thế nào: như là đại diện của một sắc dân thiểu số, hay là như người Việt Nam sống trong một nước Việt Nam thống nhứt đây?

Tất cả đều đồng thanh trả lời:

— Nhưng chúng tôi đều là người Việt Nam cả...

— Vậy thì thưa quí vị, không còn vấn đề giữa chúng ta nữa. Chúng ta sẽ gặp lại nhau ở Sài Gòn trong ít lâu nữa, và chúng ta sẽ cùng nhau ăn mừng cuộc thành công lịch sử này.

Tôi đứng lên để tỏ sự tiếp kiến đã chấm dứt, và mời họ sang một phòng khác để uống một ly champagne.

Khi trở về nước, tôi đã đoán là sẽ phải đương đầu với một nhóm dân biểu, nếu không phải là lập pháp thì ít ra cũng là lập hiến, nhưng quả tôi không ngờ lại gặp phải loại động tác này.

Như thế, sao lại không có thể có loại yêu cầu tương tự, về phía nhân dân miền Bắc hay miền Trung? Cần phải đánh tan ngay những hoạt động tương tự, vì làm sao mà

cai trị được với những sự chỉ trích, yêu sách liên miên của những nhóm đại biểu như vậy?

Bây giờ, tôi mới hiểu sự vắng mặt của các đại biểu Pháp, và cái thỉnh nguyện thư trình tôi kia — nếu tôi không lầm — chính là một chứng cớ cho thấy bọn đầu não thực dân, vẫn chưa chịu hạ cờ. Có lẽ, họ biết sau khi bọn mật vụ đi nghe ngóng các nơi trở về, báo cho biết là đã có cái gì thay đổi ở Việt Nam rồi. Tôi cũng biết rằng, chẳng phải dễ dàng, một khi bắt tay vào việc. Cuộc chiến đấu mà tôi đã đương đầu được ở bên ngoài, nay lại phải bắt đầu ở đây, với những con người khác, và trong những hình thức khác.

Khi tôi còn ở Hongkong, tôi đã mời hoạt động cùng với tôi, một số đông nhân vật người Nam như Xuân, Trần Văn Hữu, Lê Văn Hoạch, Phạm Công Tắc, và nhiều người khác nữa. Tôi đã hứa hẹn với họ những vị trí để tùy họ lựa chọn, chỉ cần họ nắm vững được công tác do sự giao dịch với các đồng bào Việt Nam khác, cần phải để họ thích hợp với hoàn cảnh. Là Hoàng đế, miền Nam Việt Nam, từ trước vẫn bị ngăn cách đối với tôi. Nay tôi cần phải thành đạt sự hội nhập này. Như vậy, tôi biết nhiệm vụ của tôi chỉ là chuyển tiếp: thu hồi xứ Nam kỳ, xây dựng một nền hành chánh Việt Nam, kiến tạo một quân đội Việt Nam xứng đáng với danh từ ấy. Tôi hiểu rõ phạm vi sứ mạng của tôi, không thể vượt qua ba mục tiêu ấy.

Quả nhiên, tôi đã đến sớm. Bởi vì từ 1946 đến 1949, đó là sự trống rỗng chính trị toàn diện. Nếu tôi chưa xuất hiện, con người vốn sợ sự trống rỗng, thì nước Việt Nam sẽ đi về đâu? Tôi rất lo âu thấy lấp ló ở biên thùy phía Bắc quân đội của Mao Trạch Đông. Đúng như vậy, khi tôi bắt tay vào việc mới chưa tới bốn năm khi kết thúc Đệ Nhị Thế Chiến. Nước Pháp kiệt quệ đến rỗng tuếch. Âu châu bị băng hoại. Chỉ còn có Mỹ là có thể giúp đỡ tôi sự cần thiết để

khởi đầu, và hy vọng thành công. Nhưng tất cả sự đó cũng chỉ là nhỏ giọt.

Tin chắc về tầm vóc của công tác ấy, tôi cố gắng chiến đấu, được phần nào hay phần ấy cho đất nước tôi.

Trong tinh thần ấy, để có thể thực hiện được ba mục tiêu trên, tôi ra một sắc lệnh tự đảm nhiệm làm Quốc trưởng "cho đến lúc mà hòa bình đã vãn hồi, dân chúng trong sự khôn ngoan sáng suốt, tự quyết định được chế độ mà họ mong muốn."

Để có thể có tư thế trước bình diện quốc tế, một thông điệp nhấn mạnh rằng chức vụ của tôi được gọi là *"Hoàng đế, Quốc trưởng."* Vị trí này cũng có giá trị cho đến lúc mà đất nước có được một quốc hội lập hiến.

Sắc lệnh thứ hai lập ra cơ cấu hành chánh do ba tỉnh lớn: Bắc Việt, Trung Việt và Nam Việt.

Hai văn kiện này sẽ là căn bản của tổ chức hành chánh trên toàn quốc. Ngoài ra còn lập ra một khu vực gọi là "Hoàng triều cương thổ" dành cho các sắc dân miền núi. Xưa kia, đất này không được coi là đất của Hoàng triều... Vì vậy, các dân tộc sống lâu đời trên đất ấy, vẫn bị gạt ra ngoài, thì từ nay được sát nhập hẳn vào quyền hạn của Quốc trưởng và được che chở bởi Quốc trưởng. Vị trí này đã do ông Léon Pignon gợi ý cho tôi, trong một cuộc gặp gỡ ở Paris, nhằm để hoàn tất sự thống nhứt dân chúng của nước Việt Nam.

Tôi rất chú trọng đến quyết định cuối cùng này, bởi vì tôi đặt niềm tin cho công tác của tôi vào sự trung thành của các sắc dân này, mà tôi từng hài lòng về sự thẳng thắn và niềm tôn kính của họ đối với cá nhân tôi, trong những dịp đi nhàn tản lẻ loi trước khi xảy ra chiến tranh.

Vì vậy, tôi quyết định dành cho họ cuộc thăm viếng chính thức đầu tiên, khi cầm quyền Quốc trưởng. Ngày 30 tháng 5, cùng với Cao ủy Pháp, tôi đến dự lễ tổ chức ở Ban Mê Thuột, giữa vùng sơn cước, để nhận tượng trưng đất Hoàng triều cương thổ, và nhận lễ tuyên thệ của các vị tù trưởng các dân tộc vùng cao nguyên miền Nam. Trong dịp kinh lý này, ông Pignon đã cho tôi biết sự khó khăn xảy ra giữa ông ta và Tương Blaizot, Tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Đông Dương. Thực tế, có hai quan điểm đối nghịch nhau: *của ông Cao ủy,* thì muốn dành cho nỗ lực quân sự vào các tỉnh miền Nam hầu hoàn tất cuộc bình trị rồi lan dần ra như vết dầu loang cho toàn lãnh thổ quốc gia; *của Tướng Blaizot,* vì bị ám ảnh bởi sức tiến của quân đội Cộng sản Tàu đến sát ngõ biên giới miền Bắc, sẽ không ngần ngại hỗ trợ mạnh mẽ cho lực lượng Việt Minh, nên mong muốn dốc toàn lực binh bị cho miền Bắc. Sự dị biệt về quan điểm đó đã gây nên những va chạm giữa hai người mỗi ngày mỗi nhiều. Nó trở nên trầm trọng, do từ một nguyên nhơn cá biệt mà ra. Số là năm 1945, Tướng Blaizot là Tư lệnh đoàn quân viễn chinh Pháp đang thành hình ở Ceylan. Dưới quyền ông ta có một nhân viên thuộc bộ Pháp quốc Hải ngoại, ông Léon Pignon. Ngày nay, vị trí lại quật ngược. Ông Léon Pignon là Cao ủy Pháp ở Đông Dương trở thành thượng cấp của vị Tổng tư lệnh, Tướng Blaizot.

Để tìm một giải pháp thích nghi cho vấn đề hai mặt đó, chính phủ Pháp liền cử sang công cán tại chỗ, vị Tham mưu trưởng Lục quân, là Tướng Revers. Ông này tới Sài Gòn ngày 16 tháng 5 năm 1949. Ông ta bắt đầu mở cuộc tìm hiểu, xuyên qua khắp nơi ở Đông Dương, và ngỏ ý muốn gặp tôi.

Tôi đã dành những ngày đầu tiên đầu tháng sáu để đi thị sát toàn thể vùng cao nguyên miền Trung và miền Nam,

để tỏ lòng ưu ái đối với các sắc dân Mọi, mà tôi vẫn giữ được cảm tình như thời khó khăn cũ.

Chữ *Mọi* theo danh từ, có nghĩa là còn dã man, mà chúng tôi vẫn dùng để gọi các sắc dân thuộc chủng tộc Mã Lai và hải đảo (Malayo-Polynesien) ở Thái Bình Dương, sống trong các khu rừng núi và cao nguyên của rặng Trường Sơn. Họ là dân tộc đầu tiên chiếm đóng bán đảo Đông Dương, họ đã bị các sắc dân Khờ Me, Chàm, Trung Hoa và cuối cùng là Việt Nam đẩy lui mãi vào sâu trong rừng thẳm. Họ phải trú ẩn vào vùng núi non hiểm trở giữa biển Nam Hải về phía Đông, nước Cam Bốt và nước Lào về phía Tây, ở phía trên xứ Nam kỳ và cuối Bắc kỳ. Đó là xứ sở của rừng rú, của thâm sơn cùng cốc, và các cao nguyên trên đó có nhiều bộ lạc Mọi chia ra thành các nhóm lớn như người Rhade, người Djarai, người Bahna, người Sédang. Sống về nghề du mục và săn bắn từ nguyên thủy, chỉ có thời gần đây mới ở yên một chỗ để cấy cầy, và núi rừng đã ngăn cách họ sống biệt lập với thế giới bên ngoài.

Kẻ thù kinh niên của họ, là người Việt Nam da vàng, đến tự đồng bằng và từ miền bể. Bề ngoài thì khác xa hẳn người Việt Nam, người Mọi vốn cao lớn, khỏe mạnh, bắp thịt cứng rắn, màu da đồng giống như người thổ dân Mã Lai. Về thời ấy, chưa có đến 100 người Việt Nam trên khắp vùng Darlac, rộng quãng gấp ba lần một quận ở Pháp. Chưa bao giờ có sự pha giống giữa Mọi và người Việt Nam, và một vài cuộc nhân duyên nếu có, thì cũng khô cằn, không sanh con đẻ cái.

Riêng tôi, tôi được họ tôn sùng, vì Hoàng đế là vua của các vị thần che chở cho rừng núi và bình nguyên của họ.

Tôi đã từng đi săn nhiều lần ở trong vùng này, chỉ có một người đưa đường. Tôi cũng đã tới vùng biên giới nước Ai Lao. Tôi đi vào quãng một tuần hay 15 ngày. Ban chiều,

khi đến một bản nào, tôi trở thành "Thượng đế" và người Mọi đã coi tôi như vị Thần sống vậy.

Vùng đất này đã từng biết có những nhân vật, tự hào về màu da, như kẻ lãng tử này tự xưng là Vua mọi Sedang, với danh hiệu là Marie đệ nhứt. Hay như viên quan cai trị Ban Mê Thuột tên gọi Sabathier, đến đây năm 1920 đã chặt cầu khi được tin có viên Khâm sứ tới... Các bô lão đã kể cho tôi nghe những chuyện lạ lùng ấy vào ban tối.

Người Mnong ở Bandon là những người chuyên về săn voi. Sau khi bắt được những voi họ giao cho người Lào huấn luyện. Chính tại địa phương đó mà tôi lựa chọn các con thú dành cho kho bảo tàng bảo vệ thú rừng Ban Mê Thuột.

Cuộc chuẩn bị đi săn phải sửa soạn trước đó ba ngày trai giới, và cúng lễ thần săn bắn. Trong ba ngày ấy, người đi săn phải kiêng không được ăn đồ ăn kém tinh khiết, và phải trai giới về sinh lý. Nhưng đến hôm trước ngày săn, họ được uống rượu thả cửa đến say khướt thì thôi.

Buổi lễ đặc biệt nhất về tín ngưỡng của sắc dân miền núi này là lễ hy sinh con trâu. Lễ này bắt đầu vào lúc chập tối. Tất cả đàn ông đàn bà đều ngồi xung quanh cây cột buộc con trâu, cột này là cột cây tre lớn cao quãng 20 mét mà trên ngọn vẫn còn lá. Cột được sơn, vẽ và trang điểm thật đẹp, có đặt những vòng hoa, gió đưa hây hẩy. Đây là một hình thức thờ vật tổ của Bộ lạc này mà họ thờ cúng trong máu lửa. Một con trâu đen to lớn, sừng rất rộng, được trói chặt vào chân cột, đầu cúi xuống, tỏ vẻ bực bội và lấy chân cào đất. Lửa được châm ở bốn bên như đánh dấu tứ phương, rồi cháy rần rần, bốc cao ngọn tới trời xanh. Lửa không thiêu hết mọi vật, mà dâng ngọn đến cao xanh, chứng tỏ con người đang thần phục sẵn sàng tôn sùng Thượng đế.

Những người hành lễ mời tôi ngồi vào vị trí danh dự, ở giữa các bô lão. Đêm đã xuống thấp hoàn toàn. Cuộc nhảy nhót bắt đầu theo tiếng gồng, tiếng trống, tiếng chiêng, và tiếng vỗ tay của đàn bà và trẻ con. Tay cầm dáo nhọn, cánh tay đeo mộc, các người nam nhảy nhót theo điệu lâm chiến, đâm con vật một cách đầy thù hận. Bởi vì con trâu đen này, một con vật thật hiền từ, chiều hôm đó đã là hiện thân của một ác thần, đã làm họ biết bao đau khổ. Đây là vật hy sinh hữu ích dâng cho Thần cứu trợ để cầu mong thần chiếu cố.

Bị trói chặt giữa bốn đống lửa ở xung quanh, tượng trưng cho lời cầu nguyện, nó chết vào ban sáng, dưới chân vật tổ tế thần, nhằm cản trở sự xui xẻo đè nặng lên khắp bản, bởi vì tôi, Vua của các vị Thần, tôi đang ngồi ở giữa họ.

Một kẻ hành lễ đem đến dưới chân viên phù thủy một quả bầu rỗng và một con gà trống màu trắng. Ông già quì xuống, cắt tiết gà, mổ lấy tim và hứng lấy tiết vào trong quả bầu.

Viên tù trưởng đưa cho tôi một chiếc cần bằng sậy và mời tôi hít rượu đựng trong hũ, đồng thời tôi ăn cùng với ông ta hai miếng gan heo nướng thành chả bằng một chiếc xiên, mà một đứa trẻ đưa cho ông ta. Thế là các bô lão đứng lên, và lần lượt choàng vào cổ tay trái tôi chiếc vòng đồng, nói lên sự phục tòng, giao hiếu mà mọi người dâng cho tôi, có khắc nhãn hiệu của họ, rồi cúi đầu, tung hô tôi là Thượng đế!

Khi tất cả đã trở về chỗ ngồi bên cạnh tôi, viên phù thủy liền cất cao giọng và hát:

— Hỡi Thần linh! Xin hãy công nhận Cha mà chúng tôi đã lựa chọn. Hãy chấp nhận Ngài và chúng tôi đã kính dâng buổi lễ này, cả hai bằng chiếc hũ rượu này có tiết của

con gà trống bạch. Xin Thần của núi rừng che chở cho chúng tôi, xin Thần của sông nước che chở cho chúng tôi, xin Thần Đất dẫn dắt chúng tôi, xin Thần Săn bắn che chở và đứng về phía chúng tôi, xin Thần Gió thanh lọc sự giao kết của chúng tôi, xin Thần Lửa làm sự giao hảo sáng chói như chớp, sự đồng minh mạnh như sấm như bão, xin cho chúng tôi sự trường thọ vô cùng, xin cho tóc của chúng tôi bạc trắng phau trước khi đến với các Ngài. Hỡi Thần linh, Hỡi Thần linh, xin hãy chứng giám cho lời thề vĩ đại giữa hai chúng tôi, hỡi Thần linh, hỡi các bậc linh hồn, xin mời các Ngài hãy dự tiệc trước đã. Xin cho phép chúng tôi được hưởng thụ thịt của vật bị hy sinh này, và hưởng thụ huyết của con trâu này vào sáng ngày mai. Sống lâu, mạnh khỏe, hạnh phúc. Chúng tôi nguyện trung thành giữa chúng tôi cho đến đời con, đời cháu chúng tôi. Bởi đó là lời Thần dạy.

Sau lời khấn vái ấy, tôi cùng các bô lão vào nghỉ trong căn lều của viên phù thủy, mái lợp bằng da đan vào nhau, căn lều hoàn toàn bằng tre, ngoại trừ các cây cột và sà ngang đều bằng gỗ teck. Trong nhà có trang hoàng nhiều hình thù bằng gỗ khắc, các dấu hiệu về mặt trời, mặt trăng, hình bò cạp, cá, và bao giờ cũng là hình to lớn của thần rắn, và hình mặt trời gọi là Svastika. Ở chân cột có treo nhiều giá đựng binh khí, những bộ trống chiêng, những vò, hũ cổ, những chậu đồng. Chúng tôi uống rượu cần xung quanh lò lửa.

Ở giữa bọn người mộc mạc cổ xưa này, tôi cảm thấy an ninh vô cùng. Tình lưu luyến tôn kính của họ đối với cá nhân tôi không bao giờ phai lạt. Họ là người ưa chuộng tự do, rất hãnh diện và kiêu ngạo, lòng trung thành của họ là điều khuôn mẫu. Bị dồn ép vào sâu trong rừng núi, khuất hẳn với thế giới bên ngoài do tấm bình phong dày đặc của rừng, họ được hiểu biết, yêu mến kính trọng và che chở.

Chính vào dịp đàm phán ban đầu, trước khi ký thỏa hiệp mùng 8 tháng 3, tôi đã nêu lên vấn đề đất đai rừng núi và những sắc dân thiểu số, ông Léon Pignon đã gợi ý rằng đất đai này và các sắc dân này phải được đặt trong một qui chế riêng, đặt họ vào đất đai của Hoàng triều cương thổ. *(Xin xem phụ đính V.)*

THỊ SÁT CÁC KINH ĐÔ

Sau kỳ thị sát vùng cao nguyên Darlac, tôi đến Sài Gòn ngày 13 tháng 6. Tại đây, thật lạ một sự tiếp thu thực sự, vì thủ đô miền Nam trước đây vẫn là cấm địa đối với tôi, khi còn là Hoàng đế. Hôm sau, ngày 14 tháng 6, tại điện Norodom, tôi ký với ông Pignon nhiều chi tiết về thể thức, theo như các điều khoản của thỏa ước mùng 8 tháng 3 năm 1949.

Trong dịp này, tôi gửi một thông điệp cho dân chúng:

"Đồng bào miền Nam thân mến,

"Hôm nay đặt chân lên phần đất của miền Nam Việt Nam này tôi không khỏi nén đi bao xúc cảm sâu đậm tràn ngập trong tim, xúc cảm có chứa đựng niềm vui sướng vô biên. Đất cát này, dân tộc Hồng Việt chúng ta đã kiến tạo với bao công lao trong nhiều thế kỷ. Các Hoàng đế Minh Vương và Võ Vương đã liên tiếp xây dựng nên. Cũng tự đất đai này, mà Hoàng đế Gia Long và các bậc anh hùng nghĩa sĩ vùng Đồng Nai, Gia Định đã phất cờ khôi phục lại sơn

hà từ Sài Gòn đến Thuận Hóa, rồi từ đó ra đến Hà Nội, tiến tới tận biên giới Trung Hoa.

"Dòng máu anh hùng của tổ tiên chúng ta vẫn còn sôi sục trong huyết quản giòng giống cháu Lạc con Hồng. Trong rừng sâu, cũng như trong các vùng sình lầy, biết bao nghĩa sĩ, anh thư đã đền nợ nước cho một chính nghĩa sáng ngời dân tộc.

"Đất đai của tiền nhân chúng ta đã trở về với chúng ta ngày hôm nay. Kết quả đó đạt được là nhờ ở tâm hồn dũng cảm của toàn thể nhân dân ta, và ở lòng hy sinh và sự tận tâm của các đồng bào ta ở mọi giới, và ở tình hữu nghị đầy thông cảm của dân tộc Pháp. Mặc dù có cuộc sống khác biệt qua bao năm dài tháng lậm, đồng bào miền Nam đã chứng tỏ là dân chúng Việt Nam không bao giờ quên gốc rễ và giòng giống của mình.

"Trong công cuộc phục hưng đất nước, miền Nam Việt Nam đã đặt viên đá đầu tiên và đã ghi một trang thật lẫy lừng trong Lịch sử.

"Công cuộc ấy chỉ có thể vững bền và thịnh đạt, nếu dân tộc chúng ta vẫn tiến lên trong kỷ luật, trật tự và hòa bình. Thế mà, trong bốn năm qua, vì các nguyện vọng quốc gia chưa được thỏa mãn, sự tàn phá của chiến tranh vẫn kéo dài, và làm tan hoang đất nước.

"Không có một cảnh tượng nào đau đớn hơn là trông thấy hai dân tộc Pháp và Việt, vốn cả hai đều tha thiết đến hòa bình, mong mỏi sự tự do, và công lý, buộc lòng phải dùng đến sức mạnh bạo tàn để giải quyết mọi dị biệt. Để chấm dứt tình trạng đau lòng ấy, tôi không ngần ngại tự đảm đương lấy sứ mạng là tìm một giải pháp hòa bình, để san bằng mọi mâu thuẫn, và để thỏa mãn các nguyện vọng chính đáng và sâu đậm của chúng ta.

"Chỉ cốt có một vị trí quốc tế chính thức, mà buộc lòng tôi phải giữ tạm thời danh vị cũ, nhưng lập trường của tôi vẫn không thay đổi, đối với dân tộc. Dân tộc đã chiến đấu anh dũng cho nền độc lập của Tổ quốc. Vậy thì tất nhiên, nguyên lý về các hoạt động quốc gia, phải từ dân mà ra.

"Tuy nhiên, vì hoàn cảnh quốc tế rất quan trọng, và vì trường hợp của đất nước chưa thuận tiện cho các cuộc tổng tuyển cử, tôi phải nhận kể từ hôm nay trách nhiệm lãnh đạo công việc của quốc gia.

"Đồng bào miền Nam thân mến,

"Theo đúng nguyên tắc đã được ký kết trong thỏa ước mùng 8 tháng 3, nền thống nhứt của đất nước đã được thực hiện. Ngày mùng 6 tháng 6 vừa qua, Quốc hội Pháp đã long trọng bỏ phiếu chấp nhận sự trở về của đất Nam kỳ vào lãnh thổ nước Việt Nam. Như vậy, qui chế thuộc địa do các hiệp ước năm 1862 và 1873 đã được vĩnh viễn hủy bỏ. Nền độc lập của đất nước được phục hồi, và kể từ ngày hôm nay, nước Việt Nam tự mình sẽ giải quyết công việc nội bộ của nước mình, trên bình diện quốc tế cũng như trên bình diện quốc gia.

"Trên lãnh vực quốc tế, nước ta được toàn quyền của một nước độc lập: quyền đại diện ngoại giao, quyền đặt đại sứ ở các nước ngoài, quyền tiếp nhận ngoại giao đoàn, quyền ủy nhiệm sứ thần đến các nước khác, quyền đàm phán và ký kết tất cả mọi hiệp ước quốc tế, và quyền được tham gia vào các tổ chức của Liên Hiệp Quốc...

"Trên lãnh vực quốc gia, một thể chế cho đất nước phải phù hợp với lòng dân là một vấn đề vô cùng quan trọng. Danh dự của tổ quốc, buộc chúng ta phải hành động sao cho xứng đáng để nước ngoài trông vào, thấy bộ mặt thực sự của Việt Nam, biết tôn trọng trật tự, và tôn thờ công lý.

Đầu tiên, về mặt hành chánh, các cơ quan lập ra phải phục vụ nhân dân. Một tổ chức làm trái với nguyên tắc ấy, sẽ không bền vững được bao lâu. Như vậy, cần phải ấn định lại qui chế cho các nhân viên trên toàn quốc v.v...

"Một chương trình xã hội cũng phải đặt nền móng để thực hiện. Chúng ta cần phải chống nạn mù chữ, mở mang nền học công lập tổng quát, nâng cao nền công dân giáo dục. Giới cần lao là mục tiêu của sự cải tổ canh tân của chúng ta, và mối quan tâm của chúng ta phải nhằm vào việc nâng cao mức sống của toàn thể đồng bào.

"Quyền năng chính trị dù tốt đẹp đến mấy, cũng không có nghĩa lý gì, nếu không đem lại được kết quả nào trên toàn quốc, người dân còn phải ăn đói, và không đủ quần áo che thân.

"Dưới mái nhà tổ quốc đã được độc lập và thống nhứt, tôi gửi lời kêu gọi thành thực và nồng nhiệt đến tất cả tầng lớp dân chúng, để chúng ta cùng trở lại trật tự và hòa bình hầu kiến tạo đất nước đang cần phục vụ. Biết bao năm phải hy sinh mà đồng bào đã chấp nhận sẵn sàng, là một điều bảo đảm đầy hứa hẹn. Tin tưởng vào tương lai của dân tộc, chúng ta hãy tập hợp lại tất cả mọi nỗ lực, để bắt đầu ghi một trang vẻ vang vào lịch sử nước Việt Nam mới của chúng ta."

Đất Nam kỳ bao giờ cũng là đất của thành thật, nơi thánh địa của các giáo phái những loại gần như hội kín, những người sống ra ngoài vòng pháp luật. Ba trong số hội này, đã đóng vai trò quan trọng từ 1945, đó là Cao Đài, Hòa Hảo và Bình Xuyên.

Đây là vào năm 1926, *giáo phái Cao Đài* trở thành một tôn giáo có thánh thất và Tòa Thánh, với những đền đài, nghi lễ, và hệ thống lãnh đạo, được tổ chức dựa theo đạo

Công giáo. Thiết lập từ năm 1902, do một nhân viên Bưu điện ở Sài Gòn, vốn đầy mình tin tưởng vào sự tồn tại của linh hồn, đạo Cao Đài muốn đóng vai trò hòa hợp các tôn giáo và triết học ở Đông phương: đạo Khổng, đạo Lão, đạo Phật, đạo thờ Thần và đạo Thiên Chúa.

Linh hồn Cao Đài dùng hình thức cầu cơ để đọc và nghiền ngẫm những lời tiên tri ban bố xuống. Vì vậy, vào tháng 11 năm 1926, ở Tây Ninh, đạo Cao Đài truyền bá ra một tin rung động: "Ngọc hoàng Thượng đế, chính là Ta. Phật Tổ cũng là Ta. Thích Mầu Ni tôn giả cũng là Ta, Jesus Christ cũng vẫn là Ta. Ta mang danh là Cao Đài để dạy dỗ một đạo mới."

Nhờ sự độ lượng của chính phủ Pháp, và dưới ảnh hưởng của một nhân viên Hội đồng Thuộc địa là Lê Văn Trung, đạo này đạt được mức tiến bộ khả quan. Vào năm 1940, đạo Cao Đài đã có trên một triệu rưỡi tín đồ, phần nhiều tập trung cả ở miền Tây Nam kỳ.

Đứng đầu là Giáo chủ Phạm Công Tắc, cựu nhân viên thương chính, một người đầy mưu trí và ngoại giao khôn ngoan, muốn biến đạo Cao Đài thành đạo duy nhứt ở miền Nam Việt Nam. Có tài lãnh đạo khéo léo, ông ta có một số nhà truyền giáo khá đông đảo, và có kỷ luật, và về sau có cả một quân đội.

Sau cuộc thất trận của Pháp năm 1940, ông ta không dấu tinh thần quốc gia của mình, nên bị bắt và đày ra đảo Comores năm 1941. Đạo Cao Đài không phải vì thế mà kém hoạt động, cho đến năm 1945, nhờ người Nhựt giúp đỡ. Họ trở thành quốc gia cuồng tín. Sau sự hình thành chính phủ Dân chủ Cộng hòa của Hồ Chí Minh, quân đội của Cao Đài đứng vào hàng ngũ của Việt Minh, và vào đầu năm 1946, đã chiến đấu chống lại đoàn quân viễn chinh Pháp. Nhưng các lãnh tụ Cao Đài chẳng bao lâu cũng bất hòa với Xứ ủy

Việt Minh Nam bộ, và vào tháng 6 năm 1946, một đoàn đầu tiên ra hợp tác với Pháp. Tuy nhiên, nhiều đoàn khác vẫn hợp tác chặt chẽ với Việt Minh, và cũng có những đoàn khác đứng riêng để chiến đấu cho bản thân họ. Ngày 30 tháng 4 năm 1946, nước Pháp trả tự do cho Phạm Công Tắc. Ông này lập tức lại bắt tay vào điều khiển công việc. Vài tháng sau, ông ta đến gặp tôi ở Hongkong, cùng đi với một nhân vật thượng thặng của Tòa Thánh, Bác sĩ Lê Văn Hoạch, vốn làm Thủ tướng chính phủ lâm thời Nam kỳ, sau Tướng Xuân.

Hiện nay, không được Pháp chấp thuận cho kiểm soát độc quyền các tỉnh miền Tây, Phạm Công Tắc giữ thái độ trung lập. Nghĩa là ông có cả người theo phe Việt Minh, người khác theo quân đội Pháp và các gián điệp đủ loại ở khắp mọi nơi...

Giáo phái Hòa Hảo được thành lập từ năm 1939 trong tỉnh Châu Đốc bởi một nông dân là Huỳnh Phú Sổ, vốn bị bệnh nan y, ở trong một làng nhỏ ở Hòa Hảo. Vì bệnh tật, Huỳnh Phú Sổ sống cạnh một ông đạo, có tài chữa bệnh. Ông đạo dạy Sổ về các thuật phù thủy, thôi miên cũng như về châm cứu.

Trở về nhà trong một đêm tối trời, ông ta tự dưng khỏi bệnh, bắt đầu truyền giáo đạo Phật canh tân. Ông đạo mới chinh phục nhanh chóng được đám đông, bằng những luận điệu sơ sài, dễ hiểu, và những đường lối dễ theo của đạo mới. Ông ta vẫn căn cứ vào nguyên lý của đạo Phật, mà ông ta chỉ muốn giản dị hóa cách thức tu, mà không thay đổi đạo lý. Ông ta tiên tri tương lai, chữa bệnh cho mọi người bằng khoa châm cứu và làm thuốc bằng các rễ cây và đặt ra các câu sấm để tiên tri. Sự thành công của ông được giới chính trị lợi dụng, và con người được gọi là nhà sư điên, chẳng bao lâu bị chính phủ thuộc địa chú ý, do có

tinh thần chống Pháp, xuyên qua các lời tiên tri của ông ta. Họ giam ông vào nhà thương điên Chợ Quán trong mười tháng, và ông ta lại truyền giáo được cho viên y sĩ điều trị, làm ông ta nổi danh hơn. Bị đặt vào tình trạng an trí có kiểm soát ở Bắc Liêu năm 1941, các tông đồ của ông biến nơi an trí thành nơi hành hương.

Đến lượt người Nhựt cũng tìm đến nhà sư này để che chở cho ông ta. Tháng 8 năm 1945, Huỳnh Phú Sổ tạo một mặt trận chính trị hợp tác với Việt Minh. Nhưng cũng không hơn gì giáo phái Cao Đài, sự kết hợp cũng chẳng kéo dài được bao lâu. Ít lâu sau, Việt Minh và Hòa Hảo va chạm với nhau mạnh mẽ, và bắt đầu một thời đại thanh trừng và tàn sát, mà người của Việt Minh đã tỏ ra vô cùng man rợ. Tướng chỉ huy quân đội Hòa Hảo là một viên lơ xe, Trần Văn Soái, nổi tiếng với tên là Năm Lửa. Có bộ râu cằm rất uy hùng, Năm Lửa nổi danh vì vậy. Ông ta vừa hợp tác với Việt Minh, coi như đồng minh chính thức, để chống lại quân đội Pháp, nếu không thì để đi ăn cướp, cho quyền lợi riêng của ông ta, và năm 1947, cũng có đến gặp tôi ở Hongkong. Vào tháng 4 năm ấy, Huỳnh Phú Sổ bị bắt và bị Việt Minh hành quyết, nhưng cái chết của nhà sư này chẳng làm cho phe ấy tan vỡ hay nhụt đi.

Ít lâu sau, Trần Văn Soái liên kết với nhà binh Pháp, họ công nhận Soái là Tổng tư lệnh quân đội Hòa Hảo, và phong cho hàm Thiếu tướng "một sao." Nhưng sự liên kết của Trần Văn Soái với Pháp không kéo nổi các thủ lãnh Hòa Hảo khác trở về. Riêng có Lâm Thành Nguyên chỉ huy vùng Long Xuyên bằng lòng hòa giải với Soái vào tháng 2 năm 1949. Sự hòa giải này chỉ có hình thức bên ngoài, vì vẫn có những đụng độ, những thủ tiêu ám sát lẫn nhau và các màn ngoạn mục khác nữa. Ba Cụt một thủ lãnh trẻ

thuộc phe Hòa Hảo giữ trọn kỷ lục vì ông ta nay đầu mai đánh đến bảy lần, rồi cuối cùng lại vào bưng.

Đảng Bình Xuyên không giống hai giáo phái nói trên. Cách Sài Gòn quãng 20km về phía Nam, có một vùng đất cằn cỗi, không trồng trọt gì được. Có dăm ba cọc cù lao nhô lên giữa sình lầy rộng vài ngàn hécta, nước mặn chát đầy mòng muỗi và rắn độc: đó là Rừng Sát. Nơi đó chứa đủ hạng người sống ngoài vòng pháp luật, bọn tù vượt ngục, và tất cả những ai phải lẩn trốn công an, cảnh sát. Bọn này lập ra thành một bang riêng biệt bầu các viên thủ lãnh, thường tụ hội nhau trong một ngôi làng nhỏ là làng Bình Xuyên, từ đó có tên gọi Bình Xuyên.

Một thủ lãnh của đảng "Mafia" này bỗng nổi tiếng từ 1945. Tên anh là Lê Văn Viễn, thường nổi tiếng với tên gọi Bảy Viễn. Tù Côn Đảo vượt ngục, anh ta là cựu đảng viên một đảng bí mật, rất được giới Hoa kiều ở Chợ Lớn kính nể và từng bị Tây bắt nhiều phen. Được người Nhựt giải thoát. Việt Minh vào tháng 8 ân xá cho anh ta. Đối với vị tướng cướp hiệp sĩ này, trên nguyên tắc chỉ cho đánh cướp nhà giàu, mà không bao giờ đụng đến người nghèo, đây là cơ hội bằng vàng. Vì vậy Bình Xuyên liên kết với Xứ ủy Nam bộ, để tham gia vào các cuộc tấn công quân đội viễn chinh Pháp. Tháng 2 năm 1946 Bảy Viễn được bầu làm Tư lệnh lực lượng Bình Xuyên. Nhưng chẳng bao lâu, anh ta trở thành chống đối với viên Tư lệnh Cộng sản miền Nam khét tiếng là Nguyễn Bình. Đầu năm 1948, sự đụng độ nẩy lửa nổ ra công khai. Trong một cuộc phục kích tận diệt Bình Xuyên, Bảy Viễn nhanh chân chạy thoát, liền liên kết với quân đội Pháp. Được phong làm Đại tá, anh ta đem quân bản bộ giữ an ninh cho vùng Chợ Lớn.

Khi tôi trở về nước, tôi chỉ mới biết có những nhân vật Cao Đài, qua các quí vị Hộ pháp Phạm Công Tắc, Bác sĩ Lê

Văn Hoạch, và ông Trần Quang Vinh, vốn phụ trách trông coi Tòa Thánh, trong khi Hộ pháp bị đi đầy. Cả ba vị này đều đã đến yết kiến tôi tại Hongkong, có cả Trần Văn Soái, là viên tướng Hòa Hảo.

Nay tôi vào Sài Gòn vào đầu năm 1949, cả ba hệ phái này, đồng thanh, mở đại tiệc để đón mừng tôi. Trong bữa tiệc, tôi được gặp phụ thân của Huỳnh Phú Sổ, một nhà điền chủ giàu có, và trong bài diễn văn của tôi đọc vào cuối bữa tiệc, tôi ca ngợi những đức tính của "Nhà sư điên" qua ông cụ này, theo như truyền thống của Việt Nam xưa. Cũng trong dịp này, tôi được gặp Bảy Viễn, lúc ấy đã hợp tác với Thủ tướng Trần Văn Hữu.

Tôi nhận lời mời của ba đảng phái này, vì họ có thực lực, để tạo nên một lực lượng hữu hiệu. Cao Đài đóng quân ở vùng Tây Ninh, ở Thủ Dầu Một, ở phía Bắc Sài Gòn, ở mặt giữa và sườn phía đông thành phố, và ở khắp vùng Cà Mau.

Hòa Hảo đóng ở vùng Châu Đốc, Cần Thơ, Long Xuyên, Chợ Mới, còn Bình Xuyên ở vùng Sài Gòn—Chợ Lớn. Đó là một hệ thống quan trọng mà tôi không thể bỏ qua. Khi đến thăm tôi tại Hongkong, Hộ pháp Phạm Công Tắc đã thề trung thành với tôi và tự nguyện đặt dưới quyền điều động của tôi. Vì vậy, khi tôi về nước, tôi không ngần ngại kêu gọi đến ông ta, đành rằng cũng có một vài điều thất vọng đối với phần tử vũ trang của giáo phái này, nhưng phần lớn họ có ảnh hưởng tốt đẹp với nhân dân.

Do thế, tôi đến Tây Ninh, vào thăm Tòa Thánh Cao Đài và được Giáo chủ Phạm Công Tắc với đầy đủ chức sắc của Tòa Thánh đón tiếp tôi. Đến Cần Thơ, kinh đô của Hòa Hảo, Tướng Trần Văn Soái giới thiệu tôi với vợ ông ta là bà Lê Thị Gấm là nữ tướng đã tạo nên một đội nữ binh, rất

ghê gớm, mà nhiệm vụ là bảo vệ các kho tàng và chiến lợi phẩm của giáo phái.

Tôi đã can thiệp nhiều lần với Tướng Boyer De La Tour phụ trách miền Nam, để tiếp viện quân sự cho các giáo phái được hùng hậu hơn nữa. Vấn đề viện trợ quân sự này đã gây ra nhiều khó khăn quan trọng. Chính vì vậy, có thể là do sự tiếp tế vũ khí cho quân đội Cao Đài không được chấp nhận, nên Tướng Chanson khi thay Tướng Boyer De La Tour, và Thủ hiến Nam Việt Thái Lập Thành, đã bị ám sát ở Sa Đéc ngày 31 tháng 7 năm 1951, trong một cuộc phục kích do Trình Minh Thế, tướng phụ tá của Phạm Công Tắc điều khiển.

Khi được tin này, tôi nghiêm cấm Hộ pháp phải bị cưỡng bách an trí tại Tòa Thánh trong sáu tháng, cho đến ngày ông ta phải xin yết kiến tôi để thú nhận rằng, đã bị bọn quân nhân dưới trướng làm bừa.

Ngày 20 tháng 6, Tướng Xuân, theo như các điều khoản đã định, đệ đơn xin giải nhiệm toàn thể chính phủ của ông.

Mười ngày sau, ngày 1 tháng 7, tôi lập chính phủ Việt Nam đầu tiên, do tôi làm Quốc trưởng †, và ấn định rằng, chức vụ của tôi được chính thức kể từ ngày hôm ấy. Một sắc lệnh thứ hai lập ra ba kỳ (ba tỉnh lớn) và tổ chức về ngân sách cho ba kỳ ấy.

Ngày 3 tháng 7, tôi bổ nhiệm ba vị Thủ hiến cho ba kỳ. Nguyễn Hữu Trí ở Bắc Việt, Phan Văn Giáo ở Trung Việt, và Trần Văn Hữu ở Nam Việt. Cả ba đều đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Quốc trưởng.

Ngày 12 tháng 7, tôi trở về Huế là cố đô của Việt Nam mà tôi rời bỏ đã bốn năm qua. Tôi đọc một diễn văn vào ngày 14 tháng 7, trước cửa Ngọ Môn, nơi đó đã tập trung rất đông dân chúng. Lạ lùng sao, đám đông này như thấy

một mặc cảm tội lỗi đối với tôi. Vì không phải là sự nồng nhiệt mà tôi thấy họ mừng vui như ở Sài Gòn, và ở Hà Nội. Dân chúng ở kinh thành như có vẻ ngượng ngùng đối với tôi, ngay khi tôi lái xe đi trong thành phố. Hình như họ đã hối hận, do bốn năm trước đã gây ra sự thoái vị của tôi.

Chắc chắn trong tai họ còn văng vẳng lời tuyên ngôn thoái vị của tôi, cũng ở nơi này, vào tháng 8 năm 1945.

Rất cảm động, tôi lại gặp lại mẫu thân tôi, chưa rời bỏ kinh thành Huế, mà suốt trong thời gian vắng mặt của tôi, vẫn cam phận chịu đựng, để làm tròn bổn phận thờ cúng tổ tiên, không bao giờ xao lãng.

Tôi kết thúc cuộc thị sát các thủ đô ở Hà Nội vào ngày 16 tháng 7. Trước nhà hát lớn, tôi đọc một bài diễn văn nhấn mạnh về các vấn đề xã hội và kinh tế "Chính phủ do tôi lãnh đạo, cố gắng hoàn tất một chương trình canh tân xã hội, nhằm đặt căn bản cho một chế độ quốc gia công bình và nhân ái."

---

† Thành phần chính phủ Bảo Đại:
- Phó Thủ tướng kiêm bộ trưởng Quốc Phòng, Tướng Nguyễn Văn Xuân
- Bộ trưởng Ngoại giao: Nguyễn Phan Long
- Bộ trưởng Tư pháp: Nguyễn Khắc Vệ
- Bộ trưởng Kinh tế và Tài chánh: Trần Văn Vân
- Bộ trưởng Nội vụ: Vũ Ngọc Tấn
- Bộ trưởng Thương mại và Thủ công nghiệp: Hoàng Cung
- Bộ trưởng Lao động và Xã hội: Phan Khắc Sửu
- Bộ trưởng Giao thông và Công chính: Trần Văn Của
- Bộ trưởng Quốc gia Giáo dục: Phan Huy Quát
- Tổng thư ký Tài chính: Dương Tấn Tài
- Tổng thư ký Ngoại giao Lê Thăng
- Tổng thư ký Quốc phòng: Trần Quang Vinh
- Tổng thư ký Thanh niên: Nguyễn Tôn Hoàn
- Tổng thư ký Y tế, Nguyễn Hữu Phiếm
- Tổng thư ký Thông tin: Trần Văn Tuyên
- Bộ trưởng phủ Thủ tướng: Đặng Trinh Kỳ.

Tôi kể ra một số các biện pháp nằm trong chương trình ấy: đưa gạo miền Nam ra Bắc, vì miền Nam thừa lúa gạo, xây cất các nhà rẻ tiền để xóa bỏ sự thiếu hụt nhà cửa ở miền Bắc, nhứt là ở Hà Nội mà 12 ngàn ngôi nhà đã bị phá hủy trong thời đầu chiến tranh năm 1946, canh tân vấn đề nông nghiệp ở miền Nam theo những phương pháp khoa học, kỹ nghệ hóa cấp tốc miền Bắc, khai thác sâu đậm lâm sản và hải sản ở miền Trung, hoàn hảo các hệ thống giao thông, tổ chức ngành hàng hải thương nghiệp... Tôi nhấn mạnh đến hình thức xã hội của công cuộc tái thiết:

— Luật lao động sẽ được ban bố, quỹ bảo hiểm xã hội được đặt ra, và sự hợp tác chặt chẽ giữa chủ và thợ, hay giữa vốn đầu tư lao động là căn bản của một xã hội công bình...

Tôi cũng loan báo những biện pháp khác: Canh tân tổ chức thôn quê, phổ biến những ý thức thông dụng về vệ sinh, phát triển công dân giáo dục, giúp đỡ các gia đình nghèo khó, mở rộng giáo dục phổ thông, phát triển nền học vấn chuyên nghiệp, cử người đi du học ngoại quốc đông đảo. Sau khi lưu ý rằng cần phải bảo vệ nền văn hóa cổ truyền, chúng ta vẫn thanh toán các nạn mê tín dị đoan, tôi lên tiếng kêu gọi các thanh niên như sau:

— Trong công cuộc rộng lớn này, thanh niên đóng vai trò quan trọng, và dân chúng là nền tảng của quốc gia, mỗi một hành động của chính phủ đều phải nhằm vào sự nâng cao đời sống cho nhân dân.

Và tôi kết luận:

— Nếu chúng ta biết đoàn kết, dân chúng sẽ được hưởng kết quả tốt đẹp của sự hy sinh, các anh hùng liệt sĩ của chúng ta sẽ thấy rằng sự hy sinh tính mạng của họ cho Tổ quốc không phải là vô ích.

Lời nói cuối cùng của tôi được tất cả mọi người hoan nghênh và phất cờ nhỏ cầm nơi tay. Cuộc biểu dương này đã tập hợp khoảng 50 ngàn người, và họ đứng riêng từng làng, từng khu phố. Họ diễn hành trước mặt tôi và các nhân viên chính phủ gần một giờ đồng hồ mới hết.

Sự đi thị sát kinh đô đã thành công mỹ mãn, và gây cho Việt Minh một trái đắm nặng nề. Các đồng minh của họ cũng ý thức được rõ ràng như vậy, nên cố gắng phản pháo để phá đám. Vì vậy, đảng Xã hội Pháp trong cuộc đại hội kỳ thứ 41 đã ra lời tuyên bố vào ngày 17 tháng 7 như sau:

— Đảng Xã hội nhận thấy rằng đường lối chính trị ở Việt Nam theo đuổi đến ngày nay, vẫn chẳng đem đến sự ổn định nào cho tình thế bi đát của đất nước này. Vì vậy, sự thận trọng theo dõi hoạt động của chính phủ là đúng. Các khuôn khổ cho hòa bình vẫn còn xa, đồng thời sự hy vọng hợp tác đầy tín nhiệm và lâu dài giữa hai dân tộc Pháp và Việt cũng còn lâu mới đạt. Đảng Xã hội nhắc lại rằng lúc nào chúng ta cũng đòi hỏi sự chấm dứt hận thù bằng phương thức điều đình với tất cả các phe nhóm của dân tộc Việt Nam, không trừ một ai.

Lời nhắn nhủ ấy, rõ ràng không còn lầm lẫn gì nữa, chính là để hỗ trợ cho Hồ Chí Minh, và như để trả lời với một chút thận trọng từ từ, đối với lời tuyên bố của Tướng De Gaulle trong cuộc họp báo ngày 29 tháng 3, vào đúng hôm sau ngày tôi trở về nước:

— Nước Pháp, tôi xin nhắc lại, chỉ coi bản thân Hoàng đế Bảo Đại là người có căn nguyên chính thống của chủ quyền Việt Nam. Nước Pháp đã ký các hiệp ước với tổ tiên ông ta. Nước Pháp sở dĩ ở Đông Dương là do các hiệp ước ấy vẫn còn hiệu lực. Thế nhưng cần nhứt Bảo Đại phải ở ngôi để cầm quyền, và dưới sự lãnh đạo của ông ta, phải

thiết lập một chính phủ có đủ khả năng để điều khiển nước Việt Nam.

Lời tuyên bố của nhân vật cô đơn ở làng Colombey này, nhân danh nước Pháp mà nói ra quả là một lời "tấn phong" vô cùng quí giá...

Tất nhiên sau lời tuyên bố ấy, vốn tiếp nối với lời tuyên bố ngày 28 tháng 2, trong đó vị tướng lãnh này, sau khi nhắc lại rằng: "đối với nước Pháp, Hoàng đế Bảo Đại giữ căn nguyên chính thống về chủ quyền quốc gia..." lại nhấn mạnh thêm:

— Điều kiện thứ ba về giải pháp Đông Dương là phải kết thúc giữa Pháp và Việt Nam bằng một hiệp ước ấn định rõ ràng sự bang giao để thay thế tất cả các hiệp ước cũ. Hiệp ước này phải đặt nước Việt Nam trong vị trí độc lập, và trong khuôn khổ bất khả phân ly của Liên hiệp Pháp, liên hiệp này chỉ có một đường lối đối ngoại duy nhất và một nền quốc phòng chung, dưới trách nhiệm hoàn toàn của nước Pháp.

Hiệp ước ấy, tôi đã ký kết ngày 8 tháng 3 năm 1949. Tất nhiên đối với De Gaulle, và người Pháp, đó là điểm kết thúc, nhưng đối với tôi và nước Việt Nam, nó lại chỉ là điểm khởi đầu. Ai có thể trách được chúng tôi, trách được chính tôi? Bởi vì, thẳng thắn mà nói thế nào là độc lập quốc gia khi nó không được quyền tự chủ về ngoại giao và cả sự bảo vệ lãnh thổ?

Thật sự ra, nếu tôi có chút hậu ý gì, tôi cũng chẳng cần phải thắc mắc tí gì. Há tôi chẳng từng được biết, khi tôi còn tạm trú ở Paris, rằng Tướng De Gaulle mà ngày nay cho rằng tôi là người duy nhứt giữ chủ quyền chính thống quốc gia của Việt Nam, đã có một quan điểm khác biệt về tôi, vào năm 1945. Ông đã ngỏ ý trong tập hồi ký của ông:

— Về mục đích có thể cần thiết, tôi có một dụng ý kín đáo. Đấy là để cho cựu Hoàng đế Duy Tân có phương tiện xuất đầu lộ diện, nếu kẻ kế vị ông ta, cũng là người bà con là Bảo Đại cuối cùng tỏ ra bất lực, và bị thời thế vượt qua. Vua Duy Tân bị Pháp truất phế năm 1916 và trở thành Hoàng thân Vĩnh San, bị đày ở đảo Reunion, trong thế chiến vừa qua đã phục vụ trong quân đội của chúng ta. Ông ta mang cấp bậc Thiếu tá. Đó là một nhân vật cứng cỏi. Vài ba chục năm đi đầy đã xóa đi tâm hồn dân tộc Việt Nam của vị quốc vương này...

Đây chính là những lời tuyên bố chính trị đã được dạy trong cuốn sách *Prince* (Quân vương) * của Machiavel.

Cuối tháng tám, ông Coste Floret, bộ trưởng bộ Pháp quốc Hải ngoại, bất khả thay thế, đến thăm tôi. Ông ta nói xa xôi cho tôi hiểu là kể từ ngày tôi trở về, thái độ của tôi làm cho Paris lo ngại. Chính phủ có cảm tưởng là tôi đã không quan tâm đến họ nữa, là tôi không hoàn toàn áp dụng các điều khoản đã ký kết. Khi mới tới, ông Coste Floret đưa cho tôi một bức thư của Tổng thống Vincent Auriol, đề ngày 27 tháng 7, phản ảnh sự lo ngại đó.

"Chính phủ của Cộng hòa Pháp quốc đã chính thức nhận được bản thông điệp của Hoàng đế, nói về sự thành lập chính phủ Việt Nam để chịu trách nhiệm thi hành các điều khoản của hiệp định mùng 8 tháng 3, đặt cơ cấu quốc gia, ấn định các biện pháp canh tân cấp tốc, sửa soạn và duy trì hòa bình, và khi hòa bình được phục hồi, tổ chức trưng cầu dân ý cho thể chế chính trị và tìm hình thức nhứt định cho chính phủ.

"Chúng tôi tin chắc rằng Hoàng thượng sẽ hoàn tất các công tác ấy một cách mỹ mãn.

* do nhà xuất bản Xuân Thu tái bản tại Hoa Kỳ 1987.

"Về phần của chúng tôi, chính phủ của Cộng hòa Pháp quốc đã đem hết các cố gắng cho mục đích ấy, và chúng tôi đã giúp Hoàng thượng một cách đầy đủ và thành thực để thi hành thỏa hiệp giữa Hoàng thượng với chúng tôi.

"Thật sự, chính phủ chúng tôi trong dịp đàm phán trung thực này, đã thỏa mãn tất cả các nguyện vọng quốc gia của dân tộc Việt Nam, như những nguyện vọng mà chính Hoàng thượng từng tuyên bố vào năm 1945 cũng như những lời tuyên bố về thời ấy, của chính phủ thực tế Hồ Chí Minh.

"Nền thống nhứt của Việt Nam đã được Quốc hội Pháp bỏ phiếu chấp thuận và luật của nước Pháp ghi nhận sự thay đổi qui chế cho xứ Nam kỳ.

"Nền độc lập của Việt Nam đã được công nhận trong bản thỏa hiệp mùng 8 tháng 3 năm 1949 bởi chính phủ Cộng hòa Pháp quốc.

"Sự bang giao giữa Việt Nam và Pháp, trong Liên hiệp Pháp đã được giải thích rộng rãi và rõ ràng, theo các điều khoản của Hiến pháp, hầu bảo đảm nền thịnh vượng chung và sự quốc phòng chung là cần thiết hơn bao giờ hết, đối với mọi bất ổn, rối loạn hay sự lo âu của toàn thế giới.

"Như vậy việc tranh chấp bằng vũ khí, dù được bào chữa là để thực hiện những nguyện vọng quốc gia, không còn lý do tồn tại nữa. Nền hòa bình, vẫn từng khát vọng, do dân chúng Việt Nam cũng như nước Pháp, nằm ở trong tay dân chúng Việt Nam, và chỉ ở trong tay họ mà thôi.

"Chắc chắn, thưa Hoàng thượng, một không khí tin cậy, hữu nghị, chân thành và thẳng thắn trong sự hợp tác có lẽ cũng phải được thực hiện trong các quốc gia liên kết trong Liên hiệp Pháp.

"Công cuộc để thực hiện, là do chính phủ Cộng hòa Pháp quốc, và chính tôi, với tư cách Tổng thống Cộng hòa Pháp quốc, kiêm Chủ tịch Liên hiệp Pháp, chúng tôi xin bảo đảm về việc thi hành toàn diện, thẳng thắn các hiệp ước đã ký kết.

"Ông Cao ủy đã nhận được chỉ thị để trao cho chính phủ của Hoàng thượng, các cơ sở này từ nay thuộc trách nhiệm của chính phủ Việt Nam quản trị, và đặt dưới quyền điều hành của Hoàng thượng các nhân viên và các chuyên viên, mà Hoàng thượng muốn, và cho đến bất cứ lúc nào, mà Hoàng thượng thấy cần thiết.

"Các tướng lãnh quân đội sẽ giúp đỡ Hoàng thượng sự hợp tác của họ, để đặt nền móng tổ chức và huấn luyện đạo binh Việt Nam, dưới quyền điều khiển của chính phủ của Hoàng thượng, để cùng hoạt động trong nỗ lực bảo vệ an ninh chung, cùng với quân đội của chúng tôi.

"Tôi cũng xin xác nhận về phần tôi, nhân danh chính phủ Cộng hòa Pháp quốc, theo điều khoản của bức công hàm ngày 22 tháng 5 năm 1949, theo đó tôi đã tuyên bố là sẵn sàng chấp nhận các đại sứ, các bộ trưởng đặc mệnh toàn quyền và các sứ thần được Hoàng thượng đề cử đi công cán đến các quốc gia đã được nhìn nhận bằng hiệp ước của đôi bên, đồng thời chấp nhận cùng với Ngài những đại sứ, bộ trưởng đặc mệnh toàn quyền, và sứ thần của các nước ngoài cử đến bên Ngài.

"Ông bộ trưởng bộ Ngoại giao của Cộng hòa Pháp quốc sẽ hỗ trợ, theo những điểm đã dự trù làm phương tiện ghi trong hiệp ước mùng 8 tháng 3 năm 1949, trước khoáng đại Hội đồng Liên hiệp quốc (ONU) đơn của Nước Việt Nam xin được gia nhập vào tổ chức quốc tế quan trọng này, hầu nhờ Liên hiệp Pháp và sự liên kết của toàn thế giới,

để bảo đảm cho nền độc lập, sự an ninh và biên giới của quốc gia.

"Sau hết, thật là điều đại hạnh cho chính phủ của Cộng hòa Pháp quốc và niềm hân hoan của chính cá nhơn tôi, đã được nghe lời tuyên bố cao thượng của Hoàng thượng, rất đáng khâm phục là Hoàng thượng cam kết long trọng trao vào tay dân chúng Việt Nam, sau khi đất nước thanh bình và được tổ chức chu đáo, sự lựa chọn qui chế thọ hiến định, lựa chọn đường hướng chính trị và chính phủ của họ.

"Nếu về tổ chức thống nhứt đất đai, và do cuộc trưng cầu dân ý ấy, dân chúng Việt Nam quyết định hợp nhứt để ngưng mọi hận thù, sự đó, chúng tôi xin nhắc lại, chỉ do họ mà thôi, chính phủ Cộng hòa Pháp quốc và cả tôi nữa, chúng tôi rất vui sướng được trông thấy bằng phương pháp hoà bình, sự phục hưng của nước Việt Nam, và sợi giây thân ái phải thắt chặt lại nền thịnh vượng và sự an ninh chung của hai nước chúng ta.

"Nếu không được như vậy, dù có được thỏa mãn thực sự những nguyện vọng đã đạt được lúc ban đầu giữa cuộc tranh chấp này, còn một số người hay một số hành vi chính trị hoạt đầu, cho những mục tiêu trá ngụy, bằng những lý do ngoan cố, đấy chính là họ đã muốn đẩy nước Việt Nam vào sự cô lập để đưa nó vào những số phận mỗi ngày một rõ ràng, mà dân chúng Việt Nam sẽ mở mắt ra, vì đã có một thời bị lợi dụng rồi.

"Chúng tôi muốn tin rằng sự đó sẽ không phải như vậy.

"Dù sao nữa, Hoàng thượng chắc chắn đầy hảo ý với chính phủ của Hoàng thượng vì với các sắc dân bị tan tác, và tàn phá bởi chiến tranh, chính phủ Cộng hòa Pháp quốc không bao giờ bỏ dân chúng Việt Nam cũng như các nước liên kết trong sự cô lập ghê gớm ấy, và trước những sự phiêu lưu đáng sợ, trong đó các dân tộc sẽ bị tước mất nền độc lập, và những tự do mà con người được quyền hưởng dụng. Nước Pháp không bao giờ bỏ họ, và nếu cần, sẽ cùng với chính phủ bảo vệ họ, với sự giúp đỡ của Liên hiệp quốc, đối với mọi áp bức ngoại lai, để bảo vệ nền độc lập và sự an ninh, nếu họ bị đe dọa.

"Chính trong tinh thần ấy, mà chính phủ Cộng hòa Pháp quốc và tôi nữa, chúng tôi xin hợp tác theo lời kêu gọi mà Hoàng thượng đã gởi cho các đảng phái chính trị, các nhà trí thức, chính trị và tôn giáo, cũng như cho toàn thể dân chúng thành thị hay thôn quê, đang bị thử thách nặng nề, để thực hiện ý chí chung là: hòa bình, kiến thiết và thịnh vượng.

"Chúng tôi tin cậy đối với nỗ lực của Hoàng thượng cũng như với nỗ lực của chính phủ của Ngài, hầu đặt các mục tiêu đã được nhắc đến trong bức thư này, và để báo cho toàn thể nhân dân giữa nơi đồng ruộng đến làng mạc dù xa xôi, rải rác khắp nơi trong mọi tổ chức tự hạ tầng cơ sở.

"Tôi xin Hoàng thượng hãy nhận nơi đây, cho toàn thể dân chúng Việt Nam, tình hữu nghị thân thiết của dân chúng Pháp đối với họ cũng như đối với Hoàng thượng lời chúc tụng vô cùng nồng hậu."

Bức thư được Thủ tướng Henri Queuille cùng các Bộ trưởng Robert Schuman Paul Coste Floret, Paul Ramadier đồng ký dưới.

Câu cảnh cáo đã được nhắc một cách rõ rệt: ... *Nếu không phải là như vậy..., Chúng tôi muốn tin rằng không phải là như vậy...*

Để làm dịu sự lo âu của chính phủ Pháp, ngày 28 tháng 8, tôi cho công bố một thông điệp, trong đó chính phủ Việt Nam tái xác nhận ý chí dẹp Cộng sản, và đảm bảo rằng chính phủ không có sự đồng tình nào với Việt Minh cả. Ngoài ra, sau khi báo trước rằng chính phủ sẽ cử đại sứ đến Hội đồng Tối cao và bên Đại hội đồng Liên hiệp Pháp, chính phủ Việt Nam tái yêu cầu nước Pháp giúp đỡ.

Tuy nhiên, ông Coste Floret, đã chẳng thu thập được gì bên các cộng sự viên của ông ta, khi trở về Pháp, đã đưa hai bức thông điệp cho Hội đồng Bộ trưởng ngày 13 và 23 tháng 9. Ông ta không dấu tình thế tại Đông Dương vẫn đáng quan ngại trước mắt ông ta: Không có sự hồi chánh nào từng được dự trù đã xảy ra, tình hình quân sự vẫn nghiêm trọng, các cuộc bàn cãi để thiết lập các thể thức thực hành vẫn bế tắc. Nói với các nhân viên nội các ông ta phê bình:

— Chính phủ Bảo Đại luôn luôn vẫn đặt giá quá cao, chỉ nói đến tính chất tiến bộ của hiệp ước mùng 8 tháng 3. Ta có thể nghi ngờ thiện chí của Bảo Đại về việc lãnh đạo này...

Cuối tháng tám, Tướng Carpentier thay thế Tướng Blaizot cầm đầu đoàn quân viễn chinh Pháp.

Trong thời gian đó, nơi trú ngụ của tôi ở Đà Lạt đã trang bị xong xuôi. Một vài công tác kiến thiết đã được sửa sang tại căn biệt thự cũ để tôi có thể làm việc với mấy tay thân cận chính: Bửu Lộc làm Chánh văn phòng, Nguyễn Đắc Khê cố vấn kỹ thuật, Vĩnh Cẩn là tùy viên. Nhưng căn biệt thự đó, gần như cô lập giữa một đồi thông, không lấy gì làm lớn lắm, vì vậy các nhân viên văn phòng khác phải làm việc trong các công ốc của viên Khâm sứ Trung kỳ cũ.

Khi tôi đến Đà Lạt, tôi lấy làm ngạc nhiên được gặp lại một khuôn mặt cũ trong con người ông Cousseau, một viên chức ngành cai trị từng đóng vai sứ giả của Cao ủy Bollaert, khi tôi còn ở Hongkong. Ông ta ở trong một biệt thự của Cao ủy với một viên chức khác, một người lai Pháp có tên là Faugère. Tôi mới rõ sau khi đó, là hai vị này đã được ông Pignon đặt ở đây, để phục vụ tôi, và cũng để kiểm soát tôi nữa...

Sự đó không làm tôi phật ý. Trái lại nữa. Cousseau vẫn giữ nguyên thái độ khi còn ở Hongkong, và thường sang thăm tôi và để chuyện trò. Vì vậy, qua ông ta, tôi được biết một điều bêu riếu ở Paris, hình như đã làm rung động nền Cộng hòa đến tận gốc rễ. Điều đó cũng có những tiếng vang sâu đậm ở Việt Nam đó là *Vụ các tướng lãnh.*

Sau khi hoàn tất nhiệm vụ ở Đông Dương, Tướng Revers đã thảo một bản tường trình quan trọng. Đã dùng những biện pháp cực kỳ đặc biệt để bảo vệ tính chất "tối mật," theo từ ngữ quân sự, của tờ trình đó. Bản tài liệu có chứa đựng, dĩ nhiên nhiều bí mật quân sự, và đề ra những phương thức rõ rệt để chỉ huy các cuộc hành quân, đồng thời phê bình nghiêm khắc đường lối chính trị của chính phủ ở Đông Dương. Số bản được phân phối rất hạn chế, và mỗi bản đều được người cầm tay mang đến, có ký nhận phản hồi.

Thế mà, rất nhanh chóng bí mật của tờ trình Revers trở thành bật mí. Cuối tháng tám, toàn thể nội dung tờ trình được một đài phát thanh lậu đặt ở Miến Điện bật tung ra. Đài *Tiếng nói Việt Nam,* cơ quan tuyên truyền của Việt Minh, mấy ngày sau cho phát thanh lại.

Điều ô nhục nổ ra giữa ban ngày ban mặt, trong một cuộc xô xát bên bãi chờ buýt ở Paris, giữa một người thương

binh từ Đông Dương trở về, với một người mang quốc tịch Việt Nam. Trong chiếc cặp của anh này, thật là *sự trùng hợp lý thú* cảnh sát tìm thấy một bản sao của tờ trình Revers. Ngoài ra còn thấy được một cuốn sổ ghi địa chỉ, và nhiều câu ghi chú về sự *trở về nắm quyền của Bảo Đại,* cũng như những tham vọng của Tướng Mast, lúc ấy là Giám đốc viện Nghiên Cứu Đại Học Quân Sự của bộ Quốc Phòng.

Vụ này cho thấy địch đã khiêu khích ngay trước mũi, và vấn đề được khai thác triệt để. Nhờ cuốn sổ ghi địa chỉ, nhiều cuộc khám bắt đã xảy ra ở Pháp. Ở đâu cũng tìm thấy những bản sao của tờ trình. Chỉ riêng có tôi là người độc nhất không bao giờ có nó dưới tay mà thôi. Sự tẩu tán đã được chuyển đi theo ba ngả: ngả cho một chính khách Pháp; ngả cho Việt Minh, nhưng cũng cho luôn một nhóm người Việt có liên lạc với Tướng Xuân. Những nhân vật vừa lạ lùng vừa mờ ám đã lần lượt lọt lưới, và cuộc điều tra còn khám phá ra một hình thức ô nhục khác nữa: Nhiều tấm chi phiếu quan trọng đã được phân phối cho các nhân vật dân sự cũng như quân sự Pháp. Tại sao, và do đâu mà có cái quỹ ấy?

Người ta không bao giờ biết chắc chắn được điều đó, vì công việc đã rơi và thất bại, ngoại trừ đối với hai Tướng Revers và Mast mà công danh sẽ bị bẻ gãy.

Tuy nhiên, một buổi chiều, khi gặp tôi, Cousseau báo cho tôi một tin chưa bao giờ thú vị đến thế:

— Câu chuyện bến xe buýt, cũng như các bản sao của tờ trình, hay ít ra một phần của bản sao, sổ địa chỉ... tất cả sự đó chỉ là một sự ngụy tạo hoàn toàn. Người làm ra kế hoạch này, một viên thiếu tá vô danh, đã chỉ huy ở Paris một cơ sở tình báo thuộc về bộ Pháp quốc Hải ngoại, là phòng chuyên môn liên lạc và phối hợp, gọi tắt là BTLC *(Bureau Technique de Liaison et de Coordination).*

Và Cousseau với nụ cười láu lỉnh, đã kết luận sự tiết lộ kia:

— Chúng ta đã nắm được họ rồi!

Rồi ông ta giải thích:

— Bản tường trình của Revers có chứa đựng nhiều điều nhận xét sắc bén đặc biệt, vừa dưới khía cạnh quân sự vừa dưới khía cạnh chính trị ở Đông Dương. Nhưng nó kéo chính phủ phải lật ngược lại với chính sách vẫn có từ trước. Thứ nhứt đoàn quân viễn chinh không phải đi đánh nhau vì cần thiết. Thứ hai, sự suy thoái về quyền năng đã đưa đến mâu thuẫn giữa văn và võ làm tê liệt sự chỉ huy. Thứ ba, "giải pháp Bảo Đại" do chính phủ nặn nên chỉ là một miếng mồi để đánh lừa. Trước hết bởi vì nó có một tiếng xấu về tham nhũng, và nhứt là người ta chỉ có thể chấm dứt chiến tranh bằng cách điều đình với kẻ đã gây ra chiến tranh là Việt Minh. Kết luận: củng cố binh bị và cương quyết chống lại cuộc chiến tranh du kích, tập trung tại chỗ cả hai quyền văn và võ để đặt dưới quyền chỉ huy một người duy nhất, nên hiểu là một nhà binh, bởi mình đang đánh nhau. Trở lại dự định có mầu không tưởng của Tướng Leclerc, kẻ được điều đình là Hồ Chí Minh chứ không phải Bảo Đại. Người được chỉ định hoàn tất nhiệm vụ, chính là Tướng Mast.

Tôi ngắt lời ông ta:

— Nhận định của tôi cũng không xa mấy với một số nhận định mà ông ta đã gán cho là của Tướng Revers. Đồng ý là đánh nhau ở đây không phải là vấn đề cần thiết, và người ta cũng không có thể làm gì để cho chúng tôi một đạo quân quốc gia được. Đồng ý là ở trên hết, cần có một người rất mạnh, vừa có quyền năng chính trị lẫn quyền năng quân sự. Điều mà tôi không thể hiểu, đó là những

luận điệu đả kích của Tướng Revers đối với giải pháp hiện tại. Trước hết, không phải là *giải pháp Bảo Đại* mà phải nói rằng *giải pháp của chính phủ Pháp* mới đúng. Vì nếu là giải pháp Bảo Đại, thì sự việc lại đi theo chiều hướng khác... Thế rồi, trên căn bản nào mà Tướng Revers có thể nói được rằng "giải pháp" ấy vốn nổi tiếng tham nhũng ghê gớm? Khi ông ta rời Sài Gòn ngày 15 tháng 6, thì tôi mới từ Pháp về Việt Nam chưa được một tháng.

— Dù sao nữa, Cousseau nói tiếp, ông Pignon không thể chấp nhận được luận cứ của Tướng Revers, luận cứ này rất chắc chắn sẽ làm hại cho một chương trình vốn được xây dựng nên một cách khó khăn, và sẽ đưa Đông Dương xuống dốc. Theo ý thức trách nhiệm của ông, ông đã phản ứng theo kiểu của ông.

Đến bây giờ, tôi cũng không rõ sự tiết lộ của Cousseau, có thật sự và hoàn toàn nói lên căn bản của vấn đề hay không. Tôi ngờ rằng, còn có nhiều uẩn khúc lắt léo khác nữa, nhằm thanh toán lẫn nhau, nhưng đó lại là việc của nước Pháp, không phải của tôi.

Dù sao nữa, sau khi được biết trong cuộc điều tra, tôi nhận thấy quả là không phải chỉ Việt Nam mới giữ độc quyền tham nhũng. Nhiều chứng cớ khác nữa đã được trình cho tôi biết, kể từ ngày thiết lập nền đô hộ của Pháp, đã có truyền thống là các đảng phái chính trị Pháp tìm cách vung bón cho quỹ đen của họ ở Đông Dương bằng những chiến dịch, mà nhiều vụ thô bạo nhứt, không cần dấu diếm đã bất chấp cả hình thức hợp pháp nữa.

Trong thời gian này, tôi nhận được một bức thư của Đức Cha Lê Hữu Từ, Giám mục ở Phát Diệm, mà tôi đã từng dự lễ tấn phong ông ta vào năm 1945, thay mặt Hồ Chí Minh, khi tôi là cố vấn tối cao chính phủ. Chính ông ta, sau đó cũng được cử làm cố vấn tối cao tôn giáo của Hồ

Chí Minh. Với chức vụ đó, ông ta đã lập được trên địa phận của mình, một giáo khu, mà ông ta giữ trọn cả quyền năng tôn giáo lẫn quyền năng cai trị. Nhà tu khổ hạnh, sư huynh Maire Anselme Thade ngự trị như thủ lãnh tuyệt đối trong đời sống tinh thần lẫn thể xác của mọi giáo dân. Ông ta có quân đội, có tài chánh, tư pháp, và riêng cờ thánh của Vatican phất phới trên khắp các làng thuộc giáo khu. Nhân vật mà Graham Greene mô tả như một "người rất nghiêm nghị, có cái đầu nhỏ như đầu khỉ, với vẻ mặt u sầu và suy tư" đã giữ một điểm chiến lược rất quan trọng, vì đóng trấn ở cửa ngõ bắt buộc đưa các đoàn vận tải tiếp tế từ Thanh Hoá ra cho Việt Minh.

Giám mục Lê Hữu Từ có nhiều mối lo âu, y như đồng nghiệp của ông ta là Giám mục Phạm Ngọc Chi cai quản địa phận Bùi Chu. Đây là một nhân vật rất tháo vát, cũng có những mối ưu tư cho riêng mình và cho các con chiên về đời sống tinh thần của họ. Việt Minh bắt đầu đè nặng lên hai giáo xứ này mỗi ngày một chặt chẽ thêm. Nhiều đám thủ tiêu, ám sát, mặc dù bọn tự vệ đã hoạt động mạnh, nền an ninh cứ mất dần. Thế nhưng cha Lê Hữu Từ lại ghê tởm quân đội Pháp, bởi thế, ông ta cầu cứu đến tôi. Lần tiếp xúc đầu tiên, tôi gửi đến cho ông ta một sĩ quan nhảy dù xuống Phát Diệm đó là Đại úy Nguyễn Văn Vỹ, trá hình làm nông dân. Thỏa hiệp được chấp thuận nhanh chóng.

Vài ngày sau, Nguyễn Văn Vỹ cùng với hai đại đội nhảy xuống Phát Diệm. Để che mắt Việt Minh, Giám mục Lê Hữu Từ cho dàn quân đối địch, ở vệ sông. Khi quân nhảy dù tới, bọn dân quân tự vệ bắn nhiều phát súng chỉ thiên. Người của Nguyễn Văn Vỹ cũng bắn xối xả lên trời, và mở cuộc xung phong. Làm giả bộ đã chống trả mãnh liệt, để bảo vệ giáo khu trung lập, Cha Lê Hữu Từ đành phải chấp

nhận đã thua trận, và ký một thỏa hiệp với đại diện của tôi.

Quân đội viễn chinh Pháp của Tướng Alexandri kéo đến, do hai đại đội dù Việt Nam mở đầu đóng vai trò tiền phong, bắt đầu giải quyết vấn đề: Binh sĩ Việt Nam chịu để giáo dân chửi bới là Việt gian, nhưng cha Lê Hữu Từ cứ việc tiếp thu súng đạn, vốn vẫn yêu cầu, để chờ quân Việt Minh trở lại, và tuyên bố vẫn trung thành với cách mạng. Đó là mở đầu một loạt xoay sở, nay Sở mai Tề, khi đầu khi đánh, nhưng các giáo khu miền Bắc dần dà đi sâu mãi vào sự chống lại Việt Minh. Thật vậy, theo gương các giáo phận Phát Diệm và Bùi Chu, các giáo dân khác mà tổng số lên tới một phần năm dân số miền Bắc đều trang bị và phát động phong trào Thánh chiến gọi là *Liên tôn diệt Cộng*.

Sau khi tin chắc vào các sắc dân thiểu số miền Bắc, miền Trung và miền Nam, nay lại đến các tầng lớp giáo dân Công giáo miền Bắc, vốn bắt buộc phải tỏ lập trường nhưng dù là quốc gia họ vẫn phải giữ thái độ trung lập bề ngoài. Bổn phận tôi trong những tháng tới là phải thu nhận được sự cam kết tương tự ở các giáo phái ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 18 tháng 10, tôi trả lời bức thư của Tổng thống Vincent Auriol viết cho tôi về tháng bảy, và tỏ cho ông sự đồng ý của tôi về điểm được gia nhập vào Liên Hiệp Quốc, mà ông đã đề nghị cùng tôi khi tôi cần đến. Tôi cũng gửi cho ông Boisdon, chủ tịch Quốc hội của Liên hiệp Pháp, để báo cho ông ta rằng, nước Việt Nam sẽ gửi đại biểu đến tổ chức này.

Cũng trong tháng mười, tôi ra một sắc lệnh cải tổ nền tư pháp và các tòa án Việt Nam. Sự cải tổ này được kèm theo danh sách các vị thẩm phán vào nhiệm sở mới của họ.

Vẫn trong tháng ấy, nước Việt Nam được chấp nhận vào Ủy ban Kinh tế của Liên Hiệp Quốc (ONU) ở Viễn Đông.

Có lẽ do hậu quả "vụ các tướng lãnh" mà Nội các Queuille đổi vào ngày 28 tháng 10. Ông Georges Bidault được đề cử lập nội các mới. Một nhân vật vô danh thay thế ông Coste Floret ở bộ Pháp quốc Hải ngoại là ông Jean Letourneau, một người thuộc đảng MRP (Mặt trận Cộng hòa Dân chủ của De Gaulle).

Vào hạ tuần tháng mười một, tôi tiếp ông Malcolm Mac Donald, Cao ủy Anh tại Thái Bình Dương, ông này khi trở về Singapour ngày 24 tháng 11 đã tuyên bố như sau:

— Tất cả các nhà lãnh đạo ở Đông Dương, đều đồng ý quan điểm là kết quả của giải pháp không phải chỉ có vấn đề quân sự. Nó phải là chính trị. Do thế, giá trị đặc biệt dính liền vào các nỗ lực đàm phán vẫn đang tiến hành. Yếu tố quan trọng nhứt đã đưa quảng đại quần chúng hỗ trợ cho chính phủ Bảo Đại, chính là sự tin tưởng mỗi ngày một lớn của họ đối với Hoàng đế Bảo Đại, do hiệp ước ký được với nước Pháp, để đem lại hòa bình, tự do, chủ quyền quốc gia và sự công nhận quốc tế đối với dân tộc Việt Nam.

Từ mùa thu, quân đội của Mao Trạch Đông tiến gần đến biên giới miền Bắc Việt Nam. Ngày 30 tháng 11, Cộng sản Tàu chiếm đóng Trùng Khánh, cựu kinh đô của Tưởng Giới Thạch. Kéo dài hơn 20 năm, mục đích tối cao của Cộng sản Trung Hoa đã đi đến đích. Đối với thế giới Tây phương, đây là một câu chuyện ra ngoài tưởng tượng. Lúc khởi thủy, đây là cuộc *Vạn lý trường chinh*, một cuộc bôn tẩu chạy lên miền Bắc. Ngày nay, đó là sự tràn ngập về phương Nam, quân đội của Tưởng chạy trước, quân của Mao đuổi phía sau. Không một phát súng, không một sự bỏ xót nào. Chẳng

có gì cản nổi được. Tất nhiên là trừ đường biên giới của Bắc kỳ.

Trong số các tướng lãnh Pháp, chắc chắn ai đã từng biết khá rõ về Á châu — nhưng chưa bao giờ biết đến sự nổi dậy của nước Tân Trung Hoa này — hẳn đã dự đoán rằng, khi quân đội của Cộng sản tới biên giới miền Bắc Việt Nam sẽ là một yếu tố của trật tự. Nhưng dần dà, giới chức ở bộ Tham mưu đâm ra lo ngại. Đại tướng Carpentier nằm trong phòng lạnh, bỗng giật mình khi tưởng tượng đến đạo quân của Lâm Bưu, viên tướng nổi tiếng nhứt của Hồng quân Trung quốc, đưa tay ra bắt với đoàn quân của Giáp và yểm trợ cho Giáp. Cuối tháng mười một, Hồ Chí Minh đã trao đổi thông điệp với Mao Trạch Đông.

Nhưng trước khi lo ngại đến quân của Lâm Bưu, thì nay lại là quân của Pai Chung Si, một lãnh chúa quân phiệt cuối cùng chạy đến biên giới. Lúc ấy Tưởng Giới Thạch đã chạy ra Đài Loan rồi. Pai Chung Si vẫn còn chiến đấu đằng sau Dương Tử Giang. Nay ba trăm ngàn quân của ông ta tràn ngập các chân núi ở Quảng Tây, trong một sự hỗn độn mạnh ai nấy thoát. *Viên lãnh chúa* đề nghị với Pháp xin được hợp tác với quân đội viễn chinh Pháp để chiến đấu ở miền Bắc Việt Nam. Nhưng Lâm Bưu cảnh cáo người Pháp ngay, nếu không chịu tước khí giới bọn thổ phỉ của Pai Chung Si, khi đến biên giới, thì chính Lâm Bưu sẽ đến thẳng Việt Nam để tước khí giới bọn quân này.

Ban tham mưu Pháp quên bẵng mất cuộc tấn công của Giáp vào cuối tháng mười, Việt Minh đặt tên là *chiến dịch Lê Lợi*, một vị Hoàng đế Việt Nam về thế kỷ 15, sau nhiều năm chiến đấu du kích trong rừng sâu, đã thành công thâu hồi được đất nước. Nay chỉ còn một vấn đề: Người Tàu, dù là Cộng sản hay Quốc gia, thế thôi.

Sự hoang mang đó chứng thực cho tôi biết, sự bất lực và thiếu cương quyết của người Pháp. Rất có thể họ mong cho quân Cộng sản Tàu giết hết bọn Quốc gia này, trước khi đến được biên giới...

Người Pháp đã không thể hiểu, nên không nghĩ được rằng tới lúc mà Tàu Đỏ để lộ bộ mặt đế quốc của họ. Người Pháp không nhìn thấy lập luận, theo kiểu Mao Trạch Đông phải là Việt Minh tự tay đánh đuổi người Pháp ra khỏi Việt Nam. Không cần biết hậu quả, sau khi đặt xong vững chãi chế độ bằng một cuộc thanh trừng tuyệt đối, không ai có thể tưởng tượng ra được bộ mặt thật và sự tàn nhẫn của họ, mà chỉ riêng tôi là biết được.

Thế nhưng, khẳng định với bạn đồng minh Pháp của mình như thế để làm gì? Họ cũng không thèm cho tôi biết những biện pháp mà họ đối phó nữa? Thế mà đó là việc của Việt Nam, đó là tương lai của Việt Nam, mà tôi lại là Quốc trưởng.

Thật sự, như tôi đã nói với Cousseau, cũng như không ngớt nói với các nhân vật đối thoại với tôi trong những tuần lễ kế tiếp, rằng nước Việt Nam đang sống trong *giải pháp cuối cùng của Pháp* chứ không phải là bằng *giải pháp Bảo Đại*.

Thay vì tôi phải nắm lấy vận mệnh của nước tôi, tôi đành phải ký với ông Pignon, ngày 30 tháng chạp, các bản phụ ước cụ thể, nhằm thực thi việc bàn giao giữa các giới chức Pháp với các nhà chức trách Việt Nam, theo như thỏa ước ngày 8 tháng 9 ngoại trừ các cơ sở thuộc ngành công an và cảnh sát.

Ngày cuối năm, tôi gửi một bức thư cho Tổng thống Vincent Auriol, nhân danh cá nhân tôi và dân tộc Việt

Nam, để cảm ơn ông về việc ký kết bàn giao cơ sở. Tôi kết luận như sau:

— Phúc đáp bản thông điệp mà Tổng thống có nhã ý gửi cho tôi trong dịp này, tôi hân hạnh được chia xẻ lòng tin tưởng của Tổng thống đối với tương lai của hai nước chúng ta, đã liên kết chặt chẽ cho công tác hòa bình. Nước Việt Nam rất sung sướng được tham dự vào cuộc thịnh vượng chung của Liên hiệp Pháp và vào sự vinh quang của hai quốc gia.

QUÂN ĐỘI QUỐC GIA VIỆT NAM

Đầu năm 1950, sau tám tháng cầm đầu chính phủ, mặc dù bị rất nhiều chống đối gieo rắc chông gai, tôi có cảm tưởng là chưa đến nỗi bỏ mất thời gian vô ích. Cuộc đặt nền móng hành chánh Việt Nam rất tiến đạt, điều làm tôi quan tâm nhứt chính là việc kiến tạo một đạo quân quốc gia. Cuộc thảo luận về quân sự sẽ họp vào ngày 2 tháng giêng tại Vũng Tàu, coi như là bước khởi đầu.

Cho đến năm 1948, tại Việt Nam mới chỉ có một số cơ cấu quân sự địa phương, không được tập trung, loại địa phương quân của các viên tỉnh trưởng. Toàn thể quân số không hơn 20 ngàn người, và giá trị cũng chênh lệch vô cùng. Sau thỏa ước ở vịnh Hạ Long, chính phủ lâm thời đã đặt được sự thỏa thuận để ấn định quân số tương đối, sự hình thành một đạo quân Việt Nam. Nhiệm vụ của đạo quân này là phối hợp với lực lượng quân đội Pháp, tái lập lại an ninh và bảo vệ lãnh thổ.

Chương trình dự định là sẽ có hai loại quân: một *loại cố định,* đóng tại chỗ tương đương với lính bảo an với quân số khoảng 20 ngàn người, và một *loại cơ động* khoảng 16

ngàn người, chia ra làm ba lữ đoàn. Từ đó, sẽ lập ra một đạo quân tự trị, và song song với nền hành chánh trung ương để cùng được thành lập.

Vào tháng 6 năm 1949, ít ngày sau cuộc trở về của tôi, quân lực Việt Nam lúc ấy đã có khoảng 23,000 người, trong đó có hai lữ đoàn quân chính qui — mà hai đại đội đã nhảy dù xuống giáo khu Phát Diệm vào mùa thu, — thêm vào đấy 18,000 quân trừ bị tạm thời nữa. Thỏa ước mùng 8 tháng 3 đã đặt căn bản cho một qui chế thực sự của đạo quân quốc gia, mà những thỏa hiệp hay những giao kết sau này, chỉ là sự giải thích hay áp dụng tùy theo trường hợp mà thôi.

Qui chế ấy nói rõ về tính chất của quân lực Quốc gia Việt Nam: Sự hình thành là do người Pháp giúp đỡ, trong thời có chiến tranh, nó phải phụ thuộc vào một viên tướng Pháp, sự cấu tạo một ủy ban quân sự hỗn hợp vĩnh viễn, và cuối cùng sự bảo đảm căn cứ và đồn trú cho lực lượng quân đội của Liên hiệp Pháp sau khi hòa bình được vãn hồi.

Thỏa hiệp quân sự được ký ngày 30 tháng chạp năm 1949 với ông Pignon, giải thích các nguyên tắc ấy. Ngoài ra, sự thỏa hiệp cũng nhấn mạnh về phần của Việt Nam trong việc duy trì đạo quân ấy với sự góp phần của nước Pháp: cung cấp dụng cụ và trang bị, cung cấp sĩ quan, hạ sĩ quan Pháp và huấn luyện các cấp chỉ huy Việt Nam.

Trong hoàn cảnh hiện tại, một điều khoản đặc biệt được dành cho bộ Tư lệnh Pháp để sử dụng lực lượng quân sự Việt Nam, và sự kiến tạo một Ủy ban Tối cao nhằm vào đường lối chung để tái lập trật tự. Về quân số, điểm chính là tăng quân số lên thành 50,000 người, trong đó có tám tiểu đoàn đặt dưới quyền sử dụng của chính phủ trung ương.

Hội nghị ngày mùng 2 tháng giêng đặt nguyên tắc tăng cường quân số này cho năm tới là 30 ngàn quân chính qui, gồm 12 tiểu đoàn và 35 ngàn quân trừ bị. Nó cũng dự trù thành lập một ngành Hải quân quốc gia Việt Nam, dưới hình thức các giang đỉnh, và dự trù được sự hỗ trợ của Hoa Kỳ sau này.

Theo dự tính của tôi, một thời hạn tám năm là đủ, để chúng tôi có thể hoàn toàn thay thế được quân đội Pháp bằng quân lực của Việt Nam. Tôi đã dự trù sự thành đạt này vào khoảng năm 1958. Nhưng trong lãnh vực ấy, công việc đối với tôi như đã đi đúng đường hướng, và tôi nghĩ rằng đã đến lúc tôi có thể rời bỏ nhiệm vụ lãnh đạo chính phủ, để dành thời giờ làm nhiệm vụ lãnh đạo quốc gia, một cách dễ dàng hơn. Việc đảm trách cả hai nhiệm vụ này chỉ là sự cần thiết để tái lập quyền hành cho chính phủ. Ngày nay thì công việc đã được hoàn tất. Vì vậy, ngày mùng 5 tháng giêng, tôi ban bố một thông cáo trong đó, tôi nhắc lại nhiệm vụ của tôi là đặt cơ cấu cho quốc gia và cho nền cai trị của quốc gia Việt Nam, rằng nước Pháp qua vị đại diện là ông Pignon đã trao trả Việt Nam tất cả mọi quyền hành, tôi báo tin sự rời bỏ chức vụ lãnh đạo chính phủ của tôi, và do thế bãi bỏ toàn thể nội các ấy.

Ngày hôm sau, với cương vị Quốc trưởng, tôi đề cử ông Nguyễn Phan Long lập tân chính phủ. Nguyễn Phan Long, bộ trưởng bộ Ngoại giao trong chính phủ của tôi đã đặc biệt thành công trong công tác của ông ta, vì đã đạt kết quả đưa nước Việt Nam vào Ủy ban Kinh tế của Liên hiệp quốc ở Á châu và Viễn Đông, để có thể tiến thêm bước nữa mà vào thẳng Liên Hiệp Quốc (ONU).

Cũng ngày hôm ấy, tôi cử 12 đại biểu cho Việt Nam vào Quốc hội Liên hiệp Pháp, trong số đó có Phạm Văn Bính coi như là Trưởng phái đoàn.

Tất cả mọi hoạt động đó, nếu không được dư luận Pháp chú trọng đến nhiều thì ngược lại, đã gặt hái được nhiều kết quả trong dư luận quốc tế. Ngày 11 tháng giêng, tờ báo *Times* viết như sau:

"Sau khi Hoàng đế Bảo Đại trở về Việt Nam, những nhà ái quốc có lập trường quốc gia vốn e ngại Ngài vẫn chỉ là một thứ bù nhìn trong tay Pháp, nên không mấy sốt sắng để tôn phò Hoàng đế, mặc dù họ rất thù hận đối với chế độ đàn áp của Hồ Chí Minh, và đảng Việt Minh thiên Cộng sản. Thái độ ấy nay thay đổi hẳn. Dân chúng Việt Nam nhận thấy rằng các vị trí then chốn trong chính phủ Bảo Đại đều do các đồng bào mình đảm trách, rằng Vua Bảo Đại thật sự là chủ nhân ông đất nước, và quân đội Việt Nam dù được lực lượng quân sự Pháp yểm trợ, vẫn cầm đầu cuộc chiến chống lại chiến tranh du kích của Hồ Chí Minh.

"Vua Bảo Đại đang từ từ liên kết được mọi người. Ngài đã mở rộng ảnh hưởng đến những vùng trù phú lúa gạo ở Nam kỳ; ngay tại miền Bắc mà Việt Minh mạnh nhứt, Ngài bắt đầu tạo được ảnh hưởng của mình. Điều này một phần là do Ngài được Pháp dần dần nhượng bộ nhiều để thỏa mãn các nguyện vọng quốc gia của toàn thể dân chúng Việt Nam. Chính phủ của Ngài đã có quyền gửi đại diện ngoại giao riêng biệt ra các nước ngoài, và trong nước thì chủ quyền quốc gia được hoàn toàn, ngoại trừ một số đặc ân dành cho quân đội Pháp. Ngay chính Hoàng đế cũng đã từ bỏ nhiệm vụ Thủ tướng, và bắt đầu làm việc trong một nội các theo kiểu của Pháp..."

Tân nội các được thành lập ngày 19 và 22 tháng giêng, Nguyễn Phan Long trình tôi nội các này để xin được duyệt y †.

Ngày hôm sau, tôi đi bằng máy bay ra miền Bắc để thăm các sắc dân thiểu số của vùng Hoàng triều cương thổ. Đầu tiên, đến Lạng Sơn là nơi cửa ngõ của Việt Nam với Trung Hoa. Sau đến vùng thượng du ở Lai Châu. Tôi được viên Quan lang Đèo Văn Long, kiêm nhiệm chức chủ tịch Liên hiệp các sắc dân Thái Mèo đón tiếp. Ông này vốn là truyền nhân của Sơn vương Đèo Văn Tri, về thế kỷ trước, từng làm run sợ dân chúng hiền hòa Lào. Long có ảnh hưởng rộng lớn chẳng những đối với người Thái trắng ở Lai Châu, và còn cả với người Thái đen ở Sơn La. Đây là một khu vực rộng lớn gồm toàn núi và rừng trong đó còn có người Yao và Mèo, chiếm đóng hoàn toàn vùng tây bắc thượng du miền Bắc.

Sự thăm viếng của tôi đối với các sắc dân này, theo truyền thống hiếu khách cổ xưa, tạo nên những ngày hội hè để chào đón, với nhiều thú vui của dân gian. Lai Châu mang hình thái tươi vui của ngày hội. Rượu ủ lâu năm từng

† Ngoài chức vụ Thủ tướng, Nguyễn Phan Long còn kiêm nhiệm cả bộ Ngoại giao và bộ Nội vụ
- Nguyễn Khắc Vệ, bộ trưởng bộ Tư pháp
- Phan Huy Quát, bộ trưởng bộ Quốc phòng
- Dương Tấn Tài, bộ trưởng bộ Tài chánh
- Vương Quang Nhường, bộ trưởng bộ Quốc gia Giáo dục
- Lê Quang Huy, bộ trưởng Công chánh & Giao thông Vận tải. Nhiều quốc vụ khanh như:
- Đinh Xuân Quảng, bộ trưởng Phủ Thủ tướng
- Lê Thăng, cạnh bộ Canh nông
- Võ Huy Thường, cạnh bộ Y tế
- Hoàng Cung, cạnh bộ Thương mại
- Lê Văn Hảo, cạnh bộ Xã hội
- Nguyễn Tôn Hoàn, cạnh bộ Thanh niên.

vò tuôn ra như nước chảy, và các thiếu nữ Thái diêm dúa trong những chiếc djúp bằng lãnh đen, áo sơ-mi cổ viền trắng, có các đồng trang sức bằng bạc. Họ múa xòe và chỉ ngưng lại để nhấm mứt gừng, rồi lại múa nữa liên miên.

Sự đón tiếp vừa long trọng vừa mộc mạc đó, làm cho tôi rất ấm lòng và tin tưởng. Hơn nữa, Đèo Văn Long và người em là Đèo Văn Muôn, hứa với tôi sẽ thành lập nhiều tiểu đoàn Thái để tạo nòng cốt cho đạo quân mới sơ sinh của tôi. Như vậy, vào giờ phút mà những sự xâm nhập qua biên giới miền Bắc là đầu đề chính để chúng tôi lo ngại thì sự trấn đóng của các đạo quân Nùng khét tiếng của Vòng A San ở địa đầu miền Đông Bắc, và đạo quân người Thái trung thành ở miền Tây Bắc này, tạo cho tôi những cơ cấu khá yên tâm. Tôi trở về Đà Lạt rất hài lòng.

Tại Paris, đây là lần đầu tiên, đại diện của chúng tôi can thiệp vào Quốc hội của Liên hiệp Pháp, đang thảo luận về dự án đạo luật nhằm duyệt y các hiệp ước ký kết giữa các quốc gia liên kết của Việt Nam, Cam Bốt và Ai Lao cùng nước Pháp. Sự duyệt y này sẽ do Nghị viện Pháp biểu quyết vào ngày 26 tháng giêng năm 1950, trong đó, ông Devinat phát ngôn viên của Hội đồng Lãnh thổ Hải ngoại tuyên bố như sau:

— Những tiến bộ đã không thể chối cãi. Vua Bảo Đại đã có thể di chuyển rất bình an trong những tỉnh lớn của nước ông. Sự trở về với tân chính phủ mỗi ngày mỗi nhiều, trong sáu tháng gần đây, đặc biệt đối với miền Bắc, ở vùng Bạch Mai, Lào Kay, và Lạng Sơn, ở miền Nam trong các tổ chức Cao Đài và Hòa Hảo.

(Cần đặc biệt lưu ý là những diễn biến tháng mười vừa qua đã cho thấy sự qui hồi của 200,000 giáo dân Phát Diệm, ở về phía đông nam Hà Nội. Chính lãnh tụ của họ, Đức Cha Lê Hữu Từ lần này đã phải cầu cứu đến sự che chở của Vua

Bảo Đại. Và cũng chính một đơn vị lính dù Việt Nam đã được ủy nhiệm nhảy xuống giải phóng và che chở cho tập thể quan trọng dân chúng này. Sự trở về đó đã tạo cho chính phủ Việt Nam một ảnh hưởng tâm lý rộng lớn. Nó thúc đẩy lớp giáo dân đoạn tuyệt hẳn với Việt Minh.)

"... Như thế, những cam kết của Vua Bảo Đại đã được thực hiện. Những nỗi e ngại có thể ngờ từ lúc đầu về sự nhu nhược của nhà Vua đã được giải tỏa. Chính phủ của ông đã được thành lập. Những điều khoản cần thi hành trên các hiệp ước đều được ký kết. Quyền hành trước kia ở trong tay Pháp thì nay đã trao trả lại cho nhà Vua. Ông đã có thực lực trong tay, và chứng tỏ đã biết sử dụng thực lực ấy.

"Tân chế độ đã tăng trưởng được uy tín, và bành trướng được quyền hành một ngày một mạnh, để có thể tự mình, với đạo quân quốc gia của mình, đảm trách được nhiệm vụ khó khăn là vãn hồi được trật tự trên đất nước. Thêm vào đấy nữa, đó là cảm tưởng của những quan sát viên quốc tế, mang từ Đông Dương về, vốn từ lâu vẫn nghi ngờ về sự khoe khoang nội lực của chúng ta lẫn của nhà Vua.

"... Lấy ngay lời lẽ mà Chủ tịch Liên hiệp Pháp, viết trong bức thư đề ngày 27 tháng 7 là *Hòa bình nằm trong tay dân chúng Việt Nam, và chỉ nằm trong tay họ,* nước tân Việt Nam chỉ còn chờ sự duyệt y của các hiệp định, để mang về cho dân chúng do Hoàng đế Bảo Đại lãnh đạo, chứng tích của sự trưởng thành của đất nước."

Trong dịp tranh luận ở Nghị viện, tân bộ trưởng bộ Pháp quốc Hải ngoại, ông Jean Letourneau không ngớt can thiệp nhiều lần. Trả lời các nghị sĩ, ông đã chứng tỏ rằng việc lựa chọn Hoàng đế Bảo Đại làm người trung gian đàm phán đã gạt ra ngoài mọi điều đình với Việt Minh. "Quyền năng của Hoàng đế do thiên mạng, và do uy tín của hoàng

triều mà có được. Uy quyền mà ông đảm trách hàng ngày càng vút lên cao trong những tháng gần đây, nền cai trị của ông càng thêm hữu hiệu và hơn nữa, những cam kết của ông, đã tiến đạt đến chỗ, có thể mở được một cuộc trưng cầu dân ý, một khi hòa bình được vãn hồi, để đưa đến một nền dân chủ cho đất nước."

Một nghị sĩ đã nói đến những khó khăn mà gần đây, nước Việt Nam đã được Trung Hoa công nhận. Ông Letourneau trả lời: Vấn đề ngoại giao giữa Tàu và Việt Nam, chỉ có thể thực hiện được, do sự chấp nhận chung của Việt Nam và Pháp sau cuộc họp bàn của Hội đồng Tối cao Liên hiệp Pháp. Mặt khác, các lãnh sự quán Trung Hoa hiện nay đang có mặt ở Việt Nam tạo những dữ kiện có lợi cho chủ quyền nội bộ Việt Nam, và là yếu tố quan trọng cuối cùng để chính phủ Việt Nam được Mao Trạch Đông công nhận.

Cuối phiên họp, ông Letourneau nhấn mạnh đến sự tương đồng, và những mối quan ngại của các nước Tây phương, qua nhiều thế kỷ, đã thiết lập bang giao với nhiều nước ở vùng Đông Nam Á:

— Nước Hòa Lan vừa giải thích ở Hội nghị LaHaye mối liên lạc mới của họ với các nước Nam Dương. Tại Hội nghị Colombo, các nước thuộc khối Hoàng gia Anh cũng được giải thích về mối bang giao này, như nước Ấn Độ hay Pakistan... Vậy thì, sự chuẩn y các hiệp định ngoại giao của nước Pháp cũng được dựa theo hình thái của nước Hòa Lan và Anh quốc.

Rồi ông kết luận bản tường trình của ông như sau:

— Việc gia nhập cuối cùng mà chúng ta hy vọng ở các nước Đông Dương vào Liên hiệp quốc, sẽ là điểm chót của nền độc lập, để thỏa mãn tất cả mọi nước đều mang một

mộng ước dân chủ như nhau. Nước Pháp để cho ba nước Liên kết ở Đông Nam Á tự đảm đương lấy trách nhiệm hoàn toàn của họ. Từ nay nó chỉ còn hiện diện để bảo vệ họ đối với những đe dọa bên ngoài. Nước Pháp chỉ còn ở đó, để giúp đỡ họ, bằng những cố vấn, hay bằng những kỹ thuật gia để giúp đỡ họ qua những điều vật chất và kinh tế, để tái thiết mọi điều đổ nát, để xây dựng một nền hòa bình nội bộ, và để phát triển mọi sự mở mang...

Các nước Liên kết mới của chúng ta này phải dành mọi nỗ lực để tổ chức trên bình diện quốc gia, một lực lượng cao lớn để có thể thoát sự nhờ vả vào chúng ta hầu kiến thiết đất nước. Để chấm dứt một lần vĩnh viễn, đối với những nghi ngờ bất công là chúng ta không có thực ý, hay lấy lại cái mà chúng ta đã cho, sự chuẩn y các hiệp định này có một giá trị không thể so sánh, trên toàn bán đảo Đông Dương cũng như toàn Liên hiệp Pháp ở hải ngoại. Cử chỉ ấy, vẫn được dư luận thế giới, từ nhiều năm qua chú trọng đến. Đã từ lâu, người ta vẫn muốn chấm dứt, nhanh chừng nào hay chừng ấy, là đáp ứng nguyện vọng của dân chúng Đông Dương. Nay cửa đã mở do hiệp định này, địa hạt ngoại giao cũng như vào tổ chức Liên hiệp quốc, để có thể được sự trợ giúp hỗ tương quốc tế.

Nhưng thật sự người ta đã bỏ phí đi mất bốn năm quí báu, và tất nhiên điều gì đã nói ra ở Paris dù thiện chí đến mấy vẫn không phải lúc nào cũng có những tiếng vang trung thực. Vì vậy, mặc dù có lời tuyên bố long trọng của Nghị viện, lẽ ra là một đạo quân hoàn toàn quốc gia Việt Nam, người ta vẫn nói là lai Việt Pháp và cũng không phải đây là điều mâu thuẫn đáng kể nhứt, cho lời nói ở Paris khác với việc làm ở Sài Gòn, mà còn nhiều người Pháp, nghĩ rằng, mục đích cần thiết, dù hiệp ước có ký, vẫn là để đặt nước Pháp ở lại Đông Dương.

Dù sao nữa, thì sự việc cũng đã xảy ra, và tôi rất lấy làm hài lòng, khi được Anh quốc công nhận ngày 7 tháng 2 cùng với Hoa Kỳ, rồi ngày 2 tháng 3 do nước Xiêm và ngày 12 tháng 3, do Tòa Thánh Vatican. Về phía Việt Minh, họ được Trung Cộng của Mao Trạch Đông công nhận và sau đó ngày 31 tháng 1 được Nga Sô công nhận. Cộng sản quốc tế trên tất cả các nước, đứng chung vào một khối...

Dù sao nữa, họ cũng có phản ứng ở Pháp. Vài tháng sau, tôi được biết đầu tháng 3, cảnh sát Pháp nghe phong phanh một dự mưu của một nhóm cực tả. Chúng định bắt cóc Hoàng thái tử Bảo Long, và dùng làm con tin để đánh đổi tôi phải rút lui, nhường chỗ cho Hồ Chí Minh. Hoàng tử sau niên học đã ghi danh vào học trường Roches ở Masselac, trong miền cao nguyên Hautes Pyrenées lập tức được Tòa Đô chánh bảo vệ trước, sau được đưa vào một tu viện trong vùng.

Khi tôi được tin Tòa Thánh đã công nhận nền độc lập của Việt Nam, tôi được hai Giám mục Phát Diệm và Bùi Chu báo tin ngay bằng thơ. Rồi sau đó, hai Cha ra Hà Nội gặp tôi ngày 23 tháng 3. Tôi hiểu hoàn cảnh của hai vị lúc ấy. Việc nuôi một đạo quân tự vệ rất tốn kém đối với các ông... Vì vậy, mặc dù bị Nguyễn Hữu Tri, thủ hiến Bắc Việt, không mấy tán thành, do một *đạo dụ*, tôi cho phép hai ông được rộng quyền ít nhiều trong việc quản trị giáo khu, và thêm một trợ cấp mỗi tháng là 300,000 đồng nữa.

Quyết định này gặp phải phản ứng của nhóm Đại Việt, là nhóm cầm quyền ở Bắc Việt mà Nguyễn Hữu Trí là một lãnh tụ.

Phan Huy Quát, Lê Thăng và Nguyễn Tôn Hoàn đệ đơn từ nhiệm vào ngày 24 tháng 3. Việc trợ cấp cho các giáo khu gây một hậu quả khác nữa. Phạm Công Tắc, khi biết

tin, cũng đến gặp tôi để yêu cầu một sự hỗ trợ cho quân đội Cao Đài. Vị Hộ pháp Cao Đài này chỉ xin được trông thấy một nhân vật của ông ta, được đạt vào vị trí bộ trưởng bộ Tài chánh, hay bộ trưởng bộ Quốc phòng. Theo ý kiến của ông ta, sự bổ nhiệm này tương đương với một sự hỗ trợ bằng hiện vật.

Tình hình miền Nam làm tôi rất quan ngại. Người ta nhận thấy một sự gia tăng của khủng bố. Trong tháng tư, viên chánh mật thám Bazin bị ám sát chết. Do một thân nhân của mình đang ở trong kháng chiến, Nguyễn Phan Long đã muốn tìm cách tiếp xúc với Nguyễn Bình là tướng trong chiến khu ở miền Nam Việt Nam. Thế nhưng, sự mong muốn tiếp xúc này, đã chẳng đi đến đâu, mà ngược lại, lại đẩy viên tướng Việt Minh đến chỗ mạnh tay hơn.

Việc thẳng tay khủng bố ở Sài Gòn đã có một ảnh hưởng tai hại; dưới hình thức mù quáng, là một hành động vừa dễ dàng lại vừa đắt giá đối với Việt Minh.

Tôi cương quyết yêu cầu Cao ủy để chính tôi nắm quyền chỉ huy cảnh sát. Sau nhiều buổi thảo luận, hai ông Pignon và Perrier đồng ý chấp nhận lời yêu cầu này. Theo chỉ thị của tôi, Trần Văn Hữu liền bổ nhiệm Nguyễn Văn Tâm làm bộ trưởng An ninh. Ông này được tiếng là "Cọp xám Cai Lậy," liền hoàn tất nhiệm vụ của mình bằng một công tác khả quan, và hệ thống khủng bố của địch bị tan rã lần lượt hết. Trong công tác ấy, vấn đề tình báo là yếu tố quan trọng bậc nhất.

Tất nhiên, là những tin tức đem đến cho viên chức chỉ huy tình báo Việt Nam vẫn dễ dàng hơn đối với nhân viên Pháp.

Ngày 24 tháng 4, nội các Nguyễn Phan Long bị suy yếu vì bốn bộ trưởng thuộc đảng Đại Việt, phải đệ đơn từ chức.

Tôi liền bổ Trần Văn Hữu, một nhân vật người Nam, phụ tá cũ của Tướng Xuân, lập tân nội các. Ông ta liền trình tôi vào ngày 6 tháng 5 nội các của ông ta †.

Vào tháng 4, do *dụ* mang số 6, tôi đặt vào đầu tỉnh các viên tỉnh trưởng người Việt để thay thế các cựu công chức người Pháp. Tôi cũng bổ nhiệm vào các vùng Cao nguyên, Hoàng triều cương thổ, những người có trách nhiệm thuộc các sắc dân thiểu số ở nơi đó. Như vậy, đã đặt ở vùng Đồng Nai thượng, vùng Lang Biang, Pleiku, Darlac, Kontum đối với miền Nam và miền Trung Việt Nam. Vùng Phong Thổ, Lạng Sơn, Hagiang, Lao Kay, Backan, Cao Bằng, Hòa Bình, Hải Ninh, Lai Châu và Mongcay ở miền Bắc Việt Nam, để giữ những nét độc đáo của những tỉnh ấy. *(Xin xem phụ đính V.)*

Đối với ba tỉnh miền Cao nguyên miền Nam, tôi bổ nhiệm ba viên chức người Pháp, là ông Riener ở Pleiku, ông Doustin ở Kontum, và ông De Pontiche ở Darlac, Đại tá Didelot đại diện cho tôi bên cạnh họ.

Vào đầu tháng 6, để hoàn tất nội các, tôi bổ Nguyễn Đệ làm Chánh văn phòng của tôi. Thế là giữa hai chúng tôi, đã có sự trở về để gặp lại nhau. Năm 1932, khi tôi về nước cầm quyền, thì Nguyễn Đệ là một thanh niên trẻ tuổi, tây

† Nội các Trần Văn Hữu gồm có:
- Trần Văn Hữu, thủ tướng, kiêm bộ trưởng Quốc phòng và Ngoại giao
- Nguyễn Khắc Vệ: bộ trưởng bộ Tư pháp
- Dương Tấn Tài: bộ trưởng bộ Tài chánh
- Trần Quang Vinh: bộ trưởng bộ Nội vụ
- Vương Quang Nhường: bộ trưởng bộ Quốc gia Giáo dục
- Lê Quang Huy: bộ trưởng bộ Giao thông Công chính
- Hoàng Cung: bộ trưởng bộ Kinh tế và Kế hoạch
- Đặng Hữu Chí: bộ trưởng bộ Y tế và Xã hội
- Trần Văn Tuyên, tổng thư ký cạnh bộ Ngoại giao
- Đinh Xuân Quảng: tổng thư ký về Công vụ
- Nguyễn Tôn Hoàn, tổng thư ký về Thanh niên và Thể thao.

học mà tôi muốn dùng để canh tân xứ sở. Nhưng người Công giáo rất trung tín này, vốn thân với Ngô Đình Diệm rất bực mình thấy thực dân Pháp quá bủn xỉn, nên đã từ chức cùng với họ Ngô. Từ đó, ông ta rất nổi tiếng trong mọi vấn đề mà ông đã đạt, với tinh thần liêm khiết tuyệt đối. Được người Nhựt biết đến, ông ta không chịu hợp tác với Nhựt nên vào thời ấy, đã cố gắng lẩn trốn để khỏi bị khủng bố. Cho đến tháng 8 năm 1945, Hồ Chí Minh vời ông ta ra làm cố vấn kinh tế.

Từ đó, ông ta bắt tay vào việc. Khi ông từ Âu châu trở về, ông ta được Cao ủy Pignon, nhiệt liệt giới thiệu với tôi, chắc chắn là do ảnh hưởng của Vatican.

Tôi liền bổ nhiệm ông ta làm Chánh văn phòng dự khuyết, thay thế cho Bửu Lộc, giữ văn phòng của tôi ở Paris. Vì ông ta được sự giới thiệu của ông Pignon, tôi đâm cảnh giác: Phải chăng ông ta được đặt cạnh tôi để canh chừng tôi?...

Sau đó ít lâu, tôi nhận thấy ông đảm trách công tác rất hoàn hảo, vì vậy, tôi gọi ông ta đến và nói cho biết vị trí rất khó khăn của tôi. Nhiều khi tôi phải dùng đến những biện pháp thật khó chịu, bất đắc dĩ vô cùng. Tuy nhiên, tôi phải là người "không ai được đụng chạm đến." Như vậy, tôi cần phải có một người đóng vai hộ giá, để hứng chịu thay tôi mọi điều chỉ trích. Tôi liền hỏi ông ta:

— Nếu ông nhận đóng vai trò đáng ghét và bạc bẽo ấy, tôi sẵn sàng giữ ông ở lại chức vụ Chánh văn phòng này... Nếu không, ông có thể rút lui, và tôi đã nói hết lời.

Người Công giáo rất nghiêm chỉnh này, không thể nào chờ đợi lâu la để nghe lời đề nghị ấy. Trong gần cả thế kỷ, tổ tiên ông đã là những thần tử khuôn mẫu của các tiên đế của triều đại. Vậy thì ông phải tỏ cho tôi biết, ông là một

cộng sự viên mà lòng trung thành không thể chối cãi được. Bất cứ ở đâu, ông cũng theo tôi như bóng theo hình, làm các nhiệm vụ rất tế nhị và nhiều khi khó khăn với một tinh thần và một tấm lòng xả kỷ, trong bất cứ trường hợp nào, và cũng với đầy đủ tư cách, nhiều khi làm cho ông có khuôn mặt nghiêm trang của kẻ dâng mình mang thập giá. Như vậy, giữa lúc mà chiến tranh đã lan rộng sang Lào và Cao Miên, gieo rắc chia rẽ và hận thù, thì Việt Nam đã bắt đầu phục hồi lại được thống nhứt. Tôi đã kêu gọi các nhà trí thức, và một năm sau ngày trở về chấp chính, tôi đã có một cơ cấu thống nhứt và dính liền. Từ nay tôi đã có thể chơi đủ ngón đờn dư luận: Với các gia đình Phật tử, tôi có Phạm Công Tắc, giáo chủ Cao Đài. Tôi lại có ba khuynh hướng của đạo Hòa Hảo với Tướng Trình Minh Thế, với Tướng Trần Văn Soái và viên phụ tá của ông là Ba Cụt, với nhóm Bình Xuyên của Bảy Viễn, đối với bên Công giáo, tôi có Đức Cha Lê Hữu Từ và Nguyễn Đệ, đối với các sắc dân thiểu số tôi dùng các đặc ân của Hoàng triều cương thổ.

HỘI NGHỊ PAU

Ngày 20 tháng 6 năm 1950, tôi đi Pháp, bởi ở đó có một Hội nghị Pau. Tôi đến phi trường Nice để đi Cannes, thăm gia đình. Tại đây tôi được hai tin nóng hổi: Chiến tranh Triều Tiên, và sự đổ vỡ của chính phủ Georges Bidault. Tin thứ nhứt rất quan trọng bởi hậu quả của nó có thể có ảnh hưởng đến khắp cả Viễn Đông. Còn tin thứ hai, thì chẳng có gì để cho tôi quan tâm, bởi sự bấp bênh của chính phủ Pháp vẫn là thứ thường xuyên kể từ năm 1945, vì lý do tất yếu của sự yếu kém của nước Pháp.

Hội nghị Pau mở từ 29 tháng 6, trong khi Pháp không có chính phủ. Cần phải đợi đến ngày 11 tháng 7, để chính phủ mới Pleven của Pháp được thành lập, hầu tìm thấy qua ông Jean Letourneau, trở thành tân Bộ trưởng các nước Liên kết, một nhân vật chính thức có thẩm quyền về vấn đề này. Thủ tướng Trần Văn Hữu theo tôi sang Pháp giữ vai trò đại diện cho Việt Nam ở Hội nghị.

Ở Pau, Hội nghị liên quốc gia, đã tập trung các đại diện của Việt Nam, của Cam Bốt, của Lào và của Pháp. Hội nghị nhằm giải quyết các vấn đề quan thuế, ngoại thương, các

vấn đề trang bị, và du nhập của ba nước Đông Dương, đồng thời vấn đề đi lại trên sông Cửu Long và trong tương lai, cả qui chế về cảng Sài Gòn.

Lúc đầu, dự định tối đa là một tháng, hội nghị kéo dài với rất nhiều rắc rối và kết thúc vào ngày 27 tháng 11, sau năm tháng đấu khẩu và nói chuyện cà kê dê ngỗng.

Cựu Toàn quyền Đông Pháp Albert Sarraut đến với tư cách trưởng phái đoàn Pháp, được bầu làm chủ tịch hội nghị. Đối với tôi, tôi đã cố gắng né tránh để đứng ngoài hội nghị.

Ngày 30 tháng 7, tôi bổ nhiệm Bửu Lộc làm Cao ủy của Việt Nam ở Pháp. Rồi trước khi về Cannes để nghỉ ngơi ít ngày, tôi đến thăm Tổng thống Vincent Auriol. Nhiều tiếng vang, và do nhiều nguồn tin đã báo cho tôi biết, trước đây mặc dù với biết bao cố gắng tại chỗ của tôi, Tổng thống đã nhiều lần tức giận về thái độ của tôi. Tổng thống đã gợi ý với nhiều người là cần phải gạt tôi ra, để thành lập dễ dàng một chính phủ lâm thời dân chủ cộng hòa, hầu có thể nói chuyện với Hồ Chí Minh và đưa ra những đề nghị hòa bình với ông ta.

Tuy nhiên, khi tiếp tôi, Tổng thống Auriol vẫn giữ thái độ niềm nở cố hữu, và không tỏ gì là có sự thay đổi thái độ đối với tôi.

Tổng thống đã nhắc đến một bài báo của ông Maurice Duverger, nói về Đông Dương, viết trên tờ Le Monde vào đầu tháng 7, bài báo mà Tổng thống cho rằng có tính chất đầy tội ác, đã xác nhận là nước Pháp đã quyết định dành một nỗ lực lớn lao, rồi nói cho tôi biết cảm tưởng của ông đối với nước Tàu của Mao Trạch Đông và nhấn mạnh đến yếu tố mới mẻ do chiến tranh Triều Tiên gây nên. Tổng thống kết luận tình bằng hữu và chúc cho hội nghị Pau —

tôi luôn tự hỏi lý do nào mà lại đặt hội nghị ở tỉnh này — chóng kết thúc vào đạt kết quả cụ thể.

Ở Cannes, ngày 19 tháng 8, hai ông Letourneau và Pignon đã bất chợt đến gặp tôi. Họ đến để bàn với tôi một vấn đề quân sự. Vấn đề này không được sáng sủa cho lắm, như các bản thông cáo của bộ Tư lệnh Pháp đã tung ra. Trên biên giới nước Tàu, các đạo quân Việt Minh được thành lập, trang bị, và huấn luyện bởi các tay cộng sản Trung Hoa, và bắt đầu hoạt động mạnh. Điều làm cho hai ông này lo ngại nhất, chính là sự bất đồng ý kiến giữa hai viên tư lệnh Pháp, tức vị Tổng chỉ huy là Đại tướng Carpentier và vị Phó của ông ta ở miền Bắc là Tướng Alexandri. Thế mà, gần đây, viên tư lệnh phó này lại được nghỉ ở Cannes, trong một thời gian ngắn. Hai vị quí khách yêu cầu tôi khuyên giùm ông ta nên bớt nóng đi, và bỏ mộng hạ bệ Việt Minh vốn là điều trái nghịch với ý định của viên tướng của ông ta. Cũng phải nói thêm rằng Tướng Alexandri lợi dụng cơ hội về Pháp để loan rắc trong các giới Paris, những lý luận không đúng với luận cứ mà người ta gán cho là của Sài Gòn. Tôi cho mời Tướng Alexandri và theo như yêu cầu của vị bộ trưởng, tôi gợi ý cho ông ta nên trở lại Sài Gòn càng sớm càng tốt.

Tôi chỉ được biết vài ngày sau đó, do bản thông cáo của ông Pignon, là Tướng Carpentier, trở lại các dữ kiện đã được đề ra từ 15 tháng trước của Tướng Revers là bỏ hết các đồn binh dọc biên giới Trung Hoa, từ vùng thượng du Bắc kỳ cho đến Lạng Sơn. Tôi không rõ có phải do ảnh hưởng của tôi, mà Tướng Alexandri lên đường trở về Hà Nội hay không. Ở Paris người ta thở ra nhẹ nhõm, nhưng cũng chẳng được bao lâu...

Nhân dịp nghỉ hè cho các niên học, tôi sang Ý cùng với Hoàng hậu và các con. Thật vậy, Đức Giáo hoàng Pie XII

vẫn hằng muốn tiếp kiến tôi dưới tính cách tư. Tòa Thánh Vatican đã công nhận nước Việt Nam ngày 12 tháng 3 năm 1950. Ngày 4 tháng 9, Tổng giám mục Montini đón tôi trước cửa tư dinh của Giáo hoàng, để đưa tôi vào gặp Đức Thánh Cha. Trước mặt toàn gia đình và Khâm mạng R.P. Dooley, từ Sài Gòn sang về việc này, Giáo hoàng đã tiếp kiến tôi với tất cả niềm ưu ái. Đức Giáo hoàng cảm tạ tôi đã giúp đỡ cho các giáo dân Việt Nam. Ngài nói rằng, trong công cuộc chiến đấu chống lại vô thần cộng sản, tôi có thể tin ở cộng đồng Công giáo Việt Nam được. Sau sự tiếp kiến này, mặc dù dưới hình thức thân ái, vẫn tỏa ra sức mạnh của Đức Thánh Cha, chúng tôi cùng chụp một bức ảnh của cả gia đình. Sau đó, chúng tôi thăm nhà thờ Saint Pierre vốn vẫn nghiêm cấm đối với dân chúng, do đặc ân của Đức Giáo hoàng. Chúng tôi được chiêm ngưỡng đài, tượng kỷ niệm vốn không bị dân chúng quấy rầy. Dành cho danh dự của riêng tôi, người ta đã cho mở chiếc cửa bằng đồng.

Khi trở về khách sạn, tôi thấy có nhiều đám đông dân chúng tụ họp, do cộng sản Ý tổ chức, để phản đối việc tôi đến Rome. Buổi chiều bộ trưởng bộ Ngoại giao Ý đến xin lỗi cho chính phủ của ông, về sự kiện này.

Chúng tôi trở về Pháp qua nhiều chặng nhỏ.

Về đến Cannes, tôi được biết tin đồn Đông Khê, sát biên giới Trung Hoa đã bị mất. Kể từ lúc đó, những tin xấu kế tiếp nhau kéo đến không ngớt. Việc rút ra khỏi Cao Bằng như trước đây, ông Pignon đã báo cho tôi biết, bắt đầu từ mùng 2 tháng 10, đã gặp nhiều tai họa. Những tin đầu tiên đưa đến Paris xác nhận là điều đáng sợ nhứt, là quân đội Pháp đã lọt vào các ổ phục kích của Võ Nguyên Giáp trên đường thuộc địa số 4. Những sư đoàn Việt Minh được thành lập bởi Tầu cộng, đã có thật và đang chứng tỏ sự có mặt. Tất cả chiến lược của bộ Tư lệnh Pháp đều sai lầm hết.

Được khuyến cáo cách đây hơn một năm do Tướng Revers, sự triệt thoái dưới áp lực của đối phương, đã hoàn toàn thất bại và tất cả các đồn bót dọc biên giới đều phải bỏ cả. Ngay tại thị trấn Thái Nguyên từng được xem như kinh đô của Việt Minh, do Pháp chiếm lại tháng 9, cũng phải bỏ nốt, và cơn gió hoang mang bắt đầu thổi... giao động hoàn toàn.

Chính phủ Pháp liền cử Tướng Juin đến tận nơi công cán, đi cùng với Bộ trưởng Letourneau. Họ đi từ ngày 18 tháng 10. Trước đó tám hôm, tôi đã cử Trần Văn Hữu về gấp Sài Gòn. Thoạt mới về, ông ta đọc một bài diễn văn không ngớt đả kích hình thức mà nước Pháp cho áp dụng hiệp ước mùng 8 tháng 3, đồng thời cũng đả kích luôn các viên chức Pháp vẫn còn bấu víu mãi vào các công thức thuộc địa cũ.

Tức giận tột độ bởi Tổng thống Vincent Auriol, e ngại rằng Hoa Kỳ có thể nhắc những lời tuyên bố này, để trách cứ nước Pháp đã không chịu thi hành các lời cam kết, ông chủ tịch hội nghị Pau, Sarraut ngày 14 tháng 10 liền đập các quốc gia liên kết, là nên bớt cãi vã lẫn nhau... Đại diện của chúng tôi Nguyễn Đắc Khê liền lên tiếng trả lời. Những hội nghị vẫn sa lầy, và dù sao nữa, trong thời kỳ khẩn trương, thủ tướng chính phủ phải có mặt ngay tại chỗ.

Tôi cũng vội vã dời Cannes ngày 20 tháng 10. Khi đến Sài Gòn, hai ông Letourneau và Tướng Juin đều nhận thấy tình hình càng sa sút hơn, như các ông tưởng. Dưới sự giao động tột độ, việc triệt thoái ở Lạng Sơn đã bắt đầu. Đó chính là một lầm lẫn lớn đã mở cửa Hà Nội, cho quân đội Việt Minh tràn về.

Lai Châu, thủ đô của người Thái mà tôi đã thăm thú mùa xuân vừa qua, cũng bị Pháp bỏ đi vào đầu tháng 11.

Ngày 5, nhân dịp Tướng Juin và ông Letourneau sang thăm Việt Nam, tôi cho khánh thành trường sĩ quan Đà Lạt. Giám đốc là một sĩ quan có tài, Thiếu tá Lefort, và lớp học đầu tiên thu nhận 210 khóa sinh. Trong buổi khai mạc này, đã có bàn đến các vấn đề quân sự. Trần Văn Hữu và Phan Văn Giáo, đều được tôi phong tướng, cũng tham dự. Có nhiều quyết định quan trọng được đề cập đến, như thành lập ra 4 sư đoàn hoàn toàn Việt Nam, và việc đào tạo cấp tốc các khóa quân sự tại chỗ các trường hạ sĩ quan và chuyên môn kể cả một trường quân y.

Ông Letourneau gửi thư cho tôi, từ Pháp báo cho biết sự thay thế Tướng Carpentier và xác nhận chỉ thị của Tướng Juin là cần phải bảo vệ Hà Nội và miền Bắc Việt Nam bằng mọi giá. Ông ta không dấu tôi sự lo ngại của ông, nhưng xác nhận ý chí của Tổng thống Vincent Auriol là muốn thấy hình thành đạo quân Việt Nam hầu có thể đối phó được với Việt Minh ngay trên phần đất của mình, đồng thời chúc cho việc thi hành các khoản của hiệp ước mùng 8 tháng 3, được hoàn thành mỹ mãn.

Do báo chí, tôi được biết sự can thiệp của quân đội Trung Hoa đối với Triều Tiên.

Tôi đến Ban Mê Thuột ở mấy ngày, và có ý định lập ở đây một biệt điện thứ hai. Quả nhiên, tôi đã rất chú trọng đến vùng cao nguyên, giữa dân tộc miền núi này. Tôi muốn chấm dứt tất cả các tiếng xì xào, nói về tôi trong những ngày gần đây. Hình như họ cho rằng, tôi ít chung đụng với quần chúng, tôi đã sống tách rời, trong khi binh sĩ Pháp chết ngoài mặt trận. Tất nhiên, kẻ tung tin này, đã không hiểu gì về vị trí của ngôi Vua theo quan điểm ở Việt Nam. Không phải rằng cứ đóng vai mị dân mà người ta có thể phục vụ được dân chúng của mình. Trò mị dân là trò xảo trá của bọn làm chính trị, không phải việc của tôi. Tôi theo

đuổi sứ mạng, mà tôi được trao phó. Thật vậy, ở Ban Mê Thuột, gần ba biên giới, tôi có mặt cho toàn thể vùng Nam Đông Dương.

Chính tại Đà Lạt, tôi tiếp Bảy Viễn, chúa đảng Bình Xuyên. Đảng này tôi ít biết đến, không bằng giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo, mà đại diện đã đến Hongkong để gặp tôi. Đây là lần đầu tiêntôi gặp Bảy Viễn kể từ khi tôi tới Sài Gòn.

Đây là một nhân vật đặc biệt. Từng bị đi tù biệt xứ, anh ta vượt ngục Côn Đảo trở thành thủ lãnh đao búa, và anh ta tự tạo cho mình một địa hạt ở xung quanh Sài Gòn và vùng Đồng Tháp Mười. Xuất thân từ giới bụi đời, một loại thú hoang, đầy tinh thần chiến đấu, trong ba năm liền, anh ta đã đánh nhau với Pháp vô cùng quyết liệt. Nhưng từ tháng 6 năm 1948, vì mâu thuẫn nẩy lửa với Tướng cộng sản Nguyễn Bình, anh ta bỏ về thành. Chính phủ Xuân bổ anh ta làm Đại tá, từ đó với 900 tay súng võ trang cùng mình, anh đặt bản doanh ở ven sông, nơi cầu Chữ Y, ngay sát Sài Gòn. Chỉ trong sáu tháng, anh đã có thể bỏ túi tất cả các hàng bang Trung Hoa ở Chợ Lớn, và đem lại trật tự và an ninh cho vùng ấy. Vậy thì sao không trao cho anh ta một nhiệm vụ lớn lao hơn? Nhân vật vừa giống *Mandrin* (tướng cướp Pháp)†, lại vừa giống *Vidocq* ‡ Việt Nam này quả là tay sáng giá, anh hào.

— Tôi rất lấy làm sĩ diện được tiếp một nhân vật ái quốc như ông, tôi bảo anh ta thế.

Bảy Viễn lấy làm ngạc nhiên, và lấy làm sĩ diện được tôi khen ngợi. Để cho anh ta có vẻ thoải mái, tôi đưa anh ta đi xem biệt thự, và các cộng sự viên của tôi. Rồi tôi lại

† Tướng cướp Pháp

‡ Cựu tù nhân sau làm Chánh sở An ninh Pháp. Cả hai đều là những tay chọc trời khuấy nước, non sông một chèo.

cho xem các võ khí đi săn của tôi. Anh ta lấy làm thích thú khi thấy khẩu súng săn của Tướng Franco gửi cho tôi, để chứng tỏ tình đồng minh chống Cộng sản. Tất nhiên, nước Tây Ban Nha chưa thể công nhận Việt Nam trong hiện tại, nhưng Thống chế Franco muốn tỏ thiện cảm đối với tôi, bằng cử chỉ này.

Sự gặp gỡ đầu tiên với Bảy Viễn, mới đi tới chỗ ấy, và tôi mời anh ta đi săn, vài ngày hôm sau.

Trong suốt một ngày, chúng tôi đi chung với nhau. Tối đến, chúng tôi đến một ngôi làng mọi. Quanh đống lửa, chúng tôi trò chuyện. Rất nhanh chóng, câu chuyện trở nên thân mật. Bảy Viễn xưa nay vốn ít nói, liền kể cho tôi về đời anh ta, thuở hàn vi cũng như lúc bị án đầu tiên, vào năm 1936 bị kết 12 năm về tội "gian nhân hiệp đảng và tàng trữ võ khí bất hợp pháp." Bị đưa ra Côn Đảo, anh ta gặp những tay cộng sản đã từng được huấn luyện ở Nga: Bùi Công Trừng, Hà Bá Cang, Tôn Đức Thắng, một kẻ gây loạn ở Hắc Hải, Phạm Hùng, Phạm Văn Đồng, vốn dậy các lớp về chủ nghĩa Mác ở ngay trong tù, và nhiều người khác nữa... Năm 1940, anh ta vượt ngục và thành công, lập ra ở Chợ Lớn nhóm anh chị thuộc giới xích lô, và trở thành một "Kẻ tháp tùng" đoàn đua xe đạp vòng Đông Dương, tôi cùng Hoàng hậu Nam Phương đã đến để chứng kiến cuộc về đích thứ nhứt trong cuộc đua. Chìm giữa đám đông, Bảy Viễn nhận ra tôi, vận chiếc áo vàng ở giữa các quan phẩm phục xanh đỏ, thêu chỉ vàng chỉ bạc. Bây giờ, anh ta hơi ngạc nhiên được đứng cạnh bên Quốc trưởng...

Anh ta kể cho tôi nghe tất cả cuộc đời phiêu lưu của mình. Sau khi từ chối sự che chở của quân đội Nhựt, anh ta lại bị cảnh sát Pháp bắt, tán tỉnh với bọn *Trotskistes* (đệ tứ Cộng sản), nên họ thả ra vào tháng 7 năm 1945, thế rồi với đám đàn em tập hợp lại được, anh ta lăn mình vào công

cuộc phục quốc, không cần biết đến ý niệm, chính trị hay tôn giáo nào hết. Anh tự phong cho mình là Tổng Tư Lệnh quân đội Sài Gòn — Chợ Lớn, và lấy tên cũ là Lê Văn Viễn. Bị bắt buộc phải rút vào vùng sình lầy Rừng Sát, chẳng mấy lúc anh ta đã chống lại Nguyễn Bình, mà anh ta từng biết ở Côn Đảo, mà Ủy ban Cách mạng miền Bắc đã cử vào Nam để cầm quyền tư lệnh ở Nam bộ. Anh ta liền tham gia vào sự thành lập Mặt trận Quốc gia Thống nhứt vừa để chống lại người Pháp, vừa để chống lại Cộng sản. Sau khi Cao Đài và Hòa Hảo bỏ về theo người Pháp, riêng còn anh ta chiến đấu đơn độc một mình. Nhưng mỗi ngày một bị Cộng sản đe dọa, anh đành phải chấp thuận quay về, khi biết tin nước Pháp đã trả lại độc lập cho Việt Nam.... Dưới danh nghĩa Bình Xuyên, anh công nhận chính phủ Xuân ngày 17 tháng 6 năm 1948, và khi tôi trở về nước, anh ta liền ra tự đặt dưới quyền điều động của tôi.

— Miền Nam rất quí báu cho Việt Minh, — tôi bảo anh ta như vậy — Đó là vựa lúa của nước Việt Nam, và cả cho Đông Nam Á nữa. Ai nắm được lúa gạo là nắm được toàn thể Việt Nam. Đối với Việt Minh, cái lợi lại gấp ba. Thoạt tiên, họ gặt lúa gạo, rồi họ lợi về chuyên chở, và cuối cùng là mãi dịch. Hẳn ông hiểu vì sao, Việt Minh tìm mọi giá để củng cố quyền hành đối với miền Nam. Không phải đây là một yếu tố suông về chính trị, mà chính là điều sinh tử đối với họ.

Bảy Viễn nghe tôi nói với tất cả sự chú ý, sau ngắt lời:

— Vựa lúa, đối với tiểu dân, thật quả rộng lớn. Nhưng các cửa hàng, thưa Hoàng thượng tiểu dân có thể đảm trách được. Mà cửa hàng, thì người Tàu nắm hết, tất cả lúa gạo đều qua tay người Tàu. Mà người Tàu, tức Chợ Lớn rồi, đó chính là địa hạt của tiểu dân vậy. Tuy nhiên, cần một điều

kiện: tiểu dân cần có *Đại thế giới*, bởi vì *Đại thế giới* vẫn là một nguồn lợi cho Việt Minh vậy.

Bảy Viễn không nói rõ cho tôi gì cả. Tôi hiểu, tôi đang dính vào một chuyện gì. Bởi *Đại thế giới* là sòng bạc lớn, của Á châu, và có thể là cả thế giới nữa. Chúng tôi có thể không cần biết đến sự nổi tiếng này. Được mở ra năm 1946, mặc dù có sự nghiêm cấm của chính phủ Nguyễn Văn Thinh, vốn không ưng để người Việt sát phạt nhau, nhưng người Việt Nam lại rất đam mê, nên chính phủ Thinh phải cho đấu thầu, cứ hai năm một lần cho ai bỏ giá cao. Từ năm 1948, việc giao nhượng được chuyển cho một nhóm người Tàu từ Macao sang. Đến giờ phút này, người Tàu sẵn lòng trả 400,000 đồng một ngày cho chính phủ Việt Nam. Nhưng để được yên trí làm ăn, họ phải nộp cho Việt Minh 500,000 đồng nữa. Không kể các thù lao cho quan thuế, cho cảnh sát và các nơi khác...

Ở *Đại thế giới* người ta chơi đủ mọi lối, nhưng có hai thứ chính, là đánh ba quan và tài xỉu. Ngoài ra mỗi chiều, còn mở sổ đề 36 con vật, một thứ như xổ số. Đó là một sự tai hại cho dân chúng vùng Sài Gòn, đã nướng vào đấy hết sạch cả đồng lương nhỏ bé của mình. Để tránh những tai họa, tôi ra lệnh nghiêm cấm các công chức và binh sĩ Việt Nam không được lui tới *Đại thế giới*.

— Đến kỳ đấu thầu vào tháng chạp tới, ông có thể nộp đơn đấu thầu, tôi bảo Bảy Viễn như vậy.

— Thưa Hoàng thượng, xin tuân lệnh. Tôi sẽ xin nộp mỗi ngày một triệu đồng cho chính phủ Việt Nam, nhưng Việt Minh thì đừng hòng một xu nhỏ. Đồng thời, tôi có thể trả lương và trang bị cho người của tôi khá hơn trước nhiều. Như vậy, liệu hồn cho Nguyễn Bình.

Đến tháng chạp, Bảy Viễn thực hiện được mộng này. Chỉ cần rỉ tai bọn Tàu Macao, có sự hỗ trợ của phe Tàu Chợ Lớn cùng với bọn Corses ở Sài Gòn, sự tin tưởng của chính phủ tước bỏ nguồn lợi vĩnh viễn này của Việt Minh, và trò chơi đã đạt. Bọn Bình Xuyên trở thành Mafia giữ an ninh cho vùng Sài Gòn—Chợ Lớn và Bảy Viễn là Tổng tư lệnh quân đội.

DE LATTRE TỚI

Trong những ngày đầu tháng chạp 1950, chính phủ Pháp cử Tướng De Lattre nắm quyền Tổng tư lệnh ở Đông Dương. Ông ta cũng đảm nhiệm luôn chức vụ chính trị của Cao ủy nữa. Nghĩa là ông ta thay Tướng Carpentier lại vừa thay Cao ủy Pignon. Đó là một hình thức tốt, bởi vì trong chiến tranh sự chia xẻ quyền hành thường gây ra nhiều trở ngại không mấy tốt đẹp. Ngày 17 tháng chạp, ông ta đến Sài Gòn cùng với toàn thể bộ Tham mưu. Cũng trong thời gian ấy, Việt Minh loan tin Hồ Chí Minh sẽ ăn tết ở thủ đô Hà Nội.

Tướng De Lattre đến với danh tiếng là người rất khó khăn. Tôi nghe trong các cơ cấu đầu não là lại có một luồng gió mới của sự hoang mang thổi đến. Nhiều người tìm cơ hội để trở về Pháp, họ đã sắp sẵn hành trang. Người ta cũng nói đến một số đề nghị. Trước khi rời Paris, Tướng De Lattre đã đi thăm tất cả những ai đã hay đương có liên hệ đến Đông Dương, từ De Gaulle đến Decoux, và ông ta nghe như đã tuyên bố:

— Chủ tịch (Liên hiệp Pháp) Albert Sarraut từng khuyên tôi nên tận tình giúp đỡ Hoàng đế Bảo Đại, vì Ngài là Vua chân truyền của dân tộc, cần phải giúp đỡ Ngài trong việc trị quốc, nhứt là giúp Ngài thành lập dần dà một đạo quân hoàn toàn Việt Nam để có thể thay thế chúng ta chiến đấu chống lại Việt Minh.

Sự kiện ấy làm tôi chú ý. Ông tân Cao ủy muốn cùng tôi cùng chung ý kiến. Như vậy, điều mà tôi không bao giờ đạt được cạnh Tướng Carpentier và ông Pignon thì có thể tôi sẽ đạt được với ông chăng: Đó là việc thành lập nổi một đạo quân hoàn toàn Việt Nam. Vậy tôi không nên cứng rắn với ông quá đáng, mặc dù vẫn phải cần tỏ cho ông hiểu chính tôi là Quốc trưởng. Ông ta đến đây với rất nhiều sự hiểu biết sai lầm. Trước hết, do các sĩ quan luôn luôn bị ám ảnh bởi nước Tàu, mà quên mất bọn Việt Minh. Sau đến bọn công chức hành chính Pháp. Ông ta đã đem hai viên chức kỳ cựu của Toàn quyền Decoux là ông Gautier và ông Aurillac. Tôi biết rõ vị thứ hai này, khi ông ta còn ở Huế dưới thời Khâm sứ Graffeuil. Bọn này chẳng hiểu gì về tình hình trong năm năm qua. Có thể họ đã nói xấu tôi cạnh De Lattre, tả tôi như một thứ kỳ đà cản mũi, chỉ biết phá ngang.

Chẳng lâu lắm tôi hiểu hết. Muốn ra Hà Nội vào dịp ngày 19 tháng chạp, kỷ niệm của Việt Minh, De Lattre đã dừng lại vài giờ để lên Đà Lạt chào tôi. Bề ngoài thì thế, nhưng có dụng ý bề sâu nữa.

Đại tướng De Lattre tất nhiên là một người mã thượng. Chúng tôi rất tương đồng. Tôi cảm thấy ngay tự phút đầu có nhiều sự hiểu lầm của ông về tôi đã được giải tỏa. Tuy nhiên ông vẫn còn nhiều kiêu ngạo, như vẫn chẳng được gọi là *Vua Jean* đấy ư? Sau bữa ăn, câu chuyện hiện ra rõ rệt.

— Thưa Hoàng thượng, tôi đến đây để củng cố nền độc lập cho Ngài, và tôi chẳng phải là một tay thực dân. Ông ta nói với tôi như vậy. Tôi ước mong rằng sẽ được trông thấy một nước Đại Việt Nam, xứng đáng với các bậc tiên đế của Ngài.

— Thưa Đại tướng, người miền Bắc Việt Nam đã hiểu rõ tôi.

Thế là vị Cao ủy cho thấy một dụng ý. Trên chiếc máy bay ra Hà Nội có Trần Văn Hữu mà ông ta đã kéo theo, cùng với đoàn tùy viên của ông ta. Dụng ý đã rõ rệt, theo đúng câu châm ngôn cổ là "chia để trị," và Tướng De Lattre muốn chơi trò bắt cá hai tay. Người ta lập tức hiểu ngay đã có kẻ lưu ý ông ta *Chính phủ Sài gòn* và *Chính phủ Đà Lạt* ...

Làm ra bộ cấp tốc, bỗng nhiên ông ta nói với tôi:

— Thưa Hoàng thượng, chiều nay tôi sẽ ở Hà Nội, và tôi sẽ duyệt binh vào ngày kỷ niệm 19 tháng chạp của Việt Minh. Xin Hoàng thượng đi với tôi. Chúng ta sẽ cùng xuất hiện trước dân chúng miền Bắc Việt Nam và Hoàng thượng sẽ cùng duyệt binh với tôi.

Tôi trả lời tức khắc:

— Thưa Đại tướng, chúng tôi hoàn toàn tin tưởng nơi Đại tướng. Tốt lắm, đi theo Đại tướng trong trường hợp này là một sự vụng về mà chúng ta đều hỏng việc cả hai. Tôi thì mang tiếng là tù nhân của Đại tướng, còn Đại tướng thì giảm hết giá trị của mình. Vì vậy, tôi không theo Đại tướng ra Hà Nội.

Ông ta không tỏ vẻ gì là thất vọng, cũng không nói một lời, và rút lui. Chắc hẳn ông ta đã hiểu rằng tôi rất khó bảo như người ta đã nói với ông. Để đánh dấu quyết định này,

ngay chiều hôm ấy, tôi đến biệt thự thứ hai của tôi ở Ban Mê Thuột.

Là võ tướng, De Lattre phải tỏ ra xứng đáng đứng đầu quân đội. Đó là sự cần thiết nhứt là Cao ủy, ông cần phải có nhiều cuộc tiếp xúc để tăng cường cho uy tín cá nhân. Ông phải đóng đủ các vai trò trên sân khấu, dùng sự lịch sự khả ái để chinh phục, cũng như sự nghiêm khắc, tạo nên những tiếng vang, hầu nuôi dưỡng huyền thoại. Ông bị dính liền vào sân khấu.

Sự đó khác xa với vì Thiên tử. Trong văn hóa cổ truyền ở nước tôi, tính chất thiêng liêng của ngôi vua, không cần phải trình diễn kiểu ấy. Ngược lại, tính chất thiêng liêng này nằm trong sự huyền vi. Khi Hoàng đế đi qua, thì thần dân cúi đầu, nhắm mắt. Quyền năng của vị Thiên tử tỏa ra từ cung cấm cô đơn, sau bức bình phong tịch mịch.

Tướng De Lattre cần phải hiểu sự dị biệt đó. Nhưng chúng tôi mới chớm vào có một chút ban đầu, và tôi không mong muốn một sự đổ vỡ. Ông Cao ủy là một người thuộc chủng tộc khác với các vị tiền nhiệm của ông ta. Ông có thể rất quí báu cho Việt Nam. Mặc dù cố gắng giữ điều cách biệt, tôi cũng không nên chứng tỏ là một kẻ địch mà là một đồng minh, mà ông ta có thể được coi trọng ngang hàng.

Dịp may đã đến vào mấy ngày sau, khi ký thỏa hiệp Pau ở Sài Gòn ngày 23 tháng chạp. Tất nhiên, thỏa hiệp đã được ký kết tại chỗ do đại diện của chúng tôi ký ngày 12 tháng chạp, nhưng chúng tôi còn thiếu một chữ ký nữa. Ngày hôm đó, Tướng De Lattre ở bên phải tôi, Trần Văn Hữu ở bên phải Bộ trưởng Letourneau. Thành ra đã có sự vô tình quí báu, nằm trong ngôn ngữ ý nhị của ngoại giao rồi.

Chưa tới một tuần sau, đây là một tiếng sét. Như Hồ Chí Minh đã loan báo trước, các sư đoàn của tướng Giáp đánh vùng đồng bằng. Sau một trận nghi binh đánh cạnh biên giới Trung Hoa ở Tiên Yên, cuộc tấn công được nổ ra ở chân núi Tam Đảo. Trận chiến Vĩnh Yên bắt đầu. Tôi để cho De Lattre trọn quyền quyết định.

Ngày cuối năm, trước khi ra Bắc mà tình hình rất nghiêm trọng, ông ta tìm tôi ở Ban Mê Thuột. Tôi tiếp ông ta ở bên lầu thủy tạ. Ông Cao ủy lại trở lại vấn đề muốn lôi kéo tôi, ông nhứt định mời tôi đi cùng với ông ta. Tôi vẫn từ chối. Để chứng tỏ rằng tôi không lầm, trước khi chia tay, tôi hỏi ông ta nghĩ sao về Trần Văn Hữu, nếu ông này cầm đầu chính phủ. Ông ta trả lời một cách lơ là, nhưng tôi cảm thấy là sự nghi ngờ đã đúng. Viên Cao ủy không muốn ai đoán trước được ý định của mình...

Buổi sáng ngày 17, tướng Giáp ra lệnh rút lui, và dồn quân về phía Bắc. Hồ Chí Minh không được ăn tết ở Hà Nội. Chiến thắng ở Vĩnh Yên đã đạt, và đây là chiến thắng đầu tiên của Đại tướng De Lattre ở Đông Dương.

Hai hôm sau, ông ra tìm tôi ở Huế, mà tôi mời ông ta đến dự một buổi lễ dành cho tổ tiên tôi. Ông đã đi cùng với bà De Lattre, mới sang Việt Nam. Tất cả ngoại giao đoàn có mặt ở Việt Nam đều đông đủ, nhất là ông Heath, Đại sứ của Hoa Kỳ. Tôi hành lễ bằng phẩm phục đại trào. Tướng De Lattre theo dõi cuộc hành lễ với tất cả sự chú ý. Các quí khách sau đó được đưa đến cung của Đức Thái hậu để dự yến. Vị quí khách của tôi không biết cầm đũa. Sau một sự cố gắng mà không đạt, ông ta đành lấy đồ ăn để trước mặt mình bằng một chiếc tăm. Đức bà Thái hậu trông thấy sự lúng túng này, nên cho đem lại cho ông một chiếc nĩa và con dao nhỏ.

Sau bữa ăn, ông phải đi ngay Hà Nội, nhưng đã kéo tôi ra một chỗ vắng, ông cố gắng nài nỉ:

— Thưa Hoàng thượng, xin Hoàng thượng theo tôi ra Hà Nội. Cuộc chiến thắng ở Vĩnh Yên tôi xin dâng Hoàng thượng. Chúng ta sẽ đến tại chỗ để ngợi khen binh sĩ và chia xẻ với họ sự chiến thắng này.

Chống lại tất cả sự đợi chờ, tôi vẫn từ chối. Ông Cao ủy đã sửa soạn sẵn cho trường hợp này: Vậy thì Trần Văn Hữu sẽ đi Vĩnh Yên để nghe chính người dự trận trình bày cuộc chiến. Chắc chắn, hai tên nịnh thần Gautier và Aurillac vẫn tiếp tục bầy mưu tính kế cho De Lattre... Chúng thúc đẩy viên tướng này nên dựa vào Trần Văn Hữu để cân bằng ảnh hưởng của tôi. Tôi cần phải chứng tỏ xem ai mới thật sự là chủ ở Việt Nam, và cầm quyền thật sự tại đây.

Nhân dịp ngày Tết, vào ngày 6 tháng 2 tây, tôi gửi cho dân chúng Việt Nam một bức thông điệp.

Sau khi nhắc lại những chặng đường đã qua trong năm, tôi nhấn mạnh đến nền độc lập vừa thu hồi được, giúp cho nước nhà tự đảm trách lấy nền cai trị của mình. Tôi công bố một chương trình chính trị, xã hội, kinh tế mà chúng tôi cần phải thực hiện trong những tháng tới:

"Trên địa hạt chính trị, khẩu hiệu là Bảo tồn. Bảo tồn lý tưởng cổ truyền Việt Nam ở trong nước, bảo tồn đất đai của quốc gia đối với những đe dọa bên ngoài.

"Tôi xin cám ơn tất cả mọi người đã có công, trong hành động, mặc dù gặp nhiều khó khăn to lớn, để gìn giữ và tranh đấu cho quyền lợi của dân tộc Việt Nam. Tôi cần phải nói thêm rằng, kể từ nay, nước Việt Nam cần phải mở rộng chính phủ trong mọi địa hạt cai trị, từ xã hội, chính trị đến địa hạt chuyên môn. Ban hành pháp trung ương cần phải sáng suốt, đối với nhiệm vụ quốc gia cũng như đối với tinh thần phục vụ công ích.

"Chúng tôi thật sự đang cương quyết bảo tồn nếp sống ngàn xưa của chúng tôi trong đời sống cá nhơn và tập thể.

"Trên địa hạt hành chánh, chính phủ cố gắng đem lại mọi nỗ lực vào việc văn hồi trật tự.

"Quốc gia Việt Nam đã cử đến ba miền ba vị Thủ hiến để thay mặt mình. Như vậy, các sáng kiến địa phương, tại miền Bắc, miền Trung và miền Nam, có thể được trình bày thẳng lên trung ương, để chính phủ có thể giải quyết mọi việc mà bảo tồn được tính chất chính đáng, đặc biệt của địa phương mình...

"Trong những khu vực xã hội, có nhiều công nhân được các hãng, xưởng thu hút, qui chế công nhân khá cao, thường cao hơn ở các nước lân bang, qui chế ấy, cần được bồi bổ và củng cố. Việc áp dụng toàn diện, y như hệt, sẽ được tất cả các nhà kinh doanh tiếp tục thi hành.

"Nhưng mọi tiến bộ xã hội, chỉ thực hiện được qua những trách nhiệm hỗ tương. Một mặt, thợ được tự do ra vào nghiệp đoàn, mặt khác các nghiệp đoàn phải có sự hợp tác liên tục và bắt buộc với nghiệp đoàn của chủ, hầu có một hoạt động hoàn toàn xã hội.

"Cuối cùng, việc đảm bảo tiền tệ là một điều chính của chương trình. Chính phủ là kẻ thù nhứt định của sự phá giá tiền tệ, nó luôn đánh vào giới thợ thuyền, công tư chức bằng cách làm giảm đồng lương thực sự của họ.

"Sự tiến bộ xã hội, phải phù hợp với sự phát triển kinh tế.

"Việc trang bị kinh tế tốt đẹp cho Việt Nam do viện trợ của Pháp quốc, đang được phục hồi và phát triển.

"Một nỗ lực tức khắc đang được hình thành để đào tạo những chuyên viên cho Việt Nam trên mọi lãnh vực. Các kỹ thuật gia và vốn đầu tư của Pháp cũng như của ngoại quốc rất được hoan nghênh. Nước Việt Nam không phải là cái lò "đốt các vốn đầu tư ấy..."

"Đó là những nét chính của chương trình của chúng tôi, chương trình mà tôi gọi là đất đai màu mỡ.

"Hỡi đồng bào,

"Tôi mong rằng đồng bào sẽ hiểu tôi, khi nói thẳng với đồng bào như vậy.

"Thay vì nhận những lời mừng tuổi đầu năm cổ truyền, tôi muốn đưa ra một chương trình xây dựng, mà những nét lớn nằm trong sự phú cường của quốc gia, hạnh phúc của đồng bào. Những điều mong ước của tôi, chính là điều mong ước của đồng bào. Chương trình của tôi là của đồng bào. Vì thế, tôi mới yêu cầu đồng bào góp phần vào nỗ lực của tôi..."

Chủ tịch Albert Sarraut, do Cao ủy mời, đã đến thăm Việt Nam mấy hôm, rất tán thành bản thông điệp này, và nhất là đối với chương trình mà tôi nhấn mạnh ở trên. Cụ đến thăm tôi ở Đà Lạt, và bảo tôi như vậy.

Thông điệp ấy cũng gây được nhiều cảm tình đối với các cường quốc, nói về Đông Nam Á. Tôi chỉ còn khuất phục Tướng De Lattre nữa mà thôi.

Từ ngày gặp ở Hà Nội Thủ hiến Nguyễn Hữu Trí, Tướng De Lattre tưởng đã tìm ra được một thứ ngọc Biên Hòa. Không thể chối cãi, viên lãnh tụ Đại Việt này, có thừa hình thái sang trọng đối với viên Cao ủy, có điệu bộ rất lương thiện và thành tích chống Cộng hăng say. Tôi dùng ông ta để đưa Trần Văn Hữu vào vị trí đúng của mình.

Nhưng hai vị này lại không ưng nhau, việc đặt họ cạnh nhau đang gặp thất bại.

Tôi liền sai viên Chánh văn phòng của tôi là Nguyễn Đệ, gửi cho Trần Văn Hữu một công điện, yêu cầu Hữu từ chức Thủ tướng, và cùng lúc đó, lại trao lại cho ông ta nhiệm vụ lập tân chính phủ. Đó là ngày 21 tháng giêng, công tác đạt đích hoàn toàn. Tất cả mọi sự vận động của Trần Văn Hữu đều thất bại. Trong các vị được vời làm bộ trưởng, chẳng ai còn muốn liên hệ với một người mà Quốc trưởng đã bất tín nhiệm, khi yêu cầu ông từ chức. Cuộc khủng hoảng nội các kéo dài, không một triệu chứng gì tiến tới. Thế là Đại tướng De Lattre liền đề nghị với tôi yêu cầu Trần Văn Hữu lấy Nguyễn Hữu Trí làm Phó thủ tướng kiêm nhiệm bộ trưởng bộ Quốc phòng. Đấy là cái bẫy. Thủ tướng Hữu biết như vậy, liền kêu lên là không thể được. Không ai có thể hợp tác được với bọn Đại Việt, họ đã đặt một cái gông lên toàn thể nước Việt Nam. Về phần Nguyễn Hữu Trí, từ khi tên tuổi mình được Cao ủy biết đến, thì ông ta lại lùi bước. Ông lảng xa, tự nấp sau lưng của đảng ông. Họ chỉ đưa ra các quyết định vào những ngày sau.

Để chứng tỏ thiện chí, tôi cho vời Nguyễn Hữu Trí, và khuyên ông ta nên hòa giải với Trần Văn Hữu. Vô ích. Tôi không có tin tưởng gì nữa. Còn Trí cũng không thiết tha gì. Sự đòi hỏi của Đại Việt không thể chấp nhận được. Theo sự tham gia của họ vào chính phủ, họ muốn đưa chế độ vào một xu hướng độc đảng. Tất cả mọi sự hòa giải của Trí với Hữu coi như bất khả thực hiện.

Trí xác nhận với tôi khi từ Sài Gòn lên Đà Lạt:

— Thưa Hoàng thượng, tôi không thể nào hợp tác được với Thủ tướng Trần Văn Hữu. Trong trường hợp đó, tôi xin trở về Hà Nội, đảm trách chức vụ của tôi.

— Theo như việc vừa xảy ra, tôi bảo ông ta, không thể được nữa rồi. Ông không thể làm Thủ hiến, khi ông đã chống lại với Thủ tướng công khai như vậy.

Bổ vào chỗ của ông ta, tôi đặt Đặng Hữu Chí làm Thủ hiến Bắc Việt, lúc ấy đang giữ bộ Y tế như trong nội các cũ.

Thế là tưởng rằng sẽ ngồi vào chỗ của Trần Văn Hữu, như các bạn ông đã báo cho biết, Nguyễn Hữu Trí cảm thấy như vừa bị gạt. Sự mất quyền của ông đáp ứng đúng điều tôi muốn. Dụng ý của tôi đã đi đúng đường.

Ngày 15 tháng 2, Cao ủy đến Đà Lạt với bà De Lattre và con trai là Trung úy Bernard và rất đông nhân viên của văn phòng. Khi ông đến, tôi mời ông ăn sáng. Ăn xong, ông nói thẳng với một giọng rất thành thực. Ông bảo tôi:

— Không ổn rồi, thưa Hoàng thượng. Tất cả những gì mà tôi dự định, đều sụp đổ. Tôi đã hiểu lầm Ngài. Tôi đã nhầm, tôi đã nhầm hết... Vậy Ngài có muốn giúp cho Trần Văn Hữu lập xong chính phủ?

— Nhưng thưa Đại tướng, tôi cười trả lời ông ta, Đại tướng đã đi sâu vào nội bộ nước Việt Nam. Đại tướng đã can thiệp trực tiếp vào nền chính trị của chúng tôi, không phải là điều mà các Ngài đã hứa.

Tướng De Lattre cũng cười và đáp, vẻ ngượng ngùng:

— Tôi muốn chơi trò Á Đông, nhưng đã thất bại. Nếu Hoàng thượng muốn, ta bỏ qua đi xóa hết đi, và bắt đầu làm lại từ đầu.

Tôi lặng im, De Lattre tiếp:

— Để chứng tỏ tôi thực tình. Thưa Hoàng thượng, tôi xin vì Hoàng thượng mà xây dựng một đạo quân hoàn toàn Việt Nam, xứng đáng với Hoàng thượng, xứng đáng với

nước Việt Nam, một đạo quân tối tân, chưa từng có ở Viễn Đông, và Ngài sẽ là Tổng tư lệnh đạo quân đó.

Lập tức, tôi tin chắc là ông ta thực hiện đúng lời hứa... thế nhưng cần phải năm năm mới có thể đi tới chỗ đó. Đại tướng liền giải bày:

— Quân đội Việt Nam cần phải đại diện cho ý chí toàn thể dân chúng muốn thắng Cộng sản. Nó cần phải là đạo quân Quốc gia, nghĩa là các chiến sĩ phải từ các tầng lớp nhân dân mà ra, và họ chiến đấu là vì bổn phận chứ không phải vì lương bổng. Quân đội Pháp sẽ huấn luyện và tình nguyện đóng vai chỉ huy, trong khi chờ đợi các cấp chỉ huy người Việt khi đến lượt mình để rồi lại huấn luyện cho những lớp mới. Như vậy, cứ tuần tự như vậy tiến rất nhanh chóng. Tôi đòi hỏi mỗi một cấp chỉ huy tiểu đoàn tự lập ra một tiểu đoàn Việt Nam trong một thời gian sáu tháng. Như vậy, người ta lập ra ngành võ cho giới thiếu niên Việt Nam, như tôi đã làm từ 1944 cho Mặt trận FFI (Mặt trận Pháp quốc Tự do) của đệ nhứt quân đoàn Pháp...

Sau lần nói chuyện ấy, sự liên lạc giữa chúng tôi theo một chiều hướng mới. Chúng tôi nay trở thành đồng minh. Về phần tôi, tôi cần phải giữ sự trao đổi này. Đại tướng De Lattre sẽ cho tôi một đạo quân, tôi phải cho Đại tướng một chính phủ. Chưa phải là một chính phủ của chiến tranh, như ông từng mong muốn, nhưng tôi cần phải giúp đỡ cho Trần Văn Hữu. Ông này biết rằng không có tôi, thì ông chẳng làm gì được. Thời gian đã đến để ông có thể ra thoát sự bế tắc này. Lập tức, kể từ đó, các khó khăn của ông từng gặp, lần lượt rơi xuống. Ngày 21 tháng 2, chính phủ của ông được thành lập †.

Đại tướng De Lattre đóng đô ở Đà Lạt, trong dinh Khâm sứ cũ, cùng với toàn thể nhân viên của ông. Hàng ngày chúng tôi vẫn gặp nhau. Sau hôm tấn phong nội các Trần

Văn Hữu, tôi mở đại tiệc. Đến lúc uống cà phê, chúng tôi ngồi chung với nhau có Tướng De Lattre, ông Aurillac và Nguyễn Đệ.

Cao ủy trở lại vấn đề tham gia chính phủ của Nguyễn Hữu Trí và cách thức mà tôi loại ông ta ra khỏi vị trí Thủ hiến. Tôi dùng dịp này để nói cho ông ta hiểu tình hình trong xứ. Nó không còn giống như thời của nền hành chánh cũ, như hai ông Gautier và Aurillac đã nghĩ. Tôi là Quốc trưởng, chỉ có tôi là giữ quyền hành, và chỉ có một mình tôi thôi... Trong dịp chuyện trò, tôi cũng được Đại tướng hứa là sẽ che chở cho đất "Hoàng triều cương thổ," tức đất vùng sơn cước. Vì vậy mới thành lập ra quân đoàn thứ tư lính thổ, mà quyền chỉ huy giao cho Thiếu tá Lecoq.

Tại Pháp đang có sự khủng hoảng nội các. Sự về Paris của Đại tướng, để tường trình về ba tháng đầu tiên cầm quyền Tổng tư lệnh ở Đông Dương, và để xin thêm tiếp viện, người và vũ khí, phải hoãn lại. Ngày 2 tháng 3, chúng tôi trở về Sài Gòn. Nhân dịp này có đặt đại tiệc. Chủ tịch Albert Sarraut, nhớ đến kỷ niệm cũ, thấy cả một thế hệ

† Trong chính phủ thứ hai của Trần Văn Hữu, ngoài chức vụ Thủ tướng, Trần Văn Hữu còn giữ bộ Ngoại giao, bộ Quốc phòng và bộ Nội vụ
- Nguyễn Khắc Vệ là Phó thủ tướng kiêm bộ Tư pháp
- Vương Quang Nhường, bộ Quốc gia Giáo dục
- Nguyễn Văn Tâm, bộ An ninh
- Lê Quang Huy, bộ Giao thông và Công chánh
- Nguyễn Duy Thanh, bộ Y tế
- Lê Thăng, bộ Xã hội
- Dương Tấn Tài, bộ Canh nông

Các Tổng thư ký khác bổ túc nội các ấy:
- Trần Văn Tuyên, tổng thư ký cạnh Thủ tướng
- Đinh Xuân Quảng, cạnh bộ Ngân sách
- Phạm Văn Bính, cạnh bộ Thanh niên và Thể thao
- Nguyễn Trí Độ, cạnh bộ Lao động.

mới, đã tỏ ra rất có cảm tình với tôi. Cao ủy cũng đọc một bài diễn văn, chúng tôi sau đó có sự trao đổi riêng tư.

Ngày hôm sau, ở dinh *La Grandière* (sau này là dinh Độc Lập), trước mặt một số quan khách ngoại quốc, nhứt là Đại sứ Heath của Hoa Kỳ, và Đại sứ Gibbs của Anh quốc, đó là sự tấn phong chính thức của chính phủ Hữu. Chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam độc lập. Ông Cao ủy tuyên bố trong bài diễn văn của ông như vậy, và ông kết luận, đó là cái mà chúng tôi gọi là "độc lập theo kiểu Pháp..." Đến buổi chiều, bà De Lattre đặt một tiệc trà lộ thiên mà tất cả các nhân vật Sài Gòn đều có mặt.

Sau một thời gian cố gắng quá độ ở Đông Dương, Tướng De Lattre rất mệt mỏi và cần phải nghỉ ngơi mấy ngày. Tôi liền lợi dụng cơ hội để rủ con trai của ông ta, Trung úy De Lattre đi săn cọp. Bernard De Lattre là một thanh niên khả ái và dù có ít tuổi, anh ta đã tỏ ra là một sĩ quan ưu tú. Anh ta sẵn sàng giữ chức chỉ huy một đại đội Việt Nam đang thành hình. Bởi vậy, sau khi hết phép, anh ta sắp lên đường nhận chức ở miền Bắc, tôi đề nghị anh ta vào võ phòng của tôi, mà tôi đang thiết lập. Đại tướng liền trả lời một cách rất cương quyết:

— Khi người ta đã đeo danh họ De Lattre, người ta ở tiền tuyến chỗ đang đánh nhau.

Tôi không nài nỉ nữa. Việc thành lập một võ phòng là vấn đề quan trọng mà tôi chú ý cực độ. Nhiệm vụ của nó là liên lạc trong suốt thời gian đang thành lập đạo quân Việt Nam. Người đầu tiên giữ chức vụ chánh võ phòng là Nguyễn Văn Hinh, một phi công trẻ của Pháp, đã từng dự chiến ở Âu châu trong thời gian từ 1944 đến 1945. Đó là con trai của Nguyễn Văn Tâm. Hinh xuất thân từ quân đội Pháp. Trong thời gian ở Pháp, anh ta lấy một người vợ Pháp. Do tình phụ tử với Tâm, anh ta giữ mối liên lạc với

nước Việt Nam. Tôi liền bổ anh ta làm Đại tá Chánh võ phòng. Với Hinh, tôi tìm thấy một cộng sự viên xuất sắc, tận tâm và trung tín.

Tại Pháp, đã hết khủng hoảng nội các. Bác sĩ Henri Queuille cầm đầu chính phủ mới và ông Letourneau vẫn giữ bộ Quốc gia Hải ngoại.

Trước khi về Pháp, tôi mời Tướng De Lattre đến chơi với tôi hai ngày trên du thuyền sông Hương, trong vịnh Nha Trang. Tôi giải nghĩa cho ông ta rất lâu về địa vị của mỗi người mà chúng tôi phải giữ, tôi nhấn mạnh đến chỗ quân đội quốc gia Việt Nam không phải mở cuộc chiến tranh với nước Tàu, mà chỉ để chống Cộng sản... Tôi kết luận:

— Thưa Đại tướng, thật khác lạ với điều mà Đại tướng nghĩ khi mới bắt đầu cầm quyền tư lệnh ở đây. Người bênh vực độc nhứt cho nước Pháp, chính là tôi vậy.

Tối ngày 14 tháng 3, ông ta bay đi Pháp.

Ngày 27 thì ông ta trở lại. Một sự đe dọa mới của Việt Minh đang thành hình ở vùng châu thổ sông Hồng. Các sư đoàn thiện chiến của tướng Giáp là 308, 312, 316 đã được báo xuất hiện ở mạn Đông Triều. Nhưng cuộc tấn công hỏng. Ở Mạo Khê, hai Đại úy Toàn và Thọ nổi bật trong một trận đương đầu oanh liệt.

Cuộc thăm thú ở Pháp của Cao ủy bị thất bại. Ông ta chỉ được một số viện trợ cỏn con. Vì vậy, ông ta muốn gây một tiếng vang tâm lý, và khai thác trên địa hạt chính trị một điểm thất bại của Việt Minh. Ông ta báo tin tôi biết, mà Tướng Salan phó tư lệnh của ông ta tự tay đem đến Đà Lạt trao cho tôi. Tôi yêu cầu vị này chuyển sự đồng ý hoàn toàn của tôi cho Tướng De Lattre được toàn quyền hành động.

Tất cả chính phủ Việt Nam do Trần Văn Hữu dẫn đầu, đều đến Vĩnh Yên, coi như nơi điển hình của sự thất trận của Hồ Chí Minh. Tại đó, trước mặt các viên chức văn cũng như võ, De Lattre nói với các vị bộ trưởng vào chiều ngày 19 tháng 4:

— Thật là một sự vui mừng lớn cho tôi, được đưa các quí vị tới đây, như tôi đã từng đưa quí vị trước kia, ra mặt trận, mà lực lượng quân đội Việt Pháp đã thắng trận, để tôi có thể kể lại trên đất này, một chiến công của trận đánh, để được trình diện trước quí vị những binh sĩ đã từng thắng trận, và để cho quí vị trông thấy công tác đang thực hiện để bảo vệ đồng bằng. Trên phần đất Việt Nam này, giữa binh sĩ của Liên hiệp Pháp, thưa ông Thủ tướng, thưa các ông Bộ trưởng, quí vị đã hai lần đang ở trên đất nước mình...

Chiến thắng đạt được ấy, là nguồn hy vọng lớn lao của nước Việt Nam. Nó chứng tỏ giá trị và sự hữu hiệu của binh sĩ của xứ sở của quí vị. Trường hợp đau thương của cuộc chiến tranh này, đã làm nổi lên những đức tính cao quí và giá trị của dân tộc quí vị đang tô điểm trang sử vẻ vang của dân tộc, và giúp đỡ họ trong cuộc chiến đấu họ phải đương đầu trong hàng thế kỷ để giữ lấy sự tự do của nước mình. Tất cả các binh sĩ Việt Nam từng nổi bật ở Vĩnh Yên, ở Mao Khê, ở Bến Tam, chứng tỏ lời tôi nói, đặt niềm tin vào nước Việt Nam ngày mai, bởi vì thanh niên Việt Nam phục vụ ngày hôm nay dưới sự chỉ huy của sĩ quan Pháp, cũng vẫn là giới trẻ Việt Nam sẽ phục vụ trong quân đội Việt Nam. Nó chứng tỏ trước mắt thế giới, là sự cuồng tín Cộng sản chẳng phải nắm giữ độc quyền về can đảm, và nắm được chìa khóa của mọi thành công... Sự vui mừng của tất cả chúng ta, là được trông thấy những người lính Việt Nam ấy, mỗi ngày mỗi nhiều, từ các tỉnh, các làng, đổ xô vào quân đội Việt Nam, đang hình thành và đặt then

chốt vào cán cân chiến đấu cho tổ quốc mình thêm nặng và giá trị. Quân đội của Liên hiệp Pháp của chúng ta, thưa ông Thủ tướng, đã đủ sức đảm trách nhiệm vụ thiêng liêng của sứ mạng, nước Việt Nam là cột trụ chiến lược ở Đông Nam Á châu...

Tôi đến đây là để hoàn tất nền độc lập của quí vị, chứ không phải để hạn chế nền độc lập ấy. Quân đội Pháp chỉ tới đây để bảo vệ nó...

Thế rồi, sau khi nhắc lại trong trường hợp nào, nền độc lập này được thực hiện, Đại tướng De Lattre đã nhắc đến một đoạn tuyên ngôn của tôi đọc trong dịp Tết về chương trình mà tôi muốn thực hiện, ông tiếp:

— Những sự hoan nghênh nồng nhiệt mà thưa ông Thủ tướng, ông Thủ tướng đã nhận được của dân chúng, đến chào mừng ông, chứng minh một cách hùng hồn rằng dân chúng ủng hộ và đặt niềm tin vào Ngài cũng như mọi sự hoạt động của Ngài. Không có lý gì mà tiếng vang của sự hoan nghênh ấy, lại không vượt quá làn ranh này sang phía bên kia. Qua làn ranh giới này, chỉ vài cây số khỏi đây thôi, nhiều người đã đau khổ. Phần đông, họ bị giữ trái với ý muốn của mình, trong gọng kìm của khủng bố. Có một số đã tin vào lời tuyên truyền bịp bợm, và đã chọn một con đường xấu để thực hiện những nguyện vọng sâu xa của dân tộc Việt Nam.

Những nguyện vọng ấy, chính phủ của Ngài, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đức Hoàng đế Bảo Đại, đã đạt được bằng một con đường khác. Nước Việt Nam đã tự do, nước Việt Nam đã độc lập. Nước Việt Nam độc lập, nước Việt Nam là chúa tể của mình. Nước Việt Nam đứng vào khối các quốc gia dân chủ thân hữu, để được giúp đỡ trong tương lai, một khi hòa bình lập lại, là một nước sung sướng và thịnh vượng. Thật không có lý gì mà người Việt Nam lại

không ý thức như vậy, và đứng vào hàng ngũ kháng chiến chính đáng, hàng ngũ của tự do chống lại độc tài và đàn áp, dưới sự lãnh đạo của Đức Hoàng đế Bảo Đại và của chính phủ của Ngài.

Được khuyến khích, Trần Văn Hữu hăng hái lao mình. Trong phần đáp từ, ông xác nhận:

— Trong khung cảnh của tấn bi kịch này, tất cả mọi việc, hàng ngày đều làm cho mọi người nghẹt thở. Tôi xin nhắc lại công khai và long trọng rằng chính phủ của tôi, và toàn thể dân chúng Việt Nam đặt niềm tin vào Đại tướng trong công cuộc chống kẻ thù chung này. Tôi nói thật sự rằng *đây là kẻ thù,* bởi cái họa đang buộc chúng tôi phải đương đầu này, không cho phép chúng ta được trì hoãn đối với những xảo quyệt mà chúng ta phải trả giá đắt bằng máu xương của thanh niên Việt Nam, và cả xương máu của thanh niên Pháp nữa. Liệu họ có thể nói rằng, họ là *ái quốc* được nữa không, khi mà họ đã tự đặt dưới sự điều khiển của ngoại bang, để tuyên truyền cho một lý tưởng mà hễ mở mồm ra là chối bỏ tổ quốc và dân tộc. Như vậy, thật không còn nghi ngờ gì nữa, Việt Minh là kẻ thù của dân tộc, Việt Minh không thực hiện nguyện vọng của dân chúng, mà nó muốn đặt dưới sự độc tài đô hộ của ngoại bang...

Tiếng vang về ngày hôm ấy thật to lớn, chẳng những ở Việt Nam mà còn ở khắp Á châu, và cả ở Hoa Kỳ nữa. Tất nhiên, tại Pháp tiếng vang ấy rõ ràng hơn cả.

Từ ngày đó, chúng tôi dành tất cả để xúc tiến việc xây dựng một quân đội quốc gia Việt Nam. Người Mỹ giúp đỡ đồ trang bị. Sự giúp đỡ này có một chiều hướng làm cho chúng tôi cần phải chống lại. Thật vậy, sự giúp đỡ đó đặt chúng tôi vào một trách nhiệm tinh thần là phải sử dụng cho hết các đồ viện trợ đã giao cho chúng tôi. Thế mà, các

vật viện trợ này lại là thứ thường để trang bị cho đạo quân chính qui, nhứt là về thiết giáp. Như vậy, nó có thể làm cho chúng tôi trở nên nặng nề vô ích. Tôi có ý định là trước tiên, hãy lập các lữ đoàn khinh binh, rất nhẹ nhàng thích hợp với cuộc chiến tranh nhân dân, mà tôi coi là nhiệm vụ đầu tiên của quân đội chúng tôi. Nhưng như thế, thì chúng tôi lại chỉ dùng để trấn đóng tại chỗ, hơn là đi chiến đấu. Các binh sĩ của đoàn quân viễn chinh Pháp ra trận, còn những đơn vị quân đội Việt Nam thì đóng để yểm trợ. Thế mà trong óc tôi thì nghĩ rằng, khi quân đội của chúng tôi có thể hành quân được, thì nhiệm vụ chính của nó là phải đi đánh nhau, còn quân Pháp thì yểm trợ ngược lại. Tướng Hinh đồng ý với tôi như vậy.

Một hình thái khác nữa làm cho tôi suy nghĩ. Đừng nên quên rằng, khi một người lính Việt Minh tiến lên, thì đằng sau nó có tên chính trị viên cầm tiểu liên để đốc thúc họ, không cho thoái lui. Cái dữ kiện ấy rất hữu hiệu, và còn mạnh hơn là hình thái tâm lý, chiến đấu vì lý tưởng. Vì thế, người lính Việt Minh, thường được tiếng sai lầm, là chiến đấu chống lại kẻ xâm lược.

Về phía chúng tôi, không phải như thế, và chúng tôi khó mà giải thích cho binh sĩ chúng tôi một lý tưởng loại ấy. Tôi đành phải dùng hình thức, khi nói với các sĩ quan tương lai của quân đội chúng tôi, là phải tuân theo kỷ luật thép của nhà binh, và chỉ nhấn mạnh rằng: "Tất cả những điều mà người ta đòi hỏi ở các anh, đó là kỷ luật. Đó là điều độc nhứt mà tôi có thể mong đợi ở các anh." Và tôi yêu cầu Đại tướng De Lattre dành cho quân đội chúng tôi, những sự dễ dàng, về độc lập, để Việt Minh không thể cho nó là thứ lính đánh thuê, lính bù nhìn, ăn lương của Pháp.

Do Dụ ngày 11 tháng 4, tôi trả tự do cho Vua Thành Thái được hồi hương, và tôi cấp cho Ngài mỗi tháng là

10,000 đồng. Tôi cũng trợ cấp cho vợ góa và các con Vua Hàm Nghi, chết ở Algerie, khi bị lưu đày, số tiền là 60,000 đồng. Cuối cùng, tôi cũng trợ cấp mỗi tháng 200 đồng cho mỗi con Vua Duy Tân, bị đày ra đảo Reunion năm 1916, như thân phụ của Ngài là Vua Thành Thái. Nhờ những biện pháp đó, tôi đã xóa bỏ đi bao nỗi chua cay, vẫn còn tiềm tàng nơi một số nhà ái quốc. Cử chỉ đó cũng cho thấy hình thái độc lập của đất nước, đối với người Pháp, vì ba vị Hoàng đế đó, đều đã bị chính quyền Pháp trừng trị.

VỊ TỔNG TƯ LỆNH QUÂN ĐỘI CỦA TÔI

Luôn luôn tôi phải đương đầu với hai nỗi lo âu này là: sự đe dọa của quân Tàu ở biên giới và sự đe dọa của Cộng sản ở trong nước. Thế mà tôi không thể quên rằng giải pháp Pháp — không phải giải pháp Bảo Đại như người ta thường nói rất nhiều — vốn hạn chế tôi trước kia. Người ta đã làm tôi mất rất nhiều thời gian quí báu, để tổ chức quân đội của tôi. Vì vậy, không phải là không tốt lành gì mà lao đầu hết mình vào công tác, vì tôi cần phải chống đỡ vị trí của tôi cho tương lai. Tôi chỉ còn một giải pháp duy nhất: lợi dụng thời cơ này đến mức tối đa, cho thật nhanh chóng. Đại tướng De Lattre đã giúp tôi một thời hạn mà tôi cần phải sử dụng trên địa hạt chính trị.

Ngày 7 tháng 5 năm 1951, Đại tướng đã ngồi với tôi trong suốt một ngày. Chúng tôi đặt nền móng cho sự phòng thủ vùng sơn cước, đối với các sắc dân thiểu số. Tôi cho rằng đây là điểm rất quan trọng. Hai hôm sau, Cao ủy sang Singapour để dự một hội nghị quân sự tay ba với người Mỹ và người Anh, cho tới ngày 20, để bàn về các vấn đề Đông Nam Á. Khi ông trở về, ông có cảm tưởng là chưa để lỡ mất

thời gian. Trong cuộc thảo luận này, ông đã có thể chứng minh sự cần thiết về đoàn kết giữa ba nước, nước Pháp, nước Mỹ và nước Anh, đối với những sự len lỏi của Nga Sô và của Trung Cộng, giúp cho các phong trào Cộng sản địa phương hành động.

Ngay sau khi ông trở về, ông phải đương đầu với một trận tấn công mới của Việt Minh, bắt đầu nổ ra vào cuối tháng trong suốt vùng sông Đáy. Hai sư đoàn 304 và 308, mà tướng Giáp đưa vào trận chiến, sau một cuộc đụng độ nẩy lửa, bị bắt buộc phải tan vỡ và bỏ chạy. Trong trận này, Trung úy Bernard De Lattre bị tử trận ngày 30 tháng 5 trên đỉnh núi ở Ninh Bình.

Tôi vội gửi điện phân ưu cùng với Đại tướng De Lattre. Tôi biết ông đang bị xúc động mạnh, vì Bernard De Lattre là con trai độc nhứt của ông. Cũng do sự yêu cầu của con ông một phần, mà ông ta đã nhận lời sang nhận chức ở Đông Dương và bây giờ ông có cảm tưởng, đã không bảo vệ được chính con ông. Tôi liền truy cấp Long Bội tinh cho Trung úy Bernard De Lattre với lời tuyên dương như sau:

"Sĩ quan ưu tú, chết ở sa trường ngày 30 tháng 5 năm 1951, trong trận đánh ở Ninh Bình, để bảo vệ Liên hiệp Pháp, đã làm rạng danh những truyền thống tốt đẹp của nước mình, quân đội mình và gia đình mình. Do sự hy sinh anh dũng, đã mang một minh chứng cao quí và chặt chẽ về mối liên kết bình đẳng giữa hai nước Pháp và Việt. Đã lưu lại một tấm gương sáng láng cho giới thanh niên can đảm của hai quốc gia, và cho các người kiêu hãnh, không còn ngờ vực gì về sự bảo vệ tự do và tổ quốc chính là một hy sinh tối thượng của con Ngài."

Đại tướng gửi cho tôi vài câu trả lời để cám ơn, trong đó có toát ra mối lo âu của ông, là đẩy tất cả tầng lớp nhân

dân trên toàn quốc vào cuộc chiến, điều mà tôi vẫn mong muốn:

"Vâng, Bernard có thể là đại diện ưu việt của giới thanh niên Pháp. Nó là sĩ quan thứ 59 tốt nghiệp khoa học ở Saumur, chết ở chiến trường Việt Nam, và là người con thứ 18 của các tướng lãnh Pháp. Nhưng nó không thể nào đại diện cho giới thanh niên ưu tú Việt Nam được. Bọn này ra ngoại quốc, nhưng không phải là để ra trận. Nếu các sinh viên của quí quốc có ra trận thì đó là trong hàng ngũ của Việt Minh. Họ là con cái của dân chúng, các tiểu điền chủ mới ra trận, và đánh rất hay. Con của chúng tôi không thể nào đại diện cho giới thanh niên ưu việt Việt Nam được."

Một hôm đau đớn đến tột cùng, ông bảo tôi:

— Thưa Hoàng thượng, con trai Bernard của tôi không phải chết cho nước Pháp. Thế mà trên mộ bia của nó, lại đề là như vậy. Như thế là không đúng. Nó chết ở Ninh Bình, Bernard đã chết cho nước Việt Nam.

Kể từ ngày chết của Bernard, tôi nhận thấy ở Đại tướng có một biệt nhãn đối với tôi. Bởi con ông chết cho nước tôi, tôi thấy ông càng quan tâm đến nhiệm vụ đã dành cho ông. Đối với cá nhân tôi, sự gắn bó ấy như nhiễm tình phụ tử. Bất cứ trường hợp nào, ông cũng đứng về phía tôi, và tìm cách dung hòa mọi dị biệt. Ông đã nhìn tôi như nhìn vua Albert đệ nhứt của nước Bỉ, lúc nào cũng cầm quân ra trận. Tôi cũng là một vì vương rong ruổi sa trường, và như các Hoàng đế của Việt Nam cổ xưa, tôi sẽ thân chinh, cầm đầu quân đội. Ông chỉ muốn là vì nguyên súy, được ủy nhiệm mà thôi...

Tình cảm ấy đã do ông bộc lộ ra, qua bài diễn văn dài, đọc ngày 11 tháng 7 năm 1951, trong dịp phát thưởng ở trường Trung học Chasseloup Laubat tại Sài Gòn. Qua các

sinh viên đang đứng trước mặt ông, lời nói của ông như để gởi cho tất cả các giới thanh niên toàn quốc.

"Đã có nhiều lúc nghiêm trọng của lịch sử các dân tộc, mà giới thanh niên vốn là tương lai của đất nước vẫn phải nắm lấy hiện tại ngay tự bây giờ. Khi một quốc gia đang ngồi dưới bóng tử thần, thì giới thanh niên như bông hoa hàm tiếu vẫn nở đúng lúc giao thừa trong ngày tết, cũng phải biết nở ra đúng dịp để mang lại kết quả tốt đẹp trước khi lại thấy ánh bình minh ló dạng".

"Phải chăng đó chính là trường hợp ở đây? Từ mảnh đất cổ xưa của Việt Nam, từng chịu mang bao cuộc xâm lăng, tôi như nghe thấy từ chốn mịt mù đen tối của dã man tàn bạo, lời kêu gọi dành cho giới thanh niên đầy nhiệt huyết... Và tôi đây đã từng biết và từng yêu giới thanh niên ở khắp mọi nơi, tôi nói rằng thanh niên ở đất nước này có thừa khả năng để tin cậy, và đáp ứng nổi những nhu cầu của lịch sử. Thanh niên mẫn cán và hăng say, khôn khéo và kiêu hãnh, đầy tham vọng và đầy nhiệt huyết, vốn đã từng được chứng minh qua từng thế kỷ, thanh niên rất nhạy cảm, sẵn sàng nghe tiếng gọi của đại nghĩa; thật sự, thế hệ thanh niên đang trưởng thành này ở Việt Nam, đã có tất cả những đức tính đặc biệt mà hiện tại vô cùng khẩn trương đang đòi hỏi sự có mặt tức khắc...

"... Đó là chiến tranh, hãy tỏ ra xứng đáng là con người. Nghĩa là nếu anh là Cộng sản, hãy bỏ ra theo với Việt Minh. Nơi đó, có rất nhiều kẻ chiến đấu gan dạ cho một ý đồ xấu, nhưng nếu các anh là những người yêu nước, các anh hãy chiến đấu cho Tổ quốc và dân tộc, vì cuộc chiến này là của các anh. Nước Pháp chỉ đến đây để giúp các anh, với điều kiện là các anh phải đi với họ."

Tiếng nói của Đại tướng còn vang bên tai tôi, với một giọng chứng tỏ đã có sự liên hệ thật chặt trong sự đau thương của tâm hồn ông, với linh hồn của dân tộc tôi.

"Các anh là thanh niên trí thức của Việt Nam. Các anh phải đòi cho được đặc ân ưu tiên ra trận. Thiện chí vô biên của dân tộc Việt Nam đang chờ đợi nơi anh. Nó đòi hỏi sự nhập ngũ và chí hướng của các anh. Các anh không có quyền làm cho nó thất vọng. Hãy nhớ câu này của Khổng Tử: "Trái lòng dân là trái lòng trời."

"Các anh có thể là hạt muối trên cõi đất này. Khốn nạn thay cho hạt muối ấy, nếu nó nhạt phèo. Khi mà một quốc gia bị phản bội bởi giới trí thức, nó sẽ chết hoặc phải thay bằng lớp trí thức mới khác. Tôi nói với giới thanh niên đang trưởng thành ở Việt Nam: Hãy thuộc nằm lòng câu nói bất hủ đã trở thành châm ngôn của một tay lãng tử từng kêu lên trước Quốc hội Ba Lan: "Tôi muốn sống trong nền tự do đầy nguy hiểm, còn hơn sống trong thanh bình của nô lệ." Vào giờ phút long trọng của số phận Á châu này, hành động mà lịch sử chờ đợi ở các anh đã vượt quá tầm vóc quốc gia của nước anh. Nó phải đáp ứng được nguồn hy vọng âm thầm của hàng triệu con người, sẵn sàng phải chịu ách Cộng sản như một định mệnh phũ phàng. Tự tay anh, mà mai đây, có những con người thoát được nạn khủng bố của "Đế quốc Bắc phương," có thể reo lên ở biên giới Việt Nam, như năm 1789, những người khách phương xa đến biên giới Pháp đã từng reo: Đây bắt đầu đất của tự do.

"Tất cả các anh đây, tất cả, các anh được tự do lựa chọn đường lối của mình, hoặc theo con đường hướng thượng, là con đường của danh dự, của bổn phận và của nỗ lực, hoặc theo đường đi xuống, là con đường của bất động của chạy trốn và từ nhiệm... Nhưng đối với các anh, thanh niên

trí thức Việt Nam, mà tôi ưu ái như đối với thanh niên nơi quê cha đất mẹ, thời gian đã điểm để các anh bảo vệ lấy xứ sở của mình... Để đi tới ánh sáng của độc lập, còn phải mất nhiều mồ hôi và xương máu, mới có thể gặt hái được những bông hoa quí ấy.

"Vậy thì chỉ có trung thành với lý tưởng do Đức Hoàng đế Bảo Đại tượng trưng mới tìm ra chân lý ấy... Tôi tin rằng nước Việt Nam sẽ được cứu thoát do chính bởi các anh."

Lời nói sau cùng này, ông muốn được tôi cụ thể hóa, nên mời tôi ra duyệt binh tại Hà Nội ngày 14 tháng 7. Trong dịp này, có hàng tiểu đoàn binh sĩ của quân lực Quốc gia mới thành lập, nên mang tính chất một ngày hội của quân đội.

Tôi nhận lời ra Hà Nội, và ở biệt điện đường Puginier tức Phủ Toàn quyền cũ, mà nước Pháp đã long trọng trả lại cho Việt Nam.

Bên hồ Hoàn Kiếm đã dựng sẵn một chiếc rạp. Tôi ngồi trên bục ở giữa rạp, bên phải có Đại tướng De Lattre, trước quốc kỳ, có hàng quân danh dự dàn chào.

Các thân cận của Đại tướng muốn trong dịp này, tôi vận binh phục để chứng tỏ tôi đang thực sự cầm đầu quân đội. Tôi từ chối dứt khoát, cho rằng vị Quốc trưởng không thể đóng trò như thế được, nó sẽ làm tôi trở thành một thượng khách của Đại tướng. Thử hỏi Clemenceau, khi đến ủy lạo binh sĩ chiến đấu trong các hầm vào Đệ Nhất Thế Chiến, ông có vận binh phục không? Ngược lại, để minh chứng vị trí dành cho mỗi người, ngay đầu buổi lễ, trước quốc kỳ và quân đội nhân danh Quốc trưởng tôi tặng thưởng Đệ nhứt Long Bội tinh cho vị Tổng tư lệnh quân đội. Rồi lên xe Jeep cùng với Đại tướng, và Đại tá Hinh,

chúng tôi đi duyệt các hàng quân. Tại đây, có đủ các binh chủng của quân đội trẻ của tôi, đã từng hiển danh trong các chiến trường Vĩnh Yên, Mạo Khê và Sông Đáy. Sau đó là cuộc diễu binh, được dân chúng đứng đông đặc hai bên đường hoan hô cổ võ.

Tôi ngợi khen Đại tướng, và cảm ơn nồng hậu, về thành quả của ông đã dành cho quân đội và cho đất nước tôi.

Ông Cao ủy nói cho tôi biết sự ngạc nhiên của ông, được trông thấy sự mau lẹ mà các tân binh đã thu lượm được về các căn bản quân sự, cũng như về sự can đảm của họ khi ra trận. Mặt khác, họ cũng thích ứng rất dễ dàng với mọi mặt của chiến tranh. Mới gần đây thôi, người Việt Nam chưa được ai biết đến là một chiến sĩ thiện nghệ. Vì vậy, trong thế chiến thứ nhứt 1914—1918 và thế chiến thứ hai 1939—1945 khi sang Pháp họ chỉ được xung vào các đoàn lính thợ. Người Việt Nam nhỏ con, bỗng là thứ bé hạt tiêu, có thể liệt vào huyền thoại, mà không ai dám khinh nhờn.

Đại tướng De Lattre biết rõ như vậy, và nhiều khi chính ông đã đòi phải trao trách nhiệm cho các sĩ quan Việt Nam. Vì vậy, khi bắt đầu đặt ra các cấp tiểu đoàn, tôi để mặc ông toàn quyền bổ nhiệm các tiểu đoàn trưởng trong giới sĩ quan mới ra trường. Ông chọn hai người là Dinh và Đồng, để trao cho hai tiểu đoàn số 1 và số 2 BVN (tức tiểu đoàn Việt Nam), trong hàng ngũ đó có Bernard De Lattre đã bị tử trận. Tôi thấy cả hai người đều còn quá trẻ, và thiếu kinh nghiệm cho một trọng trách như vậy. Nhưng Đại tướng bảo nên để họ tự tin, và đã có lý. Về sau, cả hai sĩ quan này đều tử trận cả. Trong tinh thần ấy, cũng như trong sự phấn khởi ấy, Tướng De Lattre lại xúc tiến lập sư đoàn thứ 4 lính thổ, để giữ an ninh cho vùng Cao nguyên.

Quân đội Việt Nam tiến vững. Tôi liền cho nổ thêm một sự hăng say nữa. Ngày 16 tháng 7, tôi ra lệnh động viên ở

Việt Nam. Tất nhiên là tôi không chú ý đến sự khó khăn mà quyết định này đưa lại. Có thể là do sự thiếu sót về tổ chức hành chánh chưa được hoàn mỹ. Nhưng tôi chú trọng nhứt về điểm tâm lý mà vụ này có thể đưa tới. Vì ngoài việc buộc các thanh niên đến tuổi cầm súng để bảo vệ xứ sở, tôi muốn giúp đỡ họ khỏi thắc mắc về vấn đề chọn nghề hay tự nguyện đầu quân.

Quyết định ấy đối với tôi, có tầm quan trọng lớn lao ở trong nước cũng như ở ngoài nước.

Ít ngày sau, Cao ủy bay về Pháp. Tôi hiểu rõ, ông đã quá mệt mỏi do những nỗ lực tung ra kể từ ngày đến đây. Tôi chỉ gặp lại ông ba tháng sau đó.

Trước hôm ông ra đi, tôi đã đưa cho ông một bức thư qua ông Hữu, để ông có thể trình trước chính phủ Pháp.

"Những cuộc đàm phán về hòa bình ở Triều Tiên, không phải là không làm cho dân chúng Việt Nam xúc động, bởi vì nó có thể đưa đến sự tiến cộng miền Bắc Việt Nam.

"Hội đồng chính phủ, trong cuộc thảo luận dài ngày mùng 6 tháng 7, đã ước lượng rằng, hòa bình xúc tiến được ở Triều Tiên, không phải là chấm dứt được chiến tranh ở toàn châu Á, nếu nó không được sự bảo đảm về phía Cộng sản đối với Việt Nam. Chỉ nước Pháp là có thẩm quyền, khi nhân danh Liên hiệp Pháp trong các hội nghị ngoại giao quốc tế, chính phủ Việt Nam rất tri ân ông Cao ủy, để xin Cao ủy can thiệp cạnh chính phủ Pháp, đạt được lời cam kết trong cuộc đàm phán về hòa bình ở Triều Tiên, liên hệ đến an ninh và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam..."

Tiếc thay, khi Cao ủy về tới Pháp thì lại gặp kỳ khủng hoảng nội các. Chính phủ Queuille đổ ngày 10 tháng 7 và

mãi đến ngày 10 tháng 8, ông Pleven mới gỡ được các khủng hoảng này. Ông Letourneau vẫn giữ bộ Quốc gia Liên kết.

Đúng trước hôm Cao ủy trở về Pháp, thì chúng tôi được tiếp ở Sài Gòn, vị Thống đốc tiểu bang New York, ông Thomas Dewey. Như phần đông các đồng hương của ông, ông cũng không biết tí gì về tình hình Việt Nam. Vậy mà khi qua Hongkong mấy hôm trước ông vẫn cứ tuyên bố những điều bất lợi cho chúng tôi. Đến Sài Gòn, tôi tiếp đón ông cùng với Tướng De Lattre. Ông rất lấy làm ngạc nhiên về tình thân thiết giữa Đại tướng với tôi. Trước khi ông đi, ông đã đọc một bài diễn văn đáng chú ý sau đây:

"Tôi đã thấy một quốc gia đang sửa soạn chiến tranh, trong những trường hợp thật can đảm. Nước đó đang được vị đại diện nước Pháp thúc đẩy và nâng đỡ, vị này chẳng những là bạn thiết của họ, mà họ lại còn được coi như ân nhân, mà gần đây, cái tang mà ông ta chịu được coi như tang chung của dân tộc. Tôi phải nói rằng, qua kinh nghiệm suốt một đời chính trị của tôi, tôi chưa từng thấy một trường hợp nào tương tự. Thật là cảm động, đến độ mà chúng ta, người Mỹ chúng ta không tài nào nghĩ tới..."

Rồi trở lại điểm mà Đại tướng De Lattre nói ở hội nghị Singapour, muốn đặt miền Bắc Việt Nam như tiền đồn chống Cộng ở Đông Nam Á, ông kết luận:

"Vấn đề không phải là chia xẻ các ảnh hưởng giữa các nước lớn, hay sự tranh giành kinh tế đối lập, mà là trọng trách phải được trao phó. Tôi đã thấy cái nguyên lý nhiệm màu rồi. Tôi đã trông thấy điều kỳ diệu rồi, và tôi sẽ nói ở Mỹ."

Vậy thì đó là luận cứ mà Đại tướng De Lattre có thể sử dụng, và tôi hoàn toàn đồng ý. Ở Việt Nam chúng tôi đang

dẹp nội loạn, nhưng chúng tôi cũng bảo vệ chiến tuyến của tự do, trên một bình diện ngang hàng và liên kết. Tại Triều Tiên, người ta đang bảo vệ chiến tuyến của tự do. Vậy thì đó là cùng một trận chiến. Chỉ có một cuộc chiến ở châu Á, và thật vô lý, nếu đàm phán về hòa bình ở Triều Tiên với Trung Hoa, lại không nói với họ về tất cả các nước khác ở Đông Nam Á, nhứt là cuộc viện trợ của Tàu cho Việt Minh để đánh chúng tôi.

Ông Cao ủy đã ngỏ ý cho tôi biết là ý định của ông là muốn sang Mỹ, lập luận này rất có ích cho ông cũng như cho Trần Văn Hữu, khi đi dự Hội nghị ở San Francisco từ mùng 3 đến mùng 8 tháng 9, để ký hiệp ước hòa bình với Nhựt. Đây cũng là lần đầu tiên mà Việt Nam can thiệp trên bình diện quốc tế. Sự tham dự của nước tôi trong Hội nghị này là điều thắng lợi to lớn cho dân tộc, vì nó củng cố nền độc lập của nước tôi.

Biết rõ người Mỹ rất tôn thờ tự do dân chủ, tôi lưu ý ông Cao ủy cũng như Thủ tướng Hữu về những câu hỏi, mà họ có thể nêu lên với các ông về cuộc bầu cử tương lai. Không phải là tôi chống lại các cuộc bầu cử này, nhưng tôi không mấy chú trọng đến điều đó trong hiện trạng. Có thể, họ sẽ nêu lên đối với Việt Nam, nếu quyết định sẽ là trưng cầu dân ý ở Triều Tiên, để xem dân chúng Triều Tiên thích chế độ nào. Còn vấn đề bầu cử ở đây, thì quả là khôi hài. Người ta đã thấy trong dịp bầu cử ở Lào, có đến 92% dân chúng không đi bầu. Ở Cam Bốt thì đến 70% không đi. Còn đối với truyền thống của nước tôi, cũng như hoàn cảnh hiện tại, cuộc bầu cử chỉ là một con mồi. Nó chỉ dùng để phục vụ bọn Cộng sản. Nếu thật sự người ta muốn phục vụ nền tự do dân chủ, thì người ta cần phải mang đến cho chính phủ những nỗ lực để thực hiện, như trong bản thông điệp mà tôi từng đọc trong dịp Tết. Tất cả những cải cách

ấy, đã được Hồ Chí Minh tung ra, như chia lại ruộng đất, chính trị về gạo, y tế, xã hội, thuốc men... Hiện nay, các cải cách ấy đang được thực hiện. Việt Minh chỉ còn có nước câm lặng mà thôi.

Ở Pháp, các ông chính khách, vắt tay lên trán suy nghĩ có nên bàn lại, nếu ngày mai Hồ Chí Minh đề nghị với chúng tôi một giải pháp hòa bình. Tôi không phải là người bạo động, nhưng quả thật khó mà chấp nhận được. Bởi vì Hồ Chí Minh không những chỉ là kẻ phiến loạn đối với Tổ quốc Việt Nam, mà còn là tay Cộng sản có đường hướng vượt quá biên thùy của nước tôi. Tại Âu châu, người ta có lẽ có cảm tưởng rằng đặt chiến tranh ra ngoài vòng pháp luật. Tuy nhiên, các lãnh tụ Tây phương không thể ngờ được rằng, chiến lược toàn cầu của Cộng sản, chính là một hệ thống quân bình. Hòa bình ở Âu châu thì chiến tranh ở Á châu. Nếu mai đây mà chiến tranh ngưng ở Á châu, hãy tin rằng không thể có an ninh ở Âu châu...

Đại tướng De Lattre đã có định kiến riêng về vấn đề này. Ông không nói thẳng với tôi, nhưng thái độ của ông đã bộc lộ. Ông thường nhắc lại ở khắp mọi nơi: Nước Pháp không có tí quyền lợi gì ở đây cả... Điều mà ông muốn tìm kiếm, chính là một lối thoát, lối thoát trong danh dự, có hàm ý rằng ông muốn nói đến cái ngõ hẹp, mà ông không tin chắc là sẽ tìm thấy. Ông chẳng từng nói với vài tay thân tín: "Theo tôi, nước Nga, nước Tàu, rồi mai đây là Ấn Độ, mai đây nữa khi tất cả chúng tôi đã ra đi, toàn thể Đông Nam Á, tất cả sẽ vĩnh viễn bị nhuộm đỏ."

Như vậy, phải chăng tôi đã có lý, khi người ta nói đến *giải pháp Bảo Đại* đã chữa lại là *giải pháp của nước Pháp*. Nhưng thế thì Việt Nam sẽ ra sao? Một sự thay thế Pháp bằng Hoa Kỳ? Nó cũng sẽ chỉ ngắn hạn mà thôi. Những ai đã kết tôi là bất động, phải hiểu thái độ dè dặt của tôi. Đối

với dân tộc tôi, tôi có bổn phận phải biết nhìn xa hơn. Tôi tin chắc tự thâm tâm rằng ngày nay Tướng De Lattre đã hiểu đang phải đương đầu với những gì. Riêng tính chất mã thượng, theo truyền thống Pháp của ông, đã thận trọng không dám hở ra với tôi, và buộc ông phải giữ một thái độ vô cùng hăng say để thúc đẩy tôi, mà ông càng ưu ái với tôi.

Khi tôi chắp vá lại những tin tức phản ảnh thời đại ấy, tôi rất đau buồn về những sự nhận định thiếu tính chất vô tư của những tác giả nông nổi ấy. Chẳng một ai trông thấy cái hiện tượng kỳ lạ đã đưa Tướng De Lattre vào nền độc lập của Việt Nam. Mang một vết thương đau đớn do cái chết của đứa con trai độc nhứt, thêm vào nỗi vất vả nhọc nhằn vô bờ, cộng thêm bệnh hoạn, sự trãi đó của hiện tượng này đã đòi hỏi ở Đại tướng một tâm hồn can đảm siêu phàm.

Hiện nay, Cao ủy đảm trách vai trò đi cầu viện tại Hoa Thịnh Đốn. Một nhiệm vụ không mấy được ông ưa chuộng, nhưng ông vẫn hoàn tất theo sự hăng say thường lệ. Ông phải theo đuổi tận Luân Đôn để trình bày nhãn quan sáng suốt của mình: "Bắc Việt Nam là chìa khóa giữ toàn thể hệ thống phòng thủ Đông Nam Á. Để mất Bắc Việt Nam là mở cửa cho Cộng sản tiến đến cửa ngõ Đại Tây Dương." Chặng cuối cùng của ông là La Mã, mà người ta cho rằng ông đến để xin Đức Giáo hoàng ban phép Thánh cho đoàn quân thánh chiến của ông.

Trong khi ông còn lênh đênh trên tầu *L'Ile de France* đưa tới Nữu Ước, tôi gửi cho ông một bức điện, tỏ lòng tín nhiệm và sự hỗ trợ của tôi.

"Thưa Ngài Cao ủy, tôi mong rằng trước khi Ngài đến Hoa Kỳ, Ngài sẽ nhận được bức điện tín này tỏ lòng tín nhiệm và nguồn hy vọng của toàn thể dân chúng Việt Nam.

Chính là vì họ mà Ngài đảm trách sứ mạng này, để bảo đảm cho nền độc lập mà nước Pháp đã trao trả cho chúng tôi.

"Khi làm luật sư đấu tranh cho sự bảo vệ Việt Nam trước một nước lớn, là nước bạn Hoa Kỳ vĩ đại, Ngài đã tiếp tục thể hiện nền độc lập ấy, được cụ thể hóa ở Vĩnh Yên, do một đại quân nhân của nước Đại Pháp, mà các chiến thắng lẫy lừng ở khắp chiến trường Bắc Việt, đã cứu thoát nước Việt Nam qua cơn hiểm nghèo, bằng một giá vô cùng đau đớn. Tôi xin tỏ lòng tri ân của cả một dân tộc và sự quyết tâm của họ cho những trận chiến trong tương lai. Những biện pháp động viên mà tôi ra quyết định, do đề nghị của Thủ tướng Trần Văn Hữu và của Hội đồng Bộ trưởng, đã được toàn thể dân chúng hoan nghênh. Họ rất hãnh diện được đặt dưới quyền chỉ huy của một tướng lãnh như Ngài. Tất cả các thanh niên Việt Nam đều sẵn sàng nghe theo lời kêu gọi của tôi để xả thân cứu quốc. Vậy thì với tất cả sự cuồng nhiệt mà quân đội Việt Nam sẽ chiến đấu sát cánh với quân đội Liên hiệp Pháp, để sẵn sàng thay thế lần lượt, theo như phương tiện mà họ được trao cho.

"Thưa Ngài Cao ủy,

"Với tất cả sự cầu chúc Ngài thành công trong sứ mạng, tôi xin nhắc lại. Thưa Ngài Cao ủy, lòng ưu ái, sự tín nhiệm hoàn toàn và tình bạn thắm thiết của tôi đến với Ngài."

Ông đã trả lời tôi như sau:

"Thưa Hoàng thượng,

"... Bằng chứng của sự tin tưởng của Hoàng thượng, đối với tôi thật quí báu trước khi tôi đến Washington, để nói chuyện. Tôi xin chân thành đa tạ Hoàng thượng, đã tỏ

ra tín nhiệm và ưu ái đối với tôi. Đối với một người trong sự cô đơn, chỉ tìm thấy lại được tinh thần, là do những cảm tình chân thực, sự tín nhiệm và lòng ưu ái ấy thật vô giá."

Một mặt khác của công tác của chúng tôi. Đại tướng phải làm việc chống lại thời gian, còn tôi thì phải đi đôi với thời gian. Đối với ông, còn biết bao nhiêu sự việc phải hoàn tất mà thời gian quá ít ỏi. Đối với tôi, thì chỉ có một công tác có thể làm được trong hoàn cảnh này, là đặt nền móng cho một nền hành chánh và một quân đội vững chắc, do thế tôi phải tính từng thời hạn của từng sự việc và giá trị con người. Chúng tôi không thể nào hòa nhịp đúng bước của nhau. Sau khi đã cố gắng đi hia bảy dặm để đối phó với những sự việc mà ông cho là trì trệ, sau rốt Tướng De Lattre cũng quen với sự lủng củng đó.

Vì thế, hiện nay chúng tôi đang chú ý vào miền Bắc Việt Nam. Miền Nam Việt Nam bỗng dưng có sự kiện nổi bật vào thời gian ấy. Đó là Tướng Chanson Tư lệnh quân đội ở Nam phần kiêm Thượng sứ Pháp ở Cộng hòa Việt Nam, trong khi đi thị sát tỉnh Sa Đéc, bị một đoàn quân Cao Đài ly khai ám sát. Thủ hiến Nam Việt Thái Lập Thành cũng bị giết cạnh ông ta.

Tôi rất hâm mộ Tướng Chanson. Cựu sinh viên trường Võ bị Polytechnique, ông ta đã tỏ ra can đảm, có sự hiểu biết sâu rộng và tận tụy, nên đã đặc biệt thành công trong sứ mạng. Nhờ ông ta, mà sự bình trị ở miền Nam đạt rất khả quan. Tôi đã gặp ông ta nhiều lần, và bàn bạc với ông ta về nhân vật chỉ huy Nam bộ của Việt Minh, là Tướng Nguyễn Bình.

Trước khi bị tù Côn Đảo, Nguyễn Bình từng ở lâu năm ở Tàu, rồi ở Nga, trước khi nắm quyền tư lệnh quân du kích miền Nam. Uy tín và cá nhân của y đã dựng y lên đối đầu

với tướng Giáp mà y đã làm cho lu mờ. Do Bẩy Viễn, tướng lãnh của Bình Xuyên, tôi biết chỗ ẩn náu, và hoạt động của viên tướng độc nhỡn này, và tôi đã đưa cả cho Tướng Chanson. Nhưng Nguyễn Bình vẫn thoát hiểm trong mọi cuộc bao vây. Thế mà ngày 29 tháng 9, Nguyễn Bình bị giết, chắc do một tên trong đoàn hộ tống y, trong một cuộc đụng độ với quân tuần kiểm Cam Bốt bên sông Srepok. Lúc ấy, Nguyễn Bình bị Hà Nội triệu hồi, để trả lời về những hành động lạc hướng Mác Lê của y, do tướng Giáp tố cáo. Cái chết vẫn bị bao trùm trong bí mật, do một sự tranh quyền, thanh toán lẫn nhau... Đối với tôi, tôi ước mong bắt sống được Nguyễn Bình. Dù sao nữa, anh ta đã chết, và cũng không thọ hơn người mà anh ta từng chạm trán nhiều phen là Tướng Chanson.

Cuối tháng 9, tướng Giáp lại mở một cuộc tấn công mùa thu lên thượng du Bắc Việt. Tướng Salan lúc ấy quyền Tổng Tư Lệnh quân đội, đã khôn ngoan cho thả quân nhảy dù trong đó có một tiểu đoàn Việt Nam xuống Nghĩa Lộ, là một thị trấn nhỏ ở phía Nam sông Hồng Hà.

Khi Tướng De Lattre đáp xuống Sài Gòn, tất cả đều đã xong xuôi. Ngay khi ông đến, chúng tôi hội đàm với nhau suốt ba giờ liền. Ông kể cho tôi thật tỉ mỉ, cuộc nói chuyện của ông ở Hoa Kỳ, ở Anh quốc, và ở La Mã, đồng thời nói cho biết tình hình chính trị mà ông ta thấy tại Pháp.

Biết trước rằng, ông lại sắp đi Pháp, sau đó một ngày, là ngày 21 tháng 10, tôi mở tiệc chiêu đãi ông, có đông đủ các nhân vật trong chính phủ tham dự. Đến cuối bữa ăn, tôi ngỏ lời khen thành quả mà Cao ủy đã đạt, nhứt là về công tác cuối cùng này. Trả lời tôi, Tướng De Lattre đọc một bài diễn văn rất đáng chú ý:

"Thưa Hoàng thượng, tôi có bổn phận phải báo cáo với Hoàng đế, là Tổng Tư Lệnh quân đội của quân lực Việt Nam, sau khi thi hành công tác..."

Rồi nhấn mạnh từng chữ, như đang đứng kiểu nghiêm chào ông nói:

— Thưa Hoàng thượng, tôi xin báo cáo lên Ngài công tác đã được trao phó. Công tác này với kết quả cụ thể thuộc lãnh vực quân sự, nhưng căn bản chính của nó lại nằm trong chính trị. Bởi vì không một nước nào lại muốn kéo dài vô tận, nỗ lực binh bị, tài chánh và nhân sự, không một nước nào muốn xúc tiến và tăng cường mọi viện trợ cụ thể cho một nước mà cơ cấu chính trị chưa đủ vững và mạnh mẽ. Binh lực riêng rẽ chỉ là một yếu tố trong đại thể, tạo nên sức mạnh, khả năng đề kháng của một quốc gia, y như một võ khí chỉ giá trị khi ở tay người dũng sĩ, vậy thì lực lượng quân sự tùy thuộc vào nền tảng vững chắc của chính trị, do thế viện trợ quân sự phải dựa vào nền tảng chính trị trước tiên...

"Tôi đã đem quyền lực của tôi, để phục vụ theo lòng tin tưởng của tôi, và tôi đã nói rằng Hoàng đế Bảo Đại là biểu tượng, là cây cột cần thiết cho nền thống nhứt của Việt Nam.

"Hoàng gia là mối liên lạc vững chãi của đất nước này, vừa rộng lại vừa phong phú đi từ ải Nam Quan tới mũi Cà Mau. Thêm vào đấy, Hoàng gia là sợi giây liên lạc chặt chẽ để thống nhứt được toàn thể các sắc dân thiểu số trên đất nước này. Hoàng đế là sự Thống nhứt, dẹp tắt được tất cả mọi mâu thuẫn, mọi dị biệt chính trị, và mọi sắc thái phong kiến trên toàn lãnh thổ. Ngài là chủ tể quân đội, mà quân đội vốn là lợi khí cũng như ý nghĩa của nền thống nhứt trên toàn quốc.

"Tôi cũng đã nói, Hoàng đế là vị tân quân, thừa kế trẻ và tiến bộ của một triều đại cổ, vốn là tinh hoa duy nhứt của ngàn xưa của nền Quân chủ Việt Nam, là gạch nối giữa quá khứ với tương lai, đảm bảo cho sự thống nhứt toàn quốc, bởi vì Ngài đã đứng lên trên hết mọi giai tầng xã hội, cũng như trên hết mọi xu hướng chính trị. Hoàng đế là biểu tượng cho toàn quốc, đại diện cho khắp mặt thần dân ở Việt Nam.

"... Việc tấn phong nước Việt Nam trên bình diện quốc tế — do đó, tôi đã được cử đi Washington, đi Luân Đôn, đi La Mã — đòi hỏi những điều kiện tiên quyết và nhứt định, là sự thể hiện hai điều kiện sau này, hầu có thể tạo được nền thống nhứt và sự hữu hiệu của nước Việt Nam: đó là sự tạo thành tức khắc một quân đội quốc gia, và sự đặt nền móng cho một chương trình canh tân rộng rãi, hầu đạt được sự vững chắc của chế độ và hạnh phúc của nhân dân..."

Hôm sau, chúng tôi tiếp Tướng Collins, Tham mưu trưởng Mỹ đến tại chỗ, để nghiên cứu việc sử dụng các đồ viện trợ cho Quân lực Việt Nam. Tướng De Lattre cũng dành một buổi để tiếp vị này, vì chỉ có ông ta mới đủ khả năng hiểu được. Vị tham mưu trưởng Hoa Kỳ ở lại 48 giờ, và trước khi ra về, có xác nhận lại những lời hứa của chính phủ Mỹ với Tướng De Lattre.

Chiều chủ nhật tuần sau, Thủ tướng Trần Văn Hữu đãi tiệc Tướng De Lattre trước khi ông ra Hà Nội.

Trong thời gian này, tôi được biết Thượng sứ Pháp ở Cam Bốt là ông De Reymond bị ám sát chết.

Ngày 1 tháng 11, Tổng giám mục Đức Cha Dooley được Giáo hoàng cử làm Khâm mạng Tòa Thánh tại Việt Nam. Sự công nhận chính thức này của Tòa Thánh Vatican, rất quan trọng, vì Giáo hội Việt Nam cũng như cộng đồng Công giáo toàn thế giới, đều cam kết trong cuộc chiến đấu chung này.

Tại Minh Giảng, ngày 5 tháng 11, Cao ủy đọc một bài diễn văn trước hơn 10 ngàn nông dân. Ông ta nói với họ về những thành quả chính trị đã đạt được:

— Công tác này đã đánh dấu một chỗ ngoặt, công tác của những kẻ đi xây dựng, bởi vì nền chính trị, trong xã hội đang theo đuổi, ở đây đầu tiên phải là căn bản xây dựng. Nhưng công tác ấy, chỉ có thể thực hiện được, do sự hoạt động của Hoàng đế Bảo Đại, người đã thể hiện được nền độc lập và thống nhứt cho Việt Nam.

Trong khi tôi tiếp Cao ủy Anh, là ông Malcolm Mac Donald ở Đà Lạt, thì Tướng De Lattre đến gặp tôi ngày 9 tháng 11. Sau khi dùng cơm với vị thượng khách xong ông ta nói riêng với tôi:

— Thưa Hoàng thượng, tôi phải trở về Pháp chữa bệnh. Vì sức khỏe suy nhược, tôi phải về để chịu một sự giải phẫu, nhưng trước khi tôi đi, tôi muốn đánh một đòn quyết liệt đối với Việt Minh.

Ông cho tôi biết những lời phê bình ông ở Paris, trên lãnh vực quân sự, người ta đã gán cho ông là "bất động," sự đó càng chứng tỏ các chính khách Pháp đã không biết một tí gì. Ông đã tỏ ra bất mãn với những luận điệu đả kích ông, liên can đến hành động chính trị của ông, nhất là một loạt bài đăng trên báo *Le Monde* do một người tên Danielle Hunebelle viết. Tôi cũng không được chừa ra.

Vị Tổng tư lệnh quyết định hành động. Ông nói cho tôi biết chương trình của ông đã được đặt rồi.

— Tôi sẽ cắt đôi lực lượng của tướng Giáp. Cho đến bây giờ, chúng ta chỉ đóng vai thụ động, tùy theo sáng kiến của họ. Nay đến lượt tôi tung đòn ra để xem chúng đối phó cách nào. Mùa khô sắp tới, trường hợp rất thuận tiện. Chúng ta sẽ mở cuộc tấn công ra quá phạm vi đồng bằng...

Trước tiên ông nhắm vào Hòa Bình, một tỉnh nằm ở khuỷu sông Đáy, và là điểm giao liên bắt buộc thông miền Trung với miền Bắc Việt Nam, và với miền Bắc Lào. Đây là điểm mà các đơn vị Việt Minh tiếp tế vũ khí và quân cụ. Đánh chiếm Hòa Bình là đánh một đòn chí mạng đối với địch thủ. Ông Cao ủy lại trông thấy một ưu điểm nữa: Đó là sự giải phóng cho một sắc dân thiểu số, dân Mường, sống ở nơi này, mà sự giải phóng sẽ tạo nên một yếu tố có lợi cho chính phủ. Vì lý do đặc biệt ấy, Tướng De Lattre muốn xung vào trận chiến, một số tối đa các tiểu đoàn Việt Nam.

Công việc có vẻ hấp dẫn, và không mấy nguy hiểm nhiều. Tôi hỏi dè dặt, vì tôi biết Việt Minh rất nặng ở xung quanh chốt này. Hơn nữa, tôi lo sợ một tai hại cho dân chúng, thường dân. Biết bao người nhà quê sẽ bị cảnh đạn lạc tên bay trong vụ này.

Cuộc nói chuyện của chúng tôi đã tãi ra trong một bầu không khí hoàn toàn tin cậy. Chưa bao giờ tôi thấy sự thông cảm cùng với Cao ủy đến mức ấy. Ông này đã nói với tôi bằng một giọng vô cùng ưu ái, y như tình ruột thịt của người cha, mà ông đã lưu luyến với tôi, kể từ ngày chết của con ông. Thật sự, Tướng De Lattre chỉ kém cha tôi là Vua Khải Định có bốn tuổi, mà thôi.

Ngay giờ đây, ông như có ý muốn chia xẻ trách nhiệm làm tướng của mình. Bất thình lình, ông kêu lên:

— Thưa Hoàng thượng, tôi quá yêu Hoàng thượng, bởi vì Ngài bí mật.

Tôi hiểu ông muốn nói gì. Cái bí mật kia, không phải đứng trên phương diện tâm tình, người Á Đông, mà ông muốn nhắc đến, mà là cái bí mật của người lãnh đạo quốc gia. Rồi ông vẫn tiếp tục tâm sự với tôi. Ông rất thất vọng đối với nước Pháp. Ông chẳng được giúp đỡ gì. Trong khi nước Mỹ sẵn sàng giúp đỡ chúng tôi, thì ở Paris, ông lại gặp những sự thiếu thông cảm. Ông muốn phàn nàn, để ám chỉ bọn thực dân ở Sài Gòn đã được các chính khách ở Paris nâng đỡ.

Ông nhắc lại:

— Tất cả bọn ấy, chúng chẳng hiểu gì hết.

Tôi mới lấy giọng hài hước, hỏi lại ông rằng:

— Vậy thì thưa Đại tướng, sao Ngài còn phải nhận lệnh từ Paris nữa? Gần đây, đã có người lập một nước Pháp tự do ngoài biên giới lãnh thổ. Tại sao Ngài không lập một nước Pháp tự do ở Sài Gòn?

Tướng De Lattre nhìn tôi rất lâu, mắt trông rất mơ màng, nhưng không nói gì. Đến chiều, sau bữa cơm, ông lại bảo tôi:

— Cần phải một năm nữa, mới hoàn thành xong sứ mạng của tôi ở đây... Cái chiến thắng mà chúng ta sẽ thu lượm được ngày mai này, Tổng tư lệnh của Ngài xin dâng Ngài. Và lúc ấy, chúng ta sẽ cùng đến Hòa Bình để thu nhận quyền chiếm lãnh tỉnh đó.

Đây là lần gặp gỡ cuối cùng của chúng tôi vậy.

Ngày 10, cuộc tiến công bắt đầu. Chợ Bến bị chiếm ngay, và với tốc độ đó, ngày 14, quân lực Liên hiệp Pháp chiếm đóng Hòa Bình. Tướng De Lattre đã chiến thắng. Ngày 19 tháng 11, ông bay ra Hải Phòng để về thẳng Pháp

từ 29 tháng 11 đến 16 tháng chạp, ông dự Thượng hội đồng Liên hiệp Pháp. Ngày 12, trong dịp dự tiệc có ông Letourneau, và các nhân vật của chính phủ Việt Nam, Lào và Cam Bốt, ông đánh một bức điện để cám ơn tôi đã đến Hòa Bình, như tôi đã từng ngỏ ý. Bức điện ấy vẫn mang một hình thức mà Tướng De Lattre thường dùng để xưng hô với tôi, trước lúc chia tay: "Tổng tư lệnh quân đội của Ngài." Ngày 19 tháng chạp, Cao ủy vào bệnh viện.

Trước ngày ông đi, tôi đã có một quyết định có tầm quan trọng rất lớn. Ít ngày trước đây, Thủ hiến Bắc Việt Đặng Hữu Chí, lấy cớ là sức khỏe kém, xin được thoái lui. Nguyễn Hữu Trí tìm cách để trở lại quyền hành, và các chân tay của ông ta, cánh Đại Việt, loan tin rằng nếu Nguyễn Hữu Trí không được trở về chức cũ thì lại có cách mạng nữa ở Bắc Việt Nam.

Tại miền Nam, tôi cũng phải đối phó với nhóm Đại Việt. Thực tế, tôi phải thúc đẩy, tài trợ, cho một nhóm trẻ để họ len lỏi vào trong đảng này, mà họ gây khó khăn cho mấy lãnh tụ già nua.

Tại miền Bắc, tôi suy nghĩ cách khác. Để thỏa mãn yêu sách của Đặng Hữu Chí, ngày 19 tháng 11, tôi cho ông ta từ chức, và bổ nhiệm vào chỗ của ông ta, viên bộ trưởng An ninh Nguyễn Văn Tâm, làm Thủ hiến Bắc Việt. Bổ một người miền Nam làm Thủ hiến, cầm đầu miền Bắc, quả là một sự thách thức. Chỉ riêng tôi mới có thể làm được, mà không gây phản ứng tai hại. Quyết định ấy nhằm hai mục tiêu. Trước hết, đó là sự chứng tỏ, tôi đang nắm vững quyền hành. Sau nữa, khi trao cho một người miền Nam, trọng trách về miền Bắc, chứng tỏ đó là sự thống nhứt ba kỳ. Thật là một thành công tuyệt vời. Với sự hăng say, như từng hăng say ở miền Nam, trong nhiệm vụ bộ trưởng An

ninh, Tâm đã chứng tỏ ở miền Bắc là một vị Thủ hiến rất có quyền uy, và thuộc loại giá trị đáng kể.

Tôi vẫn hy vọng kéo dài được thời gian, để Việt Nam đủ sức phòng vệ lấy mình. Nay thì không thể được nữa.

Sau cái chết của Tướng De Lattre, tôi có cảm tưởng rằng hòa bình chỉ là hy vọng hão huyền.

Thế mà, tôi trở về để đem lại hòa bình cho đất nước. Tôi chỉ thấy chiến tranh mỗi ngày một nặng. Những sự bàn phiếm của bọn chính khách Pháp, và sự sợ hãi quân đội của Mao đến sát biên thùy phía Bắc Việt Nam, làm mất bao thì giờ không thể nào lấy lại được. Ngay giờ đây, khi Nghị viện Pháp biểu quyết cấp ngân khoản cho Bộ trưởng Letourneau thì nước Pháp tìm cách quanh co và chỉ viện trợ nhỏ giọt, không có gì là thiện chí. Tôi cần phải nghĩ đến tương lai, một tương lai, trong đó *giải pháp Pháp* rất dễ bị thất bại, để kịp thời đối phó.

Mỹ quốc sẵn sàng giúp đỡ chúng ta, Tướng De Lattre bảo tôi như vậy. Nhưng liệu nước Việt Nam có thể trở thành, như Y Pha Nho năm 1936, khi nhận viện trợ quân sự của Đức, bãi chiến trường trong cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn, không lối thoát, để hai bên thi tài, thử sức nhau, do hai khối đối lập đang tranh nhau thống trị hoàn cầu?

TRỐNG RỖNG HOÀN TOÀN

Như tôi đã từng e ngại từ cuối tháng giêng, quân đội Liên hiệp Pháp bắt đầu rút khỏi Hòa Bình. Tất nhiên, phải rút để né tránh cái có thể tồi tệ hơn, nhưng còn dân tộc Mường khốn khổ kia sẽ ra sao, khi họ đã đặt hết hy vọng vào quân đội của chúng tôi? Tôi bỗng nhớ lại câu hỏi của viên Tổng ủy khi tôi đến đây lần trước, và nỗi lo âu của ông ta qua câu hỏi ấy. Chắc chắn bọn Việt Minh sẽ thu lợi đối với sự bỏ ngỏ này. Theo tôi nghĩ, không nên tái chiếm Hòa Bình, và cũng không nên tới đây, để rồi hai tháng sau rút lui. Tôi đã nói thế trước đây, nhưng chẳng được ai nghe.

Trong những biến cố đó, lại có khủng hoảng mới của chính phủ Pháp. Nội các Pleven đổ ngày 7 tháng 1 năm 1952, và thay bằng nội các của ông Edgar Faure, ngày 23 cùng tháng. Ông Letourneau vẫn giữ bộ Quốc gia Liên kết, rồi sau đó, kiêm nhiệm luôn chức Cao ủy Pháp ở Đông Dương, trong khi Tướng Salan trước quyền Tư lệnh tạm thay Tướng De Lattre, nay trở thành Tổng tư lệnh quân đội. Như vậy, chúng tôi lại trở về thế cũ: quyền lực chia hai giữa văn và võ.

Trong dịp Tết, ngày 27 tháng giêng, tôi gởi một thông điệp hàng năm cho dân chúng Việt Nam. Ngay phần mở đầu, tôi nhấn mạnh đến nguồn hy vọng về những đức tính cao quí lẫn sự anh dũng của quân đội trẻ của nước tôi, và tôi tỏ lòng ngưỡng mộ cá nhân của Đại tướng De Lattre:

"Chúng ta không thể nói đến quân đội Việt Nam mà không nhắc đến khuôn mặt cao thượng, đầy vinh quang của Đại tướng De Lattre De Tassigny, mà tư tưởng lẫn hành động đã để lại cho chúng ta một giá trị vĩnh cửu và tuyệt vời. Vào giờ phút mà nền độc lập mới phôi thai của chúng ta đang bị thử thách bởi tập đoàn Cộng sản, người hiệp sĩ Pháp này đã đem đến đất nước ta, sự tôn thờ của tự do, bản tính chiến đấu, lòng can đảm vô biên và tài dụng binh rực rỡ của người. Trước hương hồn ông cũng như đối với các anh hùng tử sĩ khác, từng da ngựa bọc thây trên đất nước tôi, tôi xin tỏ tri ân của toàn thể đất nước Việt Nam. Nguyện cầu cho tất cả những anh linh tử sĩ được vĩnh cửu tôn thờ trên đài chiến sĩ trận vong, và trên hương án các gia đình, nhờ gương anh dũng của họ, mà ra thoát được cảnh đọa đày nô lệ, gương sáng ấy còn làm rạng rỡ đến con cháu chúng ta, làm cho tất cả đàn con dân Việt Nam siết chặt hàng ngũ với nhau, đoàn kết chặt chẽ cho nền phục hưng mà đất nước đòi hỏi."

Tôi lại giải thích đến nhiệm vụ của Quốc trưởng, phải là một nhân vật biết suy tư và đầy kinh luân thao lược, phải xa các nhiệm vụ hàng ngày của quyền bính, đã trao cho chính phủ, vì Quốc trưởng chỉ còn có nhiệm vụ quốc kế dân sinh, dựa vào thực tế hiện tại, để vạch ra được kế hoạch đáp ứng cho tương lai. Vị đó phải tìm đường hướng thuận lợi ở trong cũng như ngoài nước, và phải biết lý

thuyết vĩnh cửu nào sẽ đưa đến sự vinh quang và bền vững cho tổ quốc.

Sau khi nhắc nhở các viên chức ngành cai trị, xã hội, kinh tế, về những mục đích mà tôi đã đọc trong bản thông điệp năm ngoái, tôi nhấn mạnh đến sự cần thiết của đoàn kết, biết tương thân tương ái. Chúng ta phải ý thức lấy trách nhiệm quốc gia để có chính nghĩa bảo vệ xứ sở:

"Có cái gì khác biệt giữa nước Việt Nam với các nước khác? Chúng ta có những điểm gì đặc biệt?

"Ai cũng biết rằng vào giữa lúc trên đất của chúng ta, Đông và Tây đang va chạm vào nhau, xã hội chúng ta đã được xây dựng trên căn bản của đạo Khổng, lấy gia đình làm nền tảng, mà giai tầng xã hội đã được cấu tạo vững chắc tự ngàn đời lấy hiếu trung làm gốc.

"Khi con người lấy ngũ luân làm phương châm xử thế, người ấy đã già dặn biết bảo tồn xã hội, dựa vào tam cương mà thực hiện: Quân thần, Phụ tử, Phu phụ.

"Tất nhiên là chúng ta không thiên hết về đạo Khổng, bởi vì chúng ta còn biết tham bán vào đạo Phật; nhưng các nguyên tắc Khổng Mạnh vẫn là những bí quyết tạo nên sức mạnh của chúng ta. Dù sao thì nước Tân Việt Nam ngày nay cũng chẳng phải là ngoan cố, phong kiến, lạc hậu gì. Cách đây một thế kỷ, Tây phương, do các bạn Pháp của chúng ta đã đặc biệt đem đến đây một nền văn hóa mới. Tây phương đã đem lại phương pháp trật tự, bí quyết của tinh thần sáng tạo, tinh thần tổ chức, tinh thần dân chủ và bình đẳng, bí quyết của sự chinh phục nhân tâm.

"Đó là đặc điểm nhiệm mầu, phong phú của dân tộc Việt Nam chúng ta.

"Ngày nay, nếu tất cả thực tế của thời đại làm cho Việt Nam khó có thể đứng riêng rẽ một mình, và tất cả mọi nền

chính trị ngoại lai không thể tự nó một mình thực hiện được, thì ngược lại, chúng ta tự thâm tâm, chúng ta đủ lực tự cường, do tinh thần tập thể đưa lại.

"Thế mà, chủ nghĩa Cộng sản định đem đến chúng ta cái gì? Ly dị hẳn những mối liên hệ tương quan với Tây phương, đã làm chúng ta giàu thịnh về tinh thần, lại canh tân nước ta thành một nước tiền tiến. Sức ép ghê gớm của Tàu, trong hơn 20 thế kỷ đã truyền bá nghệ thuật, văn chương, triết lý, muốn tranh hơn thua với chúng ta sự hấp thụ ấy, đã biến tất cả nền văn minh của Trung Hoa ra thành của ta, bởi vì những tinh hoa ấy, đã nâng cao phẩm giá con người và giá trị của quốc gia.

"Thay vì đem cái tinh thần trật tự, chủ thuyết Cộng sản đem đến cho chúng ta một tư tưởng bí hiểm Mác-xít; thay vì cái tinh thần của tổ chức, họ định đem đến cái hệ thống của Mốt-cu; thay vì một nền dân chủ, họ lại đưa đến sự phục tòng mù quáng bọn cán bộ đảng viên... Đó là một phong trào thoái hóa, mà chúng ta ngày nay, chúng ta phải cầm súng chiến đấu. Đó là ý nghĩa của trận chiến này.

"Đó là cuộc thánh chiến quốc gia, để hoàn tất nền cách mạng trong nền độc lập của từng khối óc, và tình cảm của mọi trái tim, mà tôi muốn nói với các anh.

"Sự gặp gỡ giữa Tây phương và Đông phương, như Tagore đã nói, rất cần thiết cho nhân loại, phải mang theo tình cảm tế nhị, tương thân tương ái, và đầy tinh thần sáng tạo...

"Huynh đệ quốc gia, đó là bí quyết của nước Tân Việt Nam và của xã hội mới Việt Nam.

"Như vậy, thời đại quan liêu, dân chi phụ mẫu, nay đã cáo chung rồi, chỉ còn riêng một uy quyền của vị quân vương đồng loạt cho khắp nhân dân. Ngày nay, người công

chức là kẻ dẫn đường thân ái của đồng bào, thực sự dân chủ, tức là trong guồng máy cai trị, đã có những ủy ban chặt chẽ, sự kiểm soát các quyền hành và nhân sự, quốc gia Việt Nam trở thành một quốc gia rất xã hội, và vì dân mà phục vụ, theo đúng khẩu hiệu: Dân vi quí.

"Như vậy, tất cả con dân nước Việt Nam sẽ cảm thấy một sự ấm lòng của huynh đệ chi tình, và niềm vui phục vụ vô cầu lợi, cảm thấy bình đẳng, và biết thông cảm lẫn nhau hơn. Chúng ta đều là con một gia đình, cùng chung một tổ. Về điểm này, tôi cần phải nói riêng với bên nữ giới. Tình yêu Tổ quốc rất mạnh trong đầu óc họ, tinh thần đoàn kết rất bén nhạy trong trái tim họ. Đã có nhiều chị em tỏ sự hăng say khi vào đoàn thể "Hội chữ Thập đỏ Việt Nam." Đây là ở người đàn bà Việt Nam đã đem đến nguồn sinh lực vào khắp mọi nơi trong xã hội chúng ta, trong tình huynh đệ quốc gia. Và kể từ hôm nay, tôi sẽ đặt một ngày làm quốc lễ cho phụ nữ Việt Nam là ngày kỷ niệm, hàng năm để ghi ơn Hai Bà Trưng.

"Vậy thì trong tình huynh đệ quốc gia, phải hoàn tất nền cải cách xã hội của chúng ta. Không còn nghi ngờ gì nữa, tình huynh đệ đó được hữu hiệu, bởi đã được nghiên cứu khôn ngoan và kỹ lưỡng. Nhưng giờ mà người lại bóc lột người ở nước ta đã cáo chung rồi..."

Tôi nêu lên vài đặc điểm, sau khi cải cách điền địa đã được thực hiện, và tôi kết luận bằng lời kêu gọi như sau:

"Mỗi một người trong chúng ta đều có trách nhiệm đối với quốc gia.

"Hỏi để làm gì, khi mà khai thác đất đai, mở mang trồng trọt, và xây cất những nhà máy, nếu người dân không được lãnh phần chính đáng về công quả của mình đã bỏ

ra. Bởi xã hội như thế là xã hội chưa săn sóc đến mối lo âu của dân chúng. Sự lo âu của xã hội, còn thúc đẩy người chủ, phải săn sóc đến thợ nhiều hơn là chỉ biết thu hoạch nhờ kết quả lao động của mọi người.

"Năm ngoái, tôi đã đảm bảo với các xí nghiệp Pháp và ngoại quốc rằng sẽ miễn cho họ nhiều thể lệ, trực tiếp hoặc gián tiếp. Tôi xác nhận lại ngày hôm nay, sự bảo đảm ấy. Khi đến đầu tư tại Việt Nam, trong tinh thần tôn trọng luật pháp và sự công bình xã hội, vì lý do sáng tạo sinh lời, các xí nghiệp ấy đã mang công ăn việc làm cho dân chúng, trong một quốc gia còn thiếu nhiều phương tiện hoạt động thì đó là một sự hữu ích đáng quí. Họ đã nâng cao mức sống của thợ thuyền và sự tín nhiệm của họ vào người thợ chắc chắn sẽ không bị phản bội.

"Nước Việt Nam, được tự do liên kết với nước Pháp trong Liên hiệp Pháp, được các nước bạn hỗ trợ, mỗi ngày một củng cố vị trí của mình trước quốc tế. Dính liền vào cơ thể khổng lồ của Á châu ở khúc giữa quan trọng nhứt, và ở ngã ba quyết định của toàn thể Đông Nam Á, nó ý thức được vị trí và nhiệm vụ của mình. Nó đã chọn sự đứng vững và không cho tự mình lui bước, mặc dù bị thách thức trước một cuộc cách mạng đang diễn ra trước mắt. Đây cũng là một cuộc cách mạng, mà nó quyết theo đuổi, chứ không phải sự suy thoái, như Cộng sản đã rêu rao.

"Chính trong sự canh tân của đầu óc, và sự thanh lọc trái tim, mà tổ quốc thân yêu của chúng ta sẽ tìm thấy một ngày gần đây, tôi chắc vậy, nền hòa bình trong tự do và trong lẽ công bình."

Sau khi đã giải thích rõ ràng tư tưởng của tôi trong bản thông điệp ấy, đã được phổ biến rộng rãi ngày 27 tháng giêng năm 1952, tôi hy vọng rằng dân chúng cũng như các

quốc gia bạn đã được nghe biết, và viện trợ của họ sẽ đem đến để giúp đỡ cho sự cố gắng này. Sau đó ít ngày, quả nhiên tôi được tiếp ông Etienne Denis của công ty Denis Frères. Tôi bảo ông ta:

— Chính phủ Pháp sợ cho các ông. Họ rất lo ngại về công việc của các ông. Vậy các ông muốn tôi bảo đảm gì cho các ông?

— Thưa Hoàng thượng, chúng tôi chỉ mong người Việt Nam mua 50% cổ phần là đủ. Còn chúng tôi, chúng tôi không lo ngại gì hết, chúng tôi chỉ mong làm việc với họ...

Như vậy, tôi chỉ còn có vơ lại nền độc lập, từng mảnh một, và sự đó không phải là dễ.

Về viện trợ ngoại quốc, ông Letourneau đã cho tôi biết điều mà Tướng Juin đi Washington dự hội nghị với các Tham mưu trưởng, là Tướng Bradley của Hoa Kỳ, và Thống chế Shim của Anh quốc. Họ đã nghiên cứu về sự phát triển Á châu, đã dự trù trong cuộc hội nghị ở Singapour, về tháng 5 vừa qua. Tướng Juin trở về, khá thất vọng về thái độ của Hoa Kỳ. Người Anh thì xin dành Hải quân của họ để di tản người Pháp nếu có gì thất bại. Vị Tham mưu trưởng Pháp có cảm tưởng là tất cả như thất vọng, và muốn rút chân ra khỏi ổ kiến càng này, tức sẽ mất cả Đông Nam Á và Viễn Đông. Người Mỹ thì tìm cách điều đình về vấn đề Triều Tiên. Còn người Anh, dụng ý chỉ nhằm vào Singapour, nếu có sự tràn lan của quân Tàu. Tướng Juin kết luận trong bản tường trình là cần nhứt quân đội Việt Nam đủ mạnh, để Pháp có thể "trao lại" trọng trách, càng nhanh càng tốt. Đó là điều rất hợp với tôi.

Tại chỗ, các quân dụng đã đến. Về cuối tháng giêng, chiếc tàu thứ 100 chở đồ viện trợ cho chúng tôi, đến cảng Sài Gòn. Để xúc tiến mọi việc được nhanh nhẹn, ngày 3

tháng 3, tôi bổ nhiệm Nguyễn Văn Hinh làm Thiếu tướng, Tham mưu trưởng quân đội Việt Nam. Cũng trong thời gian ấy, tôi đặt ra bốn quân khu. Về sư đoàn thứ tư quân thổ, phụ trách giữ an ninh cho vùng cao nguyên, đã được thành lập xong, và đặt bản doanh ở Ban Mê Thuột. Điều đó làm giảm bớt gánh nặng cho quân đội Pháp về phần đất này. Sư đoàn đó được đặt dưới sự chỉ huy của Thiếu tá Lecoq, mà phó là Lê Văn Kim, tiểu đoàn trưởng, vừa tốt nghiệp xong ở trường tham mưu. Các sĩ quan người Thượng đều được huấn luyện ở Ban Mê Thuột, ở trường quân sự Bợ Hồ.

Trong dịp này, tôi tiếp Tướng Salan ở Ban Mê Thuột. Ông ta nhấn mạnh là xin tăng cường nhiều tân binh, nhân dịp có viện trợ Mỹ này, và tôi đồng ý. Mặt khác, Tướng Salan cũng rất hài lòng về công việc của Tướng Hinh. Vị này đã tỏ ra rất đắc lực với nhiệm vụ Tham mưu trưởng của mình, và sự liên lạc của ông ta với nhà binh Pháp rất được khen ngợi.

Tại Paris, Thủ tướng Antoine Pinay đã thay thế Thủ tướng Faure chỉ đứng có hai tháng. Sự thay đổi chính phủ luôn luôn ở Pháp, làm tê liệt nền chính trị dài hạn cho nước Pháp. May mắn, ông Letourneau vẫn giữ bộ Quốc gia Liên kết.

Do Dụ ngày 4 tháng 4 năm 1952, tôi đặt ra qui chế cho các sắc dân thiểu số miền núi ở miền Bắc, và do một đạo dụ khác ngày 24 tháng 4, tôi đặt các đất đai của người Thượng miền Bắc và miền Nam vào đất của Hoàng triều cương thổ *(Xin xem các phụ đính VI và VII)*. Tôi cử viên Chánh văn phòng của tôi là Nguyễn Đệ đảm trách chức vụ đó.

Trong tháng 5, miền Nam gặp khá nhiều khó khăn. Tất nhiên, sau cái chết của Nguyễn Bình, tình hình đã yên tĩnh hơn. Nhờ vậy, một phần lớn trách nhiệm, trước kia trao

cho quân đội Pháp, thì nay trả lại cho chúng tôi. Đây chính là chỗ mà chúng tôi gặp khó khăn. Nguyên do, có nhiều khu vực được trao cho các quân đội Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên, không kể khu vực do Đại tá Jean Leroy, là một người lai ở Bến Tre, đã bình định do lực lượng của ông ta, là lực lượng UMDC (Unités mobiles de défense des chrétientés) tức lực lượng lưu động phòng vệ các giáo khu Thiên Chúa. Nay là lúc phải đặt tất cả mọi người vào hàng ngũ của quân đội quốc gia. Trần Văn Hữu thiếu tế nhị ngoại giao đã đụng độ nẩy lửa với Leroy, và xin đổi Leroy đi ngay nơi khác. Không đổi nổi, vì viên đại tá 31 tuổi này, là con của một người làm ruộng Pháp với một cô gái Nam kỳ đã thắng. Trước đây, năm ngoái đã có một sự kiện đặc biệt xảy ra. Nguyên do Leroy đã đứng đầu để tổ chức một cuộc bầu cử. Ông ta muốn tổ chức nông dân thành một nhóm dân chủ nông dân... Đối với Leroy, Hinh có một giải pháp. Lực lượng UMDC vốn đặt dưới quyền lãnh đạo của nhà binh Pháp, nhưng trong các cuộc lễ chính thức, Leroy thường vận binh phục quân đội Việt Nam, để chứng tỏ trước mắt nhân dân là tỉnh này hoàn toàn đặt dưới quyền lãnh đạo quốc gia. Đối với các phe Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên, họ sẵn sàng chấp nhận đặt dưới quyền tôi, với điều kiện là tôi ký với họ những thỏa thuận như trước kia bộ Tư lệnh Pháp đã ký với họ. Tôi từ chối dứt khoát, vì họ là nhân dân của quốc gia.

Chuyện đặt họ vào hàng ngũ quân đội quốc gia này, là vấn đề mà tôi thảo luận với Tướng Salan ngày 10 tháng 5 trên du thuyền của tôi ở Nha Trang. Thoạt đầu đã có điềm không may. Vì một sự vụng về, tướng Tư lệnh rơi xuống biển cùng với tùy viên quân sự của tôi là Đại tá Nguyễn Tuyên. Tôi cho đưa quần áo của tôi để ông thay.

Thật sự, Tướng Salan đang bận nghĩ về vấn đề sát nhập các lực lượng tự trị này vào quân đội quốc gia Việt Nam. Paris muốn giảm quân số và đang là lúc cần đến các chuyên viên đã cho quân đội Việt Nam mượn. Ông ta yêu cầu tôi trưng dụng các thợ chuyên môn, các kỹ thuật gia về cầu cống, về viễn thông và tài xế lái ô tô nữa. Ông khẩn khoản thêm là tôi lại gọi đến sinh viên. Tôi không phải là muốn chống lại sự tham gia của khắp cả các tầng lớp nhân dân Việt Nam vào nỗ lực chiến tranh, nhưng những thỉnh nguyện của ông Tổng tư lệnh có thể làm tê liệt ngành kinh tế mới phôi thai, nên tôi trả lời ông là cần phải hết sức khôn ngoan để khỏi gây xáo trộn đến nếp sống ổn định một cách mong manh ở đất nước.

Đầu tháng 6, tôi để Hoàng thái tử Bảo Long lúc ấy đã 16 tuổi, sang Anh thay tôi, dự lễ đăng quang của Nữ hoàng Elisabeth II. Hoàng thái tử đi cùng với Bửu Lộc, với tính cách là Hoàng thân.

Để chứng tỏ ý chí về sự tăng cường động viên trên toàn quốc, ngày 3 tháng 6, tôi chấm dứt nhiệm kỳ của Trần Văn Hữu, và bổ nhiệm vào chỗ ông, vị Thủ hiến Bắc Việt Nguyễn Văn Tâm. Ông này rất cương quyết, đã tỏ ra thành công trong mọi lãnh vực được trao phó, dù là bộ trưởng An ninh, hay bộ trưởng Nội vụ, hay cuối cùng như Thủ hiến Bắc Việt. Tại đây, ông đã làm tan biến thành kiến đánh vào ông, vì ông gốc ở Nam kỳ. Thay vào chỗ của ông, tôi bổ Phạm Văn Bính làm Thủ hiến Bắc Việt.

Nguyễn Văn Tâm liền đặt một chính phủ quốc gia đoàn kết † gồm những nhân vật từng tỏ ra tha thiết với nền độc lập quốc gia. Nội các ấy được thành lập ngày 25 tháng 6 năm 1952, chứng tỏ trong mọi lãnh vực, sự tăng cường nỗ lực chiến tranh trên toàn quốc. Lần đầu tiên, người ta thấy xuất hiện một bộ trưởng coi về cựu chiến binh, để chứng

tỏ rằng quốc gia rất chú trọng đến những con dân chiến đấu cho nền độc lập và bị hy sinh vì nước.

Trong tháng 7, Lãnh sự quán của Hoa Kỳ ở Sài Gòn, được đổi thành Tòa Đại sứ. Đối với tân chính phủ, đó là một triệu chứng tốt đẹp. Phần khác, tình hình chiến sự dịu dần trên khắp lãnh thổ, nhờ vậy Thủ tướng Nguyễn Văn Tâm có thể lợi dụng thời gian này để đặt nền móng cho một chính phủ mạnh, hầu động viên toàn lực quốc gia. Đối với ông ta, đó là sự thi hành các quyết định đã từng thảo luận vào tháng 4 ở Đà Lạt, với ông Letourneau và Tướng Salan. Hậu quả đầu tiên về cuộc họp này là sự xúc tiến việc đào tạo các sĩ quan, nhứt là do trường sĩ quan Đà Lạt. Mỗi khi có cuộc lễ ra trường, tôi đều đến dự để nghe lời tuyên thệ, và không quên nhắn nhủ họ, phải tuân theo kỷ luật trung thành và chặt chẽ.

Ngày 7 tháng 8 tôi đi Pháp chữa bệnh ở Evian.

Sau khi chữa xong, ngày 4 tháng 9, tôi đến Muret do lời mời của Tổng thống Vincent Auriol. Ông tiếp tôi tại nhà riêng:

---

† Thành phần chính phủ do Nguyễn Văn Tâm Thủ tướng, kiêm bộ Nội vụ. Hai Phó thủ tướng: Phan Văn Giáo và Ngô Thúc Địch, giữ các bộ Thông tin và Cựu chiến binh
- Nghiêm Văn Trí, bộ Quốc phòng
- Nguyễn Huy Lại, bộ Tài chính
- Trương Vĩnh Tống, bộ Ngoại giao
- Lê Tấn Nẫm, bộ Tư pháp
- Nguyễn Thành Giung, bộ Quốc gia Giáo dục
- Lê Quang Huy, bộ Giao thông Công chính
- Bác sĩ Lê Văn Hoạch, bộ Y tế
- Cung Đình Quỳ, bộ Nông nghiệp
- Hoàng Nam Hùng, bộ Thương mại
- Vũ Hồng Khanh, bộ Thanh niên và Thể dục Thể thao
- Lê Thăng, bộ Xã hội
- Trần Văn Quế, phụ trách về Kế hoạch.

— Thưa Hoàng thượng, không phải chỉ cần một giải pháp quân sự, mà tất cả các người Việt Nam phải thu hồi lấy đất nước. Và Ngài phải hoạt động về mặt trận quân sự. Song phương với vấn đề về quân sự, lại phải có những cải cách chính trị, để đạt tới tự do, dân chủ xã hội. Có như vậy, Ngài mới có thể bình trị được.

— Thưa Tổng thống, chúng tôi vừa đặt nền móng cho một đạo quân quốc gia xong. Với vị Tổng tư lệnh, quả không có vấn đề. Về cấp thấp hơn, thì chưa hẳn tốt đẹp như vậy. Nhưng với các cơ quan dân sự, thì lại khác. Chính phủ Pháp vẫn còn đó, không có gì thay đổi, và hầu ở khắp mọi nơi. Và sự bàn giao thường thường được coi như trò hề. Người ta không để tôi hoàn tất nhiệm vụ, mà trong khi ấy, báo chí Pháp lại không ngớt đả kích tôi, cho là bất động và bôi đen giải pháp.

— Thưa Hoàng thượng, tôi sẵn sàng sang thăm Việt Nam để kêu gọi chính phủ Pháp phải tôn trọng điều hứa hẹn và thi hành một cách nghiêm chỉnh.

— Thưa Tổng thống, chúng tôi xin đợi Tổng thống.

— Xin Hoàng thượng hiểu cho tôi, tôi sẽ sang thăm Việt Nam với tư cách là thượng khách do Quốc trưởng mời, chứ không phải là với địa vị Chủ tịch Liên hiệp Pháp, do Cao ủy tổ chức. Trong khi chờ đợi, xin Hoàng thượng tin rằng, tôi sẽ chuyển đạt cho chính phủ Pháp tất cả nhận định của Ngài. Tôi chỉ làm được có thế, tiếc thay, Quốc hội Pháp không cho phép hơn nữa...

Sau vụ này, tôi quyết định đổi chức Cao ủy ở Pháp của Hoàng thân Bửu Lộc ra là Tòa Đại sứ Việt Nam tại Pháp. Để đánh dấu sự liên lạc giữa hai nước, ông Lejean cũng được cử làm Đại sứ Pháp ở Việt Nam.

Mặc dù có quyết định tương đồng giữa hai nước độc lập như nhau toàn thể Hội đồng Liên Hiệp Quốc ONU vẫn từ chối đơn xin gia nhập của Việt Nam, kể cả Lào và Cam Bốt.

Tôi trở về Đà Lạt vào cuối tháng 9, và về đến nơi tôi được biết mùa khô đã tới để Việt Minh mở cuộc tấn công lên đất Thái. Vậy thì đất Hoàng triều cương thổ bị đe dọa trực tiếp. Việt Minh khi đánh sang mặt Lào, muốn tỏ ra rằng muốn rải chiến tranh đến khắp mọi nơi trên cái gọi là Liên bang Đông Dương, đồng thời muốn chứng tỏ trước dư luận dân chúng Việt Nam, nhứt là trước các sắc dân thiểu số, chúng tôi không đủ khả năng bảo vệ họ. Việc bắt đầu tỏ ra bất lợi cho chúng tôi. Kể từ tháng 10, chúng tôi đành phải bỏ vị trí quan trọng là Nghĩa Lộ.

Tướng Salan liền có ý kiến là nên lập ở Na Sản một căn cứ Không quân nhằm hai mục đích: như cho quân đội Việt Minh đến thử sức, để chống cự lại, đồng thời dùng làm bàn đạp tiến công, chứng tỏ chúng tôi có mặt tại vùng này. Địa thế đã được lựa chọn, ở giữa lòng xứ Thái, trên con đường sang Lào bắt buộc, không có lối khác, vừa phải, không gần Hà Nội, mà cũng không xa lắm. Địa thế đủ để máy bay đáp xuống, và được bao quanh bằng một dẫy đồi, giúp cho sự phòng thủ dễ dàng. Tôi đồng ý và chấp thuận điểm chọn.

Để chứng tỏ sự xác nhận chúng tôi sẽ đóng ở Na Sản, ngày 28 tháng 11, tôi cùng với viên Tổng tư lệnh đến địa điểm đang được xây cất rất nhanh chóng. Tôi có một cảm tưởng nhẹ nhõm. Buổi chiều, Tướng Salan mời tôi dự cơm chiều ở Hà Nội. Tôi có ngỏ cho ông biết những khó khăn trên bình diện chính trị, và tôi lấy làm tiếc về sự chậm trễ của nước Pháp trong việc tổ chức quân đội Việt Nam, điều làm cho Việt Minh lợi thế trong sự củng cố quân đội của họ, nhất là điểm tâm lý có lợi cho họ trước mắt dân chúng.

Như vậy, thật là mệt để bắt lại thời gian mất đi này và do thế tôi thấy tương lai quả là bi thảm.

Tuy vậy, tôi bảo ông ta, là tôi rất phấn khởi được trông thấy tại Na Sản, sự kiến tạo này, và quân đội của tướng Giáp sẽ cắn phải miếng mồi quá hóc, nếu y định đánh vào căn cứ này. Tháng chạp qua đi, trong khi chờ cho cá đớp mồi.

Tướng Salan đồng ý với tôi, và chúng tôi được rảnh tay ở miền Nam. Tôi lên cho chỉ thị Tướng Hinh.

Cuối năm, chỉ có một sự việc đáng kể xảy ra, đó là ông Antoine Pinay từ chức ngày 23 tháng chạp. Nước Pháp trong dịp lễ Noel và lễ Saint Sylvestre, không có chính phủ, sự đó vốn rất thường ở Pháp.

TÌNH HÌNH SUY THOÁI

Tướng Eisenhower được bầu làm Tổng thống Hoa Kỳ vào tháng 1 năm 1952. Khi nhận chức vào Tòa Bạch Ốc, ông đọc một bài diễn văn trong đó có câu: "Người lính Pháp chiến đấu ở Đông Dương, và người lính Mỹ chiến đấu ở Triều Tiên, đều cùng chung một mục đích..." Như vậy, đối với người Mỹ, cuộc chiến ở Đông Dương không phải là chiến tranh giữa thuộc địa với mẫu quốc, mà chiến tranh của phương Tây chống Cộng sản, một cuộc chiến để giành lấy tự do ở Việt Nam.

Một đề tài khác khá hài lòng. Nhờ quân đội và nghĩa dũng quân, tỉnh Hưng Yên ở Bắc Việt hoàn toàn nằm trong tay người Việt, cũng như các tỉnh Tân An, Bến Tre, Gò Công ở Nam Việt.

Trên tất cả đất nước, chương trình bình định đang được Thủ tướng Tâm áp dụng, đều mang lại kết quả tốt đẹp. Sau cuộc hành quân của quân đội, thì hệ thống hành chánh và chính trị được thế ngay vào đó, đầu tiên do một hạt nhân từ trung ương lan dần ra như vết dầu loang, tãi rộng ra mãi. Nhiệm vụ ấy được trao cho một cơ quan gọi là *Quân*

Thứ Lưu Động GAMO (Groupement Administration Mobile Operationnel). Đoàn này hoàn toàn do người Việt Nam đảm nhận, và lần lượt đóng ngay vào vùng vừa được càn quét, để đảm trách các vấn đề hành chính, xã hội, y tế, cảnh bị, học chính và tuyên truyền. Cuộc bình định này đã tỏ ra rất hữu hiệu ở vùng Hải Phòng và Hà Nội.

Nguyễn Văn Tâm dùng một chính sách khôn khéo. Nhân vật này, từng tỏ ra cương quyết và chống Cộng triệt để, thích bắt chước Thủ tướng Clémençeau, nên đã thành công trong việc tập hợp rộng rãi trong chính phủ của mình, mọi giai tầng xã hộ trong nước. Nhờ vậy, ông ta đã được nhóm Cao Đài ủng hộ, đưa hai đại diện vào trong chính phủ, thêm hai đại diện phe Việt Nam Quốc dân đảng trong đó có lãnh tụ Vũ Hồng Khanh, từng ở trong chính phủ với Hồ Chí Minh năm 1946, có thêm một đại diện của Đại Việt, vì khi Nguyễn Văn Tâm làm Thủ hiến Bắc Việt, Tâm đã trù ếm phe này khá nặng.

Ngoài ra, những ưu đãi của ông trước quân đội quốc gia, vì có con là Nguyễn Văn Hinh làm Tổng tham mưu trưởng, càng củng cố vị trí chiến đấu của ông, nên rất lừng danh. Cuộc cải cách điền địa, sự chuẩn bị một Quốc hội toàn quốc, đã đem lại cho ông một số đông dân chúng, nhứt là trong giới bình dân.

Như vậy, chúng tôi không thể bị coi là bất động được. Tuy nhiên, điều đó không đúng như ở Pháp. Dư luận dân chúng vẫn không hiểu gì về tình thế cả. Các đảng phái chính trị tỏ vẻ lo âu, và đảng Xã hội lại có ý định quay về điều đình với Hồ Chí Minh. Vì vậy tình hình chính trị nước Pháp đứng im tại chỗ. Tuy nhiên, chúng tôi được nhiều lợi điểm đối với các nước Tây phương, bây giờ tỏ ra đoàn kết trước cuộc chiến ở Đông Dương. Vì vậy, ngày 17 tháng

chạp, *Hội Đồng Đại Tây Dương* họp ở Paris, đã ra một thông cáo nói rằng:

— Cuộc chiến do quân đội Liên hiệp Pháp đang phải đương đầu ở Đông Dương, rất đáng được các chính phủ Đại Tây Dương yểm trợ liên tục. Cho đến nay, chỉ có Hoa Kỳ viện trợ cho Đông Dương, vì gần một nửa các binh phí đều do Mỹ đài thọ. Sự viện trợ đó không phải không đưa lại vài vấn đề giữa Pháp và chúng tôi. Chúng tôi thì mong rằng, viện trợ của Hoa Kỳ được đưa thẳng cho chúng tôi không phải qua trung gian nước Pháp, mà chúng tôi biết nền kinh tế của họ sẽ được hưởng một nguồn lợi quan trọng, riêng về mặt chuyển ngân thôi. Tuy rằng điều mong ước của chúng tôi giống như của Hoa Kỳ, chính phủ Pháp không bao giờ chấp nhận điều thỉnh cầu đó.

Tổng thống Auriol nói:

— Chúng tôi rất mong họ (Hoa Kỳ) giúp đỡ cho Đông Dương, nhưng xin họ đừng có để chân vào.

Nhưng điều chính của tôi vẫn là việc thành lập đạo quân quốc gia. Cuộc nói chuyện của tôi với Tướng Salan vào tháng 11 là đề tài của một chương trình dự trù tỉ mỉ, mà tôi bảo Hinh soạn thảo, khi chính phủ mới được thành lập ở Paris.

Ông Rene Mayer làm Thủ tướng của chính phủ mới này, được thành lập ngày 8 tháng giêng. Ông Letourneau vẫn còn là thành viên và vẫn giữ bộ Quốc gia Liên kết.

Tướng Hinh được sự đồng ý của Paris về chương trình này, là tạo dựng đợt đầu, 54 tiểu đoàn khinh quân. Các tiểu đoàn này tương đương với lực lượng địa phương của Việt Minh, đủ khả năng đánh lại họ tại chỗ, dùng để bình trị khi những đơn vị của quân đội viễn chinh Pháp dành cho các trận di động. Đến năm 1953, quân số của chúng tôi sẽ

tăng cường tới 40,000 người. Dự trù này được viên Bộ trưởng Quốc phòng của chính phủ Tâm muốn nói biến ra thành đạo quân qui ước với các sư đoàn nặng, để kể từ tháng 10, sẽ đem ra sử dụng trên trận địa được.

Sự tham gia đó rất cần thiết, khi có cuộc phản công vào trung tuần tháng giêng trên vùng sơn cước ở miền Trung. Tại đó, các đơn vị của sư đoàn 4 lính thổ, đã bị đụng độ nặng nề. Sau cuộc tấn công mùa thu ở vùng sơn cước miền Bắc Việt Nam, quân đội Việt Minh bị chặn đứng ở Na Sản, nay thì chúng sẽ cố gắng đánh vào miền cao nguyên Trung phần này. Tại Na Sản, căn cứ Không quân đóng vai trò chiến lược. Thì đây sẽ là trái đấm đối với các cuộc đổ bộ vào bờ biển Qui Nhơn mà chúng vẫn sử dụng thường xuyên. Như tại Na Sản, quân địch có vẻ lảng xa, ít nhứt cũng tạm thời. Nhiều cuộc tuần tiễu phát ra từ Qui Nhơn đến An Khê làm giảm bớt dự định của Việt Minh.

Tết năm Quí Tị, ngày 13 tháng giêng, tôi gửi bản thông điệp thứ ba hàng năm cho dân chúng Việt Nam. Bản thông điệp thứ nhứt vào năm 1951, tôi vạch ra những nét chính để kiến thiết quốc gia. Trong bản thông điệp năm ngoái, tôi ấn định về nền cải cách văn hóa. Và năm nay, tôi dành để vạch một đường lối quốc tế cho Việt Nam trên thế giới và vào thế kỷ 20:

"... Chúng ta ở cửa ngõ một đế quốc bao la, vĩ đại vì văn hóa, nhưng đối với chúng ta vẫn là một mối đe dọa cụ thể thường xuyên. Hai bên chênh lệch quá nhiều, tôi bảo cho những người lầm đường hay những Việt gian đã xúi dục họ lầm lạc. Các anh hẳn biết rằng ngày mà thể chất quốc gia của chúng ta đồng hóa với đế quốc đó, thì nó sẽ hút hết chúng ta. Chúng ta chỉ có thể tồn tại, khi giữ mình nguyên vẹn, khác xa với họ.

"Hỡi đồng bào,

"Vào ngày tết thiêng liêng của quốc gia này, hãy nhớ rằng hình dáng và nhiệm vụ của Việt Nam làm cho chúng ta có mặt trên quả địa cầu. Chúng ta chỉ dính vào Á châu, phải chăng có một chút ở bên sườn? Thật sự, chúng ta ngoảnh lưng vào châu Á, và nhìn ra bể, nhìn ra các hải đảo và bán đảo, nhìn vào các dân tộc sống trên bể và do bể mà ra. Chúng ta là một cái sườn núi dốc hướng vào Mặt Trời. Thế mà một dân tộc phải có nền chính trị địa dư của nó. Chính là trên ngọn sóng, và ngoài ngọn sóng, mới là bạn, là khách hàng và đồng minh của chúng ta.

"Về phương diện ấy, sự tập hợp của những dân tộc đầy tương lai, ở rải rác khắp năm châu, là Liên hiệp Pháp, đối với chúng ta là chỗ tựa đáng quí. Ngay một lần đầu, nó đã cho chúng ta một địa bàn đầy bè bạn, khách hàng, và người hợp tác..."

Về phần hai của thông điệp, tôi kêu gọi các đồng bào còn rụt rè chưa dám tham gia, và đặc biệt là giới thanh niên học sinh:

"... Vì thế mà nhiều người phần đông là các thanh niên trẻ tuổi, chỉ biết cái học sách vở, tự hào là trí thức để hợm hĩnh, đã coi địa bàn chính trị như một sân khấu, chỉ có động tác đóng kịch là đáng kể..."

Rồi tôi kêu gọi tất cả những ai đã chiến đấu chống lại chúng tôi:

"Những con đường quá khích nào cũng đều ngắn ngủi, và sẽ làm cho kẻ sử dụng phải lao đao. Chỉ có con đường trung dung, thanh thả, là dùng được, mà tôi muốn tập hợp tất cả đồng bào lại, kể cả những người đã đi quá trớn, hay những ai còn đang chờ đợi, những ai nhạo báng, hay còn

ngờ vực loanh quanh. Còn đối với ai đã đi ngược lại quyền lợi quốc gia, liệu có cần phải nói rằng, cửa ngõ gia đình vẫn luôn luôn bỏ ngỏ?"

Trong tháng 2, nhiều cuộc viếng thăm tới tấp. Đầu tiên là Tướng Lechères đến để xác nhận với Tướng Tổng tư lệnh mục đích chiến tranh đã được chính phủ ấn định rõ rệt. Rồi đến ông Paul Raynaud, Chủ tịch Ủy ban Tài chính Quốc hội, đi du lịch qua, từ ngày 10 đến 24 tháng 2. Sau là cuộc viếng thăm của dân biểu tả phái Paul Devinat, đi công cán cho Quốc hội, đến để kiểm soát việc sử dụng các binh phí, tình trạng quân nhu, quân cụ và sự tiến triển của các quân đội quốc gia Việt, Miên, Lào. Cuối cùng, là sự viếng thăm của Thống chế Juin, đi cùng ông Letourneau. Chúng tôi lợi dụng sự có mặt của ông này để triệu tập một hội nghị quân sự ở Đà Lạt ngày 24 tháng 2.

Hội nghị này đặt dưới quyền chủ tọa của tôi. Tham dự ngoài ông Letourneau có Tướng Salan, Tướng Hinh, Thủ tướng Tâm, quyền Bộ trưởng Quốc phòng Lê Quang Huy và Chánh văn phòng của tôi là Nguyễn Đệ.

Nhiều quyết định quan trọng được đề ra. Trước tiên là sự chấp nhận dứt khoát chương trình thành lập đoàn khinh quân, mà binh phí một phần sẽ do ngân quỹ Việt Nam đài thọ, vào khoảng 50 tỉ quan.

Cũng quyết định trên nguyên tắc, rằng tất cả các đơn vị đó sẽ đặt dưới quyền chỉ huy của Việt Nam. Phần khác, vị Tổng Tư Lệnh vốn là Quốc trưởng, và vị Tham Mưu Trưởng Việt Nam phải có những phối hợp với viên Tổng Tư Lệnh Pháp liên hệ đến các cuộc hành quân và đặt kế hoạch. Quân đội Việt Nam không còn là một quân đội nằm trong quân đội Pháp, mà là một quân đội đồng minh. Đó là Việt Nam hóa chiến tranh.

Chương trình tổng quát được chấp nhận là sự nâng giá trị của quân đội Việt Nam đến năm 1955 trên căn bản là 8 sư đoàn, bao gồm 175,000 quân chính qui trong đó có 50,000 quân trừ bị. Ngoài ra chương trình ấy còn đặt ra các cơ quan liên hệ, sự hình thành của một đoàn Không quân, gồm có một trường học hai nhóm chiến lược, và một tiểu đoàn, cũng như sự thành lập đoàn giang đĩnh và tuần duyên. Như vậy, điều chúng tôi đòi hỏi cho chương trình này, để hoàn tất vào năm 1953, 54 tiểu đoàn khinh quân, 14 đại đội pháo binh, và 19 đơn vị dân chuyển, đưa tổng số quân đội lên 40,000 người nữa. Sự đánh giá chương trình này được ấn định ở Paris, để vào tháng 6, sẽ đưa cho Washington, hầu được viện trợ tương xứng.

Tôi ghi nhận với tất cả sự hài lòng, vì các quyết định này đã được toàn thể hội nghị chấp nhận trong bầu không khí hoàn toàn thông cảm và nhứt trí.

Bốn ngày sau, Thống chế Juin và ông Letourneau đến Na Sản để khen thưởng binh sĩ đã đạt được mục tiêu, làm cho tướng Giáp phải thu quân bỏ chạy.

Viên thanh tra quân lực Pháp vừa đi thăm Triều Tiên một tuần về. Tôi tiếp ông ta ngày 4 tháng 3, tại biệt điện của tôi ở Ban Mê Thuột. Ông có vẻ bớt lo lắng hơn lần trước khi ông gặp tôi ngày 15 tháng 2. Ông bảo cho tôi biết, ông đã được ông Letourneau đồng ý, sẽ mời Tướng Clark, Tổng tư lệnh quân đội Mỹ ở Viễn Đông, đến quan sát tại chỗ, những điều chúng tôi đã làm ở Việt Nam. Rồi ông kể cho tôi nghe dự định Mỹ về Triều Tiên:

— Người Mỹ không biết làm cách nào để rút chân ra khỏi vụ này mà khỏi bị mất mặt. Họ đã dự định những giải pháp rất mâu thuẫn là đưa cả người Tàu ở Đài Loan vào trong vụ lộn xộn này. Nhưng rồi họ lại bỏ cuộc. Dù sao nữa,

nếu sự đàm phán hiện nay mà thành, thì Triều Tiên sẽ bị cắt làm hai. Như vậy, họ sẽ tạo ra miền Nam Triều Tiên một đạo quân, theo kiểu Mỹ. Theo tôi, đó là sự nhầm lẫn lớn. Dù sao nữa, không phải đó là điều mà người ta sẽ làm ở đây.

— Thưa Thống chế, hẳn Thống chế đã biết những điều mà chúng tôi đang muốn sử dụng các tiểu đoàn khinh quân đặc biệt?

— Vâng, đây chính là điều cần thiết. Những người thấy cần phải chống lại với đoàn quân du kích Việt Minh, nhưng cần phải đem đến cho họ một nền hành chánh, do các công chức đã thành, để đến ngay vùng đất vừa chiếm được.

— Đó là chúng tôi đang dự định với đoàn GAMO (Quân thú lưu động), nhưng chúng tôi chưa đủ nhân viên. Hẳn Thống chế thấy nước Pháp đã để lại đây cả một đống công chức vô ích, chỉ dùng thì giờ để chọc gậy bánh xe. Những người mà chúng tôi cần, đó là các kỹ thuật gia, các chuyên viên, chứ không phải bọn người trong ngành cai trị thuộc địa...

— Thưa Hoàng thượng, khi tôi qua Triều Tiên, điều tôi đã nhìn thấy ở Việt Nam làm tôi tin tưởng, nhứt là ở miền Nam, dân chúng đã bắt đầu ý thức được sự chuyển tiếp chế độ, nền độc lập của đất nước. Ở miền Trung và miền Bắc thì chưa nhứt định, vì vậy, tôi muốn rằng Ngài sẽ thành lập sớm đạo khinh quân của Ngài. Tôi đã trông thấy viên tham mưu trưởng trẻ tuổi, Tướng Hinh, mà tôi từng biết, đó là một thanh niên vững chãi, và kết quả mà y đã đạt được đều rất đáng khen. Quân đội của Ngài đánh trận giỏi, nó đã mất nhiều người, bởi vì chưa quen đánh trận lắm.

— Thưa Thống chế, tôi xin đa tạ Thống chế về những điều nhận xét vừa qua, tôi mong rằng Thống chế sẽ nhắc

lại ở Paris, mà người ta thường không hiểu lắm về nỗ lực của chúng tôi.

— Thưa Hoàng thượng, tôi sẽ không quên điều đó. Nhưng tôi xin Ngài nên đề phòng. Một mặt, nước Pháp đã phải gánh chịu quá nặng, mà nó còn nhiều điều bắt buộc khác nữa. Mặt khác, dù cho công việc tiến triển ra sao, không thể chỉ lấy quân sự mà giải quyết hết được, còn cần phải có sự điều đình khác nữa, và đó là việc của Ngài...

Ý nghĩ điều đình chính trị chẳng phải mới nhen lên lần đầu. Trước khi chính phủ đổ, ông Pinay với sự thỏa hiệp của Tổng thống Auriol đã có ý định dùng cách đi đêm để nói chuyện với phe đối nghịch. Được ông Letourneau báo động, vì ông này thành thực ác cảm với bọn Việt Minh, tôi phải miễn cưỡng chấp nhận sự đi đêm, trên nguyên tắc.

Giáo sư Bửu Hội, một nhà bác vật Việt Nam đã ở Pháp lâu năm, được tôi cử vào sứ mạng này. Thủ tướng René Mayer liền lo liệu việc này. Bửu Hội đến Rangoon, để gặp đại diện của Việt Minh ngày 26 tháng 2. Tôi không bao giờ rõ cái gì đã xảy ra, vì câu chuyện này không có đoạn cuối. Nhưng sự việc ấy đã giúp tôi hiểu được tâm trạng của giới chính trị gia Pháp. Tôi sợ rằng, dưới áp lực của dư luận quần chúng, chính phủ Pháp có thể có một sáng kiến mới loại ấy, đẩy tôi vào chỗ sự đã rồi. Vậy thì cần gì đến bao sự hy sinh, và nỗ lực do dân chúng Việt Nam đã bỏ ra trong mấy năm liền? Giả thuyết ấy thật độc ác đối với chúng tôi, cũng như nước Pháp là kẻ đầu tiên đã nản lòng trước những khó khăn bởi tiên thiên bất túc. Thế thì phản ứng của bọn người đầy nhiệt tâm mà chúng tôi đưa vào cuộc kháng chiến này, mà họ phải riêng mình gánh chịu với vài người lính Pháp tất cả những hậu quả tai hại?

Tôi mong rằng có thể nói nỗi khổ tâm ấy với vị đại diện của chính phủ Pháp, nhưng ông Letourneau đến đây như

gió, mỗi khi sự có mặt của ông là cần thiết, rồi trở về Pháp ngay do những hoạt động chính trị khác của ông ở Paris. Sự biến dạng của Đại tướng De Lattre bỗng trở lại với tôi ngày nay như một điều tai hại vô cùng.

Đáp lời mời của Thống chế Juin, Tướng Clark đến Sài Gòn ngày 19 tháng 3. Tôi tưởng rằng cuộc thăm viếng này sẽ có lợi. Dù sao nữa, nó cũng giúp cho viên Tư lệnh quân lực Mỹ để xác nhận công khai là: "tính chất tương đồng giữa cuộc chiến ở Triều Tiên và ở Đông Dương y hệt như nhau."

Sự thăm viếng đầu tiên của Tướng Clark trùng hợp với những triệu chứng đầu tiên cho thấy sự chuyển quân của Việt Minh muốn tiến về Bắc Lào. Tại đây, lực lượng quân đội Liên hiệp Pháp phải đương đầu. Như ở Nghĩa Lộ năm ngoái, người ta mở đầu trận đánh mùa xuân, để di tản Sầm Nứa, thị trấn của tỉnh cùng mang tên ấy, ở sát biên giới nước tôi.

Chính vào lúc đó, có một sự kiện khá lạ lùng. Năm 1953 lẽ ra phải tổ chức tế Nam Giao. Đức bà Từ Cung Thái hậu vẫn có liên lạc với các nhà chiêm tinh cũ của Triều đình báo cho tôi biết ngày giờ thuận tiện để làm lễ. Lúc ấy tôi đang ở Ban Mê Thuột, nên định rằng sẽ cử hành buổi tế ngay tại chỗ, vì con đâu cha mẹ đấy, theo đúng phong tục Việt Nam.

Nơi đất được chọn là làng Boun Trap, cách xa Ban Mê Thuột khoảng trên 10 cây số, trên đường ra Hồ và ở cửa rừng. Tôi cho đem đoàn voi của tôi đến, độ 20 con to lớn đồ sộ, tập trung thành vòng tròn, để như là dâng buổi tế sống vậy. Vì hiện nay đang có chiến tranh, tôi muốn cho đoàn voi của hoàng gia tham dự, để tỏ lòng tôn kính như xưa kia Đức Vua Gia Long đã thu phục sơn hà, voi đã đóng vai trò khai quốc công thần.

Mỗi một con vật đó, có một tiểu sử ly kỳ. Trong bọn này, đặc biệt có con gọi là Buôn Con, tôi từng cỡi thường nhựt, là con voi đực cao tới ba mét. Khi tôi tới Ban đơn viên chủ làn Kim Jo Nop cho tôi mượn con voi này để đi săn. Đó là con vật giá trị nhứt của ông ta. Thấy con vật cực kỳ tinh khôn, tôi đề nghị với Kim Jo Nop bán lại cho tôi, ông ta từ chối và kêu lên: "Người ta có thể lấy vợ tôi, lấy con gái tôi, nhưng không lấy được voi của tôi..."

Cuối cùng, với sự hỗ trợ với viên công sứ sở tại, sau khi tổ chức nhiều buổi hội hè, viên tù trưởng mềm lòng và bằng lòng bán lại cho tôi, những quản tượng người Rhadé đã đưa nó đến kho sưu tập thú rừng của tôi ở Quảng Trị. Khi đến gần Cam Lồ, họ liền trao cho các quản tượng Việt Nam, mà con voi kiêu hãnh này tòng phục ngay. Tôi cỡi nó hàng tuần.

Theo gương của các tay săn bắn người Bandon, thà chết đói còn hơn là trồng một cây lúa, Buôn Con cũng từ chối làm việc, kể cả việc đi lấy thức ăn. Tôi phải đưa từ Huế ra một con voi cái, để gom góp đồ ăn lại cho nó. Buôn Con chấp nhận và ăn.

Nhưng voi cái lợi dụng lúc đi tìm thức ăn để lảng ra xa và chạy trốn. Có đến sáu lần như vậy. Cứ mỗi lần bỏ chạy, Buôn Con phải cùng viên quản tượng đi tìm, đưa về đoàn. Đến lần thứ bảy, viên quản tượng lại đi tìm, và khi bắt được con voi cái vô kỷ luật này thì bị nó quật chết tươi.

Buôn Con nghe được đủ thứ tiếng mọi, tiếng Việt Nam và cả tiếng Pháp. Nó rất quen thuộc các động tác của tôi, để mỗi khi đi săn, thì bao giờ cũng ngưng lại cách xa con mồi độ 40 thước, để tôi có thể bắn với độ hữu hiệu nhất.

Một hôm, có con hổ nhẩy lên lưng nó từ phía sau, và cào nó rất sâu. Vết thương bị nhiễm trùng. Cần phải giải

phẫu nơi bả vai. Người thú y không có thuốc tê. Trong suốt thời gian giải phẫu, người quản tượng nói với nó, bảo nó rằng cần phải chịu đau một chút, vì điều đó có ích cho nó. Nó nằm im không nhúc nhích. Sau đó nó khỏi.

Gặp biến cố năm 1945, bọn Cộng sản chiếm được Quảng Trị, nó không chịu làm gì với họ. Rồi có thể là do chính biến, nó bỏ chạy và vào rừng trong suốt thời gian tôi vắng mặt. Khi tôi trở về năm 1949, nó lại về khu sưu tập thú rừng. Không phải chỉ có một mình nó, nhiều con khác cũng lục tục trở về, có cả quản tượng. Có lẽ bọn này cũng chẳng muốn hợp tác với bọn Cộng sản.

Buôn Con chỉ có một ngà. Voi một ngà rất dữ tợn, nên khi trông thấy voi một ngà là các loài khác đều sợ hãi.

Vào đêm mùa xuân của tháng 4, quãng 3 giờ sáng, bên cửa rừng đầy đuốc cháy sáng, chúng tôi hành lễ Nam Giao. Trong sự lặng thinh của núi rừng, giữa thiên nhiên tươi tốt, tất cả như thân cận gần nhau, nghi thức buổi lễ đã vô cùng cảm động, hơn cả buổi tế ở đàn tế Nam Giao ở Huế. Buổi lễ đã nhuốm màu vĩ đại mà ít khi tôi được cảm thấy. Tôi báo cáo lên Trời Đất sứ mạng của tôi, và buổi tế đã kéo dài cho tới gần sáng. Một con voi đã tỏ ra nóng ruột. Bất thình lình, nó tấn công con voi kế cận. Tất cả vòng tròn voi, như một lâu đài giấy bồi nghiêng ngửa, trở thành lộn xộn và tan rã. Tất cả những người dự lễ, đều mạnh ai nấy chạy, cố gắng tránh những con vật hung hăng phá đổ mọi vật trên đường. Tôi đứng lại một mình ở giữa chỗ hỗn loạn đó, trong bộ đại trào, nhiều khi bị con voi điên chạm phải.

Tôi liền gọi Buôn Con, bảo nó đến gần tôi, và ra lệnh cho nó dẹp cuộc náo loạn này. Nó liền đi gọi từng con một, lần lượt, có khi chỉ bằng vài tiếng hí, để bắt đứng vào hàng ngũ. Trong vòng mươi phút, trật tự lại trở lại như cũ, tôi

chưa hề đổi chỗ lần nào. Một số người từng theo tôi dự lễ này, cho rằng đây là một triệu chứng của nhà Trời.

Cần phải nói rằng, vào mùa xuân năm 1953, nếu tình hình quân sự không có gì nghiêm trọng, thì tình hình chính trị lại gia tăng. Ngay trong lãnh vực này, thời gian không làm việc cho chúng tôi.

Mỗi một ngày, chúng tôi đi sâu vào trách nhiệm, mỗi một ngày chúng tôi phải đối phó với chiến tranh, và cũng mỗi một ngày trên bình diện chính trị, chúng tôi gặt hái được kết quả tốt. Nhưng nước Pháp, do quan niệm liên hiệp của khối quốc gia liên kết, vẫn khư khư giữ lấy vai trò chỉ đạo vốn đã lỗi thời rồi.

Quốc vương Sihanouk hành động đầu tiên, theo kiểu của ông, bằng một thái độ đáng khen. Sau khi nắm vững tất cả mọi quyền hành quốc gia trong tay, ông ta sang Pháp vào tháng 4. Tại đây, ông giải thích cho Tổng thống Vincent Auriol và cho chính phủ là quan điểm hệ thống của Liên hiệp Pháp không phù hợp với thực tế. Ngày nay, nếu người ta muốn chúng tôi giải quyết việc dẹp loạn nội bộ, thì chúng tôi cần phải được hoàn toàn độc lập, với tất cả các mặt ngoại giao, quân sự và kinh tế. Nêu lên những điều của Hiến pháp, cần phải sửa đổi, chính phủ Pháp từ chối mọi yêu sách của ông Hoàng chùa Tháp. Ông này rời bỏ Paris để sang Hoa Kỳ, và khi đến Nữu Ước, đã tuyên bố một lời nẩy lửa:

— Nếu người Pháp không thỏa mãn yêu sách của chúng tôi, chúng tôi sẽ đi theo đường lối chung của Việt Minh.

Phản ứng của René Mayer thật bất ngờ. Ngày 9 tháng 5, không cần sự tham gia ý kiến của Hội đồng, tự ý ông ta hạ giá đồng bạc Đông Dương, đang từ 17 quan xuống còn có 10 quan. Biện pháp ấy có hiệu lực nhằm hủy bỏ mọi khả

năng hối đoái, và gây xáo trộn nặng nề cho nền kinh tế của Đông Dương.

Chính phủ Pháp còn đưa ra một quyết định nữa, mà đến khi thi hành, tôi mới được thông báo: Tướng Salan được thay thế bằng Tướng Navarre, mà ngày 21 tháng 5 đã được ông Letourneau đón tiếp ở Sài Gòn. Ba hôm sau, Tướng Salan đến chào biệt tôi ở Ban Mê Thuột. Tôi không dấu ông ta về sự ngạc nhiên của tôi về thái độ của chính phủ Pháp, và sự mù tịt mà họ để cho tôi trong mọi quyết định, làm tôi rất bực mình.

Hôm sau, gặp ông Letourneau, tôi tỏ cho ông ta biết sự bất bình của tôi và yêu cầu ông ta phải định lại nghĩa về Liên hiệp Pháp, càng sớm càng tốt. Bởi vì căn cứ vào các quyết định của chính phủ Pháp vừa qua, với tính cách hai bên đồng thỏa thuận, thì Pháp đã vi phạm tinh thần của hiệp định Pau, tôi yêu cầu bãi bỏ vấn đề tiền tệ và quan thuế giữa bốn bên, và đòi cho Việt Nam quyền tổng tư lệnh quân đội Việt Nam và Pháp.

Thật là phí công, vì ông Letourneau chỉ còn là bộ trưởng phụ trách giải quyết các việc thông thường. Chính phủ René Mayer đổ từ ngày 21 tháng 5. Cuộc khủng hoảng nội các kéo dài tới 35 ngày.

Ông Joseph Laniel, tân Thủ tướng nội các, được tấn phong ngày 26 tháng 6, tuyên bố:

— Chính phủ kiên trì tìm một đoạn chót cho những biến cố ở Đông Dương, dù đang là lúc đàm phán được ký kết sau cuộc đình chiến ở Triều Tiên hay bất cứ cuộc đàm phán nào phù hợp với các chính phủ của quốc gia liên kết.

Từ nay, chính phủ Pháp sẽ không có bộ các quốc gia liên kết nữa, nhưng chỉ còn là một vị quốc vụ khanh, trao cho ông Marc Jacquet. Còn ông Paul Reynaud phó thủ

tướng nội các, chịu trách nhiệm về các vấn đề Đông Dương do ủy quyền của Thủ tướng. Thật là giản dị, từ nay không ai biết ai là người chịu trách nhiệm. Hơn nữa, chẳng ai là đồng nhứt giữa hội đồng chính phủ. Nếu ông Paul Reynaud như sẵn sàng theo đuổi kỳ cùng mục tiêu độc lập, thì nhiều bộ trưởng khác, tập trung quanh ông Georges Bidault, bộ trưởng Ngoại giao lại muốn giữ tình trạng liên minh của Liên hiệp Pháp.

Lập trường thứ nhứt của ông Reynaud thắng và ngày 3 tháng 7, ông Reynaud ra một tuyên ngôn, nhân danh chính phủ, trong đó ông nhấn mạnh:

— Nước Pháp muốn kiện toàn nền độc lập và chủ quyền của các quốc gia liên kết, bằng cách thảo luận trên phương diện bình đẳng, về tính chất các sợi liên lạc sẽ đặt ra với từng nước một.

Để chứng tỏ sự thay đổi đường hướng này, chính phủ Laniel ngay ngày hôm ấy cử ông Maurico Dejean đang làm đại sứ ở Nhựt, vào chức Tổng ủy viên ở Đông Dương.

Tướng Navarre đến chào tôi, mấy ngày sau khi ông đến ông cho tôi hay những nét chính về kế hoạch hành quân mà ông sẽ đặt ra. Điểm chính vẫn là để lợi thời gian cho quân đội Việt Nam phát triển, trong khi vẫn theo đuổi chính sách bình trị ở những vùng mà chúng tôi đã thu hồi được.

Về vấn đề quân đội của chúng tôi, tôi cũng cho ông biết thêm những yếu tố mới. Ít ngày sau, ông đi Paris để xin phép chính phủ chấp thuận kế hoạch này. Khi ông trở lại, ông cũng không nói gì cho tôi biết cả...

Trong thời gian này, tôi tiếp một phái đoàn trí thức Việt Nam trong đó có Ngô Đình Nhu, là em của Ngô Đình

Diệm. Họ đến để "gợi ý tôi để dân chủ hóa chế độ bằng cách lập ra một Quốc hội."

— Tôi muốn lắm, tôi bảo họ thế, nhưng các anh lập như thế nào?

— Thưa Hoàng thượng, một người Pháp, một nửa Quốc hội này sẽ do dân bầu, còn nửa kia là do Quốc trưởng chỉ định.

Lập tức, tôi ngắt lời:

— Không thể như thế được. Nếu các anh muốn có một Quốc hội, chúng tôi sẽ lập ra Quốc hội đó, nhưng nó phải do toàn thể dân chúng bầu ra. Tôi sẵn sàng làm như vậy, nhưng tôi không cần lưu ý các anh nên cẩn thận, và phải chịu mọi trách nhiệm. Trong đất nước này, chỉ có hai người là có thể đặt ra được một Quốc hội như vậy: Hồ Chí Minh và tôi.

Bọn này liền có phản ứng, mà tôi đang chờ đợi:

— Thưa Hoàng thượng, đây chỉ là sự gợi ý của chúng tôi, Quốc hội ấy, tất nhiên là tùy thuộc ở Ngài, để thành lập vào lúc nào Ngài cho là thuận lợi.

Tôi quyết định đi Pháp và đến vào ngày 2 tháng 8. Tôi về Cannes với gia đình vài ngày. Cuộc nghỉ ngơi ngắn ngủi ấy giúp tôi thu lượm được tâm trạng của các nhà chính trị Pháp. Hình như là những quyết định do văn phòng tôi hay do chính phủ của Tầm đều bị dư luận Pháp lên án dữ dội.

Đối với những người không bằng lòng này, phần tôi, tôi cũng có những sự bất mãn, và tôi có đầy đủ hồ sơ.

Một người trong bọn họ thì than phiền về chỗ chính phủ Pháp đã yêu cầu miễn thuế xuất cảnh cho các xí nghiệp khai thác, vẫn chưa được xét đến. Thế mà các thuế xuất cảnh này được đánh là để bù vào chỗ thua thiệt của chúng tôi, do sự phá giá đồng bạc. Hồ sơ thứ hai thì nhằm vào

quyết định độc đoán của nước Pháp, là không công nhận giá trị văn bằng do trường Đại học Hà Nội cấp, được bằng với văn bằng do trường Đại học Pháp cấp. Quyết định ấy thật tai hại cho các sinh viên Việt Nam muốn tiếp tục theo học ở Pháp. Cuối cùng, có cả hồ sơ nói về đề nghị ngưng bắn với Việt Minh.

Bởi vì tôi biết sự vận động của Bửu Hội không phải là độc nhứt. Một phái đoàn con buôn, thuộc giới áp phe, mới đây đã sang Tàu, và kẻ chủ chốt chẳng ai khác hơn là viên cựu Quận trưởng Aubrac, mà sự giao hảo với Hồ Chí Minh ai cũng đã rõ. Tôi được biết vụ này, do những tin đồn, rỉ tai trong các nhà băng Trung Hoa và Việt Nam, là bọn tài phiệt sẽ tìm cách cứu vãn và che chở cho quyền lợi của họ, nếu có cuộc đình chiến xảy ra với Việt Minh, và sự chia đôi nước Việt Nam, như đã từng xảy ra ở Triều Tiên. Dự định ấy có thể có khá lâu rồi, vì tôi được biết có những chuyên viên phòng nhì Pháp (2è bureau) đang tìm những băng cũ thu tiếng nói của Hồ Chí Minh, để có thể kiểm thính được lời tuyên bố mới nói về đình chiến ở đài Việt Minh.

Tôi sợ rằng người Pháp, quá mệt mỏi về cuộc chiến tranh này, bất cần tôi, sẽ đình chiến với Việt Minh.

Thế mà, những điều kiện về thỏa hiệp ở Đông Dương lại rất bấp bênh hơn ở Triều Tiên nhiều. Những cuộc đàm phán cứ kéo dài, và đưa vào ngõ cụt. Ngược lại, nó có một hậu quả tâm lý tức khắc: đặt dân tộc Việt Nam trực tiếp vào chiến tranh, và làm suy giảm sự phát triển của quân đội quốc gia.

Tôi không muốn người ta đẩy tôi vào chỗ Lý Thừa Vãn, phải lãnh đủ ở Triều Tiên.

Trường hợp nước Pháp bỏ mặc chúng tôi phải gánh chịu tất cả sức nặng của chiến tranh, thì theo đúng lẽ công

bằng, nó phải trao trả chúng tôi nền độc lập hoàn toàn. Nếu nó có những sự điều đình, điều đình cuối cùng, nó phải chừa ra cái cuối cùng này, như vấn đề hối đoái, vấn đề đặc miễn tài phán và quyền tổng tư lệnh quân đội. Chính vì lẽ đó, tôi lại sang Pháp.

Tổng thống Vincent Auriol mời tôi đến gặp ông ở Rambouillet. Chúng tôi thảo luận với nhau suốt 48 giờ đồng hồ, là ngày 27 và 28 tháng 8. Có các ông Joseph Laniel, Edgare Faure, Georges Bidault, Marc Jacquet và Paul Reynaud cùng tham dự.

Cuộc nói chuyện bắt đầu trong một không khí khó chịu. Tôi giải thích cho Tổng thống Cộng hòa Pháp quốc:

— Lời tuyên bố ngày 3 tháng 7 của ông Paul Reynaud đã làm tôi rất bất mãn. Tôi biết rằng đây chỉ là để chiều lòng Quốc vương Sihanouk. Về phần tôi, tôi không hề xin các Ngài một cái gì. Tất nhiên, lời tuyên bố đó không có lý do và cũng không có ích gì hết. Trái lại nữa, hoàn cảnh của tôi tự nó đã không dễ dàng gì, tôi phải đối phó với các giáo phái đang cố gắng chống lại sự hợp nhứt quân đội, với các điền chủ đã hiểu sai lạc ý nghĩa của sự cải cách ruộng đất, với các tay bảo thủ không muốn chấp nhận sự cố gắng canh tân, dân chủ, với các nhà ái quốc quốc gia đang nghĩ là Thủ tướng Tâm thân Pháp, với những đảng viên xã hội đang sợ một sự phục hồi nền quân chủ, với các cơ quan của phủ Cao ủy lúc nào cũng muốn hạn chế chức năng của hiệp ước... Tôi phải đưa quân đội trẻ của chúng tôi ra ngay chiến trường, và hơn nữa, để đánh nhau với Việt Minh. Vậy mà ông Paul Reynaud đã muốn bao gồm tất cả những cái táp nham đó, để tập hợp được với nhau, điều mà không bao giờ có thể thực hiện được, nếu không có một hỗ trợ bên ngoài. Nhiều khi, tôi đã nghĩ rằng Paris muốn tôi gánh chịu hết trách nhiệm cho sự thất bại của nó, nhưng thưa Tổng thống, tôi xin nhắc lại, cái thất bại ấy là thất bại của giải pháp Pháp, chứ không phải của Bảo Đại...

Để trở lại lời tuyên bố của ông Paul Reynaud, một chữ trong đó làm chúng tôi bất mãn. Đó là chữ *"kiện toàn nền độc lập"* do câu ấy đã chưa nói hết, nếu không cho rằng nói sai...

Ngày hôm sau, chúng tôi lại tiếp tục nói chuyện với Tổng thống Auriol. Ông ta nói đến sự thay thế ông ta, vì sẽ rời điện Elysée vào cuối năm, và không có ý định xin tái nhiệm lần nữa.

— Điều tôi muốn xin Tổng thống, tôi nói, đó là nước Pháp đảm bảo vẫn tiếp tục giúp đỡ chúng tôi, chiến đấu chống với Việt Minh.

Ngay chiều hôm ấy, tôi trở về Cannes.

Vài hôm sau, Tướng Catroux vẫn có cảm tình nồng hậu với tôi từ 1949, đến gặp tôi. Ông đến để cho biết là đem một thông điệp của chính phủ:

— Thưa Hoàng thượng, tôi nghĩ rằng Hoàng thượng nên làm một cái gì, có thể hướng chế độ vào một sự dân chủ hóa...

— Thưa Đại tướng, tôi muốn lắm, nhưng Ngài thử cho tôi biết cách nào?

— Chính phủ Pháp muốn rằng Ngài tập hợp ở Sài Gòn các nhà chính trị, và trí thức trên toàn quốc.

Thật lạ lùng, ý kiến này rất trùng hợp với điều mà ông Adlai Stevenson vẫn đã nói với tôi ở Ban Mê Thuột, cũng như điều mong muốn của giới trí thức ở Sài Gòn đã bảo tôi, trước khi tôi đi Pháp. Tôi trả lời Đại tướng Catroux:

— Thưa vâng. Xin Đại tướng báo với Paris, là tôi sẽ về Sài Gòn để tập hợp một hội nghị gồm đủ mọi xu hướng.

Theo nhãn quan của các Ngài, đó sẽ là trung tâm tập hợp tất cả mọi đối lập. Rồi các Ngài sẽ thấy nó sẽ đưa đến đâu...

Tôi liền cho vời ông Tâm lúc ấy ở Paris, và bảo ông ta đừng có dính líu gì vào vụ này. Nên để cho đại diện của Pháp tìm người để lập hội nghị. Người ta chọn Bửu Lộc.

Ngày 14 tháng 10, *Hội Nghị Toàn Quốc Việt Nam* họp ở Sài Gòn, và lần đầu tiên, bầu ra ban chấp hành. Đó là Trần Trọng Kim được bầu làm Chủ tịch. Trần Trọng Kim là Thủ tướng chính phủ thành lập dưới thời Nhựt tặng tôi nền độc lập vào năm 1945. Sự lựa chọn đã có ý nghĩa.

Biết trước cái gì sẽ xảy ra ở Sài Gòn, tôi thảo một lời tuyên bố trong đó nói rõ vị trí của tôi. Lời tuyên bố này được đăng trên báo *Le Monde*, ngày 15 tháng 10 dưới hình thức một bài phỏng vấn.

Ngày 16 tháng 10, 200 đại diện của hội nghị, trong một không khí rất khích động đã trả lời về câu hỏi đặt ra là: Mối giao dịch giữa Việt Nam và Pháp sẽ đặt ra như thế nào? Họ đã đồng nhứt trả lời:

— Nhận thấy rằng Liên hiệp Pháp dựng lên bởi ban Tân hiến pháp Pháp năm 1946, đã trái với đường lối chủ quyền quốc gia, Hội nghị toàn quốc quyết định:

● *Nước Việt Nam độc lập, không gia nhập vào Liên hiệp Pháp.*

● *Sau khi chuyển giao các cơ sở và thẩm quyền vẫn còn do Pháp giữ, nước Việt Nam sẽ ký với nước Pháp một hiệp ước đồng minh, trên căn bản bình đẳng, đối với những nhu cầu và tùy trường hợp, cho một hạn định do chính phủ Việt Nam ấn định.*

Khi bản này được phổ biến, cả Paris sôi sục và bất mãn. Tướng Catroux được người ta cử đến tôi ngay tức khắc, đã kêu lên:

— Thật ô nhục, thưa Hoàng thượng. Tổng thống Auriol xin Ngài trở về Sài Gòn tức khắc, và phủ nhận Hội nghị này.

— Thưa Đại tướng, nhưng đó là do các Ngài yêu cầu, do nước Pháp yêu cầu. Tôi không yêu cầu gì. Tôi không có tí trách nhiệm gì trong vụ này, và cũng không có lý do nào để phủ nhận những người mà tôi không yêu cầu họ cái gì. Phần khác, tôi đã ấn định ngày tôi dời Pháp là ngày cuối tháng, tôi không thay đổi chương trình.

Đại tướng ra đi, không khỏi thất vọng nặng nề.

Ngày hôm sau, tôi được biết là Hội nghị, đến kỳ họp thứ hai, dưới ảnh hưởng của Bửu Lộc, đã muốn tu chính lại bản này, bằng cách thêm vào câu: *"Nước Việt Nam độc lập không gia nhập vào Liên hiệp Pháp,"* mấy chữ sau đây: *"dưới hình thức hiện tại..."* Nhưng các đại diện đã lợi dụng cuộc họp này, để đưa tiếng nói của hội nghị thành tiếng nói của một quốc hội lập hiến.

Đấy, như thế là chúng ta biết sự thiếu kinh nghiệm của các nhà chính trị Pháp. Tôi biết rõ, các đại biểu đã bị lôi cuốn vào ngôn ngữ quá độ, là do một nhóm thiểu số người Bắc, và họ phải hiểu trong lo âu, sự phiêu lưu mà họ muốn lăn vào, sẽ đưa họ tới đâu?

Cũng không cần phải nói là lời nói quá sỗ sàng này, quả đã nhiễm chiều vô ơn bạc nghĩa với nước Pháp. Nhưng nó chứng tỏ một hành động độc lập đối với tôi. Giữa lúc mà đất nước, phải cương quyết đương đầu với chiến tranh, mà đường lối chính trị do chính phủ lãnh đạo, phải đạt những kết quả khả quan tôi không thể nào tha thứ được một hành động như thế.

Đầu tháng 11 năm 1953, tôi trở về Việt Nam, nhưng cố tình không vào Sài Gòn, mà lên ngay Ban Mê Thuột.

Tại đấy, mấy hôm sau, tôi cho gọi các đại diện Hội nghị đến.

Họ đã tập trung ở phòng khánh tiết, tự hỏi không rõ phản ứng của tôi sẽ ra sao. Rất vắn tắt, tôi bảo họ:

— Thưa các ông, sự việc đã qua rồi, các ông đã gần như nói rõ vị trí của tôi. Người ta hỏi ý kiến của các ông, các ông đã cho ý kiến. Bây giờ điều tôi chờ đợi ở các ông, là xin chấm dứt cái Hội nghị này, và xin các ông hãy trở về nhà.

Tôi có cảm tưởng rằng, sau lời nói đó đa số các đại biểu, đã thở ra một cách nhẹ nhõm. Dù sao nữa, họ cũng trở về nhà họ, và người ta không còn nghe thấy nhắc đến Hội nghị nữa.

Tại Paris, Thủ tướng Laniel trong hai cuộc bàn cãi quan trọng ở Quốc hội trước tiên và ở Hội đồng Chính phủ, đã cố gắng một cách đáng khen, để dập tắt dần câu chuyện. Ông nhấn mạnh trong cả hai lần rằng:

— Nếu một giải pháp danh dự tìm thấy được, dù dưới địa hạt địa phương, hay địa hạt quốc tế, nước Pháp cũng như Hoa Kỳ tại Triều Tiên, sẽ rất sung sướng để chấp nhận một giải pháp ngoại giao về chiến tranh ở Đông Dương.

Câu nói đó không phải là không gây ra một vài lo lắng cho chúng tôi.

Nhất là, khi tôi được biết qua một sự tiết lộ rằng chính phủ Pháp có ý định mời Pandit Nehru để lên tiếng kêu gọi về hòa bình cho Đông Nam Á, nước Pháp sẵn sàng chấp nhận một cuộc đàm phán Pháp-Hoa dưới sự chủ tọa của nhà trung gian Nehru. Để đền đáp về sự can thiệp này, lãnh tụ Ấn Độ sẽ được trả công một cách xứng đáng, đối với năm nhượng địa của Pháp tại Ấn Độ...

Thật lạ lùng, là ngày 29 tháng 11, trong một cuộc phỏng vấn trên báo Thụy Điển *Expressen,* Hồ Chí Minh nhắc lại,

long trọng rằng Việt Minh rất mong được điều đình với Pháp, và ý muốn của ông ta là sẵn sàng tiếp nhận một sứ giả của một nước trung lập.

Tôi không rõ, Hồ Chí Minh cũng được vô tình biết được tin này, do một sự vô ý tiết lộ nào khác không.

Được chính thức báo cho biết, Tướng Navarre đã dứt khoát về chuyện điều đình, giữ gìn quân đội viễn chinh thật chu đáo.

Thế nhưng, tại hội nghị Bemudes, hai ông Laniel và Bidault nêu vấn đề lên trước người Mỹ và người Anh.

Lời tuyên bố của Hồ Chí Minh trong cuộc phỏng vấn phổ biến ở Sài Gòn làm cho tình thế thêm gay cấn. Những nhà quốc gia đều bận rộn khẩn trương.

Ngày 11 tháng chạp, Thủ tướng Tâm gởi tôi một bức công điện xin gặp. Để trả lời, tôi yêu cầu ông ta nên từ chức.

Thật vậy, qua radio, tôi được biết Tâm có ý định lợi dụng vụ hội nghị, để lập ra một Nghị viện, nhưng chẳng ai hoan nghênh. Mặt khác, ông Georges Bidault muốn cho tôi hiểu ngầm là có thể có sự điều đình quốc tế về Việt Nam.

Vì những lý do đó, và để ngăn chận một khủng hoảng mà tôi cảm thấy, ngày 17 tháng chạp, tôi chấm dứt nhiệm vụ của Thủ tướng Nguyễn Văn Tâm, và ủy nhiệm Hoàng thân Bửu Lộc lập chính phủ mới.

Cũng ngày hôm ấy, tại Paris, Nghị viện họp, và sau tám ngày mà cả, ông René Coty được bầu làm Tổng thống Pháp.

HỘI NGHỊ GENÈVE

Tôi chọn Bửu Lộc để dự trù trong việc ngoại giao quốc tế, sẽ họp trong năm 1954. Bửu Lộc đã ở cạnh tôi rất lâu mỗi khi tôi về nghỉ ở Pháp, bởi ông ta là Cao ủy và Đại sứ Việt Nam tại Pháp. Như vậy, ông ta thường có dịp học hỏi và quen biết giới chính trị gia Pháp, và các nhân vật ngoại quốc khác.

Chính phủ của ông thành lập ngày 12 tháng giêng †. Đó không hẳn là một chính phủ đoàn kết quốc gia như tôi mong muốn, nhưng nó bao gồm nhiều nhân vật thông thạo, và tận tâm. Nếu các giáo phái từ chối không chịu tham dự, thì chính phủ này cũng có hai đảng viên Đại Việt tham gia. Tôi ấn định cho Bửu Lộc hai mục tiêu là theo đuổi các công cuộc cải cách đang dở dang, và phải kết thúc với Pháp sự bảo đảm độc lập toàn vẹn trên toàn quốc.

Mục tiêu thứ hai này giúp cho ông ta có uy tín đối với các phe phái quốc gia, và củng cố vị trí trọng tài của tôi.

Hội nghị Berlin mở ra ngày 25 tháng giêng, với sự tham gia của các bộ trưởng Ngoại giao tứ cường, Dulles, Eden, Molotov và Bidault. Tôi cử Nguyễn Văn Tâm đến, với tư

cách quan sát viên. Hội nghị này mở màn cho sự quốc tế hóa vấn đề tranh chấp ở Đông Dương. Việt Minh lợi dụng tối đa về tình thế này.

Tại chỗ, vị Tổng Tư Lệnh đã mở nhiều cuộc hành quân, mà theo ông nghĩ, một mặt đẩy chúng bỏ chạy khỏi quấy rối. sự phát triển của quân đội quốc gia, mặt khác để tảo thanh các vùng mà chúng tôi đang kiểm soát.

Vì vậy, ông cho tái chiếm từ nhiều tháng trước Điện Biên Phủ, một thị trấn trên đất Thái, ở sát biên giới Lào, để dử cho Việt Minh tấn công. Mặt khác, ông phải đối phó với một lực lượng Cộng sản tràn lan xuống sông Cửu Long, qua vùng Trung Lào. Cuối cùng, một cuộc hành quân rộng lớn được sử dụng ở cao nguyên miền Trung, để giữ vững vùng này.

Tướng Navarre đã báo cho tôi những cuộc hành quân đó. Ông chú trọng nhứt về việc giải tỏa miền Trung Việt

† Thành phần chính phủ Bửu Lộc gồm có:
- Hoàng thân Bửu Lộc, Thủ tướng kiêm Nội vụ,
- Nguyễn Trung Vinh, Phó thủ tướng bộ trưởng Canh nông, phụ trách về cải cách điền địa
- Nguyễn Đệ, quốc vụ khanh
- Phan Huy Quát, bộ trưởng Quốc phòng
- Nguyễn Đắc Khê, bộ trưởng phụ trách vấn đề dân chủ hóa
- Nguyễn Quốc Định, bộ Ngoại giao
- Dương Tấn Tài, bộ Tài chánh
- Nguyễn Văn Tỷ, bộ Kinh tế
- Nguyễn Văn Đàm, bộ Tư pháp
- Lê Thăng, bộ Thông tin
- Lê Quang Huy, bộ Giao thông Công chính
- Tân Hàm Nghiệp, bộ Y tế và Cựu chiến binh
- Phạm Văn Huyến, quốc vụ khanh phụ trách Xã hội
- Đinh Xuân Quảng, quốc vụ khanh phụ trách Nội vụ
- Vũ Quốc Thúc, quốc vụ khanh phụ trách Quốc gia Giáo dục.

Nam. Tôi có đề nghị để các đơn vị Việt Nam cùng giữ Điện Biên Phủ ông ta đáp:

— Dạ không. Đây là một vấn đề hoàn toàn Pháp. Chúng tôi muốn *bẻ gãy* bọn Việt Minh. Hai tiểu đoàn Thái đã có mặt ở đây là quá đủ.

Trong dịp tết Giáp Ngọ, ngày 3 tháng 2, tôi gửi một thông điệp chúc tết hàng năm cho dân chúng Việt Nam. Sau khi phân tách tình hình hiện tại, tôi giải thích những ưu và khuyết điểm mà có chứa đựng, không thể tránh.

"Ngày hôm nay, chủ quyền của chúng ta đã được thu hồi, và năm nay cũng là năm mà đường lối chính trị của chúng ta đã ra khỏi mẫu đất khó khăn đã cản mũi chúng ta. Nước Pháp, do giòng Lịch sử đã để lại trên phần đất này, nhiều dấu vết tốt đẹp thì chẳng bao lâu sẽ chấm hết do hiệp ước trả lại nền độc lập này... Quí hơn hết, quốc gia to lớn này đã không chấp nhận cho đế quốc Sô Viết, được bắt lấy cái chủ quyền vừa được thu hồi ấy, và nó đã chịu nhiều sự hy sinh nặng nề, để chứng tỏ rằng sự giải phóng cho chúng ta không phải là trò bịp bợm bi thảm... Tôi ước ao rằng dân chúng Pháp sẽ hiểu rằng, chỉ có sự thỏa mãn giá trị tinh thần quốc gia của Việt Nam mới có thể bảo đảm được tình thân hữu, nền văn hóa và quyền lợi đã đẩy hai dân tộc chúng ta chung sống gần một thế kỷ cùng nhau.

"Vấn đề hiện tại là bây giờ chúng tôi phải gạt bỏ mọi dấu vết Cộng sản.

"Năm 1945, toàn thể nhân dân Việt Nam đã đứng lên giành lấy chủ quyền của mình. Chính bọn Cộng sản đã thực hiện tội ác chống lại tổ quốc, và làm tan tác sự nhứt trí này..."

Rồi tôi giải thích về những xáo trộn năm 1945, chúng tôi sẵn sàng thiết lập *một cơ cấu chính trị dân chủ, theo căn bản dân vi quí, để đưa nước nhà lên đài vinh quang trong tương lai...*

"Một sự đồng minh bình đẳng với nước Pháp, sẽ hỗ trợ chúng tôi vào vị trí quốc tế. Cảm tình của 33 nước trong khối tự do, đã chính thức công nhận nước Việt Nam quốc gia này. Trong các nước ấy, sự biết ơn của chúng tôi đặc biệt dành cho nước Hoa Kỳ đã giúp đỡ chúng tôi mạnh mẽ, và vô cầu lợi...

"Cuộc chiến của chúng tôi là nội chiến, trong khi bọn chống đối trá ngụy mà chúng tôi phải đương đầu, lại do ngoại bang chi phối. Nó là lợi khí địa phương cho một chiến lược quốc tế, mà trung tâm là ở Mốt-Cu. Nếu bọn Cộng sản Việt Nam cho rằng chiến đấu để giải phóng Việt Nam trong tay Pháp, tại sao họ lại không đếm xỉa gì đến nền độc lập đã thu hồi được? Nếu bọn Cộng sản Việt Nam tự nhận chỉ riêng họ là yêu nước, tại sao họ lại đưa chiến tranh, ngay cả bây giờ nữa, sang đến tận Lào, ở ngoài biên giới của chúng tôi?

"Đồng bào thân mến,

Chính chung quanh lý tưởng quốc gia, mà chỉ chung quanh nó, mà tôi mời tất cả đồng bào tập hợp lại, để cương quyết hành động, hầu đập tan các điều thống khổ của chúng ta. Còn nhiều người trong bọn chúng ta, vẫn còn thụ động, tin rằng còn có những người Việt khác cũng như người ngoại quốc, sẽ làm giảm thiểu, hãm bớt đà tiến công của Cộng sản mà đem lại hòa bình. Họ không thể phạm một lỗi lầm to lớn hơn nữa, và tấm gương của Triều Tiên chứng tỏ cho họ biết, nếu một dân tộc không tự giải phóng được mình, thì nó sẽ bị tan rã, và vẫn phải chịu sống dưới quyền đô hộ của ngoại nhân. Nước Việt Nam cuối cùng sẽ là nước Việt Nam do chính tay người Việt Nam định đoạt..."

Khi nêu gương của nước Triều Tiên, tôi muốn cảnh cáo long trọng dân tộc tôi về hiểm họa mới đang đe dọa sự đoàn kết của họ, và sẽ đẩy tất cả vào công dã tràng xe cát trong bao năm vun vén xây dựng.

Trong suốt tháng 2 năm 1954, đây là cả một đoàn người đến thăm. Đầu tiên là ông Pleven, bộ trưởng Quốc phòng; ông De Chevignée, quốc vụ khanh về chiến tranh; ông Jacquet, quốc vụ khanh các quốc gia liên kết; Tướng Ely, Blanc, và Fay, đến thăm nhiều địa điểm hành quân. Đoàn du lịch cuối cùng đến Điện Biên Phủ mà ai cũng trầm trồ khen ngợi công trình thực hiện được về căn cứ Không quân này. Tôi tiếp ông Pleven hai lần ở Ban Mê Thuột, rồi ở Đà Lạt, và tôi nói về quân đội quốc gia Việt Nam. Do sự thành lập sư đoàn thứ 8 của đoàn khinh quân hậu vệ, về đợt thứ hai, quân số của quân đội Việt Nam vào năm 1954, đã lên từ 200,000 đến 285,000 người, được phân chia như sau: 148,000 quân chính qui với 8 sư đoàn Bộ binh, 80,000 người do đoàn khinh quân, 44,000 trừ bị và 13,000 về Thủy quân và Không quân. Chương trình này đã vượt quá 10,000 người đối với chương trình mà tôi vạch cho Tướng Navarre vào tháng 6 năm 1953. Nó gặp khó khăn về sĩ quan và cấp chỉ huy. Chương trình mà chúng tôi có thể cung cấp được sẽ bị thiếu hụt độ 14%, theo bảng cấp số. Cuộc thiếu sót đó sẽ được lấp đầy bằng cách đưa 6,000 sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp, cạnh quân đội quốc gia Việt Nam.

Khi viên Bộ trưởng Quốc phòng trở về Pháp, thì đã có cuộc bàn cãi sôi nổi ở Quốc hội, trong đó Thủ tướng Laniel tuyên bố ngày 5 tháng 3, là ông ta nhứt định "giải quyết vấn đề Đông Dương bằng đường lối ngoại giao."

Một sự xác nhận như thế chẳng giúp đỡ gì cho chúng tôi, nó chỉ làm cho chúng tôi nản lòng, nhứt là để động viên tinh thần dân chúng. Nó lại còn một hậu quả tai hại nữa, là cấp thêm luận điệu cho phe quốc gia cực đoan. Tôi quyết định cử Hoàng thân Bửu Lộc đi ngay Paris, để thôi thúc việc trao trả nền độc lập hoàn toàn. Cuối cùng, ngày 29 tháng 3, tôi lập một chính phủ chiến tranh, đặt dưới quyền tôi đã tập hợp các bộ trưởng liên hệ đến sự phòng thủ, viên tham mưu trưởng Tướng Hinh... Bằng hình thức này, tôi muốn nhấn mạnh đến sự dấn thân của chúng tôi vào chiến tranh chống lại Cộng sản, và muốn chứng tỏ rõ ràng trước dư luận thế giới, ý chí nhất định của chúng tôi trong sự điều đình về hòa bình, để giữ cho được nền thống nhứt và độc lập của Việt Nam.

Tiếng súng đầu tiên do Việt Minh bắn vào căn cứ Điện Biên Phủ, kể từ ngày 13 tháng 3, đã chứng tỏ sự suy diễn của tôi. Nước Pháp đã bị đặt dưới hoàn cảnh hạ phong đối với Hồ Chí Minh, và phe đảng của ông ta không bỏ phí cơ hội để thu lợi tối đa.

Về phần chúng tôi, nước Việt Nam, sau khi đã hoàn tất, trên bình diện quân sự, vấn đề chính là nói đến điều đình. Tôi quyết định sang Pháp để đặt giữa trung tâm của cuộc bàn cãi.

Tôi tới Cannes ngày 11 tháng 4. Ngày 16, tôi lên Paris, và gặp ông René Coty, Tổng thống Pháp tại lâu đài Vizille.

Khi tôi đến Paris, tôi gặp Ngoại trưởng Hoa Kỳ Foster Dulles cũng đi qua đấy. Ông tỏ ra không chịu nhượng bộ nước Trung Hoa. Rồi đến ngày 21 tháng 4, tôi gặp Thủ tướng Laniel và ông Georges Bidault. Tôi xác nhận vị trí của tôi:

— Bởi vì đã có một hội nghị, tôi chỉ đến dự khi được mời, do quốc thư của các nước tham dự hội nghị. Nhưng tôi không muốn nhìn Việt Minh. Tôi là chính phủ chính thức, và tôi không chấp nhận ngồi chung với bọn phiến loạn.

Ngày 23 tháng 4, tôi viết cho Tổng thống Coty một bức thư, để xin triệu tập hội đồng Liên hiệp Pháp. Tôi không được thỏa mãn.

Ngày 24 tháng 4, tôi được chính thức thông báo về dự định của chính phủ Pháp đối với Hội nghị sẽ mở ở Genève, do một bản thông báo của ông Georges Bidault gởi cho Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Quốc Định. Lập tức tôi giữ gìn thận trọng.

Hôm sau 26 tháng 4, tôi cho Văn phòng của tôi ấn hành bản thông cáo nói rõ:

"Nước Việt Nam không thể chấp nhận những điều khoản về hội nghị dàn xếp, trong đó nước Pháp, đi trái với nguyên tắc của Liên hiệp Pháp, mà nhân danh nó, nước Pháp lại đi điều đình với bọn phiến loạn chống lại nước Việt Nam và với những cường quốc đã chống lại Việt Nam."

Tôi tố giác những dự định, mà tôi được biết: phân chia đất nước Việt Nam, như kiểu Triều Tiên, hay tập hợp riêng rẽ từng vùng một, và tôi kết luận:

"Cả từ Quốc trưởng lẫn chính phủ Việt Nam đều coi như không liên hệ gì đến những quyết định đi ngược lại với nền độc lập và thống nhứt của đất nước."

Hội nghị Genève mở ra ngày 26, bằng một hình thức mở đầu như ở Triều Tiên. Tôi đi Paris, và về với vợ con tôi

ở Cannes. Ở Điện Biên Phủ, tướng Giáp bứt từng mảnh lần lượt những căn cứ chống cự trong lòng chảo...

Tại Cannes, ông Marc Jacquet đến xin gặp tôi với tính cách cá nhân. Ông ta báo cho tôi biết là ông Georges Bidault đã gặp ông Molotov và vị này đã yêu cầu ông ta phải sắp xếp cho sự có mặt của đại diện Việt Minh ngồi cạnh đại diện của các quốc gia liên kết. Ông ta nhắc tôi nên chú ý:

— Thưa Hoàng thượng, Mỹ và Nga đã đồng ý với nhau ở Berlin, tất cả đều đã được sắp đặt sẵn rồi.

Hai hôm sau, đây là ông Đổng lý văn phòng bộ trưởng Ngoại giao, ông Pierre Falaise đến gặp tôi. Cấp trên của ông ta phái ông ta đến đây để xin tôi đề cử nhân vật của phái đoàn Việt Nam đi dự Hội nghị, và cũng để biết vị trí của Việt Nam khi có mặt của phái đoàn Việt Minh. Nhiều nơi giục dã, kể cả người Mỹ, do Đại sứ của họ là ông Heath.

Tôi cảm thấy cái bẫy mỗi ngày một thắt chặt lại. Nhưng tôi muốn bảo vệ nền độc lập đến kỳ cùng. Tôi phải trả lời ông Bidault:

— Chúng tôi chỉ đến Genève để đàm phán về sự có chấp nhận Việt Minh vào hội nghị hay không, và với điều kiện là chúng tôi phải được các cường quốc Tây phương mời: Hoa Kỳ, Anh, Pháp, để cùng với đại biểu của họ dự phiên họp đầu tiên.

Lời yêu cầu của tôi được chấp nhận, và ngày 3 tháng 5, Nguyễn Quốc Định đến Genève, có các ông Bedell Smith lãnh đạo phái đoàn Mỹ, Antony Eden và Georges Bidault.

Con bài đã ném xuống. Tôi nhớ lại lời của ông Marc Jacquet: "Đây là người Mỹ đã bày ra tất cả: Ngài sẽ thấy viên Đại sứ Mỹ đi đi lại lại, để yêu cầu Ngài chấp thuận, nhưng kỳ tình tất cả đã được định trước giữa họ với các tay tổ Cộng sản rồi."

Nhưng tôi cũng chẳng để họ khuất phục được. Vì thế, khi nó chưa từng đề cập đến, tôi vẫn từ chối bọn Việt Minh vào trong Hội nghị. Nay tôi cương quyết đặt vấn đề với phái đoàn Pháp để được rõ ràng, và buộc họ phải cam đoan bảo đảm cho nền thống nhứt của Việt Nam.

Chắc chắn là sẵn sàng nhận hết, ông Georges Bidault đã được chính phủ cho toàn quyền giải quyết, cốt giữ cho Hội nghị được trơn tru, đã viết cho tôi ngày 6 tháng 5:

"Chính phủ Pháp trong thời gian này, không cho là đi tìm một giải pháp chính trị vĩnh viễn. Công việc của tôi, như đã nói rõ trong bản thông cáo ở Berlin, là tìm hòa bình cho Đông Dương.

"Mục đích của chúng tôi như vậy là tìm việc ngưng bắn, trong khuôn khổ một cuộc đình chiến, đem lại bảo đảm cần thiết cho các quốc gia Đông Dương, cho nước Pháp và cho các cường quốc đồng minh mà quyền lợi tổng quát của họ có liên hệ chặt chẽ với quyền lợi của chúng tôi ở khắp Đông Nam Á. Cuộc đình chiến đó không phải có định kiến cho một ý đồ nhất định nào, khi các trường hợp về hòa bình và tự do đã có thể mở ra được tổng tuyển cử, khi đã hội đủ.

"Ngay tự bây giờ, tôi sẵn sàng xác nhận với Hoàng thượng rằng không có gì trái với ý định của chính phủ Pháp là sửa soạn lập ra hai quốc gia, trên lưng nước Việt Nam thống nhứt, để hai quốc gia này mỗi nước có xu hướng quốc tế khác nhau..."

Hai mươi lăm năm nay, tôi đọc lại đoạn cuối của bức thư này. Lời lẽ rất dứt khoát lời hứa hẹn rất long trọng... Nước Pháp không bao giờ chấp nhận sự chia xẻ nước Việt

Nam. Ngày mùng 3 tháng 5, tại Sài Gòn, Đại sứ Dejean đã tuyên bố, theo chỉ thị của chính phủ:

— Chính phủ Pháp không có dụng ý tìm giải pháp về cuộc chiến Đông Dương trên căn bản một sự chia cắt nước Việt Nam... Những đảm bảo nhất định đã được Bộ trưởng Ngoại giao Pháp trao cho Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Quốc Định ngày 25 tháng 4 vừa qua, và quyết định ấy được xác nhận ngày 1 tháng 5.

Chúng tôi đang ở vào ngày mùng 6 tháng 5 năm 1954. Hôm sau, Điện Biên Phủ thất thủ, sự hy sinh của biết bao thanh niên như đã lấy máu mình để kiềm ấn vào lời hứa hẹn của Pháp. Từ Paris, tôi gửi cho đồng bào của tôi và cho các bạn Pháp một thông điệp do hãng AFP đánh đi ngày 8 tháng 5:

"Dân tộc Việt Nam và dân tộc Pháp, vào giờ phút này, chia nhau niềm thử thách đau thương, sau kết quả bi thảm của chiến trường anh dũng Điện Biên Phủ, trong đó các chiến sĩ Pháp và Việt Nam đã cho một tấm gương lịch sử về can đảm, về lý tưởng và sự hy sinh cho chính nghĩa tự do.

"Đầu óc của tất cả chúng ta, Việt Nam cũng như Pháp là phải tương đồng trong lúc này, để tỏ lòng tôn kính đối với sự hy sinh của các chiến sĩ đó. Tim chúng ta se sắt, chúng ta nghĩ đến những nỗi đau khổ của những người bị thương, những cái tang của các gia đình, và chúng ta chỉ còn biết cúi mình kính cẩn trước nỗi đau do cuộc chiến này đưa lại.

"Nhưng chúng ta cũng không phải là không có ít nhiều kiêu hãnh, về giá trị của quân lực Pháp và Việt Nam trước một kẻ thù đông đảo và cuồng tín. Nước Pháp nhiều phen từng làm cho thế giới ngạc nhiên về lòng can đảm, khi gặp trường hợp quật ngược, và bởi một tinh thần quốc gia mạnh mẽ, đã bùng lên vào lúc bị thử thách nặng nề. Nước Việt Nam, trong lịch sử từ ngàn xưa, đã trải qua nhiều thời kỳ đen tối. Tuy nhiên, nó không bao giờ nản chí để chiến đấu cho nền tự do, độc lập của mình. Ngày hôm nay, sát cánh cùng nhau chung một mục đích là nền tự do thế giới, chống lại chủ nghĩa Cộng sản, hai nước chúng ta chắc chắn sẽ vượt qua cái thử thách này, đang đánh phá nặng nề, gây nên bao chết chóc đau thương, nhưng cũng không thể nào làm suy yếu tinh thần cũng như sinh lực của chúng ta.

"Tôi muốn rằng, ngày hôm nay, nhân danh các đồng bào tôi, nói riêng với các bạn Pháp của chúng tôi. Nay nước Pháp đã công nhận nền độc lập của Việt Nam, không ai còn có thể nghi ngờ về tinh thần mã thượng của nước Pháp, đã chiến đấu cho nước Việt Nam và cho thế giới tự do. Những vinh quang quân sự của nó được tô thắm bằng những điểm son cho tinh thần cao thượng, thể hiện tại Điện Biên Phủ theo dòng lịch sử, mà tên của De Castries bừng bừng lên như tên của La Fayette với nhiều tên của các chiến sĩ chiến đấu cho lý tưởng, khác nữa.

"Người Pháp có thể tin được rằng, nước Việt Nam không bao giờ quên những hy sinh của nước Pháp. Bổn phận tôi là Quốc trưởng nước Việt Nam, buộc tôi phải đấu tranh cho quyền lợi và nền độc lập của đất nước tôi. Nhưng, từ nền độc lập đó, họ cần phải biết rằng, họ không sự bị bất cứ một hậu quả tai hại nào, bởi nước Việt Nam lúc nào cũng muốn thắt chặt tình giao hảo với nước Pháp, và người Pháp có nhiều mối liên hệ vững chắc và có lẽ rất chặt chẽ hơn khi họ còn đặt dưới hệ thống chính quyền cũ vì sự hợp tác mới này đặt trên căn bản tự do, không bị bắt buộc. Nó được cấu tạo trên một nền móng tâm lý và tình cảm, làm

cho vững mạnh hơn, và bền chặt hơn bất cứ một giao kết pháp lý nào.

"Vì vậy, hỡi các bạn Pháp của Việt Nam, binh sĩ cũng như thường dân, khi gửi cho các bạn bản thông điệp tại Đông Nam Á, mà nền văn hóa Pháp được sáng ngời, đồng thời sẽ là một quốc gia luôn dính liền với quí quốc, bằng sợi dây thân hữu vĩnh viễn và sâu đậm."

Tôi chú trọng, tất nhiên, nói về sự thất thủ ở Điện Biên Phủ chẳng phải là một tai họa chiến lược gì. Trên địa hạt quân số, sự mất mát chỉ vào khoảng 5% đối với quân đội của Liên hiệp Pháp. Trên lãnh vực tinh thần, sự thất thủ một thị trấn xứ Thái quả là nặng nề, nhưng trong nhiều trường hợp khác, cũng chỉ có tầm quan trọng không hơn gì khi bỏ Hòa Bình. Cuối cùng, cuộc hội nghị tại Genève, trong sự giao dịch giữa Việt Nam và Pháp, trong bất cứ trường hợp nào cũng chẳng phải là đoạn kết, mà ngược lại nữa, đây lại chính là khúc mới để bắt đầu.

Về hai đại cường trên thế giới tự do Hoa Kỳ và Anh quốc, tôi biết vị trí của họ khác nhau. Tất nhiên, sự từ chối của Tổng thống Eisenhower không chịu can thiệp vào Điện Biên Phủ, nếu cần, sẽ dùng bom nguyên tử, — điều mà không bao giờ tôi chấp nhận, nếu được hỏi ý kiến, — cho thấy Hoa Kỳ không muốn dính dấp vào nữa. Nhưng ông Foster Dulles, Ngoại trưởng đa số dư luận hỗ trợ, lại không chịu chấp nhận vấn đề bỏ rơi Bắc Việt Nam, dễ dàng và giản dị như thế được, bởi sự đó làm cho Hoa Kỳ mất mặt ở Á châu. Tôi không chắc mấy vào ông Bedell Smith đang lãnh đạo phái đoàn Mỹ. Sau rốt, người Anh vẫn còn nhiều vướng mắc ở Đông Nam Á vì sợ bọn Cộng sản đóng sát ở cửa ngõ Thái Lan và Mã Lai.

Còn về người Nga và Tàu, mà sự dị biệt như còn tồn tại sau vụ đàm phán ở Triều Tiên, giữa Molotov và Chu Ân Lai, nên mong rằng họ sẽ có thái độ bớt khắt khe, mà người ta phải e dè.

Tôi quyết định đến gần Genève để theo dõi cho biết những chuyện mặc cả này nọ, và tôi ở trong một biệt thự thuê ở La Vergnaz.

Phái đoàn Việt Minh tới, do Phạm Văn Đồng cầm đầu. Thủ tướng Bidault trình quan điểm của Pháp. Ông ta đề nghị nguyên tắc ngưng ngay mọi sự thù nghịch, và chia ra trường hợp riêng rẽ của Lào và của Cam Bốt. Ông ta không đả động gì về giải pháp chính trị.

Hai ngày sau, Phạm Văn Đồng trả lời ông ta và đưa ra quan điểm của họ. Quan điểm này vơ trọn cả Lào và Cam Bốt, và bao gồm sự hồi hương quân đội viễn chinh Pháp, một dự định bầu cử tự do có dính líu chặt chẽ đến vấn đề quân sự và chính trị.

Ngày 12 tháng 5, đến lượt đại biểu của chúng tôi, là Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Quốc Định trình bày đề nghị của Việt Nam. Sau khi tố cáo những tội ác của Việt Minh và nói lên giá trị của những kết quả đạt được từ 1949 do chính phủ quốc gia: thống nhứt, độc lập, tạo một đạo quân quốc gia, được 35 nước công nhận, đặt nền móng cho một nền hành chánh, ông ta đặt câu hỏi:

— Có cần thiết phải chấm dứt nền đô hộ thuộc địa, bằng cách đem vào trong nước chủ nghĩa Cộng sản là một hình thức rất tinh vi của chủ nghĩa đế quốc? Có cần phải, khi không là một thuộc địa của Pháp, lại trở thành một chư hầu của nước Tàu?

Ông xác nhận sau đó sự chống đối của chúng tôi về việc chia cắt đất nước "dù trực tiếp hay gián tiếp, dù nhất định hay tạm thời, dù thực tế hay pháp lý."

Nhân danh Hoa Kỳ, Tướng Bedell Smith chấp nhận ý kiến của chúng tôi, và tuyên bố ủng hộ. Than ôi, nước Pháp và nước Anh lại im lặng. Tất nhiên, Trung Hoa công nhận giải pháp của bọn Việt Minh.

Kể từ lúc ấy, hội nghị sa lầy trong những chuyện đầu cua tai nheo. Tôi ít gặp các đại biểu của Pháp trong thời gian ấy, còn người Mỹ thì luôn luôn đến cho tôi biết về tiến trình của hội nghị trong thời gian bàn cãi này.

Tại Paris, một cuộc bàn cãi sôi nổi đã xảy ra ở Quốc hội từ 11 đến 14 tháng 5 mà chính phủ Laniel chỉ thắng với số phiếu vừa đủ. Tướng Ely và Salan được cử đi Sài Gòn, đem chỉ thị đến cho Tướng Navarre, để sửa soạn thu xếp các quân trang quân dụng. Khi họ đi vào ngày 27 tháng 5, Ủy ban Quân sự cao cấp họp ở Sài Gòn quyết định giao trọn trách nhiệm cho bộ Tổng tư lệnh quân đội Việt Nam.

Cũng ngày hôm ấy, tại Genève, Phạm Văn Đồng trong một lời tuyên bố, đã cho biết là Việt Minh sẵn sàng chấp nhận trên nguyên tắc sự tham gia và hợp nhất quân đội.

Hai hôm sau, một cuộc họp hạn chế, định rằng hai bộ Tư lệnh Pháp và Việt Minh sẽ họp ở Genève để bàn về vấn đề các vùng tập kết ở Việt Nam, rồi ở Lào, và ở Cam Bốt, hầu đi đến sự chấm dứt nhanh chóng và tức khắc những hận thù, theo điều kiện hòa bình. Bắt đầu từ mùng 2 tháng 6, Hội đồng Quân sự ấy bắt tay vào việc. Tạ Quang Bửu, thứ trưởng bộ Quốc phòng của Việt Minh và Tướng Delteil, đại diện cho Tổng tư lệnh quân đội Pháp, có sự ủy nhiệm của tôi, điều khiển hai phía đối nghịch.

Trong thời gian đó, một việc lạ lùng xảy ra ở Paris, do một bài báo in trên tờ nhật báo *Express*, đòi loại bỏ ông Marc Jacquet, để thay vào chức Quốc vụ khanh đặc trách các quốc gia liên kết, bằng ông Frederic Dupont. Ngày 3 tháng 6, Tướng Ely được bổ làm Tổng tư lệnh và Tổng ủy viên ở Đông Dương, và Tướng Salan làm phó cho ông ta.

Hoàng thân Bửu Lộc được ông Paul Reynaud mời sang nay lại đi Sài Gòn, duyệt ký với ông Laniel ngày 4 tháng 6, các bản hiệp ước về độc lập và hợp tác, vốn đợi từ lâu. Đây là lần thứ năm "nước Pháp công nhận nước Việt Nam là một nước hoàn toàn độc lập," nhưng là lần đầu "... và chủ quyền với tất cả những thẩm quyền do luật quốc tế công nhận."

Sự chấp nhận đó gồm hai bản dưới hình thức các hiệp ước. Bản đầu tiên, cho chúng tôi, thêm một lần nữa, nền độc lập, vì nhắc lại nhiều quá thành ra lối bịch. Bản thứ hai nói về các điều kiện hợp tác giữa Việt Nam và Pháp. Tất nhiên chúng tôi đã nhận được, qua bản này là không được dính líu gì đến những điều khoản riêng của Hiến pháp Pháp liên hệ đến quốc phòng và ngoại giao, nhưng tôi thấy nên nhắc lại: cần phải ngưng lại đây một chút. Tôi xin giải thích: hiệp ước về độc lập và hiệp ước về hợp tác chưa được ký, thì nước Việt Nam không thể dự vào một cuộc đàm phán quốc tế nào. Từ chỗ đó, sự vắng mặt của chúng tôi ở Genève sẽ bịt kín chúng tôi mặc cho sóng vỗ bèo trôi, hay bị chia cắt tan tành.

Tôi rời Evian để trở về Cannes.

Kể từ ngày 1 tháng 6, Nghị viện bàn cãi sôi nổi về hiện tình ở Đông Dương. Ông Mendès France chống lại chính phủ Laniel, dùng luận điệu của ông Molotov nói ở Genève ngày 8 tháng 6, đổ cho ông Georges Bidault là muốn phá

hội nghị. Bị đặt trong thiểu số với 13 phiếu, chính phủ Laniel từ chức ngày 12 tháng 6. Tổng thống René Coty liền giao cho ông Pierre Mendès France lập chính phủ mới.

Tôi cho gọi đến Paris Tướng Hinh, và đòi rút phái đoàn về, để giao lại cho Tổng tư lệnh quân đội. Nhưng tôi bị từ chối. Tôi nhắc lại với đại biểu của Mỹ ở Genève là ông Bedell Smith. Lúc đầu, chúng tôi cử làm trưởng phái đoàn, viên bộ trưởng Ngoại giao vì chúng tôi nghĩ là một hội nghị chính trị, nhưng trong cuộc họp hạn chế, người ta lại bàn về vấn đề quân sự. Vì vậy, tôi ra lệnh cho tất cả nhân viên phái đoàn rút lui.

Chúng tôi không còn tin gì vào người Pháp nữa. Tại Genève, riêng còn người Mỹ là đồng minh của chúng tôi. Trước sự tiến triển về hoàn cảnh, họ định lập lại một hệ thống phòng thủ mới ở Đông Nam Á. Họ có thể giúp đỡ chúng tôi tiếp tục cuộc chiến chống lại Cộng sản.

Tại Sài Gòn, Thủ tướng chính phủ gặp phải sự chống đối quyết liệt của các nhà quốc gia trong phong trào *Mặt Trận Đoàn Kết Cứu Quốc* do Ngô Đình Nhu lãnh đạo. Mặt trận này không công nhận trước tất cả các quyết định có thể do Genève đặt ra.

Tôi cho vời đến Cannes các lãnh tụ của tất cả các phong trào chính trị và tôn giáo ở Việt Nam để hỏi ý kiến. Tôi cho họ biết cái gì đã xảy ra, rằng tất cả đều đã được xếp đặt trước, đến chỗ sẽ chia đôi đất nước. Tôi vạch ra cho họ sự cần thiết đặt một đường hướng mới, và gợi ý họ là cho thay thế Hoàng thân Bửu Lộc bằng Ngô Đình Diệm, để cầm đầu chính phủ. Tất cả hoan nghênh ý kiến của tôi.

Biết trước mình khó lòng theo đuổi được con đường đã vạch, Bửu Lộc đệ đơn xin từ nhiệm cho cả chính phủ.

Sau khi thảo luận với ông Foster Dulles, để cho ông ta biết ý định ấy, tôi cho vời Ngô Đình Diệm và bảo ông ta:

— Cứ mỗi khi mà tôi cần thay đổi chính phủ, tôi lại phải gọi đến ông. Ông thì lúc nào cũng từ chối. Nay tình thế rất bi đát, đất nước có thể bị chia cắt làm đôi. Ông cần phải lãnh đạo chính phủ.

— Thưa Hoàng thượng, không thể được ạ. Ông ta đáp. Tôi xin trình Ngài là sau nhiều năm suy nghĩ, tôi đã quyết định. Tôi định đi tu...

— Tôi kính trọng ý định của ông. Nhưng hiện nay, tôi kêu gọi đến lòng ái quốc của ông. Ông không có quyền từ chối trách nhiệm của mình. Sự tồn vong của Việt Nam buộc ông như vậy.

Sau một hồi yên lặng, cuối cùng ông ta đáp:

— Thưa Hoàng thượng, trong trường hợp đó, tôi xin nhận sứ mạng mà Ngài trao phó.

Cầm lấy tay ông ta, tôi kéo sang một phòng bên cạnh, trong đó có cây thánh giá. Trước thánh giá, tôi bảo ông ta:

— Đây Chúa của ông đây. Ông hãy thề trước chân dung Chúa là giữ vững đất nước mà người ta đã trao cho ông. Ông sẽ bảo vệ nó, để chống lại bọn Cộng sản, và nếu cần, chống luôn cả người Pháp nữa.

Ông ta đứng yên lặng một lúc lâu, rồi nhìn tôi, sau nhìn lên thánh giá, ông nói với giọng nghẹn ngào:

— Tôi xin thề!

Bốn mươi tám giờ sau, sau khi giới thiệu ông với Tướng Ely, từ Washington trở về qua Paris, ông Diệm về Sài Gòn cùng với Hoàng thân Bửu Lộc để bàn giao quyền hành. Trước khi ra đi, tôi trao cho Diệm một đạo dụ ủy cho ông ta mọi quyền, hành chánh cũng như quân sự.

Trước đây đã dùng Diệm, tôi biết ông ta vốn khó tính. Tôi cũng biết ông ta rất cuồng tín, và tin vào đấng Cứu Thế. Nhưng trong tình thế này, không còn có thể chọn ai hơn. Thật vậy, từ nhiều năm qua, người Mỹ đã biết ông, và rất hâm mộ tính cương quyết của ông. Trước mắt họ, ông là nhân vật đủ khả năng đối phó được với tình thế, vì vậy Washington sẵn sàng hỗ trợ ông. Nhờ thành tích cũ, và nhờ sự có mặt của em ông, đang đứng đầu Mặt trận Đoàn kết Cứu quốc, ông được nhiều nhà quốc gia cuồng nhiệt ủng hộ, các vị này từng làm đổ chính phủ Tâm và chính phủ Bửu Lộc. Tóm lại, nhờ cương quyết và cuồng tín, ông là người chống Cộng chắc chắn. Đúng vậy, đó là người của hoàn cảnh.

Hai mươi bốn giờ sau, sự đề cử ông làm Thủ tướng Việt Nam trùng hợp với việc tấn phong chính phủ Pháp của ông Mendès France, do Quốc hội bỏ phiếu ngày 17 tháng 6, với số phiếu tối đa 419 cho số cử tri 466 người. Trong khi hội nghị Genève đang họp, vị Thủ tướng tân cử này, liền tuyên bố một cách lạ lùng:

— Tôi đã nghiên cứu hồ sơ một cách kỹ lưỡng và trịnh trọng. Tôi đã thăm dò các nhà chuyên môn quân sự và ngoại giao, rất giá trị. Quan điểm của tôi được xác nhận là một sự điều đình ôn hòa có thể thực hiện được.

Vậy thì việc ngưng bắn phải thực hiện tức khắc. Chính phủ do tôi thành lập, định rằng, — và họ định cho các đối thủ của chúng ta — một thời hạn là bốn tuần lễ phải đạt. Chúng ta ngày hôm nay là ngày 17 tháng 6. Tôi sẽ đến trước các Ngài vào ngày 20 tháng 7, và sẽ báo cáo cùng các Ngài về kết quả đạt được. Nếu không có giải pháp gì thích ứng vào ngày giờ đó, các Ngài có thể không cần biết đến chúng tôi nữa, và chính phủ của tôi sẽ được trao trả lại cho Tổng thống...

Như vậy, trong thời gian này —tôi muốn nói kể từ ngày mai— tất cả các biện pháp quân sự phải được sẵn sàng, để đáp ứng với nhu cầu tức khắc, và để các chính phủ kế tiếp chính phủ tôi, có thể tiếp tục chiến đấu, nếu do bất hạnh, lại phải dùng đến.

Quan điểm của tôi như vậy là hòa bình...

Ông Mendès France đang ở nước bài đó. Chỉ cần cụ thể hóa điều ông đang sửa soạn.

Mục đích của tôi vẫn theo đuổi từ năm năm nay, sự thống nhứt đất nước, nay như bị phá đám. Miệng tôi đã bị khóa chặt. Tôi đã thi hành sứ mạng trong đó tôi đã chấp nhận thỏa mãn dân tộc của tôi. Tôi đã đạt được thống nhứt, rồi độc lập hoàn toàn. Tôi đã xây dựng được một quân đội để có thể bảo đảm cho nền độc lập ấy. Chúng tôi đã bắt đầu từ con số Không, nay tất cả công việc của tôi trở thành nước lã ra sông. Giải pháp Pháp, do lỗi ở nước Pháp, đã thất bại.

Công việc không dễ dàng gì cho Ngô Đình Diệm. Việc ông đến Sài Gòn, chẳng được ai hoan nghênh. Người ta cần phải động viên tinh thần mọi người cả nước đã rơi vào tình trạng hoang mang. Ngày 30 tháng 6, ông ta ra Hà Nội, mà những điều ông ta thấy không ai có thể tưởng tượng được. Chống lại Cộng sản, chẳng ai nghĩ đến... Trái lại nữa, người Pháp bắt đầu di tản trước tiên. Hằng trăm ngàn người đau khổ, trong đó có những người Công giáo thuộc các giáo phận miền Bắc, mà ông tin tưởng sẽ đứng bên cạnh ông, thì chỉ nghĩ đến chạy vào Nam. Thật quá chậm trễ để không thể hành động gì được nữa.

Diệm trở về Sài Gòn. Ngày 9 tháng 7, ông lập chính phủ không phải dễ dàng gì †. Cuối tháng 6, cuộc hành quân bi thảm ở đèo An Khê, cả đoàn quân đã bị tan rã vì sa vào ổ phục kích rộng lớn của Cộng sản. Cuộc hành quân tảo thanh trong vùng cao nguyên miền Trung cho thấy rằng quân đội Việt Minh rất cần trấn đóng ở vùng này.

Ở Genève, hội nghị trên thực tế phải gián đoạn, kể từ ngày 18 tháng 6. Các cuộc gặp gỡ lại tăng trưởng. Ông Mendès France chửi các nhân viên của mình. Ngày 4 tháng 7, ông Dejean, cựu Tổng ủy viên Pháp ở Đông Dương, đến báo cho tôi biết là những liên lạc giữa ông Chauvel, nhân viên của phái đoàn Pháp, đang xúc tiến với Phạm Văn Đồng, viên đại sứ này nói trước là câu chuyện giữa hai người nhằm vào vấn đề chia cắt. Thật sự, người ta đang dự vào một cuộc mặc cả của những tên lái buôn vải vóc, để định

† Thành phần Nội Các gồm có:
- Thủ tướng chính phủ kiêm bộ Nội vụ và Quốc phòng: Ngô Đình Diệm
- Bộ trưởng Ngoại giao: Trần Văn Đỗ
- Bộ trưởng phủ Thủ tướng: Trần Văn Chương
- Bộ trưởng Tài chính và Kinh tế: Trần Văn Của
- Bộ trưởng Canh nông: Phan Khắc Sửu
- Bộ trưởng Lao động và Thanh niên: Nguyễn Tăng Nguyễn
- Bộ trưởng Giao thông Công chánh: Trần Văn Bạch
- Bộ trưởng Quốc gia Giáo dục: Nguyễn Dương Đôn
- Bộ trưởng Y tế và Xã hội: Phạm Hữu Chương.

☐ Bảy Quốc vụ khanh:
- Trần Chánh Thành, đặc trách phủ Thủ tướng
- Lê Quang Luật, đặc trách Thông tin
- Nguyễn Ngọc Thơ, đặc trách Nội vụ
- Lê Ngọc Chấn, đặc trách Quốc phòng
- Bùi Văn Thinh, đặc trách Tư pháp
- Nguyễn Văn Thoại, đặc trách Kinh tế
- Trần Hữu Phương, đặc trách Tài chánh.

Phạm Duy Khiêm là phát ngôn viên chính phủ.

cắt đất nước theo chiều cao nào. Nhưng rồi tất cả đã được giải quyết vào phút cuối cùng.

Kể từ ngày 14 tháng 7 là ngày rất quan trọng, Thủ tướng Pháp đến Geneve. Ông ta đã được người Mỹ chấp nhận để Tướng Bedell Smith trở lại hội nghị. Được thông báo ngày 12 tháng 7 do ông Heath Đại sứ Mỹ, về tình hình cuối cùng của hội nghị, tôi biết rằng Washington đã bằng lòng nguyên tắc chia cắt. Những giá trị ủng hộ nước Việt Nam của họ chỉ còn là giá trị tinh thần. Kể từ lúc ấy, dưới áp lực của những ai từng là đồng minh mạnh mẽ nhất của chúng tôi, tôi chỉ còn biết hỏi họ xem sự hỗ trợ của họ đối với miền Nam Việt Nam.

Ván bài được kết thúc dứt khoát, vào phiên họp cuối cùng, ngày 20 tháng 7. Người ta phải vặn lại đồng hồ vào nửa đêm của phòng hội nghị, để không thể quá thời hạn của ông Mendès France đã ấn định. Ông này như vậy là đã thắng cuộc.

Thể thức đình chiến đã được ký kết bởi đại diện của hai viên Tổng tư lệnh. Tướng Dehteil ký cho Tướng Ely, và Tạ Quang Bửu ký cho tướng Giáp, mà trên văn kiện đã trở thành Tổng Tư Lệnh Quân Đội Nhân Dân Việt Nam.

Ngày 21, hội nghị bế mạc bằng một Thông Cáo Chung, chỉ do hai viên Tổng thư ký của hội nghị ký.

Người Mỹ công nhận bản Thông Cáo Chung, nhưng bất hợp tác. Trần Văn Đỗ, bộ trưởng Ngoại giao của chính phủ Diệm, lên tiếng phản đối:

— Chính phủ nước Việt Nam đòi phải được trao bản công nhận lời phản đối long trọng của mình, về cách thức mà cuộc đình chiến đã được thỏa thuận, và bằng những điều kiện của cuộc đình chiến đã không đếm xỉa gì đến nguyện vọng tha thiết của dân chúng Việt Nam, và giành

quyền tự do hành động, để bảo vệ quyền lợi thiêng liêng của dân tộc Việt Nam về độc lập và tự do của mình.

Một tác phẩm đầy mâu thuẫn, thỏa ước Genève đã chứa đựng những mầm mống mâu thuẫn xảy ra trong 25 năm sau.

Cuộc triệt thoái quân đội Pháp Việt từ miền Bắc vào miền Nam chia ra từng chặng liên tiếp: Hà Nội 80 ngày, Hải Dương 100 ngày, Hải Phòng 300 ngày, kể từ lúc bắt đầu thi hành hiệp định.

Cuộc triệt thoái của Việt Minh từ miền Nam ra miền Bắc cũng theo thứ tự với thời hạn là 300 ngày.

Vùng tập kết đặt dưới quyền kiểm sát của quân đội Pháp Việt là phía Bắc sông Cửa Tùng, cách khoảng 20 cây số phía Bắc đường số 9, tức ở vĩ tuyến 17.

Bắt đầu bàn cãi, Phạm Văn Đồng đã đòi đường cắt định vào vĩ tuyến 13. Ông Mendès France đã rất tự hào là đã tranh đấu được kết quả ấy. Sự nhượng bộ bề ngoài này chỉ có mục đích củng cố vị trí cho chính phủ Pháp, mà Việt Minh muốn lưu giữ tại chức. Thật sự, phe Cộng sản lấy làm ngạc nhiên về thái độ khiêm tốn đối với những đòi hỏi của chúng tôi.

Họ sẵn sàng chấp nhận vĩ tuyến 18 hay hơn nữa. Họ không ngờ là Pháp lại chịu đầu hàng dễ dàng như vậy. Nikita Khrouchtchev đã công nhận về sau như thế trong cuốn Hồi Ký của ông ta.

Cuộc thả tù binh, cả hai bên, phải thực hiện trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ngưng bắn.

Lời tuyên bố cuối cùng nhấn mạnh rằng, các nền tự do căn bản, phải được bảo đảm ở cả hai miền Nam Bắc, không được báo thù, và một cuộc đình chiến rộng rãi sẽ được công bố. Quyền tự do chọn nơi ở đã được công bố, và tổ chức để

tất cả mọi người Việt Nam có thể dễ dàng đến vùng mà họ thích.

Tất cả những chia cắt ấy chỉ có tính cách tạm thời, sự thống nhứt đất nước phải được thực hiện nhanh chóng, trong khuôn khổ một cuộc tổng bầu cử, được tổ chức trong thời hạn hai năm, tức vào tháng 7 năm 1956, dưới quyền kiểm soát quốc tế, gồm một ủy ban của đại diện các nước Ấn Độ, Canada và Ba Lan.

Trong cuộc bàn cãi ngày 23 tháng 7 trước Quốc hội, điều khoản liên hệ đến vấn đề chính trị, đã gây ra nhiều phản ứng sôi nổi. Nhất là của ông Frederic Dupont, khi tuyên bố:

— Sự thật là, tôi muốn bị lầm, tôi phải nói cho quốc dân đồng bào biết, cuộc đình chiến này nhằm bỏ rơi, dưới ba giai đoạn, tất cả nước Việt Nam cho Cộng sản.

Ông Frederic Dupont chỉ lầm về thời gian của các giai đoạn mà thôi.

Hiệp nghị ở Geneve đã được Quốc hội chuẩn y với 561 phiếu chống lại 5. Như thế, đây là các đại diện Pháp đã giữ lời hứa long trọng như thế nào như ông Georges Bidault đã nói với tôi 75 ngày trước.

Sau ngày ký hiệp nghị thỏa thuận — nếu ta có thể nói đến cả những bản mà những nước liên hệ không thỏa thuận, và cũng chưa bao giờ được ký — Diệm đọc ở Sài Gòn, có treo cờ rũ, một bài diễn văn, trong đó ông lên tiếng chống lại sự bất công, đã giao cho Cộng sản tất cả miền Bắc đất nước, thêm bốn tỉnh ở miền Trung... Ông nhắc lại, "chúng tôi không thể đặt vào vòng nô lệ hàng triệu đồng bào, trung thành với chủ nghĩa Quốc gia..."

Sau hội nghị Genève, tất cả mọi người đều xa lảng tôi. Người Anh, người Mỹ, người Pháp đều không biết đến tôi nữa. Không ai còn đến gặp tôi.

Riêng có phái đoàn Việt Minh cử một người có tên là Văn Chí, đến xin gặp nói là đại diện của Phạm Văn Đồng. Ông ta là đại diện kín đáo của Việt Minh ở Paris, khi người trước bị bắt.

— Thưa Hoàng thượng, ông ta hỏi tôi, Ngài nghĩ sao về hội nghị Genève?

— Đó là việc giữa các anh và nước Pháp.

— Thưa Hoàng thượng, người ta đã cắt nước Việt Nam thành hai. Vua Gia Long, Đức tiên đế đã từng thống nhứt đất nước, và sau này, Ngài đã phục hồi lại được. Tôi nghĩ rằng Ngài khó có thể chấp nhận sự việc đã xảy ra tại Geneve.

— Anh định đề nghị cái gì? Tôi hỏi lại ông ta.

— Thượng cấp của tôi đã bảo tôi đến nói với Ngài là họ sẵn sàng quên hiệp ước Genève và các cuộc bầu cử, để định cùng Ngài bắt tay đi đến thống nhứt đất nước.

— Nhưng anh định thống nhứt như thế nào?

— Thưa Hoàng thượng, thật giản dị. Xin Hoàng thượng trở lại Sài Gòn, và gọi đến chúng tôi. Chúng tôi sẵn sàng làm việc với Ngài, theo lệnh của Ngài.

— Như vậy, chính tôi sẽ đưa chế độ Cộng sản vào Sài Gòn?

— Thưa Hoàng thượng. Không phải chỉ có người Cộng sản ở đây, đối với chúng tôi, Ngài là bậc quốc phụ của khắp thần dân Việt Nam. Hẳn Ngài không thể quên đã có hàng ngàn người chết, đã hy sinh cho tổ quốc.

— Thế thì tại sao mãi đến giờ phút này, các anh mới tìm tôi? Các anh có thể làm như thế trước đây cách ba năm. Như thế các anh đã tránh được bao sự chém giết vô ích. Trong các bản tuyên bố của tôi, không bao giờ tôi đả kích cá nhân ông Hồ Chí Minh... và đến bây giờ, khi tất cả đã được dàn xếp, các anh mới tìm tôi? Và các anh vẫn còn tiếp tục. Các anh ngày nay lại lao đầu vào cuộc chiến mới, làm xáo trộn tất cả đất nước, nhứt là về địa hạt kinh tế, mà tôi đã dày công xây dựng từ 1949. Tất cả sự ấy, tại sao? Trong hy vọng lừa bịp để đặt nền móng cho một chủ thuyết không mấy thích hợp với tâm hồn người Việt chúng ta.

— Thưa Hoàng thượng, Ngài rất có lý. Nhưng xin Hoàng thượng đừng quên, Ngài đứng trên tất cả, Ngài là cha của toàn dân chúng tôi và Ngài có nhiều con đã phải hy sinh, và đã chết cho đất nước.

Chính là sau cuộc gặp gỡ này, tôi trao toàn quyền cho Ngô Đình Diệm.

Nhưng mà thời của mâu thuẫn chưa chấm dứt. Vì lời tuyên bố của Tướng Ely ngày 3 tháng 8 ở Sài Gòn: "Vị trí của nước Pháp, tại Đông Dương, vẫn không thay đổi..." Câu nói này làm cho ta có cảm tưởng ông Mendes France đã cho các chỉ thị viên Tổng Tư Lệnh Pháp, để ông này thu hồi lại đất Nam kỳ. Trò chơi này đã bị người Mỹ hất cẳng, bởi họ đã đặt chân vào miền Nam Việt Nam, và biết khai thác sự có mặt của Diệm trên võ đài miền Nam.

NGÔ ĐÌNH DIỆM CẦM QUYỀN

Tổng thống Mỹ Eisenhower cũng ra một lời tuyên bố, sau khi Hiệp định Genève được ký kết. Lời tuyên bố này tiên đoán những hậu quả đáng ngờ. Ông nói:

— Hoa Kỳ không dính dấp gì về những quyết định của Hội nghị và cũng không bị ràng buộc gì bởi những quyết định đó. Tuy nhiên, chúng tôi mong rằng nó sẽ đưa đến việc xây dựng một nền hòa bình thích ứng với những nhu cầu của các nước liên hệ. Nhưng thỏa hiệp vẫn mang nhiều dữ kiện mà chúng tôi không mấy hoan nghênh. Nhiều khoản sẽ tùy thuộc vào những yếu tố này khi được áp dụng.

Trong khi chờ đợi, người Mỹ bắt đầu đặt cơ sở. Tại Sài Gòn, người ta đã thấy một đoàn cố vấn mang danh hiệu là MAAG (Military Aid Advisory Group) tức Cơ Quan Quân Sự Viện Trợ Mỹ, do Tướng O'Daniel lãnh đạo, nhưng thực tế là ở tay chủ chốt Đại tá Landsdale, nhân viên CIA, vốn là tay tổ chống Cộng sản, khi đặt ra đủ các vai trò, như tân Tổng thống Phi Luật Tân Ramon Masaysay... sau khi đã là cố vấn rất được Hồ Chí Minh tin nghe năm 1945.

Thực tế, ông Diệm rất cần đến nhân vật này, vì vị trí của ông rất bấp bênh. Khi mới lên cầm quyền, đó là một người hoàn toàn đơn độc, chỉ có một người phụ tá đắc lực là em của ông ta, qua phong trào *Mặt Trận Cứu Quốc Quốc Gia*. Tự giam mình trong một phòng nhỏ của Dinh Gia Long, ông sửa soạn chương trình của mình. Nhãn quan của ông về Việt Nam là cách mạng, tức phải cải tổ lại guồng máy xã hội. Một nước mạnh, có uy tín cần phải có một đạo quân mạnh và kỷ luật. Việc đầu tiên của ông, là chống lại tất cả cái gì là phân tán, là chia rẽ. Những giáo phái với đạo quân của họ là điều không thể tha thứ được. Quân đội phải đặt dưới quyền của ông ta. Hinh vốn có tiếng ở đây, là quá thừa.

Ngày 10 tháng 9, ông Diệm ra một nghị định cử viên Tổng tham mưu trưởng sang Pháp để học thêm, và ra lệnh cho Hinh phải cấp tốc đi ngay. Hinh từ chối. Những giáo phái đều biết số phận của mình, nên chống lại ông Diệm.

Để đem lại tin tưởng cho quân đội, ông Diệm bổ Xuân làm Quốc vụ khanh, phụ trách Quốc phòng. Tám ngày sau, ông này từ chức, và chín vị bộ trưởng khác cũng từ chức tập thể.

Bảy Viễn lãnh tụ Bình Xuyên đến Cannes để gặp tôi, và xin tôi nhân danh ba giáo phái để chấm dứt sự lộng quyền của ông Diệm. Cũng trong thời gian ấy, tướng Hinh gửi cho tôi một thông điệp, và cho biết sự hợp tác giữa quân đội và chính phủ không thể đi đôi với nhau được.

Ông Diệm dùng hình thức biểu tình với mấy ngàn người di cư Công giáo. Lực lượng cảnh sát Bình Xuyên, lấy cớ là không được thông báo trước, đã giải tán họ rất tàn bạo và có người chết. Quân đội liền can thiệp, để tránh xáo trộn

do Cộng sản có thể lợi dụng. Ngày 26 tháng 10, Hinh cho bao vây dinh Gia Long và chiếm đài phát thanh.

Tướng Ely can thiệp đến gần Hinh và bảo "Đừng làm gì. Nếu có sự nổi dậy gì, người Mỹ sẽ cắt mọi viện trợ tài chánh, và mọi đồ tiếp dụng cho quân đội." Về phần họ, người Mỹ làm áp lực cạnh các giáo phái.

Tướng Hinh hỏi tôi nên làm thế nào. Bằng điện tín, tôi nói rõ cho ông ta biết, tôi chống lại tất cả mọi bạo động, chỉ đưa đến sự sứt mẻ của quân đội, và nhiều tai họa khác cho dân tộc.

Hinh đành khuất phục, và rời Sài Gòn đi Paris.

Quân đội đã tòng phục, ông Diệm tự dựng cho mình một đạo quân cận vệ, gồm toàn những người tình nguyện, để phụ trách an ninh cho bản thân, và giữ dinh thự, rồi bắt đầu cải tổ chính phủ †.

---

† Chính phủ thứ hai của Diệm:

- Thủ tướng kiêm bộ Quốc phòng và Nội vụ: Ngô Đình Diệm
- Bộ trưởng phủ Thủ tướng: Trần Văn Soái và Nguyễn Thành Phương
- Bộ trưởng Ngoại giao: Trần Văn Đỗ
- Bộ trưởng Tư pháp: Bùi Văn Thinh
- Bộ trưởng Thông tin: Phạm Xuân Thái
- Bộ trưởng Tài chánh: Trần Hữu Phương
- Bộ trưởng Kinh tế: Lương Trọng Tường
- Bộ trưởng Canh nông: Nguyễn Công Hầu
- Bộ trưởng Công vụ: Trần Vạn Bách
- Bộ trưởng Kế hoạch: Nguyễn Văn Thoại
- Bộ trưởng Y tế: Huỳnh Kim Hữu
- Bộ trưởng Quốc gia Giáo dục: Nguyễn Dương Đôn
- Bộ trưởng Xã hội: Nguyễn Mạnh Bảo
- Bộ trưởng Lao động và Thanh niên: Nguyễn Tăng Nguyên
- Quốc vụ khanh đặc trách Quốc phòng: Hồ Thông Minh
- Quốc vụ khanh đặc trách Công vụ: Trần Ngọc Liên
- Quốc vụ khanh đặc trách Nội vụ: Huỳnh V Nhiệm và Nguyễn Văn Cát
- Phát ngôn viên chính phủ: Phạm Duy Khiêm và Bùi Kiện Tín.

Hai tháng sau các thỏa hiệp Genève, tại Manille được ký kết hiệp ước Seato. Đây là hiệp ước về an ninh quân sự, bao gồm chính các nước Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Thái Lan, Phi Luật Tân và Pakistan. Nước Việt Nam, Lào và Cam Bốt không ở trong hiệp ước ấy, nhưng được thụ động che chở.

Về cuối kỳ đệ tứ tam cá nguyệt, không tháng nào mà giới hữu trách Pháp và Mỹ không gặp nhau.

Ngày 24 tháng 10, Tổng thống Eisenhower gởi một bức thư cho Ngô Đình Diệm, để hứa hẹn với ông ta sự bảo đảm vô điều kiện của Mỹ.

Sau rốt, ngày 13 tháng chạp, hai Tướng Ely và Collins đã ký với nhau những thỏa hiệp ấn định quyền hạn và trách nhiệm giữa nhà binh Pháp và Mỹ trong việc thành lập quân đội quốc gia Việt Nam.

Mỗi ngày, miền Nam Việt Nam đi sâu vào giải pháp Mỹ. Thật vô ích khi nói rằng tôi tự đặt ra ngoài tất cả những chuyện thay Tề đổi Sở này. Giải pháp Pháp đã chấm dứt, và Washington trở thành người bảo trợ chính thức cho chế độ của ông Diệm.

Tại chỗ, quân đội viễn chinh Pháp tiếp tục cuốn gói. Ngày 9 tháng 10, quân đội Liên hiệp Pháp bắt đầu triệt thoát ra khỏi thủ đô miền Bắc Hà Nội.

Vào tháng 11, tôi tiếp ở Paris Tướng Salan, vừa tự ý dời Đông Dương do một mâu thuẫn với Tướng Ely. Viên cựu Tổng tư lệnh nói với tôi, về sự bãi bỏ Tướng Hinh, mà ông thấy là đáng tiếc, và về hành động của Thủ tướng Diệm đối với các giáo phái mà ông cho rằng rất độc hại, bởi vì họ còn có thể dùng được ở miền Nam Việt Nam. Thật sự, tôi rút tướng Hinh ra khỏi vị trí quyền hành của ông ta, là để che chở cho ông ta, vì người của ông Diệm muốn sát hại ông ta.

Ngày 30 tháng chạp, tại Paris, các hiệp ước nhứt định giữa nước Pháp, Lào, Cam Bốt và Việt Nam được ký kết. Nhưng nước Pháp đang có nhiều vấn đề khác: kể từ ngày 1 tháng 11, người Algeri bắt đầu nổi dậy.

Trong các thung lũng của vùng Hoàng triều cương thổ miền Bắc, nhiều nhóm người dân tộc, vẫn tiếp tục chiến đấu, với sự thất vọng điên cuồng.

Tại Cannes, ngày 24 tháng giêng năm 1955, nhân dịp tết năm Ất Mùi, tôi gửi một thông điệp cho đồng bào của tôi. Bức thông điệp này gồm năm đoạn. Việc chia xẻ đất nước Việt Nam không nên coi là một cớ để thất vọng; chúng ta phải biết đoàn kết với nhau trong thử thách mới này, nước Việt Nam đã được thế giới tự do giúp đỡ thì nền ngoại giao quốc tế sẽ do mình tự chọn. Chúng ta phải đi vào nền cách mạng kỹ nghệ hóa của Âu châu.

Đầu tiên, tôi nhắc lại, kết quả chua cay của hội nghị Genève:

"Việc chia cắt nước Việt Nam ra làm đôi, ám ảnh đầu óc đồng bào. Đồng bào nghĩ đến sự ngoan cường và kiêu hãnh của những người ở miền Bắc đã từ chối tất cả hình thức sống và nghĩ vốn không phải là của họ. Đồng bào lo ngại rằng ngày mai đây họ sẽ đưa tãi đến miền Nam này, ý đồ ghê gớm của họ. Sự chán nản làm đồng bào thất vọng, trước nỗi chia cắt đau thương của đất nước. Những kẻ hoài nghi, kẻ vô tích sự, bọn giả đạo đức, đứng vào phe những tên gián điệp để vu cáo rằng miền Nam không đủ lực để chống lại cái thác lũ của miền Bắc kéo vào... Tại sao lại chịu để mất lòng tin tưởng vào tương lai của chúng ta?"

Tôi kể lại mấy điều tỉ dụ trong sự kháng chiến của dân tộc trong lịch sử, rồi tôi mời đồng bào vào nghĩa vụ và đoàn

kết. Tôi nhắc cho họ biết những đảm bảo của các đại cường trong khối tự do, trên bình diện quốc tế, và sự cần thiết phải dựa vào Tây phương. Rồi tôi kết luận:

"Nhưng trước khi từ giã đồng bào, tôi chắc rằng, tôi đã làm tròn sứ mạng của người thông ngôn, truyền đạt sự chúc mừng nồng nhiệt của tôi cho các đồng bào ở miền Bắc, kém may mắn hơn đồng bào, đã không thể thoát được một chế độ mà họ không ưa thích. Mong rằng họ sẽ hiểu biết là hàng ngày tư tưởng của chúng ta vẫn hướng lòng về họ, để giúp họ chịu đựng được sức đè nặng đang quàng lên đầu lên cổ họ. Mong rằng sự cầu nguyện của chúng ta sẽ đem đến cho họ nguồn an ủi mà họ đang cần, để chờ ngày mà chúng ta lại cùng nhau xum họp lại."

Đầu tháng 2 năm 1955, ông Mendès France bị thiểu số, phải đưa đơn từ chức. Ông ta được thay thế bằng ông Edgar Faure, đã đề cử ông Henri Laforet làm bộ trưởng các Quốc gia Liên kết.

Tại Sài Gòn, do lời yêu cầu của ông Diệm, người Mỹ nhận trách nhiệm huấn luyện quân đội Việt Nam kể từ ngày 12 tháng 2.

Theo sáng kiến của Giáo chủ Cao Đài là Phạm Công Tắc, Mặt trận Quốc gia Thống nhứt bao gồm các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên và đảng Dân chủ Xã hội Việt Nam được thành lập.

Tôi cảm thấy một sự thử lửa giữa ông Diệm với các khối võ trang của các giáo phái khó lòng tránh khỏi. Trong đầu tháng 3, một phái đoàn của *Mặt Trận Thống Nhứt* đã sang Pháp để liên lạc. Nhưng không cần phải đợi sự trở về của đoàn đại biểu này, các lãnh tụ của Mặt trận đã gửi cho Diệm một tối hậu thư, buộc Diệm trong vòng năm ngày phải lập

lại chính phủ bao gồm trong hàng ngũ những đại diện của lực lượng dân chủ đối lập.

Ông Diệm tìm cách trì hoãn để lợi thời gian, để thảo luận với đại diện của Mặt trận nhưng không chịu nhượng bộ về điểm chính. Những giáo phái không chịu bị mất mặt, tập họp lại xung quanh Sài Gòn. Một biến cố thứ nhất đã xảy ra ngày 30 tháng 3, mà quân Bình Xuyên phải chịu thiệt hại. Ông Diệm lợi dụng sự xáo trộn đang xảy ra để chia rẽ phe Cao Đài.

Vì vậy, một người trong giới chỉ huy quân sự của họ, Trịnh Minh Thế, từ giã Mặt trận để liên kết với chính phủ.

Trong suốt thời gian đó, ông Diệm không ngớt gởi cho tôi các điện tín. Mỗi ngày tôi nhận được nhiều điện tín đại ý: "Tên này nói xấu Hoàng thượng. Tôi đã cho nó vào tù. Tên này đã làm thế này..."

Về phần tôi, tôi gửi cho ông ta ngày 4 và 12 tháng 4 mấy thông điệp khuyên ông ta nên cẩn thận, và cho ông ta những lời khuyên giải khôn ngoan.

Mặc dù, đã thắng phe Cao Đài, tình thế bắt đầu suy nhược xung quanh ông Diệm, chỉ còn có mấy người trong gia đình. Ngày 28 tháng 4, mười bốn bộ trưởng cùng nhau từ chức nhất loạt. Ông ta vẫn cương quyết, ra lệnh cấm tụ họp trong ngày lễ Lao động 1 tháng 5, và tung ra một cuộc hành quân đánh thẳng vào đại bản doanh của Bình Xuyên.

Tôi gửi cho ông ta bức điện sau đây:

"Có nhiều xáo trộn mới và nặng nề đang đưa đến một tình trạng khó thở, không có lợi cho sự đoàn kết quốc gia, mà ta đang cần đến. Điều chủ đích chính buộc tôi nhận thấy rằng, đối với những cuộc từ chức mới và quan trọng chứng tỏ vị trí không ổn định của chính phủ... Hẳn ông đồng ý với tôi rằng không phải bằng những biện pháp có

tầm hoạt động hạn chế, có thể giải quyết được sự việc gấp rút cấp thời. Nó sẽ là nguồn mồng của những xáo trộn có hạn định dài hay ngắn, mà sự khủng hoảng hiện nay, rất đáng tiếc đã xảy ra, nhưng có thể giải quyết được... Đồng ý với những giả thuyết ấy, tôi đã quyết định dùng hình thức tham khảo các nhà trí thức, chính trị, tôn giáo. Cùng lúc đó, tôi lại triệu tập các đại biểu của giới nhà nông, rất có uy tín, giới thợ thuyền, mà điều kiện sống vẫn được tôi chú trọng đặt lên hàng đầu, và những người có nhiệm vụ bảo vệ xứ sở bằng súng đạn... Nơi tham khảo ấy nên để tại Pháp, để giúp cho sự trao đổi ý kiến được xảy ra xa vị trí của những tham vọng sôi nổi. Theo vị trí của ông là Thủ tướng chính phủ, và vẫn quí trọng những đức tính cao quí của ông, tôi mời ông tham dự cạnh tôi cuộc hội thảo dự trù này... Cuộc khủng hoảng hiện tại, cần phải giải tỏa không trì hoãn, theo lời tôi hứa hẹn với quốc dân, tôi triệu tập ngày 5 tháng 5 năm 1955 tại Cannes, những nhân vật mà tôi cho rằng có thể là đại diện có lực lượng của dân tộc Việt Nam... Tôi yêu cầu ông sẽ đến bên tôi bằng mọi cách thật sớm trước ngày mùng 3 tháng 5, để góp chung ý kiến với tôi. Chiếc phi cơ của hoàng gia sẽ đặc biệt dưới quyền sử dụng của ông vào việc ấy..."

Chính phủ Pháp như lại bắt đầu chú ý đến mọi hoạt động của tôi, và ông Edgar Faure ngày hôm sau, trong một cuộc họp báo, đã tuyên bố rằng "ông theo dõi với tất cả nhiệt tình và với cảm tình đặc biệt, đối với lời kêu gọi hội họp của Quốc trưởng Việt Nam."

Vừa lúc tôi nhận được một bức điện của Tướng Vỹ xin tôi cho phép ông ta hoàn tất điều mà Tướng Hinh, đã không thể đạt vào tháng 10 trước đây.

Nói rõ hơn, ông ta xin phép tôi lật đổ ông Diệm.

Hiểu biết sự khôn ngoan của Vỹ, tôi đoán rằng, trước khi gửi bức điện cho tôi, ông ta đã được sự chấp thuận, hay ít ra được sự hứa hẹn của các nhân vật có trách nhiệm Pháp và Mỹ. Nhứt là tôi càng tin chắc, vào ngày hôm trước, có gặp ông Gibson, đệ nhứt bí thư của Tòa Đại sứ Hoa Kỳ ở Paris, ông này đã khuyến khích tôi hành động gấp, và chính Thủ tướng Edgar Faure, trong buổi họp báo đã kín hở nói ra là ông ta không chống lại bất cứ một sự thâu đoạt lại quyền hành nào.

Tin vào sự đó, quả là nhầm lẫn lớn nếu không kể đến các sự can thiệp của cơ quan Hoa Kỳ ở Sài Gòn. Sáng ngày 29, họ đã thúc đẩy Diệm thanh toán cho xong với đám Bình Xuyên. Các cố vấn chính trị và quân sự của cơ quan MAAG, chính tự tay mình đảm nhiệm công tác này, và đến chiều thì những tàn quân của Bảy Viễn bắt buộc phải rút vào vùng sình lầy Rừng Sát. Cuộc chiến thật khốc liệt, đã có đến hơn 500 người chết, nhưng Diệm đã thắng theo như ý muốn.

Lấy cớ đó, ông ta trả lời bức điện của tôi ngày 28 bằng cách không đến được, lý do Hội đồng bộ trưởng đã ngăn cản ông ta đến Cannes, vì không một ai trong hoàn cảnh này, có thể thay thế ông ta được.

Đến ngày 30 tháng 4, tôi lại gửi một bức công điện khác, có tính chất quyết liệt hơn:

"Những lý lẽ của ông viện dẫn trong bức điện tín, chứng tỏ rằng chính phủ của ông thật sự ra đã thật mỏng manh, đã mất đường hướng, vốn chú trọng đến việc thực hiện đoàn kết quốc gia, chứ không phải gom góp hận thù.

"Những cộng sự viên cuối cùng của ông, cũng như chính ông, đã chỉ cho tôi thấy hình như ông chỉ thích hợp với sự đào sâu hố chia rẽ giữa các đồng bào, và theo đuổi

một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn. Ngược lại, ông cố gắng né tránh kỹ càng sự báo cáo trung thực với tôi về mọi tổn thất về nhân mạng. Tuy nhiên, đã có hàng ngàn người chết và bị thương, không kể hàng ngàn người khác bị vong gia thất thổ, mà họ đều là đồng bào ruột thịt của chúng ta. Và danh sách này còn tiếp tục dài lê thê, với chính sách sắt máu mà ông đang theo đuổi.

"Tôi cũng được biết rằng, ông không hề phổ biến những thông điệp của tôi, vốn là những lời kêu gọi đoàn kết, và hòa giải quốc gia. Cũng như, hình như ông không thông báo các chỉ thị của tôi cho các Tướng Nguyễn Văn Vỹ và Lê Văn Tỵ. Làm cho tôi có cảm tưởng rằng, những lệnh ấy rất phù hợp với quân đội, vốn không bao giờ dùng để phục vụ cho ý đồ của một nhóm người muốn tạo phản.

"Những lý do mà ông nêu lên trong bức điện tín như vậy, không đủ hiệu năng, ông chỉ cần thi hành các lệnh của tôi. Tôi nhắc lại lần nữa, và lần cuối cùng, lệnh mà tôi gửi cho ông, là phải sang Cannes ngay tức khắc."

Chiều hôm ấy, Tướng Vỹ tin tưởng vào đặc quyền của tôi, một mình vào dinh Thủ tướng để đặt các điều kiện, thì bị ông Diệm ra lệnh bắt nhốt tức khắc. Ông này chỉ được trả lại tự do nhờ Đại tá Đỗ Cao Trí can thiệp, vốn là bạn của ông, vừa thắng quân Bình Xuyên trở về hợp tác với chính phủ. Ngay sau khi được thả, Vỹ lên ẩn trên Đà Lạt.

Như vậy, ông Diệm đã loại trừ được hai người trong các phần tử chống lại ông ta. Lập tức, ông thừa thế làm tới, và tất nhiên có các cố vấn Mỹ sau lưng. Ngày 1 tháng 5, ông ta tổ chức một cuộc hội họp gọi là *Hội Nghị Các Lực Lượng Nhân Dân,* mà người ta đã vội vã mời đến hầu hết các giới quốc gia cực đoan ở Sài Gòn. Hội nghị này quyết định, sẽ vận động mời đến Sài Gòn ngày 5 tháng 5, tất cả "các lực

lượng chung" của toàn thể Việt Nam gồm khoảng 1000 đại biểu cho miền Nam và miền Trung.

Trong bức điện đầu tiên của tôi đề ngày 1 tháng 5, tôi lưu ý Thủ tướng là sự can thiệp của tôi nhằm vào hai mục đích: tránh nội loạn, hay ít ra là ngăn cản sự bành trướng của nó, vì do hàng loạt đơn từ nhiệm, đưa chính phủ đến chỗ chỉ còn lại ba hoặc bốn người, để tìm một giải pháp hết sức rộng rãi, bao gồm tất cả mọi khuynh hướng quần chúng. Chính vì thế mà tôi thấy cần thiết phải tham khảo với ông ta, nên tôi đã nhất định ra lệnh cho ông ta phải đến Cannes ngay tức khắc.

Bức điện tín thứ hai được gửi đi ngày 3 tháng 5, trong khi Thủ tướng chính phủ báo cáo với tôi về sự triệu tập của "những lực lượng quần chúng." Đây là bản tường trình:

"Tiếp theo bức điện tín của Hoàng thượng hôm nay, tôi xin thành cẩn báo cáo với Ngài rằng, tôi phủ nhận cái Hội nghị đó, mà sự bất hợp pháp không cần phải chứng minh nữa. Trong hoàn cảnh hiện tại, và giữa lúc nội chiến đang bùng nổ, một hội nghị được tổ chức ở Sài Gòn, cầm đầu bởi một số cách mạng, quá khích, không thể nào chứng tỏ được là do ý muốn của nhân dân, và loại hội nghị ấy cũng không quyết định được gì cho số phận đất nước, và những nghị quyết của nó có thể có những hậu quả tai hại cho an ninh xứ sở. Tôi nghĩ rằng vì quyền uy của Hoàng thượng, cũng như vì địa vị của Ngài, không thể để cho họ lợi dụng được, vì nó dìm đắm dân tộc chúng ta vào sự khổ ải mới, và biến Việt Nam thành hỏa ngục ở Đông Nam Á, sẽ đưa quốc gia vào sự bại vong."

Rất được người Mỹ nâng đỡ, ông Diệm giữ vững vị trí. Ông ta gặp phải hai điều bất mãn. Tướng Trịnh Minh Thế, thuộc phe Cao Đài ly khai, vừa trở về theo chính phủ, vốn

là tay phò trợ trung thành của ông ta, ngày 4 tháng 5, bị tử trận trong một cuộc đụng độ với quân đội Bình Xuyên. Thứ nữa, ngày mùng 5 tháng 5, trong hội nghị của "các lực lượng quần chúng," nếu những đại biểu các tỉnh miền Trung nhắm mắt nghe theo ông ta, thì các đại biểu các tỉnh miền Nam, lại bỏ phiếu bất tín nhiệm ông ta, và từ chối tham dự vào các hoạt động của hội nghị.

Dữ kiện thứ hai này là sự thất bại lớn cho ông Diệm, nhưng ông ta biết cách đối phó.

Không trả lời các bức điện của tôi, và cũng không đếm xỉa gì đến cái gọi là dự trù hội nghị, do chính ông ta dựng nên, ông Diệm lập một chính phủ, lấy cớ là kêu gọi đến chuyên viên, một chính phủ chỉ bao gồm những tay chân, thủ hạ của ông ta. Rồi ông ta lần lượt thủ tiêu cái gì còn lại ở các giáo phái.

Chẳng bao lâu, quân đội chỉ còn là vài mảnh tả tơi, các cấp chỉ huy quân sự thuộc các giáo phái tập trung lại xung quanh Tướng Hinh, người của tôi cử về, đóng ở biên giới Cam Bốt. Ở đây có Trần Văn Soái, Ba Cụt, là thuộc phe Hòa Hảo, Bảy Viễn và Đại tá Leroy của Lực Lượng Dân Chủ Cách Mạng (UDMC). Họ đợi trong tuyệt vọng chiến tầu chở khí giới, mà cơ quan tình báo Pháp hứa hẹn, do Bảy Viễn đã bảo thuê trước. Tuyệt vọng, điên cuồng, họ đành chia tay. Hinh sang Pháp ngày 19 tháng 6 năm 1955. Leroy rồi Bảy Viễn tiếp tục theo gót ông ta. Trần Văn Soái, ít lâu sau phải trở về theo Diệm. Riêng có Ba Cụt là tiếp tục chiến đấu, và bị bắt vào tháng 4 năm 1956, và bị chém.

Cố gắng giữ mình, Diệm không dám sang Pháp, phải cử một phái đoàn sang Paris để điều đình sự rút quân của Pháp, và điều đình với những điều khoản mới, sự hợp tác giữa Pháp và Việt Nam. Nhưng cuộc đàm thoại đã diễn ra trong một không khí bực bội. Phái đoàn được Thủ tướng

gọi về vào trung tuần tháng 10, không đạt được kết quả gì. Tình giao hảo Pháp Việt mỗi ngày một thêm trầm trọng.

Tướng Ely xin được gọi về, đã rời Sài Gòn ngày 2 tháng 6. Ông ta được Tướng Jacquet thay thế, làm Tổng tư lệnh quân đội Pháp, và ông Hoppenot làm Thượng sứ. Ông này sau mang danh vị là Đại sứ. Đó là sự thanh toán của nước Pháp ở Viễn Đông.

Ngày 19 tháng 7 năm 1956, theo như dự trù của hiệp định Genève, Hà Nội yêu cầu Sài Gòn cử đại diện của miền Nam tham dự ủy ban dự thảo về tổng tuyển cử định vào tháng 7 năm 1956. Hà Nội cũng yêu cầu chỉ định một nơi làm chỗ gặp gỡ của ủy ban này.

Thay vì trả lời, ông Diệm cho tổ chức ở Sài Gòn những cuộc diễn hành cấp tốc và những cuộc xuống đường chống lại tổng tuyển cử. Vào ngày 5 tháng 8, trong một lời tuyên bố trên đài phát tranh, ông ta loan báo rằng, nước Việt Nam tự coi mình không có ràng buộc gì với hiệp ước Genève, mà ông ta không phải là người ký kết.

Bất cứ cách nào, ông ta giải thích, những điều kiện về tự do của cuộc sống, và tự do về bầu cử, đã không thỏa mãn được ai ở miền Bắc thì sự đó cũng đủ là lý do để từ chối với mọi sự điều đình với miền Bắc.

Ông ta vừa được sự ủng hộ to lớn của Washington, khi ông Foster Dulles cũng tuyên bố về phần Hoa Kỳ:

— Hoa Kỳ rất đồng ý với chính phủ Diệm, để nhận định rằng các điều kiện hiện hữu ở miền Bắc Việt Nam chưa thích ứng được trong hiện tại để bầu cử tự do trên toàn quốc Việt Nam đồng nhứt.

Đó tức là sự từ chối hoãn vô hạn định, bất thành văn, về tổng tuyển cử.

Gạt bỏ được sự chống đối của các giáo phái, hất bỏ cái di sản ám ảnh về tổng tuyển cử sắp đến ngày cận kề, với quân đội trong tay, vào cuối hè năm 1955, Diệm đã là kẻ đắc thắng, và chỉ còn có một trở ngại cần loại trừ để thỏa mãn tham vọng của mình: làm Quốc trưởng...

Trong giới thân cận tôi, người ta liền khuyên tôi, khi tôi hãy còn quyền lực trong tay, là truất phế Thủ tướng, trở về Sài Gòn để tự tay cầm đầu một chính phủ mới. Nhưng tôi không còn tin vào một sự phiêu lưu mới trong tình trạng hiện tại của quốc gia. Sau cuộc thất bại của giải pháp Pháp, một giải pháp Mỹ như đang được thực hiện, chỉ có thể đưa đến một sự thất bại mới, còn to lớn, nặng nề và sâu đậm cho dân tộc Việt Nam hơn nữa. Nước Việt Nam chỉ được tự mình cứu rỗi, có lẽ phải qua đến bước đường cùng, để lấy làm nguồn để bắt đầu.

Tại Paris, từng nhóm nhỏ chính khách hoạt động. Ngày 7 tháng 10, có mở cuộc đại hội ở khách sạn Raphael. Chung quanh cựu Thủ tướng Trần Văn Hữu có Tướng Xuân, Tướng Hinh, vốn rất thất vọng về cuộc phiêu lưu vừa qua, Đại tá Leroy, ông William Baze... Cả hình ảnh của xứ Nam kỳ cũ. Người ta nói đến chính phủ lưu vong, đến trung lập hóa, nhưng tất cả những sự bàn phiếm ấy chẳng đi tới đâu.

Về phần tôi, tôi muốn tách rời hẳn với Ngô Đình Diệm, mà tôi không thể đi chung đường được. Nhứt là tôi không muốn liên hệ vào với chính sách chống Cộng, thanh trừng ở Việt Nam, nó làm cho nước tôi trở thành một quốc gia cảnh sát trị. Chính ông ta đã cho tôi cơ hội, để đoạn tuyệt với nhau vĩnh viễn.

Thật vậy, ông Diệm loan báo vào ngày 20 tháng 10 cái gọi là trưng cầu dân ý, do ý chí của dân chúng Việt Nam quyết định. Câu hỏi trong cuộc trưng cầu dân ý là:

● *"Tôi truất phế Bảo Đại và chấp thuận Ngô Đình Diệm làm Quốc trưởng Việt Nam, với nhiệm vụ đặt nền móng dân chủ,"*

và

● *"Tôi không truất phế Bảo Đại, và không chấp nhận Ngô Đình Diệm là Quốc trưởng để đặt một nền móng dân chủ."*

Sự trình bày thật khôn khéo, sự lựa chọn của cử tri đã được hướng dẫn rõ ràng.

Dựa vào công tác, chức Thủ tướng không được trao cho nhiệm vụ tổ chức loại thăm dò liên can đến chế độ, ngày 18 tháng 10, tôi chấm dứt nhiệm vụ của Ngô Đình Diệm.

Ngày hôm sau, tôi lệnh cho văn phòng tôi trao cho các chính phủ Pháp, Mỹ, Anh, Ấn Độ và Nga, một công văn, yêu cầu sự giao hảo giữa hai miền Bắc và Nam Việt Nam phải được bình thường hóa, và hướng vào sự hợp tác chân thành, mặc dù mỗi bên không cần phải từ chối vị trí chính trị của mình.

Cũng trong thời gian ấy, tôi gửi cho dân chúng Việt Nam một bức thông điệp.

Trước hết, tôi giải thích lý do nào tôi đã chọn Diệm vào tháng 6 năm 1954; và nhứt là tính chất giao hảo của ông ta với người Mỹ. Sau rồi, tôi tỏ ý thất vọng trước những biện pháp độc tài mà mỗi ngày ông ta càng đi sâu vào, biện pháp mà tôi kết án một cách dứt khoát. Cuối cùng, tôi kết luận là cảnh giác dân chúng Việt Nam phải đề phòng con người có thể đưa họ tới một tương lai đen tối của tàn phá, đói khổ và chiến tranh.

Tôi không có ảo tưởng nào, tôi không còn hậu thuẫn ở Sài Gòn nữa. Vả lại bức thông điệp này cũng không được

phổ biến ở Việt Nam. Như mọi người từng biết chắc, Ngô Đình Diệm được bầu làm Quốc trưởng.

Ngày 26 tháng 10 năm 1955, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa được tuyên bố thành lập.

Nhưng nó không phải là nước Việt Nam, nước mà tổ tiên tôi và triều đại của tôi đã dầy công xây dựng, bảo vệ và tái thiết. Quân đội mà tôi tạo nên để giữ vững nền độc lập ấy, đã trở thành một thứ lính bảo chính, nhằm để thực hiện các công tác mật vụ, nếu tôi còn là Hoàng đế, tôi lại phải thoái ngôi lần nữa.

GIẢI PHÁP MỸ

Thế là từ nay tôi trở thành một thường dân, di cư sang Pháp, y như những người khác. Từ xa, tôi theo dõi cuộc sống của dân tộc tôi, chịu chung nỗi đau thương, vui buồn cùng họ.

Sau khi người lính Pháp cuối cùng cuốn gói ra đi vào tháng 4 năm 1956, ông Diệm có xung quanh những người thân tín là ông Nhu, Cẩn, Đức cha Thục và nhất là người em dâu, bà Nhu, đã ngự trị thành chúa tể ở miền Nam Việt Nam. Thỉnh thoảng, chỉ có sự vãng lai che chở của các cố vấn Mỹ, đem đến cho ông ta một chút mặc cảm về tinh thần quốc gia u ám của mình.

Tuy nhiên, sự chống đối không phải là chấm dứt hẳn. Việc tiêu diệt giáo phái đã giao cho Việt Minh từng vùng rộng lớn và phì nhiêu ở nông thôn, vốn còn có những phần tử Việt Minh đóng tại chỗ, trái lại các điều khoản của hiệp ước Genève.

Bởi vì, nếu ông Diệm có dẹp bỏ được sự lo âu về tổng tuyển cử, thì Việt Minh cũng chẳng thành tín gì, đối với

việc tập kết mà chúng còn để lại ở miền Nam, từng bộ phận quân sự của họ.

Thật sự, những điều khoản của Genève chẳng bao giờ được ai tôn trọng cả.

Chẳng bao lâu, đây là sự xuất hiện của bọn du kích Việt Cộng mà những sự khủng bố đã làm mất an ninh ở khắp miền Nam. Trước hiểm họa đó, người Mỹ vội vã xúc tiến việc thành lập quân đội Việt Nam. Nhưng trong lãnh vực này, họ đã không chịu theo kinh nghiệm của người đi trước, lại đi lập các đạo quân chính qui cổ điển với đầy đủ trung đoàn, sư đoàn, bộ tham mưu, và các cơ sở quân sự... Lẽ ra, họ phải giữ lấy nguyên tắc vấn để các đoàn khinh binh lưu động, như tôi đã từng buộc Pháp phải chấp nhận là đúng. Các đoàn khinh binh này có sự uyển chuyển co dãn, để đối phó với quân du kích địch, do chúng có thể đột xuất nhanh chóng và được áp dụng đúng với chiến tranh du kích cách mạng.

Trong khi đó, ông Diệm và các anh em là Nhu và Đức cha Thục, đã tìm cách chống lại tứ đổ tường hầu thanh sạch hóa miền Nam vốn mang tiếng là thối nát. Các sòng bạc và nhà chứa đều bị đóng cửa, nạn đa thê và mãi dâm bị triệt để cấm hẳn, ngay cả khiêu vũ cũng bị nghiêm cấm. Rượu và thuốc phiện, tất nhiên bị liệt vào hàng tệ nạn xã hội, không thể được dung túng. Nhưng tất cả cái phong trào thanh hóa ấy, cũng chẳng thu được kết quả nào đáng kể. Ngay cả Nhu, dựa vào lý thuyết của Emmanuel Mounier, đã muốn đặt thành quốc sách cái gọi là *Cần Lao Nhân Vị* cũng chẳng đạt được kết quả mong muốn, vì thuyết đó không thích ứng với tâm hồn của người Việt Nam, từng được tiêm nhiễm về Khổng Mạnh sâu đậm. Vì vậy, các dự định cải cách lớn lao của Ngô Đình Diệm, nhằm vào cải cách ruộng đất, lập các ấp chiến lược chẳng những

đã không đi đến đâu, còn làm dân chúng bất mãn, trở thành yếu tố cho bọn du kích bành trướng.

Vì vậy, ngày 20 tháng chạp năm 1960, đã phát sanh ra cái gọi là *Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam,* và đến ngày 1 tháng 2 năm 1961, *Quân Đội Giải Phóng Miền Nam* thành hình. Tuy quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã mạnh tới 150,000 người, được trang bị đầy đủ do người Mỹ viện trợ, người ta có cảm tưởng rằng quyền hành đang bị vượt qua.

Cũng do đó, ngày đầu tháng giêng năm 1962, tuy không ai muốn nói đến đoàn quân viễn chinh Mỹ, đã có từng đơn vị quân đội đang bắt đầu đổ bộ Sài Gòn. Nhiệm vụ của họ là thay thế cho các đoàn cố vấn, để họ cùng đi hành quân cùng với quân đội Việt Nam. Hoa Thịnh Đốn càng ngày càng dấn thân thêm nữa, và sự leo thang trong lãnh vực quân sự đã bắt đầu.

Về mặt kinh tế cũng vậy, để trám vào các sự khiếm khuyết của Diệm, các cố vấn Mỹ đã đưa các chuyên viên của họ vào các bộ, và các cơ quan thông tin. Ông Nhu dần dà thay thế anh. Thông minh, can đảm, tàn bạo, Nhu lập ra nhiều tổ chức, mà mục đích là kiểm soát dân chúng, công chức, thanh niên và phụ nữ. Sự đoàn ngũ hóa ấy tăng trưởng mãi lên thành phong trào gọi là *đoàn Thanh Niên Cộng Hòa,* mà tất cả mọi người đều phải ghi tên kể từ khi lên tám tuổi. Việc tiễu trừ Cộng sản dâng cao tột độ nhưng vì có những sự vụng về, nên người ta bỏ ra bưng theo Cộng sản.

Tất cả đang tiến tới, chính phủ gặp phải sự chống đối của các nhà sư. Ông Diệm và Nhu là người Công giáo. Các nhà sư được Cộng sản giật giây, và mật vụ Mỹ tiếp tay, liền bắt đầu hoạt động. Chính quyền phải đối phó lại, vô hình chung như mang mặc cảm kỳ thị tôn giáo.

Ngày 1 tháng 11 năm 1963, ông Diệm bị lật đổ, với sự đồng ý của Mỹ, và bị giết cùng với ông Nhu. Phe quân nhân đảo chính, do tướng Dương Văn Minh *"Cồ"* lên cầm quyền.

Ở miền Bắc, sau khi thắng năm 1954, một chính sách độc tài nghẹt thở đè nặng lên nhân dân toàn xứ. Tuy tin tức ít lọt ra ngoài, nhưng người ta cũng biết rằng Hồ Chí Minh và phe nhóm đang sửa soạn chiến tranh. Họ đã bắt đầu chịu gánh nặng viện trợ cho quân du kích miền Nam. Đối với họ, chẳng còn hồ nghi gì nữa, sự thống nhứt Việt Nam sẽ được thực hiện, nhưng dưới lá cờ của Đảng Cộng sản. Dù cho vị lãnh tụ già nua có chết đi vào năm 1969, các diễn tiến ấy vẫn không thay đổi.

Ở miền Nam, sau khi ông Diệm bị lật đổ, các tướng lãnh đua nhau lần lượt cầm quyền và người Mỹ ngày càng đi sâu vào vấn đề Việt Nam. Đã được một năm, máy bay Mỹ không ngớt ném bom đều đặn xuống miền Bắc. Nhiều sư đoàn quân Đại Hàn, quân Úc châu, và quân Tân Tây Lan đều tham gia chống lại Cộng sản.

Diễn biến ngày hôm nay chỉ là hậu quả của diễn biến ngày hôm qua. Làm sao mà tôi không thể nghĩ đến Tổ quốc Việt Nam của tôi, khi tôi đang sống trong đó, và tôi đã từng lãnh đạo lâu năm, và vẫn còn mang nặng trách nhiệm?

Đã có một sự đứt đoạn về thời Diệm, nhưng kể từ ngày ông ta mất đi, sự việc đã hoàn toàn thay đổi. Bắt đầu, tôi lại có liên lạc với dân chúng và chúng tôi đã gặp lại nhau. Chưa hẳn là một cuộc tái hồi, nhưng cũng đã có những mối manh mới.

Tiếc thay, sự chia rẽ ở Nam Việt Nam quả thật trầm trọng. Nhiều đoàn thể quá, chỗ này chỗ khác, đâu cũng là phe phái, chia rẽ. Phe dân sự chống lại phe quân sự, và ngược lại. Người theo đạo Phật chống lại người Công giáo.

Và trên hết, sự tái sanh các giáo phái nẩy lên như cũ. Cần phải chấm dứt tất cả, vì đó là điều sinh tử của xứ sở. Cần phải có một chính quyền trung ương vững mạnh để tái lập lại sự thống nhứt quyền hành.

Trong nhiều cuộc biểu dương ở Sài Gòn, người ta đã đòi bầu cử. Nhưng làm sao mà có được bầu cử trong một nước bị rách nát bởi chiến tranh? Quả là dễ dàng để buộc dân chúng bầu cho ai với khẩu súng dí phía sau lưng. Nếu người ta tổ chức các cuộc bầu cử, ở miền Nam cũng như ở miền Bắc, thì hai bên vẫn cân bằng, nơi nào bầu cho nơi ấy. Như vậy thì đâu phải là hình thức thực hiện thống nhứt đất nước ở Việt Nam?

Người ta đã nói đến nhiều về sự các nhà sư tự thiêu, nhưng vấn đề các nhà sư là vấn đề giả tạo. Phần lớn các nhà tu hành, đã trở về chùa của họ. Vậy thì ai đã xúi dục họ gây loạn, ai? Họ ở đâu tới? Làm sao mà biết được nếu họ từ Hà Nội vào hay từ Bắc Kinh tới. Không giống như các nhà tu hành Công giáo, mà người ta ai cũng biết, để hiểu được tự cội nguồn, và tìm ra được lý do.

Tuy nhiên, cũng chẳng có gì là sáng sủa hơn ở Hà Nội. Tôi vẫn có những người liên lạc, từ nơi đó, và tôi biết miền Bắc cũng đang gặp đầy rẫy khó khăn, những lo sợ cấu rứt. Ở đó đang đói khổ, và có những mâu thuẫn dị biệt, hay quan điểm trái ngược. Chẳng hạn như tướng Giáp, ông ta đâu có thân Tầu?

Ở đây, cả thế giới như đang muốn có một giải pháp để chấm dứt chiến tranh. Thì ngay Đại tá Boumedienne hay Tổng thống Nasser cũng đều tự hào là có những giải pháp tốt đẹp có thể áp dụng được. Tất nhiên, trường hợp nào cũng đầy rẫy các cố vấn tài ba cả.

Là một người Việt Nam, và từng là Quốc trưởng, tôi đã suy nghĩ nhiều, nghiền ngẫm nhiều. Vấn đề hết sức phức tạp. Quả nhiên là quan trọng quá độ, để có thể tìm được một giải pháp nhiệm mầu. Tìm cách giải quyết, có hàm ý là phải gặp hàng loạt sự đi đêm, sự thăm dò chính trị và phải trình bày cho các bên liên hệ, những mục tiêu dự định, và phương pháp để thực hiện. Kế hoạch mà tôi muốn đưa ra để đem lại hòa bình cho Việt Nam, vướng mắc vào sự va chạm quốc tế, và quyền lợi riêng tư của dân chúng, mà người ta đã thường không chú trọng đến.

Dù sao, tất cả các quan điểm được trình bày, quan điểm của Tướng De Gaulle chắc chắn là điều rõ ràng hơn cả, và cũng có thể là điều hữu lý hơn cả.

Tuy nhiên, nó chỉ thực sự đáng lưu ý nếu được các nước liên hệ nhất định tôn trọng, và tùy theo tâm trạng của người Việt Nam. Bởi vì chúng ta chẳng nên nhầm giữa cái gọi là trung lập hóa và vị trí trung lập của một nước. Về vị trí trung lập, thì như nước Cam Bốt đã chứng tỏ rồi. Còn vấn đề trung lập hóa, là sự gạt bỏ tất cả mọi sự du nhập ngoại lai, và chỉ có sự tự lực tự cường của quyền lợi quốc gia. Liệu dân chúng Việt Nam đã nắm vững được ý thức ấy, và tất cả các nước ngoài chịu cái giải pháp ấy? Chúng ta có thể ngờ.

Trong hoàn cảnh hiện tại, nếu chiến tranh cứ tiếp diễn, tương lai về nước Việt Nam sẽ là một nước Việt Nam không có người Việt Nam, một vùng đất cháy với toàn xác chết.

Tôi không kết án cũng không phê bình về nền chính trị Mỹ đối với Việt Nam. Người Mỹ đã bị lôi cuốn, đã bị bắt buộc phải vào cuộc chiến này. Ngược lại, có lẽ họ đã muốn, tôi nghĩ không biết có đúng không, họ đã muốn giúp nước chúng tôi theo kiểu khác, hòa bình và đáng quí hơn là

không phải những khẩu canon, và bom đạn... Tuy nhiên, họ đã bị vướng mắc, sa vào một lưới nhện, mà họ không thể tìm thấy lối thoát, nên đành chấp nhận chiến tranh.

Chỗ này cần phải quay trở lại quá khứ. Người ta đã dùng Diệm. Chính tôi đã cho tìm ông ta, khi ông ta mải mê theo tu học, và tôi đã đưa ông ta vào quyền hành. Than ôi, rất nhanh chóng, nước Việt Nam bị đặt dưới quyền gia đình trị của ông ta. Toàn gia ấy đã làm hỏng việc của Diệm.

Thế rồi trước nữa, đó là sự chấm dứt của sự có mặt của người Pháp Điện Biên Phủ, rồi Genève... Tuy nhiên, không phải là sự liên hệ hỗ tương giữa hai sự việc. Cái này không phải là kết quả của cái kia. Điện Biên Phủ là một bãi chiến trường, trong đó vẫn còn tôi ở đấy, miễn là nếu tôi được trang bị khả quan hơn, thì tôi vẫn quật ngược được Giáp đến từ phương Bắc. Bộ Tổng tư lệnh Pháp đã từ chối, với cớ là đang chuẩn bị cuộc hành quân *Atlante*. Dù sao, hai tuần lễ sau đó, lực lượng đối kháng của địch đã bị thiệt hại nặng nề, và quân địch phải yêu cầu tạm đình chiến để rút các xác chết và thương binh của họ. Lúc ấy, người ta có thể phản công, nhưng các tư lệnh Pháp thì chỉ muốn đánh ngay tại chỗ.

Có lẽ họ đã hồi tưởng đến quan niệm có từ thời Verdun, nên đành chui trong một xó để im lặng khiếp nhược. Với một chiến lược như thế, thì dù binh sĩ có can trường đến mức nào, cũng không tài nào đạt nổi chiến thắng được. Mọi hy sinh đều vô ích. Genève ngược lại là một sáng kiến chính trị. Một năm trước khi có hội nghị, lúc đó ông Georges Bidault làm Ngoại trưởng, ông ta đã nói trước với tôi là số phận Việt Nam đã được định đoạt, và cũng không phải là do hậu quả của một Điện Biên Phủ nào. Số phận Việt Nam được định đoạt, không có tôi trong đó.

Thực tế, Genève chỉ là một giai đoạn của chiến tranh ở Việt Nam, mà luôn trong hai mươi lăm năm người ta không ngớt giết chóc nhau. Xứ sở Việt Nam của chúng tôi thật là xứ sở tuyệt vời, với một dân chúng đặc biệt, và chúng tôi cũng có thể có một sự tiến triển ngang với Nhựt Bản, nếu chúng tôi không bị đưa vào lò thử lửa giữa hai khối Đông Tây.

Vào năm 1966, không còn phải Paris là chỗ làm mất Đông Dương, mà là Hoa Thịnh Đốn. Thật sự, người Mỹ đã phải chịu một đòn chiến tranh tâm lý nặng. Phe *Bồ câu* chủ hòa đã huy động tất cả các phần tử khiếp nhược và đầu hàng, các ký giả săn tin, bọn thanh niên phản chiến, sinh viên và báo chí khuynh tả. Ở khắp nơi, tại Hoa Kỳ đã thành lập các *Ủy ban phản chiến* khuyến khích binh sĩ Mỹ đào ngũ. Tổng thống Johnson không biết và không dám leo thang chiến tranh. Bộ Ngoại giao Mỹ ngày 26 tháng 7 ra một bản tuyên ngôn: "Hoa Kỳ không muốn xâm lăng miền Bắc Việt Nam, hơn nữa, Hoa Kỳ không muốn mở rộng chiến tranh, và cũng không muốn lật đổ một chế độ nào."

Vào lúc cần phải áp dụng sáng kiến để thay đổi số phận của chiến tranh, như phong tỏa các miền duyên hải Bắc Việt, đưa chiến tranh du kích vào châu thổ sông Hồng, đánh ra miền Bắc qua vĩ tuyến 17, người Mỹ lại buông lơi dưới áp lực của phe chủ hòa.

Tại Phnom Penh, ngày 1 tháng 9, Tướng De Gaulle đích thân, không đả động gì đến sự can thiệp của Cộng sản vào dưới vĩ tuyến 17, lại kết án dứt khoát sự can thiệp của ngoại quốc từ "bờ bên kia Thái Bình Dương" và kêu gọi Mỹ hãy rút lui khỏi miền Nam Việt Nam.

Nhờ sự giúp đỡ của quân đội Mỹ nên quân lực Việt Nam không đến nỗi đổ sụp ngay, nhưng miền Nam Việt Nam

cũng không đạt được tiến bộ vững chắc nào về chính trị, tuy ngoài mặt có hình thức khả quan. Quân đội có tiến triển, nhưng sự bình trị vẫn chẳng đi đến một kết quả tốt đẹp nào.

Nhân dịp sang thăm Paris vào kỳ hè năm 1965, ông Richard Nixon có tìm gặp tôi. Ông nói:

— Thưa Ngài, sự tìm gặp Ngài là do cá nhân của tôi. Tôi chẳng ăn nhằm gì với chính phủ Mỹ, nhưng tôi muốn biết Ngài nghĩ sao về "leo thang" nhứt là về sự ném bom ào ạt vào miền Bắc?

Tôi hỏi lại ông ta:

— Leo thang để làm gì? Nếu để phá hoại, thì tôi có thể trả lời Ngài là chúng tôi cũng đã từng làm về thời của chúng tôi... Nhưng xin đừng có đụng chạm đến đê điều miền Bắc. Và nếu lại dùng đến bom nguyên tử nữa, thì đó là một tội ác...

Nixon ra về, có vẻ suy tư.

Tháng 9 năm 1967, Tướng Thiệu được bầu làm Tổng thống chính phủ, Tướng Không quân Nguyễn Cao Kỳ làm phó. Chính phủ mới được thành lập dưới quyền của Thủ tướng Nguyễn Văn Lộc.

Cuối tháng giêng năm 1968, tiếng sét nổ ra. Đó là cuộc tấn công Tết Mậu Thân. Quân Việt cộng và bộ đội chính qui miền Bắc mở cuộc xung phong nhiều đợt. Ai cũng ngạc nhiên hoàn toàn. Tất cả các tỉnh lớn ở miền Nam như Huế, Đà Nẵng, Đà Lạt, Kontum, Pleiku, Nha Trang đều bị chiếm đóng. Tại Sài Gòn, quân Cộng sản tấn công vào dinh Độc Lập và tòa Đại sứ Mỹ.

Trong một tháng, chiến trận vẫn khốc liệt, có hàng ngàn người chết. Nhưng cuộc tấn công Tết Mậu Thân đã hoàn toàn thất bại. Quân Bắc Việt trở về vĩ tuyến 17, và

du kích Việt cộng lại trở vào bưng. Khi chúng đã quay về, thế giới mới khám phá ra rằng khi Cộng sản mà chiếm được quyền hành, chúng sẽ tàn sát như thế nào. Một điểm nữa đáng chú ý, đó là những dân tìm cách chạy trốn trước quân giải phóng, vốn tự cho mình là đi *giải phóng* cho mọi người.

Đất nước đông nghẹt hàng đoàn người đi tị nạn. Sau này, người ta đã phải nói rằng, "người Việt Nam đã đi bỏ phiếu bằng chân."

Vì vậy, lời tuyên bố của Tổng thống Johnson ngày 31 tháng 3, thật đáng tiếc vô cùng. Khi tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc, sự mong muốn của Hoa Kỳ chỉ là được mở các cuộc đàm phán hòa bình "bất cứ ở đâu, và bất cứ lúc nào" đồng thời tuyên bố từ chối ra ứng cử Tổng thống nhiệm kỳ tới, để giải giới dư luận Mỹ.

Ngày 13 tháng 5 năm 1968, tại Paris, miền Bắc Việt Nam chịu mở cuộc điều đình. Hòa hội này lâu tới năm năm. Qui chế của hòa hội năm 1954 lại được áp dụng. Ngày 27 tháng 6, để tránh một Điện Biên Phủ mới, người Mỹ rút khỏi căn cứ không quân Khe Sanh.

Tại đường Keber ở Ba Lê, ông Averell Harriman, sau được thay thế bằng ông Cabot Lodge, xúc tiến việc thảo luận với trưởng phái đoàn miền Bắc là Xuân Thủy. Nhưng đằng sau phái đoàn chính thức này, công việc thực sự là ở tay hai nhân vật là Lê Thức Thọ và Henry Kissinger, vốn là cố vấn đặc biệt của Tổng thống Mỹ. Bởi vì vào tháng 11 năm 1968, ông Richard Nixon được bầu làm Tổng thống Mỹ.

Ông Nixon trong cuộc hội đàm với Tướng Thiệu ở Guam, đã trình bày quan điểm của mình. Không màu mè gì, ông muốn rút hết trách nhiệm của quân lực Mỹ tại Việt Nam, nhưng không phải vì thế mà để cho Cộng sản có thể

làm chủ tình thế được. Vì vậy, ông muốn thay thế quân đội Mỹ bằng quân đội Việt Nam. Tức là Việt Nam hóa chiến tranh. Câu nói đã làm mọi người kinh dị. Bởi vì chẳng mới mẻ gì. Mười tám năm trước, chính Tướng De Lattre đã từng cố gắng thực hiện, mặc dù không nói đến danh từ ấy.

Trong một bài diễn văn đọc ngày 4 tháng 11 năm 1969, Tổng thống Nixon nói với dân chúng Mỹ, đồng bào của ông ta như sau:

"Đừng bao giờ để cho các sử gia của chúng ta có thể bảo được rằng: Mỹ quốc vào thời kỳ cực thịnh của nó vốn là siêu cường mạnh nhất của nhân loại, đã bị các lực lượng độc tài, bắt đưa tay bịt kín niềm hy vọng cuối cùng về hòa bình và tự do, của biết bao nhiêu triệu người nuôi dưỡng...

Trong kỳ vận động bầu cử của tôi, tôi đã cam kết là chấm dứt chiến tranh, để có thể giúp chúng ta tìm thấy hòa bình. Tôi đã thiết lập ra một sáng kiến để giúp tôi hoạt động hữu hiệu. Dân chúng Mỹ càng giúp đỡ tôi bao nhiêu, tôi càng mau chóng đạt được lời hứa hẹn. Bởi vì chúng ta càng chia rẽ bao nhiêu, thì khó lòng buộc địch chịu hòa đàm bấy nhiêu. Chúng ta cần phải đoàn kết để tiến tới hòa bình, chúng ta càng phải đoàn kết để chống lại mọi thất bại."

Tại Paris, việc đàm phán dù chính thức hay kín đáo, vẫn kéo dài. Thực hiện chính sách chiếc gậy và củ cà rốt, Nixon quyết định vào đầu năm 1970 đánh vào hành lang của Bắc Việt Nam, nằm trên xứ Chùa Tháp. Cuộc hành quân hỗn hợp của quân đội Mỹ và Nam Việt Nam buộc Thái tử Sihanouk phải chạy sang Bắc Kinh. Sự thay đổi đột ngột đó, lôi cuốn Trung cộng phải tỏ thái độ trong cuộc đàm phán Paris, mặc dù có thể chỉ để dằn mặt Moscou. Ông Nixon khôn ngoan đã muốn khơi to sự rạn nứt giữa hai

nước Cộng sản đàn anh. Từ ngày 21 đến 28 tháng 2 năm 1972, ông ta sang thăm Trung quốc, rồi đến tháng 5 cũng sang thăm Moscou. Trước mặt ông ta, việc giải quyết các vấn đề mâu thuẫn ở Việt Nam là khúc đầu trong lịch sử bang giao quốc tế. Hành động khôn khéo đó, rất có lợi cho Việt Nam.

Hà Nội cảm thấy nguy hiểm. Mùa xuân năm 1972, tướng Giáp mở cuộc tiến công mới qua vĩ tuyến 17. Trước mặt, chỉ có vài sư đoàn quân Việt Nam Cộng hòa, còn lính Mỹ thì có hơn 50,000 quân đóng tại chỗ.

Ngày 12 tháng 7 năm 1972, trước hoàn cảnh mới này, tôi gửi dân chúng Việt Nam lời kêu gọi hòa bình dưới đây:

"Giờ đã điểm để chúng ta chấm dứt cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn, giúp cho dân tộc chúng ta băng bó vết thương, để trở về với nền hòa bình của sự hòa đồng tương thân tương ái. Mong rằng tất cả mọi người hãy xóa bỏ mọi hận thù và nỗi chua cay, và tất cả hãy đoàn kết lại để xây dựng lại tổ quốc. Đối với nhiệm vụ thiêng liêng ấy, tất cả mọi người đều có bổn phận góp phần cũng như có quyền tham dự. Như tất cả mọi công dân Việt Nam khác, tôi thành thực kêu gọi và ao ước sự hòa giải dân tộc. Hãy cùng nhau giơ tay ra đoàn kết để Việt Nam được tồn tại đời đời."

Tôi cho ấn hành một thông cáo, giải thích tại sao sau khi vắng mặt luôn 17 năm trường nay tôi lại xuất hiện công khai trong mâu thuẫn hiện tại. Thật vậy, nếu tình hình quân sự có bề khẩn trương, tình hình ấy đang có lợi cho miền Nam Việt Nam. Khốn thay, tình hình kinh tế lại đang bị suy thoái đáng ngại. Thế mà chính trị bao giờ cũng lệ thuộc nhiều vào kinh tế. Vậy thì đã đến lúc để lại bắt đầu.

Cuối mùa hè, thì người ta có thể nói dứt khoát là Cộng sản đã thất bại. Quân đội Cộng hòa đã đứng vững. Liệu quốc gia có thể hồi phục được tinh thần?

Tại hội nghị Paris, bọn Cộng sản đề nghị một thỏa hiệp rời rạc và đầy thiếu sót vì nó chỉ quanh quẩn đến vấn đề ngưng bắn tại chỗ. Thiệu với lý do rất xác đáng, đã từ chối cái thỏa hiệp đó. Tình thế lại bế tắc. Thế là ngày 18 tháng 11 năm 1972, Nixon quyết định lại ném bom miền Bắc. Cuộc oanh tạc này thật khủng khiếp, và kéo dài tới 15 ngày.

Trước quyết định đó, ngày 27 tháng giêng năm 1973, miền Bắc Việt Nam ký ở Paris, về cuộc chấm dứt hận thù, và tái lập hòa bình ở Việt Nam. Hoa Kỳ, miền Nam Việt Nam, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và Bắc Việt đồng ký kết.

Thỏa hiệp ấy dựa vào sự tôn trọng vào căn bản của chủ quyền quốc gia của dân tộc Việt Nam, và quyền tự quyết của từng cá nhân, đồng thời nói lên mối quan tâm đối với nền hòa bình của Á châu và của toàn thế giới.

Trong đó có một chương chứa đựng điều quan trọng:

"Nền thống nhứt của Việt Nam sẽ được thực hiện từng bước một, bằng hình thức hòa bình, trên căn bản thảo luận và hiệp ý giữa miền Bắc và miền Nam Việt Nam, không có chuyện sát nhập miền này vào miền kia, giữa hai bên, và cũng không có sự can thiệp ngoại lai. Ngày thống nhứt sẽ được quyết định bởi một thỏa hiệp chung giữa miền Nam và miền Bắc Việt Nam."

Trong tháng chạp năm 1972, tôi có gặp ở Paris, một số chính khách Nhựt, họ mời tôi sang thăm nước họ.

Ngày 6 tháng giêng năm 1973, tôi dời nước Pháp sang Hongkong, và lấy làm thích thú được hồi tưởng lại những

ngày cũ tôi đã sống tại đây về năm 1946. Không biết bao lần, tôi nhận được cảm tình nồng hậu và lòng trung thành của các kiều bào hải ngoại. Như cộng đồng kiều bào ở Noumea, đã đánh điện chúc mừng tôi, qua trung gian một vị đại diện của họ, lúc ấy đang làm Giám đốc Đài phát thanh ở Nouméa (Tân Thế Giới).

Tôi đến Tokyo ngày 7 tháng 2. Ngày ấy, lẽ ra Thiên hoàng Hiro Hito bận phải xa kinh đô, Ngài đã cho lui lại chuyến công du 24 giờ, vì sợ hiểu lầm là thất kính đối với tôi.

Ngày hôm sau để chứng tỏ tôi rất cảm động về lòng ưu ái đó, tôi đến đặt vòng hoa anh đào trong đền thờ Vua Minh Trị Thiên hoàng. Vua Minh Trị đã giống như tổ tiên tôi là vua Gia Long, đã đem nền văn minh Âu Tây vào đất Nhựt. Cũng chính là vị Vương, ngày đầu thế kỳ này, đã đặt kinh đô ở Tokyo, và đặt ra Hiến pháp, sau khi tuyên bố bỏ chế độ phong kiến, và thể chế quân phiệt ở Nhựt.

Trong thời gian lưu lại Tokyo, tôi đã gặp lại Ngài Yokoyama, cựu Sứ thần Nhựt ở Huế trong những giờ phút khó khăn năm 1945.

Chính ông ta đã thông đạt cho tôi biết quyết định của chính phủ Nhựt là trao trả nền độc lập cho Việt Nam. Ông cụ già này rất cảm động được gặp lại tôi.

Các nhà kinh doanh Nhựt đã liên miên mời tôi dự các buổi tiệc tùng chiêu đãi.

Chính tại Tokyo mà tôi được biết về bản văn kiện ký ở Paris 31 tháng 1 năm 1973. Lập tức, tôi nhận thấy có nhiều sơ hở, nhứt là về những chỗ nói về sự đảm bảo quốc tế, và nền tự quyết của dân tộc. Qua trung gian hãng AFP địa phương, tôi ra một bản công bố nói rằng: "Dân tộc Việt Nam qua nội dung bức văn kiện, không chịu để bị ràng

buộc bởi loại hiệp ước kiểu Yalta trao đổi giữa ông Kissinger và Bắc Việt Nam." Nhấn mạnh đến chỗ xây dựng đất nước, tôi lưu ý rằng: "Mọi viện trợ ngoại quốc, dù to lớn và cần thiết đến đâu, nó cần phải căn cứ vào nền hòa bình xã hội, nền hòa bình này lại phải do toàn thể nhân dân Việt Nam chấp nhận. Nếu không có sự đoàn kết quốc gia, thì viện trợ nào cũng trở thành vô ích, nếu không còn trở thành nguy hiểm cho tương lai xứ sở nữa."

Điều cảnh cáo của tôi từ Tokyo chẳng phải là vô ích. Áp dụng thỏa hiệp ngày 27 tháng giêng, một hội nghị quốc tế được mở ra ở Paris một tháng sau, để các bên ký kết ngày mùng 3 tháng 3, một văn kiện mới, trong đó nhấn mạnh:

"Trong trường hợp vi phạm vào hòa bình, độc lập, chủ quyền, thống nhứt và toàn vẹn lãnh thổ ở Việt Nam, hay vi phạm vào quyền tự quyết của dân chúng miền Nam Việt Nam, các bên ký kết hiệp ước này hoặc riêng biệt, hoặc thỏa đồng, phải tham khảo với các phái đoàn khác có ký trên hiệp ước, hầu định đoạt hay tìm phương thức giải quyết thích đáng."

Sự tái xác nhận những bảo đảm quốc tế đã được đại biểu 12 nước tham dự hội nghị quốc tế về Việt Nam cùng ký là nước Pháp, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, Hung Gia Lợi, Nam Dương, Ba Lan, Bắc Việt Nam, Anh quốc, miền Nam Việt Nam, Nga Sô, Canada, Trung quốc của Bắc Kinh và Mỹ. Để cho được long trọng, cuộc ký kết được tổ chức với sự chứng kiến của Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc đặc biệt đến Paris về việc ấy. Chúng ta sẽ thấy sự tín nhiệm mà người ta đặt cho bản văn kiện quan trọng như vậy, nó có giá trị to lớn và bảo đảm bực nào, cho những chữ ký được đề cao quan trọng như vậy.

Thật vậy, nhưng thỏa hiệp ấy, nếu có đem đến sự thắng lợi cho Hoa Kỳ, đã rút chân ra được một bi kịch như vậy, vẫn còn ghi dấu lại lâu lắm. Còn đối với miền Bắc Việt Nam, nó lại là một sự đồng lõa, hầu tránh một cuộc chiến bất lợi, chỉ đưa đến sự thất bại về cho toàn thể dân chúng Việt Nam chẳng còn hy vọng giữ lấy tự do và độc lập của mình.

Thỏa ước Paris đã chẳng đưa đến hòa bình ở Việt Nam, mà nó chỉ đưa đến sự chấm dứt sự can thiệp của Hoa Kỳ trong cuộc chiến tranh này.

Chẳng bao lâu, quả nhiên, chiến tranh lại bùng nổ, chẳng những ở miền Nam Việt Nam, mà thực tế chưa bao giờ chấm dứt, mà nó còn lan rộng sang Cam Bốt và nước Lào.

Hai mươi ba sư đoàn của Văn Tiến Dũng, Tổng tư lệnh quân đội Cộng sản, ở phía nam vĩ tuyến 17 đã chẳng bao giờ chịu rút đi, càng làm áp lực mạnh.

Tuy nhiên, sau khi việc phóng thích 500 tù binh Mỹ được chấm dứt vào ngày 29 tháng 3, Tổng thống Nixon bị dính líu vào vụ *Watergate*, đó là một biến cố bất hạnh lớn lao cho Nam Việt Nam.

Thế là sự đồng minh của phe Cộng sản Nga Tàu và khác nữa, cộng với sự đồng lõa của bọn người tưởng tìm ra được sáng kiến để quân bình thế giới, cũng như sự im lặng của bọn khác, hầu mong được cảm tình của địch bất chấp ý chí và quyền lợi của các dân tộc, đã thắng, và Tổng thống Nixon rút lui khỏi chính trường kể từ ngày 8 tháng 8 năm 1974.

Thế rồi từng đoàn tàu vận tải của Nga, nối đuôi nhau ở cửa bể Hải Phòng để tháo gỡ quân trang, quân cụ cho Cộng sản Hà Nội, để trang bị từng sư đoàn Cộng sản vào đầu năm 1975, thì Quốc hội Mỹ đã từ chối, không chịu thổi

cho chính phủ miền Nam Việt Nam một quả bóng dưỡng khí nào, để có thể giúp cho nó khỏi bị chết ngạt.

Đó là dấu hiệu của sự chia phần. Văn Tiến Dũng tung các sư đoàn tiến công. Ngày 10 tháng 3 năm 1975, Ban Mê Thuột bị hy sinh trước tiên, để rơi vào tay bọn Cộng sản.

Cuộc tiến đánh khá mạnh mẽ và rõ rệt, nhưng chẳng có một quốc gia nào từng ký hòa hội bảo đảm ngày 2 tháng 3 năm 1973, chịu lên tiếng phản đối. Đối với miền Nam Việt Nam, bị tất cả bỏ rơi nên sụp đổ mau chóng.

Mười lăm ngày sau cuộc di tản đẫm máu của dân chúng Phnom Penh, các chiến xa Sô viết do quân đội miền Bắc lái, húc đổ các hàng rào của dinh Độc Lập ở Sài Gòn vào ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Những cảnh tượng thê thảm đã đè nặng lên cuộc di cư đẫm máu của cả một dân tộc chạy trốn Cộng sản. Biết bao nghìn người chết trong những ngày ấy, bao nhiêu vụ tử tử, và các gia đình tan tác... Ai có thể, lập được bản đúc kết của các sự bi thảm đó?

Từ đó, đến nay đã được bốn năm. Thành phần của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam biệt tăm mất tích. Bọn thống trị miền Bắc đã thực hiện điều thống nhứt ký kết ở Paris, không khác gì tờ giấy lộn ném trong sọt rác, điều thống nhứt ấy chỉ có nghĩa là các trại tập trung *goulag*. Bốn năm đã qua đi, nhưng máu vẫn chảy, làm cho đất nước Việt Nam bị thất thoát biết bao con em, làm quang sạch xứ sở, và nếu Hà Nội chỉ khẽ bỏ chiếc gông cùm đè nặng lên đầu lên cổ họ, thì đó là cả một nguồn vô tận nhân mạng, đã băng hóa ra khỏi vết thương mà đất nước Việt Nam mang nặng ở bên mình.

Sự thắng trận của Hà Nội, cũng là sự thất bại của họ.

Sự thất bại ấy đã được in hằn trong sự bỏ chạy của bọn đồng lõa với thực dân Pháp, hay nói với bọn đế quốc Mỹ, mà ngày nay chưa ai có thể qui trách nhiệm riêng cho một bọn nào.

Sự thất trận ấy, đã được in hằn trong sự kháng chiến của cả một dân tộc đã từ chối nếp sống ô nhục ấy, và đặt niềm hy vọng vào sự phục hưng của một nước Việt Nam hòa bình và tự do.

Ngày nay đây, trong khi đất nước Việt Nam chỉ còn chiến tranh, hận thù, lầm than và chết chóc, từ Đà Nẵng đến Cam Ranh, Nga Sô đang ngự trị làm chủ nhân ông, thì chính phủ Hà Nội chỉ còn thấy một con đường sống là chúi đầu chúi cổ mà tiến lên phía trước.

Sống trong gọng kìm của chiến tranh và đói khổ, nước Việt Nam Cộng sản buộc phải đi sâu mãi vào chiến lược cổ lỗ của giấc mộng bành trướng của Hồ Chí Minh, làm nước Đại Việt Nam bao gồm chẳng những Ai Lao, Cam Bốt, mà còn nhiều tỉnh cũ của Ai Lao, nằm trong lãnh thổ của Thái Lan.

Sau sự thất bại của giải pháp Pháp, đến giải pháp Mỹ, nước Việt Nam sẽ lại gặp sự thất bại của giải pháp Cộng sản, không còn nghi ngờ chi nữa.

CẢM NGHĨ

Vậy thì dân chúng Việt Nam đã xứng đáng để được thấy thái bình chưa?

Từ hai mươi lăm năm qua, trên các ngọn đồi ở Huế, lời cam kết nguyện cầu đối với Trời Đất theo như phong tục cổ truyền, đã được ai thắp nén hương thờ cúng, dâng lễ Nam Giao, để được Đất Trời và thần linh phù trợ cho đất nước này chưa?

Được tiếp dẫn linh thiêng bởi hình thể địa dư, và hoàn cảnh lịch sử, lẽ ra Việt Nam phải là đất của gặp gỡ, hòa đồng, bỗng trở thành đất của thù hận và đương đầu đoạn tuyệt hẳn với tinh thần quốc gia cố cựu. Hỏi dân tộc Việt Nam đã được lợi lộc những gì? Đã mất cả tự do, lại bị kết án lưu đầy, đuổi ra khỏi quê hương đất tổ, để cố gắng vớt vát gìn giữ lấy linh hồn.

Cuộc thống nhứt bằng vũ lực đã chẳng đưa đến kết quả gì. Nước Việt Nam vẫn còn là miếng mồi của sự tranh giành. Dù các chữ ký ở các hòa hội Paris năm 1973 đã chẳng đưa đến chấm dứt chiến tranh, thì cuộc chiếm đóng bằng quân sự của miền Bắc vào miền Nam Việt Nam cũng chẳng hơn

gì, để chấm dứt những giông bão đang làm sôi sục dân tộc rách nát tả tơi này. Máu đã đổ, tang tóc đã đầy, và đau đớn hận thù, trong ba mươi năm càng đào hố thêm sâu sắc.

Chỉ còn mỗi một cách để hàn gắn vết thương ấy, là những người chiến thắng phải có một thái độ đặc biệt. Họ phải tự nén mình xuống, và tuyên bố những điều tương thân tương ái, đồng thời phải tỏ độ lượng khoan hồng. Nhưng miền Bắc đã theo đuổi chính sách sắt máu, ngoan cường không chịu thay đổi. Họ chưa bằng lòng với sự thống trị miền Nam, mà còn muốn bắt nó phải khuất phục, phải chối bỏ bản ngã, để nhồi sọ nó, bắt nó phải coi chỉ riêng họ là nắm vững được chân lý.

Thế là trên bình diện luân lý, triết lý Cộng sản quả là độc hại, bởi nguyên lý của Cộng sản đưa đến sự phá sản về nền móng luân thường và xã hội, mà nước Việt Nam đã dầy công xây dựng trong suốt hai mươi thế kỷ lịch sử. Dân chúng không thể cảm thấy mình là chủ của mình, trên địa hạt quốc gia, để có thể theo định lệ tự nhiên của đại thể mà phục vụ tổ quốc của mình.

Theo dòng lịch sử của hơn hai mươi thế kỷ, hình thái của đất nước, làm cho nó như cái đáy của mọi biến cố, đường bộ lên phía Bắc khó có thể sang Tàu, đường sang phía Tây hầu như bịt kín. Do thế, nếu có một biến thiên gì bỏ dọc từ trên xuống dưới hay từ dưới lên trên, dân chúng chỉ còn có nước đổ xô ra bể. Họ như bị đẩy vào hỏa lộ *Thermopyles*† ở Đông Nam châu Á. Điều đáng chú ý nhứt trong tâm tình của họ, là phải bám sát vào đất đai mà họ sống. Từ hai mươi thế kỷ qua, chưa có một cuộc chiếm đóng nào được dài lâu.

† Thermopyles: Đường hẻm giữa hai khe núi, hẹp và không có lối thoát ở hai bên, tại Thessalie (Hy Lạp). Nơi đây xảy ra cuộc tử chiến giữa Leonidas, với 300 quân, để chống lại với quân Thổ Nhĩ Kỳ và tất cả đều bị tử trận.

Vậy mà ngày nay, đám dân chúng đó đều trở thành *thuyền nhân*...

Đã hai mươi lăm năm qua, tôi rời bỏ quê hương của tổ tiên tôi. Hai mươi lăm năm tại Pháp, vùng đất bao dung đã đón nhận tôi, đã ràng buộc tôi với bao kỷ niệm thời niên thiếu. Từ khi Hoàng hậu Nam Phương mất đi, vốn được tôi thương yêu từ lúc thanh xuân, nay đã ra đi, và các con tôi cũng bay xa, tôi thường bơ vơ đơn chiếc. Tôi đã cảm thấy, và đã sống như biết bao đồng bào của tôi, nam cũng như nữ, đang sống hiện nay. Nơi thì cảm tình, bao dung với tình bằng hữu, nơi thì hiểu lầm, đầy ác ý. Nỗi mừng vui khi gặp lại người xưa, hay sự u sầu của cô thân chích ảnh.

Trong thời gian đó, tôi không ngớt đập cùng nhịp tim với các đồng bào khác, đang sống trong lo âu, khắc khoải. Tự đặt mình vào hoàn cảnh của họ, tất cả tư tưởng của tôi đều hướng về họ, nuôi chung một nguyện cầu, hay nguồn hy vọng.

Cuộc sống trong xã hội Việt Nam giống y như cuộc sống tâm linh của vị Hoàng đế, vẫn ấp ủ linh thiêng đến từng thôn dã. Nhưng nếu Người có thánh thiện mọi hành động nào, ra chỉ thị nên theo hay kiểm soát chỉ thị ấy, Người cũng chẳng mang một trách nhiệm nào. Ngược lại nữa, triết lý tuyệt vời của Việt Nam đối với vị Hoàng đế của mình, là bậc minh quân thánh chúa, trị vì mà không cần phải huyên hoa "với hai tay thong thả buông xuôi, và với bộ y phục giản dị, nhẹ nhàng..." Nhưng hãy bỏ chuyện ấy ra ngoài, như đã từng nói đến về thời năm 1945, hoàn cảnh bây giờ thật vô cùng nghiêm trọng. Nhưng khí thiêng sông núi còn ngự trị tại quê hương tổ quốc, và tư tưởng nổi bật vẫn là tư tưởng của sự phục hồi, có lẽ dưới hình thức mới, sự phục hồi của thuần phong mỹ tục cố hữu của mình.

Thời gian mà chúng tôi đang sống, không phải là thời gian của buông xuôi, tuyệt vọng, mà chỉ là sự tạm ngừng. Với những ai hiện đang nắm quyền hành số phận của tổ quốc, tôi nói: Sửa sai không phải là điều mất mặt... Như Khổng Phu Tử đã từng nói: "Cái gì mà chúng ta có thể vứt bỏ, thì không phải là Đạo. Thời đen tối tiếp diễn thời sáng sủa. Sự đó làm nẩy ra Đạo."

Nước Việt Nam với một nguồn nhân lực, với tài nguyên nông nghiệp, khoáng sản đầy rẫy, sẽ thành công trong lãnh vực kiến thiết, nếu nó không bị chia rẽ, mà sống trong nền thống nhứt thực sự. Nền thống nhứt thực sự ấy phải được xây dựng, theo sự an bình của nội tâm, truyền thống tốt đẹp của hiền hòa và cảm thông dễ dàng. Đó là đường đi của hòa bình. Như vậy, dân tộc Việt Nam đoàn kết trong một nước gồm trên bốn mươi triệu dân, tự do, bình đẳng như anh em, một dân tộc cần cù, đầy sáng kiến và kiêu hãnh, họ có thể đổi chỗ đứng xứng đáng trên hoàn cầu, và tự tìm thấy bản chất xứng đáng của mình.

Một bản chất ấy khởi từ cối nguồn, đã tìm ra được nguyên lý. Đó là nguyên lý của sự xử thế giữa con người với con người, và gieo rắc tình thân hữu với các quốc gia, đồng thời thể hiện được nền độc lập của mình, coi như một vấn đề tự nhiên, bởi tất nhiên.

Trong tất cả các dân tộc, dân tộc Việt Nam trong suốt ba mươi lăm năm đã dẫn đầu về sự hy sinh. Từ thế kỷ thứ 19, con số Tử vì đạo cho Thiên Chúa đã rạng danh nước Việt Nam là Trưởng nữ của Công giáo ở Viễn Đông.

Nhưng bây giờ, đây là cả một dân tộc, dù họ đã bị hướng dẫn lầm lạc bởi bọn chăn cừu kém cỏi, hay vì họ quá yêu chuộng tự do, vâng, tôi nói cả một dân tộc, đã minh chứng trước mắt thế giới, khả năng hy sinh tột độ của mình. Một

sự hy sinh bị ép buộc, chịu sống trong nhẫn nhục và cam phận, với một tư cách khuôn mẫu, với đầy đủ ý nghĩa đó.

Cũng như sự hy sinh của hàng chục ngàn trẻ con, đàn bà cũng như đàn ông, đã sẵn sàng trao phó đời sống của mình trên một chiếc thuyền mỏng manh, để không biết bao nhiêu đã mất tích trong sóng cuồng giông bão.

Sự hy sinh đó có giá trị như một bản thông điệp. Bản thông điệp gửi cho khắp cả các nước trên hoàn cầu. Liệu các nước có hiểu được ý nghĩa bức thông điệp đó? Đã có một thời mà nước Việt Nam, trong sự lo âu, thất vọng chờ mong một cử chỉ của tình thương. Ngày hôm nay, sự lo âu tuyệt vọng đó đã quá độ rồi, tiếng kêu thương của họ không còn là lời kêu gọi suông nữa. Nó phải là sự can thiệp tức khắc.

Paris, tháng 7 năm 1979

Bảo Đại

BẢN DỊCH HIỆP ƯỚC VÀ PHỤ ĐÍNH TIẾNG VIỆT

Sadec, Oct 27, 2014

PHỤ ĐÍNH I

Hiệp Ước Bảo Hộ ký ngày 6 tháng 6 năm 1884
(tức Hiệp ước Patenotre)

Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc và Chính phủ của Đại Nam Hoàng đế, vì muốn tránh vĩnh viễn các khó khăn đã từng xảy ra từ trước đến nay, và muốn liên kết trong tình bang giao tốt đẹp, nên đã đồng thanh quyết định, ký một thỏa ước về vấn đề này, và bổ nhiệm các vị đặc mệnh toàn quyền làm việc này, kê rõ:

Thay mặt cho Chính phủ Pháp là ông Jules Patenotre, có Danh dự Bội tinh, và đeo huân chương đệ nhứt đẳng, Bắc đẩu Bội tinh, v.v... và v.v... được cử làm đặc mệnh toàn quyền của Chính phủ Pháp ở Bắc Kinh, làm khâm mạng đặc biệt về việc này.

Thay mặt cho Hoàng đế nước An Nam là quí ông:

Nguyễn Văn Tường, đệ nhứt phụ chính đại thần, thượng thư bộ Lại.

Phan Thân Duật, thượng thư bộ Hộ.

Và Tôn Thất Phan, quyền thượng thư bộ Công, đặc trách về ngoại giao với nước ngoài.

Những vị đó, sau khi thông báo chức vụ và quyền hạn của họ cho nhau, nhận chân là đúng và hoàn hảo, đã thỏa thuận ký với nhau hiệp ước, theo những điều khoản dưới đây:

Điều Khoản Thứ I.

Nước An Nam, công nhận và chấp nhận nền bảo hộ của nước Pháp.

Nước Pháp sẽ đại diện cho nước An Nam trong sự giao dịch quốc tế.

Người An Nam ở ngoại quốc sẽ được đặt dưới quyền bảo hộ của nước Pháp.

Điều Khoản Thứ II.

Một binh đội của Pháp sẽ chiếm đóng Thuận An trong một hạn định vĩnh viễn. Tất cả các pháo đài và công sự binh bị phòng ngự ở trên bờ sông Hương sẽ bị phá hủy.

Điều Khoản Thứ III.

Những viên chức An Nam đang làm việc từ biên giới xứ Nam kỳ đến biên giới phía bắc tỉnh Ninh Bình, vẫn được lưu dụng, và cai trị như cũ, trong phạm vi giữa hai miền ranh giới ấy, ngoại trừ về các địa hạt thương chính, công chính và nói chung về các cơ sở đòi hỏi sự điều khiển duy nhứt và riêng biệt hay việc sử dụng các kỹ sư hay cán bộ ngoại quốc.

Điều Khoản Thứ IV.

Trong phạm vi các điều khoản đã nói ở trên, Chính phủ An Nam công bố mở cửa các hải cảng cho việc giao thương với tất cả các nước, ngoại trừ cửa bể Qui Nhơn, Tourane và Xuân Đáy. Mặt khác, các hải cảng khác cũng sẽ được đặt ra sau sự thỏa thuận tương đồng. Chính phủ Pháp sẽ đặt các viên chức cai quản hải cảng ấy theo lệnh viên Khâm sứ ở Huế.

Điều Khoản Thứ V.

Một viên Tổng Khâm sứ, đại diện cho Chính phủ Pháp sẽ chủ tọa về ngoại giao cho vương quốc An Nam và đảm nhiệm chức vụ bảo hộ, nhưng không xen kẽ vào việc nội trị địa phương hàng tỉnh, đã được ghi rõ theo điều khoản III nói trên. Vị Đại diện này sẽ ở trong nội thành Huế với một đoàn vệ binh quân sự.

Viên Tổng Khâm sứ được quyền yết kiến Hoàng đế An Nam với tính cách tư, và cá nhân.

Điều Khoản Thứ VI.

Tại Bắc kỳ, các Công sứ hay Phó Sứ được đặt dưới quyền của Chính phủ Pháp. Họ ở các thị trấn, mà sự có mặt của họ là cần thiết. Họ được lãnh đạo bởi viên Tổng Khâm sứ.

Họ ở trong nội thành, ngay cả trong tư dinh các quan, và được bảo vệ bởi một binh đội Pháp hay bảo an người bản xứ.

Điều Khoản Thứ VII.

Các viên Công sứ sẽ cố tránh không được đụng chạm đến nền cai trị địa phương hàng tỉnh. Các quan lại An Nam vẫn tiếp tục cai trị và làm nhiệm vụ của mình, dưới sự kiểm soát của viên Công sứ. Đồng thời họ có thể bị cách, bãi theo yêu cầu của nhà chức trách Pháp.

Điều Khoản Thứ VIII.

Các viên chức và công nhân người Pháp, bất cứ thuộc loại nào chỉ được giao dịch với nhà chức trách An Nam qua trung gian các viên Công sứ Pháp.

Điều Khoản Thứ IX.

Một đường giây điện thoại sẽ được nối liền Hà Nội với Sài Gòn, do viên chức Pháp điều khiển, và bảo trì.

Một phần tiền thuê kinh phí, sẽ được chia cho Chính phủ An Nam, để trả về tiền thuê đất và đặt đài.

Điều Khoản Thứ X.

Tại miền Trung và Bắc kỳ, những người ngoại quốc bất kể quốc tịch nào, đều do Tòa án Tây xét xử.

Nhà chức trách Pháp sẽ phân loại các vụ kiện, để ấn định việc xử án giữa người ngoại quốc với người bản xứ, hay giữa họ với nhau.

Điều Khoản Thứ XI.

Tại Trung kỳ, các Quan bố sẽ thâu thuế cho Chính phủ An Nam, không trực thuộc viên chức người Pháp.

Tại Bắc kỳ, các viên Công sứ sẽ cùng các viên Quan bố tập trung các khoản thuế đó và sử dụng việc chi tiêu. Một phái đoàn hỗn hợp gồm các viên chức Pháp và An Nam sẽ ấn định các khoản tiền dành cho từng ngành của nền hành chính và các ngành khác công lập. Số tiền thặng dư sẽ được nộp vào quỹ của Triều đình Huế.

Điều Khoản Thứ XII.

Trên toàn quốc, tất cả các khoản tiền thuế thương chính được đặt lại, và trao toàn quyền cho nhà cai trị người Pháp. Tiền thuế ấy chỉ gồm các thuế thương chính do hàng hải và do từ biên giới đến, mà sự cần thiết sẽ cần phải đặt ra. Bất cứ các sự khiếu nại về thương chính vốn do binh sĩ An Nam đặt ra cho đến nay đều không được chấp thuận.

Các luật lệ và điều khoản về thuế gián thâu, thể thức và giá biểu về quan thuế cũng như các điều kiện vệ sinh của xứ Nam kỳ, từ nay được áp dụng trên toàn lãnh thổ của Trung kỳ và Bắc kỳ.

Điều Khoản Thứ XIII.

Tất cả các công dân hay bảo hộ Pháp được quyền đi lại tự do buôn bán, và là sở hữu chủ các động sản và bất động sản ở trên toàn lãnh thổ Bắc kỳ, hay ở các nhượng địa của các hải cảng ở Trung kỳ, Hoàng đế An Nam xác nhận các đảm bảo vốn được đề cập đến do hiệp ước ngày 15 tháng 3

năm 1874 đối với các giáo dân và các nhà truyền giáo ở những nơi đó.

Điều Khoản Thứ XIV.

Những người muốn đi lại trên nội địa xứ Trung kỳ, chỉ cần được phép của viên Tổng Khâm sứ ở Huế hay viên Toàn quyền Nam kỳ.

Các viên chức cai trị Pháp này sẽ cấp cho họ giấy tờ thông hành, và sẽ do quan lại An Nam kiểm soát.

Điều Khoản Thứ XV.

Nước Pháp từ nay cam kết bảo đảm toàn vẹn lãnh thổ và bảo vệ cá nhân Hoàng đế An Nam, để chống lại bất cứ kẻ địch từ bên ngoài, hay sự nổi loạn ở bên trong lãnh thổ.

Vì vấn đề này, binh lực Pháp sẽ chiếm đóng trên toàn lãnh thổ hai xứ Trung kỳ và Bắc kỳ các địa điểm cần thiết, để thi hành quyền bảo hộ.

Điều Khoản Thứ XVI.

Hoàng đế An Nam vẫn tiếp tục cai trị như cũ, nền hành chánh địa phương, ngoại trừ những điều đã do hiệp ước này đề cập đến.

Điều Khoản Thứ XVII.

Những khoản tiền nợ hiện nay của Vương quốc An Nam đối với nước Pháp, sẽ được thanh bạch do cách trả sẽ được ấn định sau. Hoàng đế An Nam từ nay cũng không được quyền vay mượn của nước ngoài, nếu không được chính phủ Pháp quốc công nhận.

Điều Khoản Thứ XVIII.

Những cuộc đàm phán sau sẽ định rõ số cửa bể được mở ra và các nhượng địa của Pháp trong các cửa bể ấy, sự

xây cất các hải đăng trên các xứ Trung kỳ và Bắc kỳ, thể chế và qui ước khai thác các hầm mỏ, qui ước về tiền tệ, sự phân chia tiền thuế thương chánh, thuế trực thâu, thuế bưu chính và mọi thứ khác chưa được nói đến theo điều thứ XI của hiệp ước này.

Bản hiệp ước này sẽ được đệ trình lên chính phủ Pháp quốc và chính phủ Vương quốc An Nam, để duyệt xét và chấp thuận, nếu cần phải thay đổi gì, sau đó sẽ được áp dụng tức khắc.

Điều Khoản Thứ XIX.

Hiệp ước này sẽ thay thế các bản hiệp định ngày 15 tháng 3, ngày 31 tháng 8 và ngày 23 tháng 11 năm 1874.

Trường hợp có sự phản đối, thì riêng bản tiếng Pháp là đủ.

Để chấp chiếu, các đặc mệnh toàn quyền nói trên đều ký kết vào bản hiệp ước này cùng kiềm ấn riêng của họ để làm bằng.

Làm tại Huế, gồm hai bản, ngày 6 tháng 6 năm 1884.

PATENOTRE HOÀNG ĐẾ AN NAM

Phụ chính Đại thần
Nguyễn Văn Tường ký
Phan Thân Duật ký
Tôn Thất Phan ký

PHỤ ĐÍNH II

HIỆP ƯỚC SƠ BỘ PHÁP—VIỆT NAM
Ký Ngày 6 Tháng 3 Năm 1946

Giữa các nhân vật cao cấp phía dưới: Về Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc một bên, do ông Sainteny, đại diện của Thượng sứ Pháp, Đô đốc D'Argenlieu, đặc sứ toàn quyền của Cộng hòa Pháp quốc, và một bên Chính phủ Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh và đại diện của Hội đồng Bộ trưởng Vũ Hồng Khanh, hai bên đã thỏa thuận như sau:

1.— Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có Chính phủ, Quốc hội, quân sự, và nền tài chính riêng biệt, nằm trong Liên bang Đông Dương và ở trong Liên hiệp Pháp.

Về việc thống nhứt ba kỳ, Chính phủ Pháp công nhận sẽ chấp thuận quyết định của toàn dân, sau khi được trưng cầu dân ý.

2.— Chính phủ Việt Nam tuyên bố sẵn sàng tiếp đón quân đội Pháp, theo đúng tinh thần quốc tế, khi quân đội này kéo vào tiếp quản quân Tàu.

Một phụ ước sẽ được đính kèm vào bản hiệp định sơ bộ này, sẽ đặt ra các thể thức khi họ bắt đầu vào tiếp quản.

3.— Những thể thức rõ ràng nói trên sẽ được tức khắc thi hành. Sau khi hai bên trao đổi chữ ký, phần bên nào dùng biện pháp cần thiết làm tạo hoàn cảnh thích hợp để mở những cuộc đàm phán thân hữu và thẳng thắn.

Nhưng sự đàm phán đó sẽ đề cập đến vấn đề ngoại giao của nước Việt Nam với bên ngoài, qui chế tương lai của Đông Dương và quyền lợi văn hóa và kinh tế của Pháp ở Việt Nam.

Hà Nội, Sài Gòn, hay Paris sẽ có thể được chọn để làm chỗ đàm phán.

PHỤ ƯỚC VỀ HIỆP ĐỊNH SƠ BỘ GIỮA CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA PHÁP QUỐC VÀ CHÍNH PHỦ VIỆT NAM

Giữa hai bên đã ký hiệp định sơ bộ, nay thỏa thuận như sau:

1.— Lực lượng được thay thế sẽ gồm có:

a) 10,000 binh sĩ người Việt với số sĩ quan chỉ huy Việt Nam sẽ thuộc quyền quân đội Việt Nam.

b) 15,000 binh sĩ người Pháp bao gồm cả số binh lính Pháp đang đồn trú tại Việt Nam về phía Bắc vĩ tuyến thứ 16. Những binh sĩ ấy chỉ được gồm các binh lính gốc chính quốc, ngoại trừ số binh sĩ chịu trách nhiệm canh giữ tù binh Nhựt. Tất cả các lực lượng quân sự đó sẽ do bộ Tư lệnh tối cao Pháp sử dụng, có đại diện của nhà chức trách Việt Nam chứng kiến. Sự phát triển, đồn trú, và sử dụng các lực lượng đó, sẽ được ấn định do một qui ước của bộ chỉ huy, do đại diện của quân lực Pháp và Việt Nam, sẽ họp bàn ngay sau khi quân Pháp kéo vào miền Bắc.

Các ủy ban hỗn hợp sẽ được đặt ra, theo từng cấp tương đồng, trong một tinh thần thân hữu, giữa hai bên quân đội Pháp và Việt.

2.— Các đơn vị Pháp của lực lượng thay thế sẽ được chia làm ba loại:

a) Những đơn vị chịu trách nhiệm coi giữ tù binh quân sự Nhựt Bản. Những đơn vị đó sẽ được hồi hương ngay sau khi nhiệm vụ của họ được hoàn tất, trong vòng tối đa 10 tháng.

b) Các đơn vị phụ trách hợp tác với quân lực Việt Nam, để giữ an ninh công cộng, trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Những đơn vị này sẽ lần lượt được rút hết, và thay thế bằng quân lực Việt Nam, theo tỉ lệ 1/5 hàng năm. Như vậy, số quân đội Pháp sẽ rút đi hết trong vòng thời gian là năm năm.

c) Những đơn vị chịu trách nhiệm phòng thủ các đồn bót Việt Nam, vẫn đang trấn đóng; những địa phần đồn trú đã được chỉ định rõ ràng.

3.— Chính phủ Pháp cam kết sẽ không dùng tù binh Nhựt cho mục tiêu quân sự của mình.

Làm tại Hà Nội, ngày 6 tháng 3 năm 1946.

Ký tên: *Sainteny, Salan, Võ Nguyên Giáp.*

PHỤ ĐÍNH III

TUYÊN BỐ CHUNG

Ngày mùng 5 tháng 6 năm 1948 tại Vịnh Hạ Long

Giữa ông Emile Bollaert, Cao ủy Pháp ở Đông Dương, và Thiếu tướng Nguyễn Văn Xuân, Thủ tướng Chính phủ Trung ương Lâm thời Việt Nam, trước mặt Hoàng đế Bảo Đại.

Trước mặt Hoàng đế Bảo Đại,

Ông Emile Bollaert, Cố vấn Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc, Cao ủy Pháp ở Đông Dương, nhân danh Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc một bên,

Và,

Ông Nguyễn Văn Xuân, Thủ tướng Chính phủ Trung ương Lâm thời Việt Nam, có sự dự kiến của quí ông Nghiêm Xuân Thiện và Đặng Hữu Chí, Phan Văn Giáo, Nguyễn Khoa Toàn và Đinh Xuân Quảng, Trần Văn Hữu và Lê Văn Hoạch, đại diện lần lượt cho miền Bắc Việt Nam, miền Trung Việt Nam và miền Nam Việt Nam, một bên.

Đã lập bản tuyên bố chung như sau:

1.— Nước Pháp long trọng công nhận nền độc lập của Việt Nam được tự do thực hiện nền thống nhứt của mình. Về phía Việt Nam, nước Việt Nam tuyên bố sẽ chấp nhận vào Liên hiệp Pháp dưới danh nghĩa một quốc gia liên kết với nước Pháp. Nền độc lập của Việt Nam không có một giới hạn nào khác, ngoài giới hạn mà Liên hiệp Pháp dành cho mình.

2.— Nước Việt Nam cam kết tôn trọng mọi quyền hạn và quyền lợi của các tư nhân Pháp, cam kết bảo đảm các căn bản dân chủ, và dành quyền ưu tiên sử dụng các nhà

chuyên môn cố vấn Pháp trong mọi nhu cầu tổ chức nội bộ, và khuếch trương kinh tế của mình.

3.— Sau khi thành lập chính phủ lâm thời, các đại diện của Việt Nam sẽ thỏa thuận với các đại diện của Cộng hòa Pháp quốc, những thỏa thuận hợp lý về các vấn đề ngoại giao, kinh tế tài chánh và chuyên môn.

Làm thành hai bản chính ở vịnh Hạ Long,

Ngày 5 tháng 6 năm 1948

Ký tên:

Bollaert *Nguyễn Văn Xuân*

Nghiêm Xuân Thiện - Đặng Hữu Chí

Phan Văn Giáo - Nguyễn Khoa Toàn - Đinh Xuân Quảng

Trần Văn Hữu - Lê Văn Hoạch

PHỤ ĐÍNH IV

Paris, ngày 8 tháng 6 năm 1949

Tổng Thống Cộng hòa Pháp

Tổng Thống Cộng hòa Pháp quốc Chủ tịch Liên hiệp Pháp

Kính gởi Hoàng đế Bảo Đại

Thưa Hoàng thượng,

Hoàng thượng đã có ý muốn cụ thể hóa nền thống nhứt và độc lập của Việt Nam, theo nguyên tắc dựa trên bản Tuyên bố chung ngày 5 tháng 6 năm 1949 tại vịnh Hạ Long, ký kết giữa ông Emile Bollaert, Thượng sứ Pháp ở Đông Dương và Thiếu tướng Nguyễn Văn Xuân, Chủ tịch Chính phủ Trung ương Lâm thời Việt Nam có sự chứng kiến của Hoàng thượng.

Ý muốn đó rất trùng hợp với ý kiến của Chính phủ Pháp, sau khi Hội đồng Bộ trưởng đã họp bàn, đã yêu cầu tôi, nhân danh Chủ tịch Liên hiệp Pháp, được trao đổi văn thư với Hoàng thượng, để đi đến một thỏa ước hầu cụ thể hóa những điều khoản của bản tuyên bố chung ngày 5 tháng 6 năm 1949.

Nay thuộc phạm vi chính phủ của Hoàng thượng, một mặt để kết thúc với ông Cao ủy Pháp ở Đông Dương những thỏa ước riêng biệt hoặc tạm thời, không ra ngoài lý lẽ của sự trao đổi văn thư này và hoàn cảnh hiện tại mà trật tự và an ninh được vãn hồi giữa Liên hiệp Pháp và Việt Nam, mặt khác, sửa soạn cùng với đại diện của nước Pháp, có sự tham gia của đại diện các Chính phủ Hoàng gia Ai Lao và Cam Bốt, để giải quyết những dị biệt cần thiết đang diễn ra hiện nay.

Trên căn bản ấy, và trong hoàn cảnh ấy, tôi nhân danh Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc, xác nhận sự chấp thuận của tôi, theo những định ước dưới đây:

I.— Thống Nhứt Việt Nam: Không còn dựa vào các hiệp ước từ trước, mà nước Pháp còn có giá trị, nước Pháp long trọng xác nhận quyết định, không phản đối sự trở về của đất Nam kỳ vào lãnh thổ Việt Nam, được kê rõ: bao gồm các đất đai của Bắc kỳ (Bắc Việt Nam) của Trung kỳ (Trung Việt Nam) và Nam kỳ (Nam Việt Nam).

Nhưng sự tái sát nhập đất Nam kỳ vào nước Việt Nam, chỉ được coi như chính thức, sau cuộc trưng cầu dân ý của toàn dân, được tự do lựa chọn hay đại diện của họ lựa chọn. Toàn thể các điều khoản trong thỏa ước này chỉ có giá trị, khi sự sát nhập đầy đủ hiệu năng và chính thức của Nam kỳ vào toàn cõi nước Việt Nam.

Trong hoàn cảnh ấy, Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc cam kết thi hành các thể thức đã được ấn định trong Hiến pháp.

Khi các cách thức trên được hoàn tất, Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc sẽ công bố dứt khoát sự thống nhứt của Việt Nam như đã được định nghĩa trên.

Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc từ chối về qui chế đặc biệt do các sắc dụ, đã nói về ba nhượng địa Hà Nội, Hải Phòng và Tourane.

Sự cai trị các sắc dân không phải người Việt Nam, mà vị trí địa dư vốn nằm trong lãnh thổ của nước Việt Nam, như vừa định nghĩa trên, và từ xưa vẫn thuộc quyền Hoàng đế An Nam, sẽ được cứu xét bằng qui chế riêng, do Hoàng đế định đoạt. Các qui chế này phải được sự thỏa thuận của Đại diện Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc, vốn có những trách nhiệm đối với họ. Qui chế này vừa phải bảo đảm cho

những quyền hạn chính đáng của Việt Nam, vừa phải bảo đảm sự tiến triển của dân tộc ấy, với sự tôn trọng phong tục tập quán của họ.

II.— Vấn Đề Ngoại Giao: Nền chính trị đối ngoại của Liên hiệp Pháp, trong đó có đại biểu của Việt Nam trong Hội đồng Tối cao, do chính sách đối ngoại sẽ được định dưới, phải được cứu xét phù hợp, dưới quyền chủ tọa của Đại diện Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc, hội đồng mà Chính phủ nước Việt Nam được quyền lựa chọn do chính người của mình.

Để thực thi các định kiến của mình, về chính sách đối ngoại, Hoàng đế Việt Nam sẽ phối hợp hoạt động với đường lối chung của Liên hiệp Pháp.

Các trưởng phái đoàn ngoại giao sẽ được đề cử đến Việt Nam do Chủ tịch Liên hiệp Pháp và Hoàng đế Việt Nam chấp nhận.

Các quốc gia được Việt Nam cử phái đoàn ngoại giao, phải được định rõ, có sự tương đồng của Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc.

Sự thống nhứt của nền chính trị ngoại giao của Liên hiệp Pháp trong những quốc gia ấy, sẽ được đảm trách bằng đường lối chung, Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc sẽ chuyển đạt cho chính phủ Việt Nam, kể cả việc tiếp xúc trực tiếp giữa các nhà ngoại giao Pháp và Việt. Đối với những quốc gia khác, nước Việt Nam sẽ được đại diện bởi các phái đoàn ngoại giao của Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc, tức phái biểu là đã có đại diện của Chính phủ Việt Nam trong đó.

Nước Việt Nam có quyền điều đình và ký kết những thỏa ước riêng, liên hệ đến quyền lợi của mình, với điều kiện đặc khẩn là trước khi điều đình, phải đưa trình dự án của mình cho Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc, để đưa lên

hội đồng tối cao nghiên cứu và những thỏa ước này đã được cứu xét bởi các phái đoàn ngoại giao của Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc. Sự chấp nhận của hội đồng tối cao là cần thiết thì các thỏa ước này mới được coi là nhứt định.

Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc sẵn sàng, thể theo lời yêu cầu của chính phủ Việt Nam, để mở những lãnh sự quán Việt Nam trong những nước mà Việt Nam nhận thấy liên hệ đến quyền lợi của mình. Các lãnh sự Việt Nam sẽ thực thi quyền hạn ở những nước này mà Việt Nam thấy có liên hệ đến mình. Các lãnh sự Việt Nam sẽ thực thi quyền hạn ở những nước mà Việt Nam có phái đoàn ngoại giao, dưới quyền điều khiển và kiểm soát của trưởng phái đoàn, vốn có liên lạc với trưởng phái đoàn ngoại giao của Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc; trong các quốc gia khác, dưới quyền điều khiển và kiểm soát của phái đoàn ngoại giao của Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc.

Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc, cam kết, thể theo lời yêu cầu của Việt Nam, đưa đơn của Việt Nam vào Liên hiệp quốc, khi Việt Nam đã hội đủ các điều khoản của Liên hiệp quốc.

III.— Vấn Đề Quân Sự: Nước Việt Nam có quân đội riêng, để giữ trật tự và an ninh công cộng, đồng thời để bảo vệ lãnh thổ của quốc gia. Về trường hợp sau cùng, quân đội này sẽ được sự hỗ trợ của quân lực Liên hiệp Pháp. Quân đội Việt Nam cũng tham dự vào sự phòng thủ biên giới của Liên hiệp Pháp đối với bất cứ kẻ thù nào từ bên ngoài.

Quân số của quân đội Việt Nam và quân số của quân đội Liên hiệp Pháp đóng tại Việt Nam sẽ do một thỏa ước riêng biệt ấn định, để toàn thể có đủ khả năng hữu hiệu, bảo vệ lãnh thổ Việt Nam và lãnh thổ Liên hiệp Pháp, trong trường hợp có chiến tranh.

Quân đội Việt Nam sẽ bao gồm các phần tử quốc gia Việt Nam, do các sĩ quan Việt Nam chỉ huy; các huấn luyện viên và cố vấn kỹ thuật Pháp sẽ đặt dưới quyền sử dụng của quân đội Việt Nam.

Những sĩ quan Việt Nam sẽ do các trường quân sự Việt Nam đào tạo, và tùy trường hợp sẽ do các trường quân sự Pháp đào tạo, không phân biệt một cách rộng rãi. Để dễ dàng hợp tác trong thời kỳ có chiến tranh, tổ chức nội bộ của quân đội Việt Nam sẽ cố gắng sắp xếp giống tổ chức nội bộ của quân đội Pháp.

Chính phủ Việt Nam chịu trách nhiệm đài thọ ngân sách cho quân đội này.

Mọi yêu sách về quân nhu, sẽ do Chính phủ Việt Nam đề cập với chính phủ Pháp.

Để góp phần bảo vệ hữu hiệu Liên hiệp Pháp, quân đội Liên hiệp Pháp đồn trú tại lãnh thổ Việt Nam, ở những đồn bót, mà danh sách, phạm vi và qui chế sẽ do một thỏa ước riêng ấn định. Bất kể lý do nào, qui chế này sẽ bảo đảm cho quân đội ấy hoàn tất nhiệm vụ, trong khi về nguyên tắc, vẫn giữ được chủ quyền quốc gia Việt Nam. Quân đội ấy có thể tự do đi lại từ những đồn bót của họ, theo phạm vi của thỏa ước. Theo nguyên tắc của sự hợp tác, trong phạm vi của Liên hiệp Pháp, quân đội này sẽ bao gồm cả những phần tử Việt Nam, mà sự tuyển mộ đã được ấn định theo như thỏa ước.

Để có một đường lối duy nhứt hữu hiệu, trong thời kỳ có chiến tranh, một ủy ban quân sự vĩnh viễn sẽ được thành lập, ủy ban này gồm nhiều sĩ quan tham mưu của quân đội hai nước được thành lập sẵn ngay trong thời bình, để sửa soạn sự phòng thủ chung, và hợp tác quân sự chung giữa quân đội Quốc gia và quân đội của Liên hiệp Pháp. Ủy ban

này, trong thời bình, có thể đảm nhiệm sự liên lạc giữa hai quân đội. Cách thức cấu tạo và hoạt động trong thời bình, sẽ được ấn định theo thỏa ước riêng biệt, phụ đính vào hiệp ước Pháp Việt này.

Trong thời kỳ có chiến tranh, phần lớn phương pháp chống cự do quân đội Việt Nam điều động, còn quân đội Liên hiệp Pháp sẽ phối hợp và viên chỉ huy trưởng người Pháp lãnh đạo ủy ban hỗn hợp, và chịu trách nhiệm về môi trường chiến cuộc ở Việt Nam phần lớn, vị chỉ huy khác của ủy ban phải là người Việt Nam.

IV.— **Chủ Quyền Nội Bộ:** Chính phủ Việt Nam thi hành đầy đủ quyền nội bộ nước mình. Chính phủ ấy, sẽ thỏa thuận với viên Cao ủy Pháp ở Đông Dương, lập những thỏa ước riêng biệt hay tạm thời, tùy từng trường hợp, để trao lại cho Việt Nam những thẩm quyền trước đã nhượng cho người Pháp.

Chính phủ Việt Nam, khi cần đến chuyên viên, hay cố vấn kỹ thuật, phải dành ưu tiên cho các thuộc dân của Liên hiệp Pháp, nhứt là trong các xí nghiệp hay cơ quan liên hệ đến sự phòng thủ của Liên hiệp Pháp.

Ưu tiên dành cho thuộc dân Liên hiệp Pháp này chỉ bị tước bỏ khi Chính phủ Pháp không thể nào thỏa mãn được sự đòi hỏi của Chính phủ Việt Nam. Cách thức sử dụng về vấn đề này sẽ được ấn định rõ ràng bằng một thỏa ước sau.

Không một công dân Pháp nào, hay một thuộc dân Liên hiệp Pháp được quyền tham dự vào nền nội trị của Việt Nam, nếu không được sự thỏa thuận của Liên hiệp Pháp và ngược lại, không một người Việt Nam nào được quyền can thiệp vào việc nội trị của nước Pháp, nếu không được sự thỏa thuận của nước mình.

V.— Vấn Đề Tư Pháp: Nước Việt Nam được toàn quyền xét xử mọi việc về dân sự, thương mại hay hình sự trên khắp lãnh thổ của mình. Tuy nhiên, việc thụ lý về dân sự hay thương mại, đối với thuộc dân Liên hiệp Pháp, không phải người Việt Nam, hay với các thuộc dân các quốc gia, mà Pháp đã ký các thỏa ước dành ưu quyền về tư pháp, và sự truy tố đối với họ do phạm lỗi, đối với nước Pháp, sẽ do một tòa án hỗn hợp, trong đó các định lệ sẽ được đặt ra, bằng một thỏa ước phụ đính với bản Hiệp ước này.

Định lệ ấy sẽ phải tôn trọng các nguyên tắc sau này:

1.— Các bản án được xét xử sẽ mang tiêu đề như sau:

"Nhân danh Liên hiệp Pháp và quốc gia Việt Nam, Hoàng đế Việt Nam ban lệnh và quyết nghị."

Việc thi hành bản án ấy, ở ngoài lãnh thổ nước Việt Nam sẽ do những thỏa ước sau, dự trù việc ủy quyền thi hành.

2.— Luật sử dụng, sẽ là luật của nước Pháp, đối với bất cứ công dân Pháp khi phạm pháp.

3.— Luật sử dụng, sẽ là luật của Việt Nam, mỗi khi người Pháp nào không phải vướng mắc luật ấy sẽ được thi hành tùy theo trường hợp của sự tranh chấp.

Thiếu sót điều ấy, thì sẽ là luật của Pháp.

Tóm lại, theo như định lệ quốc tế, những sự kiện vốn nằm trong qui chế riêng của quốc gia của họ.

Những việc tranh tụng về hành chánh cũng sẽ được áp dụng những căn bản tương tự, và quyền đối kháng tương đồng.

Thỏa ước tư pháp riêng biệt sẽ được giải quyết như các việc nêu trên phụ đính này.

VI.— Vấn Đề Văn Hóa: Trong bậc sơ học và trung học, nước Pháp tự do có thể mở các trường công hay tư, ngoại trừ phải theo các luật lệ về địa phương của vấn đề.

Các định lệ và qui chế ấy không mang ẩn ý, trực tiếp hay gián tiếp giữa người Pháp và người Việt Nam.

Những văn bằng chuyên nghiệp, hay tinh thần đòi hỏi để được dậy ở những trường học này, cũng như các điều kiện được hành nghề ở Pháp.

Tất cả những văn bằng ấy, được áp dụng chung có các trường chuyên nghiệp và kỹ thuật.

Các trường học Pháp sẽ theo một chương trình đang thực thi tại Pháp; một chương trình về sử ký và văn minh Việt Nam bắt buộc phải dạy, không thể thiếu sót.

Những học sinh Việt Nam được tự do theo học ở các trường Pháp, mở tại Việt Nam. Các trường này sẽ mở một lớp học bằng tiếng Việt Nam, để dạy học sinh Việt Nam.

Sinh ngữ giữa tiếng Việt và tiếng ngoại quốc, sẽ được dành cho tiếng Pháp, vốn là sinh ngữ của nền ngoại giao của nước Việt Nam.

Nước Việt Nam chấp nhận sinh ngữ Pháp dạy ở ban trung học, đủ để theo ban cao đẳng vào cuối niên học, sẽ giữ số trường Pháp ở bậc trung học ngày càng nhiều.

Giá trị văn bằng Việt Nam và văn bằng Pháp sẽ được ấn định do một thỏa ước sau, khi hai chương trình Việt và Pháp được đem ra so sánh.

Nước Việt Nam có quyền dự trù theo đuổi ngành cao học Pháp, đồng thời công nhận nước Pháp tiếp tục phát triển ngành cao học ở Việt Nam, ngang hàng với chương trình của Liên hiệp Pháp.

Tuy nhiên vì hoàn cảnh khó khăn hiện tại, nhứt là để huấn luyện một số nhân viên Việt Nam thích ứng, một trường Đại học chung được mở ra, theo những điều lệ địa phương. Qui chế của trường Đại học đó, sẽ là đề tài của thỏa ước đặc biệt giữa Pháp và Việt Nam. Các quốc gia khác thuộc Liên hiệp Pháp, nếu họ muốn, có thể tham gia vào tổ chức này, và phải cam kết những sự cần thiết với nước Pháp và nước Việt Nam.

Qui chế của trường Đại học này phải theo các nguyên tắc dưới đây:

Trường Đại học chung này, sẽ là một tổ chức tự trị, của các trường Đại học áp dụng trong hầu khắp các nước tiền tiến trên thế giới.

Trường Đại học sẽ do một viên khoa trưởng điều khiển, vị này sẽ được bổ nhiệm bởi chính phủ, sau khi ủy ban tư vấn của nhà trường đề cử ba người, để lựa chọn. Vị khoa trưởng này sẽ được các trưởng ban phân khoa giúp đỡ, để điều khiển nhà trường. Và hội đồng đại học sẽ gồm các phân khoa trưởng, các đại diện giáo sư, đại diện sinh viên, và nhiều nhân vật chú trọng đến nền giáo dục, cũng như các trưởng nhiệm sở các cơ quan khoa học, và một vị đại diện cho chính phủ liên hệ.

Chương trình giảng dạy, sẽ bằng sinh ngữ của người sáng lập ra nhà trường, đối với những trường chuyên nghiệp.

Trong chương trình học vấn tổng hợp:

a) Sẽ giảng bằng tiếng Pháp, nói về kỷ luật.

b) Sẽ giảng bằng tiếng Việt Nam, tùy theo cách thức, do hội đồng nhà trường ấn định. Bằng cấp do nhà trường cấp, được coi như chính thức công nhận bởi hai quốc gia, tuy nhiên, các bằng cấp được cấp phát tạm thời vì hoàn cảnh, riêng đối với Việt Nam, không được tự do chấp nhận vào theo chương trình Pháp, và được bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương, trong Liên hiệp Pháp.

Để được dễ dàng, nhập vào ngành cao học, các văn bằng được nới rộng rất thấp do những chính phủ liên hệ, gia giảm.

Trường đại học chung, sẽ dành số nhập học cần thiết cho các sinh viên được học bổng của các quốc gia liên hệ.

Số phận các trường khoa học đã có hiện nay ở Việt Nam, đã được các thỏa ước Pháp và Việt Nam giải quyết, hoặc do quốc gia Việt Nam giải quyết với ban Giám đốc nhà trường. Tuy nhiên, một vài nguyên tắc căn bản cần phải chú trọng chặt chẽ:

Sự hoạt động của trường Bác Cơ Viễn Đông, sẽ là di sản chung của ba nước Việt, Cam Bốt và Ai Lao, và nước Pháp. Nó không thể đem nhường lại cho ai được. Hội đồng quản trị sẽ bao gồm các đại diện của ba quốc gia Việt, Cam Bốt và Lào, cùng đại diện của Chính phủ Pháp. Viên quản đốc sẽ được bổ nhiệm, do quyết định chung của bốn chính phủ sau khi viện Khoa học Pháp đưa ra ba đề nghị để lựa chọn.

Hoàn cảnh viện Pasteur nằm trên lãnh thổ Việt Nam cũng sẽ được giải quyết giữa cơ quan của viện ấy với Chính phủ Việt Nam.

Thỏa ước về viện Pasteur phải tôn trọng các điều khoản dưới đây:

Những cơ sở đã có sẵn là di sản của ba nước Việt, Cam Bốt và Ai Lao, cùng nước Pháp, đối với các bất động sản tại Sài Gòn, Đà Lạt và Nha Trang.

Nước Việt Nam là chủ nhân ông các bất động sản và cơ sở thuộc viện Pasteur ở Hà Nội. Nước Việt Nam cam kết chấp nhận một qui chế tương tự đối với các cơ sở khác.

Viện Pasteur nhận giữ các sản phẩm và bất động sản, mà viện đã nhận được, bằng sự tặng dữ, hay do di nhượng.

Viện Pasteur là sở hữu chủ các dụng cụ khoa học.

Việc áp dụng thỏa ước này sẽ được thi hành cho đến hết nhiệm kỳ, vào cuối tháng chạp năm 1949.

Thư Viện: Mọi chính phủ là sở hữu chủ của quốc khố đồ thư của nước mình. Người quản thủ thư viện và sự bảo tồn quốc khố đồ thư, phải được thực hiện theo những định lệ rõ rệt.

Vấn đề quản thủ thư viện, cơ sở Nông nghiệp, cơ sở Thiên văn, Hải dương học, và Bảo tàng viện sẽ được ấn định do những thỏa ước riêng biệt.

VII.— Vấn Đề Kinh Tế Và Tài Chánh: Các công dân Việt Nam ở Pháp hay ở trong các nước thuộc Liên hiệp Pháp, cũng như công dân Pháp hay công dân Liên hiệp Pháp đều có quyền tự do lập nghiệp y như người bản xứ trong khuôn khổ các định luật và qui chế địa phương. Họ được hưởng quyền di chuyển tự do, quyền thương mại, và nói chung tất cả các quyền dân chủ trong lãnh vực ấy.

Những động sản và xí nghiệp thuộc về công dân của Liên hiệp Pháp trên lãnh thổ Việt Nam, được hưởng cùng qui chế với người công dân Việt Nam, nhứt là về phạm vi thuế khóa và luật lao động. Sự bình đẳng đó sẽ được coi như tương đồng, đối với người Việt Nam trong lãnh thổ của Liên hiệp Pháp.

Luật lệ tài phán giữa các xí nghiệp thuộc về công dân Liên hiệp Pháp trên lãnh thổ Việt Nam sẽ được ấn định theo một thỏa ước chung giữa Chính phủ Pháp và Chính phủ Việt Nam.

Sẽ được trả lại quyền lợi và quyền tư hữu của công dân Liên hiệp Pháp, theo như hiện trạng, vốn bị mất đi do hoàn cảnh thực tại của Việt Nam kể từ tháng 3 năm 1945.

Một ủy ban hỗn hợp sẽ được đề cử để ấn định cách thức hoàn trái đó.

Vốn của người Pháp được đầu tư tự do ở Việt Nam, theo những hạn chế sau này:

a) Chính phủ Việt Nam, nếu xét thấy cần thiết, sẽ dự vào các vụ đầu tư đó được sắp xếp vào mục quyền lợi quốc gia.

b) Mở những xí nghiệp, trong mục gọi là về quốc phòng, và phụ thuộc vào sự chấp thuận của chính phủ Việt Nam.

c) Chính phủ Việt Nam có quyền trưng mua lại các xí nghiệp, không hoạt động nữa.

Một ủy ban hỗn hợp Pháp Việt sẽ ấn định rõ rệt địa bàn của các lãnh vực ấy cũng như khả năng hoạt động của các xí nghiệp được đặt tại đó.

Những hạn chế nói trên không áp dụng cho vốn đầu tư xí nghiệp hiện tại trên lãnh thổ Việt Nam, cũng không áp dụng cho sự phát triển dự trù của hoạt động của họ.

Chính phủ Việt Nam được toàn quyền sử dụng nền tài chính của mình. Chính phủ ấy sẽ lập và quản lý ngân sách của mình. Chính phủ Việt Nam sẽ được thừa hưởng tất cả mọi ngân khoản về thuế khóa trên lãnh thổ Việt Nam, ngoại trừ những khoản thu, liên hệ đến công ích chung giữa các nước liên kết, thì phải được Chính phủ Pháp và chính phủ các nước liên kết, chấp thuận.

Chính phủ Việt Nam có thể tăng thuế hay đặt ra các sắc thuế mới. Nếu sự gia tăng này có dính dấp gì đến các nước liên kết, thì sẽ có những sự thảo luận chung giữa các quốc gia liên kết, hầu có sự tương đồng về thuế khóa ở Việt

Nam và các nước Đông Dương, để mọi hoạt động kinh tế khỏi bị chênh lệch.

Nước Việt Nam sẽ có sự tương đồng về tiền tệ với ba nước Đông Dương. Tiền đang thông dụng ở ba nước ấy hiện nay là đồng bạc, do cơ quan Đông Dương phát hành.

Cơ quan phát hành có thể đặt ra các dấu hiệu riêng biệt cho Việt Nam, Cam Bốt và Ai Lao.

Đồng bạc Đông Dương nằm trong khuôn khổ ảnh hưởng của đồng quan Pháp. Sự tương đương giữa đồng bạc Đông Dương và đồng quan Pháp không phải là nhứt định, mà có thể thay đổi, theo hoàn cảnh kinh tế. Tuy nhiên sự thay đổi này chỉ được ấn định, do các nước liên kết Đông Dương thảo luận.

Vấn đề thay đổi sẽ do cơ quan hối đoái Đông Dương thực hiện.

Nước Việt Nam có chung nền thương chính với các nước Đông Dương liên kết khác. Giữa họ với nhau, không có một hàng rào quan thuế nào. Ở biên giới ba nước ấy, không phải chịu thuế thương chính, cũng như vấn đề xuất nhập trên toàn lãnh thổ của Liên hiệp Pháp.

Hoàng thượng nhận thấy trên địa hạt kinh tế và tài chánh, nước Việt Nam được hưởng cùng nguồn lợi như các quốc vương Cam Bốt và Ai Lao, cũng như với Liên hiệp Pháp, các nguồn lợi này sẽ được phân phối công bình và nhịp nhàng thì sự mở hàng cơ quan hỗn hợp để điều hành là cần thiết.

Do thế sẽ được mở ra ở Sài Gòn, do sự triệu tập của các viên Cao ủy Pháp ở Đông Dương, một hội nghị, để mời các đại diện của Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc, đại diện của Chính phủ Việt Nam, đại diện của Vương quốc Cam Bốt và Ai Lao, để ấn định về thành phần, và quyền hạn của các

cơ quan hỗn hợp này. Tại Hội nghị Đông Dương này, sẽ bàn đến:

- Vấn đề viễn thông,
- Kiểm soát di trú,
- Ngoại thương và thương chính,
- Ngân khố,
- Đồ trang bị.

Cũng phải nói rõ, về vấn đề này, Hội nghị Đông Dương cần chú trọng nhứt về đồ trang bị hiện đang được nghiên cứu.

Hội nghị này, khi mở mang, phải đặt ra cách thức và cho kết quả dự trù.

Hội đồng tối cao Liên hiệp Pháp có thể cho ý kiến hay điều giải, nếu cần.

Các văn kiện sẽ được trao đổi tại Sài Gòn, giữa Hoàng thượng và ông Cao ủy Pháp ở Đông Dương, và hiệp ước sẽ bắt đầu có hiệu lực kể từ lúc ấy.

Lời tuyên bố chung ngày 5 tháng 6 năm 1948 và các bản chính thức của Việt Nam sẽ kết hợp vào điều 61 của bản Hiến pháp của Cộng hòa Pháp quốc. Chính phủ Cộng hòa Pháp quốc, và cá nhân tôi sẵn sàng chấp nhận sự thực thi của Hoàng thượng và của vị đại diện nước Pháp, trong tín cẩn hoàn toàn, trong thiện chí, các điều khoản nói trên sẽ tạo điều kiện vãn hồi hòa bình ở Việt Nam, liên kết trong bình đẳng, và thân ái với nước Pháp.

Xin Hoàng thượng, nhận nơi đây, lòng tôn kính của tôi.

Tổng thống Cộng hòa Pháp quốc
Chủ tịch Liên hiệp Pháp: Vincent Auriol

Được ủy nhiệm bởi Tổng thống Cộng hòa Pháp quốc
Chủ tịch Liên hiệp Pháp
Thủ tướng Hội đồng Bộ trưởng: H. Queuille.

ANNEXE I

TRAITE DE PROTECTORAT
6 juin 1884

Le Gouvernement de la République française et celui de Sa Majesté le Roi d'Annam voulant empêcher à jamais le renouvellement des difficultés qui se sont produites récemment, et désireux de resserrer leurs relations d'amitié et de bon voisinage, ont résolu de conclure une Convention à cet effet, et ont nommé pour leurs plénipotentiaires, savoir :

Le président de la République française, M. Jules Patenôtre, envoyé extraordinaire et ministre plénipotentiaire de la République française à Pékin, officier de la Légion d'honneur, Grand-Croix de l'Etoile Polaire, etc., etc., etc.,

et Sa Majesté le Roi d'Annam,

Nguyen Van Tuong, Ier Régent, ministre de l'Intérieur,

Pham Than Duat, ministre des Finances,

et Ton That Phan, chargé des relations extérieures, ministre des Travaux publics par intérim.

Lesquels, après s'être communiqué leurs pleins pouvoirs respectifs, trouvés en bonne et due forme, sont convenus des articles suivants :

Article I

L'Annam reconnaît et accepte le Protectorat de la France.

La France représentera l'Annam dans toutes ses relations extérieures.

Les Annamites à l'étranger seront placés sous la protection de la France.

Article II

Une force militaire française occupera Thuan-An d'une façon permanente. Tous les forts et ouvrages militaires de la rivière de Hué seront rasés.

Article III

Les fonctionnaires annamites depuis la frontière de la Cochinchine jusqu'à la frontière de la province de Ninh-Binh, continueront à administrer les provinces comprises dans ces limites, sauf en ce qui concerne les douanes, les travaux publics et, en général, les services qui exigent une direction unique ou l'emploi d'ingénieurs ou d'agents européens.

Article IV

Dans les limites ci-dessus indiquées, le Gouvernement annamite déclarera ouverts au commerce de toutes les nations, outre le port de Quin-Nhon, ceux de Tourane et de Xuan-Day. D'autres ports pourront être ultérieurement ouverts après une entente préalable. Le Gouvernement français y entretiendra des agents placés sous les ordres de son Résident à Hué.

Article V

Un Résident Général, Représentant du Gouvernement Français, présidera aux relations extérieures de l'Annam et assurera l'exercice régulier du Protectorat, sans s'immiscer dans l'administration locale des provinces comprises dans les limites fixées par l'article III. Il résidera dans la citadelle de Hué avec une escorte militaire.

Le Résident Général aura droit d'audience privée et personnelle auprès de Sa Majesté le Roi d'Annam.

Article VI

Au Tonkin, des Résidents ou Résidents-Adjoints seront placés par le Gouvernement de la République dans les chefs-lieux où leur présence sera jugée utile. Ils seront sous les ordres du Résident Général.

Ils habiteront dans la citadelle, en tout cas, dans l'enceinte même réservée au mandarin ; il leur sera donné, s'il y a lieu, une escorte française ou indigène.

Article VII

Les Résidents éviteront de s'occuper des détails de l'administration intérieure des provinces. Les fonctionnaires indigènes de tout ordre continueront à gouverner et à administrer sous leur contrôle ; mais ils devront être révoqués sur la demande des Autorités françaises.

Article VIII

Les fonctionnaires et employés français de toute catégorie ne communiqueront avec les Autorités annamites que par l'intermédiaire des Résidents.

Article IX

Une ligne télégraphique sera établie de Saigon à Hanoi et exploitée par des employés français.

Une partie des taxes sera attribuée au Gouvernement annamite qui concédera en retour, le terrain nécessaire aux stations.

Article X

En Annam et au Tonkin les Etrangers de toute nationalité seront placés sous la juridiction française.

L'Autorité française statuera sur les contestations, de quelque nature qu'elles soient, qui s'élèveront entre Annamites et Etrangers, de même qu'entre Etrangers.

Article XI

Dans l'Annam proprement dit, les Quan-bô percevront l'impôt ancien sans le contrôle des fonctionnaires français et pour le compte de la Cour de Hué.

Au Tonkin, les Résidents centraliseront, avec le concours des Quan-bô, le service du même impôt dont ils surveilleront la perception et l'emploi. Une Commission composée de fonctionnaires français et annamites déterminera les sommes qui devront être affectées aux diverses branches de l'administration et aux services publics. Le reliquat sera versé dans les caisses de la Cour de Hué.

Article XII

Dans tout le Royaume, les douanes réorganisées seront entièrement confiées à des administrateurs français. Il n'y aura que des douanes maritimes et de frontières placées partout où le besoin s'en fera sentir. Aucune réclamation ne sera admise en matière de douanes au sujet des mesures prises jusqu'à ce jour, par les autorités militaires.

Les lois et règlements concernant les contributions indirectes, le régime et le tarif des douanes et le régime sanitaire de la Cochinchine seront applicables aux territoires de l'Annam et du Tonkin.

Article XIII

Les citoyens ou protégés français pourront, dans toute l'étendue du Tonkin et dans les ports ouverts de l'Annam, circuler librement, faire le commerce, acquérir des biens meubles et immeubles et en disposer. S. M. le Roi d'Annam confirme expressément les garanties stipulées par le traité du 15 mars 1874 en faveur des missionnaires et des chrétiens.

Article XIV

Les personnes qui voudront voyager dans l'intérieur de l'Annam ne pourront en obtenir l'autorisation que par l'intermédiaire du Résident Général à Hué ou du Gouverneur de la Cochinchine.

Ces autorités leur délivreront des passeports qui seront présentés au visa du Gouvernement Annamite.

Article XV

La France s'engage à garantir désormais l'intégrité des Etats de Sa Majesté le Roi d'Annam, à défendre ce souverain contre les agressions du dehors et contre les rébellions du dedans.

A cet effet, l'autorité française pourra faire occuper militairement sur le territoire de l'Annam et du Tonkin, les points qu'elle jugera nécessaires pour assurer l'exercice du Protectorat.

Article XVI

S. M. le Roi d'Annam continuera, comme par le passé, à diriger l'administration intérieure de ses Etats, sauf les restrictions qui résultent de la présente Convention.

Article XVII

Les dettes actuelles de l'Annam vis-à-vis de la France seront acquittées au moyen de paiements dont le mode sera ultérieurement déterminé. S. M. le Roi d'Annam s'interdit de contracter aucun emprunt à l'étranger sans l'autorisation du Gouvernement Français.

ARTICLE XVIII

Des conférences ultérieures régleront les limites de port ouverts et des concessions françaises dans chacun de ces ports, l'établissement des phares sur les côtes de l'Annam et du Tonkin, le régime et l'exploitation des mines, le régime monétaire, la quotité à attribuer au Gouvernement Annamite sur le produit des douanes, des régies, des taxes télégraphiques et autres revenus non visés dans l'article XI du présent Traité.

La présente Convention sera soumise à l'approbation du Gouvernement de la République Française et de S. M. le Roi d'Annam et les ratifications en seront échangées aussitôt que possible.

ARTICLE XIX

Le présent Traité remplacera les conventions des 15 mars, 31 août et 23 novembre 1874.

En cas de contestation le texte français fera seul foi.

En foi de quoi, les plénipotentiaires respectifs ont signé le présent Traité et y ont apposé leur cachet.

Fait à Hué, en double expédition le 6 juin 1884.

Patenôtre

S. M. le Roi d'Annam

1884

LÉGATION DE FRANCE HUÉ

Patenôtre

大南全權大臣范慎適記

大南副全權大臣尊室潘記

大南輔政大臣阮文祥頡商記

ANNEXE II

CONVENTION PRELIMINAIRE FRANCO-VIETNAMIENNE DU 6 MARS 1946

Entre les hautes parties contractantes ci-après désignées : le Gouvernement de la République française, représenté par M. Sainteny, délégué du Haut-Commissaire de France régulièrement mandaté par l'amiral d'Argenlieu, haut-commissaire de France, dépositaire des pouvoirs de la République française, d'une part, et le Gouvernement du Vietnam représenté par son président, M. Hô Chi Minh, et le délégué spécial du Conseil des Ministres, M. Vu Hong Khanh, d'autre part, il est convenu ce qui suit :

1°) Le Gouvernement français reconnaît la République du Vietnam comme un Etat libre ayant son gouvernement, son parlement, son armée et ses finances, faisant partie de la Fédération Indochinoise et de l'Union Française.

En ce qui concerne la réunion des trois *Ky*, le gouvernement français s'engage à entériner les décisions prises par la population consultée par référendum.

2°) Le Gouvernement du Vietnam se déclare prêt à accueillir amicalement l'armée française lorsque, conformément aux accords internationaux, elle relèvera les troupes chinoises.

Un accord annexe, joint à la présente convention préliminaire fixera les modalités selon lesquelles s'effectueront les opérations de relève.

3°) Les stipulations ci-dessus formulées entreront immédiatement en vigueur. Aussitôt après l'échange des signatures, chacune des hautes parties contractantes prendra toutes mesures nécessaires pour faire cesser sur-le-champ les hostilités, maintenir les troupes sur leurs positions respectives et créer le climat favorable nécessaire à l'ouverture immédiate de négociations amicales et franches.

Ces négociations porteront notamment sur les relations diplomatiques du Vietnam avec les Etats étrangers, le statut futur de l'Indochine, les intérêts économiques et culturels français au Vietnam.

Hanoi, Saigon ou Paris pourront être choisis comme siège de la conférence.

ACCORD ANNEXE A LA CONVENTION PRELIMINAIRE INTERVENUE ENTRE LE GOUVERNEMENT DE LA REPUBLIQUE FRANÇAISE ET LE GOUVERNEMENT DU VIETNAM

Entre les hautes parties contractantes désignées à la Convention préliminaire, il est convenu ce qui suit :

1°) Les forces de relève se composeront :

a) de 10 000 Vietnamiens avec leurs cadres vietnamiens relevant des autorités militaires du Vietnam ;

b) de 15 000 Français y compris les forces françaises résidant actuellement dans le territoire du Vietnam, au nord du 16e parallèle. Lesdits éléments devront être composés uniquement de Français d'origine métropolitaine à l'exception des troupes chargées de la garde des prisonniers japonais.

L'ensemble de ces forces sera placé sous le commandement supérieur français, assisté de délégués vietnamiens. La progression, l'implantation et l'utilisation de ces forces seront définies au cours d'une conférence d'état-major entre les représentants des commandants français et vietnamiens, laquelle se tiendra dès le débarquement des unités françaises.

Des commissions mixtes seront créées, à tous les échelons, pour assurer dans un esprit d'amicale collaboration la liaison entre les troupes françaises et les troupes vietnamiennes.

2°) Les éléments français des forces de relève seront répartis en trois catégories :

a) les unités chargées d'assurer la garde des prisonniers de guerre japonais. Ces unités seront rapatriées dès que leur mission sera devenue sans objet par suite de l'évacuation des prisonniers japonais, en tout cas dans le délai maximum de dix mois.

b) les unités chargées d'assurer, en collaboration avec l'armée vietnamienne, le maintien de l'ordre public et la sécurité du territoire vietnamien. Ces unités seront relevées chaque année par cinquième par l'armée vietnamienne, cette relève étant donc effectivement réalisée dans un délai de cinq ans.

c) les unités chargées de la défense des bases vietnamiennes tiendront garnison ; des zones de cantonnement, nettement délimitées, leurs seront assignées.

3°) le gouvernement français s'engage à ne pas utiliser les prisonniers japonais à des fins militaires.

Fait à Hanoi, le 6 mars 1946.

Signé : Sainteny, Salan, Vo Nguyen Giap.

ANNEXE III

DECLARATION COMMUNE
FAITE LE 5 JUIN 1948 EN BAIE D'ALONG

par M. Emile Bollaert, Haut-Commissaire de France pour l'Indochine et M. le général Nguyen Van Xuan, Président du Gouvernement Central Provisoire du Vietnam, en présence de S. M. Bao-Daï.

En présence de S. M. Bao-Daï,

M. Emile Bollaert, Haut-Commissaire de France pour l'Indochine, agissant au nom de la République française,

et

M. Nguyen Van Xuan, Président du Gouvernement Provisoire du Vietnam, assisté de MM. Nghiem Xuan Thien et Dang Huu Chi, Phan Van Giao, Nguyen Khoa Toan et Dinh Xuan Quang, Tran Van Huu et Le Van Hoach,

représentant respectivement le Nord-Vietnam, le Centre-Vietnam et le Sud-Vietnam.

Ont fait la déclaration suivante :

1) La France reconnaît solennellement l'indépendance du Vietnam auquel il appartient de réaliser librement son unité. De son côté le Vietnam proclame son adhésion à l'Union française en qualité d'Etat associé à la France. L'indépendance du Vietnam n'a d'autres limites que celles que lui impose son appartenance à l'Union française.

2) Le Vietnam s'engage à respecter les droits et les intérêts des nationaux français, à assurer inconditionnellement le respect des principes démocratiques et à faire appel par priorité, aux conseillers et techniciens français pour les besoins de son organisation intérieure et de son économie.

3) Dès la constitution d'un gouvernement provisoire, les représentants du Vietnam passeront avec les représentants de la République française, les divers arrangements particuliers convenables, d'ordre culturel, diplomatique, militaire, économique, financier et technique.

Fait en double original, en baie d'Along, le cinq juin mil neuf cent quarante-huit.

Emile Bollaert
Bao-Daï

Nguyen Van Xuan
Nghiem Xuan Thien, Dang Huu Chi
Phan Van Giao, Nguyen Khoa Toan, Dinh Xuan Quang
Tran Van Huu, Le Van Hoach.

ANNEXE IV

.... *Paris, le 8 mars 1949*

LE PRÉSIDENT
DE LA
RÉPUBLIQUE

LE PRESIDENT DE LA REPUBLIQUE FRANÇAISE
PRESIDENT DE L'UNION FRANÇAISE
A
SA MAJESTE BAO-DAI

Sire,

Vous avez bien voulu exprimer le désir de voir confirmer et préciser, en ce qui concerne l'unité et l'indépendance du Vietnam, les principes posés par la déclaration commune faite le 5 juin 1948 en baie d'Along par M. Emile Bollaert, Haut-Commissaire de France en Indochine et le Général Nguyen Van Xuan, Président du Gouvernement Central Provisoire du Vietnam, en présence de Votre Majesté.

Ce désir rencontre celui du gouvernement français qui, après en avoir délibéré en Conseil des ministres, m'a prié, en ma qualité de président de l'Union française, de procéder, par échange de lettres avec Votre Majesté, à la conclusion d'un accord en vue de préciser, pour application, les principes de la déclaration du 5 juin.

Il appartiendra au gouvernement de Votre Majesté, d'une part, de conclure avec le Haut-Commissaire de France en Indochine les conventions particu-

lières ou provisoires qui régiront, compte tenu des règles posées par le présent échange de lettres et de l'état de fait existant; jusqu'au rétablissement de l'ordre et de la paix, les rapports de l'Union française et du Vietnam ; d'autre part, de préparer, avec le représentant de la France, et en liaison avec les gouvernements royaux du Laos et du Cambodge, les règlements nécessaires tels qu'ils découlent des présentes.

Sur ces bases et dans ces conditions, je confirme au nom du gouvernement de la République française mon accord aux dispositions énoncées ci-dessous.

I. UNITÉ DU VIETNAM. — Nonobstant les traités antérieurs dont elle pourrait se prévaloir, la France réaffirme solennellement sa décision de n'opposer aucun obstacle de droit ou de fait à l'entrée de la Cochinchine dans le sein du Vietnam, défini comme constitué par la réunion des territoires du Tonkin (Nord-Vietnam), de l'Annam (Centre-Vietnam) et de la Cochinchine (Sud-Vietnam).

Mais le rattachement de la Cochinchine au reste du Vietnam ne pourra être considéré comme légalement acquis qu'après libre consultation des populations intéressées ou de leurs représentants.

L'ensemble des dispositions du présent accord ne sera valable qu'en cas de rattachement effectif et légal de la Cochinchine au reste du Vietnam.

A cet effet, le gouvernement de la République française s'engage à mettre en œuvre les procédures prévues par la Constitution.

Dès achèvement de la procédure prévue ci-dessus, le gouvernement français reconnaîtra définitivement l'Union du Vietnam, tel qu'il vient d'être défini.

Le gouvernement français renonce à se prévaloir du statut particulier conféré par ordonnances royales aux trois villes de Hanoi, Haiphong et Tourane.

L'administration des populations non vietnamiennes dont l'habitat historique est situé sur le territoire du Vietnam tel qu'il vient d'être défini et qui ont toujours relevé traditionnellement de la couronne d'Annam, fera l'objet de statuts particuliers, consentis aux représentants de ces populations par S. M. l'Empereur. Ces statuts seront déterminés en accord avec le gouvernement de la République française qui a, sur ce point, des obligations particulières vis-à-vis de ces populations. Ils devront garantir, à la fois, les droits éminents du Vietnam et la libre évolution de ces populations dans le respect de leurs traditions et de leurs coutumes.

II. QUESTION DIPLOMATIQUE. — La politique extérieure de l'Union française dans le cadre de laquelle le Vietnam exerce ses droits par ses délégués au haut conseil et par sa diplomatie ci-dessous définie, sera examinée et coordonnée sous la direction et la responsabilité du gouvernement de la République française, en haut conseil de l'Union où le gouvernement du Vietnam sera représenté par des délégués librement choisis par lui.

Pour l'exécution des directives générales ci-dessus, en matière de politique extérieure, S. M. l'Empereur du Vietnam associera l'activité de sa diplomatie à celle de l'Union française.

Les chefs des missions diplomatiques étrangères au Vietnam seront accrédités auprès du président de l'Union française et de S. M. l'Empereur du Vietnam.

Les pays auprès desquels le Vietnam sera représenté par une mission diplomatique seront déterminés après accord avec le gouvernement français.

L'unité de la politique internationale de l'Union française dans ces Etats sera assurée à la fois, par les directives générales arrêtées, le haut conseil de l'Union française entendu, et transmises par le gouvernement de la République

au gouvernement du Vietnam, ainsi que par les contacts directs que les diplomates français et vietnamiens assureront entre eux. Dans les autres Etats, le Vietnam sera représenté par les missions diplomatiques du gouvernement de la République française qui pourront comprendre dans leur sein des représentants du Vietnam.

Le Vietnam est habilité à négocier et à signer des accords relatifs à ses intérêts particuliers, à la condition expresse qu'avant toute négociation, il soumette ses projets au gouvernement de la République pour examen en haut conseil et que ces négociations soient menées en liaison avec les missions diplomatiques de la République. L'avis favorable du haut conseil sera nécessaire pour que les accords ainsi conclus deviennent définitifs.

Le gouvernement de la République française est disposé sur la demande du gouvernement du Vietnam à s'entremettre pour l'ouverture des consulats vietnamiens dans les pays étrangers où le Vietnam estimera avoir des intérêts particuliers. Les consuls vietnamiens exerceront leur activité dans les Etats où le Vietnam estimera avoir des intérêts particuliers. Les consuls vietnamiens exerceront leur activité : dans les Etats où le Vietnam a une mission diplomatique, sous la direction et le contrôle du chef de cette mission, en liaison avec le chef de poste diplomatique du gouvernement de la République française ; dans les autres Etats, sous la direction et le contrôle du chef de poste diplomatique du gouvernement de la République française.

Le gouvernement de la République française s'engage à présenter et à soutenir la candidature du Vietnam lorsqu'il remplira les conditions générales prévues par la Charte des Nations unies pour l'admission au sein de cet organisme.

III. QUESTIONS MILITAIRES. — Le Vietnam a son armée nationale chargée du maintien de l'ordre, de la sécurité interne et de la défense de l'Empire. Dans ce dernier cas, elle est éventuellement appuyée par les forces de l'Union française. L'armée vietnamienne participe également à la défense des frontières de l'Union française contre tous les ennemis extérieurs.

Les effectifs de l'armée nationale vietnamienne et ceux de l'armée de l'Union française stationnant au Vietnam seront fixés par un accord particulier, de telle manière que l'ensemble des moyens disponibles puisse assurer efficacement, en temps de guerre, la défense du territoire du Vietnam et de l'Union française.

L'armée vietnamienne est composée de nationaux vietnamiens encadrés par des officiers vietnamiens ; des instructeurs et des conseillers techniques français seront mis à la disposition du Vietnam.

Les cadres vietnamiens seront formés dans les écoles militaires vietnamiennes et, éventuellement, dans les écoles françaises où ils seront admis sans aucune discrimination. Pour faciliter la coopération en temps de guerre, la composition interne de l'armée vietnamienne sera aussi proche que possible de celle de l'armée de l'Union française.

L'armée vietnamienne sera à la charge des budgets du gouvernement du Vietnam. Les commandes de matériel seront faites par le gouvernement du Vietnam au gouvernement français.

En vue de contribuer efficacement à la défense de l'Union française, l'armée de l'Union française stationne sur le territoire du Vietnam en des bases et garnisons dont la nomenclature, les limites, et le statut feront l'objet d'une convention particulière. En tout état de cause, ce statut sera tel qu'il permette à ces forces de remplir pleinement leur mission tout en respectant le principe de la souveraineté nationale vietnamienne. Elles pourront circuler librement entre les bases et garnisons qui leur sont assignées suivant les modalités qui seront précisées dans la convention militaire précitée. Selon

le principe de coopération totale au sein de l'Union française, elles comprendront des éléments vietnamiens dont les règles de recrutement seront également déterminées par ladite convention.

Pour assurer une action commune immédiatement efficace en temps de guerre, un comité militaire permanent, composé d'officiers d'état-major des deux armées, sera constitué dès le temps de paix pour préparer un plan de défense commune et de coopération militaire entre l'armée nationale et l'armée de l'Union française; il pourra éventuellement servir, dans le temps de paix, d'organe de liaison permanent entre ces deux armées. Les modalités de composition et de fonctionnement en temps de paix de ce comité militaire figureront à la convention spéciale annexée au traité franco-vietnamien.

En temps de guerre, la totalité des moyens de défense constitués notamment par l'armée vietnamienne et l'armée de l'Union française sera mise en commun, et le comité militaire constituera le noyau d'un état-major mixte dont la direction et le commandement seront assurés par un officier général français chargé du théâtre d'opérations intéressant principalement le Vietnam et dont l'un des chefs d'état-major sera vietnamien.

IV. SOUVERAINETÉ INTERNE. — Le gouvernement du Vietnam exercera dans leur plénitude les attributions et prérogatives qui découlent de sa souveraineté interne. Il passera avec le haut-commissaire de France en Indochine les conventions particulières ou provisoires, qui, compte tenu des circonstances, détermineront les modalités de transfert au Vietnam des compétences précédemment exercées par l'autorité française.

Le gouvernement du Vietnam fera appel, par priorité, aux ressortissants de l'Union française, chaque fois qu'il aura besoin de conseillers, de techniciens ou d'experts dans les services, établissements publics ou dans les entreprises à caractère intéressant la défense de l'Union française.

La priorité accordée aux ressortissants de l'Union française ne cessera de jouer qu'au cas d'impossibilité du gouvernement français de fournir le personnel demandé. Les modalités d'application de cette disposition seront précisées par un texte ultérieur.

Aucun citoyen français, aucun ressortissant de l'Union française ne pourra faire partie d'une administration vietnamienne sans avoir obtenu au préalable l'autorisation ou l'agrément du représentant de l'Union française et réciproquement aucun Vietnamien ne pourra appartenir à une administration française ou de l'Union française sans avoir obtenu au préalable l'autorisation ou l'agrément de son gouvernement.

V. QUESTIONS JUDICIAIRES. — Le Vietnam reçoit pleine et entière juridiction pour toutes les instances civiles, commerciales et pénales sur tout le territoire du royaume.

Toutefois, les instances civiles et commerciales opposant entre eux ou à des Vietnamiens des ressortissants de l'Union française autres que Vietnamiens ou des ressortissants des Etats avec lesquels la France a conclu des conventions impliquant un privilège juridictionnel et les poursuites pénales exercées à raison des infractions dans lesquelles seront impliquées ou lésées les mêmes catégories de personnes ou qui auront été commises au préjudice de l'Etat français seront soumises à des juridictions mixtes dont la composition et le fonctionnement feront l'objet d'une convention judiciaire annexée au traité franco-vietnamien.

Cette convention respectera cependant les principes ci-après :

1°) Les jugements rendus comporteront la formule exécutoire suivante : « Au nom de l'Union française et de la Nation vietnamienne, S. M. l'Empereur du Vietnam mande et ordonne ».

Leur exécution en dehors du territoire du Vietnam fera l'objet d'accords ultérieurs prévoyant une procédure simplifiée d'exequatur.

2°) La loi applicable sera la loi française toutes les fois qu'un Français sera en cause.

3°) La loi applicable sera la loi vietnamienne toutes les fois qu'un Français n'étant pas en cause, il apparaîtra que cette loi est applicable à la solution du conflit.

A défaut la loi française sera applicable.

Enfin, il est précisé que conformément aux règles du droit international privé, les matières relevant du statut personnel demeureront régies par la loi nationale des parties.

Le contentieux administratif sera réglé suivant les mêmes principes et sur une base de réciprocité totale.

La convention judiciaire particulière réglera également toutes autres questions relatives au présent chapitre.

VI. QUESTIONS CULTURELLES. — Dans les cycles primaires et secondaires, la France peut ouvrir librement au Vietnam des établissements d'enseignement publics et privés sous la seule réserve de l'observation des lois et règlements territoriaux en cette matière.

Ces lois et règlements ne devront faire aucune discrimination, directe ou indirecte, entre Français et Vietnamiens.

Les qualifications professionnelles et morales requises pour enseigner dans ces établissements sont les mêmes que celles en vigueur en France.

Toutes ces dispositions s'appliquent également à l'Enseignement technique et professionnel.

Les établissements français appliquent les programmes en vigueur en France; un cours d'histoire et de civilisations vietnamiennes y sera cependant obligatoirement professé.

Les élèves vietnamiens ont libre accès aux établissements français installés au Vietnam. Ces établissements ouvriront un cours de langue vietnamienne obligatoire pour les élèves vietnamiens.

Une place privilégiée, intermédiaire entre la langue nationale et les langues étrangères, sera réservée à la langue française, langue diplomatique au Vietnam, dans les établissements vietnamiens.

Le Vietnam accepte que la langue française ait dans son enseignement secondaire une place suffisante pour permettre éventuellement de suivre les cours supérieurs en cette langue à la fin de ce cycle : il s'efforcera d'en assurer l'enseignement dans le plus grand nombre possible d'écoles primaires.

Un système d'équivalence entre les diplômes vietnamiens et les diplômes officiels français sera établi par l'accord conclu à cet effet, dès que les programmes français et vietnamiens auront pu être confrontés.

Le Vietnam a le droit de pourvoir librement à son enseignement supérieur; de même il reconnaît à la France le droit de continuer, au Vietnam, son enseignement supérieur au titre de l'Union française.

Toutefois, en raison des difficultés pratiques actuelles et notamment pour permettre la formation d'un personnel vietnamien adéquat, une Université commune est créée, dans le respect des lois et règlements territoriaux. Le statut de cette université fera l'objet d'un accord spécial entre la France et le Vietnam. Les autres Etats associés d'Indochine pourront, s'ils le désirent, participer à cet organisme et engager à cette fin les négociations nécessaires avec la France et le Vietnam.

Le statut de cette université devra respecter les principes ci-après :

L'Université commune devra constituer un organisme répondant aussi complètement que possible aux principes d'autonomie de l'enseignement supérieur appliqués dans la plupart des grands Etats modernes.

Elle sera dirigée par un recteur, nommé par décision conjointe des gouvernements intéressés et de la France, après présentation de trois candidats par le comité consultatif de l'Université. Le recteur sera assisté de doyens, pour la direction de chaque établissement supérieur, et, pour la direction de l'Université, d'un conseil d'Université comprenant, sous la présidence du recteur, les doyens, les représentants des professeurs, les représentants des étudiants et les personnalités s'intéressant aux questions d'éducation, ainsi que les directeurs des grands établissements scientifiques et un représentant de chacun des gouvernements intéressés.

L'enseignement se fera dans la langue choisie par les fondateurs pour les fondations et instituts spéciaux.

Dans l'enseignement classique :

a) toutes les disciplines seront enseignées en français,

b) l'enseignement vietnamien se fera suivant des modalités à déterminer par le conseil de l'Université.

Les diplômes délivrés par l'Université commune seront considérés comme officiels par les deux Etats ; toutefois, les diplômes délivrés dans un éventuel cycle purement vietnamien ne donneront pas automatiquement accès aux postes d'enseignement français et aux emplois, donnés sur titre, de l'Union française.

En vue de faciliter au maximum l'expansion de l'enseignement supérieur, les droits universitaires seront maintenus aussi bas que possible et devront recevoir l'accord des gouvernements intéressés.

L'Université commune réservera le nombre de places nécessaire aux boursiers des gouvernements intéressés.

Le sort des établissements scientifiques existant actuellement au Vietnam sera réglé par des conventions particulières à passer soit entre l'Etat français et l'Etat vietnamien, soit entre l'Etat vietnamien et la direction de l'établissement intéressé. Néanmoins, les quelques principes ci-après seront obligatoirement respectés.

L'actif de l'ensemble du patrimoine de l'Ecole française d'Extrême-Orient sera la copropriété des trois Etats indochinois et de la France ; il sera frappé d'inaliénabilité. Le conseil d'administration comprendra des représentants des trois Etats indochinois et de la France. Le directeur sera nommé par décision conjointe des quatre gouvernements après présentation de trois candidatures par les sections compétentes de l'Institut de France.

La situation des instituts Pasteur installés sur le territoire du Vietnam sera réglée par contrats passés entre ces organismes et le gouvernement vietnamien.

Les contrats à passer respecteront cependant les principes ci-après :

Les établissements existants sont la copropriété des trois Etats indochinois et de la France pour les immeubles et terrains attenants de Saigon, Dalat, Nhatrang.

Le Vietnam est propriétaire des immeubles et terrains attenants de l'institut Pasteur de Hanoi ; il s'engage, cependant, à passer, pour Hanoi, un contrat identique à celui adopté pour les autres établissements.

L'institut Pasteur garde la propriété des exploitations et terrains qu'il a reçus par dons ou legs.

L'institut Pasteur est propriétaire du matériel scientifique.

L'application du contrat actuel se poursuivra jusqu'à expiration normale, fin décembre 1949.

Archives :

Chaque gouvernement conserve la propriété de ses archives. La conservation et la gestion de ces archives se feront suivant des modalités à déterminer.

Les questions des bibliothèques, de l'Office du riz, du Service météorologique, de l'Institut océanographique et des Musées feront l'objet d'accords particuliers.

VII. QUESTIONS ÉCONOMIQUES ET FINANCIÈRES. — Les ressortissants vietnamiens en France et dans les autres parties de l'Union française, les ressortissants français et les ressortissants de l'Union française au Vietnam jouiront de la même liberté d'établissement que les nationaux dans le cadre des lois et règlements territoriaux. Ils jouiront des libertés de circulation, de commerce et plus généralement de toutes les libertés démocratiques dans ce domaine.

Les biens et entreprises appartenant à des ressortissants de l'Union française sur le territoire du Vietnam bénéficient du même régime que celui réservé aux biens et entreprises des ressortissants vietnamiens, notamment en ce qui concerne la fiscalité et la législation du travail. Cette égalité de statut sera reconnue à titre de réciprocité aux biens et entreprises des ressortissants vietnamiens dans les territoires de l'Union française.

Le régime juridique des entreprises et biens appartenant à des ressortissants de l'Union française sur le territoire du Vietnam ne pourra être modifié que d'un commun accord entre le gouvernement de la République française et le gouvernement du Vietnam.

Seront rétablis dans leurs droits et dans leurs biens, dans leur état actuel, les ressortissants de l'Union française qui en ont été privés par suite des circonstances de fait ayant intéressé le Vietnam depuis le mois de mars 1945. Un comité mixte sera désigné pour fixer les modalités de cette restitution.

Les capitaux français pourront s'investir librement au Vietnam, sous les réserves ci-après :

a) le gouvernement du Vietnam participera, s'il l'estime utile, au capital des entreprises classées dans un secteur dit d'intérêt national,

b) l'ouverture des entreprises classées dans un secteur dit de défense nationale est subordonnée à l'autorisation du gouvernement du Vietnam,

c) le gouvernement du Vietnam pourra exercer un droit de préemption sur l'actif des entreprises qui viendraient à cesser leurs activités.

Une commission mixte franco-vietnamienne définira préalablement l'étendue exacte de ces secteurs ainsi que la portée précise des limitations au principe de libre établissement qui y sont introduites.

Les réserves qui précèdent ne s'appliquent ni aux biens et entreprises actuellement existant au Vietnam ni aux développements devant résulter de leur activité normale.

Le gouvernement du Vietnam administrera souverainement ses finances. Il établira et gérera son budget. Il disposera de toutes les recettes perçues sur le territoire du Vietnam, à l'exception de celles affectées, d'accord avec le gouvernement français et les gouvernements des autres Etats associés, au financement des institutions communes ou à tout autre emploi à déterminer. Il pourra augmenter les impôts et taxes et en créer de nouveaux. Quand ceux-ci auront une incidence particulière sur les ressortissants de l'Union française, ils feront l'objet d'une consultation préalable de leurs représentants aux fins de maintenir une certaine harmonie fiscale entre le Vietnam et les autres Etats indochinois ainsi que l'exercice normal des activités économiques.

Le Vietnam sera en union monétaire avec les autres Etats indochinois. La seule monnaie ayant cours sur le territoire de cette union monétaire sera la piastre émise par l'Institut d'émission de l'Indochine.

L'Institut d'émission pourra émettre des vignettes différentes pour le Vietnam, le Cambodge et le Laos.

La piastre indochinoise fera partie de la zone franc. La parité entre la piastre et le franc ne sera pas cependant immuable, et pourra varier suivant les circonstances économiques. Toutefois, cette parité ne pourra être modifiée qu'après consultation des Etats associés d'Indochine.

Le mécanisme des changes sera réglé par l'Office indochinois des changes.

Le Vietnam formera une union douanière avec les autres Etats indochinois. Il n'existera entre eux aucune barrière douanière. Aucune taxe ne sera perçue à leurs frontières communes, les mêmes tarifs seront appliqués à l'entrée et à la sortie du territoire de cette Union.

S. M. l'Empereur du Vietnam, considérant que, dans le domaine économique et financier, il a des intérêts communs avec les souverains du Cambodge et du Laos, d'une part, avec l'Union française, d'autre part, et qu'il serait avantageux pour la Nation vietnamienne que ces intérêts soient harmonisés dans un but de prospérité générale, reconnaît l'opportunité de la création d'organismes mixtes qui assureront l'étude, l'harmonisation et la mise en œuvre desdits intérêts.

A cet effet, une conférence réunie en Cochinchine à la diligence du haut-commissaire, où seront représentés à côté du gouvernement de la République française et du gouvernement de Sa Majesté, les souverains du Cambodge et du Laos, déterminera la composition et l'étendue des pouvoirs de ces organismes mixtes. Il a paru bon de réserver, dans ce but, à la compétence de la Conférence les points suivants :

1) le service des transmissions,
2) le contrôle de l'immigration,
3) le commerce extérieur et les douanes,
4) le Trésor,
5) le plan d'équipement.

Il est à préciser à ce propos, que la Conférence indochinoise, ci-dessus définie, sera appelée à donner son avis sur le plan d'équipement actuellement à l'étude.

Cette conférence établira elle-même, à l'ouverture de ses travaux, son règlement et sa procédure.

Le haut conseil de l'Union française pourra éventuellement être saisi pour avis et conciliation, s'il y a lieu.

⁂

Les instruments seront échangés à Saigon entre Votre Majesté et le haut-commissaire de France en Indochine et l'accord entrera en vigueur à la date de cet échange.

La déclaration commune du 5 juin 1948 et les présentes, ainsi que les conventions complémentaires qu'elles comportent, seront soumises à l'approbation du Parlement français et des instances vietnamiennes qualifiées pour constituer l'acte prévu à l'article 61 de la Constitution de la République française.

Le gouvernement de la République et moi-même sommes convaincus que la mise en œuvre rapide par Votre Majesté et le représentant de la France, dans un esprit de mutuelle confiance et de bonne volonté réciproque, des

dispositions qui précèdent contribuera efficacement au rétablissement de la paix au Vietnam, librement uni dans l'égalité et l'amitié à la France.

Je prie Votre Majesté de bien vouloir agréer les assurances de ma très haute considération.

Le Président de la République,
Président de l'Union française,
VINCENT AURIOL.

Par le Président de la République,
Président de l'Union française,
le Président du Conseil des ministres,
H. QUEUILLE.

Cảm nghĩ của người ngoại quốc về Hoàng Đế Bảo Đại

Sống trong một tử cấm thành rất cô đơn biệt lập, vị Hoàng đế tương lai này đã trải qua chín năm đầu của cuộc đời mình, bằng một nền học vấn sơ khai, lấy tam cương ngũ thường của Khổng Phu tử, để hun đúc ông trở thành vị Hoàng đế ở Á Đông. Chín năm sau, ông lại được trau dồi bằng giáo lý của phương Tây chúng ta, nghiền ngẫm từ văn chương, chính trị (Đại học đường PO), triết lý, khoa học... từ văn đến võ (Đánh gươm, cưỡi ngựa, lái máy bay, ô tô...), để có thể dung hòa được cả Đông và Tây...

Chưa tới hai mươi tuổi, ông trở về nước mình mà làm Hoàng đế, một thứ con trời, cha mẹ thần dân, để trị vì. Mà thần dân của Đức Vua, là thứ dân ý nhị, tinh anh, khôn ngoan và cần cù chăm chỉ. Họ biết tập hợp lại với nhau chặt chẽ, theo đạo hiếu trung, lấy quân thần, phụ tử làm chính. Đức Vua lấy hiệu là Bảo Đại, có nghĩa là vĩ đại, và huy hoàng... Đức Vua đang cố gắng, để thực hiện cái nghĩa ấy.

Ở vào thế kỷ hai mươi này, cả thế giới đang băn khăn, để hòa hợp giữa Đông và Tây, hầu tìm lấy một kỷ nguyên mới, thì chính Đức Vua Bảo Đại đã cống hiến cho chúng ta bài học đắt giá đó qua cuộc đời lầm than, đau xót của con dân nước ông, mà Đức Vua vẫn thương yêu như một cha hiền, do cái lầm than, cơ cực của họ cũng chính là nỗi sầu tủi của chính cuộc đời lưu đày của mình. Cuộc thảm sầu này, có thể là cuộc thảm sầu chung, mà chúng ta cần phải biết...

Sau hai mươi lăm năm im lặng và suy gẫm, nay chính là lúc Đức Vua buộc phải nói lên cho cả nhân loại cùng biết...

BAN CHẤP HÀNH LƯỠNG VIỆN LẬP PHÁP CALIFORNIA

Do Đề nghị của tám vị Nghị viên (Ghi rõ từng tên một)

Xét rằng Hoàng đế Bảo Đại Cựu Quốc vương Việt Nam sẽ thăm viếng Sacramento (thủ phủ của tiểu bang California) từ ngày thứ tư 10 tháng 2 đến ngày thứ sáu 12 tháng 2 năm 1982, và do đó các vị Nghị viên muốn tỏ lòng hoan nghênh nồng nhiệt nhứt đối với ông.

Xét rằng, là vì Vua cuối cùng đã trị vì một nước Việt Nam thống nhứt, Hoàng đế Bảo Đại hiện được tôn kính bởi một số người Việt Nam ngày càng đông đảo ở đây và được coi như vị lãnh tụ của họ.

Xét rằng, trong thời gian trị vì, ông đã tạo dựng nền độc lập của một nước Việt Nam thống nhứt, bằng cách đem ba xứ Nam kỳ, Trung kỳ, và Bắc kỳ hợp lại thành một quốc gia thống nhứt.

Xét rằng, ông đã có công phát triển nền ngoại giao với các ngoại cường, về công cuộc canh tân hiện đại hóa, công nông nghiệp.

Xét rằng, tóm lại ông đã có những cố gắng vượt mức để bình định bằng cách tập hợp mọi thành phần quốc gia...

Nay Liên ủy ban Chấp hành của Thượng viện và Hạ viện quyết định: Hãy hân hoan chào mừng Hoàng đế Bảo Đại của Việt Nam đến California và ngỏ lời chúc tốt đẹp nhứt cho sự thành công cho mọi công việc cho tương lai của ông, và quyết nghị một bản sao thích đáng của Quyết nghị này phải đạt tới Hoàng đế Bảo Đại của Việt Nam. Bản quyết nghị số 78 này được Liên ủy ban Chấp hành Lưỡng viện Lập pháp California chấp thuận.

Ủy ban Chấp hành Thượng viện:
Ký tên, Chủ tịch David Roberti,
Chủ tịch Thượng viện, Mike Curtb, Phó Thống đốc,
Ủy ban Chấp hành Hạ viện, Chủ tịch Louis J. Papan,
Chủ tịch Hạ viện: While L. Brown Jr.